

Với sự phối hợp thực hiện của
TRUNG TÂM THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG VÌ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN và CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Huyền thoại THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

(81 ngày đêm mùa hè đỏ lửa - 1972)



Cuốn sách này được xuất bản trong Chương trình Đền ơn đáp nghĩa
THỜ PHỤNG VÀ LƯU DANH ANH HÙNG LIỆT SỸ VIỆT NAM
do TẠP CHÍ TRÍ THỨC VÀ PHÁT TRIỂN thực hiện

Tap chí
Trí thức & Phát triển
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT THỦ ĐÔ

THỰC HIỆN VÀ GIỚI THIỆU
DỰ ÁN VĂN HÓA UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN
TRỊ ÂN CÁC ANH HÙNG LIỆT SỸ
ĐÃ HY SINH VÌ ĐỘC LẬP TỰ DO CỦA TỔ QUỐC

Với sự phối hợp thực hiện của
TRUNG TÂM THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG VÌ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN và CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Huyền thoại THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ (81 ngày đêm mùa hè đỏ lửa - 1972)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM - 2013

Chỉ đạo thực hiện nội dung và tổ chức chương trình
THỜ PHỤNG VÀ LƯU DANH ANH HÙNG LIỆT SỸ VIỆT NAM:

Nhà thơ - Nhà báo **ĐOÀN MẠNH PHƯƠNG**
Tổng Biên tập Tạp chí **TRÍ THỨC VÀ PHÁT TRIỂN**
Giám đốc Trung tâm Thông tin Truyền thông
Liên hiệp các Hội Khoa học & Kỹ thuật Hà Nội
Giám đốc Dự án Văn hóa Uống nước nhớ nguồn

Ban biên tập và thực hiện nội dung:

HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM
CHI HỘI NHÀ BÁO TẠP CHÍ TRÍ THỨC VÀ PHÁT TRIỂN
Nhà báo **TRẦN MIÊU** - Nhà báo **ĐẶNG ĐÌNH CHẤN**
Nhà báo **TRẦN VĂN TRƯỜNG** - Nhà báo **TRẦN ANH TUẤN**
Nhà báo **HOÀNG VIỆT HÙNG** - Nhà báo **CAO NGỌC HÀ**

Các Biên tập viên:

PHẠM THỦY - TIẾN CAO - THANH TÂM
LÊ MINH NGUYỆT - ANH TÀI

*Ban biên tập chân thành cảm ơn các tác giả, các nhà báo,
nhà văn, nhà thơ, các doanh nhân, doanh nghiệp, các cơ quan,
đơn vị đã nhiệt tình tham gia, giúp đỡ và đồng hành cùng chúng tôi
trong Chương trình xuất bản có ý nghĩa này.*



Đại tướng **VÕ NGUYỄN GIÁP**
*Bí thư Quân ủy Trung ương;
Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam*

... Ra trận lần này... các lực lượng vũ trang nhân dân ta có trách nhiệm nặng nề và vẻ vang là: Kiên quyết giành cho kỳ được thắng lợi lớn nhất trong chiến dịch quan trọng này.

Kiên quyết tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch và phương tiện chiến tranh của địch, nhất là chủ lực của chúng, làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta...

Trận chiến đấu lịch sử 1972 bắt đầu!

Tất cả hãy anh dũng tiến lên!

*Trích Lời kêu gọi của Quân ủy TW
gửi toàn thể cán bộ, chiến sĩ tham gia chiến dịch 1972
Theo cuốn sách: Sư đoàn Quân tiên phong - Tập 3
Ký sự, NXB Quân đội nhân dân, H. 1979; tr. 206*



CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2014

THƯ CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC TRƯƠNG TẤN SANG
Gửi Chương trình Lưu danh và Thờ phụng Anh hùng liệt sĩ Việt Nam

Tôi rất cảm động và trân trọng khi biết Tập chí Tín thư và Phát triển - Cơ quan ngôn luận của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thủ đô đã nỗ lực tổ chức xuất bản 10 pho đại sách lưu danh hàng chục vạn các Anh hùng liệt sĩ Việt Nam qua các cuộc kháng chiến của dân tộc. Đồng thời, Tập chí đã phối hợp với Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cùng các ban ngành chức năng của Trung ương, địa phương cùng nước 10 pho đại sách về Chùa Ba Vàng - TP. Uông Bí - Quảng Ninh để an vị phụng thờ và tổ chức Đại lễ nhập linh, cầu siêu hương linh các Anh hùng liệt sĩ - những người đã không tiếc máu xương để cho đất nước an hưởng hòa bình, độc lập.

10 pho đại sách Huyền thoại Việt Nam là một công trình xuất bản kỳ công, không chỉ có giá trị về mặt văn hóa, lịch sử truyền thống sâu sắc mà còn có giá trị thực tiễn, là kho tàng lịch sử của dân tộc Việt Nam. Tên mỗi pho sách gắn liền với những địa danh đã đi vào lịch sử oanh liệt của đất nước luôn gợi nhắc chúng ta về ý chí sắt đá, tinh thần quyết khởi kiên cường, đoàn kết một lòng, đấu tranh anh dũng của quân và dân ta.

Trong thời điểm này, việc xuất bản, lưu danh các Anh hùng liệt sĩ và được đưa về phụng thờ trang trọng tại ngôi chùa có chính điện trên núi lớn nhất Đông Dương thật vô cùng ý nghĩa. Cùng với những giá trị xuất bản có được ở 10 pho đại sách, ý nghĩa tâm linh thờ phụng người có công với dân tộc lại càng làm lay động lòng người, càng khơi gợi nêu cao truyền thống yêu nước vĩ đại của dân tộc ta. Tôi đánh giá cao việc làm đầy tình nhân văn sâu sắc, thiết thực và giàu ý nghĩa này. Đây còn là việc góp phần nêu cao truyền thống đạo lý Uông nước nhớ nguồn của dân tộc, có sức thuyết phục cao để giáo dục các thế hệ người dân Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ của chúng ta ngày nay.

Hương linh của các Anh hùng liệt sĩ sẽ phù hộ cho đồng bào đồng chí, cho đất nước Việt Nam ta vững bền và phát triển./

Thân ái,

Trương Tấn Sang

Lời tri ân

Trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta chống giặc ngoại xâm, đã có hàng triệu người con ưu tú của đất nước ngã xuống “cắm tử cho Tổ quốc quyết sinh” để giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc. Đời đời nhớ ơn các Anh hùng liệt sỹ vừa là trách nhiệm, vừa là tình cảm thiêng liêng của mỗi người Việt Nam yêu nước, thương nòi.

Với tâm nguyện, lòng biết ơn và sự tri ân sâu sắc, trong nhiều năm qua, Dự án Văn hóa Uống nước nhớ nguồn thuộc **Tạp chí Trí thức và Phát triển - Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Hà Nội**, với sự chung tay góp sức của nhiều đơn vị, cá nhân, đã thực hiện bộ sách **HUYỀN THOẠI VIỆT NAM** gắn liền với những sự kiện lịch sử lớn, những ghi dấu sâu đậm trong hai cuộc kháng chiến hào hùng của dân tộc. Đặc biệt trong bộ sách mang tên **HUYỀN THOẠI** đó trang trọng lưu danh hàng chục vạn Anh hùng liệt sỹ đã hiến dâng tuổi thanh xuân của mình vì độc lập tự do của đất nước. Trong những con người linh thiêng ấy, có những liệt sỹ chỉ còn dòng tên để lại với gia đình, với quê hương đất nước... Những cuốn sách trong bộ sách **HUYỀN THOẠI** có một không hai đó được xuất bản đã làm lay động hàng triệu trái tim đồng bào, đồng chí cả nước.

Để góp phần bảo tồn ký ức cho các thế hệ mai sau và thể theo ước nguyện của đông đảo đồng chí, đồng bào, của các gia đình thân nhân liệt sỹ, Dự án văn hóa **Uống nước nhớ nguồn - Tạp chí Trí thức và Phát triển** thực hiện Chương trình **THỜ PHỤNG VÀ LƯU DANH ANH HÙNG LIỆT SỸ VIỆT NAM**. Chương trình bao gồm việc thực hiện và xuất bản 10 cuốn Đại sách lưu danh liệt sỹ với kích thước mỗi cuốn là 0,7m x 1,0m, trọng lượng hàng trăm ki lô gam một cuốn, để đặt thờ tại một ngôi Chùa lớn mãi mãi về sau.

Được sự nhất tâm quý báu của Đại đức trụ trì Thích Trúc Thái Minh và các nhà sư hành lễ chùa Ba Vàng (Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh) những cuốn Đại sách được rước về đặt thờ trang trọng tại ngôi Chùa linh thiêng để phật tử thập phương và các thế hệ người Việt Nam mỗi khi đến Chùa đều thấp nén tâm hương tưởng niệm, thờ phụng và mãi mãi ghi nhớ công ơn của các Anh hùng liệt sỹ. Những làn khói hương tưởng niệm, những lời cầu nguyện tri ân ngày ngày, làm an thỏa vong linh các liệt sỹ và góp phần vơi bớt nỗi đau của các gia đình thân nhân liệt sỹ trên mọi miền đất nước... Đó cũng là tâm nguyện của mỗi người chúng ta.

Ban tổ chức Chương trình chân thành cảm ơn những tấm lòng hảo tâm của các doanh nghiệp, doanh nhân và của bà con cô bác gần xa đã quan tâm, hỗ trợ cho Chương trình ý nghĩa thiêng liêng này.

Xin kính cẩn nghiêng mình tưởng niệm các liệt sỹ linh thiêng.

ĐỒNG TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI ĐỨC TRỤ TRÌ
CHÙA BA VÀNG



TỔNG BIÊN TẬP TẠP CHÍ TRÍ THỨC VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁM ĐỐC DỰ ÁN VĂN HÓA UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN



Nhà báo Đoàn Mạnh Phương

PHẦN THỨ NHẤT

QUẢNG TRỊ, THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ và những dấu ấn lịch sử



• Mang theo tâm trạng thành kính và lòng tri ân, đứng trước bạt ngàn bia mộ của các bậc cha anh đã hy sinh vì nền độc lập tự do của Tổ quốc, tại Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn, Nghĩa trang liệt sĩ Đường 9, hay trong Thành cổ Quảng Trị... chúng tôi hiểu mảnh đất này không chỉ có vầy “Cát trắng rang vàng nghiêng lệch cả dòng sông” hay “Mỗi tấc đất là một cuộc đời có thật” (thơ Phạm Đình Lân); Mà ở đó còn là những con người bình dị, phôi pha nhân hậu, trung dũng, quả cảm. Đứng giữa màu xanh của non nước mây trời Quảng Trị hôm nay, tôi chỉ biết thốt lên Quảng Trị mến yêu ơi xin cho tôi được nhắc nhớ, được biên niên vào cuốn sách giàu ý nghĩa này với những diện mạo hình hài vốn có về Quảng Trị - một phần không thể thiếu của Tổ quốc Việt Nam yêu dấu.



Đất và người Quảng Trị

Đã đôi lần, vào dịp kỷ niệm ngày chiến thắng 30 - 4 giải phóng hoàn toàn miền Nam, hoặc vào dịp kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27 - 7 chúng tôi lại được về với miền quê Quảng Trị đầy nắng và gió. Mang theo tâm trạng thành kính đứng trước bạt ngàn bia mộ của các bậc cha anh đã hy sinh vì nền độc lập tự do của Tổ quốc, tại Nghĩa trang Liệt sỹ Trường Sơn, nghĩa trang liệt sỹ Đường 9, hay trong Thành cổ Quảng Trị... chúng tôi hiểu mảnh đất này không chỉ có vậy “Cát trắng rang vàng nghiêng lệch cả dòng sông” hay “Mỗi tấc đất là một cuộc đời có thật” (thơ Phạm Đình Lân); Mà ở đó còn là những con người bình dị, trung trinh nhân hậu, luôn sẵn lòng trung dũng quả cảm. Đứng giữa màu xanh của non nước mây trời Quảng Trị hôm nay, tôi chỉ biết thốt lên Quảng Trị mến yêu ơi xin cho tôi được nhắc nhớ, được biên niên vào cuốn sách giàu ý nghĩa này với những diện mạo hình hài vốn có về Quảng Trị - một phần không thể thiếu của Tổ quốc Việt Nam yêu dấu.

Nằm cách Thủ đô Hà Nội 598km về phía Nam và 1.112km về phía Bắc đối với Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Trị là một tỉnh thuộc vùng Bắc Trung bộ Việt Nam. Là dải đất hẹp của đất nước hình chữ S, chiều ngang tính từ Tây sang Đông có chỗ chỉ 50km, nhưng địa hình Quảng Trị có cả 3 vùng miền núi, trung du, đồng bằng và miền biển. Phía Bắc tỉnh giáp Quảng Bình, phía Nam giáp Thừa Thiên Huế, phía Tây giáp tỉnh Savannakhet nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào và phía Đông là biển. Nơi đây có sông Bến Hải - cầu Hiền Lương, giới tuyến chia cắt hai miền Nam - Bắc Việt Nam trong suốt 21 năm trường kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Theo tài liệu của UBND tỉnh, Quảng Trị hiện có diện tích trên 4.746,9km², dân số hơn 600 nghìn người, gồm các dân tộc anh em Kinh, Pacô, Vân Kiều, Tà Ôi chung sống, gắn bó tập trung ở thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và 8 huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng, Hướng Hóa, ĐaKrong và Cồn Cỏ.

Tìm lại dấu xưa, theo cuốn Non nước Việt Nam - NXB Văn hóa Thông tin, 1998: Từ thời Hùng Vương - An Dương Vương, vùng đất Quảng Trị nằm trong bộ Việt Thường của Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc. Đầu thời Hán thuộc (từ năm 179 trước Công nguyên đến năm 192) Quảng Trị thuộc đất quận Nhật Nam. Cuối thế kỷ thứ 2, Trung Quốc rơi vào tình trạng loạn lạc, nhân dân quận Nhật Nam đã cùng nhân dân trong vùng Tượng Lâm nổi dậy khởi nghĩa giành quyền tự chủ. Khởi nghĩa đã giành thắng lợi lấy tên nước là Lâm Ấp (từ đèo Hải Vân đến đèo Ngang).

Sau khi giành được độc lập tự chủ, quốc gia phong kiến Đại Việt không ngừng lớn mạnh về mọi mặt. Về phía Nam, nhà Lý đổi châu Đại Lý thành châu Lâm Bình, châu Ma Linh thành châu Minh Linh. Châu Minh Linh thuở ấy là vùng đất từ Cửa Việt trở ra phía Bắc, trong đó có các huyện: Gio Linh, Cam Lộ, Đa Krông, một phần đất của thị xã Đông Hà, Hướng Hóa và Vĩnh Linh hiện nay.

Tiếp đến, năm 1306, vua Chăm là Chế Mân dâng biểu cầu hôn lên vua Trần Anh Tông xin cưới công chúa Huyền Trân và dâng 2 châu: Châu Ô và Châu (Rí) Lý làm vật sính lễ. Vì nghiệp lớn, vua Trần bằng lòng gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân và nhận hai châu: Ô, Rí. Vậy là bờ cõi Đại Việt lại được rộng mở trong sự đồng thuận quy tụ của lòng người. Năm 1309, nhà Trần đổi châu Ô thành Thuận Châu, châu Rí thành Hóa Châu. Thuận Châu chính là dải đất từ sông Hiếu - Cửa Việt trở vào phía Nam, trong đó có các huyện: Hải Lăng, Triệu Phong, thị xã Quảng Trị và một phần đất thành phố Đông Hà ngày nay. Năm 1558, Nguyễn Hoàng được vua Lê Anh Tông sai vào trấn thủ Thuận Hóa, đóng Dinh Cát ở Ái Tử. Sau này, Trịnh - Nguyễn phân tranh, lấy sông Gianh làm giới tuyến chia cắt Đàng trong, Đàng ngoài.

Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ (1771 - 1786) Nguyễn Huệ ra dựng nghiệp ở Phú Xuân - Thuận Hóa và là người có công xóa bỏ ranh giới sông Gianh, xóa bỏ sự chia cắt Đàng trong, Đàng ngoài.

Ngày 01 tháng 6 năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi đặt niên hiệu Gia Long, đã lập dinh Quảng Trị bao gồm đất đai các huyện: Hải Lăng, Đặng Xương (tên cũ là Vũ Xương), Minh Linh và đạo Cam Lộ. Năm 1806, Quảng Trị trở thành dinh trực lệ kinh sư Huế. Năm 1822, đặt châu Hướng Hóa lệ thuộc đạo Cam Lộ. Năm 1827, dinh Quảng Trị đổi là trấn Quảng Trị. Năm 1832, trấn Quảng Trị đổi là tỉnh Quảng Trị. Năm 1853, hợp nhất tỉnh Quảng Trị với phủ Thừa Thiên thành đạo Quảng Trị. Năm 1876, lập lại tỉnh Quảng Trị. Ngày 3 tháng 5 năm 1890, toàn quyền Đông Dương ra nghị định hợp Quảng Trị với tỉnh Quảng Bình thành tỉnh Bình Trị. Ngày 23 tháng 01 năm 1896, toàn quyền Đông Dương ra nghị định rút Quảng Trị ra khỏi địa hạt thuộc quyền công sứ Đồng Hới, cùng Thừa Thiên dưới quyền công sứ Trung Kỳ, đặt một phó Công sứ đại diện cho Khâm sứ ở Quảng Trị. Năm 1900, toàn quyền Đông Dương ra nghị định tách Quảng Trị ra khỏi Thừa Thiên lập thành một tỉnh riêng biệt gồm 4 phủ: Triệu Phong (Thuận Xương cũ), Hải Lăng, Vĩnh Linh (Chiêu Linh cũ) Cam Lộ và huyện Gio Linh. Ngày 17 tháng 2 năm 1906, toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập thị xã

Quảng Trị (tỉnh lỵ). Năm 1908, phủ Cam Lộ tách 3 tổng người Kinh lập thành huyện Cam Lộ và 9 tổng người dân tộc thiểu số lập thành huyện Hướng Hóa...

Sau Hiệp định Giơnevơ (ký kết ngày 20 tháng 7 năm 1954), sông Bến Hải được chọn làm giới tuyến quân sự tạm thời, tỉnh Quảng Trị tạm thời chia làm hai vùng: Vùng bờ Nam sông Bến Hải là tỉnh Quảng Trị, gồm các huyện: Hải Lăng, Triệu Phong, Cam Lộ, Gio Linh, Hướng Hóa, xã Vĩnh Liêm và một phần của xã Vĩnh Sơn (Vĩnh Linh), thị xã Quảng Trị, do chính quyền miền Nam quản lý (thuộc chế độ thực dân kiểu mới của Mỹ); hơn 3/4 địa bàn và dân cư của huyện Vĩnh Linh ở phía Bắc vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải) do Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quản lý, được thành lập đặc khu. Đặc khu Vĩnh Linh tương đương đơn vị hành chính cấp tỉnh, trực thuộc Trung ương.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (ngày 30 tháng 4 năm 1975), Tổ quốc thống nhất, tỉnh Quảng Trị và đặc khu Vĩnh Linh cùng cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Từ tháng 3 năm 1976, thực hiện quyết định của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Quảng Trị cùng hai tỉnh Quảng Bình, Thừa Thiên và đặc khu Vĩnh Linh hợp nhất thành tỉnh mới là Bình - Trị - Thiên. Tháng 7 năm 1989, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (khóa VIII, kỳ họp thứ 5) quyết định chia tỉnh Bình - Trị - Thiên thành 3 tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế. Ngày 01 tháng 7 năm 1989, Quảng Trị trở thành đơn vị hành chính cấp tỉnh thuộc Trung ương. Từ năm 1990, có sự thay đổi về địa giới và tên gọi một số huyện, thị xã như sau: Huyện Bến Hải được tách ra thành lập hai huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh; thị xã Đông Hà tách ra thành lập huyện Cam Lộ và thị xã Đông Hà (tỉnh lỵ Quảng Trị); huyện Triệu Hải tách ra thành lập hai huyện: Hải Lăng, Triệu Phong và thị xã Quảng Trị. Năm 1996, huyện Hướng Hóa tách ra thành lập huyện mới ĐaKrong và Hướng Hóa. Từ năm 2000, toàn tỉnh có 9 đơn vị hành chính cấp huyện, thị xã (trong đó có 7 huyện, 2 thị xã), có 136 xã, phường và thị trấn.

Quảng Trị - một vùng địa lý tự nhiên giàu tiềm năng

Đi từ Bắc vào Nam, đi từ Đông sang Tây, điều dễ nhận thấy là địa hình Quảng Trị đa dạng, bao gồm núi, đồi, đồng bằng, cồn cát và bãi biển chạy theo hướng tây bắc - đông nam. Quảng Trị có nhiều sông ngòi với 5 hệ thống sông chính là sông Thạch Hãn, sông Bến Hải, sông Ô Lâu, sông Xê Pôn và sông Sê Păng Hiêng. Đầu nguồn sông ở các huyện miền núi có khả năng xây dựng thủy điện vừa và nhỏ.

Với địa hình hỗn hợp gồm miền núi, trung du và đồng bằng, rừng núi Quảng Trị chiếm khoảng hai phần ba diện tích toàn tỉnh, phần lớn nằm trong huyện Hướng Hóa và Ba Lòng. Đó là một đoạn của dãy Trường Sơn hùng vĩ với đỉnh cao nhất là ngọn Pa Thiêng (còn gọi là núi Tả Linh, cao 1.710m) và chỗ thấp nhất là đèo Lao Bảo (350m) nơi đường số 9 chạy qua Lào. Giữa miền rừng núi trùng điệp của Quảng Trị có một số thung lũng rộng như Ba Lòng, Khe Me là những chiến khu nổi tiếng trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Ở địa đầu huyện Hướng Hóa, bên đường số 9 có núi Mai Lĩnh trên đỉnh mọc toàn cây mai, đứng soi mình trên sông Thạch Hãn. Mùa xuân

hoa mai nở vàng cả một vùng rất đẹp. Chính bởi vậy mà đồng bào Quảng Trị còn gọi quê hương của mình bằng một cái tên rất thơ là đất nước *non Mai, sông Hãn*.

Rừng Quảng Trị có nhiều gỗ quý như lim, trắc, gõ, kiền kiền... và nhiều lâm sản quý như măng giang, trầm hương, nấm mèo... và có nhiều động vật quý hiếm. Một phần ba đất đai còn lại của Quảng Trị là cao nguyên đất đỏ, miền trung du, đồng bằng và cồn cát ven biển. Đất đai trên các cao nguyên đã được khai phá một phần để trồng cây công nghiệp như cà phê, hồ tiêu, chè, trầu và hoa quả (chuối, dứa, na, mít). Hồ tiêu ở Quảng Trị có giá trị kinh tế cao, hồ tiêu Cửa và Bát Phưong nổi tiếng thơm và cay.

Diện tích đồng bằng tỉnh Quảng Trị rất nhỏ hẹp, chỉ chừng 610km². Đồng bằng nơi cung cấp nhiều lúa và hoa màu hơn cả của tỉnh Quảng Trị chủ yếu ở hai huyện phía Nam tỉnh là Triệu Phong, Hải Lăng và một phần huyện Cam Lộ (cánh đồng thung lũng sông Hiếu).

Những cồn cát nằm dọc bờ biển gọi chung là dãy Tiểu Trường Sa. Cồn cát luôn luôn bị gió thổi bay vào xô lấn đồng ruộng bên trong, nên tạo ra nhiều bãi cát nhỏ nằm xen giữa các xóm làng gọi là truông, như truông Hau Hau (Gio Linh), truông Ái Tử (Triệu Phong)...

Bờ biển bằng phẳng. Có 2 cửa biển là cửa Tùng và cửa Việt (khá rộng, sâu, tàu biển lớn có thể ra vào được). Có tiềm năng về đánh bắt hải sản, phục vụ du lịch và mở rộng giao thương, đường biển.

Quảng Trị có khá nhiều sông hồ, điển hình là:

- Sông Bến Hải (còn gọi là Hiền Lương hoặc Minh Lương) ngắn, hẹp, nước bao giờ cũng trong và chảy ra Cửa Tùng.

- Sông Hiếu (còn gọi là Đầu Mãn hoặc Cam Lộ) chảy qua huyện Cam Lộ, thành phố Đông Hà rồi nhập vào sông Thạch Hãn.

- Sông Thạch Hãn (còn gọi là Đá Bàn hoặc Quảng Trị, đoạn thượng nguồn còn có tên là sông Hãn), lớn nhất tỉnh, rộng, sâu, là đường giao thông thuận lợi giữa miền núi và đồng bằng, qua triền núi Mai Lĩnh, chiến khu Ba Lòng, thị xã Quảng Trị, cánh đồng Triệu Phong, Hải Lăng đổ ra Cửa Việt.

- Sông Nhùng chảy qua chiến khu Khe Me.

Công nghiệp và thủ công nghiệp của Quảng Trị đang trong giai đoạn phát triển.

Về giao thông vận tải có bước phát triển khá. Đó là tuyến đường bộ số 1A chạy qua Vĩnh Linh, Gio Linh, Đông Hà, Triệu Phong (Ái Tử), Quảng Trị, Hải Lăng (dài 60km) và đường số 9 nối với đường số 1A từ thành phố Đông Hà, qua Cam Lộ, Hướng Hóa đến Lao Bảo (dài hơn 80km) đến đất Lào. Đường số 9 là cửa ngõ của Lào ra biển Đông, là con đường của tình hữu nghị.

Đường hàng không có các sân bay Quảng Trị, Xum Cam, Cam Lộ, Cửa Tùng...

Phần thứ nhất: Quảng Trị, Thành cổ Quảng Trị - Địa danh và những dấu ấn lịch sử

Đường thủy, thuyền bè đi lại thuận lợi nhất trên sông Thạch Hãn. Cửa Việt khá rộng và sâu, tàu biển lớn có thể ra vào được.

Quảng Trị, số dân không đông lắm, phần lớn sống tập trung ở đồng bằng và các cửa sông, mật độ số dân ở những khu vực này lên tới gần 2.000 người trên 1km².

Đồng bào Kinh, phần lớn sống ở đồng bằng, còn vùng cao Quảng Trị là quê hương của đồng bào dân tộc ít người Vân Kiều.

Ở Quảng Trị, làng nào cũng có chùa thờ Phật. Một số nơi thuộc Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng có nhà thờ Thiên chúa giáo. Nhà thờ La Vang và nhà thờ Tri Bưu lớn nhất tỉnh. Một vài nơi ở đồng bằng đồng bào theo đạo Tin lành.

Quảng Trị là tỉnh có truyền thống văn hóa nhiều màu sắc. Tiếng nói của người Quảng Trị mang đặc trưng thổ ngữ vùng Trung bộ, bảo lưu nhiều vốn cổ của tiếng Việt.

Phân bố Hành chính

Theo kết quả điều tra ngày 01 tháng 4 năm 2009 dân số tỉnh Quảng Trị là 631.591 người. Quảng Trị hiện bao gồm 1 thành phố, 1 thị xã và 8 huyện: thành phố Đông Hà; thị xã Quảng Trị; huyện Cam Lộ; huyện đảo Cồn Cỏ; huyện Đa Krông; huyện Gio Linh; huyện Hải Lăng; huyện Hướng Hóa; huyện Triệu Phong; huyện Vĩnh Linh.

Khi tái lập tỉnh Quảng Trị theo Nghị quyết ngày 30 tháng 6 năm 1989 của Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 5, tỉnh có 1 thị xã: Đông Hà và 3 huyện: Bến Hải, Hướng Hóa và Triệu Hải.

Theo Quyết định số 134-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) Việt Nam ngày 16 tháng 9 năm 1989, thị xã Quảng Trị được tái lập trên cơ sở thị trấn Quảng Trị (thuộc huyện Triệu Hải).



Dòng sông Thạch Hãn

Theo Quyết định số 91-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) Việt Nam ngày 23 tháng 3 năm 1990, huyện Bến Hải chia thành 2 huyện Gio Linh và Vĩnh Linh, huyện Triệu Hải được tách trả lại thành 2 huyện Triệu Phong và Hải Lăng và thị xã Quảng Trị.

Thị xã Đông Hà được nâng lên thành thành phố theo Nghị quyết 33/NQ-CP ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam. Thành phố Đông Hà được lập trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số và các đơn vị hành chính trực thuộc của thị xã Đông Hà.

Giờ lại những trang sử của tỉnh Quảng Trị, có thể nói dưới chế độ thực dân, phong kiến có áp bức bóc lột, nhân dân non Mai, sông Hãn đã không ngừng đấu tranh để bảo vệ cuộc sống của mình. Nhất là từ khi thực dân Pháp đến xâm lược, chúng chưa bao giờ có được những phút giây yên ổn trên mảnh đất này.

Theo cuốn **Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị**: Tôn Thất Thuyết đã xây đồn Tân Sở (Cam Lộ) ra hịch “Cần Vương” chống Pháp, được nhân dân Quảng Trị góp sức, giúp lương. Nhiều sĩ phu Quảng Trị đã theo hịch Cần Vương lãnh đạo các đạo quân Bình Tây đánh Pháp.

Năm 1927, Thanh niên cách mạng đồng chí hội đã được tổ chức ở 6 huyện trong tỉnh và sau đó là Đông Dương Cộng sản Đảng.

Tháng 4 năm 1930, Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương ở Quảng Trị ra đời do đồng chí Lê Thế Tiết làm Bí thư.

Đầu năm 1931 toàn tỉnh rải truyền đơn, treo cờ đỏ. Anh chị em nông dân nổi dậy, đòi chia lại ruộng công, giành lại ruộng đất bị chiếm đoạt.

Tháng 5 năm 1931, biểu tình chống thuế, ủng hộ Xô viết Nghệ - Tĩnh, có hàng ngàn người tham gia, kéo lên huyện lỵ Triệu Phong. Các tổ chức Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Cứu tế đỏ, Thanh niên cộng sản đoàn, Học sinh đoàn nối tiếp nhau thành lập. Tờ báo Mặt trận đỏ sau đổi là Dân cày nghèo của tỉnh Đảng bộ ra đời, bí mật lưu hành truyền bá tư tưởng cách mạng trong nhân dân.

Từ đó nhân dân Quảng Trị dưới sự lãnh đạo của Đảng được tổ chức lại, người người lớp lớp khi bí mật lúc công khai, đập lên gươm súng và nhà giam của quân thù tiến lên đưa cuộc khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám ở Quảng Trị đến thắng lợi.

Tháng 12 năm 1946, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ. Trong những ngày kháng chiến gian khổ, khó khăn nhất, đồng bào Quảng Trị luôn sẵn lòng nhường cơm sẻ áo cho bộ đội ta đánh thắng quân xâm lược. Rồi ngay chính các dân tộc anh em cũng luôn đùm bọc thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, đồng bào miền núi chia sẻ củ khoai, củ sắn cho người dân dưới xuôi, ngược lại, đồng bào miền xuôi lại hỗ trợ đồng bào miền núi gạo, muối và các đồ dùng, vật dụng thiết yếu khác... góp phần lập nên những chiến công rực rỡ ở Đồng Dương, Tân Lâm, Xóm Muồi, Thanh Hương,

Cửa, Nam Đông, tiến tới mở chiến dịch đầu năm 1954, giải phóng huyện Hướng Hóa, giành lại đường số 9, khai thông biên giới Việt - Lào, mở rộng thêm vùng căn cứ du kích ở miền xuôi, phối hợp với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, đưa đến thắng lợi của Hội nghị Giơ-ne-vơ lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương.

Chính truyền thống đấu tranh anh dũng của nhân dân và tinh thần chiến đấu bất khuất của các chiến sĩ cách mạng trong đó có người con ưu tú, tiêu biểu của Quảng Trị là cố Tổng Bí thư Lê Duẩn đã đưa phong trào cách mạng Quảng Trị tiến lên vững chắc giành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tiếp đó là công cuộc xây dựng CNXH, nỗ lực thực hiện sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo nhân dân Quảng Trị đã từng bước làm thay da, đổi thịt, hồi sinh sức sống mới trên vùng đất đầy dấu tích chiến tranh, hoang tàn đổ vỡ năm xưa.

Thế đấy, về với Quảng Trị, là về với những địa danh những chiến khu, những chiến tích quả cảm, anh dũng của quân và dân ta, như Ba Lòng, Khe Me, Đường 9, Khe Sanh, Cồn Tiên, Dốc Miều, Thành Cổ, Cửa Việt, đảo Cồn Cỏ, địa đạo Vĩnh Mốc; là sông Bến Hải, cầu Hiền Lương - Cửa Tùng, hàng rào điện tử Mắc - Na - Mara; là hơn 70 nghĩa trang liệt sĩ, trong đó có nghĩa trang liệt sĩ quốc gia Trường Sơn, nghĩa trang Đường 9... nhưng còn đó là những danh lam thắng cảnh âm tình đất, tình người như danh thắng ĐaKông, biển Cửa Tùng, cửa khẩu Lao Bảo, rừng nhiệt đới Rú Linh và đến với những dòng chảy văn hóa lễ hội La Vang, hội Thượng Phước, hội cướp Cù... để rồi mỗi khi ta đến, ta đi đều có chung một cảm nhận: người Quảng Trị thủy chung gắn bó, trung dũng kiên cường trong chống giặc ngoại xâm, năng động, giàu bản lĩnh trong xóa đói làm giàu hôm nay. Nhưng có lẽ ấn tượng nhất, suy tư nhất chính là địa danh Thành cổ Quảng Trị - vùng đất thiêng, nơi an nghỉ của hàng ngàn chiến sĩ - liệt sĩ, những người con được sinh ra trên khắp mọi miền Tổ quốc cùng cán bộ, nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Quảng Trị đã làm nên huyền thoại để hôm nay đây chúng ta có được một Việt Nam hòa bình, độc lập, đang phấn đấu hết sức mình vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

TRẦN MIÊU

Thành cổ Quảng Trị

Địa danh máu và hoa

Thành cổ Quảng Trị là một công trình kiến trúc thành lũy cổ, đồng thời cũng là lý sở hành chính - chính trị của tỉnh Quảng Trị. Suốt chiều dài lịch sử, với vị trí là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh, thành cổ Quảng Trị không chỉ có vai trò to lớn đối với sự phát triển của địa phương, mà còn có vị trí quan trọng đối với tiến trình phát triển của dân tộc. Đặc biệt trong cuộc tấn công chiến lược năm 1972, thành Quảng Trị với trận quyết chiến chiến lược 81 ngày đêm đã vượt ra ngoài tầm của một thành tỉnh lý, trở thành một trận quyết chiến mang tầm chiến lược đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta.

Thành cổ Quảng Trị được khởi dựng vào những năm đầu của thế kỷ XIX (tháng 8 năm 1801). Sau khi thiết lập quyền cai trị mới của triều đại, Gia Long cho lấy các huyện Hải Lăng, Đăng Xương (thuộc phủ Triệu Phong) và huyện Minh Linh (thuộc phủ Tân Bình) lập ra dinh Quảng Trị; Đồng thời có kế hoạch xây dựng một “*Trung tâm hành chính - lý sở của dinh Quảng Trị*” ở địa phận phường Tiên Kiên, huyện Đăng Xương.

Làng Tiên Kiên nguyên là một trong năm khu vực đồn trú của đội quân Ngũ Kiên dưới thời chúa Nguyễn, sau này hình thành nên các làng mang đúng theo tên gọi của các cơ sở này (Trung Kiên, Hậu Kiên, Tả Kiên, Hữu Kiên, Tiên Kiên). Việc Gia Long chọn thủ phủ của tổ tiên mình thời chúa Nguyễn làm nơi đặt lý sở đầu tiên của Quảng Trị, mang một ý nghĩa chính trị to lớn trong buổi đầu vương triều mới tạo lập.

Năm 1809, một năm sau khi dinh Quảng Trị trở thành dinh trực lệ Kinh sư, nhận thấy vị trí đóng lý sở dinh Quảng Trị tại Ái Tử (Tiên Kiên) không được đắc địa, khó có thể hội đủ các điều kiện để trở thành một trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội cho một vùng trực lệ Kinh sư nên Gia Long cho chuyển lý sở dinh Quảng Trị về xã Thạch Hãn, huyện Hải Lăng như hiện nay và bắt đầu hoạch định xây dựng thành.

Quá trình xây dựng của thành Quảng Trị từ khi khởi công dưới thời Gia Long cho đến khi hoàn thiện dưới thời Minh Mạng kéo dài gần 28 năm (1809-1837), với hai giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất (1809-1832) bao gồm công việc di chuyển lý sở, quy hoạch và xây dựng; Giai đoạn thứ hai (1832-1837) là thời kỳ xây dựng kiên cố bằng gạch mở rộng quy mô thành lũy; Từ năm 1837 về sau là thời kỳ hoàn thiện thành lũy và xây dựng công trình kiến trúc bên trong. Bộ phận kiến trúc chính tạo ra diện mạo tổng quát của thành Quảng Trị là cấu trúc phòng thành. Phòng thành Quảng Trị được xây bằng gạch, tổng thể có hình vuông. Thành được cấu trúc theo kiểu Vauban. Kiến trúc Vauban là một hệ thống phức hợp, gồm những công trình kiến trúc liên quan chặt chẽ với nhau và mang tính bố phòng vững chắc; bao gồm các bộ phận chính như: Lũy (rempart), pháo đài (bastion), pháo đài góc (lunette d'angle), tường bắn (mur de tir), những pháo nhãn hay pháo môn (embrasure), phòng lộ (bémle), hào (fosse) thành giai (glacis), đường kín (chemin couvert)... Phương thức kiến trúc ấy “xuất hiện trong điều kiện mà quân đội nhiều nước trên thế giới đã qua khỏi thời đại chiến đấu bằng cung tên và gươm giáo, họ đã được trang bị bằng các vũ khí bắn đạn được đẩy đi bằng thuốc súng”.

Theo sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* thì thành Quảng Trị có chu vi 489 trượng 6 thước, cao 1 trượng 3 thước, mở 4 cửa, 1 kỳ đài, hào rộng 2 trượng. Theo *Đại Nam nhất thống chí* thì thành có chu vi là 481 trượng 6 thước, cao 1 trượng, bề dày 3 trượng, mở 4 cửa, hào rộng 4 trượng 6 thước, sâu 8 thước. Còn theo *Đồng Khánh dư địa chí lược* thì thành có chu vi là 489 trượng, 6 thước; cao 1 trượng, 7 tấc; dày 1 thước, 7 tấc. Thân thành có 4 góc, 4 cửa. Hào thành rộng 8 trượng, 2 thước, sâu 5 thước.

Như vậy, kích thước thành Quảng Trị được chép trong các tài liệu của *Quốc sử quán triều Nguyễn* không thống nhất, thậm chí có sự chênh lệch nhau khá lớn. Từ năm 1992 đến nay, trong quá trình nghiên cứu và thực hiện dự án quy hoạch, đầu tư tôn tạo di tích thành Quảng Trị các chuyên gia đã tiến hành nhiều bước khảo sát, đo đạc lại

*Một cổng thành
Quảng Trị nguyên gốc*

Ảnh từ thời Pháp thuộc



kích thước thành ngoài với sự hỗ trợ đặc lực của các thiết bị kỹ thuật hiện đại và đã có những kết quả như sau:

Chiều dài của tường thành phần thẳng tính từ mép ngoài (kể cả kích thước của cổng thành) ở mỗi mặt là 280m, ở cả 4 mặt là 1.120m. Chiều dài tường thành ở mỗi góc bầu (pháo đài) với 2 cạnh ở đỉnh góc, mỗi cạnh 95m, 2 cạnh tiếp giáp với thân thành, mỗi cạnh 35m, có tổng cộng là 260m $[(95m \times 2) + (35m \times 2)]$ và ở cả 4 góc pháo đài là 1.040m. Từ đó, chu vi toàn thành sẽ là 2.160m $(1.040 + 1.120m)$. Tổng diện tích toàn bộ thành Quảng Trị là 18,56ha.

Thành có chiều cao 4,30m. Vật liệu xây thành gồm đất và gạch. Lớp đất đắp thành được lấy tại chỗ để sử dụng đắp phía trong. Ấn ngữ bốn góc thành là 4 bốn pháo đài nhô hẳn ra phía ngoài, sắp xếp cân đối ở mỗi góc và xếp đối xứng nhau qua các cửa chính diện của chân thành mà dân địa phương quen gọi là “góc bầu”. Thành Quảng Trị có 4 cửa nằm ở vị trí chính diện của 4 mặt thành. Cửa mở về hướng Nam là cửa Tiền, còn gọi là Nam môn; cửa mở về hướng Bắc là cửa Hậu, còn gọi là Bắc môn; cửa mở về hướng Đông là cửa Tả, còn gọi là Đông môn; cửa mở về hướng Tây là cửa Hữu, còn gọi là Tây môn. Kiến trúc của mỗi cửa thành (đúng hơn là cổng thành) xây bằng gạch, gồm hai tầng. Tầng dưới là phần nền (cao 4,6m) với bộ phận chính là cổng thành xây vòm cuốn theo kỹ thuật “bốn viên kê dọc, nôm giữa, đội khuôn”, rộng 3,1m, sâu 7,55m, cao 4,6m, có hai cánh cửa bằng gỗ lim dày gắn vào 3 khoen đá thanh làm khuy cửa khi đóng và mở. Tầng trên là một vọng lâu có kiến trúc theo lối vọng lâu xây bằng gạch, cao từ nền đến đỉnh mái là 4,1m; mặt bằng hình vuông, có cạnh là 2,7m, xung quanh mở 4 cửa vòm rộng 0,9m; mái cong, lợp ngói âm dương, các đầu đao và bờ nóc đều có trang trí mây móc, hoa sen.

Nội thành có nhiều công trình kiến trúc được xây dựng nhằm mục đích phục vụ trực tiếp cho việc ở và làm việc của các cơ quan công đường thuộc bộ máy hành chính của tỉnh Quảng Trị. Công trình trọng yếu phải kể đến trước hết là Hành cung, nằm cách cửa Tiền chừng 500m. Khu vực này có hình vuông, chu vi chừng 400m. Hành cung là nơi dùng cho vua nghỉ ngơi trong những lần ngự giá đi qua địa hạt. Cũng như nhiều Hành cung trong các tỉnh thành khác, Hành cung Quảng Trị là một công trình kiến trúc được xây dựng theo mô thức nhà rường, có 3 gian, 2 chái, mái lợp ngói âm dương, cột sơn son thếp vàng. Bên trong có ngai đặt trên bệ rồng, trên có tán rộng. Hai phía tả hữu có hai công trình nằm quay mặt về phía nhà chính. Xung quanh xây bằng tường gạch chỉ để mặt trước 2 cửa ra vào. Hành cung chỉ mở cửa khi có vua đến hoặc các dịp làm lễ bái vọng, lễ thăng chức của các quan đầu tỉnh Quảng Trị và các dịp tế lễ định kỳ trong năm.

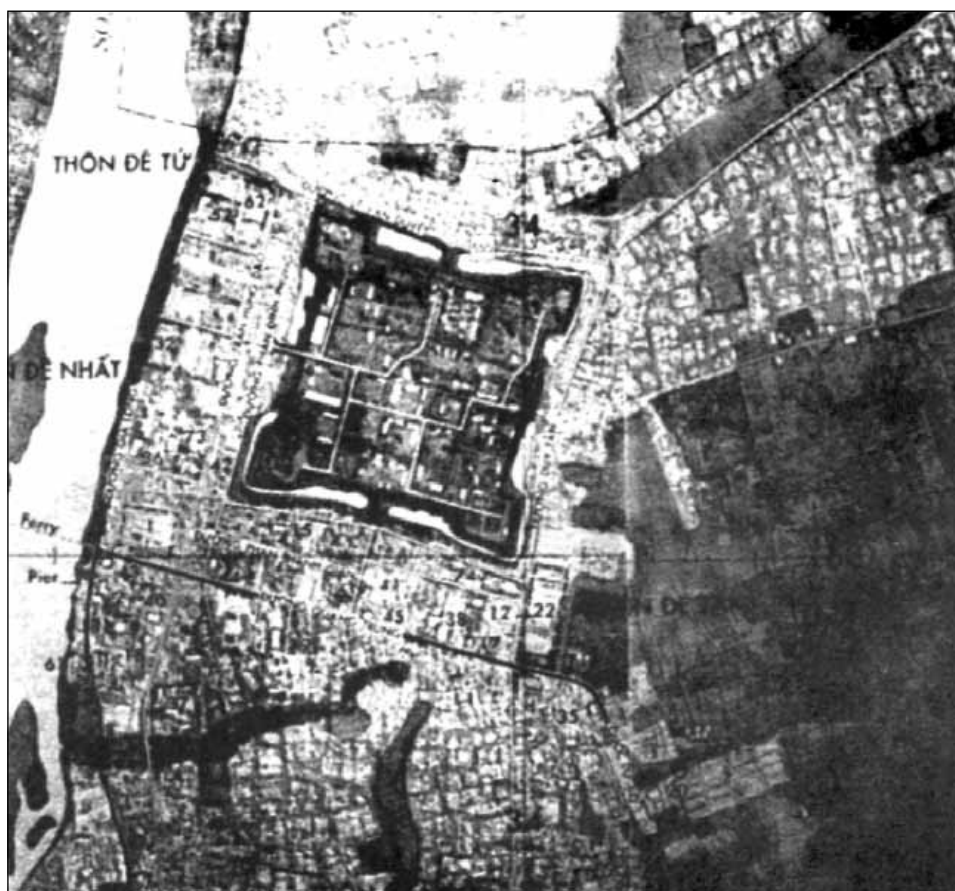
Căn cứ bản sơ đồ về thành Quảng Trị do Nguyễn Thử vẽ năm 1889 chúng ta có thể biết được đến những năm cuối thế kỷ XIX, nội thành Quảng Trị ngoài những công trình được xây dựng dưới thời Nguyễn còn lại như: Hành cung, Dinh Tuần phủ, dinh án sát, dinh Lãnh binh, ngục thất, khám đường... vẫn do bộ máy quan lại của Quảng

Phần thứ nhất: Quảng Trị, Thành cổ Quảng Trị - Địa danh và những dấu ấn lịch sử

Trị thuộc triều đình An Nam sử dụng, còn có thêm các công trình khác do người Pháp xây dựng như: Đồn cảnh sát và nhà tù (poste de police et prison), nơi ở của chỉ huy các binh chủng (logement du commandant d'armes), cửa hàng lương thực (magasin des subsistances), bưu điện (poste et télégraphe), trạm xá (infirmerie), cửa hiệu (magasin), lò mổ gia súc (abattoir), tiệm mì (boulangerie)...

Thành Quảng Trị trước hết là một bộ phận quan trọng trong nền kiến trúc cổ, là sự thể hiện một trình độ kỹ thuật nhất định về lĩnh vực quân sự của vương triều Nguyễn nhằm đảm bảo cho vấn đề ổn định trật tự xã hội và an ninh quốc phòng trong điều kiện xã hội có nhiều biến động. Tuy nhiên, trên thực tế, thành Quảng Trị không chỉ đơn thuần là một công trình kiến trúc quân sự mà địa vị chính của nó mang ý nghĩa lớn hơn về một trung tâm hành chính, chính trị và văn hóa của một địa phương qua nhiều thời kỳ lịch sử.

Dưới thời Nguyễn, thành Quảng Trị là địa hạt trực lệ phía hữu của Kinh sư. Dưới con mắt của các vua nhà Nguyễn, Quảng Trị luôn là một phen đậu có ý nghĩa chiến lược cho kinh thành dưới nhiều góc độ. Vì thế, nằm trong ý đồ thiết lập hệ thống các công trình phòng thủ mặt Bắc của Kinh đô Huế, thành Quảng Trị và thành Đồng Hới có nhiệm vụ trấn giữ hai cửa ngõ trọng yếu của phía Bắc.



Bản đồ Thị xã và Thành cổ Quảng Trị trước năm 1972

Tuy nhiên, bên cạnh chiến lược củng cố an ninh, nhà Nguyễn còn thực thi các sách lược ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội. Bởi vậy, có thể nói vị thế của thành Quảng Trị dưới thời Nguyễn giữ vai trò thiết thực của một trung tâm chính trị, hành chính hơn là một công trình phòng thủ quân sự. Thông qua bộ máy hành chính ở thành Quảng Trị, nhà Nguyễn đã nắm được chính quyền cơ sở, tổ chức, quản lý và điều hành một cách có hiệu quả. Bên cạnh việc quản lý ruộng đất, chế độ thuế khóa, lao dịch, chỉ đạo việc duy trì và phát triển sản xuất, ổn định xã hội là việc trấn áp các cuộc nổi dậy và chống lại các thế lực thù địch từ bên ngoài. Nhà Nguyễn cũng rất quan tâm đến chính sách khai hoang, cấp tiền, nông cụ, thóc giống cho những ai có nguyện vọng khai hoang. Nhờ đó, nhiều làng có cùng nguồn gốc, tổ quán đã ra đời ở nhiều nơi; thúc đẩy quá trình phát triển và mở rộng địa bàn cư trú của người Việt lên một số vùng núi và trung du.

Từ năm 1858, đất nước Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược. Triều đình nhà Nguyễn sau một thời gian tổ chức chống cự yếu ớt đã đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác. Năm 1883, trước sự uy hiếp của quân đội Pháp, Huế không còn là kinh đô an toàn cho vua quan triều Nguyễn. Do đó, những người theo phái chủ chiến trong triều đình, đứng đầu là Thượng thư Bộ Binh Tôn Thất Thuyết và quan Phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường đã bí mật tổ chức sơn phòng ở các tỉnh để chuẩn bị kháng chiến lâu đã được bí mật xây dựng ở Quảng Trị để làm nơi trú ẩn cho vua và triều thần khi kinh thành hữu sự. Đó là sơn phòng Quảng Trị/ Căn cứ Tân Sở/ Thành Tân Sở. Sau sự kiện binh biến đêm ngày 4 tháng 7 năm 1885 (ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu) kinh thành Huế thất thủ, triều đình Hàm Nghi cùng đoàn tùy tùng xa giá ra Tân Sở để tiến hành cuộc kháng chiến theo như những dự tính đã được chuẩn bị từ trước. Chiều mùng 6 tháng 7 năm 1885, vua và ngự đoàn đến Quảng Trị, xa giá nghỉ đêm trong hành cung của thành Quảng Trị. Ngày 13 tháng 7 năm 1885, tại căn cứ Tân Sở, Tôn Thất Thuyết thay mặt Hàm Nghi đã ban hịch Cần Vương kêu gọi nhân dân phò vua đánh Pháp. Hưởng ứng hịch Cần Vương, một phong trào kháng Pháp đã phát triển rầm rộ, kéo dài cho đến những năm đầu thế kỷ XX.

Ở Quảng Trị, hưởng ứng lời hiệu triệu Cần Vương, hàng ngàn nghĩa binh chiêu mộ từ các làng ở Quảng Trị được đưa lên Tân Sở. Khắp các làng xã, nối tiếp phong trào Văn Thân chống cả triều đình lẫn Pháp vốn được khởi xướng và phát triển mạnh. Tiêu biểu có cuộc nổi dậy của các nhóm Văn Thân Quảng Trị. Tuy có nhiều hạn chế về tính tổ chức và gây nên những cuộc tàn sát không đáng có bởi tính cuồng tín, nhưng nó đã đánh một dấu mốc mới trong khí thế tiến công cách mạng của nhân dân Quảng Trị.

Thành Quảng Trị dưới thời Pháp thuộc, cũng đã có một vị trí quan trọng. Kể từ sau khi Hòa ước Patenôtre được ký kết (ngày 6 tháng 6 năm 1884), triều đình Huế chính thức công nhận cuộc bảo hộ của Pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Người Pháp cũng đã nhận thức rõ về vị trí chính trị quan trọng của tỉnh Quảng Trị nói chung và khu vực thành Quảng Trị nói riêng, nên từ sau năm 1885, cùng với thành Đồng Hới, thành Quảng Trị được quân đội Pháp chọn làm một trong những cứ điểm quan trọng

của hệ thống đồn quân sự dày đặc thuộc vùng đất giữa Huế với Vinh. ở trong thành Quảng Trị, ngoài các cơ quan thuộc bộ máy quan lại đầu tỉnh của nhà Nguyễn, còn có nhiều cơ quan thuộc bộ máy của chính quyền “bảo hộ” Pháp. Đặc biệt, trong những năm trước 1890, thành Quảng Trị là nơi đóng sở chỉ huy của các binh chủng thuộc lữ đoàn An Nam được đặt dưới sự chỉ huy của một thiếu tá quân đội Pháp. Người Pháp đã không chỉ thiết lập ở thị xã Quảng Trị một trung tâm chính trị với bộ máy hành chính nhà nước gồm cả chính quyền Pháp lẫn Nam triều; mà còn tiến hành đầu tư xây dựng để biến nơi đây thành một đầu mối kinh tế có lợi cho sự kinh doanh của giới tư sản Pháp.

Ngày 17 tháng 2 năm 1906, toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập thị xã Quảng Trị và lấy thị xã Quảng Trị làm trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Trị. Từ đó, các phố xá lần lượt được xây dựng và ngày càng trở nên sầm uất. Đặc biệt là kể từ sau khi đường Thuộc địa số 9 (nay gọi là Quốc lộ 9) được mở thì thị xã Quảng Trị càng có điều kiện để trở thành một đầu mối kinh tế, chính trị có tầm chiến lược của tỉnh và toàn khu vực. Cơ cấu kinh tế mới xuất hiện đã hình thành cơ cấu xã hội mới. Bên cạnh tầng lớp nông dân, thợ thủ công chiếm số đông, xuất hiện lực lượng công nhân và các tầng lớp tư sản, tiểu tư sản, dân nghèo thành thị. Ngọn lửa của các phong trào yêu nước, cách mạng và phong trào Cộng sản những thập niên đầu thế kỷ XX của nhân dân Quảng Trị luôn được nhen nhóm và phát triển mạnh mẽ từ trong lòng thị xã tỉnh lỵ. Đó chính là một là tiền đề cho phong trào cách mạng các giai đoạn kế tiếp.

Trước tình hình các phong trào yêu nước và cách mạng ngày một dâng cao, thực dân pháp tăng cường đàn áp và xây dựng nhà tù. Nhà lao trong thành Quảng Trị trở thành nơi giam giữ nhiều nhà chí sĩ yêu nước, nhiều chiến sĩ cách mạng trong tỉnh và khu vực. Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, nhà lao Quảng Trị đã được mở, 150 tù chính trị (trong đó có gần 80 đảng viên Cộng sản) được trả tự do. Đó là lực lượng chủ chốt trong phong trào khởi nghĩa giành chính quyền, tạo điều kiện cho thắng lợi nhanh chóng của nhân dân Quảng Trị trong Cách mạng tháng Tám.

Đúng 5 giờ sáng ngày 23 tháng 8 năm 1945, tại tòa Công sứ, lá cờ đỏ sao vàng đã được ủy ban khởi nghĩa treo lên trong tiếng reo mừng của hàng vạn nhân dân báo hiệu sự chấm dứt của chế độ thực dân phong kiến thống trị, đánh dấu ngày đầu tiên nhân dân Quảng Trị được sống trong không khí tự do, độc lập. Thị xã Quảng Trị trở thành trung tâm lãnh đạo của chính quyền cách mạng đại diện cho một nhà nước kiểu mới - nhà nước dân chủ nhân dân.

Cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi. Hiệp định Geneve về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Theo Hiệp định Geneve nước ta tạm thời chia làm 2 miền, lấy vĩ tuyến 17 làm đường biên giới quân sự tạm thời. Quảng Trị là nơi trực tiếp bị chia cắt. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Quảng Trị có một vị trí rất quan trọng. Đối với địch, Quảng Trị là một địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng trong hệ thống phòng ngự của chúng. Đây vừa là bàn



*Thị xã Quảng Trị
trước ngày
xảy ra chiến dịch*

Ảnh tư liệu

đập để địch thực hiện âm mưu “Bắc tiến” khi có điều kiện, vừa xác lập một hệ thống phòng thủ mạnh nhất để làm “lá chắn” ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc, bảo vệ miền Nam.

Từ năm 1954 đến năm 1971, mặc dù thành Quảng Trị không còn đảm nhận sứ mệnh là trung tâm đầu não của bộ máy chính quyền cấp tỉnh, nhưng do vị trí chiến lược của nó trong lòng thị xã cùng những thay đổi về mục đích sử dụng nên vị thế thành Quảng Trị không những không bị giảm sút mà còn được đẩy lên tầm quan trọng hơn, nhất là khi cục diện cuộc chiến tranh giữa nhân dân ta với chế độ nguy quyền Sài Gòn ngày càng trở nên khốc liệt. Thành Quảng Trị luôn nằm trong mối tương quan giữa bản thân nó với toàn thị xã; giữa thị xã với cục diện chiến trường toàn tỉnh và toàn miền; giữa cuộc đấu tranh chính trị, quân sự, từ 2 phía ta và địch... Chính điều đó đã làm cho thành Quảng Trị trở thành nơi quy tụ các nguyên nhân, sự kiện xảy ra tại thị xã Quảng Trị trong những năm 1954-1971.

Thời đánh Mỹ năm 1972, vùng đất Quảng Trị được xem là chiến trường khốc liệt nhất, nơi diễn ra những cuộc đụng đầu nảy lửa giữa ta và địch. Với địa thế vừa là bàn đạp để thực hiện âm mưu “Bắc tiến” khi có điều kiện, vừa là lá chắn bảo vệ “biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17”, đây là chiến trường sinh tử đối với Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Sau hai cuộc tấn công bất ngờ và quả cảm của quân ta - bắt đầu từ giữa trưa ngày 30 tháng 3 năm 1972, thị xã Quảng Trị được giải phóng vào chiều ngày 01 tháng 5 năm 1972. Đến 28 tháng 6 năm 1972, ngày khởi đầu của 81 ngày đêm kiêu hùng của những chiến binh quả cảm của chúng ta trong cuộc chiến không cân sức về khí tài trong lòng Thành cổ.

Để lấy lại tinh thần và gây sức ép với ta tại Hội nghị Paris, địch dốc toàn bộ lực lượng mở cuộc phản kích tái chiếm Quảng Trị với mục tiêu số một là chiếm lại

tòa Thành cổ. Trong cuộc hành quân lấy tên “Lam Sơn 72” bắt đầu ngày 28 tháng 6 năm 1972, địch đã huy động phản kích bằng máy bay phản lực, bình quân mỗi ngày 150 - 170 lần (có ngày 220 lần), 70 - 90 lần B52, 12 - 16 lần tàu khu trục hạm và tuần dương hạm thuộc Hạm đội 7 - Thái Bình Dương, hai sư đoàn dự bị chiến lược là Sư dù và thủy quân lục chiến, 4 trung đoàn thiết giáp - mỗi trung đoàn có 79 xe tăng và xe bọc thép... Đây là cuộc hành quân đẫm máu, cực kỳ tàn bạo với đủ loại vũ khí hiện đại: Từ bom phá, bom na-pan, bom lân tinh, bom bi, bom 7 tấn, bom điều khiển bằng la-de; đến các loại pháo chơm, pháo khoan, chất độc hóa học và hơi ngạt. Người ta đã ghi nhận được: Đêm 4 tháng 7 năm 1972, pháo đài bay B52 Mỹ đã ném 4.000 tấn bom; ngày 31 tháng 7, khoảng 2 vạn quả đại bác cỡ lớn từ 105-203mm đã rơi xuống vùng phụ cận và khu vực thị xã Quảng Trị. Báo chí phương Tây thời bấy giờ bình luận và so sánh số bom đạn Mỹ ném xuống chiến trường Quảng Trị khoảng 328 ngàn tấn, tương đương sức công phá của 7 quả bom nguyên tử ném xuống Hi-rô-shi-ma (Nhật Bản) năm 1945.

Trong lửa đạn khốc liệt ấy, Thành cổ Quảng Trị với chu vi hơn 2.160m là “túi bom” của kẻ thù. Chúng huy động tối đa lực lượng, phương tiện để chiếm bằng được Thành cổ vì đây là địa bàn chiến lược, có thể tạo sức nặng mặc cả với ta tại Hội nghị Paris. Không thể thống kê hết số bom đạn giội xuống mảnh đất này. Người ta áng chừng, trung bình mỗi chiến sĩ ở đây phải hứng chịu trên 100 quả bom và 200 quả đạn pháo. Thậm chí, có ngày - như ngày 25 tháng 7, địch điên cuồng xả vào Thành cổ khoảng 5.000 quả đại bác. Bốn dãy tường thành Thành cổ dày đến 12m cứ vỡ dần, vì bom đạn và chấn động mặt đất. Máu, thịt và xương của các chiến sĩ hy sinh đã hòa vào lòng đất mẹ.



*Một góc Thị xã Quảng Trị
(Tháng 7 - 1972)*

Thế nhưng, bom đạn không làm sờn lòng những chiến sĩ anh hùng - hầu hết đều rất trẻ. Các anh đã kiên cường bám trụ giữ từng tấc đất Thành cổ. Trong một ngày, các chiến sĩ đã phải đánh địch phản kích từ 5-7 lần, có khi 13 lần. Cuộc chiến đấu ở đây đã diễn ra như một huyền thoại và cách đánh cũng vượt ra những quy ước thông thường với nhiều tấm gương quả cảm. Cuộc chiến đấu anh hùng 81 ngày đêm bảo vệ Thành cổ Quảng Trị kết thúc bằng thất bại của một đội quân xâm lược đông trên 5 vạn tên với thừa thãi sức mạnh bom đạn, một lần nữa làm sáng ngời chân lý: Kẻ xâm lược có vũ khí tối tân đến đâu cũng phải khuất phục trước những con người có ý chí thép gang, một lòng chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc...

Thắng lợi ở mặt trận Quảng Trị trong năm 1972 đã góp phần thực hiện tích cực quyết tâm chiến lược của Trung ương Đảng. Cùng với thắng lợi của cả nước, nổi bật vào cuối năm 1972 là quân và dân Hà Nội đã đánh thắng cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ, làm thất bại mưu đồ đàm phán trên thế mạnh của Mỹ, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, rút hết quân Mỹ, quân các nước phụ thuộc Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, làm cho so sánh lực lượng thay đổi hẳn có lợi cho ta trong thời gian tiếp theo.

Chiến tranh đã đi qua, thành Quảng Trị đã bị huỷ diệt hoàn toàn. Sau ngày đất nước thống nhất, Thành cổ Quảng Trị đã được nhìn nhận, đánh giá đúng với vị trí, vai trò nó đã đảm nhận trước lịch sử. Thành cổ Quảng Trị được xếp vào hạng Di tích đặc biệt quan trọng của cả nước. Công cuộc trùng tu, tôn tạo di tích Thành cổ Quảng Trị đã và đang được Nhà nước ta quan tâm đầu tư. Thành cổ Quảng Trị sẽ trở thành một công viên văn hóa tưởng niệm; là nơi khắc dấu những chiến công bất tử của quân dân Quảng Trị anh hùng; là nơi giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng cho hôm nay và cho các thế hệ con cháu mai sau.

(Trung tâm Bảo tồn di tích và Danh thắng Quảng Trị)

PHẦN THỨ HAI

THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ Huyền thoại mùa hè đỏ lửa - 1972



- ...Đó là những ngày tháng nóng bỏng nhất trên mặt trận Quảng Trị. Thành Cổ trở thành nơi thử thách khốc liệt nhất đối với các chiến sĩ ta. Trong một phạm vi nhỏ hẹp của Thành Cổ, mấy trăm ngàn tấn bom, đạn pháo đủ loại đã dội xuống trong 81 ngày đêm của mùa hè đỏ lửa 1972; đến một nhánh cỏ cũng không còn sót được...

- Vậy mà các chiến sĩ Thành Cổ Quảng Trị vẫn bám trận địa chiến đấu đến cùng. Người này ngã xuống, người kia lại tiếp tục với ý chí: Tim còn đập thì Thành Cổ không thể mất! Và, các anh đã làm nên một trong những Huyền thoại hào hùng nhất của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.



Cuộc chiến đấu kiên cường anh dũng của quân và dân ta trong 81 ngày đêm bảo vệ Thành cổ Quảng Trị

(từ ngày 28 - 6 đến ngày 16 - 9 năm 1972)

TÌNH HÌNH QUẢNG TRỊ TRƯỚC NGÀY 28 THÁNG 6 NĂM 1972

Tỉnh Quảng Trị thuộc dải đất hẹp miền Trung, diện tích 4.886km². Thực hiện Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về lập lại hòa bình ở Việt Nam, tỉnh Quảng Trị bị chia làm hai phần, lấy sông Bến Hải nằm trên vĩ tuyến 17 làm ranh giới. Nam sông Bến Hải nằm dưới quyền kiểm soát của Mỹ - ngụy gồm các huyện Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa, Hải Lăng, Triệu Phong và các thị xã Quảng Trị, Đông Hà, trong đó thị xã Quảng Trị là thủ phủ của tỉnh với số dân lúc đó khoảng 25.000 người. Bắc sông Bến Hải được giải phóng là huyện Vĩnh Linh, dân số khoảng 9.000 người, một thời gian sau, Chính phủ quyết định thành lập Đặc khu hành chính Vĩnh Linh, có thị trấn Hồ Xá. Thực tế lịch sử đó đã biến tỉnh Quảng Trị thành mảnh đất địa đầu, đối chọi giữa hai miền đất nước có chế độ xã hội hoàn toàn đối lập mà cuộc đấu tranh về mọi mặt đều diễn ra quyết liệt, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ chính trị hai miền. Trong đó, cuộc chiến đấu bảo vệ thị xã và Thành cổ Quảng Trị là một đỉnh cao về tính quyết liệt, diễn ra trong một thời điểm nhạy cảm khi mọi thành bại trên chiến trường đều trực tiếp tác động tới vị thế từng bên trong Hội nghị Pari.

Thành cổ Quảng Trị là mục tiêu mà địch cố chiếm nhằm giành lợi thế ở Hội nghị Pari, là mục tiêu có ý nghĩa để tuyên truyền, kích động binh lính địch và lừa bịp dư luận quốc tế, lấy lại danh dự của chúng sau thất bại ở Quảng Trị tháng 5 năm 1972. Về quân sự, khu vực Nhan Biều, Ái Tử, Đông Hà nằm trên các trục đường quan trọng, trong đó có đường quốc lộ 1A, đường số 9, đường sông, sân bay. Chiếm được khu vực này, địch có một bàn đạp lợi hại để tiếp tục tiến công ra vùng giải phóng. Vì

thế, ngay từ đầu, địch tập trung mọi cố gắng, mọi thủ đoạn để đánh chiếm bằng được. Cuộc chiến ở đây trở nên rất quyết liệt. Trong đó, thị xã, Thành cổ là một chốt chặn quan trọng nhất phục vụ cho ý định phản công của ta. Việc giữ được thị xã, đặc biệt là Thành cổ, sẽ tạo điều kiện để ta chuyển vào phòng ngự chiến dịch được thuận lợi, thực hiện được mục tiêu mà cấp chiến lược giao cho chiến dịch.

Quảng Trị có ba đường chính là quốc lộ 1A chạy suốt từ Bắc vào Nam. Song song với đường 1A có đường sắt Bắc - Nam, nhưng đã bị phá hỏng trong chiến tranh. Cùng với trục quốc lộ 1A, ở ven biển có tỉnh lộ 68 chạy dọc từ Quảng Trị vào cửa Thuận An, tỉnh Thừa Thiên. Phía Tây có đường 15A, 15N chạy từ miền Bắc qua đường số 9 vào A Sầu, A Lưới nối với quốc lộ 14 và vào Quảng Nam. Bắc Quảng Trị có quốc lộ số 9 nối quốc lộ 1A từ ngã ba Đông Hà lên Khe Sanh, Lao Bảo, sang tỉnh Savanakhét (Lào), đường 64 từ thị xã Quảng Trị ra cảng Cửa Việt và nhiều đường ngang từ vùng rừng núi về trung du do ta mới mở để cơ động lực lượng, phục vụ chiến trường và chiến đấu.

Ngoài đường bộ, địch dựa vào hệ thống sông Thạch Hãn, cải tạo nhiều chỗ để thuyền, ca nô, tàu nhỏ đi lại dễ dàng. ở cửa sông, chúng xây dựng cảng cửa Việt, tàu thuyền từ biển qua cảng cửa Việt lên thị xã Quảng Trị, Khe Sanh.

Phục vụ cho chiến tranh xâm lược, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, địch xây dựng nhiều sân bay dã chiến như La Vang (Nam thị xã Quảng Trị 1,5km), Khe Sanh, ái Tử. Từ các sân bay này, máy bay quân sự (kể cả các loại máy bay phản lực) có thể lên xuống được.

Khí hậu ở Quảng Trị chia làm hai mùa rõ rệt, mùa mưa và mùa khô. Mùa khô từ tháng 3 đến tháng 8 hàng năm, trời thường nắng nóng, có gió tây nóng và khô; nhiệt độ trong ngày thường từ 37 đến 38 độ C, có ngày lên đến 40 độ C; sông suối khô cạn. Mùa mưa từ tháng 9 năm trước đến tháng 2 năm sau, mưa dầm dề, có khi kéo dài hàng tháng; bão lụt thường xảy ra vào các tháng 9, 10, 11; sông suối ngập lụt, đường sá lầy lội, xe cơ giới hoạt động rất khó khăn, nhất là trên các đường đất mới mở.

Về tình hình địch

Ngày 1 tháng 5 năm 1972, ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị. Nhưng với bản chất cực kỳ ngoan cố và hiếu chiến, không chịu mất một tỉnh địa đầu tiếp giáp với miền Bắc và bất chấp tiến trình Hội nghị Pari bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam đã kéo dài 4 năm đang đi vào thời điểm quyết định, Níchxon một mặt ra lệnh cho Nguyễn Văn Thiệu phải chiếm lại tỉnh Quảng Trị, một mặt “Mỹ hóa” trở lại cuộc chiến tranh để cứu vãn chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đang có nguy cơ sụp đổ. Ngày 16 tháng 4 năm 1972, chúng ném bom trở lại và rải mìn phong tỏa các hải cảng lớn ở miền Bắc nước ta. Ngày 4 tháng 5 năm 1972, nhận được tín hiệu của Mỹ, Tổng thống Việt Nam cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu và Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng quân nguy vội vã bay ra căn cứ quân sự Mang Cá (Huế) họp bàn

với các cố vấn quân sự Mỹ và các tướng tá chỉ huy quân nguy để cứu xét tình hình Trị Thiên, đặc biệt là việc thất thủ Quảng Trị. Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh bắt giam tướng Vũ Văn Giai - Tư lệnh sư đoàn 3 vì đã tự động cho lui quân khỏi phòng tuyến phía Bắc và giải tán luôn cả sư đoàn này; đồng thời cách chức tướng Hoàng Xuân Lâm - Tư lệnh Quân khu 1 - Quân đoàn 1 vì để thất thủ Quảng Trị mà vẫn nói “quân ta không thắng mà cũng không thua”. Để cứu vãn tình thế, Nguyễn Văn Thiệu điều tướng Ngô Quang Trưởng - Tư lệnh quân khu 4 - Quân đoàn 4, một tướng mà Thiệu cho là có uy danh trong quân lực Việt Nam cộng hòa, sắc sảo trong chiến trận, có tầm nhìn xa trông rộng về chiến thuật, chiến lược, ra làm tư lệnh quân khu 1 - Quân đoàn 1 thay tướng Hoàng Xuân Lâm. Ngay ngày 5 tháng 5 năm 1972, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh chuẩn bị cuộc phản công mang mật danh “Lam Sơn 72” tái chiếm Quảng Trị. Để ngăn chặn ta phát triển tiến công vào phía Nam, địch lập tức tăng quân và hỏa lực, nhanh chóng củng cố tuyến phòng ngự Nam sông Mỹ Chánh; Đồng thời lập tuyến phòng ngự phía Tây đường 12 để ngăn chặn ta tiến công vào Huế, nhằm bảo toàn lực lượng, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc phản công tái chiếm Quảng Trị của chúng.

Thực hiện quyết tâm của Lầu Năm góc, chính quyền Sài Gòn tăng cường lực lượng tổng dự bị chiến lược và lực lượng dự bị của quân khu 1 cho Thừa Thiên gồm: toàn bộ sư đoàn dù, sư đoàn lính thủy đánh bộ, sư đoàn 1 bộ binh, trung đoàn 4 thuộc sư đoàn 2 bộ binh. Tổng lực lượng gồm 13 trung đoàn bộ binh, 17 tiểu đoàn pháo binh, 5 thiết đoàn và nhiều đơn vị công binh, không quân, hải quân của quân khu 1 hỗ trợ. Đặc biệt là Mỹ đã tăng gấp 2 lần số máy bay ném bom chiến lược B52, triển khai lại các lực lượng không quân chiến thuật và hải quân chi viện hỏa lực trực tiếp với mật độ cao và cường độ rất lớn cho cuộc phản công của quân nguy (đây là sự chi viện hỏa lực lớn nhất của Mỹ trong một chiến dịch, kể cả các chiến dịch quân Mỹ là lực lượng chủ yếu. Trong suốt thời gian Mỹ xâm lược miền Nam Việt Nam, chỉ tính riêng máy bay B52, trong tháng 6 năm 1972, địch xuất kích trung bình là 135 lần chiếc một ngày và cao nhất là 200 lần chiếc một ngày...). Chúng tăng cường lực lượng không quân, hải quân tập trung đánh phá liên tục, ác liệt vào hậu phương chiến dịch của ta, đặc biệt là các đường giao thông, kho tàng, các trận địa pháo của ta. Để đối phó với đợt tiến công thứ 3 của ta vào Thừa Thiên - Huế, từ ngày 16 đến ngày 26 tháng 6 địch dùng sư đoàn lính thủy đánh bộ đánh vào Hải Lăng, Mỹ Thủy, Cổ Lũy buộc Sư đoàn 320B (nay là Sư đoàn 390) của ta phải đưa lực lượng dự bị (Trung đoàn bộ binh 18) vào chiến đấu sớm hơn dự định. Đồng thời, chúng dùng phi pháo đánh chặn các hướng tiến công của ta; lực lượng ta ở các hướng tiến công bị tổn thất nặng, phải dừng lại vừa củng cố, vừa đánh chặn địch. Địch không những đã chặn được đợt tiến công thứ 3 của ta mà còn chiếm được các tuyến làng ở phía Nam, Bắc sông Mỹ Chánh từ đường số 1 ra đến biển làm tuyến xuất phát của cuộc phản công ra Quảng Trị của chúng.

Đến ngày 26 tháng 6 năm 1972, đội hình phản công của địch hình thành trên hai hướng: Hướng tây tiến công theo đường số 1 và các dãy điểm cao phía tây đường số

1, do sư đoàn dù, được tăng cường thiết đoàn 20 chiến xa, thiết đoàn 7 kỵ binh, 1 tiểu đoàn pháo 155mm, đảm nhiệm.

Hướng đông từ Hải Lăng ra đến biển, do sư đoàn lính thủy đánh bộ đảm nhiệm, được tăng cường thiết đoàn 18 kỵ binh, 1 chi đoàn xe bọc thép của thiết đoàn 17, một tiểu đoàn pháo 155mm. Lực lượng dự bị cho sư đoàn lính thủy đánh bộ ở hướng này có chiến đoàn 4, gồm trung đoàn 4 bộ binh, thiết đoàn 17 (thiếu), tiểu đoàn 11 pháo binh.

Phòng ngự ở Huế và Phú Bài có sư đoàn 1 bộ binh và liên đoàn 1 biệt động quân. Lực lượng dự bị của quân đoàn là trung đoàn 51 bộ binh đứng ở Huế.

Hỏa lực quân đoàn 1 nguy chi viện cho phản công có 2 tiểu đoàn pháo 175mm, 2 tiểu đoàn pháo 105mm và 1 tiểu đoàn pháo phòng không; 1 sư đoàn không quân và hải quân vùng 1 duyên hải thuộc quân đoàn 1. Tuy nhiên, lực lượng hải quân và không quân Mỹ là lực lượng chi viện hỏa lực chủ yếu cho cuộc hành quân.

Mở đầu cuộc phản công “Lam Sơn 72”, suốt hai ngày 26 và 27 tháng 6 năm 1972, địch tập trung phi pháo đánh phá liên tục, ác liệt toàn bộ chiến tuyến phía Bắc sông Mỹ Chánh từ núi Cái Mương, Hồ Lầy, Đá Bạc (hướng Tây) đến Văn Quỳ, Hội Kỳ Phường (hướng Đông), các trận địa hỏa lực của ta nằm dọc đường số 1 và ở huyện Hải Lăng. Sáng 28 tháng 6, dưới sự chi viện của không quân, pháo hạm của hải quân Mỹ và các lực lượng pháo binh, xe tăng, hai sư đoàn chủ lực nguy bắt đầu tiến công: Trên hướng đường số 1, sư đoàn dù dùng các lữ đoàn 2 và 3 làm lực lượng tiến công chủ yếu, lữ dù 1 làm lực lượng dự bị ở phía sau. ở hướng đông Hải Lăng, sư đoàn lính thủy đánh bộ dùng các lữ đoàn 147 và 369 làm lực lượng tiến công chính diện, tiến theo trục đường 68; lữ đoàn 258 cơ động xuống phía sau làm lực lượng dự bị. Để tăng cường hỏa lực chi viện cho bộ binh các hướng tiến công, ngoài lực lượng không quân chiến thuật, chiến lược và pháo hạm của hải quân Mỹ chi viện trực tiếp, trung bình mỗi tiểu đoàn bộ binh khi tiến công được 1 tiểu đoàn pháo chi viện; mỗi trung đoàn bộ binh có 1 thiết đoàn xe tăng, xe thiết giáp phối hợp chiến đấu.

Như vậy, trước ngày 28 tháng 6, địch đã chuẩn bị đầy đủ mọi mặt cho cuộc tiến công lớn ra vùng giải phóng, nhằm chiếm mục tiêu trước mắt là thị xã và Thành cổ Quảng Trị, thủ phủ của tỉnh địa đầu miền Nam làm áp lực với ta trong Hội nghị Pari. Với lực lượng lớn: 2 sư đoàn tiến công chính, có lực lượng dự bị mạnh, khả năng bổ sung quân nhanh, quân Mỹ chi viện hỏa lực mạnh (cả pháo hạm và máy bay chiến lược B52) nên sức tiến công của địch tăng lên nhiều, liên tục, vì vậy cuộc chiến đấu giữa ta và địch trở nên rất quyết liệt.

Về ta

Sau khi giải phóng tỉnh Quảng Trị, từ ngày 2 đến 19 tháng 6 năm 1972, các lực lượng của ta vừa tiến hành công tác chuẩn bị, vừa tổ chức đánh nhỏ để tạo thế và đến sáng ngày 20 tháng 6 ta bắt đầu nổ súng tiến công đợt 3. Thực ra việc mở đầu tiến công

đợt 3 là do địch đánh ra, vì từ ngày 19 tháng 6 địch dùng các lữ đoàn 147 và lữ đoàn 369 lính thủy đánh bộ tiến ra thăm dò trên 2 hướng Xuân Viên, Đồng Dương - Thảm Khê và Văn Quỳ - Hội Kỳ Phường. Nhân cơ hội địch đánh ra, Bộ Tư lệnh chiến dịch ra lệnh cho cánh Đông thực hành tiến công đợt 3 sớm hơn; trước mắt tiêu diệt quân địch nòng ra, sau đó tiếp tục phát triển tiến công theo kế hoạch. Chấp hành mệnh lệnh của trên, sáng 20 tháng 6, trên hướng đông, các đơn vị nỏ súng đánh địch tiến công. Trên hướng bắc (trên đường số 1 và tây đường 1), sáng 21 tháng 6, các đơn vị của ta tiến công quân dù ở núi Cái Mương, Cầu Nhi. Trên hướng đường 12 (tây Huế) do chuẩn bị chậm, nên đến ngày 26 tháng 6 mới tiến công được.

Trong quá trình tiến công đợt 3, từ 20 tháng 6 ta phát hiện dân ý đồ và âm mưu của địch đang tăng quân, tăng hỏa lực để chặn ta và phản công chiếm lại vùng giải phóng Quảng Trị. Nhưng đến 25 tháng 6, ta mới tổng hợp tương đối đủ tình hình, thấy rõ ý định của địch tập trung tiến hành cuộc tiến công quy mô lớn ra bắc sông Mỹ Chánh để đánh chiếm lại vùng giải phóng.

Tại thời điểm này, lực lượng và thế trận của ta ở Quảng Trị như sau:

Trên hướng đông: các trung đoàn bộ binh 64 và 27 Sư đoàn 320B, sau kết quả tiến công hạn chế và không đẩy lùi được lữ đoàn 147 và lữ đoàn 369 lính thủy đánh bộ về nam sông Mỹ Chánh; lực lượng bị tiêu hao, không đủ sức tiến công, phải chuyển sang chiến đấu ngăn chặn địch trên tuyến Xuân Viên - Đồng Dương, Văn Quỳ, Hội Kỳ Phường.



*Phút hiếm hoi
nơi trận mạc*

*Các chiến sĩ nuôi quân
dùng cảm thường xuyên
phải vượt qua bom lửa
dày đặc trong Thành cổ
để phân phát khẩu phần
ăn tới các chiến sĩ*

Ảnh: TL



Trên hướng đường 1 (hướng Bắc), Sư đoàn 304 được tăng cường Trung đoàn bộ binh 88 của Sư đoàn 308 đang tiến công địch ở Nam, Bắc sông Mỹ Chánh. Sư đoàn 308 (thiếu Trung đoàn 88), Trung đoàn bộ binh 36, Trung đoàn bộ binh 102 đang trên đường hành quân vào Nam sông Mỹ Chánh. Trung đoàn bộ binh 48 (thiếu Tiểu đoàn bộ binh 2) Sư đoàn 320B, đang cùng Tiểu đoàn 8 Quảng Trị triển khai phòng ngự ở thị xã Quảng Trị, La Vang; 1 tiểu đoàn ở Ái Tử (Tiểu đoàn 2 đang chiến đấu cùng Sư đoàn 304 ở khu vực núi Cái Mương). Các trận địa pháo binh, pháo phòng không đã triển khai từ Trường Phước đến Thượng Phước để chi viện cho lực lượng tiến công ở nam sông Mỹ Chánh.

Trên hướng đường 12 (tây Huế) ta bắt đầu tiến công, nhưng gặp rất nhiều khó khăn và bị địch chặn lại.

Đêm 26 tháng 6, Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh chiến dịch họp đánh giá kết quả đợt tiến công thứ 3, hội nghị nhận thấy: Đợt tiến công thứ 3 của ta không thành công, sức tiến công yếu, lại giảm sút nhanh chóng. Địch thiệt hại không đáng kể, chúng có thể dùng 1 đến 2 trung đoàn ngăn chặn ta ở hướng đường 1 và nhân lúc hậu phương chiến dịch của ta sơ hở mở cuộc tiến công chiếm lại.

Từ kết luận đó, Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh chiến dịch chủ trương: “Tiếp tục cuộc tiến công hiện nay có trọng điểm, có hiệu lực, đồng thời khẩn trương triển khai các lực lượng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, các đơn vị binh khí kỹ thuật để đánh bại cuộc hành quân của địch, chặn bằng được các cánh quân tiến công của chúng ở Trường Phước và Hải Lăng. Cụ thể: dùng một bộ phận lực lượng giữ vững các khu vực bàn đạp quan trọng ở Quảng Trị, đồng thời thực hành tiến công nhỏ và vừa tiêu hao một số bộ phận sinh lực địch, đánh mạnh vào hậu phương,

kho tàng, sân bay và bắn máy bay địch, làm chúng rối loạn; sẵn sàng đánh địch đổ bộ đường không, đường biển để giữ vững vùng giải phóng.

Trên hướng đường 12 (tây Huế), trước mắt đẩy mạnh tiến công để phối hợp với hướng Quảng Trị, dành cho được khu vực Động Tranh, sau đó áp xuống Bình Điền, đánh cắt giao thông ở Nam đèo Hải Vân và đánh sâu vào sau lưng địch, phá sân bay, kho tàng”.

Ngày 27 tháng 6, Quân ủy Trung ương thông báo cho Bộ Tư lệnh chiến dịch các hoạt động khẩn trương chuẩn bị tiến công ra Quảng Trị của địch và chỉ thị biện pháp đánh địch của ta để phối hợp với đấu tranh ngoại giao. Tối 28 tháng 6, Bộ tư lệnh chiến dịch hạ quyết tâm: *“Chuyển từ chiến dịch tiến công sang chiến dịch phản công nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giữ vững vùng giải phóng, đánh bại cuộc hành quân của địch và phát triển lúc thời cơ có lợi”*.

Thực hiện chủ trương trên, Bộ Tư lệnh chiến dịch điều chỉnh thể trận và sử dụng lực lượng như sau:

Sư đoàn 308, gồm các trung đoàn 36, 102, 66⁽¹⁾, Tiểu đoàn 2 độc lập, phụ trách khu vực bắc sông Mỹ Chánh, đánh địch trên hướng đường 1; trước mắt dùng một bộ phận lực lượng tổ chức một cụm chốt liên hoàn ở các khu vực cầu Bến Đá - Cầu Nhùng và Thượng Nguyên, kiên quyết chặn địch để tạo điều kiện cho đại bộ phận lực lượng cơ động chuẩn bị chuyển sang phản công địch.

Sư đoàn 304, gồm các trung đoàn 24, 9, 88⁽²⁾, Tiểu đoàn đặc công 35 tiếp tục tiến công tiêu diệt địch ở nam sông Mỹ Chánh; chủ yếu ở khu vực Yên Bào, sau đó phát triển vào Phò Trạch.

Sư đoàn 320B, gồm các trung đoàn 27, 64, 18⁽³⁾; các tiểu đoàn 14, 47 địa phương ở hướng đông có nhiệm vụ tiêu hao, ngăn chặn địch từ Thanh Hương, Mỹ Chánh tiến theo đường 68 và từ biển đổ bộ vào, bảo vệ huyện Hải Lăng. Trung đoàn 18 làm lực lượng dự bị chiến dịch, đứng chân ở Quảng Lương, Văn Trường, sẵn sàng đánh địch ở nam Cửa Việt.

Trung đoàn 48, Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương và 3 tiểu đoàn phòng không có nhiệm vụ bảo vệ khu vực thị xã Quảng Trị - La Vang - Ái Tử.

Do tình hình rất khẩn trương, việc điều chỉnh thể trận và sử dụng lực lượng theo kế hoạch chưa được thực hiện, riêng Trung đoàn bộ binh 66 đã cố gắng đến được vị trí triển khai đánh địch; còn các đơn vị khác đang hành quân dưới sự đánh phá ngăn chặn ác liệt của phi pháo Mỹ - ngy nên không kịp đến các vị trí quy định để ngăn chặn địch.

1. Trung đoàn 66 Sư đoàn 304 lúc này tăng cường cho Sư đoàn 308.

2. Trung đoàn 88 Sư đoàn 308 lúc này tăng cường cho Sư đoàn 304.

3. Trung đoàn 18 Sư đoàn 325 lúc này tăng cường cho cánh Đông.

Sau khi phát hiện ý đồ tập trung lực lượng phản công tái chiếm tỉnh Quảng Trị của địch, Bộ Tư lệnh chiến dịch một mặt tổ chức lực lượng, điều các đơn vị vào các vị trí chặn đánh địch bảo vệ vùng giải phóng; một mặt thông báo cho Tỉnh ủy và lệnh cho Tỉnh đội Quảng Trị tổ chức các lực lượng vũ trang, các tổ chức quân, dân, chính, Đảng ở địa phương khẩn trương chuẩn bị chiến đấu, phối hợp với bộ đội chủ lực đánh bại cuộc tiến công lớn của địch nhằm chiếm lại toàn bộ tỉnh Quảng Trị, trước mắt đánh bại chủ trương chiếm cho được Thành cổ (thành Đình Công Tráng) và thị xã làm con bài chính trị phục vụ cho đấu tranh ngoại giao ở Hội nghị Pari của chúng.

Ngay sau khi nhận được thông báo và mệnh lệnh chiến đấu của Bộ Tư lệnh chiến dịch, Tỉnh ủy và Tỉnh đội họp, thống nhất nhận định tình hình, đề ra chủ trương và giao nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc quyền khẩn trương tiến hành các mặt chuẩn bị cho trận chiến đấu mới:

Một trong những công việc cần tiến hành khẩn trương là tổ chức phòng tránh cho nhân dân, do địch dùng phi pháo đánh phá ác liệt và dự kiến chiến sự sẽ diễn biến phức tạp, Tỉnh ủy chỉ thị cho các cấp chính quyền tổ chức sơ tán nhân dân hai huyện Triệu Phong, Hải Lăng và thị xã Quảng Trị ra khỏi vùng có chiến sự ác liệt, chủ yếu chuyển ra các huyện Gio Linh, Cam Lộ, sau đó ra Vĩnh Linh. Tranh thủ xây dựng, phát triển, tổ chức lực lượng vũ trang địa phương bảo đảm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu và bảo vệ nhân dân sơ tán. Chuẩn bị lực lượng, phương án hình thành thế trận chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch (chuẩn bị lực lượng, lập các căn cứ, chuẩn bị lương thực, vũ khí ở những vùng dự kiến địch đánh qua để sử dụng sau này). Tổ chức lực lượng tích cực đánh phá giao thông, hậu cứ, kho tàng, sở chỉ huy của địch làm cho chúng rối loạn; đồng thời giúp đỡ, đưa đồng bào còn kẹt lại trong vùng có chiến sự sơ tán khi địch đã đánh qua.

Thực hiện mệnh lệnh chiến đấu của Bộ Tư lệnh chiến dịch, chủ trương, nhiệm vụ của Tỉnh ủy, Tỉnh đội giao, trong một thời gian ngắn, các cấp ủy, cán bộ, bộ đội đã khẩn trương đưa được 8 vạn dân thị xã và hai huyện Triệu Phong, Hải Lăng, là những địa bàn địch đang đánh phá ác liệt, đến các nơi an toàn hơn, sau đó đưa phần lớn đồng bào ra Vĩnh Linh. Bố trí các lực lượng vũ trang địa phương phối hợp chiến đấu ở các khu vực với bộ đội chủ lực như: Tại khu vực thị xã, ngoài lực lượng nòng cốt là Trung đoàn bộ binh 48 Sư đoàn 320B, được tăng cường pháo binh và các đơn vị binh chủng; tỉnh đã củng cố, biên chế đầy đủ cho Tiểu đoàn bộ binh 8, Tiểu đoàn bộ binh 3 và Đại đội 32 của thị xã, cùng một số du kích tập trung, cán bộ các ban ngành để phối hợp chiến đấu với bộ đội chủ lực bảo vệ địa bàn. Trên hướng đông, tỉnh bố trí Tiểu đoàn bộ binh 14, với nhiệm vụ chủ yếu là cùng bộ đội chủ lực chốt giữ khu vực Cửa Việt, đồng thời cùng cán bộ cơ sở vận động, tổ chức sơ tán nhân dân về phía sau, kể cả khi địch đã tràn qua. Chuẩn bị mặt trận sau lưng địch, tỉnh bố trí Tiểu đoàn 10 đặc công và các đại đội bộ đội địa phương của hai huyện Triệu Phong và Hải Lăng cùng các đội du kích, bám trụ thôn xã, sẵn sàng tập kích đánh vào hậu phương địch.

Trong khi Trung đoàn 48 đang cùng các lực lượng vũ trang địa phương và Trung đoàn 24 Sư đoàn 304 chiến đấu quyết liệt với 2 lữ đoàn lính thủy đánh bộ nguy ở khu vực núi Cái Mương (Tây Bắc Thừa Thiên), nhưng trước tình hình địch đang tập trung lực lượng chuẩn bị phản kích ra Quảng Trị, đánh chiếm vùng giải phóng của ta, ngày 21 tháng 6 năm 1972, Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định điều Trung đoàn 48, trừ Tiểu đoàn 2 ở lại tiếp tục chiến đấu với Sư đoàn 304, còn toàn bộ trung đoàn hành quân về khu vực Đầu Kênh - Hà My, huyện Triệu Phong, bố trí ở các khu vực dọc đường 64 (bắc sông Thạch Hãn) sẵn sàng chiến đấu bảo vệ thị xã và Thành cổ Quảng Trị.

Cuối tháng 6 năm 1972, theo lệnh của Mặt trận, Phó trung đoàn trưởng Trung đoàn 48 cùng một số cán bộ tham mưu và cán bộ tiểu đoàn vào thị xã nhận bàn giao nhiệm vụ bảo vệ thị xã và Thành cổ từ Trung đoàn 102 Sư đoàn 308.

Mới hành quân vượt qua chặng đường mà bom đạn địch đánh phá ngăn chặn quyết liệt và vừa về đến vị trí tập kết tại Bắc sông Thạch Hãn, do tình hình diễn ra khẩn trương, ngày 29 tháng 6, Trung đoàn 48 đã phải lệnh cho Tiểu đoàn 3 vượt sông Thạch Hãn sang bờ nam, vào chiếm lĩnh và xây dựng trận địa tại khu vực La Vang; còn Tiểu



đoàn 1 về đứng chân ở các làng Nhan Biều, Trung Kiên sẵn sàng đánh địch. 22 giờ ngày 30 tháng 6, trung đoàn được Thiếu tướng Lê Trọng Tấn, Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Tư lệnh chiến dịch, điện giao nhiệm vụ trực tiếp: *Trung đoàn 48 cùng với Tỉnh đội Quảng Trị tổ chức phòng thủ khu vực: La Vang, Tích Tường, ngã ba Long Hưng, nhà ga Quảng Trị, Tri Bưu. Dùng chương ngại vật, kết hợp*

Chiến sỹ trinh sát

Ảnh: TL

với hỏa lực của đơn vị và hỏa lực pháo binh cấp trên chi viện; chiến đấu kiên cường không cho địch lọt vào thị xã. Ban chỉ huy Trung đoàn trực tiếp tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra đơn vị chấp hành mệnh lệnh, tích cực, khẩn trương hoàn thành mọi công tác chuẩn bị, ngày 1 tháng 7 sẵn sàng đánh địch tiến công vào thị xã.

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy chiến dịch, từ ngày 1 đến 6 tháng 7, trung đoàn đưa Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2 và tất cả các đơn vị hỏa lực cùng các bộ phận cơ quan sang thị xã hiệp đồng với Tỉnh đội Quảng Trị xây dựng quyết tâm chiến đấu và bố trí lực lượng như sau:

Các đơn vị của Trung đoàn 48 tổ chức trận địa chốt vòng ngoài, cụ thể: Tiểu đoàn bộ binh 3 được tăng cường một số hỏa lực của trung đoàn, bố trí trận địa chiến đấu ở khu vực La Vang, ngã ba Long Hưng; Tiểu đoàn bộ binh 1 được tăng cường một số phân đội hỏa lực của trung đoàn, bố trí trận địa, triển khai chiến đấu ở các làng An Thái, Tri Bưu, Quy Thiện. Tiểu đoàn bộ binh 2, ngày 6 tháng 7 sang thị xã bố trí tại khu vực làng Cổ Thành, tây bắc Thành cổ làm lực lượng cơ động. Các đơn vị hỏa lực của trung đoàn bố trí ở phía đông và phía Tây Thành cổ.

Các lực lượng vũ trang địa phương tổ chức trận địa chốt trong thị xã, cụ thể: Tiểu đoàn bộ binh 8 triển khai lực lượng, xây dựng trận địa chiến đấu ở khu vực tây nam làng Thạch Hãn, ở ga và cầu Quảng Trị. Tiểu đoàn bộ binh 3 bố trí trong Thành cổ, chốt các đường phố của thị xã. Các lực lượng an ninh, thị đội, dân quân tự vệ bố trí theo từng cụm chiến đấu trong các làng ven thị xã phối hợp với các chốt của bộ đội chiến đấu.

Để thống nhất chỉ huy chiến đấu, Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định giao cho Trung đoàn 48 chỉ huy chung các lực lượng chiến đấu ở thị xã và trong Thành cổ. Sở chỉ huy nhẹ của Trung đoàn 48 đặt tại hầm dinh tỉnh trưởng nguy quyền cũ trong thị xã. Sở chỉ huy cơ bản của Trung đoàn 48 đặt ở Bích Khê, sau chuyển về Tả Kiên vừa là Sở chỉ huy cơ bản, vừa là vị trí tiếp tế hậu cần, kỹ thuật qua sông Thạch Hãn cho các lực lượng chiến đấu trong thị xã, đồng thời là vị trí đón các thương binh ở thị xã đưa về sau cứu chữa.

Mặc dù ta chưa dự kiến hết mức độ ác liệt và quyết tâm tái chiếm Quảng Trị của Mỹ - ngụy, nhưng đã khẩn trương chuẩn bị, bố trí kết hợp cả bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ để bảo vệ mục tiêu, trước tiên là thị xã Quảng Trị. Vì chuẩn bị trong thế bị động, khẩn cấp, nên lực lượng các khu vực tác chiến bị hao hụt nhiều, chưa bổ sung, củng cố kịp. Từ ngày 26 tháng 6, phi pháo của Mỹ - ngụy càng đánh phá ác liệt báo hiệu cuộc chiến đấu trong những ngày sắp tới càng gay go, phức tạp, nhất là trên địa bàn đặc biệt xung yếu là khu vực thị xã Quảng Trị.

DIỄN BIẾN CHIẾN ĐẤU TRONG 81 NGÀY ĐÊM BẢO VỆ THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ - 1972

Sau hai ngày 26 và 27 tháng 6 triển khai lực lượng tiến công, địch tiến hành hỏa lực chuẩn bị trực tiếp, bằng pháo binh của quân đoàn 1 ngụy và hàng trăm lần chiếc máy bay chiến thuật, máy bay ném bom chiến lược B52, hàng chục tàu chiến trong đó có cả tàu sân bay của hai quân chủng hải quân và không quân Hoa Kỳ, bắn phá ác liệt vào tất cả các trận địa pháo binh và pháo phòng không, các khu vực đứng chân của các đơn vị ta từ bắc sông Mỹ Chánh trở ra, đặc biệt khu vực thị xã Quảng Trị. 7 giờ ngày 28 tháng 6 năm 1972, cuộc phản công “Lam Sơn 72” của địch bắt đầu.

Trên hướng chủ yếu (hướng đường quốc lộ 1), Sư đoàn dù (có 3 Lữ đoàn) sử dụng Lữ đoàn dù 2 tiến công trên trục đường 1 theo hướng thị xã, Lữ đoàn dù 3 đánh chiếm các điểm cao phía tây, Lữ đoàn dù 1 làm lực lượng dự bị cơ động sau Lữ đoàn dù 2.

Trên hướng thứ yếu (hướng ven biển theo đường 68), Sư đoàn lính thủy đánh bộ (gồm 3 Lữ đoàn), sử dụng Lữ đoàn 147 và lữ đoàn 369 tiến công theo trục đường 68 lên bắc sông Mỹ Chánh, Lữ đoàn 258 cơ động ở phía sau làm lực lượng dự bị.

Với sức mạnh của 2 Sư đoàn dự bị chiến lược và bằng hỏa lực tối đa của không quân và hải quân Mỹ chi viện, địch ào ạt tiến công trên nhiều hướng, kết hợp nhảy cóc bằng đồ bộ đường không và đường biển; Mỹ - ngụy hy vọng có thể nhanh chóng chiếm lại thị xã Quảng Trị và cắm cờ lên Thành cổ, đó là mục tiêu số 1 của chúng trong đợt tiến công này.

Tới ngày 3 tháng 7, địch chiếm được một vùng khá rộng tại bắc sông Mỹ Chánh từ Gia Đăng, Phương Lang Đông (ở hướng Đông) đến Hải Lăng, Thượng Xá, nam sông Nhùng (hướng đường số 1) và các điểm cao 28, 105 Nam (hướng tây). Như vậy, trên hướng chủ yếu, từ ngày 3 tháng 7, địch bắt đầu tiến công vào các trận địa phòng ngự của lực lượng trực tiếp bảo vệ thị xã và Thành cổ Quảng Trị, cũng từ thời điểm này cho đến ngày 16 tháng 9 năm 1972, tại đây đã diễn ra cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt.

Đợt 1: Đánh bại đợt tấn công thứ nhất của sư đoàn dù bên ngoài thị xã (3 - 13 tháng 7 năm 1972)

Sau khi chiếm được một khu vực rộng lớn của tỉnh Quảng Trị, địch tăng cường củng cố vị trí đứng chân, hình thành thế bao vây thị xã, đánh chiếm các điểm cao phía tây, tiếp tục đánh chiếm từng thôn, xã phía đông và tập trung lực lượng đánh chiếm thị xã, với mục tiêu cắm cờ lên Thành cổ trước ngày 10 tháng 7 để phục vụ ý đồ ép ta ở Hội nghị Pari dự định họp lại vào ngày 13 tháng 7 sau nhiều lần trì hoãn.

Ta từ thế tiến công phải điều chỉnh gấp đội hình, bố trí lại lực lượng trong điều kiện cơ động hết sức khó khăn vì bom, pháo địch đánh phá ác liệt các khu vực giấu quân, các trục đường hành quân, các trận địa phòng thủ làm gấp còn rất sơ sài, nên đã bị thương vong tương đối lớn. Trước yêu cầu cấp bách của cuộc chiến đấu, ngày 2 tháng 7 năm 1972, Đảng ủy chiến dịch dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Quang Đạo họp và ra nghị quyết lãnh đạo các đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới, trước mắt tập trung mọi cố gắng cao nhất đánh bại cuộc hành quân “Lam Sơn 72” của Mỹ - ngụy, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng Quảng Trị, nghị quyết nhấn mạnh: *Kết hợp phản công tiêu diệt địch với tiến công để làm thất bại cuộc phản công của địch, cụ thể: ở hướng đường quốc lộ 1 và hướng đông lấy tiến công làm chính, hướng đường 12 (tây Huế) cũng lấy tiến công làm chính, các hướng khác kết hợp phản công và tiến công. Có như vậy mới làm cho địch căng mỏng lực lượng, ta đánh liên tục dài ngày, vừa tiêu diệt địch, bảo vệ vùng giải phóng, vừa chuẩn bị vật chất, kế hoạch, điều chỉnh lực lượng và sử dụng lực lượng hợp lý.*

Thực hiện quyết tâm bảo vệ thị xã và Thành cổ của Bộ Tổng Tư lệnh, Bộ Tư lệnh chiến dịch chủ trương tăng cường lực lượng phòng giữ thị xã, sử dụng lực lượng các sư đoàn ở vòng ngoài phản kích mạnh vào cạnh sườn, phía sau đội hình địch, tiêu diệt từ 2 đến 3 tiểu đoàn của chúng, giữ bằng được các khu vực La Vang và thị xã Quảng Trị.

Với quyết tâm cao, Chỉ huy Trung đoàn Bộ binh 48 xác định: Kiên trì, dũng cảm, ngoan cường trong phòng thủ, mưu trí, sáng tạo, táo bạo và chủ động tiến công; kiên quyết ngăn chặn và đánh bại mọi cuộc tiến công của địch với khẩu hiệu: “Quang Sơn còn, Quảng Trị còn”⁽¹⁾.

Sau khi trình sát thực địa và hiệp đồng với Tỉnh đội, Trung đoàn 48 được các tiểu đoàn 8 và 3 bộ đội địa phương tỉnh Quảng Trị phối thuộc chiến đấu; bố trí đội hình phòng thủ như sau:

Tiểu đoàn bộ binh 3 Trung đoàn 48, quân số 287 người, ngày 29 tháng 6 vào phòng thủ ở khu vực La Vang, sử dụng Đại đội 11 chốt giữ ngã ba Long Hưng Nam (phía đông La Vang Hữu) và ngã ba đường 1, cách cầu Nhùng 1km về phía bắc, làm nhiệm vụ đánh địch từ xa. Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị, quân số 360 người, bố trí trong thị xã, phòng thủ khu vực nam thị xã và phía đường quốc lộ số 1, chốt giữ từ ngã ba Long Hưng tới Cầu Sắt - Quảng Trị. Tiểu đoàn bộ binh 1 Trung đoàn 48 quân số 250 người, đêm 3 tháng 7 vào bố trí phía đông thị xã, chốt giữ khu vực Tri Bru, Quy Thiện, An Thái, mỗi nơi một đại đội bộ binh. Tiểu đoàn bộ binh 2 Trung đoàn 48 quân số 284 người, sau khi chiến đấu từ miền tây Thừa Thiên về đứng

(1) Quang Sơn là mật danh của Trung đoàn 48 khi vào chiến đấu bảo vệ Thị xã - Thành cổ Quảng Trị năm 1972

chân ở Nhan Biều - Ái Tử, đến ngày 6 tháng 7, vượt sông sang bố trí ở khu vực làng Cổ Thành phía tây bắc Thành cổ, làm nhiệm vụ cơ động; sử dụng Đại đội bộ binh 5 chốt giữ ngã ba Long Hưng, tăng cường Đại đội bộ binh 7 cho Tiểu đoàn bộ binh 3 Trung đoàn 48 phòng thủ ở La Vang. Tiểu đoàn 3 bộ đội địa phương Quảng Trị, quân số 335 người, ngày 10 tháng 7 vào thị xã, bố trí phía đông và trong Thành cổ làm lực lượng phòng giữ Thành cổ và cơ động.

Các đại đội hỏa lực của Trung đoàn 48 có 2 khẩu ĐKZ, 3 khẩu cối 82mm, 5 khẩu súng máy phòng không 12,7mm; vào thị xã ngày 6 tháng 7, bố trí ở phía Đông Thành cổ, riêng Đại đội súng máy phòng không 12,7mm bố trí phía tây bắc Thành cổ. Sở chỉ huy cơ bản của Trung đoàn 48 ở xóm bờ sông làng Bích Khê phía đông bắc thị xã; để tăng cường sức mạnh chỉ huy cho đơn vị, Trung đoàn trưởng phân công một Trung đoàn phó và Chủ nhiệm chính trị trung đoàn đi trực tiếp với Tiểu đoàn 3 ở La Vang. Tối ngày 6 tháng 7, trung đoàn tổ chức Sở chỉ huy nhẹ, bố trí ở tầng ngầm của dinh tỉnh trưởng ngay trong thị xã.

Ngày 30 tháng 6, sau khi đổ bộ đường không xuống nam sông Nhùn, tiểu đoàn 11 lữ đoàn dù 2 của địch nhanh chóng củng cố thể đứng chân; đến 6 giờ ngày 3 tháng 7, địch vượt cầu Nhùn tiến công vào ngã ba Long Hưng Nam (có hai ngã ba Long Hưng, một ngã ba ở phía đường sắt, đông nam La Vang, một ngã ba trên đường 1 ở đông nam giáp thị xã) do một trung đội của Đại đội 11 Tiểu đoàn 3 chốt giữ. Sau hơn 1 giờ dùng máy bay và pháo bắn phá vào trận địa chốt của ta, đại đội đi đầu của địch, có xe tăng chi viện, xông lên chốt. Bộ đội ta vượt qua bom đạn ác liệt, kiên trì chờ chúng tiến vào thật gần mới đồng loạt nổ súng, 43 tên địch bị diệt ngay trước trận địa; đến 8 giờ chúng phải lui ra, một tổ của ta từ trận địa xuất kích ngăn diệt thêm một số tên. Sau thất bại, địch lùi ra xa, dùng hỏa lực bắn phá liên tục vào trận địa, chuẩn bị cho đợt tiến công mới. 14 giờ ngày 3 tháng 7, chúng tiếp tục tiến công, nhờ có công sự vững chắc cũ của địch để lại và hỏa lực bố trí liên hoàn yểm hộ được cho nhau từ nhiều hướng,



Chiến sĩ Sư đoàn 325

Ảnh: TL

nên mỗi lần địch xông lên là một lần bị ta tiêu diệt thêm. Sau 4 đợt tiến công, chúng chẳng những không chiếm được chốt của Đại đội 11, mà còn bị thiệt hại nặng. Đến 18 giờ chúng phải lui ra xa, dùng hỏa lực phi pháo đánh vào trận địa. Trước sức mạnh hỏa lực của địch, quân ta bị thiệt hại khá nặng, thương vong 12 người, hết đạn sau một ngày liên tục chiến đấu, hơn nữa do địch bắn phá ác liệt kéo dài nên lực lượng còn lại phải rút về phía sau. Đây là trận chiến thắng đầu tiên của lực lượng bảo vệ thị xã.

Trong khi trung đội chốt ở ngã ba Long Hưng Nam kiên cường đánh trả nhiều đợt tiến công của một tiểu đoàn địch, giữ vững trận địa, thì một trung đội khác của Đại đội 11, có 10 đồng chí chốt giữ ngã ba đường 1, bị địch tiến công mạnh. Khi bộ đội bị thương vong một số, đã tự động bỏ trận địa rút về phía sau, đường 1 vào thị xã không còn lực lượng án ngữ.

Do trên hướng đường số 1 không có lực lượng chốt giữ, ngày 4 tháng 7, hai đại đội biệt kích thuộc liên đoàn 81 đã phát triển theo đường 1, tập kích vào trận địa pháo cao xạ của ta ở cánh đồng Đại Nải. Đại đội cao xạ đã chiến đấu anh dũng để bảo vệ trận địa, bảo vệ vũ khí, nhưng lực lượng hạn chế, lại bị thương vong nhiều, không có lực lượng chi viện, cuối cùng phải lui về phía sau. Địch chiếm được 4 khẩu pháo cao xạ 37mm (do địch lợi dụng được khu tiếp giáp giữa hai trận địa phòng ngự của Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 3, ta lại hiệp đồng giữa lực lượng đánh địch trên không và lực lượng đánh địch ở mặt đất không chặt chẽ, để vừa đánh được địch vừa bảo vệ được nhau, nên khi địch đánh vào trận địa, không có lực lượng bảo vệ và chi viện cho đại đội pháo phòng không). Nhân cơ hội các đại đội biệt kích chiếm được khu vực An Thái, tiểu đoàn 5 dù phát triển vào chiếm làng An Thái, làng Đại Nải, uy hiếp nghiêm trọng hướng đông nam thị xã. Cùng ngày, tiểu đoàn 11 dù theo đường sắt tiến công khu vực La Vang, Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 đã dựa vào hệ thống công sự và chướng ngại vật có sẵn đánh trả quyết liệt, giữ vững trận địa.

Thấy quân dù bị chặn lại ở hướng nam thị xã, ngày 5 tháng 7, địch dùng hỏa lực bắn phá dữ dội vào các khu vực La Vang, thị xã, đồng thời cho tiểu đoàn 8 lính thủy đánh bộ đánh chiếm khu vực Trầm Lý để vừa uy hiếp ta trong thị xã từ hướng đông, vừa bảo vệ cạnh sườn cho quân dù ở hướng chủ yếu. Trước tình hình đó, ngày 6 tháng 7 năm 1972, Trung đoàn 48 điều Tiểu đoàn bộ binh 2 đang đứng chân ở Nhan Biều, ái Tử sang bố trí ở tây bắc Thành Cổ làm lực lượng cơ động, đưa Đại đội 5 xuống chốt chặn địch ở ngã ba Long Hưng, rút Đại đội 7 tăng cường cho Tiểu đoàn bộ binh 3 giữ La Vang; điều Đại đội 9 Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 vào chốt giữ đầu cầu sắt để Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị tập trung chốt giữ ở ngã tư đường 1 (xã Hải Thượng) và làng Thạch Hãn (xã Hải Trí); đưa các đại đội hỏa lực của trung đoàn mới được củng cố vào chi viện cho các hướng và tổ chức Sở chỉ huy nhẹ của trung đoàn trong thị xã. Như vậy, dù rất khản trương chấp hành mệnh lệnh nhưng cũng phải đến ngày 6 tháng 7, Trung đoàn 48 mới tập trung được toàn bộ lực lượng của mình vào

trong thị xã để bảo vệ Thành cổ, khi cuộc hành quân tái chiếm Quảng Trị của địch đã triển khai được 9 ngày.

Để sẵn sàng tiếp ứng cho các lực lượng chiến đấu trong thị xã, Bộ Tư lệnh chiến dịch lệnh cho Sư đoàn 325 sử dụng Trung đoàn bộ binh 95 cùng 1 tiểu đoàn pháo cao xạ 37mm bố trí ở khu vực từ Nhan Biều đến Ái Tử, phía tây sông Thạch Hãn, sẵn sàng chi viện và sang tiếp ứng cho các lực lượng trong thị xã. Đồng thời, tăng cường cho Trung đoàn 48 một đại đội xe tăng (9 chiếc) của Trung đoàn xe tăng 202, tăng cường hỏa lực của Trung đoàn pháo binh 45 chi viện cho trung đoàn đánh chặn địch tiến công vào thị xã. Sau khi được tăng cường xe tăng và được hỏa lực pháo binh chi viện, Ban chỉ huy Trung đoàn 48 nhận định: địch muốn chiếm La Vang để làm bàn đạp uy hiếp và tiến công chiếm thị xã, nên muốn giữ thị xã phải giữ La Vang và ngăn chặn được địch ở hướng đông bắc. Với nhận định đó, Ban chỉ huy trung đoàn quyết định sử dụng Tiểu đoàn bộ binh 3, được tăng cường một đại đội xe tăng tiến hành phản kích đánh địch, đẩy chúng ra khỏi khu vực La Vang Hữu, sau đó đưa xe tăng vào thị xã chiến đấu theo ý định của Bộ Tư lệnh chiến dịch. Việc phản kích của trung đoàn còn nhằm phối hợp với phản công lớn của các lực lượng vòng ngoài của chiến dịch.

Thực hiện nhiệm vụ trên giao, sáng 7 tháng 7, Tiểu đoàn bộ binh 3 Trung đoàn 48 sử dụng Đại đội bộ binh 9, một trung đội bộ binh của Đại đội 10, một trung đội bộ đội địa phương Vĩnh Linh và một trung đội xe tăng 3 chiếc (một đại đội xe tăng 9 chiếc nhưng khi vượt ngầm Phương Thủy bị B52 đánh chặn chỉ có 3 chiếc sang đến được La Vang), được hỏa lực của Trung đoàn pháo binh 45 chi viện, tiến hành phản kích vào La Vang Hữu. Địch thấy xe tăng ta bất ngờ xuất hiện, mất tinh thần, đội hình rối loạn. Chớp thời cơ, bộ binh cùng xe tăng ta dũng mãnh xung phong, bắn cháy 2 chiếc xe tăng địch và diệt hàng trăm tên, đẩy địch ra khỏi La Vang Hữu. Sau thắng lợi, xe tăng ta quay ra, nhưng hiệp đồng không chặt, nên bị đơn vị bạn bắn nhầm, hỏng 2 chiếc, còn 1 chiếc bị bom địch đánh hỏng. Việc đưa xe tăng vào thị xã không thực hiện được.

Tiếp tục ý đồ uy hiếp ta ở hướng đông bắc và hỗ trợ cho hướng tiến công chủ yếu, ngày 8 tháng 7, tiểu đoàn 8 lính thủy đánh bộ từ Trầm Lý tiến sang làng Quy Thiện. Nhằm được ý định của địch, ta tổ chức thế trận bí mật đón đánh. Địch cho một lực lượng nhỏ đi trước thăm dò, không phát hiện được ta, chúng cho lực lượng chủ yếu vượt sông tiến vào Quy Thiện. Bất ngờ, từ các trận địa chốt ở xóm Chùa, Quy Thiện, các đại đội bộ binh 1 và 2 của Tiểu đoàn 1 nổ súng mãnh liệt, kết hợp với hỏa lực súng cối của tiểu đoàn bắn chặn hai đầu và bên sườn, địch không kịp đối phó, đội hình rối loạn. Từ các chốt, từng tổ nhỏ của ta xuất kích ngăn chia cắt địch, tiêu diệt một số tên, chúng ùn lại ở cầu gẫy Trầm Lý, bị đại liên, B40, B41 ở các chốt của Đại đội bộ binh 1 và 2 bố trí bí mật ở đây tiêu diệt gần hết, số còn lại chạy về Trầm Lý, Ngõ Xá. Trận đánh kết thúc, trên 100 tên địch bị tiêu diệt, xác địch nằm la liệt trên đoạn đường từ Quy Thiện về Trầm Lý. Sau trận này, tiểu đoàn 8 lính thủy đánh bộ nguy phải lui về phía sau cùng cố, tiểu đoàn 1 lính thủy đánh bộ nguy được đẩy lên thay.

Cùng ngày, ở hướng La Vang, 1 tiểu đoàn dù ngụy có xe tăng chi viện, liên tục mở nhiều đợt tiến công, nhưng đều bị Tiểu đoàn bộ binh của ta 3 được pháo binh chi viện lần lượt bẻ gãy. Ngày hôm đó, trời nắng to và nóng, địa hình lại trống trải, cứ mỗi lần tiến công bị ta chặn đánh, địch lại lui ra ẩn nấp phía sau và gầm xe tăng, xe bọc thép để vừa an toàn, vừa tránh nắng. Khi chúng triển khai xung phong, lập tức bị pháo binh ta bắn chế áp, khiến nhiều đợt tiến công của địch không thành. Cùng ngày 8 tháng 7, các đơn vị biệt kích của địch sử dụng chất độc hóa học, bí mật luồn vào định bất ngờ chiếm chốt của ta ở khu vực Thạch Hãn trong thị xã, phía nam Thành Cổ; bị Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị tiêu diệt 39 tên, số còn lại tháo chạy. Đợt tiến công của biệt kích ngụy bị bẻ gãy.

Sau nhiều lần đột phá không thành, ngày 9 tháng 7, địch tiếp tục dùng phi pháo bắn phá dữ dội vào thị xã và các trận địa của ta để chuẩn bị cho đợt tiến công mạnh vào ngày hôm sau. Đêm 9 tháng 7, Bộ Tư lệnh chiến dịch tăng cường cho thị xã Tiểu đoàn 3 bộ đội địa phương Quảng Trị, quân số 325 người; Đại đội công binh của Trung đoàn 299, quân số 50 người; 2 tiểu đội tên lửa phòng không vác vai A72. Có lực lượng tăng cường, chỉ huy Trung đoàn 48 điều chỉnh đội hình, củng cố thế trận sẵn sàng đánh địch: Sử dụng Tiểu đoàn 1 chốt giữ Tri Buru, Quy Thiện, đánh địch ở hướng đường 68 vào đông bắc thị xã; sử dụng Tiểu đoàn 2 (thiếu Đại đội 7) bố trí ở khu vực làng Cổ Thành và phía bắc Thành cổ, Đại đội bộ binh 5 tiếp tục chốt giữ ngã ba Long Hưng; Tiểu đoàn 3 được tăng cường Đại đội bộ binh 7 của Tiểu đoàn 2, tiếp tục chốt giữ khu vực La Vang.

Tăng cường các đài quan sát, nắm địch ở các hướng đông nam và đông bắc thị xã. Tiểu đoàn bộ binh 8 bộ đội địa phương Quảng Trị chốt giữ khu vực Thạch Hãn và nam thị xã. Tiểu đoàn 3 bộ đội địa phương Quảng Trị bố trí trong và ven Thành cổ làm lực lượng cơ động.

Những ngày này, các đơn vị bạn ở vòng ngoài đánh địch rất mạnh để phối hợp với các lực lượng trong thị xã. Trên hướng đông, các trung đoàn bộ binh 27, 64 (Sư đoàn 320B), 18 (Sư đoàn 325) cùng các tiểu đoàn 10, 14 bộ đội địa phương Quảng Trị và du kích chặn đứng địch trên tuyến Ngõ Xá, Cù Hoan, Trà Trí, Trà Lộc, không cho chúng tiến về thị xã. Trên hướng tây, các trung đoàn bộ binh 102, 88 (Sư đoàn 308) đánh địch ở Trường Phước, đẩy lui cuộc nòng lún của quân dù ra điểm cao 238; các trung đoàn bộ binh 66, 24 (Sư đoàn 304) tổ chức tiến công địch ở Phú Long, Cây Lơi, diệt gọn một cụm địch ở Cây Lơi khi chúng đang phát triển ra hướng Cầu Nhi. Vừa chiến đấu, các đơn vị vừa tổ chức cho nhân dân rời khỏi làng mạc đi sơ tán an toàn; khi địch đánh chiếm làng, bộ đội đánh trả, khi địch rút lui, ta lại hướng dẫn cho bà con đi sơ tán. Nhờ kết hợp giữa chiến đấu và bảo vệ nhân dân mà phần lớn bà con vùng giải phóng Quảng Trị đã đến nơi sơ tán an toàn, mặc dù Mỹ - ngụy dùng bom đạn đánh phá có tính chất hủy diệt vùng giải phóng. Tuy vậy, các đơn vị cánh Tây gặp rất nhiều khó khăn do địch tập trung bom pháo đánh phá dữ dội toàn khu vực trong khi các đơn

vị đang cơ động, xây dựng trận địa đứng chân chưa vững, các công tác chuẩn bị chiến đấu, hiệp đồng tác chiến chưa thật kỹ, sự chi viện của hỏa lực cấp trên hạn chế, nên ta thiệt hại về binh lực và vũ khí, khí tài khá nhiều.

Sau hơn 10 ngày tác chiến, với hơn 20.000 quân tinh nhuệ và hàng vạn tấn bom đạn, địch dồn sức tiến công, nhưng cuộc hành quân “Lam Sơn 72” đã không đạt được kết quả như chúng mong muốn. Cả Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn đều lúng túng, chúng chỉ thị cho cấp dưới bằng mọi giá phải cấm cờ lên Thành cổ trước ngày 13 tháng 7, tức là trước khi có cuộc gặp giữa phái đoàn Việt Nam dân chủ cộng hòa và Mỹ ở Hội nghị Pari sau nhiều tháng gián đoạn, Mỹ hứa tăng viện trợ đột xuất cho ngụy. Tư lệnh quân viễn chinh Mỹ ở Nam Việt Nam ra lệnh điều lực lượng hải quân và không quân Mỹ đến Quảng Trị, tăng cường hỏa lực pháo binh, không quân để chi viện không hạn chế cho quân ngụy tiến công. Chúng còn treo giải thưởng lớn cho các đơn vị và cá nhân chiếm được thành và cấm cờ lên Thành cổ, dù chỉ một lúc, để chụp ảnh. Với những biện pháp khích lệ tinh thần xảo quyệt và chi viện hỏa lực mạnh mẽ của Mỹ, quân dù và lính thủy đánh bộ tích cực chuẩn bị bước vào một đợt tiến công mới.

Sáng 10 tháng 7, địch tập trung một lực lượng lớn gồm bộ binh và xe tăng ở các khu vực An Thái, Đại Nải, đường 1 để chuẩn bị tiến công vào thị xã. Ban chỉ huy lập tức yêu cầu các trận địa pháo của chiến dịch (lúc này đã có sĩ quan pháo binh của mặt trận bên cạnh Ban Chỉ huy trong thị xã), cùng hỏa lực của các đơn vị phòng ngự bắn dồn dập vào các khu vực địch tập trung, riêng pháo 130mm đã bắn 400 viên. Kết quả,



Băng qua lửa đạn

Ảnh: TL

ta diệt nhiều địch, phá tan cuộc tiến công của chúng. Hướng ngã ba Long Hưng, Đại đội 5 Tiểu đoàn 2 nắm thời cơ pháo ta bắn, địch đang rối loạn, xuất kích diệt 37 tên, đuổi chúng chạy khỏi Long Hưng, tạo thế bố trí chốt giữ vững chắc ở một ngã ba quan trọng trên đường 1. Đến 19 giờ ngày 10 tháng 7, Ban chỉ huy Trung đoàn nhận được điện khen số 883 và 889 của Bộ Tư lệnh chiến dịch, bức điện viết: *“Ngày 10 tháng 7 là một ngày cao điểm, địch tập trung cố gắng chiếm Quảng Trị nhưng chúng đã bị ta đánh cho thất bại. Bộ chỉ huy mặt trận nhiệt liệt khen ngợi các đồng chí. Địch đã thú nhận chúng gặp phải sự đánh trả quyết liệt, cuộc hành quân là sai lầm, Quảng Trị là một cái bẫy... Tuy nhiên, do yêu cầu thúc bách về chính trị, địch cố gắng chiếm lại Quảng Trị trong dịp chuẩn bị Hội nghị Pari. Kiên quyết giữ vững Quảng Trị là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định lúc này. Bộ chỉ huy mặt trận tin tưởng các đồng chí sẽ làm tròn nhiệm vụ vẻ vang”*.

Ngã ba Long Hưng cách thị xã 1,5km, là vị trí án ngữ trên đường 1 vào thị xã. Muốn tiến công vào thị xã theo đường 1 nhất thiết địch phải qua khu vực này. Đại đội 5 của Tiểu đoàn bộ binh 2, thời điểm này chỉ còn 30 tay súng, chốt giữ tại đây; bố trí thành thế tam giác, mỗi hướng một trung đội. Các trận địa chốt đã có công sự chiến đấu, phòng tránh và hầm hào cơ động; vũ khí có trung liên, cối 60mm, B40, B41, thủ pháo, lựu đạn, đủ cơ sở chiến đấu. 7 giờ ngày 11 tháng 7, khi pháo địch bắn phá vừa dứt, một trung đội địch từ xóm Đại Nải Đông vừa thối còi, vừa la hét tiến về xóm Long Hưng nhỏ, nơi Trung đội bộ binh 3 bố trí trận địa chốt; chúng cho xe tăng dừng cách chốt của ta từ 700 đến 800m, dùng pháo và súng máy trên xe bắn thẳng vào chốt để dọn đường cho bộ binh xung phong. Đại đội 5 phán đoán đây là hướng nghi binh, vì trong lúc đó lực lượng chính của tiểu đoàn 9 dù địch đang lạng lẽ luôn qua các xóm, bí mật đi về hướng đông, định đánh một đòn bất ngờ vào cánh trái của Đại đội 5. Các đài quan sát của ta và các hướng của Đại đội 5 theo dõi chặt chẽ các động thái của địch; giữa lúc đó Đại đội trưởng Đại đội 5 bị thương nặng, Chính trị viên đã ra lệnh cho các chốt bí mật chờ địch đến thật gần mới nổ súng. Khi chúng chỉ còn cách ta một vạt ruộng, bất ngờ máy bay trinh sát OV-10 của địch lao xuống bắn một quả đạn khói vào đám ruộng có bộ binh của chúng đang tiềm nhập; rất nhanh 2 chiếc máy bay B57 bỏ nhào ném bom xuống đám khói vừa bốc lên, bom nổ trúng ngay đội hình của chúng. Quân địch không giữ được bí mật nữa, xô nhau chạy tán loạn. Thừa cơ, Đại đội 5 đồng loạt nổ súng tiêu diệt địch. Bị đánh bất ngờ và bị thiệt hại nặng, địch chạy thục mạng về phía sau và gọi pháo bắn dồn dập, kể cả đạn hóa học vào trận địa của đại đội.

Đến 8 giờ 30 phút ngày 11 tháng 7, địch lại chia làm 3 mũi tiến công vào trận địa chốt của Đại đội 5. Hướng Trung đội bộ binh 1, bố trí ở tây bắc đường 1, do Đại đội phó trực tiếp chỉ huy, đã dùng hỏa lực chặn địch và cho từng tổ xuất kích đánh vào sườn địch, chúng phải rút chạy. Hướng Trung đội bộ binh 2, bố trí ở đông bắc làng Long Hưng to, địch sử dụng 3 xe tăng dẫn đầu, Trung đội bộ binh 2 chờ địch vào gần mới nổ súng; chiếc xe tăng địch đi đầu trúng đạn B40 bốc cháy, ta dùng B40, AK, trung liên bắn chặn phía trước, cối 60mm, cối 82mm của trung đoàn bắn chặn phía

sau; cùng lúc đó, bị hỏa lực của Trung đội bộ binh 3 bắn tạt sườn chi viện, địch không chịu nổi, rối loạn quay đầu tháo chạy. Đợt tiến công thứ 2 của địch bị bẻ gãy, chúng gọi phi pháo bắn mạnh vào các trận địa hỏa lực của ta. 10 giờ 45 phút, địch tập trung tiến công vào chốt Trung đội bộ binh 3 bố trí ở tây nam làng Long Hưng nhỏ, do chính trị viên đại đội trực tiếp chỉ huy. Ta để địch vào cách 20m mới đồng loạt nổ súng và ném lựu đạn. Địch bị diệt nhiều tên, phải bật trở lại, tiếp tục dùng hỏa lực chế áp vào trận địa. Đến 18 giờ, chúng phải rút ra xa trận địa ta, kéo theo hơn 100 xác chết. Sau trận đánh ngày 11 tháng 7, Đại đội 5 được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Cùng ngày, trên hướng đông bắc, tiểu đoàn 5 dù tiến công vào Tri Buru, bị Tiểu đoàn bộ binh 1 Trung đoàn 48 chặn đánh, không phát triển được. Chiều 11 tháng 7, địch dùng 90 lần chiếc trực thăng đổ tiểu đoàn 1 thủy quân lục chiến xuống bãi tha ma An Tiêm, Nại Cử; bị Trung đoàn bộ binh 27 Sư đoàn 320B phục kích, bắn rơi, bắn cháy 21 trực thăng, nhưng chúng vẫn cố được vị trí đứng chân, uy hiếp ta từ phía bắc thị xã, đồng thời cắt đứt con đường chi viện và tiếp tế cho lực lượng ta trong thị xã từ hướng bắc.

Ngày 12 tháng 7, bom đạn địch vẫn bắn phá dữ dội vào thị xã và các trận địa của ta, địch vẫn tổ chức tiến công vào khu vực La Vang, ngã ba Long Hưng và Tri Buru, nhưng chúng đều bị ta đẩy lui. Riêng ở Tri Buru, tiểu đoàn 5 dù bất ngờ tiến công vào Đại đội 4 hỏa lực và vị trí chỉ huy của Tiểu đoàn bộ binh 1 Trung đoàn 48, chiếm được một phần làng Tri Buru, uy hiếp trực tiếp hướng đông bắc Thành cổ. Tướng Ngô Quang Trưởng, tư lệnh quân khu 1 - quân đoàn 1, không bỏ lỡ thời cơ, đã ra lệnh thẳng cho quân dù: “Bằng cách gì, đêm nay cũng phải cầm được cờ trong Thành cổ”. Việc cắm cờ lên Thành cổ Quảng Trị trước giờ khai mạc Hội nghị Pari đã trở thành một mục tiêu thôi thúc cả Mỹ lẫn ngụy và cho đến cả quân lính của chúng đang có mặt ở Quảng Trị. Cũng từ đó, nhiệm vụ phòng giữ thị xã, Thành cổ của ta càng trở nên quyết liệt. Chập tối 12 tháng 7, Thiếu tướng Lê Trọng Tấn, Tư lệnh chiến dịch, ra lệnh cho Trung đoàn bộ binh 48: *“Đêm nay phải cố thủ giữ vững Thành cổ Quảng Trị, không được để một tên địch lọt vào, phải phản kích diệt địch chiếm lại được làng Tri Buru”*. Tiếp đó, lại có điện số 915 của Quân ủy Trung ương: *“Các đồng chí phải giữ Thành cổ Quảng Trị bằng bất cứ giá nào”*. Vào nửa đêm, Bộ Tham mưu chiến dịch thông báo: *“Có tin địch đã có một bộ phận đi theo cống ngầm vào Thành cổ để cắm cờ, các đồng chí chú ý đề phòng”*. Ban chỉ huy Trung đoàn 48 đã ra lệnh: Tất cả các hướng không ngủ, sẵn sàng đánh địch bí mật đột nhập trận địa; các lực lượng chốt giữ trong Thành cổ phải rải quân ra kiểm tra từng mét vuông trận địa của mình phụ trách. Trung đoàn cũng tăng cường hệ thống trinh sát, quan sát bám địch, giữ vững thông tin liên lạc với các đơn vị, hiệp đồng chặt chẽ với các trận địa pháo binh chiến dịch.

Đến 3 giờ ngày 13 tháng 7, hướng đông bắc thị xã báo về Ban chỉ huy trung đoàn là địch đã rời công sự, đang triển khai lực lượng chuẩn bị đánh chiếm toàn bộ khu vực Tri Buru. Sau khi xác định rõ nguồn tin trên, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ

yêu cầu pháo binh cấp trên và ra lệnh cho các đơn vị hỏa lực của mình bắn cấp tập vào khu vực Tri Bưu, nơi địch vừa chiếm được trưa 12 tháng 7. Mờ sáng 13 tháng 7, đài quan sát của ta trên hướng Tri Bưu báo cáo thấy địch lần lượt khênh ra 80 cáng thương. Bị thương vong nặng nề, các mũi tiến công của địch chững lại. Nhưng vì sự thúc ép của cấp trên, sư đoàn dù nguy đã ra lệnh cho tất cả các hướng phải tiếp tục tiến công để thực hiện cho được ý định cắm cờ lên Thành cổ. Sau lệnh đó, địch thực hiện các đợt bắn phá dữ dội, chúng sử dụng một loại bom mới, đó là bom dù có sức khoan sâu và công phá lớn để phá hủy các bức tường thành, phá hủy các hầm ngầm, công sự vững chắc của ta; cùng với bom đạn đánh phá ác liệt, địch tăng quân từ Quy Thiện cho hướng Tri Bưu nhằm chiếm toàn bộ làng Tri Bưu để từ đó tiến vào đông bắc Thành cổ. Trên hướng nam và đông nam thị xã, chúng tổ chức tiến công vào các khu vực La Vang và Thạch Hãn. Trên trời, ngoài các máy bay trinh sát, máy bay phản lực ném bom, còn thường xuyên có 4 máy bay trực thăng vũ trang quần đảo liên tục, bắn pháo, rốc két xuống các trận địa ta chi viện cho các mũi tiến công của bộ binh. Trên tất cả các hướng, bộ đội ta dựa vào hệ thống hầm hào được củng cố, bổ sung liên tục; sập hầm này, đào hầm khác, hầm nọ thông với hầm kia bằng các đường rêu tằm để cơ động chi viện cho nhau, kiên quyết ngăn chặn địch.

Trên hướng đông bắc, các lực lượng chốt của các đại đội bộ binh 5, 6 Tiểu đoàn 2 ở Tri Bưu, Hành Hoa và Tiểu đoàn bộ binh 1 Trung đoàn 48 ở đông bắc Thành cổ, kết hợp với hỏa lực cấp trên chi viện, ngăn chặn tiểu đoàn 5 dù, làm chúng bị thương vong trên 200 quân, phải dừng lại củng cố. Ở phía nam, Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị, Tiểu đoàn bộ binh 3 Trung đoàn 48 đánh bại nhiều đợt tiến công của các tiểu đoàn địch, giữ vững trận địa. Đại đội súng máy phòng không 12,7mm của Trung đoàn 48, bố trí ở tây bắc Thành cổ, bắn rơi một máy bay trực thăng, diệt toàn bộ quân địch trên máy bay. Hai ngày sau, trên thông báo: trong máy bay có đại tá phó tư lệnh sư đoàn dù Nguyễn Trọng Bảo và trung tá chỉ huy pháo binh Huỳnh Phi Hồ, cùng 7 sĩ quan tham mưu.



Sau hơn 10 ngày liên tục tiến công, với sự chi viện mạnh của không quân, hải quân, pháo binh, thiết giáp, sư đoàn dù nguy vẫn không thực hiện được ý đồ tiến vào thị xã, cắm cờ lên Thành Cổ vào ngày 10 tháng 7, rồi lui lại ngày 13 tháng 7... Ngược lại, hơn một nghìn tên địch bị diệt, 3 xe tăng bị phá hủy, 2 máy bay bị bắn rơi (1 phản lực, 1 trực thăng), cùng nhiều phương tiện chiến tranh khác bị tổn thất. Về phía ta, mặc dù bước vào chiến đấu có nhiều khó khăn, quân số, vũ khí của các đơn vị hao hụt chưa kịp bổ sung (mỗi đại đội bộ binh chỉ còn từ 36 đến 45 tay súng, hỏa lực chỉ còn khoảng 50%...), những ngày đầu chiến đấu phòng thủ, hỏa lực cấp trên chi viện không nhiều, lại phải chiến đấu với quân địch có lực lượng đông, hỏa lực rất mạnh của cả hải, lục, không quân của Mỹ - nguy, nhưng với quyết tâm rất cao, quán triệt tư tưởng tiến công, ngoan cường trong phòng thủ, tích cực phản kích, ta đã chặn được địch bên ngoài thị xã, đánh nhiều trận có hiệu suất chiến đấu cao. Một đại đội có quân số ít nhưng đánh bại được nhiều đợt tiến công của một tiểu đoàn địch; trận đầu đánh thắng đã tạo được lòng tin và khí thế thi đua giết giặc lập công của bộ đội. Tuy vậy, do lực lượng thiếu, khu vực phòng thủ quá rộng, nên chưa hình thành được thế trận vững chắc, các lực lượng không chi viện, hỗ trợ trực tiếp được cho nhau, hiệp đồng giữa bộ binh và pháo binh chưa chặt nên không cải thiện được tình hình, thương vong lớn. Có đơn vị tự động bỏ chốt hoặc tự lui về phía sau khi cuộc chiến đấu ác liệt đang diễn ra. Các lực lượng vòng ngoài tiến hành phản đột kích chiến dịch chưa đủ mạnh, sức đột phá không đều, tuy có làm chậm bước tiến của địch nhưng không đạt yêu cầu đề ra là ngăn chặn và đánh bại địch tiến công.

Đợt 2: Đánh bại đợt tiến công lần thứ hai của quân dù vào thị xã, lữ đoàn dù 2 của địch bị thiệt hại nặng, chúng phải đưa sư đoàn lính thủy đánh bộ vào thay (14 - 27 tháng 7 năm 1972)

Sau thất bại nặng nề không thực hiện được việc chiếm thị xã trước ngày 13 tháng 7, một mặt địch tìm cách đẩy lùi thời gian họp lại ở Pari, một mặt chúng tăng cường mật độ hỏa lực phi pháo để cắt đứt các con đường chi viện trực tiếp của ta vào thị xã; tăng cường lực lượng hình thành thế trận bao vây và tiến công từ nhiều hướng để chiếm thị xã và Thành cổ trước ngày 18 tháng 7 hoặc 27 tháng 7, là những ngày hai phái đoàn ta và Mỹ dự định gặp nhau ở Pari.

Rút kinh nghiệm việc thực hiện phương châm “tiến công ồ ạt, nhảy cóc, tốc chiến tốc thắng” không thành công, quân dù nguy buộc phải chuyển sang cách đánh linh hoạt hơn, thận trọng hơn. Trong quá trình tiến công, chúng thường xuyên rút kinh nghiệm, nhanh chóng thay đổi hướng tiến công chính, nếu gặp lực lượng ta chống cự yếu, chúng lập tức tập trung sức mạnh ồ ạt tiến quân tràn qua; nếu gặp lực lượng ta mạnh, đánh trả quyết liệt thì dừng lại, dùng bom, pháo và hỏa lực các loại đánh hủy diệt các mục tiêu, sau đó mới tổ chức cho bộ binh tiến vào. Để tăng cường yểm trợ cho quân nguy tiến công, Mỹ tiếp tục điều thêm lực lượng không quân, hải quân đến Quảng Trị, tập trung chi viện hỏa lực cho quân nguy với mật độ cao, không hạn chế.

Chúng nâng tổng số đạn pháo đánh phá khu vực Thành cổ Quảng Trị từ trung bình mỗi ngày 8.000 viên lên 15.000 viên, cao điểm có ngày chúng bắn tới hơn 30.000 viên; sử dụng mỗi ngày từ 40 đến 60 lần chiếc máy bay phản lực vừa phun chất độc hóa học, vừa thả bom khoan, bom hơi để phá tường thành, đánh sập hầm hào, công sự của ta; tăng số phi vụ B52 đánh phá mỗi ngày từ 30 đến 40 lần chiếc lên 60 đến 70 lần chiếc để chặn tiếp tế vào Thành cổ và đánh sâu vào hậu phương ta. Với những bài bản mới, được chuẩn bị chu đáo, quân dù ngày mong muốn sớm chiếm được Thành cổ. Từ ngày 14 tháng 7, sư đoàn dù sử dụng lực lượng từ ngã ba Long Hưng tiến đánh Quy Thiện, Tri Bưu, uy hiếp tiến công phía đông thị xã, một cách đánh khác đánh vào Tích Tường, Như Lệ hòng cắt đứt đường tiếp tế cho thị xã từ hướng nam. Sư đoàn lính thủy đánh bộ tiến sát sông Vĩnh Định, cô chiếm An Tiêm, Nại Cửu, Bích La Đông, uy hiếp thị xã từ hướng đông và đông bắc để phối hợp với quân dù.

Nắm được âm mưu của địch, ta chủ trương tăng cường lực lượng vào giữ thị xã; tổ chức chặt chẽ việc bổ sung quân số và vũ khí cho lực lượng trong thị xã, tăng cường hệ thống lãnh đạo, chỉ huy các lực lượng phòng ngự; kết hợp giữa phòng giữ và tích cực tiến công địch. Các lực lượng vòng ngoài của chiến dịch mở đợt phản kích lần thứ hai vào cạnh sườn và phía sau đội hình tiến công của chúng, kiên quyết giữ vững thị xã. Ta sử dụng Trung đoàn 36 Sư đoàn 308 đánh địch ở Tân Táo, các đơn vị của sư đoàn 304 đánh địch ở Cầu Nhi, bến Đá và núi Trường Phước; ở hướng đông Trung đoàn 27 được tăng cường Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 64 và 1 đại đội thiết giáp tập trung đánh chặn địch không cho chúng chiếm An Tiêm, Nại Cửu.

Để tăng cường lực lượng bảo vệ thị xã và Thành cổ, Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định đưa Tiểu đoàn bộ binh 4 Trung đoàn 95 và Tiểu đoàn bộ binh 9 Trung đoàn 64 vào thị xã phối thuộc cho Trung đoàn 48. Thực hiện chỉ thị của Bộ tư lệnh chiến dịch, đêm 13 tháng 7, Tiểu đoàn bộ binh 4, quân số 290 người vào bố trí ở phía tây Thành cổ làm nhiệm vụ cơ động; đêm 16 tháng 7, Tiểu đoàn bộ binh 9 vào chốt giữ khu vực phía bắc thị xã và Tri Bưu. Cùng thời gian này Đại đội 1 vận tải và Đại đội 6 công binh của Sư đoàn 320B được tăng cường cho Trung đoàn bộ binh 48 để mở thêm tuyến vận tải đường sông, nhờ đó đã tăng đáng kể khối lượng vật chất chi viện cho thị xã (từ 500kg đến 600kg lên 4 tấn đến 6 tấn mỗi ngày). Hàng đêm, súng đạn, lương thực, thuốc men, lực lượng, cả báo chí, thư từ hậu phương được các đơn vị vận tải của trung đoàn, sư đoàn đều đặn đưa vào Thành cổ tiếp sức chiến đấu cho các lực lượng bảo vệ thị xã và đưa thương, bệnh binh ra phía sau chữa trị.

Ngày 14 tháng 7 năm 1972, Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định thành lập Ban cán sự Đảng và Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ Quảng Trị gồm: Tham mưu phó Bộ tham mưu chiến dịch làm Chỉ huy trưởng, Cục phó Cục Chính trị chiến dịch làm Chính ủy. Các chỉ huy của Trung đoàn bộ binh 48, Phó tỉnh đội trưởng, Chủ tịch ủy ban quân quản tỉnh Quảng Trị làm Chỉ huy phó. Cơ quan của Trung đoàn 48 là cơ quan của Ban chỉ huy, lấy Sở chỉ huy cơ bản của Trung đoàn 48 làm Sở chỉ huy của Ban chỉ huy

bảo vệ Thành Cổ, bố trí ở An Mỹ, Sở chỉ huy nhẹ vẫn bố trí ở vị trí cũ trong Thành cổ. Sau khi thành lập, Ban cán sự Đảng họp và ra nghị quyết lãnh đạo, chỉ rõ: *Tiếp tục giáo dục phát huy tinh thần chiến đấu kiên cường, quyết tâm bảo vệ thị xã. Phát động phong trào làm công sự, đào giao thông hào, xây dựng trận địa phòng thủ vững chắc. Hiệp đồng chặt chẽ với pháo binh, tích cực tiến hành phản kích, kiên quyết đẩy địch ra khỏi Tri Bưu, cải thiện thể đứng. Làm tốt công tác vận chuyển tiếp tế, đảm bảo sinh hoạt, đời sống, sức khỏe cho bộ đội, chuẩn bị lực lượng dự trữ đảm bảo chiến đấu lâu dài.*

Ngày 23 tháng 7, Tham mưu phó Bộ tư lệnh chiến dịch bị thương, cấp trên quyết định điều Tham mưu trưởng Sư đoàn 320B thay thế.

Sau những thất bại nặng nề của đợt 1, được tăng cường lực lượng, 4 giờ ngày 14 tháng 7, địch cho một tốp biệt kích bí mật luồn theo những chỗ tường thành bị bom đạn phá vỡ lên vào Thành cổ nhằm cắm cờ ở phía đông bắc, nhưng đã bị các chiến sĩ Đại đội 14 hỏa lực của Trung đoàn 48 và các chốt của Tiểu đoàn bộ binh 3 địa phương Quảng Trị phát hiện, nổ súng tiêu diệt một số tên, số còn lại bỏ chạy về nơi



xuất phát. Tiếp sau hành động cắm cờ thất bại, địch tiến hành những đợt hỏa lực đánh phá ác liệt, liên tục suốt hai ngày 14 và 15 tháng 7 vào các trận địa của ta trong khu vực thị xã. Riêng pháo binh, trung bình mỗi ngày chúng bắn 15.000 viên, các loại máy bay chiến thuật và máy bay ném bom chiến lược B52 đều tăng số lần đánh phá so với trước. Chúng sử dụng các loại bom đạn có sức công phá lớn như: bom hơi, bom dù, bom từ trường, pháo khoan và cả chất độc hóa học đánh vào các trận địa, nhằm phá vỡ tường thành, hủy diệt các trận địa chốt giữ của ta và chặn các đường chi

Chờ địch

Ảnh: TL

viện từ phía sau vào thị xã. Trong khi dùng hỏa lực đánh phá quyết liệt, địch tăng cường lực lượng, bố trí lại thế trận chuẩn bị tiến công vào thị xã: tiểu đoàn 5 dù và 2 đại đội biệt kích ở khu vực Tri Bưu chuẩn bị tiến công chiếm Tri Bưu và đánh vào góc đông bắc Thành cổ; tiểu đoàn 6 dù triển khai ở khu vực quận Mai Lĩnh; tiểu đoàn 11 dù triển khai xung quanh khu vực Long Hưng; tiểu đoàn 9 dù triển khai xung quanh khu vực La Vang; tiểu đoàn 7 dù làm lực lượng dự bị, triển khai ở khu vực Đại Nải, sẵn sàng tăng cường cho hướng đông bắc; các hướng đều có xe tăng và phi pháo yểm trợ chiến đấu.

Ngày 16 tháng 7, được phi pháo chi viện mạnh, quân dù của địch tiến công vào thị xã trên tất cả các hướng. Trên hướng đông bắc, các tiểu đoàn 5, 7 dù có xe tăng chi viện tiến công đánh chiếm các làng Tri Bưu, Hành Hoa; khi địch tiến vào trong làng, chúng tạm dừng lại thăm dò lực lượng ta. Theo dõi chặt chẽ từng hành động của địch, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ lệnh cho các trận địa pháo, cối thuộc quyền và yêu cầu pháo, cối cấp trên bất ngờ bắn dồn dập vào đội hình tạm dừng của địch. Khi pháo cối của ta chuyển bắn sâu về phía sau quân địch, chiến sĩ các đại đội 5, 6 của Tiểu đoàn 2 và các đại đội 1, 3 của Tiểu đoàn 1 từ các hầm chót xuất kích ngăn đánh vào cạnh sườn, phía sau quân địch. Bị đánh trả bất ngờ, địch rối loạn tháo chạy, ta truy kích chiếm được nhà thờ Tri Bưu và đẩy chúng ra xa 400m. Trong trận này, Đại đội 5 Tiểu đoàn 2 bố trí ở gần khu nhà thờ Tri Bưu đã thực hiện đánh gần, chờ địch vào sát chót mới đồng loạt nổ súng diệt 25 tên, có tên gục xuống cách hầm chiến sĩ ta khoảng 5m.

Hướng đông nam, tiểu đoàn 6 dù từ bàn đạp ở Mai Lĩnh, được xe tăng chi viện, tiến công vào khu vực đông nam thị xã. Các tiểu đoàn 3, 8 bộ đội địa phương hiệp đồng chặt chẽ với pháo binh cấp trên và các đơn vị hỏa lực của Trung đoàn 48 bố trí trong thành chi viện, tích cực xuất kích nhỏ đánh bại các đợt tiến công trong ngày của địch. 15 giờ ngày 16 tháng 7, một đại đội địch có xe tăng đột nhập vào trận địa của Đại đội 5 Tiểu đoàn 3 địa phương ở khu vực Mỹ Đông; Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ lệnh cho Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 tiến hành phản kích. Tiểu đoàn bộ binh 4 nhanh chóng tổ chức bám địch và sử dụng Đại đội bộ binh 3 lợi dụng thời cơ địch đứng chân chưa vững, táo bạo tập kích giữa ban ngày, tiêu diệt hơn 100 tên, số địch còn lại ngay đêm 16 tháng 7 phải rút về quận Mai Lĩnh. Đại đội 3 của Tiểu đoàn bộ binh 4 Trung đoàn 95 đã lập công đầu xuất sắc và được trên tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất. Theo thông báo của cơ quan tham mưu chiến dịch, địch thú nhận ngày 16 tháng 7 chúng bị tiêu diệt hơn 400 quân và mất nhiều vũ khí do quân lính vứt bỏ để chạy thoát thân.

Cùng ngày 16 tháng 7, Tiểu đoàn bộ binh 4 Trung đoàn 88 Sư đoàn 308, sau khi vào khu vực La Vang được 2 ngày đã sử dụng các đại đội 2 và 3 tập kích sở chỉ huy tiểu đoàn 9 dù gần đồi Gia Long, diệt 60 tên, làm chủ trận địa. Trận đánh đã tạo bàn đạp cho đội hình Trung đoàn 88 đang từ Động Ông Do tiến xuống nam bờ sông Thạch Hãn.

Ngày 17 tháng 7, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ thấy cần phải đánh bồi vào lực lượng của tiểu đoàn 5 dù để đẩy chúng ra xa khu vực Tri Bưu, đã hạ quyết tâm sử dụng Tiểu đoàn bộ binh 1 Trung đoàn 48 làm nhiệm vụ tiến công, Tiểu đoàn bộ binh 9 Trung đoàn 64 và Đại đội 5 Tiểu đoàn bộ binh 2 Trung đoàn 48 triển khai chặn địch từ hướng Tri Bưu để bảo vệ bên sườn trái đội hình Tiểu đoàn 1. Khi thực hành tiến công, Tiểu đoàn 1 đã nhanh chóng tiêu diệt một bộ phận lực lượng tiểu đoàn 5 dù, chiếm được khu nhà tôn và góc đông bắc làng Tri Bưu. Nhưng khi Tiểu đoàn 1 chưa kịp triển khai lực lượng phòng giữ khu vực nhà tôn (đông nam làng Tri Bưu) thì bị 2 đại đội của tiểu đoàn 7 dù của địch phản kích từ bãi tha ma vào. Trong khi đó, Tiểu đoàn bộ binh 9 Trung đoàn 64 và Đại đội bộ binh 5 Tiểu đoàn 2 do hiệp đồng không chặt, không kịp thời triển khai ngăn chặn địch và không có lực lượng chi viện cho Tiểu đoàn 1. Tiểu đoàn 1 đã chiến đấu ngoan cường, ngăn chặn được lực lượng địch phản kích, nhưng do lực lượng ta còn quá ít, (toàn tiểu đoàn chỉ còn 10 người) nên bị địch đẩy lui. Địch chiếm lại nhà thờ Tri Bưu và áp sát cách đông bắc Thành cổ 500m. Trong trận này, Tiểu đoàn bộ binh 1 đã tiêu diệt 230 quân địch, bắn rơi 1 máy bay trực thăng nhưng ta cũng bị thiệt hại nặng. Ngay đêm đó, Tiểu đoàn 1 được đưa về phía sau củng cố.

Trên hướng đông bắc, mặc dù tiểu đoàn 7 dù của địch có áp sát được khu vực Thành cổ, nhưng lực lượng chủ yếu ở hướng này là tiểu đoàn 5 dù đã bị thiệt hại nặng, các hướng khác bị lực lượng ta đẩy lui; đặc biệt các đơn vị của ta ở vòng ngoài thị xã đã tổ chức những đợt hoạt động mạnh khiến địch không thể rảnh tay đánh chiếm thị xã.

Trên hướng nam - tây nam, Trung đoàn bộ binh 36 tiến công địch ở Tân Téo, Trung đoàn bộ binh 88 tiến công địch ở ngã ba Long Hưng Nam, ngã tư đường sắt; Trung đoàn 66 Sư đoàn 304 đánh địch chốt giữ Phú Long, Trung đoàn 24 Sư đoàn 304 đánh địch chốt giữ cầu Nhi, cắt quốc lộ 1; Trung đoàn bộ binh 9 Sư đoàn 304 đánh địch ở khu vực bên Đá - núi Trường Phước buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó, không thể tập trung hết lực lượng vào thị xã.

Cùng ngày 17 tháng 7, trên cánh Đông, địch dùng 3 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ, có xe tăng, xe thiết giáp chi viện, tiến công vào khu vực Ngõ Xá - Thanh Lê, chuẩn bị mở đường vào thị xã theo đường 68, nhưng đã bị Tiểu đoàn bộ binh 1 Trung đoàn 27 đẩy lui, tiêu diệt hàng trăm tên, bắn cháy 12 xe tăng, xe thiết giáp. Sau chiến thắng này, Trung đoàn 27 tiếp tục giữ khu vực Nại Cừ, Chợ Sãi, tổ chức 15 trận tập kích lớn nhỏ diệt 2 đại đội lính thủy đánh bộ, bắn cháy 7 xe tăng, xe thiết giáp, loại khỏi vòng chiến đấu 1 tiểu đoàn của lữ đoàn 147 lính thủy đánh bộ, giữ vững trận địa. Cùng thời gian, từ ngày 16 đến 25 tháng 7, Tiểu đoàn bộ binh 7 Trung đoàn 64 tiến hành 12 trận tập kích và phản kích, diệt khoảng 540 tên địch, bắn rơi 1 máy bay. Ngày 22 tháng 7, tiểu đoàn 5 lính thủy đánh bộ đổ bộ đường không xuống Lệ Xuyên, nhưng bị lực lượng cánh Đông đánh bại, phải chạy khỏi Lệ Xuyên.

Ngày 19 tháng 7, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ chủ trương tiếp tục phản kích địch trên cả hai hướng. Hướng đông bắc sử dụng Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 và Tiểu

đoàn 9 Trung đoàn 64. Hướng đông nam sử dụng Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 và Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị. 14 giờ, pháo ta bắn cầm canh vào các vị trí bố trí của địch để lấy phần tử bắn chính xác, đến 17 giờ, pháo ta bắn cấp tập vào Tri Bưu. Rạng sáng 20 tháng 7, các hướng phản kích đẩy địch về phía sau từ 300m đến 500m, diệt hơn 200 tên, bắn cháy 2 xe tăng; ta tổ chức chốt giữ những nơi chiếm được. Những ngày tiếp sau, địch khẩn trương bổ sung lực lượng, một mặt dùng bom pháo đánh phá ác liệt vào Thành cổ và đánh chặn các bến vượt sông, các đường tiếp tế của ta vào thị xã; một mặt dồn quân lên phía trước củng cố các bàn đạp mà chúng đã chiếm được ở Tri Bưu, Đệ Ngũ. Phía ngoài, chúng dùng các lữ đoàn lính thủy đánh bộ liên tục đánh lấn ra các khu vực An Tiêm, Nại Cửu, Chợ Sãi (hướng bắc); cho quân dù tiếp tục tiến công Tích Tường, Như Lệ (hướng nam và tây nam) nhằm hình thành thế trận bao vây ta ở thị xã. Lực lượng của ta trong thị xã lúc này gồm Trung đoàn 48 (thiếu Tiểu đoàn 1), Tiểu đoàn bộ binh 3 và Tiểu đoàn bộ binh 8 bộ đội địa phương Quảng Trị, Tiểu đoàn bộ binh 9 Trung đoàn 64, Tiểu đoàn bộ binh 4 Trung đoàn 95 và một số đơn vị hỏa lực khác, tổng quân số 1.178 người. Ngày 21 tháng 7, Tiểu đoàn bộ binh 3 Trung đoàn 48 đã bàn giao việc phòng giữ La Vang cho Trung đoàn 88 và về bố trí ở đông nam Thành cổ, quân số còn 90 người (riêng Đại đội 9 Tiểu đoàn 3 vẫn chốt giữ khu vực Cầu Sắt).

Để tăng cường việc phòng ngự thị xã, sau khi Sư đoàn 312 vào tác chiến ở mặt trận Quảng Trị, Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định đưa toàn bộ Trung đoàn bộ binh 95 Sư đoàn 325 vào chiến đấu trong thị xã. Lúc này Trung đoàn bộ binh 95 đã có Tiểu đoàn 4 đang chốt giữ thị xã, Tiểu đoàn 6 đang chiến đấu ở khu vực An Tiêm, Nại Cửu, từ đêm 19 tháng 7 được đưa về giữ làng Cổ Thành và các trận địa trên hướng bắc thị xã thay thế Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48 rút ra củng cố. Tiểu đoàn bộ binh 5 đang đứng chân ở khu vực Nhan Biều được lệnh sẵn sàng tiếp ứng cho thị xã.

Do các lực lượng của Trung đoàn 95 Sư đoàn 325 đã vào thị xã chiến đấu đầy đủ, ngày 22 tháng 7, Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định tổ chức Ban chỉ huy hỗn hợp và chỉ định Ban cán sự khu vực thị xã gồm các cán bộ đang chỉ huy đánh địch của Trung đoàn bộ binh 48, bổ sung Chính ủy Trung đoàn bộ binh 95 vào thị xã. Trung đoàn trưởng Trung đoàn bộ binh 48 được chỉ định làm Chỉ huy trưởng, Chính ủy Trung đoàn 95 làm Chính ủy - Bí thư Ban cán sự Đảng, Phó chính ủy Trung đoàn 95 làm Phó chính ủy; các Phó trung đoàn trưởng các trung đoàn 48, 95 làm Chỉ huy phó, Tham mưu trưởng Trung đoàn 48 làm Tham mưu trưởng. Vị trí Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ vẫn bố trí ở dưới hầm nhà dinh tỉnh trưởng ngày cũ.

4 giờ ngày 23 tháng 7, địch mở đợt tiến công mới, phi pháo địch bắn phá tới tấp vào các trận địa ta, sau đó lính dù, lính biệt động tiến công vào các trận địa ta trên tất cả các hướng. Trên hướng đông bắc, ở Tri Bưu địch tập trung 4 tiểu đoàn liên tục tiến công vào các trận địa của Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48, một bộ phận địch đã bám được vào góc tường đông bắc Thành cổ, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ ra lệnh Tiểu đoàn 8

bộ đội địa phương Quảng Trị từ Thành cổ cơ động ra phối hợp với Tiểu đoàn 2 phản kích. Nhưng địch có ưu thế về lực lượng và hỏa lực, bộ đội ta chưa đẩy được chúng ra khỏi trận địa, trận đánh giằng co, kéo dài dưới chân tường thành. Trong khi đó trên hướng đông và đông nam, địch mở nhiều đợt tiến công vào trận địa của Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 và Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48; do lực lượng cơ động thiếu, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ quyết định cho Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 vào thành làm lực lượng phản kích. Để kịp thời ngăn chặn đợt tiến công mới của địch, 10 giờ ngày 23 tháng 7, Tiểu đoàn bộ binh 5 Trung đoàn 95 được lệnh vào gấp thị xã, tiểu đoàn tổ chức vượt sông Thạch Hãn giữa ban ngày, dưới hỏa lực phi pháo của địch, từng bộ phận của tiểu đoàn vừa bơi tới bờ bên thị xã lập tức được đưa ngay tới chốt tăng cường sức chiến đấu ngăn chặn địch; các đại đội 6, 7 và Đại đội 8 hỏa lực tiến lên phản kích địch ở Tri Bru, Đại đội 5 tăng cường cho Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 ở hướng đông nam. Có lực lượng tăng cường, trên các hướng ta tiếp tục phản kích, cuối buổi chiều địch núng thế, bị đánh bật khỏi công sự và lui dần, trên cả 3 hướng ta khôi phục lại trận địa. Đến tối 23, Tiểu đoàn 5 tổ chức lại đội hình, bố trí ở phía bắc và tây bắc Thành cổ làm lực lượng cơ động, riêng Đại đội 5 tăng cường cho Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 phòng giữ phía đông nam thị xã. Đêm 23 tháng 7, Đại đội 10 Tiểu đoàn bộ binh 6 Trung đoàn 88 Sư đoàn 308 vào chốt giữ trường Bồ Đề ở tây nam thị xã để đánh địch.

Các ngày 24 và 25 tháng 7, địch tập trung bom đạn đánh phá liên tục suốt ngày đêm chi viện cho các tiểu đoàn dù tiến công vào hướng đông bắc và đông nam Thành cổ. 12 giờ ngày 24 tháng 7, trên hướng đông bắc, Tiểu đoàn 5 và Tiểu đoàn 7 dù cùng với 2 đại đội biệt kích đã chiếm được làng Tri Bru và một phần làng Hành Hoa, đồng thời chúng cho một bộ phận (khoảng 2 trung đội) lao vào chiếm góc đông bắc Thành cổ. Bị các chốt của các tiểu đoàn bộ binh 2 và 3 Trung đoàn 48 cùng Tiểu đoàn 3 địa phương Quảng Trị phối hợp chặt chẽ, chia cắt địch ra từng cụm, bắn tia từng tên; đến 15 giờ, toán địch này bị tiêu diệt toàn bộ. Hướng đông nam, tiểu đoàn 6 dù mở nhiều đợt tiến công vào trận địa phòng ngự của Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48, Tiểu đoàn bộ binh 4 và Đại đội 5 Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95, nhưng bị các lực lượng của ta đánh chặn. Trên hướng tây nam, sáng 24 tháng 7, sau khi phát hiện có lực lượng ta ở trường Bồ Đề (nơi có tầm quan sát tốt), địch đã sử dụng hỏa lực bắn phá ác liệt và cho xe tăng, bộ binh tiến công vào trận địa chốt của Đại đội 10 Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 88 suốt cả ngày 24, chúng bị tiêu diệt hơn 40 tên, đến tối quân địch mới tìm cách lấy xác đồng bọn và kéo những tên bị thương ra phía đường số 1. Sau 1 ngày chiến đấu, Đại đội 10 bị tổn thất nặng, để giữ vững điểm chốt quan trọng này, đêm 24 tháng 7, Trung đoàn 88 đưa Đại đội 9 Tiểu đoàn 6 vào thay; đồng thời trung đoàn tổ chức một bộ phận hỏa lực chi viện cho Đại đội bộ binh 9, đưa tên lửa chống tăng B72 vào đầu cầu sắt sẵn sàng đánh xe tăng địch. Theo mệnh lệnh chiến đấu của sư đoàn, chiều 26 tháng 7, toàn bộ đội hình của Trung đoàn 88 Sư đoàn 308 vào chốt giữ khu vực phía nam thị xã: Tiểu đoàn bộ binh 4 chốt giữ khu vực trại Gia Long, La Vang; Tiểu đoàn bộ binh 5 chốt giữ khu vực đông nam cầu sắt; Tiểu đoàn bộ binh 6 chốt giữ khu vực trường Bồ Đề, ngã

ba Long Hưng; Sở chỉ huy nhẹ của trung đoàn ở làng Tích Tường 2. Cũng như nhiều đơn vị khác, lúc này lực lượng của Trung đoàn 88 bị suy giảm nhiều, mỗi đại đội bộ binh chỉ còn 10 đến 15 tay súng; hỏa lực của trung đoàn chỉ còn 4 khẩu ĐKZ, 4 khẩu 12,7mm, 8 khẩu cối 82mm v.v...

Sau 2 ngày dốc toàn lực để chiếm Thành cổ vẫn không được, bị thiệt hại nặng, quân dù giờ trò lừa bịp dư luận. Tối 25 tháng 7, đài phát thanh Sài Gòn phát một bài tường thuật: Quân dù Mỹ nổi đỏ đã tràn vào chiếm được Thành Quảng Trị, họ đang chuẩn bị ngày mai long trọng làm lễ kéo cờ trong thành cổ. Tiếp đó, 9 giờ ngày 26 tháng 7, địch tổ chức cấm cờ có cờ vắn Mỹ, có phóng viên báo chí, có quay phim nhưng không phải ở thị xã mà là ở bức tường đỏ của nhà thờ Trầm Lý, cách thị xã 3km về phía đông. Nhưng trò lừa bịp của địch, ngay từ đầu đã bị lực lượng trinh sát của ta phát hiện và gọi pháo binh bắn vào vị trí trên, địch hoảng loạn, vội vã lên máy bay trực thăng chuồn thẳng.

Ngày 27 tháng 7, tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh quân khu 1 - Quân đoàn 1 ngay phải hạ lệnh đưa lực lượng lữ đoàn dù 2 ra củng cố, giao nhiệm vụ cho sư đoàn lính thủy đánh bộ vào thay, đảm nhiệm tiếp tục tiến công vào thị xã. Cùng ngày 27 tháng 7, ta phát hiện lực lượng biệt kích và tiểu đoàn 5 dù đang gặp khó khăn về quân số, đạn dược và lương thực; Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ quyết định sử dụng Tiểu đoàn bộ binh 9 Trung đoàn 64 và lực lượng của Tiểu đoàn bộ binh 2 Trung đoàn 48 tập kích hai đại đội biệt kích địch ở khu nhà thờ Tri Bưu và tiểu đoàn 5 dù ở khu nhà tôn trên đông nam Tri Bưu, diệt hơn 100 tên địch, bắt 2 lính dù, nhưng ta hết đạn nên phải lui ra bao vây địch ở vòng ngoài, làm cho địch tiến công cũng không được, lui quân cũng không xong. Vì vậy, mặc dù được lệnh rút khỏi Tri Bưu, nhưng 3 ngày sau khi có lệnh rút, tiểu đoàn 5 dù mới lui quân xong. Trong trận này, số phù hiệu của những tên chết ta thu được gồm phiên hiệu của cả 5 tiểu đoàn dù (4, 5, 6, 7, 9) và lực lượng biệt kích 81, chứng tỏ lúc này quân dù cũng phải chấp vá nhiều. Như vậy, 2 tuần cuối tháng 7, với mật độ hỏa lực tăng gấp hơn 2 lần so với đợt 1, địch mở nhiều mũi đánh chiếm khu đông bắc thị xã, tổ chức tiến công liên tục, thay đổi hướng tiến công chủ yếu, nhưng địch chẳng những không thực hiện được việc cấm cờ lên Thành cổ vào ngày 18 hoặc 27 tháng 7 như dự định mà còn bị các lực lượng ta trong thị xã tiêu diệt 1.702 quân, bắt 2 tên, bắn rơi 4 máy bay, diệt 3 xe tăng và 3 ô tô. Bản tin của hãng AFP phát đi ngày 27 tháng 7 năm 1972 đưa: *“Trong cuộc hành quân tái chiếm Quảng Trị, quân dù Nam Việt Nam đã bị đánh quỵ. Trong những ngày chiến đấu đẫm máu tại đây mỗi ngày họ chết 150 người, các cố vấn Mỹ cho rằng thật chẳng đáng bám lấy cái thị xã Quảng Trị nguy hiểm ấy làm gì, lính dù đã bị thương vong quá nặng, họ cần có thời gian để tổ chức và hồi phục lại”*. Hãng UPI ngày 22 tháng 7 đưa tin: *“...họ đang bầm nhủ lực lượng giỏi nhất của Sài Gòn...”*. Còn báo Figarô của Pháp viết: *“ở Quảng Trị mỗi tuần có mấy trăm người chết, mà lại là lực lượng tinh nhuệ nhất của quân lực Việt Nam cộng hòa...”*.

Về ta, các lực lượng trong thị xã, nhất là các đơn vị chốt giữ, từ đầu đã chịu đựng một khối lượng bom đạn khổng lồ, với mật độ dày đặc và liên tục của địch; lực lượng bị tiêu hao khá nhanh, nhưng đã ngoan cường chốt giữ, tích cực phản kích, tập kích liên tục, không có ngày nào không có lực lượng ta xuất kích đánh địch, khiến cho quân dù tuy được bổ sung quân nhanh cũng không đủ khả năng tiến công dứt điểm theo lối tốc chiến, tốc thắng của chúng. Trong đợt này, các lực lượng giữ Thành cổ Quảng Trị, được sự cổ vũ, động viên rất lớn của hậu phương bằng những lá thư, các chuyển hàng chuyển vào chi viện cho các lực lượng chiến đấu trong Thành cổ đều đặn nhất là các loại đạn cối, đạn B40, B41 v.v... Ngày 27 tháng 7, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh chiến dịch gửi điện động viên cán bộ chiến sĩ toàn mặt trận và các chiến sĩ chiến đấu giữ thị xã, bức điện có đoạn viết:

“Sau một tháng chiến đấu cực kỳ anh dũng, ta đã chặn đứng cuộc tiến công của địch, tiêu diệt hơn 9.000 tên, giữ vững thị xã Quảng Trị - La Vang. Đây là một thành công cổ vũ nhân dân cả nước. Ngày 25 tháng 7, địch cố gắng rất cao đánh vào thị xã Quảng Trị, nhưng chúng đã bị thất bại. Địch buộc phải thay quân và thay kế hoạch. Chúng đã bị suy yếu nhưng chưa từ bỏ âm mưu đánh chiếm thị xã.



Cuộc chiến đấu còn quyết liệt, nhưng ta đã có thêm nhiều điều kiện thuận lợi mới để giữ vững thị xã và đánh bại cuộc hành quân của địch. Tình hình đang chuyển biến có lợi cho ta. Trên hướng đường 12, ta vừa đánh chiếm Động Tranh, Quảng Nam đang đánh mạnh ở Quế Sơn, các chiến trường đang phối hợp tốt với ta.

Tất cả cán bộ chiến sĩ trên toàn mặt trận hãy nhận rõ thời cơ, nhận rõ trách nhiệm, thấy hết khả năng

*Nữ du kích làm nhiệm vụ tuần tra
canh gác thị xã Quảng Trị*

của ta và sự suy yếu của địch, nêu cao ý chí quyết chiến quyết thắng, vượt qua mọi khó khăn gian khổ ác liệt, tiêu diệt thật nhiều địch hơn nữa, chiếm địa bàn có lợi, kiên quyết đẩy lui địch một bước, tiến lên đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân của địch”.

Tuy nhiên, ta cũng còn nhược điểm như việc hiệp đồng trong từng trận tập kích chưa thật chặt chẽ, một số mục tiêu đã chiếm được nhưng không tổ chức chốt giữ ngay để địch phản kích chiếm lại... Mặc dù các lực lượng của chiến dịch tiến hành đợt phản kích thứ 2 ở vòng ngoài đã tiêu diệt được nhiều địch, buộc chúng phải phân tán đôi phó, không thể dồn lực lượng để đánh chiếm thị xã và thành cổ như dự định, nhưng do mật độ hỏa lực của địch quá cao, sức chiến đấu của ta giảm sút nhanh, một số đơn vị phải lui về phía sau củng cố, do đó ta đã để mất một số vị trí chiến thuật quan trọng ở làng Tri Bưu, ở khu vực Chợ Sãi gây khó khăn không ít cho việc tiếp tế và chốt giữ thị xã, Thành cổ. Thị xã vẫn bị địch bao vây từ ba mặt.

Đợt 3: Đánh bại đợt tiến công đầu tiên của sư đoàn lính thủy đánh bộ vào thị xã. Địch phải chuyển từ tiến công ô ạt sang “lấn dũi” (28 tháng 7 - 10 tháng 8 năm 1972).

Ngày 27 tháng 7 năm 1972 theo chỉ thị của tư lệnh quân khu 1 - quân đoàn 1, sư đoàn lính thủy đánh bộ của địch vào thay sư đoàn dù tiếp tục đánh chiếm thị xã Quảng Trị; rút lữ đoàn dù 2 ra củng cố và chuyển sư đoàn dù phụ trách hướng tây nam thị xã. Với ý đồ muốn làm được ngay một việc mà cả tháng trước chúng không làm nổi, sư đoàn trưởng sư đoàn lính thủy đánh bộ hạ lệnh cho lữ đoàn 258 triển khai lực lượng trực tiếp tiến công vào thị xã. Lữ đoàn 258 bố trí tiểu đoàn 3 ở Tri Bưu, Hành Hoa; tiểu đoàn 5 ở Đệ Ngũ Đông (sau đó tiểu đoàn 6 vào thay); tiểu đoàn 9 ở đầu cầu sắt; tiểu đoàn 2 ở An Tiêm, Nại Cửu. Ngày 27 tháng 7, chúng lần chiếm Chợ Sãi (mỗi tiểu đoàn lính thủy đánh bộ có 600 tên). Chúng đưa các trận địa pháo lên Ngõ Xá, Tam Hữu (đường 68) và La Vang Hữu để chi viện trực tiếp cho bộ binh. Cách đánh của lính thủy đánh bộ khác với quân dù, chúng dùng hỏa lực đánh mạnh trước, dùng xung lực lấn dũi từng bước, củng cố chắc bàn đạp chiếm được, làm hầm, đắp bao cát, đưa xe tăng vào gần chốt chi viện trực tiếp cho bộ binh đánh lên. Để tiếp sức cho sư đoàn lính thủy đánh bộ, địch thành lập thêm chiến đoàn 4 (gồm 1 trung đoàn bộ binh và 1 trung đoàn xe tăng, thiết giáp) đảm nhiệm phòng giữ phía sau cho sư đoàn lính thủy đánh bộ. Đồng thời sư đoàn dù cho lữ đoàn 1 tiến công vào La Vang, Tích Tường, Như Lệ ở nam thị xã để phối hợp với sư đoàn lính thủy đánh bộ chiếm thị xã. Tiếp tế của địch đều từ cửa Thuận An và căn cứ Phú Bài ra, chủ yếu vận chuyển bằng ô tô trên đường quốc lộ 1 và đường 68.

Những cơn mưa bão đầu mùa diễn ra từ ngày 28 tháng 7 đến ngày 2 tháng 8 đã gây nhiều khó khăn cho ta, càng làm cho lực lượng của sư đoàn lính thủy đánh bộ tin rằng với biện pháp dùng hỏa lực mạnh, chế áp hoàn toàn trận địa đối phương, vây chặt vòng ngoài, tập trung lực lượng đánh chiếm thị xã, chúng sẽ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch đã định: ngày 6 tháng 8 chiếm được Thành cổ, đêm 7 tháng 8 hai hướng đông và tây gặp nhau, tổ chức chào cờ trong Thành cổ Quảng Trị.

Trong thời gian này, địa hình thị xã sau nhiều đợt đánh phá của địch đã thay đổi nhiều, nhà cửa, cây cối bị sập đổ hết và nát vụn, không còn một nhà cao hoặc chỗ cao nào để đặt đài quan sát (phía địch vẫn còn). Vật liệu làm công sự hầm hào cũng rất khó khăn, cơn mưa bão từ 28 tháng 7 đến 2 tháng 8 làm nước sông Thạch Hãn dâng cao, chảy xiết, đất thấm nước, hầm hào sụt lở, bộ đội ngâm mình trong nước suốt ngày đêm, không nấu ăn được, tiếp tế qua sông rất khó khăn. Trước tình hình đó, Ban cán sự Đảng kịp thời họp rút kinh nghiệm chiến đấu đợt 2 và đề ra chủ trương.

- Động viên toàn đơn vị phát huy thắng lợi vừa qua, kiên quyết đánh bại các đợt tiến công của sư đoàn lính thủy đánh bộ ngụy. Tranh thủ đưa dân các đơn vị đã chiến đấu dài ngày luân phiên ra củng cố, để có lực lượng đánh lâu dài, liên tục.

- Tạo điều kiện tổ chức các trận đánh quy mô từ 1 tiểu đoàn đến 2 tiểu đoàn, lấy hướng Đệ Ngũ, Tri Bưu là hướng chủ yếu; kiên quyết ngăn chặn địch trước trận địa, đồng thời liên tục tiến công, phản kích diệt gọn từng trung đội, đại đội địch để giữ vững trận địa.

- Bổ sung thêm đạn, gạo dự trữ; bố trí lại hỏa lực, lực lượng, củng cố công sự trận địa, phát triển giao thông hào; có lực lượng đánh chặn địch, có lực lượng dự bị.

- Khắc phục khó khăn, tranh thủ huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật cho anh em mới bổ sung, nhất là kỹ thuật sử dụng các loại vũ khí bộ binh của ta và của địch như B40, B41, M79, v.v...

- Tăng cường cán bộ xuống cơ sở để tổ chức, chỉ huy chiến đấu.

Lực lượng trong thị xã của ta thời gian này có các trung đoàn bộ binh 48, 95; các tiểu đoàn bộ binh 3, 8 địa phương Quảng Trị, Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 64, một số phân đội hỏa lực, công binh, thông tin; bố trí như sau: ở hướng bắc Thành cổ có Tiểu đoàn bộ binh 9 Trung đoàn 64, Tiểu đoàn bộ binh 2 Trung đoàn 48, Đại đội bộ binh 45 tiểu đoàn địa phương tỉnh Quảng Bình. Hướng đông bắc Tri Bưu có các đơn vị của Tiểu đoàn bộ binh 6 Trung đoàn 95, từ ngày 2 tháng 8 trở đi có thêm Tiểu đoàn bộ binh 1 Trung đoàn 48 trở lại chiến đấu trong thị xã. Hướng đông nam có Tiểu đoàn bộ binh 4 Trung đoàn 95. Hướng nam (khu Đệ Ngũ) có Tiểu đoàn 8 địa phương tỉnh Quảng Trị. Hướng tây nam và trong Thành cổ có Tiểu đoàn bộ binh 3 địa phương tỉnh Quảng Trị. Tiểu đoàn bộ binh 5 Trung đoàn 95 bố trí ở tây bắc thành làm nhiệm vụ cơ động, 2 tiểu đoàn bộ binh của Trung đoàn 88 bố trí ở khu vực trường Bồ Đề, ty công chính và nam làng Đệ Ngũ (phía tây nam thị xã), quân số Tiểu đoàn 2 còn 80 người. Quân số các tiểu đoàn 5, 6 của Trung đoàn 95 có từ 200 đến 300 người, còn các tiểu đoàn khác mỗi đại đội chỉ còn từ 10 đến 30 người. Từ ngày 27 tháng 7 đến 1 tháng 8, lần lượt các đại đội hỏa lực của Trung đoàn bộ binh 95 và một số phân đội tên lửa chống tăng B72 của Sư đoàn 325 vào bố trí ở góc đông bắc và đông nam Thành cổ, thay cho các đại đội hỏa lực của Trung đoàn bộ binh 48 ra củng cố. Sau ngày 28 tháng 7, Sư đoàn 320B tăng cường 1 đại đội công binh công trình vào thay cho đại đội công binh của

Trung đoàn công binh 299 ra phía sau củng cố; Đại đội đặc công 61 Tiểu đoàn 35 mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị (B5) được tăng cường vào chiến đấu và ngày 3 tháng 8, Sư đoàn 325 tăng cường cho thị xã 1 đại đội công binh vào phục vụ ở Sở chỉ huy và đưa một số phân đội tên lửa chống tăng B72 vào bổ sung cho lực lượng chiến đấu trong thị xã. Cũng trong thời gian này, Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương tiến hành đợt phản kích thứ 3 vào lực lượng tiến công mới của địch, với ý định diệt cho được 1 tiểu đoàn địch, lấy lại khu vực phía nam thị xã.

Ngày 27 tháng 7, để bao vây và cắt đứt đường tiếp tế của ta vào thị xã từ hướng bắc; tiểu đoàn 2 lính thủy đánh bộ tiến công chiếm Chợ Sãi, cắt đứt đường 64 và chặn đường vận chuyển từ sông Thạch Hãn. Ngày 28 tháng 7, với lối tiến công “bài bản”, chúng sử dụng hỏa lực bắn dồn dập, mãnh liệt vào trong Thành cổ và các trận địa của ta ở phía nam thị xã trong 2 giờ liền. Sau đó, tiểu đoàn 5 lính thủy đánh bộ chia làm 3 mũi có xe tăng chi viện tiến công vào Đệ Ngũ Đông, bị Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 và Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị tập trung bắn khoảng 500 quả đạn cối 82mm vào đội hình địch, tiêu diệt 55 tên, bẻ gãy đợt tiến công đầu tiên của lính thủy đánh bộ vào thị xã.

Ngày 29 tháng 7, cơn bão đầu mùa đổ vào Quảng Trị gây mưa lớn, thị xã ở thấp, nước sông Thạch Hãn dâng cao, chảy xiết, hầm hào công sự ngập nước, sụt lở. Địch cho đây là thời cơ để mở đợt tập kích hỏa lực vào trận địa ta, trong khi ta đang tập trung lực lượng khắc phục hậu quả của trận lụt, địch tập trung bom pháo tiến hành trận “phóng lôi”, đánh phá ác liệt vào tất cả các trận địa của ta trong thị xã với đủ các loại bom đạn, nhiều nhất vẫn là bom phá, bom khoan, pháo chụp do các loại máy bay và pháo hạm tiến hành. Riêng trong 2 ngày 30 và 31 tháng 7, trong khi thị xã vẫn còn mưa bão, địch bắn phá liên tục 48 giờ liền, bắn tới 36.000 quả đạn với ý định hủy diệt hoàn toàn mọi sự sống trong Thành cổ.

7 giờ ngày 3 tháng 8, mưa bão đã tạnh hẳn, lữ đoàn 258 cho 1 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ có xe tăng chi viện tiến công vào làng Đệ Ngũ Đông. Các lực lượng của Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95, Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị, Đại đội bộ binh 9 Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 đã phối hợp chặt chẽ với pháo binh của cấp trên, vừa chiến đấu ngăn chặn địch quyết liệt, vừa xuất kích nhỏ đánh vào cạnh sườn khiến chúng phải co lại. Do địch tiến công mạnh, hầm hào sụt lở nên hướng phòng ngự của Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương tỉnh Quảng Trị ở trục đường tây Thạch Hãn đã bị mất 5 trận địa chốt; ta thương vong khá nặng, địch tranh thủ thời cơ tiến công chiếm được làng Đệ Ngũ Đông và có mũi tiến ra hướng cầu sắt Quảng Trị.

Rạng sáng ngày 4 tháng 8, trinh sát của ta phát hiện địch bí mật đưa 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ vào hướng làng Hành Hoa và làng Tri Bưu phía đông bắc Thành cổ. Tiểu đoàn 3 của địch men theo bờ nam sông Vĩnh Định vào triển khai ở làng Hành Hoa, bãi tha ma phía nam làng giáp với trận địa chốt của ta. Sở chỉ huy của chúng bố trí ở khu vực nhà thờ nhỏ (khu nhà thờ nhỏ địch mới chiếm ngày 2 tháng 8 do sơ suất

của Tiểu đoàn bộ binh 6 Trung đoàn 95). Một tiểu đoàn khác của địch (có thể là tiểu đoàn 6 lính thủy đánh bộ) có xe tăng đi cùng từ Quy Thiện sang Tri Bưu. Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ nhận định: địch chuẩn bị tiến công ta trên 2 hướng đông bắc và đông nam; trên hướng đông bắc quân địch tuy đông nhưng mới đến, phòng ngự còn lỏng lẻo, hệ thống công sự còn sơ sài, tinh thần binh lính căng thẳng, lo sợ. Ban chỉ huy chủ trương ngăn chặn địch ở hướng đông nam và nam thị xã, tập trung diệt địch ở hướng đông bắc là Hành Hoa và Tri Bưu bằng tập kích, đây là biện pháp tích cực nhằm phá vỡ tiến công của địch; đồng thời phối hợp với các lực lượng vòng ngoài của chiến dịch đang triển khai đòn phản kích thứ 3.

Để đảm bảo vừa có lực lượng tập kích, vừa sẵn sàng đánh địch tiến công, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ quyết định sử dụng các đơn vị phía trước sẵn sàng đánh bại các đợt tiến công của địch, giữ vững trận địa, sẵn sàng chi viện cho lực lượng tập kích khi có lệnh. Sử dụng lực lượng dự bị của các tiểu đoàn, có trang bị gọn nhẹ (AK, B40, B41, lựu đạn, thủ pháo) tiến hành tập kích tiêu diệt địch ở Tri Bưu và Hành Hoa. Để thực hiện quyết tâm trên, nhiệm vụ cụ thể được giao cho các đơn vị: Trên hướng chủ yếu sử dụng Đại đội 6 Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 và Đại đội 7 Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 đánh địch ở làng Hành Hoa. Trên hướng thứ yếu do Đại đội 1 Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48 (tiểu đoàn này sau khi ra củng cố mới được điều vào thị xã ngày 2 tháng 8) diệt địch ở Tri Bưu. Hướng phối hợp sử dụng Đại đội 10 Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 64 tiến



công tiêu diệt địch phía bắc nhà thờ nhỏ ở làng Hành Hoa và đánh địch rút chạy hoặc tăng viện từ hướng bờ nam sông Vĩnh Định tới. Tổ chức chốt giữ mục tiêu đã chiếm được do Tiểu đoàn bộ binh 2 đảm nhiệm, sau đó bàn giao cho Đại đội bộ binh 10 Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 64 chốt giữ khu vực Hành Hoa, Đại đội 1 Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48 chốt giữ khu vực Tri Bưu. Các hướng tập kích đều do cán bộ tiểu đoàn trực tiếp chỉ huy; Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ phân công một đồng chí chỉ huy phó trực tiếp chỉ huy trận tập kích. Việc bám

Đưa bộ đội qua sông Thạch Hãn

Ảnh: Đoàn Công Tính

nắm địch do trinh sát của Trung đoàn 48 và các lực lượng đang chốt giữ phía trước của các tiểu đoàn đảm nhiệm.

Triển khai kế hoạch trên, 12 giờ ngày 4 tháng 8, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ tổ chức hiệp đồng với pháo binh mặt trận và pháo binh của Sư đoàn 325; 16 giờ ngày 4 tháng 8, tiến hành trinh sát trận địa; 24 giờ ngày 4 tháng 8, mọi công tác chuẩn bị xong; 3 giờ ngày 5 tháng 8, các đơn vị tập kích chiếm lĩnh trận địa; 5 giờ nổ súng tiến công địch. Thực hiện đúng kế hoạch chuẩn bị chiến đấu, 4 giờ 30 phút ngày 5 tháng 8, các đơn vị cơ động chiếm lĩnh đúng các vị trí quy định; cùng thời gian bộ đội cơ động chiếm lĩnh trận địa, pháo binh chiến dịch bắn cầm canh (một hoạt động như các đêm khác) khống chế đoạn đường 68 đi Quy Thiện và kiềm chế các trận địa pháo địch. Trước giờ nổ súng, lúc 4 giờ 45 phút pháo địch ở các nơi đột nhiên đồng loạt bắn với mật độ rất cao vào Thành cổ và các trận địa chốt của ta ở vòng ngoài. Năm phút sau, pháo địch ngừng bắn nhưng bộ binh địch vẫn im lặng. Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ nhận định đây là đợt tập kích hỏa lực của địch, vừa để đánh lạc hướng, vừa gây khó khăn cho ta, vừa để chi viện cho chúng chuẩn bị triển khai tiến công, do đó quyết tâm chiến đấu của các đơn vị ta không thay đổi.

4 giờ 53 phút ngày 5 tháng 8, được lệnh nổ súng, pháo binh cấp trên bắn chế áp các trận địa pháo địch ở Quy Thiện, Mỹ Khê, Gia Đăng, khu nhà thờ lớn Tri Bưu và khống chế đoạn đường 68 đi Quy Thiện. Súng cối của trung đoàn và các tiểu đoàn tập trung chế áp các mục tiêu của địch ở các làng Hành Hoa và Tri Bưu. Các loại hỏa lực ĐKZ, B40, B41, trung liên, đại liên của các đơn vị chốt gần địch đồng loạt chế áp các mục tiêu trước trận địa. Trên các hướng, bộ binh vận động tiếp cận mục tiêu. Đúng 5 giờ, pháo binh chuyển làn, bộ binh trên các hướng đồng loạt xung phong.

Trên hướng chủ yếu, địch bị bất ngờ, lúng túng, chúng co lại lợi dụng địa hình có lợi, phối hợp cùng xe tăng chặn các mũi tiến công của ta và tổ chức phản kích, Đại đội bộ binh 6 Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 và Đại đội bộ binh 7 Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 tổ chức các mũi thọc sâu, chia cắt, dùng hỏa lực tiêu diệt các ổ đề kháng của địch, áp sát vào vị trí chỉ huy tiểu đoàn địch ở nhà thờ nhỏ làng Hành Hoa. Sau 30 phút chiến đấu, Đại đội 6 Tiểu đoàn 2 đã chiếm được nhà thờ nhỏ Hành Hoa, địch tháo chạy để lại 50 xác chết. Trên hướng phối hợp Đại đội 10 Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 64 phát hiện địch co cụm từ bãi tha ma đến phía bắc làng Hành Hoa, ngay lập tức, ta tổ chức tiến công, quân địch hốt hoảng tháo chạy khỏi làng Hành Hoa. Sau khi chiếm được làng Hành Hoa, Đại đội 10 tiến hành bố trí đội hình chốt giữ, sẵn sàng đánh địch phản kích.

Trên hướng thứ yếu, Đại đội bộ binh 1 Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48 hiệp đồng với một mũi của Đại đội bộ binh 7 Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 đánh địch nhưng chậm phát triển vào làng Tri Bưu, để địch co cụm về khu nhà đồ kết hợp cùng xe tăng ngăn chặn ta. Các mũi tiến công của ta đã kiên quyết thọc sâu, chia cắt địch ra từng tốp nhỏ để tiêu diệt, 2 chiến sĩ B40 của Đại đội 7 Tiểu đoàn 5 bắn cháy 2 xe tăng địch; bị mất chỗ dựa là xe tăng, số địch còn lại hốt hoảng tháo chạy về cố thủ ở khu vực nhà thờ

Tri Bưu; ta chiếm lại khu nhà tôn và tổ chức trận địa chốt giữ khu vực đã chiếm. 5 giờ 30 phút ngày 5 tháng 8, các hướng tạm dừng phát triển, chỉ dùng pháo cối để truy kích địch; Đại đội 10 Tiểu đoàn 9 và Đại đội 1 Tiểu đoàn 1 tổ chức trận địa chốt giữ các khu vực đã chiếm được. Các lực lượng khác được lệnh cơ động về các trận địa chốt trên các hướng được phân công để sẵn sàng đánh địch tiến công.

Sau 40 phút chiến đấu, ta đã tiêu diệt 1 đại đội, đánh thiệt hại nặng 3 đại đội khác; loại khỏi vòng chiến đấu hơn 500 tên địch, bắn cháy 5 xe tăng, bắt 2 tên; thu 4 máy vô tuyến điện, 70 khẩu súng các loại và hàng ngàn viên đạn. Ta hy sinh 1, bị thương 7 người; sau trận chiến đấu, Tiểu đoàn bộ binh 2 Trung đoàn 48 được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất. Trận tập kích đã tạo điều kiện cho ta mở rộng địa bàn, cải thiện thế trận phòng ngự, đánh bại ý định tiến công vào Thành cổ trong ngày 5 tháng 8 của lữ đoàn 258 lính thủy đánh bộ.

Đêm 5 tháng 8, tranh thủ lúc lực lượng lính thủy đánh bộ ở hướng đông bắc bị thiệt hại nặng không tiến công được, Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị và Tiểu đoàn bộ binh 4 Trung đoàn 95 hiệp đồng cùng thời gian tập kích quân địch ở khu vực ngã tư quốc lộ số 1, nam làng Thạch Hãn, khu vực chùa Bà Năm, tiêu diệt đại bộ phận sinh lực địch ở đây, chiếm lại trận địa, tổ chức chốt giữ, cải thiện đáng kể thế trận phòng ngự của ta tại phía nam và đông nam thị xã.

Cùng thời gian này, theo nhiệm vụ được phân công, các đơn vị vòng ngoài đều tiến hành phản kích đánh địch theo kế hoạch và ý định của Bộ chỉ huy mặt trận. Trên hướng tây nam thị xã, Sư đoàn 308 sử dụng các trung đoàn 36, 102 và 165 Sư đoàn 312 được Mặt trận tăng cường, tiến công lữ đoàn dù 1 từ khu vực Tích Tường - Như Lệ đến điểm cao 105B; 17 giờ ngày 7 tháng 8, quân ta nổ súng tiêu diệt 1 đại đội địch ở Như Lệ, đánh thiệt hại nặng 2 đại đội khác của chúng, chiếm lại khu vực Tích Tường - Như Lệ, điểm cao 105B. Riêng Trung đoàn 88 đánh chiếm ngã ba Thạch Hãn, truy kích địch đến khu vực bệnh viện thị xã, tại đây quân địch co cụm, sử dụng phi pháo bắn chặn ta quyết liệt và tổ chức phản kích; Trung đoàn 88 đã phải chốt giữ trận địa và quần nhau với lính thủy đánh bộ một ngày nhưng lực lượng ta bị thương vong lớn, nên đến đêm ta phải rút về trận địa phía sau. Trên cánh Đông, Trung đoàn 27 và Trung đoàn 101 Sư đoàn 325 phối thuộc với Sư đoàn 320B, tiến công liên tục vào các tiểu đoàn lính thủy đánh bộ của địch ở khu vực Nại Cửu, An Tiêm, Chợ Sãi; tuy không đánh bật được địch ra khỏi các khu vực, nhưng buộc chúng phải liên tục đổi phó, không tập trung được lực lượng uy hiếp ta ở hướng bắc thị xã.

Bị các trận địa chốt của ta chặn lại, quân địch không thực hiện được ý định “chào cờ” trong Thành cổ, ngày 7 tháng 8, sư đoàn trưởng sư đoàn lính thủy đánh bộ Bùi Thế Lân xin cấp trên đánh hủy diệt các trận địa phòng ngự của ta để mở đường cho quân bộ vào Thành. Đáp ứng yêu cầu của Bùi Thế Lân, địch tập trung các loại máy bay của Mỹ giội bom xuống các mục tiêu trong thị xã Quảng Trị, kết hợp với pháo binh bắn phá mãnh liệt vào Thành cổ và các trận địa của ta. Lợi dụng kết quả công phá của

hỏa lực và sau khi đã ngăn chặn, làm giảm áp lực tiến công của ta ở vòng ngoài, ngày 9 tháng 8, sư đoàn trưởng sư đoàn lính thủy đánh bộ ra lệnh tiến công trên cả 3 hướng vào thị xã; hướng chủ yếu là nam và tây nam. Cả ngày 9 tháng 8, một tiểu đoàn lính thủy đánh bộ cùng hàng chục xe tăng tiến công vào trận địa của Tiểu đoàn bộ binh 4 Trung đoàn 95 đông nam thị xã. Lực lượng chủ yếu của chúng tập trung tiến công vào chốt của Đại đội bộ binh 3 Tiểu đoàn 4 ở ngã tư quốc lộ số 1, làng Thạch Hãn hồng nổi với lực lượng của chúng ở Đệ Ngũ Đông. Tại đây, 20 tay súng của Đại đội 3 đã ngoan cường chiến đấu suốt một ngày, ngăn chặn các đợt tiến công của địch, số thương vong của ta tăng cao, các chiến sĩ còn lại đều bị thương từ 1 đến 4 lần nhưng với tinh thần còn người còn trận địa, đại đội đã kiên quyết giữ vững chốt đến cùng.

Cũng trong ngày 9 tháng 8, địch tiến công liên tục vào hướng tây nam thị xã thuộc phạm vi phòng giữ của các tiểu đoàn 5 và 6 Trung đoàn 88. Chúng sử dụng 2 tiểu đoàn bộ binh cùng xe tăng của thiết đoàn 18 tiến công vào khu vực trận địa của Tiểu đoàn 5 (Tiểu đoàn 5 chỉ còn 50 tay súng) ở làng Đệ Ngũ, trường Bồ Đề và khu vực trận địa của Tiểu đoàn bộ binh 6 (Tiểu đoàn 6 chỉ còn 56 tay súng) ở khu vực ngã ba đường sắt và cầu sắt. Do có dự kiến và chuẩn bị từ trước của trung đoàn, sư đoàn, nên các lực lượng chốt đã được hỏa lực của trên chi viện, đánh bại nhiều đợt tiến công của địch. Tại làng Đệ Ngũ, tiểu đoàn 5 lính thủy đánh bộ chia làm 3 mũi, bao vây Tiểu đoàn bộ binh 5 của ta ở trong làng. Bộ đội ta bình tĩnh, bí mật chờ địch đến gần, bất ngờ đồng loạt nổ súng; những tên địch đi đầu gục ngã trước công sự của ta chưa đầy 30m. Ngay lúc đó, cối 82mm và 12,7mm của tiểu đoàn ở bắc làng Đệ Ngũ bắn vào đội hình phía sau của địch ở khu vực bãi xe đổ; địch rối loạn, dừng lại củng cố; suốt từ đó đến chiều chúng nhiều lần tổ chức tiến công, nhưng chỉ vào đến bìa làng là bị đánh bật ra; 18 giờ chúng phải khiêng xác đồng bọn và những tên bị thương rút lui.

Trên hướng ngã ba đường sắt, là hướng phòng ngự chủ yếu của Trung đoàn 88, do Tiểu đoàn bộ binh 6 đảm nhiệm. Các đại đội được bố trí theo thế chân kiềng, thành 3 chốt từ ngã ba đường sắt kéo dài tới cầu sắt. Địch lợi dụng trục đường 1 rải nhựa, rộng và trống trải, chúng dùng xe tăng dẫn bộ binh tiến công liên tục vào các chốt của ta; tới 14 giờ chiều chúng tiến công 5 đợt nhưng đều bị đẩy lui. Mãi đến 15 giờ, địch tăng cường 5 xe tăng M48 và tập trung bộ binh mới đầy được Đại đội bộ binh 9 của ta và chiếm được ngã ba đường sắt. Mất ngã ba đường sắt, các điểm chốt còn lại của Tiểu đoàn 6 bị uy hiếp nghiêm trọng. Trung đoàn lập tức lệnh cho Đại đội 10 Tiểu đoàn 6 cùng các lực lượng còn lại của Đại đội 9 tập trung phản kích. Được pháo của sư đoàn và pháo chiến dịch chi viện, Đại đội 10 và Đại đội 9 thành 3 mũi đánh thẳng vào ngã ba đường sắt; quân địch chưa kịp ổn định thế đứng phải bỏ chạy, kết thúc các đợt tiến công của địch. Ngày 9 tháng 8, các tiểu đoàn 5, 6 Trung đoàn 88 được hỏa lực cấp trên chi viện, đã tiêu diệt khoảng 150 tên địch, bắn cháy 9 xe tăng, thiết giáp của chúng (trong đó tên lửa chống tăng B72 diệt 6 xe), giữ vững trận địa trên hướng tây nam thị xã.

Bị ngăn chặn ở ngã ba đường 1, ngày 10 tháng 8, tiểu đoàn 9 lính thủy đánh bộ từ bàn đạp phía nam thị xã tập trung lực lượng đánh chiếm khu vực ty y tế, bệnh viện, ty công chính; một mũi khác từ bàn đạp Đệ Ngũ Đông tiến công sang Đệ Ngũ Tây chiếm trường Bồ Đề. Các khu vực này do Trung đoàn 88 (thiếu) đảm nhiệm, nhưng lực lượng quá mỏng, hỏa lực ít nên bị địch đẩy lui dần. Sau khi địch chiếm được lợi thế ở hướng nam, tây nam thị xã (khoảng 12 giờ ngày 10 tháng 8), ta phán đoán địch sẽ tiếp tục tiến công từ hướng tây nam; nhưng thực tế địch lại dừng lại củng cố khu vực đã chiếm.

Một ý kiến trong Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ nêu: Tại sao thời gian còn sớm như vậy mà địch lại dừng tiến công? Một phân tích được đưa ra: “hai bên quần nhau, cả hai cùng mệt nên dù không muốn cũng phải dừng lại củng cố để lấy lại sức”. Quả đúng như vậy, sau hơn 10 ngày vào thay thế quân dù, cả 5 tiểu đoàn của lữ đoàn 258 lính thủy đánh bộ đều bị tổn thất nặng, mỗi tiểu đoàn bị loại khỏi vòng chiến đấu từ 200 đến 250 tên; bị bắn cháy 15 xe tăng (có 9 chiếc do Trung đoàn 88 bắn cháy) và rơi 7 máy bay, tiểu đoàn 3 lính thủy đánh bộ bị loại khỏi vòng chiến đấu phải về phía sau củng cố. Sau ngày 5 tháng 8, chúng đã phải dùng tiểu đoàn 6 là lực lượng dự bị của lữ đoàn, với quy mô nhỏ giọt, thiệt hại bao nhiêu bổ sung lên bấy nhiêu. Các đơn vị khác của sư đoàn lính thủy đánh bộ cũng đang phải căng ra ở cánh Đông và ven biển, hơn nữa với những đòn đánh phủ đầu của ta trong thị xã, tinh thần quân lính của lữ đoàn 258 bị giảm sút nghiêm trọng. Mặt khác sự thôi thúc theo yêu cầu ngoại giao ở Hội nghị Pari cũng không còn như hồi tháng 7 (tháng 8 năm 1972, cả hai bên không có kế hoạch gặp nhau ở Pari); từ tình hình trên, địch buộc phải có những tính toán mới, thủ đoạn chiến đấu mới.

Về ta, mặc dù địch đánh phá rất ác liệt, lại bị thời tiết mưa bão gây rất nhiều khó khăn, nhưng các lực lượng phòng giữ thị xã đã ngoan cường chiến đấu, ngăn chặn được nhiều đợt tiến công của địch. Với tư tưởng tích cực tiến công, chủ động bám địch, tổ chức các trận phản kích, tập kích đúng thời cơ và có hiệu suất cao; ta đã đẩy địch ra khỏi một số vị trí chúng chiếm được, cải thiện thế bố trí phòng thủ. Nhờ có các trận đánh phủ đầu, phối hợp chặt chẽ của các lực lượng phản kích ở vòng ngoài nên đã phá tan ý đồ “hội quân trong Thành cổ” đêm 7 tháng 8 của sư đoàn lính thủy đánh bộ.

Việc tổ chức chi viện và vận chuyển thương binh của Trung đoàn 48 và Sư đoàn 325 cũng có nhiều cố gắng; mặc dù có nhiều khó khăn do những cơn mưa bão đầu mùa và địch tăng cường thả bom từ trường, dùng hỏa lực khống chế bến vượt ở sông Thạch Hãn; đặc biệt sau ngày 27 tháng 7, chúng chốt giữ Chợ Sãi, án ngữ vận chuyển đường sông của ta thì việc tiếp tế cho lực lượng của 8 tiểu đoàn chiến đấu trong thị xã càng trở nên vô cùng khó khăn, nguy hiểm. Từ ngày 31 tháng 7, Trung đoàn 48 đã tổ chức các chân hàng trung chuyển do Tham mưu phó trung đoàn chỉ huy để cùng các lực lượng vận tải của Sư đoàn 325 và các lực lượng địa phương như thanh niên, du kích, dân công hỏa tuyến các huyện Triệu Phong, Hải Lăng, sẵn sàng vận chuyển bộ

qua bến vượt Xuân An, chân cầu sắt vào thị xã khi đường sông bị tắc; đồng thời hiệp đồng với hỏa lực của Sư đoàn 325 ở Xuân An, với lực lượng chốt của Trung đoàn 27 ở khu vực Chợ Sãi chi viện đánh địch, bảo vệ từng chuyến hàng chở bằng thuyền máy ra vào thị xã. Đồng thời với những cố gắng điều hành của Bộ tư lệnh chiến dịch, Bộ tư lệnh Sư đoàn 325, các sở chỉ huy Trung đoàn 48, 95 ở phía sau nên đã bảo đảm lương thực, đạn dược tương đối đều, nhất là các loại đạn cho các đơn vị tác chiến liên tục ở trong Thành cổ.

Tuy nhiên, hoạt động tác chiến của đợt 3 vẫn bộc lộ những nhược điểm: Mỹ - ngụy đã huy động một lượng phi pháo rất lớn để chi viện cho sư đoàn lính thủy đánh bộ nhanh chóng đánh chiếm thị xã, nên lực lượng của ta bị tiêu hao nhanh. Nhưng việc bổ sung quân của ta lại chậm và thiếu, cả đợt 3 các đơn vị tác chiến trong thị xã chỉ được bổ sung 1 đại đội cho Tiểu đoàn 3 địa phương Quảng Trị, nên Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ không còn lực lượng dự bị. Lực lượng phản kích, nhất là lực lượng phản đột kích của chiến dịch ở vòng ngoài không đủ mạnh; tuy có tiêu hao được sinh lực địch nhưng không làm chủ được các khu vực đã chiếm, vì vậy thị xã vẫn bị địch bao vây và bị uy hiếp từ 3 mặt, trận địa phòng thủ của ta trong thị xã càng bị thu hẹp, nhiều nơi đã hình thành thế xen kẽ giữa ta và địch. Việc tổ chức chỉ huy các lực lượng thiếu tập trung, thống nhất nên phối hợp, hiệp đồng chiến đấu trong thị xã không chặt. Các đơn vị của Trung đoàn 88 chốt giữ phía tây nam thị xã do Sư đoàn 308 chỉ huy, nhưng Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ không có phương tiện thông tin, liên lạc với trung đoàn nên việc đánh hay rút của Trung đoàn 88 ở hướng này, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ chỉ nắm được qua các đài quan sát. Hoặc Trung đoàn 64 rút Tiểu đoàn bộ binh 9 ra, đưa Tiểu đoàn bộ binh 7 vào cũng không thông báo được cho Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ.

Đợt 4: Đánh bại thủ đoạn “lấn dũi” của sư đoàn lính thủy đánh bộ ngụy, cải thiện thế phòng thủ thị xã và Thành cổ (11 - 31 tháng 8 năm 1972).

Sau những đợt ồ ạt tiến công đầu tháng 8 vào thị xã bị thất bại nặng nề, sư đoàn lính thủy đánh bộ ngụy phải dừng lại xin bổ sung lực lượng, thực hiện thủ đoạn “lấn dũi” từng bước. Chuẩn bị cho đợt tiến công mới này, chúng tăng cường các loại máy bay, pháo lớn, pháo tàu biển ngày đêm giội bom đạn xuống thị xã Quảng Trị. Từ giữa tháng 8 trở đi, mặc dù địch muốn chiếm nhanh Thành cổ để phục vụ mưu đồ chính trị nhưng càng cố gắng, chúng càng kiệt sức, buộc phải chuyển từ cách tiến công ồ ạt bằng bộ binh sang dùng hỏa lực không hạn chế tiêu hao lực lượng ta, sau đó bộ binh lên chiếm bàn đạp, xây dựng trận địa phòng ngự, rồi lại dùng hỏa lực đánh đợt khác để bộ binh lại tiến lên. Cùng với thủ đoạn “lấn dũi”, chúng cũng cố bổ sung lực lượng, chờ khi ta khó khăn do mùa mưa đang tới gần sẽ tiến công dứt điểm.

Thực hiện quyết tâm tái chiếm Thành cổ, chúng tổ chức lấn dũi trên hai hướng: hướng chủ yếu từ nam - đông nam, hướng quan trọng từ bắc - đông bắc Thành cổ. Phục vụ cho lấn dũi, mỗi ngày chúng dùng vài ba lần máy bay B52 ném bom dọc sông

Thạch Hãn, vài chục lần máy bay cường kích đánh phá các mục tiêu trong thị xã và Thành cổ, bắn hàng nghìn quả đạn pháo để sát thương lực lượng ta, kết hợp dùng bộ binh, xe tăng lần đầu ban ngày, lần đến đâu cũng cố công sự ở đó; ban đêm phòng giữ cẩn mật, kết hợp nghi binh hoặc di chuyển đội hình để tránh bị ta tập kích.

Về ta: Qua quá trình chiến đấu ác liệt dài ngày, dần dần hình thành các cánh quân chiến dịch từ tây sang đông bảo vệ khu mới giải phóng Quảng Trị, đồng thời trước thủ đoạn tiến công mới của địch, Bộ tư lệnh mặt trận chủ trương:

- Tổ chức các khu vực phòng thủ trên tất cả các hướng chiến dịch, trước hết làm trận địa vững chắc để bảo tồn lực lượng và có chỗ đứng chân đánh địch. Thị xã Quảng Trị là khu vực trọng điểm, cần tăng cường hỏa lực, xung lực, tổ chức trận địa phòng thủ liên hoàn, có chiều sâu. Tổ chức một trận địa hỏa lực mạnh ở bờ bắc sông Thạch Hãn đối diện với thị xã để chi viện cho các lực lượng trong thị xã chiến đấu. Chuẩn bị trận địa phòng không mạnh, đề phòng tình huống địch tập kích hóa học rồi đổ bộ đường không bằng trực thăng vào nội thành. Nghiên cứu bí mật đưa một số xe tăng vào Thành cổ, cấu trúc công sự chu đáo để biến thành hỏa điểm đánh xe tăng và phối hợp với bộ binh tiêu diệt địch.

- Giao Bộ Tư lệnh Sư đoàn 325 chịu trách nhiệm tổ chức phòng thủ cánh giữa, bao gồm khu vực thị xã Quảng Trị - ái Tử - Đông Hà, trọng điểm là thị xã Quảng Trị, nhưng về tác chiến, Bộ tư lệnh mặt trận vẫn chỉ huy vượt cấp đến Ban chỉ huy khu vực thị xã - Thành cổ Quảng Trị⁽¹⁾.

- Trên cơ sở hình thành các khu vực phòng thủ, thực hành phản kích đợt 5 nhằm cố gắng phá vỡ thế tiến công của địch, cải thiện thế trận phòng thủ của ta.

Thực hiện nhiệm vụ của Đảng ủy và Bộ tư lệnh mặt trận giao cho, Bộ tư lệnh Sư đoàn 325 quyết định: Tăng cường lực lượng cho thị xã Quảng Trị, chủ yếu là lực lượng pháo binh, đặc công, công binh, thông tin và bộ đội đảm bảo hậu cần kỹ thuật. Tổ chức 1 Sở chỉ huy nhẹ của sư đoàn ở Nhan Biều do một đồng chí Sư đoàn phó điều hành (Sở chỉ huy cơ bản của sư đoàn ở khu vực Cao Hy). Xây dựng đường dây cáp thông tin qua sông để liên lạc với Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ.

Căn cứ vào tình hình cụ thể ta, địch trên chiến trường, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ thống nhất phương án tác chiến với những nội dung chính sau:

- Hướng phòng thủ chủ yếu: Nam - đông nam, lấy lực lượng nòng cốt là Trung đoàn 95 đảm nhiệm, bố trí cụ thể: Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 ở khu Mỹ Đông - chùa Bà Năm - Ty cảnh sát - Trại giam; Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 ở khu Mỹ Tây - nhà thờ Tin lành - ngã ba Đồng Đá; Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 95 ở nam làng Cổ Thành làm lực lượng cơ động; Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 18 (vào ngày 22 tháng 8) ở khu vực làng Đệ Ngũ - Thạch Hãn.

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Đảng ủy chiến dịch ngày 8 tháng 8 năm 1972.

Phần thứ hai: Thành cổ Quảng Trị - Huyền thoại mùa hè đỏ lửa - 1972

- Hướng phòng thủ quan trọng: bắc - đông bắc, lấy lực lượng nòng cốt là Trung đoàn 48 đảm nhiệm, bố trí Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48 ở khu vực Tri Bưu - Hành Hoa; Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 ở khu vực Cổ Thành - nam sông Vĩnh Định.

- Phạm vi Thành cổ do Tiểu đoàn bộ binh 3 Tỉnh đội Quảng Trị đảm nhiệm.

- Cho ra ngoài củng cố các đơn vị: Tiểu đoàn bộ binh 3 Trung đoàn 48, Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị và một số phân đội hỏa lực, chuyên môn khác.

- Tổ chức trận địa hỏa lực của Sư đoàn 325 gồm: 6 khẩu cối 120mm, 2 khẩu cối 160mm, 5 giàn hỏa tiễn BM-14, 2 trung đội tên lửa chống tăng B72, 2 đại đội súng máy phòng không 12,7mm; bố trí tại khu vực Xuân An, Nhan Biều chi viện trực tiếp cho các đơn vị chiến đấu trong thị xã (còn 2 đại đội súng máy phòng không 12,7mm của sư đoàn bố trí trong thị xã). Các đơn vị đặc công của Sư đoàn 325 và Mặt trận B5 được bố trí trong thị xã, có nhiệm vụ hoạt động chiến đấu vùng sau lưng địch ở Hải Lăng, Mai Lĩnh. Phương án chiến đấu trên được Bộ tư lệnh mặt trận duyệt ngày 25 tháng 8 năm 1972. Ngoài ra, các lực lượng pháo binh mặt trận có thể chi viện hỏa lực cho thị xã gồm các đơn vị: Trung đoàn pháo binh 84, Trung đoàn pháo binh 164, Trung đoàn pháo binh 45 bố trí cách xa thị xã nhưng các đơn vị pháo đều có đài quan sát trong thị xã để gọi bắn và có đại diện chỉ huy pháo binh của Mặt trận B5 và của Sư đoàn 325 ở cùng Ban Chỉ huy bảo vệ Thành cổ.

- Đi đôi với nhiệm vụ tác chiến, tiến hành động viên, tổ chức bộ đội tích cực xây dựng trận địa, phát triển hầm hào thành thể liên hoàn, nhanh chóng đưa mọi hoạt động của bộ đội trong thị xã xuống lòng đất. Điều lực lượng công binh của các trung đoàn 48, 95, của Sư đoàn 325 và của Mặt trận B5 vào thị xã hỗ trợ các đơn vị xây dựng trận địa, làm Sở chỉ huy, bảo đảm bền vượt, tiếp tế hậu cần.

- Tổ chức thêm các tuyến vận tải đường bộ, đường sông, cụ thể:

+ Tuyến Ba Gơ - Phụng Hoàng - Nhan Biều do Mặt trận B5 đảm nhiệm.

+ Tuyến Đông Hà - Ái Tử - Nhan Biều, do Sư đoàn 325 đảm nhiệm.

+ Tuyến Nhan Biều - vượt sông sang thị xã, do Trung đoàn 95 đảm nhiệm, Tham mưu trưởng trung đoàn trực tiếp chỉ huy vượt sông.

+ Tuyến Tả Kiên - sang thị xã, chủ yếu theo đường sông do Trung đoàn 48 đảm nhiệm.

- Tổ chức lại mạng thông tin: Bảo đảm mạng điện thoại và truyền đạt từ Sở chỉ huy bảo vệ Thành cổ đến các tiểu đoàn, các chốt chiến đấu và liên lạc được với Sở chỉ huy Sư đoàn 325, Mặt trận B5. Có mạng thông tin tải ba từ Sở chỉ huy bảo vệ Thành cổ liên lạc với Sư đoàn 325, Mặt trận B5 và ra tới Hà Nội. Tổ chức mạng thông tin vô tuyến điện 2W liên lạc giữa Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ với các tiểu đoàn chiến đấu, các trận địa hỏa lực, các hậu cứ Nhan Biều và Tả Kiên; đồng thời triển khai mạng 15W liên lạc với Sư đoàn 325 và Mặt trận B5; tổ chức nạp ắc quy hàng ngày tại Nhan Biều.

Ở Nhan Biều hình thành hậu cứ trực tiếp bảo đảm cho các lực lượng trong thị xã. ở đây có trạm phễu tiền phương do Tiểu đoàn 24 Sư đoàn 325 đảm nhiệm để sơ cứu thương binh. Trạm phễu nhẹ của Trung đoàn 48 bố trí trong thị xã, cạnh Sở chỉ huy các lực lượng bảo vệ Thành cổ.

Chấp hành chỉ thị của cấp trên, căn cứ tình hình thực tế đang diễn ra tại mặt trận, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ xác định:

- Khẩn trương điều chỉnh đội hình theo thế bố trí đã thống nhất, đưa Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương, Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 và một số đơn vị ra ngoài củng cố, thực hiện có đơn vị chiến đấu, có đơn vị củng cố để luân phiên bảo đảm chiến đấu lâu dài.

- Động viên, tổ chức bộ đội liên tục củng cố công sự, phát triển hệ thống giao thông hào bảo đảm cơ động giữa các trận địa, kể cả cơ động ra bờ sông để nhận lương thực, đạn dược từ phía sau lên.

- Kết hợp chặt chẽ giữa hỏa lực cấp trên chi viện với hỏa lực đi cùng, kiên quyết ngăn chặn quân địch tiến công, liên tục tổ chức phản kích, tập kích, tranh thủ tiêu diệt từng công sự địch, phát động phong trào bắn tỉa bằng mọi loại vũ khí, liên tục đánh địch tạo điều kiện phản kích tiêu diệt quân địch phối hợp với đợt phản kích lớn của mặt trận.

Trên hướng phòng thủ phía tây nam thị xã (trường Bồ Đề - ngã tư bệnh viện - cầu sắt), Bộ tư lệnh Sư đoàn 308 quyết định điều toàn bộ Trung đoàn 88 được tăng cường thêm Tiểu đoàn 19 đặc công (100 người) vào giữ khu vực trận địa, đồng thời mở mũi tiến công vào bên sườn, phía sau lưng địch, mở rộng bàn đạp chuẩn bị cho sư đoàn tiến hành phản kích.

Như vậy sau ngày 10 tháng 8, lực lượng địch - ta trực tiếp tiếp xúc tại thị xã Quảng Trị bố trí như sau:

Đề tăng cường vây ép ta, lữ đoàn lính thủy đánh bộ 258, bố trí tiểu đoàn 8 ở Tri Bưu, tiểu đoàn 5 (sau thay tiểu đoàn 6) ở đông nam Thành cổ; tiểu đoàn 9 ở nam và tây nam thị xã; tiểu đoàn 2 ở khu vực Chợ Sãi.

Về phía ta: Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 phối hợp với Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 64 ở khu Mỹ Đông, ty cảnh sát, chùa Bà Năm và phần phía bắc làng Thạch Hãn (xã Hải Trí); Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 ở khu trại giam, ty cảnh sát và một phần làng Thạch Hãn; Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 95 ở nam làng Cổ Thành. Tiểu đoàn 8 địa phương ở khu vực làng Đệ Ngũ, nhà thờ Tin lành. (Ngày 16 tháng 8 để lại 1 đại đội, còn tiểu đoàn ra củng cố. Ngày 23 tháng 8, Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 18 vào thay). Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48 ở khu vực đông bắc thành - nam Tri Bưu. Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 và Đại đội 45 bộ đội địa phương Quảng Bình ở khu vực làng Cổ Thành - bắc thị xã. Tiểu đoàn 3 Quảng Trị ở trong Thành cổ. Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 165 Sư đoàn 312 (vào ngày 12 tháng 8), bố trí ở khu vực phía nam Thành cổ làm lực lượng cơ động, sau chuyển

ra chốt giữ khu vực đông nam thị xã. Đại đội đặc công Sư đoàn 325 và Đại đội đặc công Mặt trận B5 bố trí trong thị xã nhận lệnh đánh từng mục tiêu. Sở chỉ huy bảo vệ Thành cổ ở vị trí cũ.

Từ ngày 10 tháng 8, địch tăng cường hỏa lực đánh phá dữ dội vào thị xã và các đường tiếp tế của ta, đặc biệt là ngăn chặn trên sông Thạch Hãn. Mặt khác chúng đưa công sự đúc sẵn, bao cát, dây thép gai lên làm công sự, vật cản, củng cố các vị trí đã chiếm được ở các khu vực: làng Thạch Hãn, Đệ Ngũ, ty Y tế, trường Bô Đề (ở phía nam); làng Tri Bưu, Hành Hoa, khu Nhà Xanh (nhà tôn) phía đông bắc Thành cổ. Chúng thường xuyên sử dụng các lực lượng nhỏ có xe tăng chi viện, kết hợp với hỏa lực pháo binh và không quân thực hành “lấn dũi” nhằm chiếm các bàn đạp quan trọng như khu Mỹ Đông, khu tam giác Đệ Ngũ, hòng từng bước nối liền các hướng tiến công của chúng từ đông bắc xuống đông nam, từ đông nam sang tây nam thị xã và bảo vệ sườn cho các mũi tiến công của chúng.

Thủ đoạn “lấn dũi” của địch là dùng hỏa lực đánh phá mãnh liệt vào trận địa ta, dùng xe tăng có chất bao cát và lưới chống đạn B40, đứng ngoài tầm bắn của súng B41, dùng pháo hoặc đại liên trên xe ngắm bắn trực tiếp phá hủy, khống chế từng công sự của ta, yểm hộ cho các mũi bộ binh từ cạnh sườn (ven bờ sông) tiếp cận mục tiêu, đến cự ly thích hợp thì cho hỏa lực trên xe chuyển hướng bắn để bộ binh xông lên đánh chiếm mục tiêu. Với lối “lấn dũi” đó của địch, ta lại ở địa hình rất trống trải, trong điều kiện ban ngày địch rất dễ quan sát phát hiện chốt của ta, trong khi hỏa lực ta lại ít, nên đã gây cho ta nhiều khó khăn.

Trung tuần tháng 8, chấp hành mệnh lệnh của Bộ tư lệnh chiến dịch, các sư đoàn lần lượt đưa các đơn vị tăng cường cho thị xã và đưa một số đơn vị đang chiến đấu trong thị xã ra phía sau củng cố. Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 18 vào thay Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48, Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 64 vào thay Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 64 (nhưng không thuộc quyền chỉ huy của Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ), Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 165 Sư đoàn 312 cùng một đại đội công binh của Sư đoàn 325 vào làm lực lượng cơ động trong thị xã.

Có thêm lực lượng tăng cường, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ bố trí lại đội hình phòng ngự. Hướng chủ yếu: nam - đông nam thị xã do Trung đoàn 95 đảm nhiệm; dùng Tiểu đoàn 4 và Tiểu đoàn 6 phòng ngự hướng đông nam và khu tam giác Thạch Hãn, Tiểu đoàn 5 làm lực lượng cơ động; sử dụng Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 18 chiến đấu ở khu Đệ Ngũ, nhà thờ Tin lành. Hướng thứ yếu: bắc - đông bắc do Trung đoàn 48 (có 2 tiểu đoàn) đảm nhiệm, Tiểu đoàn 2 ở làng Cổ Thành, Tiểu đoàn 1 ở chân thành và đầu làng Tri Bưu, Hành Hoa. Trong Thành cổ do Tiểu đoàn 3 bộ đội địa phương Quảng Trị bố trí phòng giữ, các đơn vị hỏa lực được tăng cường cho các hướng và bố trí trong Thành cổ, Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 165 làm lực lượng dự bị. Đồng thời Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ chỉ thị cho các đơn vị tăng cường củng cố công sự, trận địa, giao thông hào đến các chốt trong thị xã, bố trí lực lượng có chiều sâu, kiên quyết đẩy

lũ quân địch tiến công, giữ vững trận địa. Trên cơ sở củng cố lực lượng và trận địa vững chắc, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ quyết tâm mở đợt hoạt động tác chiến phối hợp với toàn mặt trận Quảng Trị để tạo thế chuẩn bị chuyển sang đánh địch trong mùa mưa. Theo kế hoạch tác chiến: Trên hướng đông bắc, ta sử dụng Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 tập kích chiếm khu Nhà Xanh (ở tây nam làng Tri Bưu). Trên hướng nam, sử dụng Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 18 đánh chiếm lại khu vực đầu cầu Quảng Trị. Trên hướng đông nam, sử dụng Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 165 phối hợp với lực lượng của Trung đoàn 88 Sư đoàn 308 tập kích chiếm lại làng Đệ Ngũ, khu trường Bồ Đề. Các đơn vị khác trong thị xã, cùng thời gian đó tăng cường các trận tập kích nhỏ tiêu hao, tiêu diệt địch, đồng thời thu hút sự chú ý của địch để phối hợp với các hướng tập kích chính.

Khi toàn bộ Trung đoàn 95 vào chiến đấu bảo vệ Thành cổ, Thường vụ Đảng ủy, Bộ tư lệnh Sư đoàn 325 phân công Tham mưu phó Sư đoàn làm nhiệm vụ đốc chiến với Trung đoàn 95, ngày 20 tháng 8 năm 1972, Tham mưu phó Sư đoàn vào Thành cổ cùng Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ thực hiện nhiệm vụ.

Chấp hành nhiệm vụ của Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ, tối 19 tháng 8, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 cùng các mũi trưởng trực tiếp bò vào khu Nhà Xanh nghiên cứu, trinh sát vị trí địch. Tiểu đoàn 5 lúc này còn 90 cán bộ chiến sĩ. Qua trinh sát, tiểu đoàn quyết định tập kích quân địch vào đêm 21 tháng 8 sau khi làm cho chúng mệt mỏi bằng các đợt tập kích hỏa lực. Phương án chiến đấu của tiểu đoàn được Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ chuẩn y và hiệp đồng với các đơn vị chốt của Trung đoàn 48 trên hướng đông bắc để thực hiện. Tối 21 tháng 8, Tiểu đoàn 5 và các đơn vị hỏa lực của trung đoàn dùng cối 82mm, cối 60mm, ĐKZ bắn nhiều đợt vào khu Nhà Xanh, mỗi đợt 10 phút để tiêu hao và nghi binh quân địch. Lúc 20 giờ, quân ta bắn đợt 1, đến 21 giờ bắn đợt 2, và 23 giờ bắn đợt 3; cả 3 đợt bắn của ta, địch đều lập tức triển khai hỏa lực và lực lượng chuẩn bị “phản tập kích” để chống lại; nhưng các chiến sĩ Tiểu đoàn 5 vẫn trụ tại trận địa chốt ở nhà thờ nhỏ Tri Bưu, làm cho địch bị hẫng 3 lần liên tiếp.

3 giờ ngày 22 tháng 8, năm thời cơ khi quân địch nhiều lần “phản tập kích” hụt, chủ quan, mệt mỏi. Tiểu đoàn 5 bí mật tiến vào khu Nhà Xanh và đột nhiên, đồng loạt tiến công từ nhiều hướng vào trận địa địch. Bị bất ngờ, quân địch chống cự yếu ớt và rối loạn, sau hơn 1 giờ chiến đấu, đại đội địch ở khu Nhà Xanh bị tiêu diệt gọn. Do trời gần sáng, không còn đủ thời gian để tổ chức trận địa trụ lại ở mục tiêu vừa chiếm được, trong khi địch điên cuồng dùng hỏa lực bắn vào trận địa và chuẩn bị lực lượng chiếm lại, nên chỉ huy Tiểu đoàn 5 cho lực lượng tạm lui về trận địa cũ là khu vực nhà thờ nhỏ.

Sáng 22 tháng 8, tiểu đoàn 8 lữ đoàn 258 lính thủy đánh bộ đưa tiếp một đại đội khác lên chiếm lại khu Nhà Xanh. 0 giờ ngày 23 tháng 8, Tiểu đoàn 5 tổ chức trận tập kích thứ 2. Do bộ đội quen địa hình khu vực chiến đấu, tiểu đoàn quyết định không

dùng pháo bắn trực vào mục tiêu mà đợi đến lúc bộ binh ta nổ súng mới dùng pháo bắn mạnh vào khu vực nhà thờ lớn để thu hút địch sang hướng khác. Sau hơn 30 phút chiến đấu, tiểu đoàn tiêu diệt địch và chiếm toàn bộ khu vực Nhà Xanh, ngay sau đó chuyển sang xây dựng trận địa, tổ chức chốt giữ mục tiêu mới chiếm được. Trong các ngày 24 và 25 tháng 8, lữ đoàn 258 lính thủy đánh bộ của địch tổ chức hàng loạt đợt tiến công với sự yểm trợ mạnh mẽ của pháo binh và xe tăng hòng chiếm lại khu Nhà Xanh, nhưng đều bị Tiểu đoàn 5 phối hợp với các đơn vị bạn bẻ gãy. Bằng lực lượng hạn chế của mình, Tiểu đoàn 5 đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ đánh chiếm và giữ vững khu Nhà Xanh, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 8 lính thủy đánh bộ, loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 250 tên địch, mở rộng và cải thiện thể trận phòng ngự của ta trên hướng đông bắc Thành cổ. Tiểu đoàn 5 Trung đoàn bộ binh 95 được Bộ tư lệnh chiến dịch khen ngợi là “tiểu đoàn đánh giỏi” và tặng Huân chương Quân công hạng Ba.

Cũng trong những ngày này, trên hướng nam và đông nam thị xã, cuộc chiến đấu diễn ra rất ác liệt. Trên hướng nam, Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 18 phối hợp với Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 88 tổ chức tập kích địch, chiếm lại khu vực đầu cầu sắt Quảng Trị và giữ vững mục tiêu đã chiếm được, đánh bại các đợt phản kích của chúng. Trên hướng đông nam, các chiến sĩ Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 165 phối hợp với lực lượng Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 88 Sư đoàn 308 đánh chiếm được một phần làng Đệ Ngũ, trường Bồ Đề, ngã ba Thạch Hãn nhưng không trụ giữ được mục tiêu.

Phối hợp với các hướng chính, các trận tập kích nhỏ của các lực lượng ở các trận địa chốt của ta diễn ra liên tục trên các hướng, gây cho địch nhiều thiệt hại. Bằng các tổ chiến đấu, xuất phát từ các trận địa chốt của ta, ban đêm tập kích, ban ngày bắn tỉa đã tiêu diệt địch vượt chỉ tiêu đề ra là mỗi chốt diệt 50 tên địch trong một tuần; với cách đánh sáng tạo và liên tục, ta đã làm cho địch kinh hoàng, không dám “lấn dũi” nếu không có bom, pháo đánh hủy diệt trước. Tiêu biểu như các tổ chiến đấu 3 đồng chí của Đại đội 2 Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95, đánh 15 trận tập kích nhỏ trong 1 tuần diệt 90 tên địch và bắn cháy 1 xe tăng M41. Đại đội 5 Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 đánh hơn 10 trận, diệt 80 tên địch. Các tổ chiến đấu của Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 đánh và bắn tỉa hơn 10 trận, diệt 70 tên địch. Các tổ chiến đấu của Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 95 đánh hơn 10 trận diệt 75 tên và bắn cháy 1 xe tăng địch. Ngày 22 tháng 8, phát hiện địch tập trung quân, Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48 đã dùng cối 82mm bắn 400 viên vào đội hình địch ở Tri Bưu, diệt gần 1 đại đội.

Các chiến sĩ Tiểu đoàn 17 công binh Sư đoàn 325 vào xây dựng các công trình phòng thủ trong thị xã cũng hăng hái, táo bạo bỏ sang trận địa địch cài bom mìn, đặt bẫy rồi bắn pháo để địch chạy vướng bom mìn mà bị tiêu diệt. Tiểu đoàn 19 đặc công Sư đoàn 325 luồn sâu vào sau lưng địch đánh nhiều trận hiệu quả cao, tiêu biểu như đêm 21 tháng 8 đã đánh trúng vị trí chỉ huy của tiểu đoàn 7 lính thủy đánh bộ ở thôn An Lưu, diệt 80 tên, bắn cháy 2 xe tăng, phá hủy 2 nhà bạt và 1 trận địa súng cối.

Hướng về mặt trận thị xã, chấp hành quyết định của Bộ tư lệnh chiến dịch, các đơn vị chiến đấu vòng ngoài mở đợt phản kích mới vào sư đoàn dù và sư đoàn lính thủy đánh bộ làm cho chúng phân tán lực lượng, không dồn được lực lượng tiến công vào thị xã. Trên hướng tây nam thị xã, ngày 19 tháng 8, Sư đoàn 308 sử dụng Trung đoàn bộ binh 88 và Trung đoàn 102 tiến công địch ở ngã tư Thạch Hãn; đánh chiếm ngã ba Long Hưng, chốt lại và chặn đánh tiểu đoàn 6, tiểu đoàn 9 lính thủy đánh bộ từ phía sau đánh lên. Nhưng sau 1 ngày bị pháo binh và máy bay địch đánh phá ác liệt, ta bị thương vong nhiều phải lui về vị trí cũ. Trên hướng đông bắc, các trung đoàn bộ binh 27 và 101 tập trung tiến công các đơn vị lính thủy đánh bộ ngự chốt ở các làng Nại Cừ, Chợ Sãi, An Tiêm, Bích La, nới rộng vòng vây và sức ép của địch đối với Thành cổ từ hướng bắc - đông bắc. Nhiều trận đánh ác liệt, kéo dài trên khu vực này giữa ta và địch; ta kiên quyết đánh bật địch khỏi Chợ Sãi, Nại Cừ, An Tiêm nhưng không đẩy lùi được chúng, vì đây là các địa bàn có lợi để uy hiếp Thành cổ nên chúng liên tục tăng quân chiếm lại, cuộc chiến đấu giành đi giật lại liên tục, quân ta bị thương vong nhiều vì bom pháo địch.

Với tinh thần chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, vận dụng nhiều cách đánh sáng tạo, các đơn vị bảo vệ thị xã đã làm thất bại nhiều đợt tiến công “lấn dũi” của địch. Đến cuối tháng 8, ta đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ ngự (trong đó có 4 đại đội bị diệt gọn), cải thiện thế phòng ngự thị xã. Tuy ta tiêu diệt được nhiều địch, nhưng chưa đánh bật được chúng khỏi các vị trí quanh thị xã mà còn bị chúng lấn chiếm một số vị trí quan trọng như: khu Mỹ Đông, khu tam giác Đệ Ngũ.

Thời gian này, các trận chiến đấu bảo vệ Thành cổ luôn diễn ra rất ác liệt, mỗi ngày ở khu vực thị xã, ta thương vong trên 100 người. Thị xã và Thành cổ do bom đạn địch đánh phá liên tục đã trở thành bình địa; tôn, sắt, tre, gỗ là vật liệu để làm hầm trú ẩn, làm công sự chiến đấu đều bị nát vụn và rất khan hiếm. Địa bàn hoạt động của ta bị địch lấn chiếm, thu hẹp dần. Một mâu thuẫn mới phát sinh trên mặt trận thị xã là ta cần nhiều lực lượng để phản kích, tiến công trận địa lấn dũi của địch; nhưng đưa vào nhiều thì thiếu chỗ đứng chân và triển khai lực lượng, nên dễ bị hỏa lực mạnh của địch tiêu hao, mất sức chiến đấu, hoặc cũng không cơ động được, trở thành lực lượng chốt giữ trận địa.

Trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, lấn dũi liên tục nên công tác bảo đảm cho lãnh đạo, chỉ huy chiến đấu cũng rất căng thẳng, khó khăn. Các phân đội trinh sát, công binh phải bổ sung, thay thế đến lớp chiến sĩ thứ 3, thứ 4 mà vẫn không đáp ứng kịp yêu cầu nắm địch, làm công sự, hầm hào cho chỉ huy và làm chướng ngại vật chiến đấu. Các chiến sĩ thông tin làm việc liên tục, đường dây điện thoại từ Ban chỉ huy xuống các trận địa liên tiếp bị bom pháo địch đánh đứt, nhưng cứ ngót bom pháo là anh em lại nối thông. Các chiến sĩ truyền đạt bằng qua các bãi bom đạn địch, có đồng chí bị thương vẫn nghiên răng chịu đau bò đến truyền đạt mệnh lệnh chiến đấu của cấp trên cho người chỉ huy phân đội, sau đó mới để anh em băng bó cho mình.

Tiêu biểu như tiểu đội thông tin của Mai Ngọc Thoảng bảo vệ đường dây hữu tuyến từ Thành cổ về Sở chỉ huy chiến dịch, có lần nhiệm vụ gấp, cả tiểu đội phải phân công nhau giăng ra mỗi người một đoạn nối dây trên cánh đồng trống trải, địch phát hiện dùng pháo bắn đuổi theo từng người, mỗi mỗi dây phải nối đi nối lại hàng chục lần. Khi nối kéo dây ra giữa sông Thạch Hãn chỉ còn lại tiểu đội trưởng Mai Ngọc Thoảng và 1 chiến sĩ, số dây đem theo nối đã hết, chỉ còn khoảng 2m nữa là nối thông với đầu dây bên kia. Không chần chừ, Thoảng bảo chiến sĩ bơi quay lại lấy thêm dây, còn anh vùng vẫy giữa dòng nước xoáy dưới làn pháo địch giữ đầu dây và bình tĩnh gỡ đoạn dây thép quấn ở tay guồng nối thông hai đầu dây, rồi nâng guồng chống dây cao khỏi mặt nước để đường dây liên lạc thông suốt. Hành động anh hùng của Mai Ngọc Thoảng diễn ra đúng lúc Ban chỉ huy chiến đấu trong Thành cổ báo cáo gấp tình hình với Bộ Tư lệnh chiến dịch và xin pháo cấp trên chi viện chiến đấu kịp thời đẩy lui đợt tiến công của địch.

Công tác vận chuyển, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật và cứu chữa thương binh ra vào Thành cổ bị địch khống chế ngày càng quyết liệt. Trạm phẩu phía trước của Trung đoàn 48 bố trí ở một nửa hầm dinh tỉnh trưởng bị bom đánh sập, từ ngày 13 tháng 8 phải ngừng hoạt động nhiều hôm. Trạm phẩu của trung đoàn ở phía sau có ngày lên đến 300 thương binh, không đủ hầm nằm, bị B52, máy bay phản lực địch đánh phá liên tục, y bác sĩ thương vong, phương tiện bị phá hủy, có ngày không còn khả năng tiếp nhận thương binh. Mỗi chuyến hàng chở bằng thuyền từ Tả Kiên sang Thành cổ là một trận chiến đấu thực sự vì đều phải có hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng công binh trung đoàn và sư đoàn ra phá bom từ trường của địch thả dưới sông, đồng thời Trung đoàn 27 đánh mạnh quân địch trên bờ sông giáp Chợ Sãi. Những đêm gay go còn phải hiệp đồng với hỏa lực bắn thẳng, cối 120mm của Sư đoàn 325 ở Xuân An bắn sang khống chế địch, tạo điều kiện cho thuyền ta sang Thành cổ. Trên bến đò Nhan Biều sang Thành cổ do Sư đoàn 325 phụ trách cũng rất ác liệt, lúc đầu đơn vị còn có thuyền cao su chuyên chở qua sông, nhưng bị địch đánh hỏng nhiều, không còn để sử dụng, anh em phải chặt tre, gỗ, thân cây chuối kết lại thành bè để đêm đêm chở đạn gạo sang Thành cổ và nhận thương binh ra. Số chuyến đò ra vào thị xã không tính xuế, nhiều lần đang chở thương binh qua sông, pháo địch bắn tới, anh em lấy thân mình che cho đồng đội. Có lần nước chảy xiết đẩy thuyền, mảng trôi vào khu vực địch. Anh em đã bình tĩnh xử trí đưa thuyền mảng trở về bến cũ an toàn. Cả 48 chiến sĩ phục vụ trên bến từ Nhan Biều đến thị xã Quảng Trị là 48 chiến sĩ gan dạ sẵn sàng xả thân vì nhiệm vụ, xứng đáng với niềm tin của đồng đội đang chiến đấu ở phía trước.

Quân số bổ sung vào Thành được Bộ Tư lệnh chiến dịch duy trì đều đặn mỗi đêm khoảng 100 người, nhưng trừ số thương vong và lạc ngũ, khi qua sông chỉ còn chừng 40 đến 50 người được bổ sung cho các đơn vị chiến đấu trong thị xã, Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 18 vào nhưng không được gọn, mỗi đêm chỉ vào được 1 đến 2 đại đội.

Chiến đấu phòng thủ trong điều kiện bị địch bao vây khổng chế cả 3 mặt, hỏa lực cấp trên và đơn vị chi viện cho bộ binh rất hạn chế, hỏa lực đi cùng của mỗi tiểu đoàn bộ binh chỉ còn 1 khẩu cối 82mm, 1 khẩu súng máy phòng không 12,7mm, đạn rất ít; các loại hỏa lực của trung đội, đại đội như súng cối 60mm, B40, B41 cũng còn lại rất ít, lượng bổ sung không đủ. Vì thế, Tiểu đoàn bộ binh 3 Trung đoàn 48 phải ra củng cố mới, vào chiến đấu; còn Đại đội 12 hỏa lực của Trung đoàn 48 phải củng cố không có vũ khí bổ sung phải ở lại làm vận tải, các đại đội hỏa lực của Trung đoàn 48 ra sau cũng vậy. Mặc dù vậy, với tinh thần còn người còn trận địa, dựa vào thể trận liên hoàn, từng chốt yểm trợ cho nhau, tích cực phản kích, tập kích; ban ngày bị mất chốt, ban đêm tổ chức tập kích chiếm lại khiến địch bị tổn thất nặng nề. Suốt 20 ngày cuối tháng 8, địch không tổ chức được cuộc tiến công lớn nào. Thành cổ và các con đường dẫn vào Thành cổ vẫn được giữ vững.

Tuy vậy, do lực lượng ta, địch chênh lệch quá lớn, các trận chiến đấu diễn ra rất ác liệt và liên tục, lực lượng bổ sung không đáp ứng yêu cầu tác chiến, ta đã mất khu Mỹ Đông, khu tam giác Đệ Ngũ là các vị trí trọng yếu về chiến thuật. Khu Mỹ Đông vốn là nơi ở của cố vấn Mỹ, có công sự vững chắc nằm sát cổng thành, có tác dụng khổng chế cổng phía đông, bảo vệ cạnh sườn cho mũi tiến công của địch từ hướng đông - đông nam. Khu tam giác Đệ Ngũ vốn là khu dân cư có nhiều nhà xây kiên cố, có địa thế cao hơn xung quanh, nằm án ngữ cổng phía nam và trực đường từ Đệ Ngũ Đông sang Đệ Ngũ Tây ra bờ sông Thạch Hãn. Chiếm được khu vực này, địch vừa bảo vệ được cạnh sườn các mũi tiến công của chúng từ hướng đông nam và tây nam, đồng thời tạo được bàn đạp quan trọng để tiến công vào cửa nam Thành cổ. Trong tác chiến đợt 4, mức tiêu hao lực lượng của ta lớn, hiệu quả các trận tập kích từ cấp tiểu đoàn trở lên của ta còn rất thấp; ngoài trận tập kích của Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 ngày 20 tháng 8 ra, còn các trận tập kích của các tiểu đoàn khác đều bị tổn thất nặng và không thành công. Theo kế hoạch từ ngày 25 đến 27 tháng 8, ta sử dụng Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 tập kích dứt điểm khu tam giác Đệ Ngũ, nhưng Tiểu đoàn 3 đánh 3 đêm liên không có kết quả, sau khi tăng cường Đại đội 5 Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 18 đánh chiếm được nhưng lại không giữ được. Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 được ra củng cố mới vào ngày 18 tháng 8, chỉ sau 3 đêm tác chiến đã mất sức chiến đấu, lại phải đưa ra củng cố. Ngày 15 tháng 8, ta sử dụng Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 165 (mới vào đêm 12 tháng 8) phối hợp với Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 88 và Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 102 Sư đoàn 308 tập kích địch ở Đệ Ngũ và trường Bồ Đề; pháo binh chiến dịch chi viện bắn 1.000 viên nhưng Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 165 vẫn không đánh được. Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 88 chiếm được trường Bồ Đề nhưng sau bị địch phản kích đẩy lui. Ngày 19 tháng 8, ta tổ chức Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 165 hiệp đồng với Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 88 đánh lại các mục tiêu trên, nhưng Tiểu đoàn 5 bắn hết đạn rồi quay ra (súng B40, B41 có cơ số đạn 9 viên 1 khẩu cũng bắn hết), do đánh lướt nên khi quay ra bị địch đánh cắt đội hình, một tổ chiến đấu không ra được. Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 88 cũng không chiếm được mục tiêu, tiểu đoàn trưởng hy sinh.

Nguyên nhân chính của các trận đánh không thành công là do cách đánh chưa thích hợp, ỷ lại vào hỏa lực, đánh vỗ mặt, tân binh mới bổ sung chưa nắm được địa hình trong thị xã. Các đơn vị vòng ngoài tiến hành phản kích đợt 5 của chiến dịch không đạt yêu cầu đề ra, thị xã vẫn bị địch bao vây và uy hiếp cả 3 mặt.

Đợt 5: Đánh trả các đợt tiến công lớn của địch trong khu vực thị xã và Thành cổ, ta bị thương vong lớn, mất sức chiến đấu (1 - 16-9-1972). Ban chỉ huy quyết định rút khỏi Thành cổ.

Sau gần 1 tháng thực hành chiến thuật “lấn dũi” giằng co với ta, tuy bị tổn thất lớn, song địch đã chiếm thêm vài vị trí quan trọng, nổi thông được các hướng, hình thành thế bao vây Thành cổ suốt từ đông bắc tới tây nam thị xã. Lợi dụng mưa lũ kéo dài từ cuối tháng 8 sang đầu tháng 9, địch tiếp tục tăng cường hỏa lực, dồn lực lượng lên phía trước, tăng cường xe tăng, xe thiết giáp để một mặt tích cực “lấn dũi”, một mặt củng cố các khu vực đã chiếm, giữ vững các địa bàn quan trọng như khu Mỹ Đông, khu tam giác Đệ Ngũ, đồng thời đưa thêm lực lượng dự bị của quân đoàn, quân khu từ phía sau lên chuẩn bị cho đợt tiến công lớn nhằm chiếm Thành cổ trước ngày 14 tháng 9, phục vụ yêu cầu chính trị cho cuộc họp ở Pari vào trung tuần tháng 9 năm 1972.

Từ đầu tháng 9, trên tất cả các hướng của chiến dịch ta đã hình thành thế trận phòng ngự có chiều sâu nhằm giữ vững vùng giải phóng Quảng Trị. Trên cơ sở đó, Bộ tư lệnh mặt trận chủ trương:

- Tăng thêm lực lượng phòng giữ thị xã Quảng Trị, coi thị xã là khu vực phòng ngự trọng điểm trên hướng chủ yếu của chiến dịch.

- Kiên quyết phản kích, phản đột kích đẩy địch ra khỏi thị xã, lấy lại các khu vực Long Hưng, nam sông Nhùng, đánh tan lũ đoàn 1 dù nguy, tạo điều kiện diệt lũ đoàn 258 lính thủy đánh bộ, đẩy lùi lũ đoàn dù 3. Trước tiên tập trung lực lượng tiêu diệt tiểu đoàn 7, tiểu đoàn 11 dù ở La Vang, Tân Téo, Phú Long.

- Trên hướng phòng ngự chủ yếu của mặt trận, trong đó có khu vực thị xã, Đảng ủy và Bộ tư lệnh Sư đoàn 325 quyết tâm: Tổ chức lực lượng tiếp tục giữ vững thị xã trong mùa mưa; thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cấp trên giao cho. Đưa ngay 500 tân binh vượt sông sang thị xã bổ sung cho các đơn vị bộ binh, củng cố lại các trận địa. Bằng mọi giá, phải đưa được đạn, gạo vượt nước lũ và các tuyến đánh chặn của phi pháo địch vào thị xã. Huy động cán bộ chiến sĩ cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần và các đơn vị trực thuộc làm nhiệm vụ vận chuyển và tiếp tế cho phía trước. Tăng cường lực lượng và phương tiện bảo đảm vượt sông, căng một số dây cáp để chiến sĩ ta bám vào đó mà đẩy bè vận chuyển qua sông.

Để phối hợp toàn mặt trận, trên cơ sở lực lượng được tăng cường, đội hình phòng ngự đã điều chỉnh, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ quyết định mở đợt hoạt động từ 5 đến 7 ngày, trước mắt đẩy địch ra khỏi khu Đệ Ngũ, tiếp đó đẩy địch ra khỏi Tri

Buru. Về nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị: phía bắc - đông bắc do Trung đoàn 48 (thiếu Tiểu đoàn 3) đảm nhiệm, lấy Tiểu đoàn 2 được bổ sung lực lượng làm nòng cốt tiến công đẩy địch ra khỏi khu vực Tri Buru. Phía nam do Trung đoàn 95 đảm nhiệm, lấy Tiểu đoàn 4 (đã củng cố xong mới vào ngày 31 tháng 8, quân số 283 người) làm nòng cốt tiến công chiếm lại khu vực Đệ Ngũ. Khi ta tiến công các mục tiêu trên, các hướng, các mũi khác tích cực phối hợp đánh địch.

Sau ngày 31 tháng 8, lực lượng địch bố trí tại thị xã như sau:

Tiểu đoàn 6 bố trí ở khu Mỹ Đông và đông nam Thành cổ. Tiểu đoàn 2 ở ngã ba Long Hưng và Đệ Ngũ Đông. Tiểu đoàn 1 ở ngã tư đường sắt, Đệ Ngũ Tây. Tiểu đoàn 5 ở đông nam thị xã, ngã ba Long Hưng. Tiểu đoàn 3 thay Tiểu đoàn 8 ở Tri Buru. Tiểu đoàn 7 (thiếu một đại đội tăng cường cho Tiểu đoàn 3) ở bãi tha ma đông bắc làng Hành Hoa. Tiểu đoàn 8 ra củng cố và làm lực lượng dự bị.

Về phía ta, Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48 ở đông và góc đông bắc Thành cổ. Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 ở làng Cổ Thành và bắc Thành cổ. Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 95 ở bắc Cổ Thành. Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95, Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 165, Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 64 ở khu vực ty cảnh sát, chùa Bà Năm, đông và đông nam Thành cổ. Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 ở khu vực bắc Đệ Ngũ Tây (từ khu trại giam đến khu Mỹ Tây); Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 18 phía nam cầu xi măng từ nhà thờ Tin lành đến trụ sở Đệ Ngũ. Tiểu đoàn 3 bộ đội địa phương Quảng Trị ở trong Thành cổ.

Từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 9 năm 1972, tỉnh Quảng Trị bị cơn bão lớn đổ vào gây mưa lũ lớn, dài ngày. Nước mưa không kịp thoát, nước lũ từ các sông dâng cao tràn vào thị xã, làm ngập úng, sạt lở các trận địa, hầm hào của ta. Trong khi đó, địch tranh thủ thời cơ ta khó khăn, liên tục “lấn dũi”, bộ đội phải thay nhau vừa đánh địch, vừa tát nước và khôi phục hầm hào nhưng cũng không kịp. Mưa gió lớn, dài ngày, chỗ ở của bộ đội, đạn dược, lương thực, thực phẩm bị ướt; đời sống sinh hoạt, vệ sinh trận địa rất khó khăn, bệnh tật nảy sinh, sức khỏe của bộ đội sút nhanh, làm giảm sức chiến đấu.

Lợi dụng lúc ta gặp rất nhiều khó khăn do mưa lũ gây ra, địch tập trung bom đạn đánh phá và cho binh lính, xe tăng ở các cùng đất cao xung quanh thị xã liên tục đánh vào các trận địa chốt của ta. Theo kế hoạch, ta sử dụng Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95, có Đại đội 6 Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 18 và Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 165 từ phía bắc đánh xuống phối hợp, tập kích dứt điểm Đệ Ngũ Đông; cùng thời gian, Trung đoàn 88 đánh chiếm lại trụ sở làng Đệ Ngũ và có một mũi từ nam Đệ Ngũ Tây đánh sang Đệ Ngũ Đông. Nhưng ngày 1 tháng 9, địch dồn lực lượng lên nhiều, ta phải chuyển nhiệm vụ cho Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 đánh chiếm khu tam giác Đệ Ngũ.

2 giờ ngày 2 tháng 9, Đại đội 1 Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 tiến công khu tam giác Đệ Ngũ, nhưng mãi đến 4 giờ 30 phút mới nổ súng, trong khi ta chưa dứt điểm được thì trời sáng, địch dùng hỏa lực từ các nơi bắn vào, đơn vị thương vong nhiều,

chỉ còn trên 10 đồng chí nên phải lui ra. Cùng thời điểm trên, Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48 tiến công khu Mỹ Đông chiếm được phần phía bắc ngoài tường hộp, vì không có phương tiện đánh công sự vững chắc nên phải chốt lại tại chỗ ngoài tường hộp về phía bắc. Đặc công của Sư đoàn 325 đánh vào nhà bằng ở gần chùa Bà Năm nhưng không sập được nhà, đêm hôm sau đánh tiếp mới phá được. Tối 2 tháng 9, Đại đội 2 Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 tiếp tục tiến công khu tam giác Đệ Ngũ, đã đánh chiếm gần hết khu tam giác, nhưng hôm sau địch dùng hỏa lực đánh phá quyết liệt và liên tục phản kích, ta không giữ được trận địa.

Ngày 3 tháng 9, địch tiếp tục tiến công trên cả 3 hướng, hướng tây nam. Chúng chiếm được nhà thờ Tin lành và khu vực bờ sông phía tây Đệ Ngũ Tây, không chế bến vượt sông của ta từ Nhan Biều sang thị xã. Trên hướng bắc, phân đội tên lửa chống tăng B72 chốt cùng Đại đội 8 Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 ở bắc bãi tha ma làng Hành Hoa, bắn cháy 3 xe tăng địch. Đêm 3 tháng 9, Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 đánh chiếm lại khu tam giác Đệ Ngũ, nhưng do nhận lệnh không rõ, lẽ ra đánh chiếm được phải chốt giữ Đệ Ngũ Tây thì Tiểu đoàn 4 lại đưa lực lượng ra ngoài làng chốt giữ ở tây Đệ Ngũ (gần phía bờ sông Thạch Hãn). Ngay hôm sau, địch đưa 1 đại đội lên chiếm lại khu vực tam giác Đệ Ngũ và nhà thờ Tin lành; cũng đêm đó một bộ phận của Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 18 phải rút ra củng cố.

Ngày 4 tháng 9, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ quyết định tập trung lực lượng giải tỏa cho hướng tây nam, không để địch không chế bến vượt. Đêm 4 tháng 9, thực hiện quyết tâm của Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ, Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 được hỏa lực trung đoàn chi viện tập trung, tập kích địch, chiếm khu vực nhà mái bằng thuộc làng Hải Trí, cắt đứt đường tiến quân của địch từ ngã ba Long Hưng vào Thành cổ và khu Mỹ Tây. Quân địch ở khu Mỹ Tây, nhà thờ Tin lành và bờ sông bị cắt phía sau, bị đánh phía trước, sợ bị cô lập phải rút về phía sau để tránh bị tiêu diệt. Với trận tập kích bất ngờ chiếm làng Hải Trí, ta đã giải tỏa được bến vượt Nhan Biều để đêm đêm các lực lượng, phương tiện vật chất lại được chi viện cho lực lượng trong thị xã.

Cùng ngày 4 tháng 9, Đại đội 7 Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 88 chốt giữ làng Đệ Ngũ Tây, với 10 tay súng đã đánh lui nhiều đợt tiến công của 1 đại đội địch, tiêu diệt tại chỗ 49 tên, giữ vững trận địa. Riêng hướng Đại đội 10 Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 88 chốt giữ khu vực đầu cầu sắt, bị quân địch có xe tăng yểm trợ đánh bật khỏi chốt. Trung đoàn 88 ra lệnh Đại đội 9 tiến công vào ngã tư Đệ Ngũ thu hút sự chú ý của địch và điều Đại đội 7 vừa chiến đấu ở làng Đệ Ngũ với 8 chiến sĩ do chính trị viên đại đội chỉ huy ngay đêm đó tập kích chiếm lại chốt đầu cầu sắt, tổ chức đánh địch tiến công liên tục vào chốt suốt ngày hôm sau và đẩy địch về phía nhà ga.

Ngày 5 tháng 9, địch tập trung tiến công vào hướng tây nam, chúng tiếp tục tiến công ra phía cầu sắt, nhà thờ Tin lành và bờ sông làng Đệ Ngũ Tây. Lực lượng Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 còn rất mỏng, Ban chỉ huy phải điều một bộ phận lực lượng của Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 từ hướng đông sang cùng Tiểu đoàn 4 đánh ngăn chặn địch

ở hướng tây nam. Riêng hướng cầu sắt, đến 17 giờ Trung đoàn 88 sử dụng Đại đội 5 Tiểu đoàn 5 và Đại đội 10 Tiểu đoàn 6 phối hợp với chốt Đại đội 7 đánh vào sườn địch, buộc chúng rút chạy về phía nhà ga, ta giữ vững được đầu cầu sắt nhưng lực lượng bị tiêu hao lớn. Ngay chiều tối ngày 5 tháng 9, lợi dụng mưa to, Đại đội 9 Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 88 đã chia thành nhiều tổ, bất ngờ tập kích địch ở khu vực ngã tư đường sắt, diệt 30 tên, chiếm toàn bộ công sự của chúng. Cuối ngày 5 tháng 9, Trung đoàn 88 được lệnh rút về phía sau chỉ để lại Tiểu đoàn 5 tiếp tục chiến đấu tại khu vực tây nam thị xã.

Ngày 6 tháng 9, trời tiếp tục mưa lũ, lợi dụng khi nước lớn, địch tiếp tục dùng phi pháo bắn phá mạnh, trạm phẩu trong Thành cổ bị bom đánh sập, thuyền vận chuyển không vào được, thương binh ứ lại phải đưa cả sang hầm Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ. Địch phát hiện trục đường bờ sông hướng tây nam lực lượng ta mỏng, chúng tập trung lực lượng tiến công vào hướng này nhằm chiếm lại khu vực nhà thờ Tin lành, làm bàn đạp tiến công sang khu chợ và khu Mỹ Tây. Tối 6 tháng 9, Ban chỉ huy hợp với chỉ huy các tiểu đoàn ở phía nam thị xã để rút kinh nghiệm, củng cố quyết tâm chặn địch tại trận địa, tạo điều kiện phản kích đánh địch ở hướng Đông Bắc nhằm bẻ gãy các đợt tiến công của chúng.

Ngày 7 tháng 9, thực hiện kế hoạch tiến công dứt điểm trong 10 ngày (từ ngày 9 đến 19 tháng 9), lợi dụng trời mưa to, nước lũ, địch mở đầu đợt tiến công lớn bằng một đợt hỏa lực chuẩn bị mà chúng gọi là “kế hoạch phóng lôi”. Suốt 48 giờ liền, chúng dùng pháo binh, không quân và pháo trên tàu của hạm đội 7 bắn phá dữ dội vào các trận địa của ta trong thị xã, các đường vận chuyển, các khu vực vượt sông; máy bay B52 rải bom bờ bắc sông Thạch Hãn, đặc biệt khu vực Nhan Biều, ái Tử, Đông Hà và các trận địa khác của ta. Đi đôi với “kế hoạch phóng lôi”, địch tăng cường cho sư đoàn lính thủy đánh bộ liên đoàn biệt động quân số 1 gồm 3 tiểu đoàn và thiết đoàn 17 (thiếu) được tăng cường xe tăng phun lửa M125 để đưa vào chiến đấu trên các hướng.

Trong thị xã, địch dồn bộ binh và xe tăng lên tiến công, một bộ phận quân địch vượt qua cầu xi măng định chiếm khu chợ và khu Mỹ Tây. Đơn vị công binh của sư đoàn chốt giữ cầu đã đánh trả địch quyết liệt, dùng mìn phóng, B40, B41 diệt bộ binh và bắn cháy 2 xe tăng địch. Nhưng cầu xi măng và hầm cố thủ của ta bị bom khoan đánh sập, lực lượng ta bị tiêu hao, không đủ sức ngăn chặn địch, chúng chiếm được cầu xi măng, khắc phục cầu, tiến lên đánh chiếm khu chợ, khu trường Nữ và khu Mỹ Tây. Đêm 7 tháng 9, Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 tổ chức phản kích địch ở khu nhà thờ Tin lành, tiêu diệt một số tên nhưng không chiếm được.

Ngày 8 tháng 9, địch tiếp tục đợt hỏa lực “phóng lôi” và các đơn vị phía sau của địch có hiện tượng dẫn ra và chúng tung tin “đánh bom B52 vào Thành cổ”; thực chất là nghi binh để điều quân chuẩn bị tiến công ta. Phía ta, tiếp tục bám địch và chuẩn bị cho đợt tiến công để phá thế bao vây, tiến công của địch. Trên hướng đông bắc, tiểu đoàn 7 lữ đoàn 147 lính thủy đánh bộ có xe tăng chi viện từ Tri Bru, Hành Hoa đánh

vào sát chân Thành cổ, bị ta ngăn chặn mạnh, chúng lui về làng Hành Hoa, Tri Bưu cố thủ và dùng hỏa lực trực tiếp liên tục đánh vào các chốt của ta ở góc đông bắc Thành cổ. Đây là hướng địch uy hiếp trực tiếp, Ban chỉ huy Thành cổ quyết định phải tập trung lực lượng đánh bật địch trên hướng này, nhiệm vụ được giao cho Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 (Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ đã dự kiến giao nhiệm vụ từ 4 tháng 9) đêm 8 tháng 9 phải thực hành tiến công địch ở làng Hành Hoa với nhiệm vụ: *tổ chức tập kích tiêu diệt địch ở làng Hành Hoa, phá thế chuẩn bị tiến công của địch vào đông bắc Thành cổ, sau đó xây dựng trận địa phòng ngự, tổ chức lực lượng chốt giữ ngăn chặn các đợt tiến công của địch, tạo bàn đạp và thời cơ cùng đơn vị bạn tiến công các mục tiêu tiếp theo.*

Về sử dụng lực lượng: Đại đội 7 có 40 người, trang bị 1 khẩu B41, 9 khẩu B40, còn lại là AK, tiến công trên hướng chủ yếu (tây - tây nam). Đại đội 5 có 47 người, trang bị 1 khẩu B41, 3 khẩu B40, còn lại là AK, tiến công trên hướng thứ yếu (nam - đông nam). Đại đội 6 có 32 người, bố trí ở bắc làng Cổ Thành làm lực lượng dự bị của tiểu đoàn, sẵn sàng đánh địch phản kích từ An Tiêm, Chợ Sãi sang. Đại đội 8 hỏa lực có 25 người, trang bị 1 khẩu súng máy phòng không 12,7mm, 1 khẩu cối 82mm, 1 khẩu ĐKZ82mm, bố trí ở bắc làng Cổ Thành, chi viện hỏa lực cho các hướng tiến công. Một đại đội bộ binh của Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 có 15 người, bố trí chốt giữ bắc Thành cổ, sẵn sàng hiệp đồng với các đơn vị đánh địch phản kích. Khi Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 vào chiến đấu, 2 khẩu cối 82mm của Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 95 bố trí trận địa ở đông bắc Thành cổ có nhiệm vụ chế áp địch ở nhà thờ Tri Bưu và sẵn sàng chi viện hỏa lực cho Tiểu đoàn 2 đánh địch phản kích.

Theo hiệp đồng, 16 giờ ngày 8 tháng 9, pháo và cối 160mm của cấp trên bắn phá từng đợt vào khu nhà tôn làng Tri Bưu và làng Hành Hoa. 1 giờ ngày 9 tháng 9, các mũi đột kích của quân ta lợi dụng trời mưa, từ các trận địa trực tiếp tiếp xúc, bí mật chiếm lĩnh trận địa, có tổ đã nằm sát hầm quân địch. 3 giờ ngày 9 tháng 9, được lệnh nổ súng, lập tức quân ta từ hai hướng, thành nhiều mũi dùng lựu đạn, thủ pháo, B40, B41 đánh vào các hầm cố thủ của địch, một mũi của Đại đội 7 thọc vào diệt chỉ huy tiểu đoàn địch, hai mũi của Đại đội 5 phát triển nhanh, đánh hất địch ra khỏi chiến hào, dồn chúng ra cánh đồng rau giữa hai làng Hành Hoa và Tri Bưu để cối và hỏa lực ta chuẩn bị sẵn phần tử bắn tiêu diệt. Hỏa lực địch từ nhà thờ Tri Bưu và khu nhà mái tôn vừa chi viện cho quân của chúng ở làng Hành Hoa, liền bị hỏa lực của Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 và Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 95 của ta chế áp. Đến 4 giờ 40 phút, đại đội địch ở làng Hành Hoa bị tiêu diệt gần hết, một bộ phận nhỏ chạy thoát sang khu nhà mái tôn. Tiểu đoàn 2 chiếm lại địa bàn, củng cố công sự, sẵn sàng đánh địch phản kích.

Sáng 9 tháng 9, địch thực hành đợt tiến công mới như kế hoạch, chúng sử dụng các lữ đoàn lính thủy đánh bộ 147 và 258 chia làm 5 mũi tiến công trên 4 hướng vào Thành cổ. Một bộ phận của lữ đoàn 147 phản kích vào làng Hành Hoa và tiến công vào Tri Bưu. 5 giờ 30 phút, pháo binh và máy bay địch ném bom đánh phá dữ dội

xuống làng Hành Hoa và làng Cổ Thành. 6 giờ ngày 9 tháng 9, chúng cho 2 đại đội bộ binh có 12 xe tăng và xe M113 từ làng An Tiêm vượt sông Vĩnh Định chia làm nhiều mũi đánh thọc vào phía sau làng Hành Hoa nhưng đều bị các lực lượng chốt của các đại đội 5, 7 Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 kiên quyết ngăn chặn. Từ nhà thờ Tri Bưu, chúng cho 1 đại đội mở một mũi tiến công vào các trận địa ta ở làng Hành Hoa phối hợp với mũi từ làng An Tiêm. Phát hiện địch phản kích, Ban chỉ huy thành gọi pháo cấp trên chi viện, đồng thời lệnh cho 2 đại đội hỏa lực của Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 và Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 95 dùng cối 82mm, ĐKZ, 12,7mm bắn chặn địch. Bộ binh địch bị bắn chặn, chúng phải co lại ở khu vực bãi tha ma rìa làng. Đến 14 giờ, sau khi dùng hỏa lực bắn dồn dập vào trận địa ta, chúng đưa thêm 1 đại đội bộ binh, có xe tăng lên chi viện trực tiếp và tiến công liên tục theo kiểu “lấn dũi” vào các chốt của ta mới chiếm được làng Hành Hoa. Các đại đội 5 và 7 chiến đấu ngoan cường suốt ngày với địch, nhưng do lực lượng bị tiêu hao, đạn dược không còn nên đến 18 giờ ngày 9 tháng 9, tiểu đoàn quyết định lui về trận địa chốt ở bắc Thành cổ.

Sau 1 ngày chiến đấu, ta tiêu diệt 1 đại đội thuộc tiểu đoàn 7 lữ đoàn 147, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội khác, diệt gọn 1 chi đội xe tăng, thiết giáp của địch; diệt hơn 250 tên, bắn cháy 4 xe M113, một xe Jeép; diệt tên thiếu tá tiểu đoàn phó tiểu đoàn 5 lữ đoàn 147 chỉ huy lực lượng phản kích của địch, góp phần ngăn chặn mũi tiến công của lữ đoàn 147 lính thủy đánh bộ vào đông bắc Thành cổ. Sau trận này, Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 được tặng Huân chương Chiến công hạng Nhất.

Tại phía nam thị xã, trong ngày 9 tháng 9, lữ đoàn 258 lính thủy đánh bộ tập trung cả 3 tiểu đoàn bộ binh, có xe tăng yểm trợ tiến công từ các hướng nam, đông nam và tây nam vào Thành cổ. Từ hướng nam, chúng tập trung xe tăng, xe bọc thép, súng phun lửa chi viện trực tiếp cho bộ binh đánh chiếm Thành cổ, các lực lượng chốt giữ của ta đánh trả địch quyết liệt, giành giật với địch từng căn nhà, góc phố, nhất là khu vực chùa Bà Năm, ty cảnh sát (hướng đông nam), khu trại giam, thánh đường Thạch Hãn (hướng nam), khu Mỹ Tây (hướng tây nam) v.v... Nhiều chốt ta và địch xen kẽ nhau, Sở chỉ huy các tiểu đoàn 4, 5 Trung đoàn 95 cũng thành trận địa chốt ngăn chặn địch. Trong ngày 9 tháng 9, ngoài số địch bị Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 diệt, trên hướng nam ta còn tiêu diệt được 113 tên, nhưng ta cũng bị thương vong nặng: 203 người bị thương và hy sinh, hỏng 3 khẩu cối 82mm, 2 khẩu súng máy 12,7mm, 50% hầm hào bị sập, lấp. Đêm 9 tháng 9, Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95 được tăng cường lực lượng của Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95, tổ chức tập kích địch, chiếm lại khu Mỹ Tây, đẩy địch chạy về nam cầu xi măng, giải tỏa áp lực cho hướng nam Thành cổ. Trong đêm Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị, sau khi ra cùng cố với quân số 142 người, vào bố trí ở khu chợ - ngân hàng - nhà in, góc Tây Nam thành.

Trong ngày 9 tháng 9, cùng với việc sử dụng 2 lữ đoàn lính thủy đánh bộ tiến công vào Thành cổ, địch đưa liên đoàn biệt động số 1 đánh chiếm Bích Khê, Nại Cửu thay cho lữ đoàn 147 được điều sang hướng đông bắc tiến công vào Thành cổ. Sư đoàn

dù cũng cho quân đánh chiếm Trại Gia Long, La Vang, Tích Tường, Như Lệ nhằm phối hợp với sư đoàn lính thủy đánh bộ tiến công Thành cổ và ngăn chặn ta phản kích từ hướng Tây, Tây Nam.

Ngày 10 tháng 9, địch tiếp tục dồn quân, có xe tăng chi viện trực tiếp lần nữa mạnh từ hướng nam và đông nam Thành cổ, chúng tiến công đánh chiếm khu Mỹ Tây, trường Nữ, trại giam. Các chiến sĩ Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 95, được hỏa lực cấp trên chi viện đã đánh trả quân địch giữ vững chốt, tiêu diệt 90 tên, bắn cháy 1 xe tăng, thu nhiều súng đạn. Nhưng với ưu thế về binh, hỏa lực, chúng vẫn chiếm được khu trại giam. Qua 1 ngày chiến đấu ác liệt, lực lượng của Tiểu đoàn 4 bị thương vong nhiều nên đêm 10 tháng 9 Ban chỉ huy thành lệnh cho Tiểu đoàn 4 ra ngoài củng cố và điều Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 thay Tiểu đoàn 4 chiến đấu giữ khu vực nam Thành cổ. Trên hướng đông bắc Thành cổ, địch từ các làng Tri Bưu, Hành Hoa liên tục lần nữa vào Thành cổ, các chiến sĩ Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 và Tiểu đoàn 3 bộ đội địa phương Quảng Trị kiên quyết ngăn chặn và liên tục phản kích đánh địch, 1 trung đội địch đã lọt được vào Thành cổ. Không để địch phát triển, Ban chỉ huy vào vệ Thành cổ lệnh cho Tiểu đoàn 3 bộ đội địa phương lập tức phản kích, quân địch buộc phải tháo chạy ra khỏi thành, để lại 11 xác chết. Nhiều trận đánh gần ác liệt diễn ra ngay dưới chân thành. Đặc biệt từ ngày 7 tháng 9, các hướng tiến công của địch vào thành từ bắc, đông bắc đến đông nam và nam đã được nối liền, nên chúng có điều kiện để hiệp đồng, chi viện cho nhau tiến công đồng loạt từ 3 hướng, gây cho ta rất nhiều khó khăn; nhất là thiếu lực lượng cơ động để cùng các chốt phản kích, đơn vị nào cũng phải chốt, không còn lực lượng dự bị. Lực lượng của Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị mới vào cũng phải giăng quân ra ngăn chặn địch ở hướng tây nam. Trong ngày 10 tháng 9, ta tiêu diệt 233 tên địch, bắn cháy 1 xe tăng, nhưng chúng vẫn chiếm lại được khu trại giam, Mỹ Tây.

Ngày 11 tháng 9, địch tiếp tục tiến công trên tất cả các hướng vào Thành cổ. Trên hướng đông nam, 6 giờ sáng đã có bộ phận địch lọt vào trong thành, Tiểu đoàn 3 bộ đội địa phương Quảng Trị xuất kích đánh bật chúng ra ngoài, đến 12 giờ 1 phút, đại đội địch tập trung nhảy vào thành, Tiểu đoàn 3 đánh trả quyết liệt và liên tục tổ chức phản kích, chúng bị thiệt hại nặng phải dùng hỏa lực chi viện và lui ra khỏi thành trước khi trời tối. Trên hướng tây nam, Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 cùng Đại đội 1 Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương chiến đấu giằng co với địch ở khu Mỹ Tây, trường Nữ. Đêm 11 tháng 9, Đại đội 1 Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương tập kích chiếm lại khu Mỹ Tây, diệt 40 tên địch, nhưng hôm sau địch tiến công chiếm lại khu Mỹ Tây. Trên hướng đông bắc, địch liên tiếp tiến công lần nữa vào các chốt của Đại đội 5 Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48, các chiến sĩ ta kiên cường ngăn chặn, đến 18 giờ, ta bị thương vong nhiều phải rút về phía sau, địch chiếm được chốt. Từ 19 giờ đến 21 giờ, địch đánh vào chốt của Đại đội 6 Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 và áp sát đông bắc Thành cổ. Trong ngày 11 tháng 9, ta đã diệt 218 tên địch, thu một số súng; nhưng ta cũng bị thương vong nhiều.

Ngày 12 tháng 9, địch sử dụng 3 tiểu đoàn và 23 xe tăng, xe bọc thép M113, dưới sự yểm trợ mạnh mẽ của các loại máy bay và pháo lớn tiến công trên cả ba hướng. Suốt từ 6 giờ đến 11 giờ, địch nhiều lần tiến lên nhưng vấp phải sức ngăn chặn và phản kích quyết liệt của ta, chúng phải lùi lại để dùng hỏa lực đánh phá hủy diệt. Lấn dũi không hiệu quả, chúng đổi thủ đoạn tiến công, khi hướng này tiến thì hướng kia yểm trợ phát hiện hỏa điểm và trận địa của ta để dùng hỏa lực tiêu diệt. Đến hơn 11 giờ, có 1 mũi gồm 2 đại đội địch lọt được vào góc đông nam thành. Ngay lập tức, Ban chỉ huy thành ra lệnh cho Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 và Tiểu đoàn 3 bộ đội địa phương Quảng Trị tổ chức lực lượng phản kích đẩy địch ra khỏi thành trong thời gian sớm nhất, đồng thời lệnh cho các đơn vị hỏa lực của mình và hiệp đồng với pháo binh chiến dịch tập trung bắn chặn địch. Các đơn vị hiệp đồng chặt chẽ, đến 14 giờ ta tập trung phản kích, 2 đại đội địch không chịu được phải bật ra khỏi thành và gọi pháo, xe tăng bắn súng phun lửa để chặn quân ta truy kích. Ngày 12, trên 3 hướng ta tiêu diệt 350 tên, bắn cháy 2 xe tăng.

Đêm 12 tháng 9, trên 70 chiến sĩ mới được bổ sung vào thành, tăng cường cho Tiểu đoàn 3 bộ đội địa phương Quảng Trị làm lực lượng cơ động chiến đấu cho các hướng. Đồng thời, Bộ Tư lệnh chiến dịch đưa 2 đại đội của Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 vào thành sau một thời gian ra ngoài củng cố, cũng chỉ được một đại đội 26 người, một đại đội 24 người. Ban chỉ huy Thành lập tức đưa lực lượng này về phía đông nam, cùng Tiểu đoàn 3 bộ đội địa phương Quảng Trị giữ khu vực đã từng bị địch đột nhập. Vì không còn vật liệu để làm hầm, vị trí chỉ huy Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 phải bố trí cùng một nơi với chỉ huy Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị trong hầm nhà ngân hàng.

Ngày 13 tháng 9, sau 4 ngày liên tục tiến công, lực lượng địch bị tổn thất nặng (bị loại trên 1.000 tên) nhưng chúng vẫn không chiếm được Thành cổ, buộc phải dừng lại củng cố, làm công sự bám sát 3 góc thành. Góc đông bắc địch cách ta 250m, góc đông nam cách ta 50m, ở cửa nam cách ta 250m.

Về ta, lực lượng bị tiêu hao nhanh, qua nhiều ngày mưa lũ, địch đánh phá ác liệt, không tiếp tế vào được, các loại đạn, lựu đạn còn ít, thương binh ùn lại trong hầm Sở chỉ huy; sinh hoạt rất khó khăn, có ngày có đơn vị phải nhịn ăn vì thiếu lương thực. Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ không còn lực lượng dự bị, các đơn vị ngoài đưa vào phải rải ra nhiều đêm, khi vào được thì không còn chỗ đứng chân mà cũng phải giăng ra chặn địch. Đường dây liên lạc đứt hỏng liên tục, liên lạc giữa Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ với Sư đoàn 325 cũng rất ít thời gian thông suốt; vô tuyến điện 2W đều cạn nguồn, không sang sông nạp được. Đạn pháo chi viện của trên cũng phải tính từng viên. Các đài quan sát pháo đều lui về phía tây sông nên chi viện không kịp thời.

Các đơn vị của mặt trận ở vòng ngoài tiến hành phản kích không đạt yêu cầu, nhất là hướng nam bị tổn thất nặng phải rút về phía sau. Từ ngày 10 tháng 9, địch dồn cả hai lữ đoàn lính thủy đánh bộ vào đánh chiếm Thành cổ.

Phần thứ hai: Thành cổ Quảng Trị - Huyền thoại mùa hè đỏ lửa - 1972

Trong ngày 13 tháng 9, ta tranh thủ củng cố công sự, trận địa, điều chỉnh lực lượng, đưa Tiểu đoàn 1 vào chốt giữ góc đông - đông bắc thành và Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 vào chốt giữ góc nam trong Thành cổ; tổ chức tập kích nhiều đợt bằng hỏa lực vào các trận địa địch, bắn tĩa những tên địch ra ngoài công sự; diệt 123 tên, bắn cháy 1 xe tăng, phá hủy 1 khẩu đại liên.

Ngày 14 tháng 9, dưới sự yểm trợ của pháo binh, không quân, xe tăng, địch từ 3 hướng tiến công vào Thành cổ. Chúng tập trung lực lượng bộ binh và xe tăng tiến công chủ yếu vào hướng nam. Trên tất cả các hướng, các chốt của ta kiên quyết chặn đánh các mũi tiến công của chúng. Đến 14 giờ, 1 trung đội địch lọt vào góc tây nam thành, các lực lượng trong thành lập tức phản kích đánh bật địch ra ngoài. 18 giờ, địch bám sát 3 góc thành và cửa nam, ta phải dồn lực lượng ra giữ các hướng: Góc đông bắc do Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48 và Tiểu đoàn 3 bộ đội địa phương Quảng Trị phòng giữ; góc đông nam do Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 cùng Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị và Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 95 chốt giữ; góc tây nam do Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 18 và Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 chốt giữ; góc tây bắc do Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 giữ. Tất cả các đơn vị tuy còn rất ít lực lượng nhưng đều kiên quyết chiến đấu giữ vững Thành cổ chuẩn bị cho Trung đoàn 18 và xe tăng vào phản kích theo ý định của Bộ Tư lệnh chiến dịch.

Ở Nhan Biều, Mặt trận B5 điều 1 đại đội xe tăng đến tăng cường cho các lực lượng sang phản kích trong Thành cổ, nhưng xe chưa đến kịp, chỉ mới có tiểu đoàn trưởng chỉ huy xe đến nhận nhiệm vụ, hiệp đồng và đi trinh sát địa hình. Trong khi đó Ban chỉ huy Trung đoàn 18 chưa đến được Nhan Biều để nhận nhiệm vụ và hiệp đồng.

Ngày 15 tháng 9, các lữ đoàn lính thủy đánh bộ 258 và 147 của địch tổ chức tiến công từ ba hướng vào Thành cổ. Được sự chi viện trực tiếp của tất cả các loại hỏa lực pháo, cối, xe tăng, súng phun lửa v.v..., chúng mở đợt tổng đột phá vào 2 góc thành



Tiêm nhập mục tiêu

Ảnh: TL

đông nam, đông bắc và cổng thành nam. 4 giờ ngày 15 tháng 9, một đại đội địch bí mật tập kích vào Sở chỉ huy Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48, chiếm góc đông bắc Thành cổ và từ hướng đông nam, tây nam áp sát vào chiếm góc thành phía nam. Hỏa lực pháo, cối của địch từ Chợ Sãi liên tục bắn sang không chế trận địa của Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 và hướng tây bắc Thành cổ. Pháo binh và các chốt của ta bắn mạnh vào đội hình địch nên chúng bị bật ra ngoài. Suốt ngày, địch liên tục tiến công, bộ phận còn lại của các tiểu đoàn 1, 3 Trung đoàn 48; Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị, đã chiến đấu quyết liệt ngăn chặn địch suốt từ hướng đông bắc, đông nam đến phía tây nam thành.

Trên hướng đông nam và nam Thành cổ, địch nhiều lần xông lên đột phá vào góc đông nam và cổng nam thành dưới sự yểm trợ, chi viện của xe tăng, thiết giáp và pháo cối bắn thẳng. Buổi sáng nhiều lần có hàng trung đội địch lọt được vào cổng nam thành nhưng đều bị ta dùng hỏa lực của trung đoàn kết hợp với các phân đội phản kích đánh bật địch ra. Đến 15 giờ, địch đưa xe tăng phun lửa lên bắn vào chốt của ta; lực lượng và phương tiện, vũ khí của ta bị tiêu hao lớn, sức phản kích của ta giảm dần, các đơn vị phải lui sâu vào thành, địch chiếm và kiểm soát được cổng thành phía nam, góc đông nam thành. Chúng đưa 4 đại đội và 5 xe tăng vào củng cố các khu vực đã chiếm được từ góc đông bắc đến góc tây nam Thành cổ. Từ Sở chỉ huy bảo vệ Thành cổ đã nghe rõ tiếng hò hét của địch ở trong thành, một số cán bộ, chỉ huy các tiểu đoàn đã về Sở chỉ huy báo cáo và xin ý kiến.

Tối 15 tháng 9, Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ tập trung nắm tình hình và nhận định: Địch đã chiếm được góc đông bắc và toàn bộ phía nam trong Thành cổ và đang dồn lực lượng lên để chuẩn bị đánh chiếm Thành cổ vào hôm sau.

Về ta, các đơn vị đều tổn thất nặng nề, kể cả Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 và Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị mới vào. Quân số chiến đấu của ta còn rất ít, vũ khí đạn dược không đủ cơ số chiến đấu, nhất là súng và đạn không còn bao nhiêu. Trung đoàn 48, Tiểu đoàn 1 mỗi đại đội chỉ còn 5 đến 7 người; Tiểu đoàn 3 mỗi đại đội còn 4 đến 7 người; Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 88 chỉ còn 19 cán bộ, chiến sĩ; Tiểu đoàn 2 quân số còn khá hơn, trên 60 người nhưng Đại đội 6 chỉ còn 3 người, Đại đội 7 chỉ còn 6 người; các tiểu đoàn khác cũng chỉ còn trên dưới 20 người. Vũ khí, lương thực còn rất ít, vì mấy ngày trước đó không nhận được tiếp tế. Thông tin liên lạc nội bộ chỉ còn phương tiện chạy chân, các máy thông tin vô tuyến 2W hết nguồn, máy 15W hỏng, đường dây điện thoại bị đứt không còn dây nối; cả ngày Ban chỉ huy thành không liên lạc được với mặt trận phía sau. Như vậy, ta không còn khả năng phản kích và khó giữ được khi địch ồ ạt tiến công vào ngày hôm sau. Trong khi đó, dự kiến của trên đưa Trung đoàn bộ binh 18 và 1 đại đội xe tăng sang phản kích nhưng chưa có tin tức gì.

Sau khi nắm lại tình hình, Ban chỉ huy quyết định: 22 giờ ngày 15 tháng 9 sẽ cho các đơn vị không còn khả năng chiến đấu, các bộ phận không cần thiết và thương binh rút dần sang tả ngạn sông Thạch Hãn, theo thứ tự:

- Cho ngay Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48; Tiểu đoàn 5, Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 95; Tiểu đoàn 3 bộ đội địa phương Quảng Trị, đưa thương bệnh binh và các bộ phận cơ yếu, đài 15W qua sông về hậu cứ. Thông báo cho bộ phận còn lại của Trung đoàn 88 biết việc rút quân qua sông.

- Trung đoàn bộ binh 95 để lại một bộ phận chốt ở khu vực bờ sông phía nam, đường Trần Hưng Đạo không cho địch tập kích vào vị trí của Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ. Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48, Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị và đại đội trinh sát, vệ binh của Trung đoàn 48 bố trí trong Thành cổ, sẵn sàng đánh địch để bảo vệ đội hình rút quân và rút sau cùng khi có lệnh của ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ.

- Nếu có lực lượng của Trung đoàn 18 sang phản kích thì hiệp đồng với Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48, bộ phận chốt còn lại của Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Quảng Trị ở trong thành từ hướng tây - tây bắc phản kích đẩy địch ra khỏi thành và tiếp tục chốt giữ trong thành.

Đúng 1 giờ ngày 16 tháng 9, không có lực lượng nào của ta sang phản kích, Tham mưu trưởng giao nhiệm vụ cho trợ lý tác chiến xuống truyền đạt lệnh rút quân cho Tiểu đoàn 2 và các lực lượng còn lại ở phía bắc. Lực lượng còn lại ở phía nam do Trung đoàn phó Trung đoàn 95 chỉ huy qua sông. Đồng thời quyết định cho đài chỉ huy pháo binh của Mặt trận (bố trí trong Sở chỉ huy bảo vệ Thành cổ) vượt sông ra và hiệp đồng với pháo binh đúng 3 giờ ngày 16 tháng 9 phải tập kích hỏa lực vào quân địch trong Thành cổ nhằm nghi binh để địch tưởng ta tiến công, hạn chế hành động của chúng, bảo đảm cho các lực lượng của ta rút an toàn.

2 giờ ngày 16 tháng 9, đội hình cơ bản đã qua sông, thương binh cũng được chuyển đi hết (Phòng quân báo Mặt trận B5 thông báo ngày 16 tháng 9 địch không bắt được người nào của ta trong thị xã). Theo hiệp đồng, 3 giờ ngày 16 tháng 9, pháo binh ta tập kích hỏa lực vào Thành cổ. Sáng 16 tháng 9, Bộ Tư lệnh chiến dịch ra lệnh tiếp tục chuẩn bị đưa Trung đoàn 18 Sư đoàn 325 vào thành để đêm 16 phản kích chiếm lại Thành cổ. Đến 18 giờ Bộ Tư lệnh chiến dịch ra lệnh ngừng đưa Trung đoàn 18 qua sông, mà nhanh chóng triển khai lực lượng phòng thủ khu vực tây sông từ đầu cầu Quảng Trị đến Nhan Biều, Xuân An và ra lệnh cho Trung đoàn 48, Trung đoàn 95 cùng một số đơn vị trực thuộc về hậu cứ trung đoàn, sư đoàn củng cố, bổ sung lực lượng, chuẩn bị nhận nhiệm vụ mới. Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ tiếp tục thu quân còn sót lại bên thị xã, chú trọng thương binh, lạc ngũ đưa về đơn vị.

Ngày 17 tháng 9, Quân ủy Trung ương điện cho Mặt trận B5, bức điện chỉ rõ: *... Bộ đội ta rút khỏi thị xã chỉ là sự rút quân có tính chiến thuật. Cần thấy, đứng về phạm vi cả mặt trận thì cuộc chiến đấu của ta vẫn đang tiếp tục...*⁽¹⁾

1. Điện số 255Đ, ngày 17 tháng 9 năm 1972 của Quân ủy Trung ương.

Trong đợt chiến đấu từ ngày 3 đến 15 tháng 9, ta đã tiêu diệt 2.039 tên địch, bắn cháy 12 xe tăng và xe thiết giáp M113.

Tính đến ngày 16 tháng 9 năm 1972, cuộc chiến đấu ở thị xã và Thành cổ Quảng Trị đã trải qua 81 ngày đêm. Quân, dân thị xã Quảng Trị đã vượt qua muôn vàn khó khăn, ác liệt của bom đạn kẻ thù, của thời tiết khắc nghiệt, bám trụ vững, kiên cường chiến đấu với các lực lượng tổng dự bị chiến lược của quân đội Sài Gòn, được hỏa lực của quân Mỹ yểm trợ mạnh nhất trong lịch sử cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Đông Dương. Theo thống kê chưa đầy đủ, từ ngày 28 tháng 6 đến 30 tháng 8 năm 1972, quân dân thị xã cùng với các đơn vị trên toàn mặt trận Quảng Trị đã tiêu diệt 26.400⁽¹⁾ tên địch, bắt 71 tên, diệt gọn 12 đại đội, đánh thiệt hại nặng 19 tiểu đoàn bộ binh địch (trong đó có 10 tiểu đoàn dù, 9 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ, lữ đoàn dù 2 và lữ đoàn 258 lính thủy đánh bộ bị thiệt hại nặng nhất); bắn rơi 205 máy bay, phá hủy 349 xe (có 200 xe tăng và xe thiết giáp M113); phá hủy, đánh hỏng 230 khẩu pháo, thu 50 súng⁽²⁾.

Để giữ thị xã Quảng Trị và Thành cổ, ta đã sử dụng lúc cao nhất hơn 10 tiểu đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn pháo cao xạ và súng máy phòng không, 3 đại đội xe tăng, thiết giáp (lúc đầu) đồng thời có sự chi viện hiệu quả của 3 trung đoàn và 1 tiểu đoàn pháo bố trí bên tả ngạn sông Thạch Hãn. Ta đã sử dụng lần lượt nhiều sư đoàn, nhiều đơn vị binh chủng để tiến hành các đợt phản kích đánh bên sườn, phía sau lưng địch phối hợp với lực lượng bảo vệ thị xã. Ta đã bẻ gãy nhiều đợt tiến công của địch, giữ Thành cổ được 81 ngày đêm, góp phần phục vụ đắc lực cho yêu cầu đấu tranh ngoại giao, cho yêu cầu đấu tranh chính trị⁽³⁾, quân sự nói chung và tạo điều kiện để ta có thời gian củng cố và tổ chức giữ vững vùng giải phóng Quảng Trị.

Một trong những thành công nổi bật của các đơn vị bảo vệ Thành cổ Quảng Trị là đã tích cực ngoan cường trong chiến đấu phòng ngự trực tiếp tiếp xúc với địch, giữ địa bàn, một hình thức tác chiến mà quân đội ta chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn. Nhưng nắm vững tư tưởng tích cực tiến công, quyết tâm đánh tiêu diệt, các chiến sĩ ta vừa anh dũng chặn địch ở phía trước, vừa chủ động tổ chức tập kích, phản kích, luôn sâu đánh vào phía sau, bên sườn các mũi tiến công của chúng với nhiều quy mô khác nhau. Đồng thời tích cực phát huy sở trường đánh đêm, kiên quyết, sáng tạo đánh ban ngày, kết hợp chặt chẽ giữa các hoạt động tác chiến nhỏ, rộng khắp với các đợt hoạt động tác chiến tập trung thích hợp để đẩy lùi và phá vỡ mọi đợt tiến công của địch.

1. Theo: *Quảng Trị lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Xb-1998, tr. 215. Trong 81 ngày đêm, trên toàn mặt trận Quảng Trị ta diệt hơn 24.000 tên địch, phần lớn là quân dù và lính thủy đánh bộ, bắn rơi 180 máy bay, phá hủy 140 xe quân sự (có 90 xe tăng, xe thiết giáp, 20 khẩu pháo cùng nhiều đồ dùng quân sự khác).

2. *Viện Lịch sử quân sự Việt Nam Hướng tiến công chiến lược Trị Thiên năm 1972*. H. 1987, tr. 199.

3. *Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 5 năm 1971 hạ quyết tâm: Phát triển thế tiến công chiến lược trên chiến trường miền Nam, đánh bại chính sách “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, giành thắng lợi quyết định trong năm 1972, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trong thế thua.*

Vừa đẩy mạnh tác chiến, các đơn vị trong thị xã Quảng Trị vừa nỗ lực xây dựng hệ thống công sự, hầm hào từng chốt, có thể liên hoàn và chiều sâu để vừa chiến đấu ngăn chặn địch khi chúng tiến công, đồng thời khi thuận lợi có thể từ đó xuất kích tiến công lại địch, khi có khó khăn có thể lui về cố thủ lâu dài. Trong điều kiện địch tập trung bom đạn đánh phá với mật độ cao, liên tục, dài ngày và trời mưa lũ gây rất nhiều khó khăn nên việc tổ chức xây dựng trận địa phòng ngự trực tiếp tiếp xúc với địch trong thị xã, một vùng thấp ven sông, gần biển chỉ có gạch, ngói, bê tông đổ nát, không có các loại vật cản chế sẵn, phương tiện làm công sự lại không có hoặc không phù hợp. Đây là một cuộc vật lộn quyết liệt, đòi hỏi lòng kiên trì, nhẫn nại, trí thông minh sáng tạo và rất nhiều mồ hôi, xương máu của bao chiến sĩ anh hùng.

Về địch, qua 81 ngày đêm tiến công vào thị xã và Thành cổ Quảng Trị, chúng đã sử dụng lực lượng phi pháo rất lớn của cả quân ngụy và quân Mỹ; hải quân và không quân chiến lược B52 của Mỹ đánh phá ác liệt trong một khu vực hẹp để chi viện cho quân ngụy tiến công, nhưng chúng cũng chỉ vượt được 16km theo trục quốc lộ 1. Trong khi đó chúng phải thay đổi nhiều đơn vị, nhiều cách đánh; lực lượng tổng dự bị chiến lược là quân dù và lính thủy đánh bộ đã bị ta đánh cho tơi tả, bị giảm sút sức chiến đấu nghiêm trọng, khả năng tiến công ra bắc tỉnh Quảng Trị bị hạn chế lớn. Qua 81 ngày chiến đấu, ta đã hiểu rõ hơn đặc điểm, cách đánh của địch để đối phó hiệu quả trong chiến dịch phòng ngự Quảng Trị.

81 ngày đêm chiến đấu, các cán bộ, chiến sĩ bảo vệ Thành cổ đã sát cánh cùng với các đơn vị bạn trên toàn mặt trận Quảng Trị, góp phần đánh bại những cố gắng cao nhất của Mỹ - ngụy trên chiến trường, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ thị xã và Thành cổ trong những thời điểm có tính chất quyết định của cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao giữa ta và Mỹ nhất là tác động mạnh tới Hội nghị Pari bàn về việc lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Trần Ngọc Long - Đẩu Xuân Luận

(Lược theo: Tổng kết tác chiến bảo vệ Thành cổ Quảng Trị năm 1972, Nxb Quân đội nhân dân, H. 2006; Lịch sử Trung đoàn 48 Sư đoàn 390, Nxb Quân đội nhân dân, H. 2007 và nhiều nguồn tư liệu khác).

Tiếng súng của quân và dân Quảng Trị trong trận chiến

Phát huy truyền thống kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm, trong chiến dịch 81 ngày đêm ở Thành cổ Quảng Trị, quân và dân Quảng Trị đã thêm một lần nữa ghi dấu lòng son dạ sắt, quả cảm anh hùng để cùng với lực lượng quân đội chính quy bẻ gãy hàng loạt trận tiến công tác chiến của kẻ địch. Dường như bom đạn của kẻ địch càng trút xuống một cách tàn bạo, dã man nhất thì ý chí tinh thần của mỗi người dân, mỗi cán bộ chiến sĩ bộ đội địa phương Quảng Trị càng nảy nở vươn cao bền chắc vào nhau tựa như thể đứng của dãy núi Trường Sơn để không một thứ đạn bom nào có thể khuất phục được.

Trước tình thế Quảng Trị bị thất thủ, Thừa Thiên bị uy hiếp nặng nề, Mỹ - Thiệu cách chức Hoàng Xuân Lãm, đưa tướng Ngô Quang Trưởng làm Tư lệnh vùng 1, giải thể luôn sư đoàn 3. Mỹ - nguy khản trương củng cố các đơn vị bị tổn thất nặng, đồng thời đưa hết lực lượng dự bị của quân đoàn 1 cùng với 17 tiểu đoàn pháo binh, 5 trung đoàn xe tăng, xe bọc thép thiết lập một phòng tuyến mới ở nam sông Mỹ Chánh, nhằm trước mắt ngăn chặn lực lượng của ta phát triển vào Thừa Thiên - Huế, đồng thời tranh thủ thời gian chuẩn bị cho một cuộc phản công quy mô lớn chiếm lại tỉnh Quảng Trị.

Ngày 13 tháng 6 năm 1972, sau khi được Bộ Chỉ huy quân viễn chinh Mỹ ở Sài Gòn hứa tặng viện trợ, Thiệu quyết định mở cuộc hành quân “tái chiếm Quảng Trị” - lấy tên là “Lam Sơn 72”. Cuộc hành quân “Lam Sơn 72” chia làm ba giai đoạn:

Giai đoạn 1 (từ cuối tháng 5 đến trung tuần tháng 6): tập trung lực lượng ra phía nam sông Mỹ Chánh, lập tuyến phòng thủ ngăn chặn cuộc tiến công của ta.

Giai đoạn 2 (từ cuối tháng 6 đến giữa tháng 7): thực thi “tái chiếm” huyện Hải Lăng, Triệu Phong và thị xã Quảng Trị. Mỹ - nguy xem giai đoạn này là giai đoạn quan trọng của cuộc hành quân “Lam Sơn 72”.

Phần thứ hai: Thành cổ Quảng Trị - Huyền thoại mùa hè đỏ lửa - 1972

Giai đoạn 3 (từ cuối tháng 7 đến giữa tháng 8): chiếm lại toàn bộ ái Tử, Đông Hà, Cam Lộ, Gio Linh.

Mỹ - nguy nuôi nhiều tham vọng và dốc sức cho cuộc tái chiếm Quảng Trị. Vì theo chúng, tái chiếm được Quảng Trị sẽ “xoay chuyển” được tình hình, “phá tan” được cuộc tiến công sắp tới của quân và dân ta, “bảo vệ” được Cố đô Huế và cả miền Nam, tiếp tục thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ. Tái chiếm được Quảng Trị sẽ là “lợi thế” để chúng gây sức ép với ta ở Hội nghị Pari; trước hết là để vớt vát lại uy thế chính trị của chúng đã bị suy giảm thảm hại, xóa được tâm lý thất bại đang lan tràn trong sĩ quan, binh lính, vực dậy tinh thần quân nguy đang suy sụp nghiêm trọng.

Thực hiện âm mưu đó, liên tiếp trong hai ngày 26 và 27 tháng 6, Mỹ - nguy tập trung lực lượng không quân, hải quân, pháo hạm mở các trận oanh kích dữ dội, bắn phá dọn đường. Sáng ngày 28 tháng 6 năm 1972, từ tuyến xuất phát đông Mỹ Chánh, bộ binh và xe tăng địch mở cuộc phản công. Chúng phối hợp tiến công trên hai trục quốc lộ 1 và tỉnh lộ 68 với đồ bộ đường không xuống nam sông Nhùng, Cổ Lũy và đường biển (sau vực Thuận Đầu). Từ nhiều hướng, chúng tiến đánh các chốt của ta trên các trục đường dẫn tới thị xã Quảng Trị.

Bộ đội chủ lực ta đang ở thế tiến công phải vừa điều chỉnh gấp đội hình, vừa chiến đấu chặn địch. Chỉ trong một tuần, địch đã tràn qua một vùng khá rộng từ Gia Đăng đến La Vang, chiếm lại quận lỵ Hải Lăng, áp sát ngoại vi phía nam thị xã Quảng Trị.

Bộ Quốc phòng chỉ thị cho mặt trận Quảng Trị: “Chỉ có một khả năng giữ Quảng Trị, đánh bại cuộc hành quân của địch”. Bộ Tư lệnh B5 quyết định: “Tăng cường và chi viện cho lực lượng giữ thị xã, đồng thời liên tục tổ chức những trận phản kích hai

Tên lửa A72 là vũ khí có điện khiển, chuyên để bắn máy bay tầm thấp; ta đưa vào chiến đấu đầu tiên tại Quảng Trị

Ảnh: Đoàn Công Tính



bên sườn, chủ yếu là hướng tây, từng bước đánh bại ý đồ của địch, nhanh chóng chiếm thị xã”. Lực lượng vũ trang ta chuyển từ chiến dịch tiến công sang phản công để đánh bại cuộc phản công của địch.

Trước yêu cầu tình hình và nhiệm vụ mới, ngày 10 tháng 6 năm 1972, Tỉnh ủy Quảng Trị họp, nhận định: “Thất bại của địch ở Quảng Trị là một thất bại có ý nghĩa chiến lược, do đó, Mỹ - ngụy rất cay cú. Chúng sẽ tìm hết mọi âm mưu, thủ đoạn để phản kích, nhằm phá hoại mọi thành quả mà ta đạt được, thậm chí chúng có thể đánh chiếm lại Quảng Trị”. Hội nghị Tỉnh ủy dự kiến: “Địch có thể phản kích bằng ba khả năng, trong đó khả năng quyết liệt nhất là sử dụng binh lực với quy mô sư đoàn và có thể có quân Mỹ tham gia để đánh chiếm lại một số khu vực quan trọng mà trọng điểm là thị xã Quảng Trị”. Từ nhận định đó, Hội nghị Tỉnh ủy nêu rõ nhiệm vụ cấp bách nặng nề của toàn Đảng bộ, toàn quân và dân trong tỉnh là: “Động viên và phát huy cao độ truyền thống đấu tranh, tinh thần tự lực tự cường, nỗ lực phi thường, đưa phong trào thi đua yêu nước của quân và dân trong tỉnh trở thành cao trào cách mạng để giữ vững và củng cố vùng giải phóng, góp phần đặc lực vào sự nghiệp đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược và bẻ gãy tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất đất nước”.

Cuối tháng 6 năm 1972, trước yêu cầu cấp bách phải bảo vệ quê hương mới được giải phóng, Tỉnh ủy Quảng Trị chủ trương: “Kiên quyết phối hợp với chủ lực đánh bại cuộc phản kích của địch” và đề ra biện pháp tập trung giữ vững thị xã Quảng Trị, nhanh chóng hình thành chiến tranh du kích sau lưng địch, tổ chức sơ tán dân của hai huyện Hải Lăng, Triệu Phong về phía sau, tích cực phòng tránh, hạn chế thiệt hại. Đây là một chủ trương đúng đắn, xuất phát từ yêu cầu bức xúc của Đảng bộ và nhân dân Triệu - Hải nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện còn lúng túng không có kế hoạch đưa ai đi, để ai ở lại để vừa bảo vệ được dân vừa duy trì được cuộc chiến đấu - sau lưng địch.

Tại khu vực thị xã, ngoài lực lượng nòng cốt là Trung đoàn 48 được tăng cường xe tăng, pháo binh, Tỉnh đội đã bổ sung quân số đầy đủ cho các Tiểu đoàn 3, Tiểu đoàn 8 (bộ đội địa phương tỉnh), Đại đội 32 của thị xã Quảng Trị và một số du kích, cán bộ cơ sở để phối hợp với bộ đội chủ lực bảo vệ địa bàn.

Tiểu đoàn 10 đặc công tinh và các đại đội bộ đội địa phương Hải Lăng cùng với du kích các xã bám trụ địa bàn, tích cực hoạt động ở những vùng địch đã tràn qua, xây dựng phong trào chiến tranh du kích sau lưng địch.

Tiểu đoàn 14 với nhiệm vụ chủ yếu là cùng bộ đội chủ lực chốt giữ Cửa Việt và các điểm trọng yếu ở phía đông, nhưng phải khẩn trương cùng cán bộ cơ sở vận động và tổ chức sơ tán nhân dân hai huyện Triệu Phong và Hải Lăng về phía sau, kể cả vùng địch đã tràn qua...

Sau khi chiếm được một số bàn đạp có lợi, địch chuyển sang tiến công vào thị xã. Suốt trong thời gian từ ngày 4 đến ngày 24 tháng 7 năm 1972, sư đoàn dù “Thiên thần mũ đỏ” nổi tiếng “anh chị” trong quân ngũ tập trung đột phá từ hướng tây - nam, trong khi sư đoàn thủy quân lục chiến “Cọp biển” đánh vòng lên phía bắc. ý định của địch chiếm thị xã Quảng Trị vào ngày 10 tháng 7, nhưng không thành bởi ngày 07 tháng 7, tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 cùng bộ đội địa phương Vĩnh Linh diệt hàng trăm tên địch tại La Vang Hữu; ngày 08 tháng 7 tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48 đã diệt 163 tên địch tại cánh đồng từ Trâm Lý sang Quang Thiên; Tiểu đoàn 8 lính thủy đánh bộ ngũ bị thiệt hại nặng, đã bị loại khỏi vòng chiến đấu, buộc phải rút rút về phía sau, củng cố. Do vậy, chúng phải lùi thời gian đến 18 tháng 7, rồi 27 tháng 7. Trong thời gian này, lữ đoàn dù số 2 đã tổ chức hai lần tiến công. Trận địa chốt hiểm yếu của ta do các đại đội của tiểu đoàn 3 chốt giữ, phải chiến đấu trong tương quan lực lượng quá chênh lệch “một chọi một trăm”. Tuy vậy, bộ đội ta đã kiên cường mưu trí đánh quỵ lữ đoàn dù số 2 của địch.

Một bộ phận khác đến sát đông - nam Thành Cổ, bị các chiến sĩ của tiểu đoàn 8, tiểu đoàn 3 đánh bật lại. Nhiều tên liều chết, tìm cách trèo lên bờ thành cắm cờ, liền bị trung đội trưởng Hà Duy Long (tiểu đoàn 8) và đồng đội tiêu diệt.

Tiểu đoàn 14 (bộ đội địa phương tỉnh) và lực lượng du kích tại chỗ cùng bộ đội chủ lực đánh địch ở tuyến các làng Ngô Xá, Cu Hoan, Trà Tri, Trà Lộc. Ngày 22 tháng 7 năm 1972, địch đổ bộ bằng trực thăng xuống bắc sông Vĩnh Định, bị các lực lượng của ta đánh thiệt hại nặng.

Sau 20 ngày phản kích thị xã, địch chỉ lần chiếm thêm đến làng Tri Bưu, làng Cổ Thành và khu vực chợ Sãi. Lực lượng ta trên các trận địa đã vượt qua những thử thách ban đầu, nhưng tình hình vẫn chưa được cải thiện. Thị xã Quảng Trị vẫn bị bao vây và bị uy hiếp, tiếp tế vận tải từ hậu phương tới rất khó khăn...

Trung tuần tháng 7 tháng 1972 lực lượng bảo vệ thị xã được tăng thêm Trung đoàn 95 (sư đoàn 325). Một ban chỉ huy chung được thành lập. Sư đoàn 325 (thiếu) được triển khai trên bờ bắc sông Thạch Hãn, Sư đoàn 308 đứng chân phía tây và Sư đoàn 320B (thiếu) hoạt động ở phía đông. Một thế trận mới được hình thành hai bên sông Thạch Hãn, trong đó thị xã Quảng Trị là mục tiêu bảo vệ chủ yếu.

Phía nam tỉnh, trong vùng địch chiếm đóng, chiến tranh du kích đang phát triển. Bộ đội địa phương tỉnh đã có những trận đánh tốt ở Hội Yên, Gia Đăng, Trà Tri, Trà Lộc, Ngô Xá Đông, Ba Bến, dọc tỉnh lộ 68. Du kích các xã Triệu Sơn, Triệu Trạch, Hải Thượng... đã đánh địch bằng súng bộ binh, chông, bẫy... Các xã đội trưởng của xã Hải Thượng, Triệu Trạch đều anh dũng lập công, bắn cháy xe địch. Đồng chí Trần Thị Tâm, Huyện đội phó huyện Hải Lăng cùng một tổ nữ du kích xã Hải Quế đã bám trụ

chiến đấu, quần đánh với một tiểu đoàn địch càn quét suốt một ngày, chị Tâm đã anh dũng hy sinh.

Trong suốt tháng 8 tháng 1972, sư đoàn thủy quân lục chiến thay quân dù, ba lần tiến công vào thị xã. Dưới sự yểm trợ mạnh mẽ của không quân, pháo binh, bộ binh và lính thủy đánh bộ nguy đột kích liên tục, đánh “lấn dũi” nhích dần đến mục tiêu, chiếm từng đoạn giao thông hào, giành từng ô đất. Lực lượng vũ trang ta kiên cường chiến đấu, đẩy lùi từ đợt phản kích này đến đợt phản kích khác của địch, không kể ngày hay đêm, thời tiết nắng hay mưa. Phần lớn ngoại vi thị xã đã lọt vào tay địch, lực lượng ta ở thị xã thực sự đang chiến đấu trong vòng vây ngày càng thắt chặt. Nhưng từ những trận địa đang nghiêng ngả chao đảo vì bom đạn Mỹ - nguy, các chiến sĩ ta vẫn kiên cường chống trả quân địch. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch ở Thành Cổ kéo dài giữa lúc Hội nghị ở Pari bước vào giai đoạn gay cấn nhất và phong trào phản đối chiến tranh ở nước Mỹ lên cao. Mỹ - nguy quyết tái chiếm cho được thị xã Quang Trị để xoa dịu công chúng Mỹ và “mặc cả” với ta tại bàn Hội nghị. Chúng ráo riết dồn quân, bắt lính, bổ sung quân số, liên tục mở các đợt phản công vào thị xã.

Trên miền Bắc, đế quốc Mỹ mở rộng quy mô oanh tạc, tăng khối lượng bom đạn, sử dụng những vũ khí và phương tiện kỹ thuật hiện đại mới, bắn phá ác liệt các nhà máy, kho tàng, các tuyến đường giao thông thủy, bộ hòng ngăn chặn hoàn toàn sự chi viện của miền Bắc vào miền Nam. Các lực lượng vũ trang của ta ở Thành Cổ phải chiến đấu trong hoàn cảnh thiếu quân số và trang bị nghiêm trọng. Thời tiết xấu, mưa lũ sớm, mật độ bom đạn địch dày đặc càng làm cho ta gặp nhiều khó khăn, tổn thất.

Lúc này, các huyện Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa đều huy động gần hết lực lượng của huyện để bổ sung cho các huyện, thị phía trước. Các tỉnh thuộc Quân khu 4 vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại vừa tuyển quân khẩn trương bổ sung vào



*Cuộc chống trả
không cân sức của
các chiến sĩ ta*

Ảnh: Đoàn Công Tính

mặt trận Quảng Trị. Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 không những bổ sung lẻ hoặc đưa hết các đơn vị quân tăng cường, mà còn đưa gọn cả hai khóa học viên sĩ quan và hạ sĩ quan (350 cán bộ) chưa kịp học hết chương trình cùng với một phần ba số cán bộ khung và giáo viên của trường quân chính và trường hạ sĩ quan của Quân khu vào mặt trận Quảng Trị. Ngày 15 tháng 9 năm 1972, tiểu đoàn 3 (Lữ đoàn 147) của địch chiếm góc đông - bắc thành và toàn bộ phía Nam trong thành, dồn toàn bộ lực lượng lên điểm đầu chiếm Thành cổ vào ngày hôm sau. Các lực lượng của ta chiến đấu giành giật với địch từng mô đất, mảng tường, góc hầm. Về ta, quân số thương vong lớn, lực lượng các đơn vị còn lại rất mỏng. Trước tình hình đó, Ban Chỉ huy quyết định 22 giờ ngày 15 tháng 9 sẽ cho các đơn vị không còn khả năng chiến đấu và thương binh rút dần sang tả ngạn sông Thạch Hãn. Lực lượng còn lại củng cố và đợi Trung đoàn 18 sang phản kích. Nhưng đến 1 giờ ngày 16 tháng 9, không có lực lượng nào sang phản kích, các lực lượng được lệnh rút qua sông Thạch Hãn.

Cuộc chiến đấu tại Thành cổ Quảng Trị kéo dài 81 ngày đêm. Từ một thị xã nhỏ ít ai biết đến, Thành Cổ, thị xã Quảng Trị đã trở thành trung tâm thu hút sự chú ý của nhân dân cả nước và thế giới bởi tính chất hung bạo của kẻ thù và tinh thần anh dũng vô song của đồng bào và chiến sĩ ta. Địch đã huy động vào đây những sư đoàn thiện chiến nhất, những đơn vị binh chủng trang bị tối tân nhất lại được quân Mỹ trang bị tối đa về hỏa lực, khối lượng bom đạn tương đương 7 quả bom nguyên tử ném xuống Hirôshima năm 1945.

Cuộc chiến đấu dài ngày ở Thành Cổ Quảng Trị đã góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh ngoại giao kiên trì và bền bỉ của ta trên bàn Hội nghị ở Pari, tạo điều kiện cho toàn mặt trận chuyển hẳn sang thế trận mới, tiếp tục đánh địch phản kích, bao vệ vùng giải phóng.

Ngày 22 tháng 9 năm 1972, Mỹ - ngụy tuyên bố chấm dứt cuộc hành quân “Lam Sơn 72” nhằm mở rộng bàn đạp ra phía đông và phía tây thị xã.

Từ đó cho đến tháng 01 năm 1973, các lực lượng vũ trang Quảng Trị cùng bộ đội chủ lực tiếp tục bẻ gãy các cuộc hành quân của địch định nhằm tràn sang phía Bắc sông Thạch Hãn.

Chiến dịch tiến công, giải phóng tỉnh Quảng Trị và cuộc chiến đấu bảo vệ vùng giải phóng năm 1972 trên hướng Trị - Thiên không những là mốc lịch sử chói lọi của quân và dân Trị - Thiên, của quân và dân mặt trận Quảng Trị, mà còn là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược quan trọng. Nhiều binh đội lớn của địch bị diệt hoặc bị tiêu hao nặng (sư đoàn 3 bộ binh ngụy, các lữ đoàn dù và thủy quân lục chiến ngụy). Đó là đòn chí mạng đối với cả Mỹ lẫn ngụy khi chúng phải mất hơn 80.000 quân trên một hướng, trong gần 1 năm, khi mà chúng đang đặt hy vọng vào quân ngụy sẽ là “xương sống” của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” thay cho quân Mỹ “rút dần trong danh dự”.

Lần đầu tiên, một tỉnh ở miền Nam, tuyến đầu rắn chắc của chế độ tay sai Sài Gòn, được giải phóng, mặc dù sau đó địch điên cuồng phản kích chiếm lại nhưng không thực hiện nổi. Vùng giải phóng Quảng Trị nối liền với miền Bắc xã hội chủ nghĩa, được nhanh chóng xây dựng thành hậu phương trực tiếp của cách mạng miền Nam.

Thắng lợi ở mặt trận Quảng Trị trong năm 1972 đã góp phần thực hiện tích cực quyết tâm chiến lược của Trung ương Đảng. Cùng với thắng lợi của cả nước, nổi bật vào cuối năm 1972 là quân và dân Hà Nội đã đánh thắng cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ, làm thất bại mưu đồ đàm phán trên thế mạnh của Mỹ, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, rút hết quân Mỹ, quân các nước phụ thuộc Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, làm cho so sánh lực lượng thay đổi hẳn có lợi cho ta trong thời gian tiếp theo.

*Theo cuốn: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị
Tập 2 - Nxb Chính trị Quốc gia – 1999*

Thiên anh hùng ca về lòng dũng cảm

*Trung tướng SÙNG LÃM
Nguyên Tư lệnh Sư đoàn 320B
(nay là Sư đoàn 390)*

Thị xã và Thành cổ Quảng Trị nằm bên bờ phía đông sông Thạch Hãn tiếp giáp hai huyện Triệu Phong - Hải Lăng, diện tích hơn 4km², năm 1972 có 14.000 dân đã sơ tán. Đứng về mặt quân sự chỉ là một mục tiêu có tính chất chiến thuật. Nhưng để phục vụ nhiệm vụ chính trị và yêu cầu trực tiếp của cuộc đấu tranh ngoại giao lúc đó thì rất quan trọng.

Tối 26 tháng 6 năm 1972

Đồng chí Hải Như, Tham mưu trưởng Trung đoàn 48, đến sở chỉ huy báo cáo với Bộ Tư lệnh Sư đoàn 320B về tình hình đơn vị. Tôi và Chính ủy Nguyễn Duy Tường biểu dương Trung đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mặt trận giao cho trong chiến dịch tấn công giải phóng Quảng Trị và ra lệnh sơ bộ cho trung đoàn phải khẩn trương chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng vào chiến đấu bảo vệ thị xã Quảng Trị.

Quán triệt quyết tâm của Quân ủy Trung ương: chỉ có một khả năng giữ vững Quảng Trị, đánh bại cuộc hành quân của địch, Bộ Tư lệnh Mặt trận Trị - Thiên chủ trương: Tăng cường và chi viện cho lực lượng giữ thị xã Quảng Trị; đồng thời liên tục tổ chức những trận phản kích từ hai bên sườn, chủ yếu là từ hướng tây, từng bước đánh bại ý đồ của địch nhằm chiếm thị xã nhanh chóng.

22 giờ ngày 30 tháng 6

Thiếu tướng Lê Trọng Tấn, Tư lệnh mặt trận Trị - Thiên, giao nhiệm vụ cho “Trung đoàn 48, Sư đoàn 320B cùng Tỉnh đội Quảng Trị tổ chức bảo vệ khu vực La Vang, Tích Tường, nhà ga, ngã ba Long Hưng, Tri Bưu, dùng vật cản kết hợp hỏa lực,

tổ chức chiến đấu chặt chẽ, kiên quyết không để địch vào thị xã Quảng Trị...”. Cuộc họp Thường vụ Đảng ủy được tiến hành khẩn trương để quán triệt nhiệm vụ, thông qua quyết tâm chiến đấu của trung đoàn trưởng, bàn việc lãnh đạo công tác tư tưởng, cách đánh và công tác bảo đảm chiến đấu khác.

* DIỄN BIẾN CHIẾN ĐẤU Ở THỊ XÃ

Ngày họp lại Hội nghị Paris càng đến gần, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh cho Ngô Quang Trưởng phải cầm được cờ trong thị xã.

Từ ngày 4 đến 10 tháng 7

Sư đoàn dù của địch tổ chức đánh chiếm thị xã lần thứ nhất. Sư đoàn thủy quân lục chiến của địch đánh lên phía bắc để hỗ trợ sườn đông của sư đoàn dù. Từ 4 đến 7 tháng 7 địch tiến công liên tục vào trận địa quân ta. Thám báo biệt kích tung vào



thị xã đều bị ta diệt và đẩy lùi. Trận đánh của Tiểu đoàn 8, Tỉnh đội Quảng Trị ở Thạch Hãn và trận đánh của Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 48 ở Quy Thiện, Trầm Lý, ta diệt 150 tên, số còn lại tháo chạy, bỏ xác đồng bọn nằm la liệt trước trận địa của ta.

Ngày 10 tháng 7

Từ mờ sáng bom pháo địch dồn dập đánh vào các trận địa quân ta. Pháo binh, súng cối ta cũng bắn cấp tập vào khu vực án Thái, Đại Nại, nơi bộ binh, xe tăng địch tập trung, làm chúng bị

Bị thương cũng không rời trận địa

Ảnh: Đoàn Công Tĩnh

thương vong nặng, buộc phải tạm dừng cuộc tiến công để xốc lại lực lượng. Suốt ngày 10.7, quân địch tập trung một lực lượng lớn tiến công vào hướng đông - nam và đông - bắc vẫn không sao bẻ gãy tới thị xã được, mà còn bị thiệt hại nặng nề, bỏ lại 500 xác đồng bọn và 12 xe tăng, thiết giáp trước trận địa quân ta. 19 giờ cùng ngày, Bộ Chỉ huy mặt trận gửi điện khen ngợi lực lượng bảo vệ thị xã Quảng Trị: “Ngày 10 tháng 7 là ngày cao điểm, địch tập trung cố gắng chiếm Quảng Trị, nhưng chúng đã thất bại. Bộ Chỉ huy mặt trận tin tưởng các đồng chí làm tròn nhiệm vụ vẻ vang”.

Các lực lượng ở hướng đông và hướng tây đã tích cực đánh địch để chi viện, chia lửa với lực lượng chiến đấu bảo vệ thị xã.

- Hướng tây - nam: Trung đoàn 66 và 24 Sư đoàn 304 đánh địch ở Phú Long và Cây Lòi, chặn được bước tiến của sư đoàn dù nguy.

- Hướng đông: các trung đoàn 27, 64, sư đoàn 320B; Trung đoàn 18, Sư đoàn 325, Tiểu đoàn 47, Khu đội Vĩnh Linh, Tiểu đoàn 10, Tinh đội Quảng Trị cùng quân dân huyện Hải Lăng đã chặn được địch ở tuyến Ngô Xá, Cù Hoan, Trà Trì, Hà Lộc không cho sư đoàn thủy quân lục chiến tiến vào đông - bắc thị xã. Tôi với cương vị tư lệnh cánh đông lúc đó, còn nhớ và không bao giờ quên tấm gương chiến đấu kiên cường, người chỉ huy kiên quyết vào tảo bạo của Huyện đội phó Hải Lăng, chị Trần Thị Tâm chỉ huy du kích đánh bại một tiểu đoàn thủy quân lục chiến được pháo binh, xe tăng yểm trợ ở Hải Quế, bảo vệ ngã ba trọng yếu tiến vào thị xã Quảng Trị. Đồng chí Tâm bị hi sinh vào phút chót.

Trong cuộc tiến công này, địch không chiếm được thị xã trước ngày 10 tháng 7. Thương vong của cả hai bên là không nhỏ.

Đêm 10 tháng 7

Chính ủy Trung đoàn Trần Quang Tùy vào thị xã phổ biến nghị quyết của Đảng ủy và chỉ thị của Tư lệnh mặt trận, tiến hành rút kinh nghiệm chiến đấu, bổ sung phương án tác chiến và quát triệt nghị quyết Đảng ủy sư đoàn: “Quyết đánh, biết đánh” - chủ động tích cực tiến công địch để giữ vững mục tiêu phải bảo vệ. Các đồng chí trung đoàn phó Trần Minh Vân, Tham mưu trưởng Hải Như và chỉ huy các đơn vị hứa quyết tâm thực hiện khẩu hiệu: “48 còn - Quảng Trị còn”. Trần Minh Vân, Trung đoàn phó Trung đoàn 48, trực tiếp chỉ huy lực lượng trong thị xã, còn rất trẻ. Anh là người chỉ huy xông pha, tảo bạo, đã nói là làm bằng được.

Trong thời gian chuẩn bị đánh địch tiến công lần thứ hai, các đồng chí lãnh đạo tỉnh, huyện phân công: Phó Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Văn Dũng, ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Nguyễn Văn Lương theo phụ trách chỉ đạo các huyện Triệu Phong, Hải Lăng, thị xã Quảng Trị, Bí thư Huyện ủy Hải Lăng Lê Văn Hoan luôn phải có mặt ở những nơi nóng bỏng, sát cơ sở để động viên, giúp đỡ địa phương, đơn vị chuẩn bị chiến đấu, phối hợp và hỗ trợ bộ đội bảo vệ Quảng Trị. Sư đoàn 325 (thiếu) vào Bắc Quảng Trị.

Bộ Tư lệnh chiến dịch (mặt trận) điều Trung đoàn 95, Sư đoàn 325 và một tiểu đoàn cao xạ triển khai tại khu vực lực lượng bảo vệ thị xã, điều Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 9 và Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 64 phối thuộc Trung đoàn 48 để đủ sức bảo vệ thị xã.

Từ ngày 14 tháng 7 đến 27 tháng 7

Địch tổ chức tấn công lần thứ hai định chiếm thị xã trước ngày 18 hoặc 27 tháng 7.

Sư đoàn dù của địch cho một cánh quân từ ngã ba Long Hưng tiến đánh Quy Thiện, Tri Bưu uy hiếp phía đông thị xã, một cánh quân đánh ra Tích Tường - Như Lệ cắt đường tiếp tế cho thị xã từ hướng nam. Sư đoàn thủy quân lục chiến tiến sát sông Vĩnh Định cố chiếm An Tiêm, Nại Cử, Bích La Đông, bao vây thị xã từ hướng đông - đông bắc.

Ta dự đoán được ý đồ của địch nên đã tích cực ngăn chặn, kết hợp phản kích, đánh bại cuộc tiến công lần hai của địch. Ta đã diệt được nhiều địch, đánh quỵ một lữ đoàn dù, một tiểu đoàn thủy quân lục chiến, loại hai đơn vị này ra ngoài vòng chiến. Ý định của địch chiếm thị xã trước ngày 18 và 27 tháng 7 không thực hiện được. Tuy vậy, sức chiến đấu của bộ đội ta đã giảm sút, địch chiếm được làng Tri Bưu, Cổ Thành và khu vực chợ Sãi, hình thành thế bao vây ta ba mặt. Trong lần này có những trận đánh có hiệu suất chiến đấu cao, tác động cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân ta như:

- Trung đoàn 88, Sư đoàn 308 cùng Trung đoàn 48, Sư đoàn 320B chiếm lại được Long Hưng bắc, ngã tư đường sắt.

- Trung đoàn 66, Sư đoàn 304 chốt giữ được Phú Long.

- Tiểu đoàn 8, Tinh đội Quảng Trị cùng Trung đoàn 48 chiếm lại nhà thờ Thạch Hãn và ngã tư đường 1.

Từ 11 đến 13 tháng 7

Trung đoàn 27 và Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 64 có xe tăng và pháo binh chi viện diệt gần hết tiểu đoàn thủy quân lục chiến, bắn rơi 11 máy bay trực thăng ở khu vực An Tiêm - Nại Cử.

Đại đội 5 Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 48 chốt giữ ngã ba Long Hưng (cửa ngõ chủ yếu tiến vào đông - nam thị xã) do Vũ Trung Thương chỉ huy đã liên tục chiến đấu bảy ngày đêm, diệt hai đại đội và đánh thiệt hại hai đại đội khác của Lữ đoàn 2 dù, bắn cháy, bắn hỏng mười chiếc xe tăng; giữ vững chốt thép ngã ba Long Hưng.

Trên cánh đông, Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 48 được tăng cường Tiểu đoàn 66 xe tăng, thiết giáp cùng quân dân địa phương đánh bại cuộc đổ bộ bằng đường không của địch xuống khu vực Lệ Xuyên (ngày 22 tháng 7) của tiểu đoàn 9 và tiểu đoàn 6 thủy quân lục chiến ở phía Linh Chiêu lên phối hợp định chiếm cảng Cửa Việt.

Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 95, Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 64 đã kịp thời tham chiến,



Đồng đội

Ảnh: Đoàn Công Tính

cùng với Trung đoàn 48 đã kiên cường, liên tục phản kích giữ vững khu vực thành cổ Quảng Trị.

Ngày 14 tháng 7

Mặt trận cử đồng chí Dưỡng, tham mưu phó và đồng chí Bình, Cục phó Chính trị mặt trận thành lập Bộ Chỉ huy và Ban cán sự thị xã. Sau một thời gian ngắn, đồng chí Dưỡng bị thương nặng, đồng chí Trịnh Hồng Thái, Tham mưu trưởng Sư đoàn 320B vào thay cũng bị thương nặng.

Ngày 20 tháng 7

Mặt trận quyết định thành lập Ban Chỉ huy Thị xã do Trung đoàn trưởng Trung đoàn 48 Lê Quang Thúy làm Chỉ huy trưởng; Chính ủy Trung đoàn 95 Nguyễn Văn Thiện làm Chính ủy; các trung đoàn phó của hai trung đoàn này làm chỉ huy phó.

Từ 29 tháng 7 đến trung tuần tháng 8 tháng 1972

Sư đoàn dù địch mất sức chiến đấu phải rút ra củng cố. Sư đoàn thủy quân lục chiến vào thay áp dụng chiến thuật mới “lấn dũi”, sử dụng tối đa hỏa lực của không quân, hải quân, pháo binh, xe tăng chi viện bộ binh đánh chiếm mục tiêu. Về phía ta, Bộ Tư lệnh chiến dịch tăng cường Trung đoàn 165, Sư đoàn 312 cho Sư đoàn 308. Trung đoàn 95, Sư đoàn 325 chuyển sang tăng cường cho bảo vệ thị xã. Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 64 vào thay cho Tiểu đoàn 9 rút ra củng cố. Chủ trương của ta diệt cho được một tiểu đoàn địch, cải thiện thế phòng thủ của ta ở phía nam. Hướng tây nam, Sư đoàn 308 tiến công địch ở điểm cao 105B, khu vực Tích Tường, Thạch Hãn, nhưng kết quả hạn chế. Hướng đông, Trung đoàn 27 và Trung đoàn 101, Sư đoàn 325 đánh

địch ở Nại Cửu, chợ Sãi. Lực lượng bảo vệ thị xã chiến đấu giữ vững trận địa. Đặc công của K1, KS hải quân tập kích vào cảng Mỹ Thủy và trận địa pháo binh ở Hải Lăng, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Ta có tăng thêm lực lượng mới vào một số trung đoàn, nhưng sức chiến đấu không mạnh hơn, địch dốc kiệt sức ra mà vẫn không vào được thị xã, những trận phản kích của ta không đạt yêu cầu. Thị xã Quảng Trị vẫn bị địch uy hiếp cả ba mặt. Ngày 9 tháng 8, Bộ Tư lệnh chiến dịch (Mặt trận Trị - Thiên) giao cho Sư đoàn 325 lãnh đạo chỉ huy chung và đảm bảo các mặt cho lực lượng chiến đấu bảo vệ thị xã Quảng Trị nhưng về tác chiến chiến dịch vẫn chỉ huy vượt cấp đến Ban chỉ huy thị xã. Thượng tá Lê Kích (người hàng xóm láng giềng), Sư đoàn trưởng 325, ở hướng tây, Sư đoàn 320B chúng tôi ở hướng đông chiến đấu bảo vệ Quảng Trị.

Từ 20 tháng 8 đến cuối tháng 8 năm 1972

Mỹ - ngụy vẫn dùng cách đánh ấy, lại dùng hỏa lực của không quân, hải quân, pháo binh bắn với mật độ cao, cường độ lớn để yểm trợ cho sư đoàn thủy quân lục chiến tiến công vào thị xã và một lữ đoàn dù mới hồi sức lần ra phía tây để bảo vệ sườn bên trái cho sư đoàn thủy quân lục chiến. Ta chủ trương phản kích lần này, nhằm diệt hai đến ba tiểu đoàn, phá thế uy hiếp cả ba mặt đông - nam và tây - nam.



Sư đoàn 308 điều các Trung đoàn 88 và 102 tiến công một tiểu đoàn thủy quân lục chiến ở ngã tư Thạch Hãn và ngã ba Long Hưng, sau 30 phút chiến đấu ta chiếm giữ khu vực này được sau một ngày, bị máy bay và pháo binh của địch bắn phá ác liệt, ta thương vong nhiều phải bật ra ngoài. ở khu vực Tích Tường, các Trung đoàn 36 và 165 sư đoàn 312 chốt chặn kết hợp phản kích, ta đánh thiệt hại lữ đoàn dù, giữ vững trận địa.

*Chiến đấu dũng cảm
bảo vệ vùng mới giải phóng*

Ảnh: Đoàn Công Tĩnh

Hướng đông - Trung đoàn 101, Sư đoàn 325 đánh địch ở chợ Sãi. Trung đoàn 27 đánh chiếm Bích La Trung và một phần Nại Cửu.

Trong thị xã, Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 95 tập kích diệt một đại đội địch ở khu vực Tri Bưu. Lữ đoàn 258 thủy quân lục chiến của địch liên tục phản kích hòng chiếm lại khu vực đã mất bị Tiểu đoàn 5 chốt kết hợp phản kích đẩy lùi, diệt thêm nhiều địch. Các đơn vị khác trong thị xã đều tích cực đánh địch giữ vững trận địa.

Trận phản kích lần này, ta diệt được nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch. Thế phòng thủ ở thị xã được cải thiện một phần, nhưng không đạt yêu cầu đề ra. Thị xã vẫn bị uy hiếp cả ba mặt.

Những ngày cuối tháng 8 tháng 1972

Lũ lụt rất lớn, nước các sông Thạch Hãn, Vĩnh Định, Nhùng bao quanh thị xã Quảng Trị đột ngột dâng cao, chảy cuồn cuộn, muốn đẩy mọi thứ ra biển Đông. Nước tràn vào thị xã, ngập hết công sự, hầm hào, ảnh hưởng xấu đến đời sống và sức chiến đấu của bộ đội. Đồng chí Phan Trần Thắng, Phó Chính ủy Trung đoàn 48 báo cáo với Sư đoàn 320B về tình hình đơn vị bảo vệ thị xã rất khó khăn: hàng trăm liệt sĩ, thương binh nằm lại, lương thực, thực phẩm còn một, hai ngày, súng đạn thiếu, quân số còn quá ít, tiểu đoàn còn dưới 50 người, đại đội còn trên dưới mười tay súng, nước sạch không có để dùng... đề nghị sư đoàn cấp cứu giúp đỡ. Cùng ngày, chính ủy mặt trận chỉ thị cho Bộ Tư lệnh sư đoàn của đoàn cán bộ ba cơ quan tham mưu, chính trị và hậu cần xuống ngay kiểm tra, giải quyết tại chỗ. Chỉ thị cho các đại đội vận tải, công binh công trình, thông tin và đội phẫu thuật tiếp tục xuống ngay giúp Trung đoàn 48.

Những ngày đầu tháng 9 đến 14 tháng 9 năm 1972

Địch tăng cường lực lượng ra Quảng Trị, hai lữ đoàn biệt động quân số 1 và 2, một thiết đoàn xe tăng, thiết giáp, một số đơn vị pháo binh, súng phun lửa. Ý đồ của Mỹ - ngụy tiếp tục mở cuộc tiến công mới (lần thứ 5) đánh chiếm thị xã Quảng Trị trước ngày 14 tháng 9 để phục vụ yêu cầu cho Hội nghị ở Paris.

Về ta: chủ trương mở đợt “đòn” tiến công trên toàn mặt trận, thời gian từ 5 đến 7 ngày, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, đẩy lùi chúng một bước nữa, chuẩn bị điều kiện đánh bại cuộc hành quân của Mỹ - ngụy. Tình hình ta đến đầu tháng 9 năm 1972 có tới 5 sư đoàn bộ binh (304, 308, 312, 320B, 325) và các sư đoàn, trung đoàn pháo phòng không và tên lửa, pháo binh, xe tăng, thiết giáp, công binh, hóa học, thông tin, vận tải... và một bộ phận lực lượng hải quân (K1 và K5), nhiều tiểu đoàn đặc công, súng máy 12 ly 7 và bộ đội địa phương. Nhưng quân số, sức chiến đấu của một số đơn vị giảm sút. Về địch cũng bị tổn thất lớn. Nhưng địch vẫn thay quân, bổ sung quân số, vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật nên phục hồi sức chiến đấu nhanh. Chúng tiếp tục cuộc tiến công lần thứ 5 vào thị xã, song đã vấp phải sự chống trả kiên cường của lực lượng bảo vệ thị xã và lực lượng chủ lực quân ta ở cánh đông và cánh tây. Ta liên



*Giành lại từng căn nhà
trong thị xã Quảng Trị*

Ảnh: TL

tục phản kích (tiến công) vào đội hình tiến công của chúng, diệt nhiều địch. Có những trận đánh tốt, hiệu suất chiến đấu cao như các trung đoàn 64 và 27, Sư đoàn 320B diệt nhiều địch ở Bích La Đông, Bích La Trung, phá vỡ một mắt xích quan trọng ở phòng tuyến sông Vĩnh Định, bảo vệ hữu hiệu hướng đông thị xã Quảng Trị. Trận đánh diệt địch của Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 95 ở khu vực nam Tri Bưu, trận đánh của Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 48 và một đại đội Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 ở Hành Hoa (quân số ta chỉ có 90 người mà diệt 200 địch, bắn cháy bốn xe tăng...).

Cuộc chiến đấu 81 ngày đêm ở thị xã Quảng Trị anh hùng vô cùng gian khổ và ác liệt. Các chiến sĩ ta chiến đấu anh dũng, kiên cường, giành giật với địch từng khu vực mục tiêu, từng căn nhà, bức tường, đồng gạch đổ nát, góc thành, công sự hầm hào, không chịu lùi bước trước quân thù, không chịu rời trận địa chiến đấu của mình.

02 giờ ngày 16 tháng 9 năm 1972

Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định cho các đơn vị còn lại rời khỏi thị xã Thành Cổ Quảng Trị rất đổi thân thương, rút về phía sau để chuẩn bị cho trận chiến đấu mới.

PHẦN THỨ BA

Tên Anh đã thành TÊN ĐẤT NƯỚC

- Trong 81 ngày đêm chiến đấu vô cùng anh dũng trong chiến dịch bảo vệ Thành Cổ Quảng Trị mùa hè năm 1972, đã có hàng ngàn người con ưu tú hy sinh vì nền độc lập tự do của dân tộc.

Tên các Anh đã thành tên đất nước!

Và, trong “Tượng đài bằng chữ” thiêng liêng này, chúng tôi xin trân trọng được lưu danh các anh với lòng tri ân sâu nặng nhất, để đời đời các thế hệ nhớ mãi về công lao, về sự hy sinh cao cả của các anh cho sự trường tồn của dân tộc.

Thư ngỏ

Cùng độc giả và các thân nhân gia đình liệt sĩ!

Ban biên soạn, những người thực hiện nội dung cuốn sách *Huyền thoại Thành Cổ Quảng Trị* (81 ngày đêm mùa hè đỏ lửa - 1972) xin có đôi lời bộc bạch: Kể từ ngày khởi xướng và bắt tay thực hiện cuốn sách (10-2009) đến nay, quả thực có bao điều đáng nhớ và trân trọng.

Trước hết, đó là sự quan tâm hun đúc cháy bỏng khát vọng làm cuốn sách của Ban Giám đốc Trung tâm Thông tin Truyền thông Vì môi trường phát triển; Dự án Văn hóa Uống nước nhớ nguồn; Ban Giám đốc Nhà xuất bản Quân đội nhân dân; Ban liên lạc Cựu chiến binh bảo vệ Thành cổ Quảng Trị - 1972. Mà trực tiếp là Nhà thơ, Nhà báo Đoàn Mạnh Phương - Giám đốc Trung tâm Thông tin Truyền thông Vì môi trường phát triển, Giám đốc Dự án Văn hóa Uống nước nhớ nguồn; Đại tá, Tiến sĩ Phạm Bá Toàn - Giám đốc, Tổng Biên tập Nhà xuất bản Quân đội nhân dân; Đó còn là sự tận tụy không quản ngại khó khăn của Đại tá Trần Ngọc Long - Cựu chiến binh Thành cổ Quảng Trị, như chính ông nói “có sự may mắn” được trở về nguyên vẹn sau cuộc chiến ở Thành cổ Quảng Trị - 1972 và ông đã hết lòng vì đồng đội, dành nhiều thời gian công sức tìm gặp, chấp nối để lần đầu tiên có được danh sách Liệt sĩ - những cán bộ chiến sĩ của các đơn vị đã anh dũng hy sinh khi trực tiếp chiến đấu tại Thành Cổ và chiến đấu trên các hướng bảo vệ thị xã - Thành cổ Quảng Trị.

Cùng đó là sự vận động tích cực của tập thể cán bộ, phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên đã tạo nên được sự đồng thuận chung tay góp sức của các cấp chính quyền, các cơ quan, đơn vị trong và ngoài quân đội; sự ủng hộ đông đảo của đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp trên cả nước. Chính điều này là sự động viên khích lệ lớn lao đã tạo điều kiện cho Ban biên soạn, Ban biên tập vượt qua mọi khó khăn trở ngại để làm nên cuốn sách giàu ý nghĩa này.

Tuy nhiên, do điều kiện thời gian, quá trình lưu trữ ở các đơn vị có sự thay đổi nhiều về nhân sự, về điều kiện bảo quản, có những đơn vị sau cuộc chiến 81 ngày đêm bảo vệ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 đã giải thể, nhiều nhân chứng tuổi đã cao hoặc đã mất, nên khó có thể tránh khỏi những khiếm khuyết, sai sót về những thông tin liên quan đến liệt sĩ. Mong rằng, ở nơi chín suối vong linh các liệt sĩ lượng thứ và vẫn luôn an thỏa.

Trân trọng cảm ơn!

BBT

**LIỆT SỸ THUỘC CÁC ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU
BẢO VỆ THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ 81 NGÀY ĐÊM**
(từ ngày 28 tháng 6 đến ngày 16 tháng 9 năm 1972)

BẮC KẠN

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	TRIỆU VIỆT CƯỜNG	1945	Thượng Giáo, Ba Bể	c9 d3 Quảng Trị	16-7-1972
2	DƯƠNG VĂN KHUÔNG	1946	Mai Lạp, Chợ Mới	d1/ e84	3-9-1972
3	DY Á LẾN	1949	Tú Trĩ, Bạch Thông	d3 Quảng Trị	6-8-1972
4	ĐỒNG PHÚC PHIA	1952	Ngọc Phái, Chợ Đồn	d4/e95	2-9-1972

BẮC GIANG

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN ĐÌNH BA	1953	Đan Hội, Lục Nam	c3/d4/e165	24-8-1972
2	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	1952	226, Tiên Giang, TP. Bắc Giang	d bộ d5	20-8-1972
3	NGÔ ĐỨC CHUNG	1949	Ngô Quyền, TP. Bắc Giang	d8 Quảng Trị	7-1972
4	HÀ VĂN CÒ		Phượng Sơn, Lục Ngạn	d3 Quảng Trị	1972
5	NGUYỄN VĂN CỨ	1946	Tiên Lục, Lạng Giang	d6/e95	29-7-1972
6	NGUYỄN QUANG DUNG	1952	Tân Thịnh, Lạng Giang	d4/e95	10-8-1972
7	DƯƠNG QUANG HỌC	1947	Quảng Minh, Hiệp Hòa	e48/f320b	12-8-1972
8	NGUYỄN THÀNH KHOA	1946	Quế Nham, Tân Yên	c5/d5	19-8-1972
9	NGUYỄN VĂN LONG	1952	Liên Sơn, Tân Yên	d6/e95	21-7-1972
10	GIÁP VĂN NAY	1954	Thái Đào, Lạng Giang	c6/d5/e165	20-8-1972
11	HÀ VĂN NGẠCH	1950	Đoan Bái, Hiệp Hòa	d4/e95	4-8-1972
12	MẪU XUÂN NGHĨA	1951	Bắc Lý, Hiệp Hòa	d20	12-8-1972
13	TRỊNH VĂN NGOẠN		Đồng Lạc, Yên Thế	d6/e95	28-7-1972
14	NINH VĂN NHẪM	1948	Lễ Viên, Sơn Động	d6/e95	28-7-1972
15	ĐOÀN VĂN PHA	1953	Đại Lâm, Lạng Giang	c5/d5/e165	14-8-1972
16	TRẦN VĂN QUẢNG	1943	Lào Hộ, Yên Dũng	e48f320b	12-9-1972
17	LÊ ĐỨC TÀI	1954	Thái Đào, Lạng Giang	c6/d5/e165	20-8-1972
18	NGUYỄN HỮU TÀI	1948	Quảng Minh, Việt Yên	d4/95	31-7-1972
19	NGUYỄN DUY TÂN	1950	Quang Châu, Việt Yên	PHC	13-8-1972
20	TRỊNH QUỐC THẮNG	1950	Ngô Quyền, TP. Bắc Giang	d8 Quảng Trị	9-1972
21	TRỊNH QUỐC THÀNH	1949	Ngô Quyền, TP. Bắc Giang	d8 Quảng Trị	7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
22	NGUYỄN VĂN THỜI	1950	Tiên Lương, Lục Nam	d4/e95	10-8-1972
23	NGUYỄN XUÂN THU		Thanh Sơn, Lục Nam	d3 Quảng Trị	3-8-1972
24	NGUYỄN VĂN THUÝ	1954	Dĩnh Trì, Lạng Giang	c6/d5	8-9-1972
25	VŨ VĂN TRẦN	1950	Phố Ngô Quyền, TP Bắc Giang	d4/e95	25-8-1972
26	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	1950	Ngô Quyền, TP. Bắc Giang	d8 Quảng Trị	9-1972
27	KIỀU HẢI TUYẾN	1946	Hồng Giang, Lục Ngạn	d6/e95	12-9-1972
28	NGUYỄN ĐÌNH VIÊN	1952	Mỹ Hà, Lạng Giang	c18	4-9-1972
29	NGUYỄN ĐÌNH VĨNH	1942	Tiên Lục, Lạng Giang	d6/e95	16-7-1972

BẮC NINH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN HỒNG BIẾNG	1941	Lãng Ngâm, Gia Bình	f320b	3-7-1972
2	NGÔ ĐÌNH BÌNH	1951	Phúc Lâm, Tiên Du	c5/d5	18-8-1972
3	NGUYỄN VĂN CÚC	1950	Đồng Quang, Từ Sơn	d5/e95	14-7-1972
4	ĐỖ ĐÌNH CHẮT	1952	Tân Lãng, Gia Lương	e45	6-7-1972
5	NGUYỄN VĂN ĐỀ	1945	Thái Hoà, Quế Võ	d1/e84	21-7-1972
6	NGUYỄN DUY ĐỦ	1952	Đại Đồng, Tiên Du	d6/e95	9-1972
7	ĐỖ VĂN HÓA	1950	An Thịnh, Lương Tài	d5/e95	8-8-1972
8	LÊ THANH HỘI	1944	Trung Chính, Gia Lương	e38	02-8-1972
9	TRẦN QUỐC HÙNG	1947	XN thủy tinh, Tiên Du	c2/d4/e88/f308	8-9-1972
10	NGUYỄN VĂN HÙNG	1947	Trung Khê, Lương Tài	d4/e95	10-8-1972
11	SÁI VĂN KHÁI	1938	Song Liễu, Thuận Thành	c18/e102/f308	17-8-1972
12	ĐỖ VƯƠNG KHÁI	1950	Công Lục, Quế Võ	c6/d5/e95	12-8-1972
13	NGUYỄN VĂN KHÁNG	1949	Phá Lãng, Lương Tài	c5/d5/e88/f308	7-8-1972
14	NGUYỄN SỸ KHƯƠNG	1936	Kim Chân, Quế Võ	c2/d1/e36/f308	13-8-1972
15	NGUYỄN HỮU LẠM	1947	Cao Đức, Gia Bình	d5/e95	7-8-1972
16	NGUYỄN VĂN LĂNG	1949	Trạm Nội, Thuận Thành	c2/d1/e36/f308	13-8-1972
17	NGUYỄN HỮU LƯU	1949	Vân Dương, Quế Võ	d5/e95	27-7-1972
18	ĐỖ VĂN LÝ	1952	Phượng Hoàng, Tiên Du	c7/d5	12-9-1972
19	HOÀNG ĐĂNG MIỆN	1953	Xuân Lai, Gia Bình	c9/d6/e95	9-9-1972
20	TRẦN VIẾT ỚN	1947	An Thịnh, Lương Tài	PHC	29-6-1972
21	NGUYỄN VĂN PHỔ	1952	Đồng Nguyên, Tiên Sơn	e27f320b	17-8-1972
22	NGUYỄN TÂN QUANG	1953	Đường 18, TP Bắc Ninh	d6/e95	24-7-1972
23	NGUYỄN HỮU SẴN	1948	Phú Lâm, Tiên Du	d5/e95	1-9-1972
24	NGUYỄN VĂN TÀI	1938	Nguyệt Đức, Thuận Thành	c16/e102/f308	15-8-1972
25	VŨ VĂN THÁI	1954	58, đường 18, TP. Bắc Ninh	c1/d4	24-8-1972
26	PHẠM TRUNG THÀNH	1952	Đại Lâm, Quế Võ	e45	26-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
27	ĐINH VĂN THẮNG	1948	Băng An, Quế Võ	d/d5	22-7-1972
28	NGUYỄN XUÂN THỈNH	1949	Mão Điền, Thuận Thành	d6/e95	28-7-1972
29	NGUYỄN TIẾN THỊNH	1947	Liên Bảo, Tiên Du	d75/e84	13-9-1972
30	NGUYỄN VĂN THUẦN	1951	Lộc Vệ, Tiên Du	c5/d5	13-9-1972
31	NGÔ VĂN TÍCH	1953	Phúc Lâm, Tiên Du	c8/d5	23-8-1972
32	NGUYỄN VĂN TIẾN	1953	Sông Cầu, TP. Bắc Ninh	c10/d6/e95	2-8-1972
33	NGUYỄN VIẾT TÍNH	1949	Đại Bái, Gia Bình	d4/e95	17-7-1972
34	TRẦN XUÂN TÌNH	1949	Liên Bảo, Tiên Du	d5/e95	27-7-1972
35	LAI GIA TÔN	1951	Vân Dương, Quế Võ	c2/d4	21-8-1972
36	NGUYỄN VĂN TUẤN	1953	Đồng Hạ, Từ Sơn	c1/d4/e95	21-8-1972
37	NGUYỄN HỮU TRINH	1953	Cảnh Hưng, Tiên Du	c5/d5	13-9-1972
38	ÂU DƯƠNG TUYẾT	1940	Cao Đức, Gia Bình	d6/e88/f308	28-7-1972
39	NGUYỄN TÁ VIỄN	1953	26 xóm Đạo, Đọ Xá	d/d6/e95	2-8-1972
40	LÂM ĐẠI XUYẾN	1949	Hoàng Sơn, Tiên Du	c18	4-9-1972
41	NGUYỄN QUANG Y	1945	5TK 3, Vệ An, TP. Bắc Ninh	c10/d6/e95	2-8-1972

BÌNH THUẬN

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	TÔ THÀNH LONG		Dân Tiến, Hàm Thuận	c24/e95	8-8-1972

CAO BẰNG

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NÔNG QUỐC DỊCH	1950	Đức Hồng, Trùng Khánh	d3 Quảng Trị	7-9-1972
2	TRỊNH VĂN HỌC	1951	Cai Lộ, Quảng Hòa	d1/e84	21-7-1972
3	VƯƠNG GA REN		Cao Bằng	d3 Quảng Trị	1972
4	HOÀNG VĂN SẦU	1952	Quang Vinh, Trà Lĩnh	e38	17-8-1972
5	MÃ VĂN VĨNH	1948	Cách Linh, Quảng Hòa	e38	18-7-1972

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	HỒ CÔNG ANH		Hòa Liên, Hòa Vang	BCT/e95	14-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

HÀ NAM

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	PHẠM VĂN BỐN	1943	Nam Hùng, Nam Ninh	368	24-8-1972
2	PHẠM HỒNG CĂN	1950	Trung Lương, Bình Lục	d8 Quảng Trị	25-8-1972
3	MAI HỒNG CHIÊM	1954	Liêm Thuận, Thanh Liêm	e48/f320b	29-6-1972
4	ĐÀO QUANG CHIẾN	1952	Thanh Nguyên, Thanh Liêm	d1/e36/f308	13-9-1972
5	NINH VĂN CHIẾN	1952	Lê Lợi, TX Phủ Lý	f320b	23-7-1972
6	LÊ VĂN CHÍNH	1953	Nguyên Lý, Lý Nhân	c20/e95	10-7-1972
7	TRƯƠNG BÁCH CHỦ	1953	Đạo Lý, Lý Nhân	f320b	11-9-1972
8	PHẠM THÀNH CHUNG	1950	Thụy Lôi, Kim Bảng	e64f320b	10-9-1972
9	PHẠM THANH CHUNG	1950	Thụy Lôi, Kim Bảng	e64f320b	10-7-1972
10	NGUYỄN VĂN CHUNG	1945	Nam Hạ, Duy Tiên	e27f320b	8-1972
11	NGUYỄN ĐỨC DIỆP	1948	Tiên Hải, Duy Tiên	d6/e95	9-8-1972
12	NGUYỄN VĂN ĐỘ	1950	An Đổ, Bình Lục	d19	24-8-1972
13	HOÀNG NGỌC DOANH	1942	Liên Cần, Thanh Liêm	f320b	14-8-1972
14	VŨ KHẮC HÀ	1952	Chuyên Ngoại, Duy Tiên	PHC	15-7-1972
15	NGUYỄN MẠNH HIỆP	1946	Trung Lương, Bình Lục	d5/e95	12-9-1972
16	NGUYỄN HÀ HINH	1943	Phù Vân, Kim Bảng	e38	02-8-1972
17	ĐỖ BÁ HỒNG	1950	Mỹ Thọ, Bình Lục	d4/e95	30-7-1972
18	TRỊNH QUỐC HÙNG	1947	Tràng An, Bình Lục	d6/e95	28-7-1972
19	PHAN KHẮC	1950	Tây Sơn, Kim Bảng	f320b	03-7-1972
20	NGUYỄN VĂN KHANH	1952	Hợp Lý, Lý Nhân	F320b	27-8-1972
21	NGUYỄN VĂN LỢI	1954	Lê Lợi, TX Phủ Lý	f320b	23-7-1972
22	TRẦN VĂN LUẬT	1950	Nhân Thắng, Lý Nhân	c8d2/e48/f320b	02-9-1972
23	ĐINH CÔNG MẮN	1953	Khả Phong, Kim Bảng	d6/e88/f308	5-8-1972
24	TRẦN VĂN MINH	1953	Duy Tân, Duy Tiên	c5d2/e48/f320b	15-7-1972
25	TRẦN XUÂN MỘC	1952	Hưng Công, Bình Lục	f320b	30-6-1972
26	NGUYỄN NGỌC NẮNG	1952	Tiên Nội, Duy Tiên	f320b	08-7-1972
27	TRƯƠNG CHÍ NGUYỄN	1947	Bồ Đề, Bình Lục	c12d3/e48/f320b	23-7-1972
28	VŨ HỒNG NHẬT	1952	Lê Hồ, Kim Bảng	e48/f320b	05-7-1972
29	PHẠM VĂN NHÌ	1945	Tiên Tân, Duy Tiên	c2/d1/e36/f308	10-7-1972
30	BÙI VĂN NHỞ	1953	Lý Nhân, Hà Nam	d6/e95	6-8-1972
31	LẠI HỒNG QUANG	1952	Ngọc Sơn, Kim Bảng	f320b	10-9-1972
32	NGUYỄN VĂN QUYỀN	1948	Phù Vân, Kim Bảng	e88/f308	8-9-1972
33	VŨ ĐỨC QUYNH	1953	Liên Sơn, Kim Bảng	c6d2/e48/f320b	30-7-1972
34	NGUYỄN VĂN SINH	1943	Thanh Nghị, Thanh Liêm	c18/e95	9-9-1972
35	NGUYỄN THANH SƠN	1952	Thanh Nguyên, Thanh Liêm	c14/e48/f320b	14-7-1972
36	TRẦN HỮU TẤN	1953	Nhân Hậu, Lý Nhân	d bộ 2/e48/f320b	19-7-1972
37	NGÔ VĂN THẮNG	1952	Thanh Nghị, Thanh Liêm	f320b	5-7-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
38	PHẠM VĂN THANH	1953	Tiên Tân, Duy Tiên	c9d3/e48/f320b	09-7-1972
39	NGUYỄN VĂN THÀNH	1953	Tiên Tân, Duy Tiên	e38	18-7-1972
40	LÊ HỮU THI	1942	Thanh Thủy, Thanh Liêm	f320b	17-7-1972
41	ĐỖ MẠNH TIẾN	1954	Phùng Lý, Lý Nhân	f320b	18-7-1972
42	NGUYỄN ĐĂNG TIẾN	1952	Đức Lý, Lý Nhân	c12d3/e48/f320b	14-8-1972
43	NGUYỄN VĂN UY	1940	Chân Lý, Lý Nhân	d6/e95	26-7-1972
44	CÙ VĂN UYẾN	1953	An Nội, Bình Lục	f320b	30-7-1972
45	ĐINH VĂN VỊ	1949	Nam Thái, Nam Ninh	e38	02-8-1972
46	HOÀNG VĂN YÊM	1949	Hạc Thượng, Duy Tiên	e45	04-8-1972

HÀ NỘI

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN NGỌC AM	1947	Phúc Tân, Ba Đình	d5/e95	8-8-1972
2	TRẦN VĂN AN	1953	Thọ Xuân, Đan Phượng	d5/e95	4-8-1972
3	NGUYỄN KIM ANH	1950	Yên Hoà, Từ Liêm	d5/e95	4-8-1972
4	NGUYỄN NGỌC ANH	1953	VP Bộ Cơ khí Luyện kim	c1/d8/e102/f308	31-8-1972
5	LÊ VĂN BÁCH	1954	Ngõ chợ Khâm Thiên, Đống Đa	e48/f320b	12-9-1972
6	PHÙNG VĂN BẠCH		Phú Sơn, Ba Vì	d75/e84	27-7-1972
7	NGUYỄN XUÂN BÁI	1950	Văn Khê, Mê Linh	e48f320b	02-7-1972
8	NGUYỄN ĐÌNH BAN	1953	Việt Hùng, Đông Anh	e48/f320b	13-9-1972
9	HOÀNG NGỌC BẰNG	1949	17 Hàng Cót, Hoàn Kiếm	d2e48/f320b	14-9-1972
10	BÙI ĐÌNH BẮN	1952	Hợp Đồng, Chương Mỹ	e48/f320b	02-7-1972
11	NGUYỄN VĂN BÀN	1953	Phú Túc, Phú Xuyên	d65/B trạm 12	10-7-1972
12	HOÀNG NGỌC BẰNG		Hoàn Kiếm	d2e48f320b	14-9-1972
13	VŨ NGỌC BẢO	1954	Khối 23, Đống Đa	d5/e95	16-8-1972
14	HOÀNG QUỐC BẢO	1953	Cần Kiệm, Thạch Thất	d5/e88/f308	11-8-1972
15	LÊ VĂN BẢO	1954	Đỗ Đông, Thanh Oai	d4/e88/f308	6-9-1972
16	LÊ VĂN BẢY		Phù Lỗ, Sóc Sơn	d75/e84	30-6-1972
17	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	1954	7/12/50 đường La Thành, Giảng Võ, Ba Đình	K8	13-9-1972
18	PHẠM VŨ BÌNH	1954	Kim Thư, Thanh Oai	c4/d4/e88/f308	8-9-1972
19	TRẦN VĂN BÌNH	1952	Hồng Kỳ, Đa Phúc	e45	22-8-1972
20	ĐINH VĂN BỘ	1951	Long Biên, Gia Lâm	d5/e95	25-8-1972
21	NGUYỄN VĂN BƯỞI	1952	Vân Tứ, Phú Xuyên	e48/f320b	12-7-1972
22	HOÀNG CẦN	1952	Khối 23, Đống Đa	e6/e95	11-9-1972
23	BÙI TRỌNG CẢNH	1954	Kim Liên, Đống Đa	e48/f320b	23-8-1972
24	ĐINH GIA CHIÊN	1952	Việt Hưng, Gia Lâm	d5/e95	29-8-1972
25	DƯƠNG QUANG CHIẾN	1954	Tam Hưng, Thanh Oai	c4/d4/e88/f308	6-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
26	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	1948	Liên Hòa, Phú Xuyên	f320b	02-7-1972
27	DƯƠNG VĂN CHIẾN	1954	Tân Minh, Thường Tín	d6/e88/f308	10-9-1972
28	ĐINH VĂN CHÍNH	1954	Hàng Đồng, Hoàn Kiếm	e48/f320b	5-9-1972
29	NGUYỄN VĂN CHÍNH		Thường Tín, Hà Nội	d3 Quảng Trị	1972
30	DƯƠNG ĐÌNH CHUNG	1952	Đại Xuyên, Phú Xuyên	e48/f320b	28-6-1972
31	NGUYỄN VĂN CHUNG	1951	Khối 77, Đống Đa	d5/e95	6-9-1972
32	BÙI VĂN CÔNG	1953	Sài Sơn, Quốc Oai	c3/d4/e88/f308	18-8-1972
33	KHUẤT ĐÌNH CƯỜNG	1953	Tích Giang, Ba Vì	e48/f320b	13-8-1972
34	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	1954	Hàng Điều, Hoàn Kiếm	e48/f320b	15-9-1972
35	NGUYỄN MINH CƯỜNG	1954	Khâm Thiên, Đống Đa	e48/f320b	15-9-1972
36	VŨ VĂN CƯỜNG	1953	Ngõ 32, Ngọc Hà	c15/e95	28-8-1972
37	HÀ VĂN DỊ	1947	Hoàng Diệu, Chương Mỹ	d2/e84	11-8-1972
38	BÙI VĂN DIỆN	1936	Ba Trại, Bất Bạt	e38	29-6-1972
39	TRỊNH ĐỨC DOANH	1953	Đình Công Hạ, Thanh Trì	VB/e95	16-9-1972
40	NGUYỄN VĂN DỐC	1935	Tiến Thắng, Mê Linh	d2e36/f308	1-7-1972
41	NGUYỄN VĂN DỤ	1942	Vạn Kim, Mỹ Đức	d4/e95	10-8-1972
42	NGUYỄN ANH DŨNG	1945	Hạ Giáp, Phú Minh	e45	04-8-1972
43	HỒ THẾ DŨNG	1951	Đống Đa	e48/f320b	26-07-1972
44	LÊ VĂN DŨNG	1954	Bình Nam, Thanh Trì	e48/f320b	13-09-1972
45	ĐỖ QUANG DŨNG	1954	Số 50b, Ngõ Sỹ Liên	d4/e95	10-9-1972
46	LÊ TIẾN DŨNG	1948	Viên Sơn, TX. Sơn Tây	d6/e95	26-7-1972
47	NGUYỄN XUÂN DUY	1954	Dũng Tiến, Thường Tín	c10/d6/e88/f308	2-9-1972
48	ĐẶNG ĐÌNH DUYÊN		Đội Bình, Ứng Hòa	d7/e18	28-8-1972
49	NGHIÊM XUÂN ĐẠI	1952	Bạch Đằng, Thường Tín	d4/e95	7-7-1972
50	NGUYỄN TRỌNG ĐÀM	1954	Tân Lập, Đan Phượng	e48/f320b	14-09-1972
51	NGUYỄN NGỌC ĐĂNG	1954	K21, Đống Đa	d4/e95	18-8-1972
52	VŨ VĂN ĐĂNG	1954	Trường Thịnh, Ứng Hòa	e48/f320b	08-08-1972
53	NGUYỄN XUÂN ĐÁO	1951	Hùng Tiến, Mỹ Đức	d4/e95	6-9-1972
54	NGUYỄN GIA ĐẠO	1945	Tô Hiệu, Thường Tín	e48/f320b	23-7-1972
55	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	1953	Số 48, K7, Hoàn Kiếm	e48/f320b	14-9-1972
56	TRƯƠNG VĂN ĐIỂM	1951	Tứ Hiệp, Thanh Trì	c20/e88/f308	14-9-1972
57	ĐẶNG THẾ ĐIỂN	1953	Tân Hồng, Ba Vì	e48f320b	28-6-1972
58	PHẠM VĂN ĐỐM	1953	50 Hàng Mã, Hoàn Kiếm	e48/f320b	08-1972
59	CẦN VĂN ĐÔNG	1948	Phụng Thượng, Phúc Thọ	d3/e84	16-7-1972
60	NGUYỄN PHÁT ĐỘNG	1952	Quán Thánh, Ba Đình	e48/f320b	26-8-1972
61	NGUYỄN HỮU ĐỨC	1952	Sơn Đông, Ba Vì	d4/e95	7-9-1972
62	NGUYỄN KHẮC ĐỨC	1954	Cẩm Yên, Thạch Thất	d7/e18	5-8-1972
63	VŨ VĂN ĐỨC	1954	Tập thể Kim Liên	e48/f320b	18-8-1972
64	NGUYỄN VĂN GIANG	1951	Thanh Cao, Thanh Oai	d5/e88/f308	4-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
65	ĐÀO HẢI	1954	Phượng Trung, Thanh Oai	c4/d4/e88/f308	6-9-1972
66	LÊ NGỌC HẢI	1953	Thịnh Liệt, Thanh Trì	d5/e95	25-8-1972
67	NGUYỄN NGỌC HẢI	1947	Thắng Lợi, Thường Tín	d5/e165	23-8-1972
68	NGUYỄN NHƯ HẢI	1953	Thịnh Hào K66, Đống Đa	c25/e95	23-8-1972
69	NGUYỄN VĂN HẢI	1954	Bình Minh, Thanh Oai	c9/d6/e88/f308	27-8-1972
70	LƯƠNG NGỌC HÂN	1954	Cửa Nam, Hoàn Kiếm	e48/f320b	15-09-1972
71	TẠ VĂN HÂN	1949	Sài Sơn, Quốc Oai	e38	02-8-1972
72	HOÀNG CÔNG HIỂN	1952	Đê La Thành, Đống Đa	d5/e95	6-9-1972
73	HOÀNG ĐỨC HIỂN	1954	Khối 71, Đống Đa	d5/e95	15-9-1972
74	LÊ VĂN HIẾU	1954	213 Đống Đa, Hà Nội	k8	07-9-1972
75	HOÀNG QUỐC HIỂN	1954	Đồng Phú, Chương Mỹ	d6/e88/f308	4-9-1972
76	NGUYỄN VĂN HOA	1950	Tam Hiệp, Phúc Thọ	371	26-7-1972
77	DƯ VĂN HÓA	1946	Hòa Xá, Ứng Hòa	c24/e95	8-8-1972
78	NGUYỄN ĐĂNG HOÀ	1954	Hàng Giấy, Hoàn Kiếm	e48/f320b	8-1972
79	NGUYỄN VĂN HOÀN	1954	Quán Thánh, Ba Đình	e48/f320b	13-9-1972
80	NGUYỄN VĂN HOÀN	1953	Yên Mỹ, Thanh Trì	d5/e95	31-8-1972
81	NGUYỄN VĂN HOÀNG	1953	Hạ Bằng, Thạch Thất	d2/e84	6-7-1972
82	NGUYỄN ĐÔNG HỢI		Dương Liễu, Hoài Đức	d4/e95	8-9-1972
83	ĐỖ VĂN HỒNG	1954	Đường Láng, Đống Đa	c25/e95	23-8-1972
84	ĐỖ VĂN HỒNG	1952	Bình Minh, Thanh Oai	c9/d6/e88/f308	26-8-1972
85	HÙNG		Chương Mỹ	d3 Quảng Trị	1972
86	NGUYỄN HÙNG	1953	Khối 75, Đống Đa	d5/e95	12-9-1972
87	NGUYỄN QUỐC HÙNG	1953	Nam Tiến, Phú Xuyên	d4/e95	31-7-1972
88	NGUYỄN VĂN HÙNG	1954	Khối 66, Đường Láng	d5/e95	9-9-1972
89	PHẠM VĂN HÙNG	1953	29A Kim Liên, Đống Đa	e48/f320b	23-08-1972
90	NGUYỄN XUÂN HÙNG	1953	Hồng Vân, Thường Tín	c9/d6/e88/f308	26-8-1972
91	NGUYỄN NGỌC ÍN	1953	Tân Phúc, Quốc Oai	d25 BTL Đặc công	10-7-1972
92	ĐỖ TRUNG KANH	1954	Hiệp Thuận, Quốc Oai	d5/e95	27-7-1972
93	ĐÀO CHÍ KHANH	1954	Tam Hưng, Thanh Oai	e48/f320b	19-7-1972
94	KHÚC VĂN KHANH	1954	Yên Mỹ, Thanh Trì	e48/f320b	9-9-1972
95	CAO VĂN KHANH	1952	Hoàng Diệu, Chương Mỹ	e48/f320b	15-7-1972
96	NGUYỄN VĂN KHAI	1948	Kim Đức, Phù Ninh	e45	26-7-1972
97	LƯU KHẮC KHOAN	1938	Đồng Tâm, Ứng Hòa	e48/f320b	02-08-1972
98	VŨ MINH KHOÁT	1950	Đồng Quang, Quốc Oai	e48/f320b	07-07-1972
99	TRẦN VĂN KHÔI	1953	Số 5, Ngõ 2, Hàng Chuối	d7/e102/f308	15-9-1972
100	PHẠM NGỌC LÂM	1950	Lương Văn Can, Hoàn Kiếm	e48/f320b	15-9-1972
101	MAI THANH LÂM	1949	Tổ 15, Khối 73, Khu Đống Đa	c2/d4/e88/f308	6-9-1972
102	NGUYỄN XUÂN LÂM	1953	Số 48, Phan Đình Phùng	d4/e95	5-9-1972
103	NGUYỄN NGỌC LÂN	1951	Hồng Thái, Phú Xuyên	e38	02-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
104	ĐỖ VĂN LĂNG	1952	Tân Triều, Thanh Trì	e48/f320b	9-1972
105	VƯƠNG TIẾN LẬP	1946	Văn Hoàng, Phú Xuyên	e48/f320b	14-7-1972
106	NGUYỄN ĐÌNH LIÊN	1946	Đỗ Động, Thanh Oai	d5/e95	9-9-1972
107	ĐỖ CAO LỢI	1954	Phùng Khắc Khoan, TX Sơn Tây	e48/f320b	14-9-1972
108	VŨ VĂN LỢI	1952	Trữ Hợp, Thanh Trì	c16/e95	5-8-1972
109	PHẠM VĂN LUÂN	1954	Tiến Phong, Mê Linh	c20/PTM	1-8-1972
110	TRẦN XUÂN LUYỆN	1949	Tân Tiến, Chương Mỹ	e38	5-7-1972
111	PHẠM ĐÌNH LƯƠNG	1951	Văn Tự, Thường Tín	c9/d6/e88/f308	9-9-1972
112	ĐẶNG VĂN LƯỢNG	1953	Phú Thị, Gia Lâm	e48/f320b	07-9-1972
113	NGUYỄN VĂN MAI	1952	67 Phương Liệt, Đống Đa	e48/f320b	28-8-1972
114	TRẦN VĂN MẠI	1948	Diên Hồng, Chương Mỹ	e45	01-8-1972
115	BÙI VĂN MẮN	1945	Đông Sơn, Chương Mỹ	d3/e84	15-8-1972
116	BÙI ĐÌNH MINH	1954	Kim Liên, Đống Đa	e48/f320b	30-8-1972
117	VÕ VĂN MINH	1947	Khu Hai Bà Trưng	e48/f320b	24-8-1972
118	NGUYỄN VĂN MINH	1954	Số 77, Đống Đa	d5/e95	3-9-1972
119	NGÔ VĂN MÓT	1950	Phong Vân, Ba Vì	d5/e95	27-7-1972
120	PHẠM XUÂN MÙA	1954	Tiến Phong, Thường Tín	c10/d6/e88/f308	31-8-1972
121	NGUYỄN VĂN MÚT	1945	Lưu Nguyễn, Ứng Hòa	d1/e84	16-7-1972
122	TRIỆU NGỌC MỸ		Đại Kim, Thanh Trì	d5/e95	12-9-1972
123	KHÔNG VĂN MỸ	1954	Đa Phúc, Sóc Sơn	d7/e102/f308	10-9-1972
124	NGUYỄN PHÚ NAM	1953	Số 5, Ngõ Quang Bích	e48/f320b	12-9-1972
125	LƯƠNG VĂN NĂM	1953	Trần Phú, Thanh Trì	d5/e95	7-9-1972
126	BÙI XUÂN NGHI	1954	Phú Lâm, Thanh Oai	c10/d6/e88/f308	8-9-1972
127	NGUYỄN XUÂN NGHỊ	1954	Đại Kim, Thanh Trì	c25/e95	23-8-1972
128	ĐINH VĂN NGHĨA	1941	Tân Lĩnh, Ba Vì	d7/e18	27-7-1972
129	NGUYỄN VĂN NGỌ	1953	Yên Sở, Thanh Trì	c25/e95	23-8-1972
130	TRẦN THẾ NGỌ	1954	Số 64 Nam Đồng	d6/e95	28-8-1972
131	NGUYỄN VĂN NGOÃN	1954	Ninh Sở, Thường Tín	c9/d6/e88/f308	27-8-1972
132	NGUYỄN ĐÌNH NGỌT		Ngõ 47 đường Di Lăng	d4/e95	2-9-1972
133	ĐẶNG DOÃN NHÂM	1952	Liên Bạt, Ứng Hòa	e48/f320b	03-7-1972
134	NGUYỄN DUY NHÂM	1952	Phượng Cách, Quốc Oai	d25 BTL đặc công	10-7-1972
135	LƯU VĂN NHẬN	1954	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	e48/f320b	01-9-1972
136	NGUYỄN VĂN NUÔI		Hà Nội	d3 Quảng Trị	1972
137	HOÀNG ĐÌNH OẢN	1950	Hồng Thái, Phú Xuyên	c3/d4/e88/f308	27-7-1972
138	KIM VĂN PHAN	1954	Việt Hưng, Thường Tín	e48/f320b	15-7-1972
139	PHẠM VĂN PHIÊN		Thạch Thất, Hà Nội	d3 Quảng Trị	1972
140	NGUYỄN VĂN PHÚ	1953	An Khanh, Hoài Đức	e48/f320b	03-7-1972
141	ĐINH XUÂN PHÚ	1954	Vân Sơn, Ba Vì	d75/e84	3-7-1972
142	NGUYỄN MẠNH PHÚC	1950	Dân Chủ, Phú Xuyên	e48/f320b	14-9-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
143	PHẠM BÁ PHÚC		Cự Khối, Gia Lâm	c14/e95	9-8-1972
144	LÊ VĂN PHÚC	1950	Số 161, đường Nam Bộ	c4d2e229 BTL Công binh	27-7-1972
145	NGUYỄN VĂN QUANG	1954	Thụy Phú, Phú Xuyên	d25 BTL đặc công	11-7-1972
146	PHẠM KIẾN QUỐC	1954	TT Kim Liên, Đống Đa	e48/f320b	22-8-1972
147	NGUYỄN HỮU QUÝ	1952	Yên Mỹ, Thanh Trì	e48/f320b	26-8-1972
148	NGUYỄN VĂN QUÝ	1952	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ	c4/d4/e88/f308	6-9-1972
149	NGUYỄN NGỌC QUỲ	1954	Cửa Nam, Khối 89	e48/f320b	08-9-1972
150	NGUYỄN THẾ QUYÊN	1952	An Phúc, Mỹ Đức	e48/f320b	29-06-1972
151	NGUYỄN ĐỨC QUỲNH	1953	K 66, Đống Đa	e95	23-8-1972
152	TẠ NGỌC SẮC	1951	Trung Tú, Ứng Hoà	c3/d4/e88/f308	13-8-1972
153	NGUYỄN VĂN SÁN	1932	Sài Sơn, Quốc Oai	e48/f320b	03-9-1972
154	ĐẶNG VĂN SÁNG	1953	Bồ Đề, Gia Lâm	c25/e95	23-8-1972
155	ĐOÀN CHÂU SƠN	1953	30/678 La Thành, Giảng Võ	k8	12-9-1972
156	NGUYỄN MINH SƠN	1952	Trùng Sơn, Thạch Thất	d4/e88/f308	9-8-1972
157	PHÙNG VĂN SƠN	1949	Số 86, K75, Ba Đình	e48/f320b	05-7-1972
158	ĐỖ VŨ SƠN	1953	Số 3 Lương Sủ, Đống Đa	d5/e95	7-9-1972
159	LÊ VĂN SỬU	1953	Hà Hồi, Thường Tín	d5/e95	27-7-1972
160	HOÀNG VĂN TÁM	1950	Cộng Hòa, Quốc Oai	c24/e95	29-7-1972
161	NGUYỄN HỒNG TÂN	1954	Văn Tiến, Thường Tín	d4/e88/f308	15-8-1972
162	TẠO		Phú Xuyên, Hà Nội	d3 Quảng Trị	1972
163	NGUYỄN QUANG TẬP	1953	Dị Nậu, Thạch Thất	e48/f320b	10-8-1972
164	NGUYỄN VĂN TỂU	1954	Văn Côn, Hoài Đức	e48/f320b	01-8-1972
165	CAO ĐÌNH THÁI	1952	Yên Sở, Thanh Trì	d6/e95	28-8-1972
166	NGUYỄN MINH THÁI	1954	TT Kim Liên, Đống Đa	e48/f320b	17-8-1972
167	BÙI XUÂN THÁI	1950	Hoàng Ngô, Quốc Oai	e48f320b	02-7-1972
168	HOÀNG VĂN THÁN	1954	Đa Phúc, Sóc Sơn	c7/e102/f308	28-8-1972
169	NGUYỄN VĂN THẬN	1951	Văn Võ, Chương Mỹ	c9/d6/e88/f308	27-8-1972
170	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	1952	Số 30, Ngô Sỹ Liên	d5/e95	8-8-1972
171	NGUYỄN VĂN THẮNG	1954	Tân Minh, Thường Tín	c9/d6/e88/f308	26-8-1972
172	NGUYỄN VIỆT THẮNG	1948	Trường Dân Tộc, Ngã Tư Sở	c14/e95	9-8-1972
173	LÊ ĐÌNH THẶNG	1953	Số 2b, ngõ Cầu Gỗ	d5/e95	8-8-1972
174	NGUYỄN VĂN THANH	1954	Thanh Xá, Thạch Thất	d6/e88/f308	19-8-1972
175	ĐỖ VĂN THANH	1952	Duyên Thái, Thường Tín	c10/d6/e88/f308	2-9-1972
176	CAO ĐÌNH THÀNH	1954	Yên Sở, Thanh Trì	d5/e95	29-8-1972
177	HOÀNG TRUNG THÀNH	1950	Kim Đường, Ứng Hòa	e48/f320b	4-7-1972
178	NGUYỄN VĂN THÀNH	1952	Tây Đằng, Ba Vì	e48/f320b	14-7-1972
179	TRẦN ĐÌNH THAO	1954	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	d6/e95	28-8-1972
180	NGUYỄN VĂN THAO	1952	Thanh Bình, Thanh Oai	c9/d6/e88/f308	16-9-1972
181	NGUYỄN CHÍ THIÊN	1950	59B Hàng Bồ	e48/f320b	13-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
182	HOÀNG HỮU THÌN	1952	Trung Phụng, Đống Đa	e48/f320b	17-8-1972
183	HOÀNG XUÂN THÌN	1953	Trầm Lộng, Ứng Hòa	e48/f320b	8-8-1972
184	ĐỖ NGỌC THỊNH	1953	Xuân Canh, Đông Anh	c16/e95	4-8-1972
185	NGUYỄN QUỐC THỊNH	1953	Tân Phúc, Phúc Thọ	d5/e88/f308	3-8-1972
186	NGUYỄN VĂN THƯ	1951	Yên Viên, Gia Lâm	c14/e95	1-8-1972
187	NGUYỄN CÔNG THỨ	1947	La Phù, Hoài Đức	e48/f320b	25-7-1972
188	ĐỖ CHÍ THỨC	1950	Cao Viên, Thanh Oai	c1/d4/e88/f308	8-9-1972
189	LƯƠNG HỒNG THỦY	1950	Số 36B, Thọ Lão	d6/e95	15-7-1972
190	TẠ VĂN THỤY		Hiển Ninh, Sóc Sơn	d7/e18	28-6-1972
191	BẠCH VĂN TIẾN	1952	Văn Yên, Hà Đông	e48/f320b	14-7-1972
192	NGUYỄN VĂN TÍNH	1951	Đại Xuyên, Phú Xuyên	e48/f320b	10-8-1972
193	VŨ MẠNH TÍT	1950	Chu Phan, Mê Linh	d2/e36/f308	2-7-1972
194	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	1953	Đại Hưng, Mỹ Đức	e48/f320b	03-7-1972
195	PHẠM LÊ TRẠCH	1954	Số 1A Nguyễn Biểu	d5/e95	11-9-1972
196	ĐỖ VĂN TRỊ	1940	Tiến Thắng, Mê Linh	d5/e95	13-9-1972
197	NGUYỄN XUÂN TRÌNH	1949	Đặng Xá, Thường Tín	c6/d5/e165	19-8-1972
198	NGUYỄN TIẾN TRƯỜNG		54 Ấu Triệu, Hoàn Kiếm	e48/f320b	13-9-1972
199	VŨ VĂN TRƯỜNG		Khối 66, Đống Đa	d6/e95	10-9-1972
200	NGUYỄN VĂN TÚ	1954	Phú Cát, Quốc Oai	e48/f320b	25-7-1972
201	NGUYỄN HỮU TỰ	1939	Hồng Dương, Thanh Oai	f320b	02-7-1972
202	PHAN ĐÌNH TUẤN	1953	Phủ Doãn, Hoàn Kiếm	e48/f320b	17-8-1972
203	TRẦN KẾ TỨC	1954	Trung Phụng, Đống Đa	e48/f320b	12-9-1972
204	NGUYỄN HỮU TƯỚC	1947	Phù Lỗ, Phù Ninh	e45	26-7-1972
205	LÊ ĐÌNH TƯƠNG	1951	Văn Phú, Thường Tín	c5/d5/e88/f308	20-7-1972
206	TRƯƠNG ĐÌNH TƯỜNG	1953	Thanh Liệt, Thanh Trì	e48/f320b	24-8-1972
207	BÙI VĂN TƯỜNG	1952	439 Đề La Thành, Thành Công, Ba Đình	k8	10-9-1972
208	KHUẤT BÁ VĂN	1945	Đại Đồng, Thạch Thất	e48/f320b	07-9-1972
209	NGUYỄN ĐÌNH VẠN	1953	Nguyễn Đình, Từ Liêm	d4/e95	14-7-1972
210	NGUYỄN VĂN VẠN	1938	Mai Lâm, Đông Anh	e48/f320b	05-7-1972
211	PHẠM VĂN VINH		Trần Phú, Thanh Trì	d4/e95	5-9-1972
212	PHÍ HỮU VINH	1946	Đức Thượng, Hoài Đức	c4d2e229 BTL Công binh	12-9-1972
213	LÊ ĐÌNH VUI	1954	Liên Phương, Thường Tín	c3/d4/e88/f308	15-8-1972
214	NGUYỄN ĐĂNG VUI	1951	Đỗ Đông, Thanh Oai	c5/d5/e88/f308	4-9-1972
215	NGUYỄN VĂN VŨNG		Bồ Đề, Gia Lâm	d6/e95	12-9-1972
216	VŨ HỒNG XIÊM	1955	Kim Dương, Ứng Hòa	d75/e84	11-7-1972
217	NGUYỄN VĂN XIÊM	1945	Thượng Thanh, Gia Lâm	d5/e95	12-7-1972
218	VŨ VĂN XUÂN	1954	Dị Nậu, Thạch Thất	d7/e18	19-8-1972
219	TẠ VĂN YẾU	1954	Hòa Lâm, Ứng Hoà	c1/d4/e88/f308	27-7-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

HÀ TỈNH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	TRẦN VĂN BẮY	1947	Kim Lộc, Can Lộc	c4d2e229 BTL Công binh	18-7-1972
2	ĐẶNG CÔNG BÌNH	1953	Thạch Xuân, Thạch Hà	d6/e95	26-7-1972
3	NGUYỄN VĂN BÌNH	1954	Đức Long, Đức Thọ	d7/e18	25-8-1972
4	NGUYỄN TIẾN CHÂU		Cẩm Nhượng, Cẩm Xuyên	d7/e18	
5	PHẠM CHÍ DŨNG	1952	Sơn Long, Hương Sơn	d3/e84	16-7-1972
6	MAI VĂN ĐỀ	1941	Dương Lộc, Dương Khê	d3 Quảng Trị	
7	ĐINH NHO ĐIỀN	1953	Sơn Mỹ, Hương Sơn	d1/e84	13-7-1972
8	NGUYỄN HỮU ĐOÀI	1942	Trương Lộc, Can Lộc	d3 Quảng Trị	15-09-1972
9	TRẦN VĂN ĐƯƠNG		Hà Tĩnh	d3 Quảng Trị	1972
10	TRẦN THIÊN GIA		Đức Minh, Đức Thọ	d3 Quảng Trị	17-07-1972
11	HIẾU		Thạch Hà, Hà Tĩnh	d3 Quảng Trị	1972
12	NGUYỄN THANH HOÁ	1949	Sơn Tây, Hương Sơn	d2/e84	7-7-1972
13	PHAN HUỆ		Hương Long, Hương Khê	d7/e18	25-8-1972
14	ĐINH VĂN HƯƠNG	1953	Cẩm Xuyên	d7/e18	25-8-1972
15	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	1952	Hương Trạch, Hương Khê	f320b	10-9-1972
16	TRẦN QUỐC KHÁNH	1950	Đức Thọ	d2/e84	2-7-1972
17	THÁI VĂN LẬP	1953	Hương Khê	d7/e18	11-8-1972
18	PHẠM VĂN LỆ	1950	Đức Tùng, Đức Thọ	e97	02-8-1972
19	ĐINH VĂN LƯƠNG	1952	Sơn Hòa, Hương Sơn	d3/e84	15-8-1972
20	LÊ HỮU LƯƠNG	1942	Thạch Liên, Thạch Hà	c25/PHC	22-8-1972
21	CAO VĂN LUY	1942	Cẩm Thịnh, Cẩm Xuyên	f320b	12-9-1972
22	TRẦN DUY MINH	1952	Cẩm Bình, Cẩm Xuyên	d4/e95	31-7-1972
23	PHẠM VĂN MINH	1944	Đức Lạc, Đức Thọ	f320b	23-7-1972
24	HOÀNG MỸ	1948	Xuân Viên, Nghi Xuân	d2/e84	31-7-1972
25	PHAN CAO NAM	1952	Sơn Hà, Hương Sơn	d4/e95	4-8-1972
26	NGUYỄN ĐÌNH NAM	1942	Cẩm Sơn, Cẩm Xuyên	e48/f320b	15-07-1972
27	PHẠM VĂN NGHI	1952	Hương Long, Hương Khê	d7/e18	25-8-1972
28	NGUYỄN BÁ NGHỊ	1940	Thạch Hội, Thạch Hà	d4/e95	3-9-1972
29	HOÀNG CÔNG NGOAN	1954	Thịnh Lộc, Can Lộc	d7/e18	27-8-1972
30	PHAN ĐỨC NGỤ	1949	Thạch Thanh, Thạch Hà	d6/e95	16-7-1972
31	NGUYỄN VĂN NGỮ		Thạch Hà, Hà Tĩnh	d3 Quảng Trị	1972
32	LÊ THANH NHÀN	1952	Đức Hòa, Đức Thọ	c2/d17	25-8-1972
33	HOÀNG THANH NHƯ	1950	Thạch Tượng, Thạch Hà	c4d2e229 BTL Công binh	10-9-1972
34	NGUYỄN HỒNG PHONG	1953	Trường Sơn, Đức Thọ	d3/e48/f320b	21-8-1972
35	NGUYỄN TIẾN PHÚC	1952	Kỳ Hoa, Kỳ Anh	c3/d14	22-8-1972
36	DƯƠNG VĂN PHỤNG	1953	Hương Lâm, Hương Khê	d8/e18	14-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
37	ĐẶNG ĐÌNH PHƯƠNG	1951	Hương Thịnh, Hương Sơn	f320b	7-9-1972
38	NGUYỄN QUỲ	1953	Đức Long, Đức Thọ	c2/d17	28-8-1972
39	LÊ VĂN QUYỀN	1948	Sơn Thịnh, Hương Sơn	d5/e95	7-9-1972
40	TÔ VĂN SƯ	1937	Thạch Bằng, Thạch Hà	e45	21-8-1972
41	PHẠM BÁ SỸ	1939	Hồng Lộc, Can Lộc	e38	01-7-1972
42	TRẦN ĐÌNH TÁM	1944	Hương Khê	d2/e84	29-7-1972
43	TRẦN DUY TÂN	1954	Đức Long, Đức Thọ	d7/e18	30-8-1972
44	PHẠM XUÂN TÂN	1952	Sơn An, Hương Sơn	d75/e84	7-7-1972
45	PHÙNG CẤP TẤN	1952	Hương Giang, Hương Khê	d75/e84	13-7-1972
46	HÀ HUY THÀNH		Sơn Thịnh, Hương Sơn	d3 Quảng Trị	1972
47	LÊ QUANG THIỆN (THẬN)	1944	Thạch Hà	d4/e95	25-8-1972
48	NGUYỄN VĂN THÌN		Cầm Vĩnh, Cầm Xuyên	c1/d17	15-9-1972
49	HOÀNG VĂN THỌ	1953	Đức Long, Đức Thọ	d7/e18	31-8-1972
50	TRƯƠNG QUANG THÔNG	1949	Thạch Linh, Thạch Hà	d3 Quảng Trị	1972
51	PHAN TRỌNG THÚY	1952	Xuân Viên, Nghi Xuân	d3/e84	15-8-1972
52	VÕ VĂN THUYẾT	1952	Đức Lạng, Đức Thọ	c4d4e88	6-9-1972
53	NGUYỄN XUÂN TIẾN		Đồng Quế, TX. Hà Tĩnh	d7/e18	25-8-1972
54	NGUYỄN VĂN TIẾN	1951	Đức Hòa, Đức Thọ	c2/d17	28-8-1972
55	NGUYỄN VĂN TRINH	1951	Đức Tùng, Đức Thọ	c1/d17	12-9-1972
56	LÊ VĂN TRƯỜNG	1954	Trung Lương, Hồng Lĩnh	c2/d17	25-8-1972
57	NGUYỄN TIẾN ỨNG	1951	Kỳ Văn, Kỳ Anh	c1 d8 Quảng Trị	7-7-1972
58	NGUYỄN TIẾN ỨNG	1950	Kỳ Sơn, Kỳ Anh	d8 Quảng Trị	10-7-1972

HẢI DƯƠNG

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	PHẠM VĂN AN	1954	Lê Hồng, Thanh Miện	c20/PTM	14-9-1972
2	NGUYỄN NHƯ ÁI	1953	Thanh Hải, Thanh Hà	e48/f320b	3-9-1972
3	TRẦN VĂN BAN	1952	Nam Trung, Nam Sách	c9/d6/e88/f308	16-9-1972
4	NGUYỄN VĂN BẦY	1954	Thanh Khê, Thanh Hà	e48/f320b	02-8-1972
5	NGUYỄN VĂN BIÊN	1952	Đoàn Kết, Thanh Miện	d6/e88/f308	29-8-1972
6	NGUYỄN NHƯ BIẾT	1953	Hà Thanh, Tứ Kỳ	c6/d8/e102/f308	15-9-1972
7	TẶNG BÁ BÌNH	1950	Thanh Long, Thanh Hà	e48/f320b	20-7-1972
8	NGUYỄN DUY BÌNH	1954	Liên Mạc, Thanh Hà	e48/f320b	20-7-1972
9	NGUYỄN DUY BÌNH	1952	Liên Mạc, Thanh Hà	e45	9-9-1972
10	PHẠM TRUNG BÌNH	1954	Hồng Lạc, Thanh Hà	e48/f320b	27-7-1972
11	NGUYỄN VĂN BÌNH	1951	Hợp Tiến, Nam Sách	d5/e95	8-8-1972
12	TRẦN XUÂN BÙI	1954	Thượng Quận, Kinh Môn	e48/f320b	14-08-1972
13	NGUYỄN MINH CAY	1954	Phượng Hoàng, Thanh Hà	e48/f320b	27-8-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
14	NGUYỄN VĂN CHÂM	1949	Tân Trường, Cẩm Giàng	c3/d1/e36/f308	5-7-1972
15	NGUYỄN ĐỨC CHIÊN	1947	Hồng Phong, Nam Sách	e48/f320b	12-9-1972
16	MAI XUÂN CHIẾN	1947	Lai Cách, Cẩm Giàng	c4 d8 Quảng Trị	03-8-1972
17	VŨ DUY CHUYÊN	1951	Chi Nam, Thanh Miện	c1/d18	15-7-1972
18	NGUYỄN VĂN CƠ	1952	Chương Vũ, Kim Thành	c3/d1/e36/f308	5-7-1972
19	NGUYỄN ĐÌNH CƯƠNG	1954	Thanh Tùng, Thanh Miện	c1/d18	15-7-1972
20	ĐỒNG VĂN CƯỜNG	1954	Quyết Thắng, Thanh Hà	e48/f320b	15-9-1972
21	ĐẶNG VĂN DOãn	1954	Thanh Xuân, Thanh Hà	e48/f320b	19-8-1972
22	ĐẶNG VĂN DŨNG	1953	Tiên Phong, Thanh Miện	c2/d18	14-9-1972
23	BÙI CÔNG ĐẠO	1952	Hưng Thái, Ninh Giang	d3 Quảng Trị	1972
24	PHẠM CÔNG ĐƠ	1943	Quảng Ninh, Gia Lộc	f320b	28-6-1972
25	NGUYỄN BÁ ĐỦ	1942	Nam Trung, Nam Sách	c9/d6/e88/f308	16-9-1972
26	NGUYỄN ANH ĐỨC	1946	Thanh Giang, Thanh Miện	d10/e102/f308	24-8-1972
27	NGUYỄN MINH ĐỨC	1954	Quyết Thắng, Thanh Hà	e48/f320b	02-9-1972
28	NGUYỄN VĂN ĐỨC	1954	Thanh Sơn, Thanh Hà	e48/f320b	29-7-1972
29	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	1951	Lương Điền, Cẩm Giàng	c4d2e229 BTL Công binh	10-9-1972
30	NGUYỄN VĂN HÂN	1954	Kim Khê, Kim Thành	c1/d1/e36/f308	14-8-1972
31	HOÀNG VĂN HÁT	1952	Nam Chính, Nam Sách	e102/f308	28-8-1972
32	VŨ XUÂN HIẾN	1952	Hùng Thắng, Ninh Giang	d9/e102/f308	14-9-1972
33	NGUYỄN QUANG HIỂN	1950	Quang Trung, TP. Hải Dương	c20/e95	16-7-1972
34	LÊ ĐÌNH HIỆN	1953	Hợp Đức, Thanh Hà	e48/f320b	13-8-1972
35	PHẠM VĂN HOÀ	1954	Tiên Tiến, Thanh Hà	e48/f320b	15-9-1972
36	ĐẶNG VĂN HOÀNH	1948	TT Nam Sách, Nam Sách	d4/e95	5-8-1972
37	HOÀNG VĂN HỒNG	1954	Thanh Sơn, Thanh Hà	e48/f320b	07-7-1972
38	BÙI VĂN HỢP	1954	Lê Hồng, Thanh Miện	c20/PTM	20-8-1972
39	NGUYỄN DƯƠNG HỢP	1947	Dân Chủ, Tứ Kỳ	d7/e18	27-8-1972
40	HOÀNG NGỌC HUÂN	1950	Quang Trung, Kinh Môn	c18/e88/f308	8-9-1972
41	TRƯƠNG VĂN HUÂN	1954	Phú Thứ, Kinh Môn	d6/e95	24-7-1972
42	PHẠM QUỐC HƯNG	1949	Kiến Quốc, Ninh Quang	F320b	02-7-1972
43	PHẠM VĂN KHIÊM	1954	An Sinh, Kinh Môn	c14/e95	9-9-1972
44	ĐẶNG HỮU KIM	1951	An Bình, Nam Sách	c5/d8/e102/f308	4-8-1972
45	TRẦN VĂN LẬP	1953	Thanh Bình, Thanh Hà	e48/f320b	10-9-1972
46	NGÔ BÁ LIỄU	1945	Nam Chính, Nam Sách	d4/e95	10-8-1972
47	HOÀNG VĂN LONG	1954	Hợp Tiến, Nam Sách	d8/e102/f308	13-9-1972
48	HOÀNG CÔNG LÝ	1953	Tiên Tiến, Thanh Hà	e48/f320b	21-8-1972
49	NGUYỄN ĐỨC MỊCH	1954	Liên Mạc, Thanh Hà	e48/f320b	23-7-1972
50	TẠ VĂN MINH	1953	Tiên Tiến, Thanh Hà	e48/f320b	05-9-1972
51	ĐỖ ĐÌNH MỸ	1952	An Sơn, Nam Sách	d5/e95	25-7-1972
52	NGUYỄN VĂN NĂM	1952	Gia Tân, Gia Lộc	e38	02-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
53	BÙI VĂN NGÀ	1954	Quyết Thắng, Thanh Hà	e48/f320b	10-7-1972
54	NGUYỄN VĂN NGHINH	1949	Hồng Phong, Ninh Giang	f320b	03-7-1972
55	TRƯƠNG XUÂN NHẠ	1949	Mình Hà, Kinh Môn	c12/d9/e102/f308	21-8-1972
56	LƯU VĂN NHẮC	1953	Cộng Hòa, Kim Thành	c7/d8/e102/f308	1-9-1972
57	ĐỖ VĂN NHANG	1946	Ninh Nghĩa, Văn Giang	f320b	08-8-1972
58	NGÔ VĂN NHIÊM	1954	Việt Hồng, Thanh Hà	d20	11-7-1972
59	NGUYỄN KHẮC NHU	1952	Hiệp Hoà, Kinh Môn	c1/d7/e102/f308	15-8-1972
60	NGUYỄN HỮU NINH		Thượng Đát, Nam Sách	c1/d17	13-9-1972
61	TRẦN XUÂN OÁNH	1950	Lạc Long, Kinh Môn	d3/e84	31-7-1972
62	TRẦN HỮU PHÁO	1950	Thanh Sơn, Thanh Hà	e48/f320b	25-7-1972
63	ĐÀO VĂN PHÊ	1954	Quyết Thắng, Thanh Hà	e48/f320b	26-8-1972
64	VŨ DUY PHỐT		Chi Nam, Thanh Miện	c20/PTM	1-8-1972
65	PHẠM VĂN PHÚ	1945	Toàn Thắng, Gia Lộc	d6/e95	16-8-1972
66	VŨ QUANG PHÚC	1953	Ái Quốc, Nam Sách	c6/d8/e102/f308	4-8-1972
67	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	1932	Đông Lạc, Nam Sách	f320b	02-7-1972
68	ĐÀO DUY QUẦY	1952	Tân Hương, Ninh Giang	c2/d7/e102/f308	8-9-1972
69	TRẦN VĂN QUYẾT	1952	Đông Lạc, Nam Sách	c5/d2/e36/f308	25-7-1972
70	PHẠM VĂN SANH	1954	Phượng Hoàng, Thanh Hà	e48/f320b	15-9-1972
71	HOÀNG ANH SỬ	1950	An Sinh, Kinh Môn	d3/e84	31-7-1972
72	PHẠM TRỌNG TÀI	1941	Tái Sơn, Tứ Kỳ	d6/e95	26-7-1972
73	TRỊNH ĐÌNH TÂN		An Bình, Nam Sách	c18/e102/f308	14-8-1972
74	NGUYỄN THẾ TÂN	1939	Tân An, Thanh Hà	e48/f320b	19-8-1972
75	HOÀNG NGỌC THẠCH	1939	Tiền Tiến, Thanh Hà	c4d2e229 BTL Công binh	18-7-1972
76	NINH VĂN THANH	1953	Phú Điền, Nam Sách	c7/d8/e102/f308	16-8-1972
77	NGUYỄN SỸ THÀNH	1953	Tân An, Thanh Hà	e48/f320b	25-7-1972
78	TRẦN VĂN THÀNH	1954	Quang Trung, Kinh Môn	d7/e102/f308	28-8-1972
79	NGUYỄN SỰ THẬT	1954	Quyết Thắng, Thanh Hà	e48/f320b	28-8-1972
80	NGUYỄN VĂN THIẾU	1953	Quyết Thắng, Thanh Hà	e48/f320b	10-8-1972
81	NGUYỄN ĐỨC THOA	1940	Thanh Xuân, Thanh Hà	d4/e95	14-7-1972
82	ĐOÀN VĂN THỰC	1953	Thanh Quang, Nam Sách	c8/d8/e102/f308	8-8-1972
83	TRẦN VĂN TIỀN	1944	Lê Minh, Kinh Môn	c10/d6/e88/f308	10-8-1972
84	NGUYỄN VĂN TIẾN	1954	Mình Tân, Kinh Môn	e48/f320b	14-8-1972
85	NGUYỄN VĂN TIẾN	1952	Hồng Phong, Nam Sách	c1/d17/f308	15-8-1972
86	NGUYỄN VIỆT TIẾN	1955	Tiền Tiến, Thanh Hà	e48/f320b	9-1972
87	NGUYỄN VĂN TIỆP	1954	Quang Trung, Kinh Môn	c11/d9/e102/f308	17-8-1972
88	PHẠM VĂN TÍNH	1950	Tiền Tiến, Thanh Hà	e48/f320b	15-9-1972
89	TIÊU VĂN TRÁC	1954	Cầm Chế, Thanh Hà	e48/f320b	07-7-1972
90	LÊ VĂN TƯ	1953	Thanh Cường, Thanh Hà	e48/f320b	26-7-1972
91	DƯƠNG QUỐC TUẤN	1954	Đồng Giai, Kim Thành	c9/d9/e102/f308	9-9-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
92	LÊ VĂN TUẤN	1954	Tiền Tiến, Thanh Hà	e48/f320b	5-9-1972
93	ĐỒNG QUỐC VĂN	1953	Quyết Thắng, Thanh Hà	e48/f320b	29-7-1972
94	NGUYỄN DANH VINH	1953	Phượng Hoàng, Thanh Hà	e48/f320b	29-7-1972
95	TẠ MINH VUNG		Tứ Kỳ, Thanh Miện	d3 Quảng Trị	1972
96	NGUYỄN VĂN VỸ	1953	Thượng Đạt, Nam Sách	c7/d8/e102/f308	16-8-1972

HẢI PHÒNG

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	QUÁCH VĂN AN	1949	Tự Cường, Tiên Lãng	e48/f320b	02-9-1972
2	PHẠM VĂN ANH	1953	Tràng Cát, Hải An	e48/f320b	12-9-1972
3	ĐẶNG VĂN BA	1952	Ái Sơn, An Thuy	c18/d8/e88/f308	23-8-1972
4	HÀ HẢI BẮC	1954	SN7, Đà Nẵng, Ngô Quyền	c6/d5/e165	16-8-1972
5	NGÔ VĂN BẢO	1952	Lại Xuân, Thủy Nguyên	c1/d7/e102/f308	1-9-1972
6	NGUYỄN KHẮC BIỂNG	1951	Liên Khê, Thủy Nguyên	d8/e102/f308	17-8-1972
7	ĐÀO CHÍNH BÌNH	1952	Tân Dương, Thủy Nguyên	d6/e95	16-7-1972
8	ĐINH HỮU BÌNH	1951	Lập Lễ, Thủy Nguyên	c11/d9/e102/f308	17-8-1972
9	ĐINH QUANG BÌNH	1952	Đông Thái, An Dương	e48/f320b	9-9-1972
10	ĐỖ VĂN CHÍNH	1954	Vinh Quang, Tiên Lãng	d4/e95	9-9-1972
11	NGUYỄN VĂN CHỤC	1954	Dương Quan, Thủy Nguyên	c23e102/f308	15-8-1972
12	ĐOÀN MỘNG CÔN	1947	Số 15 Lê Chân	e45	17-7-1972
13	NGUYỄN VĂN CỘNG	1954	Đằng Giang, Ngô Quyền	e48/f320b	02-9-1972
14	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	1947	Hợp Thành, Thủy Nguyên	c11/d9/e102/f308	3-9-1972
15	TRỊNH VĂN DI	1953	Hợp Thành, Thủy Nguyên	c10/d9/e102/f308	20-8-1972
16	NGUYỄN NGỌC DỰ	1952	Số 434, Lê Lợi, Ngô Quyền	e48/f320b	9-9-1972
17	NGUYỄN PHÚC ĐẠT	1954	Minh Tân, Thủy Nguyên	c1/d7/e102/f308	15-8-1972
18	NGUYỄN KHẮC ĐỀ	1952	Hồng Thái, An Dương	c1d1e48	30-8-1972
19	VŨ ĐÌNH ĐỆ	1954	Minh Tân, Thủy Nguyên	c1/d7/e102/f308	15-8-1972
20	VŨ VĂN ĐIỀN	1954	81 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền	c11d3e48	24-8-1972
21	ĐINH VĂN ĐIẾP	1953	Lập Lễ, Thủy Nguyên	d9/e102/f308	15-8-1972
22	LÊ CÔNG GẤM	1952	An Thọ, An Lão	e48/f320b	15-9-1972
23	ĐÀM VĂN GIANG	1954	Số 2 Dư Hàng Kênh, Lê Chân	e48/f320b	22-8-1972
24	HOÀNG ĐÌNH GIẢNG	1950	Vạn Sơn, Đồ Sơn	d4/e95	25-8-1972
25	HOÀNG NGỌC HẢI	1952	Đằng Giang, Ngô Quyền	e48/f320b	01-9-1972
26	NGUYỄN VĂN HẢI	1954	Thủy Đường, Thủy Nguyên	c16/e102/f308	8-9-1972
27	NGUYỄN ĐÌNH HÁN	1954	Nam Sơn, An Hải	c11d3e48	17-8-1972
28	NGUYỄN VĂN HẢO	1954	Dư Hàng Kênh, Lê Chân	e48/f320b	13-9-1972
29	NGUYỄN VĂN HIỂN	1950	Đa Ngư, Tân Trào, An Hải	c10d3e48	15-9-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
30	ĐOÀN VĂN HOÀ	1954	Hoàng Động, Thủy Nguyên	c10/d9/e102/f308	15-8-1972
31	ĐẶNG VĂN HOAN	1954	Hồng Thái, An Dương	d3e48	13-9-1972
32	PHẠM VĂN HUỆ	1953	Hợp Thành, Thủy Nguyên	c12/d9/e102/f308	4-9-1972
33	NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	1951	Hoành Sơn, Thủy Nguyên	c18/e88/f308	30-8-1972
34	VŨ QUANG HÙNG	1954	SN91 Cầu Đất, Ngô Quyền	c11d3e48	15-9-1972
35	TRẦN NGỌC HÙNG	1953	Hồng Thái, An Dương	e48/f320b	29-8-1972
36	VŨ VĂN HƯỐC	1954	Tràng Cát, Hải An	e48/f320b	12-9-1972
37	LƯU THÀNH KHANG	1950	191 Đình Động, Lê Chân	e48/f320b	01-9-1972
38	HOÀNG VĂN KHANH	1954	Mỹ Đồng, Thủy Nguyên	c3/d7/e102/f308	21-8-1972
39	LÊ TRỌNG KHÁNH	1954	Phạm Minh Đức	c3d1e48	25-8-1972
40	ĐINH KHẮC KHÍT	1954	Phả Lễ, Thủy Nguyên	c20/e102/f308	20-8-1972
41	ĐINH NGỌC KIẾN	1953	Đồng Thái, An Dương	e48/f320b	14-9-1972
42	TRẦN QUỐC LĂNG	1952	Xí nghiệp dược Hải Phòng	c7/d5/e48/f320b	12-8-1972
43	VŨ VĂN LỢI	1952	Đồng Lâm, An Hải	c1d1e48	13-9-1972
44	LÊ DUY LUÂN	1954	Nam Sơn, An Dương	c11d3e48	17-8-1972
45	NGUYỄN HỮU MẠNH	1954	Minh Đức, Tiên Lãng	d6/e95	10-9-1972
46	PHẠM VĂN MẶC	1938	Quang Phục, Tiên Lãng	e48/f320b	09-9-1972
47	NGUYỄN CÔNG MẪU	1953	Minh Đới, Tiên Lãng	d4/e95	5-9-1972
48	NGUYỄN TRƯỞNG MINH	1951	22/157, Cầu Đất, Ngô Quyền	c6/d5/e48/f320b	16-8-1972
49	ĐINH VĂN MINH	1953	Lập Lễ, Thủy Nguyên	c10/d9/e102/f308	24-8-1972
50	NGUYỄN VĂN MINH	1951	18, Giang An, Đà Nẵng, Ngô Quyền	c7/d5/e48/f320b	2-9-1972
51	NGUYỄN VĂN MỘC	1950	Tam Đa, Vĩnh Bảo	d6/e95	22-8-1972
52	BÙI QUANG NẶC	1947	Quang Phục, Tiên Lãng	e48/f320b	9-9-1972
53	HỒ XUÂN NGŨ	1954	Hợp Đức, Kiến Thụy	e95	10-9-1972
54	TRỊNH QUANG NHẠM	1947	Đồng Hải, Hải An	e48f320b	24-7-1972
55	BÙI VĂN NHUẬN	1952	Đồng Thái, An Dương	e48/f320	9-9-1972
56	NGUYỄN XUÂN NẾT	1951	Phù Ninh, Thủy Nguyên	c20/e102/f308	9-9-1972
57	NGUYỄN ĐĂNG OANH	1942	Kiến Bái, Thụy Nguyên	f320b	9-7-1972
58	NGUYỄN VĂN PHÁT	1953	Hoàng Động, Thủy Nguyên	c10d3e48	15-9-1972
59	VŨ VĂN PHIÊN	1954	Số 10/66 Trần Phú, Ngô Quyền	e48/f320b	15-9-1972
60	PHẠM VĂN PHIẾN	1954	Thái Sơn, Kiến Thụy	d4/e95	10-9-1972
61	TRẦN XUÂN PHÚC	1950	10/99 Hàng Kênh, Lê Chân	d9/e102/f308	16-8-1972
62	TRẦN ĐÌNH PHÙNG	1954	An Lư, Thủy Nguyên	c12/d9/e102/f308	17-8-1972
63	VŨ ĐÌNH PHƯƠNG	1952	99 Lạch Tray, Ngô Quyền	e48/f320b	03-9-1972
64	ĐINH VĂN PHƯỜNG	1954	Đồng Thái, An Lão	e48/f320b	12-9-1972
65	NGUYỄN VĂN QUANG	1954	85 Trần Quốc Toản, Lạch Tray, Ngô Quyền	c11d3e48	24-8-1972
66	ĐỖ VĂN SANG	1954	Kỳ Sơn, Thủy Nguyên	c9/d9/e102/f308	5-9-1972
67	ĐỖ VĂN SÁNH	1951	200 Lạch Tray, Ngô Quyền	e48/f320b	15-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
68	TRẦN THÁI SƠN	1954	134, Lê Lợi, Ngô Quyền	c5/d5/e48/f320b	24-8-1972
69	LƯU ĐỨC SINH	1954	An Thái, An Lão	e48/f320b	12-9-1972
70	ĐINH VĂN TẮM	1954	Phả Lễ, Thủy Nguyên	c1/d7/e102/f308	15-8-1972
71	HÀ VĂN THẠCH	1954	Hùng Vương, Hồng Bàng	e48/f320b	9-9-1972
72	ĐINH VĂN THÁI	1951	Lập Lễ, Thủy Nguyên	d9/e102/f308	4-8-1972
73	VÕ QUANG THẮNG	1954	Lưu Kiếm, Thủy Nguyên	e48/f320b	02-8-1972
74	NGUYỄN VĂN THẦN	1953	Minh Đức, Thủy Nguyên	c3/d7/e102/f308	21-8-1972
75	TRẦN VĂN THÁNH	1952	Đông Khê, Ngô Quyền	c11d3e48	15-9-1972
76	NGUYỄN VĂN THAO	1940	An Sơn, Thủy Nguyên	f320b	30-6-1972
77	TRẦN VĂN THIÊN (CHIÊM)	1954	49B TK lao động 238 Đà Nẵng, Ngô Quyền	c9d3e48	15-9-1972
78	NGUYỄN HỮU THỌ	1953	Lưu Kỳ, Thủy Nguyên	c1/d7/e102/f308	13-8-1972
79	BÙI VĂN THOẠI	1940	An Hồng, An Dương	f320b	03-7-1972
80	LÊ VĂN THỐC	1954	Minh Tân, Thủy Nguyên	c1/d7/e102/f308	15-8-1972
81	PHẠM VĂN THUẤN	1953	Ngũ Phúc, Kiến Thụy	c6/d2/e36/f308	10-9-1972
82	DƯƠNG VĂN THỨC	1954	Dư Hàng Kênh, Lê Chân	e48/f320b	25-8-1972
83	BÙI VĂN THUỒM	1954	Kênh Giang, Thủy Nguyên	c11/d9/e102/f308	17-8-1972
84	TRƯƠNG MINH THỤY	1953	Đà Nẵng, Ngô Quyền	c6/d5/e48/f320b	16-8-1972
85	BÙI XUÂN TIẾN	1953	Trung Quốc	c10/d9/e102/f308	22-8-1972
86	NGÔ VĂN TIM	1952	Lai Xuân, Thủy Nguyên	d8/e102/f308	15-8-1972
87	BÙI VĂN TÍM	1952	Kỳ Sơn, Thủy Nguyên	c14/e102/f308	14-8-1972
88	PHẠM VĂN TOÀN	1954	Đông Thái, An Dương	e48/f320b	12-9-1972
89	PHẠM KHẮC TRO	1953	Kiên Bái, Thủy Nguyên	c1/d7/e102/f308	25-8-1972
90	ĐỖ VĂN TỰ	1954	Đông Thái, An Dương	d3e48	03-9-1972
91	ĐÀO HỮU TUYÊN	1945	Đông Thái, An Dương	c20e48	09-9-1972
92	ĐỖ VĂN VINH	1954	Chính Mỹ, Thủy Nguyên	e48/f320b	15-9-1972
93	PHẠM VĂN VĨNH	1954	Cao Nhân, Thủy Nguyên	c9/d9/e102/f308	11-9-1972
94	BÙI NGỌC XA	1950	Kênh Giang, Thủy Nguyên	c10/d9/e102/f308	17-8-1972
95	NGUYỄN VĂN XUÂN	1950	48/182, Đà Nẵng, Ngô Quyền	e48/f320b	12-8-1972
96	PHẠM BÁ XƯƠNG	1954	Hoà Bình, Thủy Nguyên	c9/d9/e102/f308	22-8-1972

HÒA BÌNH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	BÙI VĂN BÌNH	1952	Văn Nghĩa, Lạc Sơn	c5/d2/f308	25-7-1972
2	LƯƠNG VĂN CẦU	1952	Tân Lập, Đà Bắc	c4/d7/f308	14-8-1972
3	BÙI VĂN CHỆCH	1950	Chí Thiện, Lạc Sơn	c5/d2/f308	25-7-1972
4	HÀ VĂN CHI	1947	Đính Cường, Đà Bắc	d75/e84	23-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
5	SA VĂN CHỪA	1949	Đồng Chum, Đà Bắc	d8 Quảng Trị	7-9-1972
6	BÙI VĂN CHUỘN	1949	Hòa Sơn, Lương Sơn	d8 Quảng Trị	03-9-1972
7	NGUYỄN HUY ĐAM	1946	Sơn Phúc, Hương Sơn	e97	02-8-1972
8	HOÀNG NGỌC ĐÀO	1952	Lương Sơn, Hòa Bình	e48/f320b	14-07-1972
9	NGÔ VĂN ĐÍCH	1953	Yên Bình, Lương Sơn	e45	04-8-1972
10	VŨ VĂN GIÁP	1954	Cao Thắng, Lương Sơn	d8 Quảng Trị	11-9-1972
11	HÀ VĂN HIẾM	1952	Tu Lý, Đà Bắc	e48/f320b	08-7-1972
12	BÙI MINH HIỀN	1952	Đồng Phòng, Kỳ Sơn	c3/d4/e24/f304	28-6-1972
13	BÙI NGỌC HOÀN	1954	Cối Hạ, Kim Bôi	d8 Quảng Trị	11-9-1972
14	BÙI XUÂN KIỂM	1952	Tiến Xuân, Lương Sơn	d8 Quảng Trị	03-9-1972
15	BÙI NGỌC LONG	1955	Kim Truy, Kim Bôi	d8 Quảng Trị	13-9-1972
16	NGUYỄN TRÍ MẠNH	1952	Yên Lạc, Yên Thủy	e48/f320b	12-9-1972
17	BÙI VĂN MINH	1952	Đạo I, Lạc Sơn	c5/d2/f308	25-7-1972
18	BÙI VĂN MƯỢN	1947	Xuân Đạo, Lạc Sơn	c1/d1/e36/f308	24-7-1972
19	BÙI VĂN NHỊNH	1952	Ngổ Luông, Tân Lạc	e48/f320b	6-7-1972
20	BÙI HỒNG NHỊT	1954	Nật Sơn, Kim Bôi	d8 Quảng Trị	13-9-1972
21	BÙI VĂN NHỌN	1951	Cối Hạ, Kim Bôi	d8 Quảng Trị	11-9-1972
22	BÙI ĐỨC PHÊ	1952	Phong Phú, Tân Lạc	f320b	26-7-1972
23	BÙI VĂN PHƯỢNG	1952	Thanh Hối, Tân Lạc	c3/d1/f308	22-8-1972
24	BÙI VĂN SẾCH	1952	Ngổ Lương, Tân Lạc	c8/d2/f308	23-7-1972
25	BÙI VĂN SI	1952	Tú Sơn, Kim Bôi	e48/f320b	29-6-1972
26	BÙI VĂN SƠN	1952	Liên Hòa, Lạc Sơn	c3/d19	30-8-1972
27	BÙI VĂN TẤN	1953	Liên Vũ, Lạc Sơn	d8 Quảng Trị	11-9-1972
28	QUÁCH HỒNG TƯ	1950	Kim Bình, Kim Bôi	d8 Quảng Trị	11-9-1972
29	ĐINH CÔNG THIẾT	1952	Ba La, Mai Châu	e48/f320b	07-7-1972
30	BÙI VĂN VÂN	1952	Liên Hòa, Lạc Sơn	f320b	31-7-1972
31	BÙI VĂN VEO	1952	Tân Mỹ, Lạc Sơn	d8 Quảng Trị	03-9-1972

HƯNG YÊN

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN XUÂN ÂM		Ngọc Thanh, Kim Động	d6/e95	27-7-1972
2	NGUYỄN VĂN ẤP	1954	Mễ Sở, Văn Giang	c1/d17	15-9-1972
3	NGUYỄN XUÂN BÀN	1950	Việt Cường, Yên Mỹ	d8 Quảng Trị	8-1972
4	NGUYỄN VĂN BÍCH	1950	Liên Xá, Yên Mỹ	d8 Quảng Trị	8-1972
5	TRẦN HOÀ BÌNH	1954	Tân Trào, Ân Thi	c6/d8/e102/f308	2-9-1972
6	NGUYỄN NGỌC BÌNH	1953	Tiên Thắng, Yên Mỹ	d5/e95	29-7-1972
7	ĐỖ THANH BÌNH	1952	Tân Hưng, Văn Lâm	c21/PTM	10-8-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
8	NGÔ VĂN BÌNH	1954	Nghĩa Trụ, Văn Giang	c2/d17	12-9-1972
9	DOÃN ĐÌNH CẦN	1952	Đoàn Đào, Phù Cừ	c11/d9/e102/f308	21-8-1972
10	NGUYỄN VĂN CẢO	1953	Thái Hòa, Khoái Châu	d6/e95	26-7-1972
11	ĐẶNG VĂN CẢO	1954	Vinh Khúc, Văn Giang	c1/d17	13-9-1972
12	TRẦN CAO CHÍ		Đức Hợp, Kim Động	d14/e84	11-9-1972
13	ĐỖ VĂN CHIẾN	1954	Vinh Khúc, Văn Giang	c1/d17	6-9-1972
14	PHẠM CHÂN CHÍNH		Tân Châu, Khoái Châu	c20/e95	10-8-1972
15	LƯƠNG ĐỨC CHÍNH	1950	Tân Việt, Yên Mỹ	d7/e18	5-8-1972
16	PHẠM VĂN CHÍNH	1952	Dân Chủ, Yên Mỹ	d4/e95	31-7-1972
17	ĐỖ ĐỨC CHỨC	1954	Đại Tập, Khoái Châu	d5/e95	27-7-1972
18	NGUYỄN VĂN CHUNG		Bình Minh, Khoái Châu	c24/e95	16-7-1975
19	NGÔ VĂN CỰ	1954	Cộng Hòa, Yên Mỹ	d6/e95	28-7-1972
20	NGUYỄN VĂN CƯƠNG	1954	Thắng Lợi, Văn Giang	c20/PTM	23-8-1972
21	DƯƠNG ĐÌNH CƯƠNG	1953	Hồng Tiến, Khoái Châu	d6/e95	11-8-1972
22	VŨ QUANG DIỆN	1954	Hoàng Diệu, Mỹ Hào	c25/95	29-7-1972
23	NGUYỄN VĂN DIỆU	1952	Hồng Vân, Ân Thi	d8/e102/f308	28-8-1972
24	NGUYỄN VĂN DÌNH		Trần Phú, Ân Thi	e48/f320b	09-9-1972
25	CAO ĐẠI DŨNG	1953	Tân Quang, Văn Lâm	c21/PTM	10-8-1972
26	ĐỖ QUANG DƯƠNG	1950	Liên Khê, Khoái Châu	d5/e95	27-7-1972
27	LÊ HIỆU ĐẠO		Xuân Quan, Văn Giang	c1/d17	2-9-1972
28	ĐỖ VĂN ĐẠT		Liên Khê, Khoái Châu	d4/e95	31-7-1972
29	NGUYỄN VĂN ĐIỆN	1953	Hiệp Cường, Kim Động	c3/d14	22-8-1972
30	NGUYỄN VĂN ĐIỀU	1954	Kim Ngưu, Khoái Châu	d6/e95	12-8-1972
31	NGUYỄN NGỌC ĐỈNH	1950	Việt Cường, Yên Mỹ	d8 Quảng Trị	08-1972
32	PHAN VĂN ĐỊNH	1954	Tân Việt, Yên Mỹ	d6/e95	9-8-1972
33	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	1952	Thành Công, Khoái Châu	d5/e95	11-7-1972
34	BÙI VĂN ĐỒNG	1945	Đại Lượng, Khoái Châu	d4/e95	4-8-1972
35	PHẠM TRƯỜNG GIANG	1952	Giai Phạm, Yên Mỹ	d8 Quảng Trị	8-1972
36	NGUYỄN VĂN GIÁP	1953	Tiến Thắng, Yên Mỹ	c18/e95	21-7-1972
37	HOÀNG NGỌC HÀ	1950	Nhật Tân, Tiên Lữ	d8 Quảng Trị	8-1972
38	LÊ VĂN HÀ	1954	Phan Chu Trinh, Ân Thi	c6/d8/e102/f308	15-9-1972
39	PHẠM THẾ HẢI	1947	Thanh Long, Yên Mỹ	d6/e95	24-7-1972
40	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	1954	Vũ Nam, Yên Mỹ	d6/e95	28-7-1972
41	ĐỖ KHOÁI HẠNH	1954	Liên Khê, Khoái Châu	d6/e95	24-7-1972
42	TRẦN VĂN HIẾN	1945	Tân Trào, Ân Thi	c14/e95	9-8-1972
43	HOÀNG VĂN HIẾN	1955	Chính Nghĩa, Kim Động	PTM	1-8-1972
44	NGUYỄN VĂN HIỂN	1954	Long Hưng, Văn Giang	c1/d17	13-9-1972
45	NGUYỄN CHÍ HIỆP	1941	Đồng Tiến, Khoái Châu	c11/d9/e102/f308	17-8-1972
46	ĐẶNG HIỆP HÒA	1954	Minh Tiến, Phù Cừ	PTM	19-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
47	TRẦN VĂN HOÀI	1950	Hồng Bàng, Yên Mỹ	d8 Quảng Trị	7-1972
48	ĐỖ HỮU HỘI	1954	Đồng Tiến, Khoái Châu	d5/e95	18-8-1972
49	NGUYỄN VĂN HỢP	1954	Thường Kiệt, Yên Mỹ	d4/e95	25-7-1972
50	NGUYỄN VĂN HUỆ	1954	Vinh Khúc, Văn Giang	c1/d17	12-8-1972
51	NGUYỄN DUY HÙNG		Hùng An, Kim Động	c3/d14	29-7-1972
52	HOÀNG MẠNH HÙNG	1954	Trần Hưng Đạo, TP Hưng Yên	d5/e95	11-9-1972
53	TRẦN VĂN HÙNG	1946	Quốc Trị, Tiên Lữ	e48/f320b	13-9-1972
54	NGUYỄN DUY HÙNG	1954	Hồng Bàng, Yên Mỹ	d5/e95	1-9-1972
55	TRẦN VĂN HÙNG	1954	Liên Khê, Khoái Châu	d4/e95	6-9-1972
56	ĐỖ ĐỨC HƯỜNG	1950	Đại Tập, Khoái Châu	d6/e95	24-7-1972
57	NGUYỄN VĂN HƯỜNG	1954	Hồng Bàng, Yên Mỹ	d5/e95	31-7-1972
58	NGUYỄN HỮU HUYNH	1954	Tịnh Tiến, Yên Mỹ	d5/e95	30-7-1972
59	LÊ CÔNG ÍCH	1952	Tân Châu, Khoái Châu	d4/e95	25-8-1972
60	NGUYỄN VĂN KHẮC	1951	Thắng Lợi, Văn Giang	c2/d17	12-9-1972
61	TÔ VĂN KHOA	1954	Thường Kiệt, Yên Mỹ	d4/e95	25-8-1972
62	NGUYỄN VĂN KHOÁT	1953	Yên Phú, Yên Mỹ	d4/e95	12-7-1972
63	TRẦN ĐOÀN KHÔI	1950	Trung Việt, Tiên Lữ	d8 Quảng Trị	9-1972
64	TRƯƠNG VĂN KHUÊ	1950	Tân Lập, Yên Mỹ	d8 Quảng Trị	7-1972
65	TRẦN VĂN KIM	1954	Hùng An, Kim Động	c3/d14	22-8-1972
66	LÊ VĂN KÝ	1950	Tân Dân, Khoái Châu	c18/e95	29-7-1972
67	NGUYỄN VĂN KỶ	1950	Tân Việt, Yên Mỹ	d5/e95	18-8-1972
68	HOÀNG ĐỨC LĂNG	1943	Toàn Tiến, Kim Động	e48/f320b	14-8-1972
69	NGUYỄN NGỌC LĂNG	1945	Nguyễn Trãi, Ân Thi	e102/f308	10-9-1972
70	NGUYỄN VĂN LẬP	1953	Phú Thịnh, Kim Động	d14/e84	11-9-1972
71	NGUYỄN VĂN LỘC	1954	Hồng Bàng, Yên Mỹ	d5/e95	27-7-1972
72	NGUYỄN VĂN LỘC	1953	18 Hoàng Hanh, TP Hưng Yên	d6/e95	19-8-1972
73	TRẦN VĂN LƯU	1954	Thanh Long, Yên Mỹ	b23/e95	14-7-1972
74	NGUYỄN HỮU MẠNH	1948	Yên Phú, Yên Mỹ	d4/e95	10-8-1972
75	ĐINH VĂN MỊCH	1950	Trại Trang, Yên Mỹ	d8 Quảng Trị	8-1972
76	NGUYỄN KHẮC MINH	1953	Tân Dân, Khoái Châu	d4/e95	4-8-1972
77	NGUYỄN VĂN MINH	1952	Lạc Hồng, Văn Lâm	c21/PTM	10-8-1972
78	DƯƠNG VĂN MINH	1954	Thanh Long, Yên Mỹ	c20/e95	31-7-1972
79	ĐÀO VĂN MINH	1954	Toàn Tiến, Kim Động	c3/d14	12-8-1972
80	NGUYỄN XUÂN MỸ	1950	Trại Trang, Yên Mỹ	d8 Quảng Trị	7-1972
81	ĐỖ XUÂN NẮNG	1950	Yên Phú, Yên Mỹ	d8 Quảng Trị	9-1972
82	NGUYỄN HỮU NGHỊ		Vinh Khúc, Văn Giang	c1/d17	15-9-1972
83	VŨ VĂN NGỌ	1954	Đức Hợp, Kim Động	c4/d14	17-8-1972
84	PHẠM VĂN NGƯ	1954	Hùng An, Kim Động	c2/d19	24-8-1972
85	NGUYỄN QUỐC NGŨ	1953	Việt Cường, Yên Mỹ	d4/e95	28-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
86	TRẦN CÔNG NGUYỆT	1951	Hồng Bàng, Yên Mỹ	d5/e95	8-8-1972
87	NGUYỄN HỒNG NHẬT	1953	Tân Hưng, Văn Lâm	c17/e95	15-9-1972
88	PHẠM VĂN NHỊ	1951	Vĩnh Long, Khoái Châu	d6/e95	28-8-1972
89	LÊ VĂN NỘI	1949	Yên Hòa, Yên Mỹ	d4/e95	14-7-1972
90	NGUYỄN VĂN OANH		Thanh Long, Yên Mỹ	d6/e95	27-7-1972
91	LAN VĂN PHỄ	1953	Phùng Hưng, Khoái Châu	d5/e95	4-8-1972
92	LÊ VĂN QUÝ	1952	Vĩnh Khúc, Văn Giang	c1/d17	5-9-1972
93	LÊ VĂN QUYẾN	1954	Phùng Hưng, Khoái Châu	d4/e95	31-7-1972
94	BÙI VĂN QUYẾT	1954	Tứ Dân, Khoái Châu	d4/e95	28-7-1972
95	ĐINH QUANG SANG	1952	Mai Động, Kim Động	c2/d14	11-9-1972
96	NGUYỄN MINH SÁNG	1942	Tiền Phong, Ân Thi	e38	29-6-1972
97	TRẦN VĂN SÚU	1953	Phụng Công, Văn Giang	c1/d17	13-9-1972
98	PHẠM VĂN SƠN	1952	Bình Minh, Khoái Châu	c18/e95	31-7-1972
99	NGÔ VĂN SƯƠNG	1954	Phụng Công, Văn Giang	c1/d17	15-9-1972
100	HOÀNG VĂN SƯU	1954	Tân Tiến, Văn Giang	c20/PTM	01-8-1972
101	NGUYỄN DUY SỸ	1950	Hồng Bàng, Yên Mỹ	d8 Quảng Trị	9-1972
102	VŨ VĂN TÀI	1954	Nhân Hòa, Mỹ Hào	d7/e18	11-8-1972
103	NGUYỄN VĂN TÀN	1954	Nguyễn Huệ, Khoái Châu	d4/e95	27-8-1972
104	ĐÀM QUANG THÁI	1954	An Vỹ, Khoái Châu	d5/e95	7-8-1972
105	HOÀNG TUẤN THAM	1954	Hồng Tiến, Khoái Châu	d5/e95	8-8-1972
106	NGUYỄN VĂN THẮNG	1954	Toàn Thắng, Kim Động	c4/d14	13-8-1972
107	NGUYỄN VĂN THẮNG		Trung Kiên, Văn Lâm	c21/PTM	25-7-1972
108	PHẠM THẾ THANH	1954	Tân Việt, Yên Mỹ	d6/e95	9-8-1972
109	LÊ HIỀN THẢO	1953	Phùng Hưng, Khoái Châu	d5/e95	11-9-1972
110	BÙI VĂN THẮT	1953	Tân Dân, Khoái Châu	d4/e95	10-8-1972
111	NGUYỄN THẾ THÉM		Trung Hưng, Yên Mỹ	d5/e95	11-9-1972
112	NGUYỄN VĂN THỊ	1951	Dạ Trạch, Khoái Châu	d6/e95	26-7-1972
113	NGUYỄN VĂN THIÊN	1950	Ngọc Long, Yên Mỹ	d8 Quảng Trị	8-1972
114	NGUYỄN VĂN THỊNH	1949	Trung Hưng, Yên Mỹ	d17/f308	1-9-1972
115	NGUYỄN THÁI THỨ	1941	Song Mai, Kim Động	e48/f320b	15-07-1972
116	ĐỖ VĂN THUẤN	1950	Thịnh Tiến, Yên Mỹ	d8 Quảng Trị	8-1972
117	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	1949	Văn Phú, Văn Giang	d3 Quảng Trị	1972
118	VŨ XUÂN THUẬN	1950	Nhật Tân, Tiên Lữ	d8 Quảng Trị	8-1972
119	NGUYỄN TƯỜNG THUẬT	1953	Thường Kiệt, Yên Mỹ	d4/e95	10-8-1972
120	NGUYỄN VĂN THUẬT	1953	Thường Kiệt, Yên Mỹ	d5/e95	10-8-1972
121	LÊ VĂN THƯỜNG	1950	Đồng Ninh, Khoái Châu	d5/e95	11-9-1972
122	NGUYỄN VĂN THUY	1950	Yên Mỹ	d8 Quảng Trị	7-1972
123	NGUYỄN VĂN TIỆM	1954	Hồng Vân, Ân Thi	d16	18-8-1972
124	PHẠM VĂN TÌNH	1950	Việt Cường, Yên Mỹ	d8 Quảng Trị	9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
125	NGUYỄN VĂN TÍNH	1953	Xuân Quan, Văn Giang	c2/d17	12-9-1972
126	NGUYỄN TRỌNG TOÀN	1950	Nhật Tân, Tiên Lữ	d8 Quảng Trị	8-1972
127	NGUYỄN ĐỨC TỐNG	1951	Trí Tân, Khoái Châu	d5/e95	7-8-1972
128	TRẦN VĂN TRÁC	1953	Mễ Sở, Văn Giang	c1/d17	12-8-1972
129	PHẠM VĂN TRỂ	1950	Yên Phú, Yên Mỹ	d8 Quảng Trị	9-1972
130	PHẠM TRỌNG TRÍ	1953	Ái Quốc, Tiên Lữ	d25 BTL Đặc công	11-7-1972
131	PHẠM ĐÌNH TRỐ	1954	Hồng Nam, Tiên Lữ	e48/f320b	03-8-1973
132	VŨ HỒNG TƯ	1952	Quang Trung, Ân Thi	d8/e102/f308	20-8-1972
133	ĐÀO HỒNG TỰ	1953	Phan Đình Phùng, Mỹ Hào	d7/e18	11-8-1972
134	LÊ XUÂN TUẤN	1953	Vĩnh Khúc, Văn Giang	c1/d17	12-8-1972
135	TRẦN NGỌC TUYẾN	1944	Hữu Nam, Yên Mỹ	e48/f320b	12-7-1972
136	TẠ HỮU TÝ	1953	Yên Phú, Yên Mỹ	e38	18-7-1972
137	TRẦN VĂN VANG	1954	Cộng Hòa, Yên Mỹ	d4/e95	25-7-1972
138	NGUYỄN VĂN VIÊN	1953	Bắc Sơn, Ân Thi	c2/d7/e102/f308	16-9-1972
139	VŨ VĂN VIỆN	1954	Toàn Thắng, Kim Động	c3/d14	22-8-1972
140	ĐỖ BÁ VINH	1954	Liên Khê, Khoái Châu	d4/e95	28-7-1972
141	HOÀNG VĂN VINH	1954	Thanh Long, Yên Mỹ	d6/e95	28-7-1972
142	NGUYỄN VĂN VƯỢNG	1954	Dạ Trạch, Khoái Châu	d6/e95	30-7-1972
143	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	1954	Phạm Hồng Thái, Ân Thi	c2/d16	31-7-1972
144	VŨ ĐÌNH VƯỢNG		Cương Chính, Tiên Lữ	d4/e95	10-8-1972
145	NGUYỄN TRƯỜNG XUÂN		Diên Hồng, Kim Động	c42/d14	10-8-1972

LẠNG SƠN

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	DƯƠNG DOẢN CHÍ	1950	Quỳnh Sơn, Bắc Sơn	c1d4e88	8-9-1972
2	PHẠM CÔNG CHÍNH	1951	Vạn Kim, Mỹ Đức	e97	14-9-1972
3	NÔNG VĂN CHUYỂN	1953	Tú Mịch, Lộc Bình	e38	18-7-1972
4	HOÀNG VĂN ĐỨC	1953	Tân Lang, Văn Lãng	e38	20-7-1972
5	HOÀNG HỮU HUYỀN	1952	Mộng Ân, Bình Gia	c4/d19	24-8-1972
6	HOÀNG VĂN KHOA	1953	Tràng Phái, Văn Quán	e97	28-6-1972
7	VI TỬ LONG	1952	Minh Khai, Kỳ Lừa	e38	18-7-1972
8	TRIỆU VĂN SỸ	1953	Vân Mộng, Văn Quan	e38	02-7-1972
9	HOÀNG XUÂN THÀNG	1944	Hòa Cư, Cao Lộc	c16/e95	12-9-1972
10	HOÀNG VĂN THOÀNG	1947	Chi Lê, Văn Quán	e45	04-8-1972
11	HOÀNG THANH TÚ	1952	Đại Đồng, Tràng Định	d19	2-9-1972
12	HOÀNG VĂN VÂN	1951	Tân Tác, Văn Lãng	e45	28-6-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

NAM ĐỊNH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN VĂN AN	1950	Trực Thuận, Trực Ninh	d4/e95	03-9-1972
2	NGUYỄN VĂN ẤT	1955	Nghĩa Phong, Nghĩa Hưng	c10/d9/e102/f308	15-8-1972
3	ĐỖ VĂN BA	1949	Nghĩa Lâm, Nghĩa Hưng	d4/e95	10-9-1972
4	TRẦN VIỆT BẠCH	1949	Khu 8, TP. Nam Định	f320b	02-7-1972
5	TRẦN HỮU BẰNG	1948	Mỹ Thịnh, Mỹ Lộc	BTM/e84	02-8-1972
6	TRẦN ĐÌNH BẢO	1951	Lộc An, Ngoại Thành	e38	01-7-1972
7	NGUYỄN ĐIỆN BIÊN	1951	Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng	d25 BTL Đặc công	23-7-1972
8	ĐẶNG VĂN BỐN	1952	Xuân Hồng, Xuân Thủy	c18e48/f320b	01-8-1972
9	ĐẶNG TUẤN CẬY	1947	Mỹ Hưng, NT Nam Định	c17/e48/f320b	25-8-1972
10	NGUYỄN DUY CHẤM	1953	Nghĩa Phong, Nghĩa Hưng	c12/d9/e102/f308	4-9-1972
11	ĐỖ XUÂN CHÁNH	1950	Yên Khang, Ý Yên	c4d2e229 BTL Công binh	9-9-1972
12	TRẦN ĐÌNH CHIẾN	1954	Mỹ Xá, Mỹ Lộc	e48/f320b	15-7-1972
13	ĐỖ VĂN CHÍNH	1953	Yên Giang, Ý Yên	d1/e36/f308	10-7-1972
14	TRIỆU VĂN CHƯ		Hiển Khánh, Vụ Bản	d6/e95	17-8-1972
15	PHẠM VĂN CHUYÊN	1943	Nghĩa Hải, Nghĩa Hưng	c11d3 e48/f320b	21-7-1972
16	ĐỖ TUẤN CƯỜNG	1953	47 Nguyễn Trãi, TP. Nam Định	d5/e95	7-8-1972
17	PHẠM VĂN DẪN	1953	Trung Thành, Vụ Bản	c2/d4/e88/f308	5-9-1972
18	TRẦN ĐĂNG DUNG	1947	Hải Thanh, Hải Hậu	c9/d6/e88/f308	27-8-1972
19	MAI NGỌC DUNG	1949	Hải Thắng, Hải Hậu	c12/d9/e102/f308	28-8-1972
20	TRẦN VĂN DUNG		Nghĩa Trung, Nghĩa Hưng	d3 Quảng Trị	1972
21	NGUYỄN VĂN DỨNG		Xuân Hồng, Xuân Trường	d6/e95	20-7-1972
22	TRƯƠNG MINH ĐĂNG	1951	Trực Nội, Trực Ninh	d4/e95	5-9-1972
23	VƯƠNG VĂN ĐĂNG		Hải Cát, Hải Hậu	d3 Quảng Trị	1972
24	TÔ VĂN ĐIỂM		Nam Chiến, Nam Ninh	d7/e18	11-8-1972
25	TÔ VĂN ĐIỀN		Trần Nam, Nam Ninh	d7/e18	11-8-1972
26	TRẦN VĂN ĐIỂN	1954	Nam Lợi, Nam Trực	e48/f320b	15-9-1972
27	PHÙNG BÁ GIÁ	1949	Đại Gia, Vụ Bản	d19	12-9-1972
28	TẠ VĂN GIẢN		Nam Tiến, Nam Trực	d5/e95	27-7-1972
29	ĐINH VĂN GIẮT	1953	Xuân Vinh, Xuân Trường	d4/e95	25-7-1972
30	NGUYỄN VĂN HÀ	1949	Xuân Châu, Xuân Thủy	c2/ d17	4-9-1972
31	TRẦN PHÚC HẠ	1950	Nam Giang, Nam Trực	c8d2/e48/f320b	02-9-1972
32	ĐOÀN DUY HẢI	1953	Yên Đồng, Ý Yên	c2/d4/e88/f308	19-8-1972
33	TRẦN ĐĂNG HẢI	1952	13 Năng Tĩnh, TP. Nam Định	d4/e95	14-7-1972
34	ĐOÀN VĂN HẢI	1953	Nam Giang, Nam Trực	c3/d1/e36/f308	5-7-1972
35	LÊ ĐỨC HÀN	1942	Xuân Hồng, Xuân Thủy	f320b	29-8-1972
36	TRẦN NGỌC HANH	1953	Bảo Long, Mỹ Lộc	c8/d8/e102/f308	4-8-1972
37	PHẠM ĐỨC HẬU	1952	Xuân Thành, Xuân Thủy	e48/f320b	30-6-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
38	VŨ NGỌC HIỂN	1952	Trực Nội, Trực Ninh	c18 e48/f320b	12-9-1972
39	ĐINH VĂN HIỂN	1955	Yên Nhân, Ý Yên	c3/d4/e88/f308	28-7-1972
40	NGUYỄN VĂN HIẾU	1953	Yên Bằng, Ý Yên	d3 Quảng Trị	1972
41	ĐỖ NGỌC HỘ		Xuân Thượng, Xuân Trường	d6/e95	17-8-1972
42	NGUYỄN VĂN HÒA	1954	Yên Đồng, Ý Yên	d3 Quảng Trị	1972
43	VŨ VĂN HỌC		Nam Quan, Nam Ninh	c1 /d18	15-7-1972
44	NGUYỄN VĂN HỒNG	1946	Mỹ Thuận, Mỹ Lộc	c10d3 e48/f320b	17-8-1972
45	NGUYỄN MẠNH HÙNG	1949	Trực Hưng, Trực Ninh	d4/e95	10-8-1972
46	NGUYỄN PHI HÙNG	1952	Nghĩa Châu, Nghĩa Hưng	c2/d4/e88/f308	25-7-1972
47	NGUYỄN VĂN HÙNG	1954	Yên Vương, Ý Yên	d8/e102/f308	9-8-1972
48	NGUYỄN VĂN HÙNG	1954	An Phụng	f320b	02-9-1972
49	PHẠM XUÂN HÙNG	1953	Xuân Hồng, Xuân Trường	d6/e95	9-8-1972
50	NGUYỄN VĂN KHẢI		Nghĩa Hưng	d3 Quảng Trị	1972
51	VŨ ĐÌNH KHẮNG	1953	Yên Bằng, Ý Yên	d3 Quảng Trị	1972
52	TRẦN CÔNG KHANH	1954	Lộc Hạ, TP. Nam Định	e27f320b	15-9-1972
53	ĐẶNG ĐÌNH KHANH	1952	38 Ngân Hàng, TP. Nam Định	d5/e95	12-9-1972
54	TRẦN DƯƠNG KHÁNH	1953	Mỹ Lộc, Nam Hà	f320b	24-7-1972
55	NGUYỄN VĂN KHÂU	1933	Nam Đồng, Nam Ninh	e48	14-7-1972
56	PHẠM XUÂN KHU		Nam Hùng, Nam Trực	c25/e95	29-7-1972
57	DƯƠNG VĂN KHỨNG	1953	Hải Hòa, Hải Hậu	c2d1 e48/f320b	13-8-1972
58	NGUYỄN VĂN KIỀU	1953	Xuân Thành, Xuân Trường	d6/e95	26-7-1972
59	LƯƠNG NGỌC KINH	1948	Xuân Kiên, Xuân Trường	d6/e95	27-7-1972
60	LÊ VĂN KÍNH	1950	Nam Bình, Nam Trực	d19	2-9-1972
61	PHAN HỒNG KỶ	1949	Giao Thịnh, Giao Thủy	d5/e95	10-9-1972
62	LÃ TRUNG KỶ	1950	Yên Phương, Ý Yên	c3/d7/e102/f308	5-9-1972
63	TRẦN VĂN LAN	1953	Nguyễn Phú, Nghĩa Hưng	c12/d9/e102/f308	7-8-1972
64	VŨ VĂN LẠNG	1953	Giao Xuân, Giao Thủy	d4/e95	8-9-1972
65	VŨ VĂN LẬP	1954	Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng	f320b	5-8-1972
66	TRẦN VĂN LIÊM	1952	Hải Phú, Hải Hậu	d19	30-8-1972
67	NGUYỄN VĂN LOAN	1952	Xuân Tân, Xuân Trường	f320b	12-9-1972
68	NGUYỄN VĂN LỢI	1955	Yên Lộc, Ý Yên	c10/d9/e102/f308	29-8-1972
69	VŨ VĂN LỢI		Trực Mỹ, Trực Ninh	d6/e95	28-7-1972
70	ĐOÀN VIỆT LỰ		Thống Nhất, Giao Thủy	d6/e95	15-9-1972
71	VŨ THẾ LƯƠNG	1954	Nam Hồng, Nam Trực	d4/e95	14-7-1972
72	TRẦN THẾ LƯỢNG	1953	Hải Quang, Hải Hậu	c11d3 e48/f320b	03-7-1972
73	TRẦN VĂN LƯU	1954	Mỹ Hà, Mỹ Lộc	c8/d8/e102/f308	03-9-1972
74	LÊ QUANG MẠNH	1952	Nghĩa Lợi, Nghĩa Hưng	f320b	30-6-1972
75	TỔNG QUỐC MẠNH	1950	Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng	d25 BTL Đặc công	25-7-1972
76	TRẦN HỮU MAY	1954	Trực Thuận, Trực Ninh	d4/e95	10-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
77	TRỊNH DUY MINH	1952	Yên Phong, Ý Yên	c18/e102/f308	28-8-1972
78	NGUYỄN VĂN MINH	1947	Nghĩa Phong, Nghĩa Hưng	BTM/e84	28-7-1972
79	VŨ GIA MƯỜI		Bắc Sơn, Nam Trực	d4/e95	10-9-1972
80	NGUYỄN HỮU NGẠN	1953	Nam Phong, Nam Trực	c4/d1/e36/f308	2-9-1972
81	NGUYỄN VĂN NGẠN	1953	Trực Thuận, Trực Ninh	d4/e95	27-8-1972
82	ĐOÍ VĂN NGHỊ	1953	Nam Hồng, Nam Trực	d4/e95	15-7-1972
83	NGUYỄN VĂN NGUYÊN	1941	Hải Phương, Hải Hậu	d5/e95	2-9-1972
84	PHẠM HỒNG NHẠN	1948	Hải Anh, Hải Hậu	c4 d8 Quảng Trị	15-07-1972
85	PHẠM VĂN NHIỄM	1947	Hoàng Nam, Nghĩa Hưng	c11d3/e48/f320b	28-6-1972
86	ĐÀM VĂN NHƯỢNG	1947	Xuân Tân, Xuân Trường	f320b	30-6-1972
87	LU ĐỨC NINH	1954	Phan Đình Phùng, TP Nam Định	d4/e95	10-8-1972
88	CỔ NHƯ PHÁN	1954	Bắc Sơn, Nam Trực	d4/e95	28-7-1972
89	TRẦN THẾ PHI	1953	Giao Lâm, Giao Thủy	d6/e95	26-7-1972
90	PHẠM HỒNG PHONG	1951	Trực Đại, Trực Ninh	d6/e95	27-7-1972
91	TRẦN VĂN PHONG	1954	Yên Mỹ, Ý Yên	f320b	03-07-1972
92	TRỊNH XUÂN PHÔNG	1954	Yên Nhân, Ý Yên	c1/d4/e88/f308	22-7-1972
93	TRẦN VĂN PHU	1932	Na Đồng, Mỹ Tiến	ebộ e48/f320b	03-9-1972
94	TRẦN VĂN PHÚ	1952	Tiến Đức, Lộc Hòa	c9d3 e48/f320b	28-6-1972
95	NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	1952	Giao Long, Giao Thủy	c1/d7/e102/f308	10-9-1972
96	NGÔ VĂN QUANG	1953	Hải Thịnh, Hải Hậu	d bộ 1 e48/f320b	13-8-1972
97	NGUYỄN TRUNG QUẢNG	1954	139, Hai Bà Trưng, TP. Nam Định	c4/d7/e102/f308	25-8-1972
98	PHẠM NGỌC QUYẾN	1955	Trực Ninh, Nam Trực	d25 BTL Đặc công	29-08-1972
99	NGUYỄN NGỌC QUYNH	1950	Đồng Tân, Vụ Bản	d6/e95	22-8-1972
100	PHẠM TIẾN QUYNH	1947	Nam Thắng, Nam Trực	e48/f320b	12-09-1972
101	NGUYỄN DƯƠNG QUÝT	1953	Bắc Sơn, Nam Trực	d4/e95	18-7-1972
102	VŨ HỒNG RẠN	1952	Giao Long, Giao Thủy	d6/e95	19-8-1972
103	PHẠM LONG SA	1953	Hải Hoà, Hải Hậu	d4/e95	2-9-1972
104	PHẠM VĂN SĨ	1946	Hoàng Nam, Nghĩa Hưng	d1/e36/f308	24-8-1972
105	PHẠM NGỌC SƠN	1953	34 Quang Trung, TP. Nam Định	c4/d1/e36/f308	2-9-1972
106	TRỊNH TRƯỜNG SƠN	1953	Trại E Yên Quang, Ý Yên	c16 e48/f320b	13-7-1972
107	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	1951	Yên Phương, Ý Yên	d4/e95	14-7-1972
108	LẠI VĂN SƠN		Hải Long, Hải Hậu	e95	22-8-1972
109	NGUYỄN ĐÌNH SONG	1950	Hải Thịnh, Hải Hậu	c11d3 e48/f320b	10-9-1972
110	TRẦN VĂN TÀI	1934	Mỹ Phúc, NT Nam Định	e38	02-8-1972
111	PHẠM THẾ TẤN	1954	Mình Tân, Vụ Bản	c18 e48/f320b	27-8-1972
112	NGUYỄN THANH TẾ	1951	Hải An, Hải Hậu	c24 e48/f320b	14-8-1972
113	TRẦN VĂN THẮNG	1951	Trực Thái, Hải Hậu	f320b	06-7-1972
114	TRẦN ĐẠI THẮNG	1953	Nam Phong, Nam Ninh	c5d2 e48/f320b	01-9-1972
115	NGUYỄN VĂN THẮNG		Yên Mỹ, Ý Yên	d3 Quảng Trị	1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
116	ĐINH VĂN THẮNG	1953	Yên Lương, Ý Yên	c18/e102/f308	18-8-1972
117	VŨ VĂN THÀNH	1954	Bắc Sơn, Nam Trực	d4/e95	26-8-1972
118	TRẦN CÔNG THÀNH		K23	d4/e95	10-8-1972
119	TRẦN VĂN THẠNH	1940	Yên Phương, Ý Yên	d75/e84	31-7-1972
120	VŨ VĂN THIÊN	1950	Nghĩa Tân, Nghĩa Hưng	d2/e84	14-7-1972
121	ĐỖ XUÂN THỈNH	1953	Tân Lập, Ý Yên	d8 Quảng Trị	08-1972
122	ĐỖ QUANG THÔNG	1943	Hải Anh, Hải Hậu	c1/d1/e36/f308	2-9-1972
123	VŨ VĂN THỪA	1951	Hải Ninh, Hải Hậu	e bộ e48/f320b	29-7-1972
124	DƯƠNG VĂN THỨC	1954	Yên Tiến, Ý Yên	d3 Quảng Trị	1972
125	TRẦN HUY THỰC	1942	Mỹ Xuyên, Mỹ Lộc	e48/f320b	02-08-1972
126	TRẦN TRỌNG THƯỜNG	1952	30B Phú Long A	c7/d5/e88/f308	7-8-1972
127	PHẠM VĂN THƯỜNG		Nam Hồng, Nam Trực	d4/e95	4-8-1972
128	PHẠM THANH THỦY	1954	Xuân Tân, Xuân Trường	e48/f320b	29-06-1972
129	NGUYỄN TRUNG TÍCH		Thái Sơn, Nam Trực	c25/e95	23-8-1972
130	NGUYỄN VIỆT TỊCH	1952	Giao Yến, Giao Thủy	d5/e95	2-9-1972
131	PHẠM DUY TIẾN	1953	Giao Lâm, Giao Thủy	f320b	28-08-1972
132	HÙNG MINH TIẾN	1954	50 Đông An, Khối 4, Khu 1, TP. Nam Định	c20/e88/f308	14-9-1972
133	TRẦN ĐÌNH TIẾN	1949	Phú Mỹ	f320b	28-6-1972
134	VŨ VĂN TÍN		Trực Nội, Trực Ninh	d4/e95	2-9-1972
135	TRẦN VĂN TÍNH	1950	Nghĩa Hiệp, Nghĩa Hưng	c15/e102/f308	30-8-1972
136	ĐOÀN VĂN TÌNH	1954	Bắc Sơn, Nam Trực	d4/e95	25-7-1972
137	PHẠM VĂN TÌNH	1949	Trực Định, Trực Ninh	d6/e95	16-7-1972
138	PHAN VIỆT TRỂ	1950	Yên Nghĩa, Ý Yên	d8 Quảng Trị	9-1972
139	NGUYỄN QUANG TÚ	1952	Nam Hồng, Nam Trực	d4/e95	4-8-1972
140	TRẦN ĐOÀN TỰ		Hải Phong, Hải Hậu	c3/ d14	26-8-1972
141	ĐINH VIỆT TỰ	1949	Yên Trung, Ý Yên	d8 Quảng Trị	10-7-1972
142	HOÀNG HUY TUÂN	1944	Mỹ Thành, Mỹ Lộc	c8/d8/e102/f308	29-8-1972
143	BÙI VĂN TUẤN	1951	Giao Thủy, Giao Thủy	d6/e95	10-9-1972
144	NGUYỄN VĂN TÙY	1954	Số 9 Ninh Bình, Khối 2	c5d2 e48/f320b	26-7-1972
145	ĐỖ NGỌC TUYẾT	1954	Xuân Thành, Xuân Trường	d6/e95	28-7-1972
146	NGUYỄN VĂN VẠN	1951	Trực Bình, Trực Ninh	c18/e102/f308	15-8-1972
147	PHẠM ĐÌNH VÀNG		Nam Hồng, Nam Trực	d5/e95	27-7-1972
148	PHẠM TUẤN VIỆT	1952	Yên Quang, Ý Yên	c18/e102/f308	5-9-1972
149	TRẦN QUANG VINH	1953	Nghĩa Hải, Nghĩa Hưng	c11d3 e48/f320b	12-7-1972
150	PHẠM THẾ VINH	1953	Thành Lợi, Vụ Bản	c5d2 e48/f320b	27-7-1972
151	BÙI XUÂN VINH	1954	Số 1 Quang Trung K2	c15 e48/f320b	10-8-1972
152	PHẠM VIỆT VINH	1953	Giao Yến, Giao Thủy	d6/e95	16-7-1972
153	VŨ VĂN VINH	1953	Bắc Sơn, Nam Trực	d4/e95	6-8-1972
154	TRẦN ĐỨC VỤ	1954	Mỹ Phúc, Mỹ Lộc	f320b	23-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
155	LẠI ĐỨC VƯỢNG	1948	Hải Thanh, Hải Hậu	c17e48/f320b	25-8-1972
156	NGUYỄN VĂN XANH		Giao Thịnh, Giao Thủy	d5/e95	11-9-1972
157	TRẦN VĂN XỨNG	1950	Phú Hưng, Nam Ninh	c1/d19	30-7-1972
158	NGUYỄN NGỌC YẾN		Bạch Long, Giao Thủy	c1/d19	14-8-1972

NGHỆ AN

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN ĐẮC BA	1953	Thanh Văn, Thanh Chương	d bộ d2 e48/f320b	12-7-1972
2	NGUYỄN VĂN BA	1953	Thanh Liên, Thanh Chương	d bộ d1 e48/f320b	12-7-1972
3	VŨ VĂN BẢO	1940	Quỳnh Hoa, Quỳnh Lưu	d770/B trạm 12	8-8-1972
4	NGUYỄN VĂN BẮY		Nghĩa Phúc, Tân Kỳ	d75/e84	7-9-1972
5	NGUYỄN VĂN BI	1954	Quyết Tiến, An Hòa	c20/e48/f320b	01-9-1972
6	ĐẶNG ĐÌNH BÌNH	1954	Phong Thịnh, Thanh Chương	c6d2 e48/f320b	02-9-1972
7	HỒ VĂN BÌNH	1953	Quỳnh Long, Quỳnh Lưu	d5/e95	8-9-1972
8	HÀ VĂN BÌNH	1950	Cam Đường, Bảo Thắng	c6d5e165	19-8-1972
9	NGUYỄN XUÂN BÌNH		Thanh Giang, Thanh Chương	c20/PTM	01-8-1972
10	LÊ THẾ CẦN	1953	Thanh Huân, Thanh Chương	e48/f320b	14-09-1972
11	PHAN VĂN CẦN	1952	Thanh Hưng, Thanh Chương	d3/e84	8-7-1972
12	LÊ NGỌC CHÂU	1951	Vĩnh Sơn, Anh Sơn	e48/f320b	10-07-1972
13	NGUYỄN NGỌC CHÂU	1949	Quỳnh Hoa, Quỳnh Lưu	d5/e95	10-9-1972
14	CHU MẠNH CHÂU	1951	Thanh Khai, Thanh Chương	d5/e95	9-9-1972
15	NGUYỄN MINH CHÂU	1953	An Hoà, Quỳnh Lưu	c6/d2/e36/f308	15-8-1972
16	VÕ QUANG CHÂU	1953	Đôn Phục, Con Cuông	c6d2/e48/f320b	29-7-1972
17	NGÔ QUANG CHÂU	1950	Quỳnh Lương, Quỳnh Lưu	d5/e95	14-9-1972
18	BÙI LÊ CHIÊM	1935	Thanh Yên, Thanh Chương	d3 Quảng Trị	22-8-1972
19	TRẦN XUÂN CHIỂU	1950	Bệnh viện Đô Lương	d1/e36/f308	24-8-1972
20	HOÀNG MINH CHÍNH	1954	Diễn Mỹ, Diễn Châu	c5d2/e48/f320b	12-9-1972
21	ĐÀO VĂN CHUNG	1953	Lam Sơn, Đô Lương	d1/e84	5-7-1972
22	LÊ BÌNH CHỨNG	1944	Quỳnh Mỹ, Quỳnh Lưu	d3 Quảng Trị	03-8-1972
23	NGUYỄN THẾ CƠ	1951	Diễn Đoài, Diễn Châu	d3/e84	16-7-1972
24	LÊ VĂN CÔN	1954	Sơn Hải, Quỳnh Lưu	d4/e95	2-9-1972
25	HOÀNG VĂN CƯ	1948	Diễn Lâm, Diễn Châu	d bộ d2 e48/f320b	09-9-1972
26	LÊ ĐÌNH DIỆM	1954	Diễn Thắng, Diễn Châu	c5d2/e48/f320b	10-9-1972
27	NGUYỄN QUANG DIỆU	1951	Diễn Đoài, Diễn Châu	d75/e84	23-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
28	PHAN HUY DUNG	1953	Thanh Hưng, Thanh Chương	d3/e84	8-7-1972
29	NGUYỄN VĂN DUY	1949	Hưng Châu, Hưng Nguyên	d4/e95	4-9-1972
30	HOÀNG DUY ĐÍCH	1947	Quỳnh Thọ, Quỳnh Lưu	c7d2/e48/f320b	05-8-1972
31	HOÀNG NGỌC ĐIỀU	1950	Sơn Hải, Quỳnh Lưu	d4/e95	2-9-1972
32	ĐẬU KHẮC ĐÌNH	1953	Đồng Văn, Thanh Chương	c5d2 e48/f320b	30-8-1972
33	VÕ VĂN ĐỒNG	1948	Thanh Long, Thanh Chương	c7d5/e165	9-9-1972
34	NGUYỄN MINH ĐỨC	1952	Quỳnh Lâm, Quỳnh Lưu	d5/e95	14-9-1972
35	PHẠM NGỌC ĐỨC	1952	Quỳnh Vinh, Quỳnh Lưu	c7d5/e165	9-9-1972
36	VÕ VĂN ĐƯỜNG	1949	Vĩnh Thành, Yên Thành	d5/e95	14-9-1972
37	TRẦN VĂN HAI	1953	Thanh Ngọc, Thanh Chương	f320b	28-8-1972
38	NGUYỄN HỮU HẢI	1953	Diễn Lộc, Diễn Châu	c2/d14	17-8-1972
39	NGUYỄN VĂN HÁN	1954	Diễn Châu	d5/e95	19-8-1972
40	NGUYỄN KHẮC HẠNH	1951	Quỳnh Bảng, Quỳnh Lưu	d5/e95	8-9-1972
41	NGUYỄN HỮU HẢO	1954	Thanh Thủy, Thanh Chương	d4/e95	5-9-1972
42	VƯƠNG ĐÌNH HẬU	1952	Trung Sơn, Đô Lương	c14/e84	9-7-1972
43	NGUYỄN VĂN HẬU	1950	Quỳnh Thắng, Quỳnh Lưu	d3/e36/f308	9-7-1972
44	NGUYỄN PHÙNG HIỆP	1954	Xuân Trường, Thanh Chương	f320b	28-8-1972
45	LÊ XUÂN HIẾU	1953	Châu Bình, Quỳnh Châu	d1/e84	25-7-1972
46	LƯƠNG VĂN HIỆU	1952	Luân Mai, Tương Dương	d1/e84	21-7-1972
47	PHẠM MINH HIỆU	1940	Thanh Tiên, Thanh Chương	e45	26-7-1972
48	LÊ MINH HÓA	1950	Quỳnh Lương, Quỳnh Lưu	d5/e95	3-9-1972
49	NGUYỄN HÒA	1953	Sơn Hải, Quỳnh Lưu	d4/e95	2-9-1972
50	HỒ VĂN HÒA	1953	Quỳnh Văn, Quỳnh Lưu	d3/e84	16-7-1972
51	TRẦN VĂN HÒA	1952	Võ Liệt, Thanh Chương	d bộ d1 e48/f320b	6-8-1972
52	BÙI VĂN HOAN	1945	Thịnh Sơn, Đô Lương	c14/e48/f320b	17-7-1972
53	NGUYỄN HỮU HOÀNG	1954	Nghĩa Phúc, Tân Kỳ	d1/e84/e48/f320b	16-7-1972
54	NGUYỄN THÁI HOÀNG	1954	Nghĩa Đan	d5/e95	14-9-1972
55	LÊ XUÂN HỘI	1947	Diễn Bình, Diễn Châu	e48/f320b	15-9-1972
56	NGUYỄN VĂN HỘI	1949	Phúc Thành, Yên Thành	f320b	27-8-1972
57	LƯU CÔNG HỢI	1949	Khánh Sơn, Nam Đàn	d2/e84	11-7-1972
58	DƯƠNG NIỆM HỢI	1948	Hưng Xuân, Hưng Nguyên	e45	31-7-1972
59	NGUYỄN ĐÌNH HỒNG	1953	Thanh Dương, Thanh Chương	c15e48/f320b	12-7-1972
60	NGUYỄN HOÀNG HUẾ	1953	Thanh Tiến, Thanh Chương	c5d2/E48/f320b	15-7-1972
61	TẠ HỮU HƯƠNG	1952	Diễn Cát, Diễn Châu	c1/d14	15-9-1972
62	LÊ MINH HƯỚNG	1946	Quỳnh Giang, Quỳnh Lưu	c18e48/f320b	19-8-1972
63	TÔ VĂN HUYỀN	1952	Giang Sơn, Đô Lương	d1/e84	9-7-1972
64	NGUYỄN VIỆT HUYNH	1952	Phong Thịnh, Thanh Chương	d2/e84	31-8-1972
65	LÊ TIẾN KHUYẾN	1952	Ngọc Sơn, Thanh Chương	f320b	28-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
66	PHAN SỸ KHUYNH	1950	Nam Giang, Nam Đàn	c4d2e229 BTL Công binh	14-9-1972
67	LƯƠNG VĂN KINH	1949	Châu Lý, Quỳnh Hợp	d2/e84	7-7-1972
68	PHẠM MINH KÝ	1944	Tương Dương	d5/e95	9-9-1972
69	TẠ HỮU KỲ	1953	Diễn Cát, Diễn Châu	d bộ d2 E48/f320b	02-9-1972
70	LÊ ĐÌNH KỶ	1953	Đĩnh Sơn, Anh Sơn	d18	9-9-1972
71	TRẦN VĂN LẠC	1953	Diễn Hồng, Diễn Châu	c1/d17	13-9-1972
72	HỒ VĂN LAI	1952	Quỳnh Bá, Quỳnh Lưu	c3/d16	29-7-1972
73	LƯƠNG MAI LÂM	1950	Viên Thành, Yên Thành	d5/e95	9-9-1972
74	NGUYỄN VĂN LAN	1952	Thanh Hương, Thanh Chương	e48/f320b	28-8-1972
75	PHẠM VĂN LAN	1952	Thanh Chương	d3/e84	31-7-1972
76	VŨ KHẮC LẠNG	1954	Nghĩa Đàn	d5/e95	14-9-1972
77	NGUYỄN ĐỨC LẬP	1954	Thanh Xương, Thanh Chương	f320b	28-8-1972
78	LÒ VĂN LẬP	1954	Tam Quang, Tương Dương	d5/e95	11-9-1972
79	NGUYỄN PHÚC LIỆM	1954	Nam Thượng, Nam Đàn	c5d2e48/f320b	12-9-1972
80	NGUYỄN KHẮC LIÊN	1947	Nghĩa Hợp, Tân Kỳ	e48/f320b	06-8-1972
81	NGUYỄN ĐÌNH LIÊN	1951	Thanh Dương, Thanh Chương	d4/e95	26-7-1972
82	NGUYỄN ĐỨC LỘC	1954	Thanh An, Thanh Chương	d5/e95	10-9-1972
83	HỒ SỸ LỘC	1949	Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu	c25/e36/f308	24-7-1972
84	NGUYỄN VĂN LỘC	1952	Diễn Vạn, Diễn Châu	e48/f320b	10-9-1972
85	NGUYỄN ĐÌNH LỢI	1948	Nam Lĩnh, Nam Đàn	c8d5/ e165	25-8-1972
86	BÙI VĂN LONG	1953	Thanh Lương, Thanh Chương	dbộ d3 e48/f320b	02-8-1972
87	ĐÀO NGỌC LONG	1953	Quỳnh Long, Quỳnh Lưu	d5/e95	13-9-1972
88	PHẠM THANH LONG	1945	Diễn Yên, Diễn Châu	e97	02-8-1972
89	VŨ ĐỨC LỰC	1954	Diễn Lâm, Diễn Châu	e48/f320b	08-9-1972
90	ĐẬU QUANG LƯƠNG	1952	Hưng Hoà, TP. Vinh	d5/e95	26-7-1972
91	ĐẶNG ĐÌNH LƯU	1947	Thị trấn Đô Lương	c14e48/f320b	28-8-1972
92	TRẦN XUÂN MIỆN	1948	Quỳnh Ngọc, Quỳnh Lưu	c10 d3 Quảng Trị	15-8-1972
93	NGUYỄN VĂN MINH	1952	Quỳnh Thọ, Quỳnh Lưu	d5/e95	14-9-1972
94	TRƯƠNG VĂN MINH	1953	Nghĩa Xuân, Quỳnh Hợp	d1/e84	27-7-1972
95	NGUYỄN XUÂN MINH	1953	Nam Xuân, Nam Đàn	d3/e84	16-7-1972
96	NGUYỄN VĂN NAM	1950	Quỳnh Tam, Quỳnh Lưu	d4/e95	2-9-1972
97	NGUYỄN VĂN NĂM	1953	Châu Khê, Con Cuông	c11d3e48/f320b	21-7-1972
98	NGUYỄN VĂN NĂM	1953	Quỳnh Thạch, Quỳnh Lưu	c4/d1/e36/f308	8-9-1972
99	ĐẶNG ĐÌNH NGHĨA	1953	Cát Văn, Thanh Chương	d1/e84	13-7-1972
100	NGUYỄN VĂN NGHIÊN	1954	Diễn Xuân, Diễn Châu	c2d1e48/f320b	10-8-1972
101	TRỊNH DOãn NGÚT	1952	Nông Trường thanh Niên	c6d5e165	12-8-1972
102	NGUYỄN PHƯƠNG NHẠC	1952	Thanh Phong, Thanh Chương	d5/e95	12-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
103	HỒ SỸ NHÂM	1952	Thanh Tiến, Thanh Chương	d5d2/e48/f320b	15-7-1972
104	NGUYỄN VĂN NHỊ	1952	Thanh Lương, Thanh Chương	d bộ d3 e48/f320b	14-9-1972
105	VŨ VĂN NHUẬN	1953	Nghĩa Hợp, Tân Kỳ	d1/e84 e48/f320b	21-7-1972
106	CAO XUÂN NHUNG	1953	Nghĩa Hợp, Tân Kỳ	e48/f320b	30-6-1972
107	NGUYỄN VĂN NHUNG	1945	Hưng Trung, Hưng Nguyên	d2/e84	11-8-1972
108	NGUYỄN CHÁNH NHƯÔNG	1948	Quỳnh Liên, Quỳnh Lưu	c7d5e165	13-9-1972
109	HỒ ĐĂNG NINH	1953	Quỳnh Hoa, Quỳnh Lưu	d5/e95	14-9-1972
110	LÊ VĂN NINH	1952	Nghi Long, Nghi Lộc	d4/e95	2-9-1972
111	LU ĐỨC PHÀN	1954	Hưng Nguyên	c25/e95	5-9-1972
112	LÊ VĂN PHÒNG	1952	Tam Thái, Tương Dương	c3/d16	29-7-1972
113	ĐINH QUANG PHƯỢNG	1954	Cầu Giát, Quỳnh Lưu	d4/e95	5-9-1972
114	NGUYỄN VĂN QUANG	1953	Đồng Văn, Thanh Chương	c4d1/e48/f320b	14-7-1972
115	NGUYỄN VĂN QUẾ	1946	Văn Sơn, Đô Lương	c3/d16	29-7-1972
116	TRẦN DÂN QUÝ	1953	Hung Phú, Hưng Nguyên	c18e48/f320b	10-8-1972
117	NGUYỄN ĐỨC QUYỀN	1952	Vinh Tân, TP Vinh	e48/f320b	9-9-1972
118	LÊ ĐÌNH QUYỀN	1952	Phong Thịnh, Thanh Chương	e48/f320b	30-7-1972
119	PHẠM VĂN QUỲNH	1954	Hưng Nguyên	d5/e95	14-9-1972
120	HỒ VĂN SẴN	1951	An Hòa, Quỳnh Lưu	c6/d2/e36 f308	25-7-1972
121	LÊ ĐÌNH SÁU	1953	Yên Sơn, Đô Lương	d1/e84	5-7-1972
122	NGUYỄN THỊNH SÁU	1953	Ngọc Sơn, Thanh Chương	d bộ d3 e48/f320b	03-7-1972
123	PHẠM VĂN SINH	1954	Võ Liệt, Thanh Chương	f320b	28-8-1972
124	LÊ VĂN SUẤT	1954	Quỳnh Lập, Quỳnh Lưu	d5/e95	15-9-1972
125	CAO TIẾN SỸ	1953	Lam Sơn, Đô Lương	d75/e84	13-7-1972
126	NGUYỄN VĂN SỸ		Diễn Thái, Diễn Châu	d3 Quảng Trị	1972
127	CAO BÁ TÁ	1953	Diễn Thành, Diễn Châu	c11/d6/e36/f308	31-8-1972
128	NGUYỄN HỮU TÂM	1950	Thanh Phong, Thanh Chương	c5d2 e48/f320b	30-8-1972
129	NGÔ ĐĂNG THÁI	1952	Hung Mỹ, Hưng Nguyên	d2/e84	31-8-1972
130	ĐÀO NHÂN THẨM	1945	Quỳnh Hoa, Quỳnh Lưu	c4/d19	18-8-1972
131	NGUYỄN VĂN THẮNG	1954	Nam Hòa, Nam Đàn	f320b	11-07-1972
132	NGUYỄN NGỌC THẮNG	1953	Phúc Sơn, Anh Sơn	c15/E48/f320b	12-7-1972
133	LÊ TẤT THẮNG	1949	Diễn Lâm, Diễn Châu	d3/e84	16-7-1972
134	VI VĂN THẮNG	1953	Châu Lộc, Quỳnh Hợp	d75/e84	23-7-1972
135	VI HỒNG THẮNG	1954	Tam Quang, Tương Dương	d5/e95	9-9-1972
136	HOÀNG ĐÌNH THANH	1942	Phong Thịnh, Thanh Chương	d4/e95	10-9-1972
137	TRẦN ĐÌNH THANH	1954	Thanh Mỹ, Thanh Chương	c18/e48/f320b	6-9-1972
138	NGUYỄN VIỆT THANH	1954	Lãng Sơn, Anh Sơn	e48/f320b	12-9-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
139	HỒ SỸ THÌN	1953	Thương Sơn, Đô Lương	e97	14-9-1972
140	PHẠM CÔNG THỊNH	1945	Quỳnh Thuận, Quỳnh Lưu	c18	30-8-1972
141	HỒ QUANG THỊNH	1950	Hưng Lĩnh, Hưng Nguyên	d2/e84	7-7-1972
142	NGUYỄN TƯ THỌ	1953	Phong Thịnh, Thanh Chương	e48/f320b	13-9-1972
143	NGUYỄN XUÂN THÔNG	1954	Quỳnh Hoa, Quỳnh Lưu	d5/e95	3-9-1972
144	ĐINH VĂN THÔNG	1952	Đông Hiếu, Nghĩa Đàn	d5/e95	30-8-1972
145	NGUYỄN VĂN THƯ	1954	TP Vinh	d4/e95	2-9-1972
146	HỒ ĐĂNG THUẬN	1952	Quỳnh Bảng, Quỳnh Lưu	d5/e95	14-9-1972
147	HỒ VIỆT THUẬN	1950	Nam Xuân, Nam Đàn	e45	9-9-1972
148	TRẦN XUÂN THỨC	1952	Quỳnh Lập, Quỳnh Lưu	d5/e95	20-8-1972
149	NGUYỄN PHƯƠNG THÙY	1949	Thanh Tường, Thanh Chương	d5/e95	10-9-1972
150	VŨ NHẬT TIẾN	1952	Quỳnh Hoa, Quỳnh Lưu	c1/d1/e36/f308	30-7-1972
151	NGUYỄN THẠC TIẾN	1953	Hương Sơn, Tân Kỳ	c15e48/f320b	17-7-1972
152	NGUYỄN ĐH TỊNH	1954	Thanh Ngọc, Thanh Chương	f320b	28-8-1972
153	MAI VĂN TOÀN	1952	An Hoà, Quỳnh Lưu	c6/d2/e36/f308	25-7-1972
154	LÊ THANH TRẨM	1950	Nghĩa Liên, Nghĩa Đàn	d1/e84	13-7-1972
155	NGUYỄN VĂN TRẮNG	1952	Hưng Đông, Hưng Nguyên	c17/e48/f320b	15-7-1972
156	HỌC VĂN TRUNG	1943	Luân Mai, Tương Dương	d1/e84	2-8-1972
157	NGUYỄN VĂN TRUNG	1952	Lãng Sơn, Anh Sơn	d bộ d2 e48/f320b	15-7-1972
158	HOÀNG ĐỨC TRƯỜNG	1951	Hưng Trung, Hưng Nguyên	d2/e84	7-7-1972
159	TRẦN VĂN TƯ	1952	Hưng Thông, Hưng Nguyên	e48/f320b	10-9-1973
160	VÕ ĐÌNH TỬ	1946	Hưng Xuân, Hưng Nguyên	d1/e84	9-7-1972
161	PHAN VĂN TỬ	1952	Quỳnh Thắng, Quỳnh Lưu	c18/e48/f320b	10-8-1972
162	TRẦN QUỐC TUẤN	1953	Nam Thượng, Nam Đàn	d5/e95	25-8-1972
163	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	1950	Nam Hoành, Nam Đàn	d3 Quảng Trị	1972
164	TRẦN ĐÌNH TÚC	1948	Thanh Tài, Thanh Chương	c14e48/f320b	17-7-1972
165	HỒ CÔNG TUỆ	1954	Diễn Trung, Diễn Châu	c1/d17	13-9-1972
166	NGUYỄN VĂN TƯƠI	1954	Nam Thượng, Nam Đàn	c1d1/e48/f320b	10-9-1972
167	ĐẶNG ĐÌNH TUỐN	1953	Thanh Liên, Thanh Chương	d bộ d1 e48/f320b	12-7-1972
168	NGUYỄN ANH TƯỜNG	1953	Cầu Giát, Quỳnh Lưu	d4/e95	2-9-1972
169	HOÀNG VĂN TUYỀN	1950	Quỳnh Phương, Quỳnh Lưu	d5/e95	9-9-1972
170	ĐẶNG TỔ TÝ	1949	Nghi Thuận, Nghi Lộc	d5/e95	8-8-1972
171	CAO XUÂN ÚY	1944	Diễn Phúc, Diễn Châu	c1/d17	15-9-1972
172	LÊ ANH VANG	1953	Diễn Cát, Diễn Châu	c5d2/e48/f320b	01-9-1972
173	NGUYỄN DUY VIỆN	1944	Cát Văn, Thanh Chương	e48/f320b	18-9-1972
174	TRẦN QUỐC VIỆT	1953	Ngọc Sơn, Thanh Chương	d bộ d3 e48/f320b	27-8-1972
175	NGUYỄN XOAN	1951	Quỳnh Long, Quỳnh Lưu	d5/e95	9-9-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

NINH BÌNH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	TRẦN VĂN CHÂM	1940	Trường Yên, Gia Khánh	e38	18-7-1972
2	CHU KỲ DỰ	1946	Ninh Thắng, Gia Khánh	c12/d6/f308	5-8-1972
3	NGÔ QUANG DŨNG	1952	Gia Sinh, Gia Viễn	f320b	15-8-1972
4	BÙI XUÂN DUYÊN		Gia Thanh, Gia Viễn	d5/e95	29-7-1972
5	NGUYỄN BẠCH ĐĂNG		Yên Lâm, Yên Mô	d4/e95	7-9-1972
6	PHẠM VĂN ĐĂNG		Lai Thành, Kim Sơn	d4/e95	22-7-1972
7	LU VĂN ĐÓA		Liên Sơn, Gia Viễn	d7/e18	12-7-1972
8	NGUYỄN VĂN GHI	1952	Gia Thắng, Gia Viễn	d bộ 2e48/f320b	28-8-1972
9	NGUYỄN THANH HÀ	1942	Thương Kiệm, Kim Sơn	f320b	22-7-1972
10	NGUYỄN HỒNG HANH		Chính Tâm, Kim Sơn	d4/e95	5-9-1972
11	VŨ MINH HIẾN	1946	Yên Thái, Yên Mô	e38	14-7-1972
12	BÙI QUANG HUY		Ninh Giang, Hoa Lư	d6/e95	26-7-1972
13	PHAN VĂN HUY	1953	Thất Bình, Kim Sơn	c5d2/e48/f320b	12-7-1972
14	MAI VĂN KHANG	1951	Yên Thắng, Yên Mô	e97	29-7-1972
15	TRẦN VĂN LA	1954	Gia Vinh, Gia Viễn	c3/d4/f308	18-8-1972
16	DƯƠNG VĂN LUÂN	1954	Gia Hòa, Gia Viễn	c1/d4/f308	30-7-1972
17	HOÀNG VĂN LỪNG	1946	Kim Mỹ, Kim Sơn	f320b	19-7-1972
18	TRẦN XUÂN MAI	1946	Gia Thắng, Gia Viễn	f320b	31-7-1972
19	NGUYỄN HỒNG NGA	1952	Gia Ninh, Gia Viễn	e48/f320b	29-6-1972
20	NGUYỄN HỒNG NGHĨA		Khánh Phú, Yên Khánh	d7/e18	26-8-1972
21	VŨ VĂN NHƯỢNG		Gia Minh, Gia Viễn	d7/e18	20-8-1972
22	LÊ KHẢ QUYẾT	1943	Yên Đồng, Yên Mô	e38	02-7-1972
23	NGÔ VĂN THẮNG	1951	Trường Yên, Gia Khánh	e48/f320b	01-7-1972
24	TẠ THANH THỢI	1947	Gia Phương, Gia Viễn	f320b	28-6-1972
25	ĐINH VĂN TƠ	1947	Đức Long, Nho Quan	C18/E48/f320b	03-8-1972
26	LÊ VĂN TỰ	1943	Khánh Mậu, Yên Khánh	f320b	02-7-1972
27	HOÀNG XUÂN TƯỜNG	1952	Ninh Khánh, Gia Khánh	f320b	8-7-1972

PHÚ THỌ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	TỔNG VĂN BẢO	1946	Mạn Lạn, Thanh Ba	c8/d2/e36/f308	23-7-1972
2	TRẦN NGỌC BÌNH	1954	Vĩnh Lại, Lâm Thao	e48/f320b	17-8-1972
3	LƯU HỒNG BÚP	1945	Tiên Cát, Việt Trì	e48/f320b	14-8-1972
4	TRẦN CÔNG CẬN	1936	Thanh Sơn, Lâm Thao	c1/d1/e36/f308	7-7-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
5	CHÍNH		Lâm Thao	d3 Quảng Trị	1972
6	ĐINH VĂN CHÚC	1940	Xuân Viên, Yên Lập	c10/d3/e36/f308	24-7-1972
7	ĐẶNG DUY CHUNG	1942	Minh Lạc, Hạ Hòa	e48/f320b	17-8-1972
8	VŨ XUÂN CƯỜNG	1945	Cát Trù, Cẩm Khê	f325b	8-9-1972
9	NGUYỄN VIỆT DĨNH	1954	Phố Giót, Việt Trì	e48/f320b	14-9-1972
10	LƯU ĐÌNH ĐẠO	1952	Tiên Lương, Cẩm Khê	c18/e88/f308	7-9-1972
11	NGUYỄN QUANG ĐÍNH	1939	Đồng Lạc, Yên Lập	c16/e36/f308	30-7-1972
12	HÀN VĂN ĐƯỢC	1954	Bản Nguyên, Lâm Thao	e48/f320b	9-9-1972
13	NGUYỄN VĂN HOA	1954	Văn Hùng, Lâm Thao	e48/f320b	9-9-1972
14	NGUYỄN VĂN HÓA	1943	Minh Côi, Hạ Hòa	c15/e36/f308	24-7-1972
15	NGUYỄN XUÂN HÒA	1954	Sông Lô, Việt Trì	e48/f320b	16-9-1972
16	NGÔ XUÂN HỒNG	1949	Đồng Lâm, Hạ Hòa	c14/e36/f308	30-7-1972
17	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	1954	Bản Nguyên, Lâm Thao	e48/f320b	14-8-1972
18	VŨ VĂN HÙNG	1952	La Phù, Thanh Thủy	e97	7-7-1972
19	NGUYỄN XUÂN LỤC	1948	Hiền Lương, Hạ Hòa	e97	14-9-1972
20	SA ĐÌNH MẠN	1935	Mỹ Lung, Yên Lập	c15/e36/f308	24-7-1972
21	NGUYỄN VĂN MÃO	1938	Sơn Nga, Cẩm Khê	c5/d16/e58/f308	8-9-1972
22	NGUYỄN VĂN MÁY	1940	Quế Đạo, Việt Trì	c4/d1/e36/f308	8-9-1972
23	NGUYỄN VĂN MINH	1950	Liên Hoa, Phù Ninh	c3/d1/e36/f308	5-7-1972
24	NGUYỄN VĂN NẬM	1941	Phú Hộ, TP. Việt Trì	d1/e36/f308	24-8-1972
25	TRẦN ĐÌNH NGHỊ	1948	Tứ Xã, Lâm Thao	c1/d1/e36/f308	30-7-1972
26	NGUYỄN BÁ NGŨ	1946	Xuân Lũng, Lâm Thao	c8/d2/e36/f308	23-7-1972
27	LÊ ĐÌNH PHÚ	1949	Ninh Nhân, Thanh Ba	c3/d1/e36/f308	29-8-1972
28	LÊ VĂN SỰ	1949	Kim Đức, Phù Ninh	e48/f320b	14-7-1972
29	LÊ DUY SƯƠNG	1947	Hùng Lô, Phù Ninh	e48/f320b	17-7-1972
30	ĐẶNG ĐÌNH THẨM	1952	Sơn Vi, Lâm Thao	e48/f320b	16-8-1972
31	CHU VĂN THỌ	1953	Phú Mỹ, Phù Ninh	c18/e88/f308	8-9-1972
32	TRẦN NGỌC TRƯƠNG	1953	Nhà Máy Xay Việt Trì	c1/d4/e88/f308	8-9-1972
33	PHAN VĂN TRƯỜNG	1951	Minh Nông, Việt Trì	e48/f320b	17-8-1972
34	NGUYỄN XUÂN TUYÊN	1945	Văn Phú, Việt Trì	c1/d1/e36/f308	7-7-1972
35	ĐỖ XUÂN TUYẾT	1943	Ninh Dân, Thanh Ba	e48/f320b	31-8-1972
36	LÂM ĐÌNH VIỆT	1946	Yên Khê, Thanh Ba	c15/e36/f308	24-7-1972

PHÚ YÊN

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	LÊ TRUNG NÍNH	1948	Hòa Tân, Trung Hòa	e48/f320b	15-9-1972

QUẢNG BÌNH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	PHẠM THANH AN	1950	Quảng Liên, Quảng Trạch	c20/e102/f308	8-9-1972
2	LÊ VĂN AN	1949	Hải Trạch, Bố Trạch	C5D2e48/f320b	5-8-1972
3	NGUYỄN THANH BÌNH	1953	Xã Đại Trạch, Bố Trạch	e48/f320B	8-1972
4	NGUYỄN THANH BÌNH	1953	Quảng Phương, Quảng Trạch	e48/f320B	8-1972
5	NGUYỄN THÁI BÌNH		Cảnh Hóa, Quảng Trạch	e48/f320B	8-1972
6	NGUYỄN VIỆT BÉ	1952	Duy Ninh, Quảng Ninh	e48/f320B	8-1972
7	BÙI VĂN CHU	1953	Vĩnh Ninh, Quảng Ninh	c2/d17	25-8-1972
8	NGUYỄN VĂN CHUYÊN	1950	Lộc Hạ, An Thủy, Lệ Thủy	c5d2e48/f320b	5-8-1972
9	NGUYỄN VĂN CHUYÊN	1953	Đại Trạch, Bố Trạch	e48/f320b	8-1972
10	LÊ VIỆT CHUYÊN	1950	Thạch Hóa, Tuyên Hóa	c5d2e48/f320b	5-8-1972
11	NGUYỄN VĂN CHUYÊN	1949	Thạch Hóa, Tuyên Hóa	e48/f320v	8-1972
12	NGUYỄN ĐỨC CƠ	1950	Xuân Thủy, Lệ Thủy	d3 Quảng Trị	7-1972
13	HOÀNG TRỌNG CỬA	1954	Bảo Ninh, Đồng Hới	d8 Quảng Trị	8-1972
14	TRƯƠNG VĂN CƯƠNG	1951	Mỹ Thủy, Lệ Thủy	d8 Quảng Trị	
15	DƯƠNG DỤ	1948	Quảng Xuân, Quảng Trạch	c2/d10/e58/f308	11-9-1972
16	ĐINH XUÂN DỤC	1954	Quy Hoá, Minh Hoá	e48/f320b	8-1972
17	TRẦN TIẾN DỨNG	1954	Trung Quán, Dung Ninh	c5/d8/e102/f308	31-8-1972
18	NGUYỄN CÔNG DỤNG	1952	Xã Hoa Thủy, Lệ Thủy	e48/f320b	8-1972
19	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	1953	Bảo Ninh, Đồng Hới	d8 Quảng Trị	9-8-1972
20	PHẠM HỮU ĐẠI	1952	Dương Thủy, Lệ Thủy	d2/e48/f320b	5-8-1972
21	NGUYỄN VĂN ĐẠI	1951	Dương Thủy, Lệ Thủy	e48/f320b	8-1972
22	DƯƠNG VĂN ĐẮN	1950	Nhân Trạch, Bố Trạch	d2 e48	12-7-1972
23	HOÀNG TRỌNG ĐẠO	1948	Phú Hóa, Tuyên Hóa	b2 TĐ	7-9-1972
24	PHẠM QUANG ĐỒ	1953	Quảng Xuân, Quảng Trạch	e48/f320b	8-1972
25	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	1954	Bảo Ninh, Đồng Hới	d8 Quảng Trị	9-8-1972
26	NGUYỄN VĂN GIÁO		TX. Đồng Hới, Quảng Bình	d3 Quảng Trị	1972
27	TRẦN THANH HẢI	1950	Hưng Thanh, Quảng Trạch	c24/e102/f308	9-8-1972
28	NGUYỄN VĂN HẢI	1953	Phú Thủy, Lệ Thủy	d8 Quảng Trị	7-1972
29	DƯƠNG VĂN HẰNG	1951	Đồng Trạch, Bố Trạch	c5d2/e48/f320b	5-8-1972
30	DƯƠNG THANH HẰNG	1954	Xã Đồng Trạch, Bố Trạch	e48/f320b	8-1972
31	VÕ HỮU HÒA	1951	Hiên Ninh, Quảng Ninh	C9D3e48/f320b	13-8-1972
32	NGUYỄN VĂN HOÀ	1946	Duy Ninh, Quảng Ninh	e48/f320b	9-1972
33	VŨ VĂN HOÀ	1954	Hiên Ninh, Quảng Ninh	e48/f320b	8-1972
34	ĐẬU NHƯ HOÀI	1953	Quảng Phương, Quảng Trạch	e48/f320b	8-1972
35	NGUYỄN GIÁO HUẤN	1953	TT Ba Đồn, Quảng Trạch	e48/f320b	5-8-1972
36	NGUYỄN HỮU HUẤN	1950	Ba Đồn, Quảng Trạch	e48/f320b	8-1972
37	TRẦN VĂN HÙNG		Cảnh Hóa, Quảng Trạch	e48/f320b	8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
38	NGUYỄN QUỐC HUY	1950	Phong Hóa, Tuyên Hóa	e48/f320b	8-1972
39	NGUYỄN THÀNH KHANG	1948	Mỹ Trạch, Bố Trạch	d6/e95	28-7-1972
40	LƯU ĐỨC KHÁNH	1952	Thanh Trạch, Bố Trạch	c5d2e48/f320b	15-8-1972
41	TRẦN VĂN KIỂM	1952	Xuân Ninh, Quảng Ninh	e48/f320b	8-1972
42	PHẠM XUÂN KINH	1948	Quảng Trường, Quảng Trạch	c5d2e48/f320b	7-8-1972
43	PHẠM VĂN KINH	1949	Quảng Trường, Quảng Trạch	e48/f320b	8-1972
44	PHẠM XUÂN LAM	1952	Phong Thủy, Lệ Thủy	d4/e95	10-8-1972
45	LÊ NGỌC LÂM	1952	Quảng Thọ, Quảng Trạch	d8/e102/f308	28-7-1972
46	ĐINH THANH LAN	1951	Yên Hóa, Minh Hóa	c5d2e48/f320b	5-8-1972
47	PHAN MẬU LÂN	1954	Thanh Trạch, Bố Trạch	c11d3e48/f320b	28-8-1972
48	NGUYỄN VĂN LÂN	1948	Hoa Thủy, Lệ Thủy	d2 e48	12-7-1972
49	NGUYỄN VĂN LỘC		Đại Trạch, Bố Trạch	e48/f320b	8-1972
50	LÊ TRỌNG LƯ	1953	Xuân Thủy, Lệ Thủy	e48/f320b	8-1972
51	NGUYỄN VĂN LUẬT	1951	Vĩnh Ninh, Quảng Ninh	e48/f320b	8-1972
52	MAI VĂN LUYẾN	1949	Quảng Sơn, Quảng Trạch	e48/f320b	8-1972
53	ĐINH DUY LÝ	1948	Sen Thủy, Lệ Thủy	c11d3e48/f320b	8-8-1972
54	NGUYỄN VĂN LÝ	1949	Dương Thủy, Lệ Thủy	e48/f320b	8-1972
55	TRẦN VĂN MÁC	1950	Quảng Liên, Quảng Trạch	e48/f320b	8-1972
56	TRẦN DUY MẬU	1955	Thanh Hóa, Tuyên Hóa	c11d3e48/f320b	10-8-1972
57	NGUYỄN XUÂN MƯU	1949	Hàm Ninh, Quảng Ninh	c11d3e48/f320b	7-8-1972
58	PHAN VĂN MƯU	1948	Hàm Ninh, Quảng Ninh	e48/f320b	8-1972
59	VÕ QUÝ NGANG	1954	Bảo Ninh, Đồng Hới	d8 Quảng Trị	8-1972
60	NGUYỄN THANH NHÂN	1950	Hồng Thủy, Lệ Thủy	d2 e48	12-7-1972
61	LÊ VĂN NHÂN	1953	Hồng Thủy, Lệ Thủy	c5d2e48/f320b	5-8-1972
62	PHẠM VĂN NÔNG	1948	Vạn Ninh, Quảng Ninh	e48/f320b	8-1972
63	TRẦN HỮU PHÁC	1952	Quảng Ninh, Quảng Trạch	d8/e102/f308	19-8-1972
64	ĐẶNG PHÁP	1953	Đức Ninh, Quảng Ninh	c5d2e48/f320b	5-8-1972
65	TRƯƠNG VĂN QUANG	1952	Hải Ninh, Quảng Ninh	e48/f320b	8-1972
66	NGUYỄN HỒNG QUẢNG	1954	Phúc Trạch, Bố Trạch	c11d3 e48/f320b	7-8-1972
67	TRẦN VĂN QUÝ		Quảng Tùng, Quảng Trạch	e48/f320b	8-1972
68	NGUYỄN VĂN QUYNH	1946	Phú Trạch, Bố Trạch	e48/f320b	8-1972
69	TRẦN THANH SƠN	1952	Hoa Thủy, Lệ Thủy	c11d3 e48/f320b	7-8-1972
70	NGUYỄN VĂN SƠN	1950	An Thủy, Lệ Thủy	c5d2 e48/f320b	5-8-1972
71	PHẠM VĂN TÁM	1948	Đại Trạch, Bố Trạch	d3 Quảng Trị	14-7-1972
72	HOÀNG VĂN THÁCH	1945	Đại Trạch, Bố Trạch	c2/d25	12-9-1972
73	NGUYỄN VĂN THẮNG		Quảng Thủy, Quảng Trạch	e48/f320B	8-1972
74	LÊ VIỆT THẮNG	1944	Lương Minh, Quảng Minh	e48/f320b	14-9-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
75	NGUYỄN XUÂN THÌ	1952	Hoa Thủy, Lệ Thủy	c11d3 e48/f320b	8-8-1972
76	NGUYỄN VĂN THÌ	1953	Hoa Thủy, Lệ Thủy	e48/f320b	8-1972
77	PHAN VĂN THIÊN	1954	Võ Ninh, Quảng Ninh	c2/d17	28-8-1972
78	VÕ VĂN THÌN	1952	An Ninh, Quảng Ninh	c5d2 e48/f320b	15-8-1972
79	ĐẶNG THẾ THOẢN	1945	Nghĩa Ninh, Quảng Ninh	c11d3 e48/f320b	11-8-1972
80	ĐẶNG VĂN THOẢN	1953	Nghĩa Ninh, Quảng Ninh	e48/f320b	8-1972
81	ĐẶNG HỮU THỜI	1952	Nghĩa Ninh, Đông Hới	e48/f320b	8-1972
82	NGUYỄN VĂN THỜI	1954	Phong Thủy, Lệ Thủy	c11d3 e48/f320b	10-8-1972
83	NGUYỄN VĂN THỜI	1951	An Thủy, Lệ Thủy	e48/f320b	8-1972
84	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	1954	Quảng Hưng, Quảng Trạch	c5d2e48/f320b	7-8-1972
85	BÙI VĂN TRƯỜNG	1951	Quảng Hưng, Quảng Trạch	e48/f320b	8-1972
86	NGUYỄN VĂN TƯ	1950	Mỹ Thủy, Lệ Thủy	d8 Quảng Trị	15-7-1972
87	TRẦN VĂN TƯ	1950	Mỹ Thủy, Lệ Thủy	d8 Quảng Trị	7-1972
88	NGUYỄN ANH TUẤN	1954	Quảng Lộc, Quảng Trạch	c5d2 e48/f320b	7-8-1972
89	HOÀNG MINH TUẤN		Quảng Minh, Quảng Trạch	e48/f320b	8-1972
90	NGÔ VĂN TƯƠNG	1949	Cam Thủy, Lệ Thủy	d8 Quảng Trị	7-1972
91	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	1949	Cam Thủy, Lệ Thủy	d8 Quảng Trị	20-7-1972
92	LÊ VĂN TÝ	1953	Hiển Ninh, Quảng Ninh	d75/e84	7-9-1972
93	TRẦN VĂN Ơ	1953	Đức Ninh, Quảng Ninh	e48/f320b	8-1972
94	DƯƠNG VĂN ƯỚC	1952	Phú Thủy, Lệ Thủy	e48/f320b	8-1972
95	NGUYỄN VĂN ƯỚC	1953	Phú Thủy, Lệ Thủy	c11d3 e48/f320b	24-8-1972
96	NGUYỄN VĂN	1953	Phú Thủy, Lệ Thủy	d8 Quảng Trị	15-07-1972
97	DƯƠNG ĐÌNH VĂN	1954	Đồng Trạch, Bố Trạch	e48/f320b	8-1972
98	TRẦN VĂN VÀNG	1947	Lộc Ninh, TP Đồng Hới	c25/e95	23-8-1972
99	DƯƠNG VĂN VE	1952	An Thủy, Lệ Thủy	e48/f320b	8-1972
100	NGUYỄN XUÂN VỆ	1954	Dương Thủy, Lệ Thủy	c11d3 e48/f320b	10-8-1972
101	NGUYỄN ĐẠI VI	1947	Tân Ninh, Quảng Ninh	d75/e84	13-7-1972
102	NGUYỄN VĂN VIỆT		Quảng Hòa, Quảng Trạch	e48/f320b	8-1972
103	DƯƠNG VĂN VƯỢNG	1949	Quảng Xuân, Quảng Trạch	c11d3 e48/f320b	15-8-1972
104	NGUYỄN NGỌC XIN	1950	Liên Thủy, Lệ Thủy	d2 e48	12-7-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

QUẢNG NAM

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	TRẦN ĐẲNG	1950	Duy Xuyên, Quảng Nam	e48/f320b	01-8-1972
2	ĐINH PHÚ THÁI		Điện Dương, Điện Bàn	c3/d14	14-8-1972
3	TRẦN MINH XÁ	1948	Bình Dương, Thăng Bình	e48/f320b	8-7-1972

QUẢNG NGÃI

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	ĐỖ MINH HỮU	1948	Tịnh Hòa, Sơn Tịnh	e48/f320b	14-9-1972
2	KIỀU NGỌC LUÂN	1942	Bình Thuận, Bình Sơn	e48/f320b	12-9-1972
3	LÊ THANH VIỄN	1942	Phổ Minh, Đức Phổ	e48/f320b	21-7-1972

QUẢNG NINH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	ĐỖ MẠNH CHIẾN	1952	Cộng Hòa, Yên Hưng	c202/BTLTTG	17-7-1972
2	NGUYỄN XUÂN ĐÀO	1948	Minh Châu, Cẩm Phả	c20/e88/f308	27-8-1972
3	TÔ THÀNH ĐO	1952	Đại Bình, Quảng Hà	C202/BTLTTG	02-9-1972
4	TÔ XUÂN HẬU	1948	Đại Bình, Quảng Hà	c17/e88/f308	27-8-1972
5	HOÀNG THANH HIỂN	1952	Đồng Tâm, Bình Liêu	c202/BTLTTG	29-7-1972
6	HOÀNG TIẾN LỘC	1942	Vạn Ninh, Móng Cái	c2/d4/f308	13-8-1972
7	ĐOÀN VĂN NGÃNH	1946	Yên Đức, Đông Triều	e97	26-8-1972
8	TRẦN BÌNH NHÌ	1939	Đôn Đạc, Ba Chẽ	c6/d2/f308	18-8-1972
9	HỒ TẮC PHÙ	1950	Đồng Hải, Tiên Yên	c202/BTLTTG	29-7-1972
10	ĐỖ VĂN TÁM	1952	Thủy An, Đông Triều	c5/d2/f308	15-8-1972
11	PHAN VĂN TĂNG	1944	Bản Nự, Đình Lập	c15/e36/f308	24-7-1972
12	ĐINH VĂN THANH	1940	Đồng Hải, Tiên Yên	c7/d5/e88/f308	14-8-1972
13	PHẠM XUÂN THU	1946	Vĩnh Khê, Đông Triều	c9/d6/f308	9-8-1972
14	ĐỖ MẠNH TƯỚNG	1948	Hồng Phong, Đông Triều	c202/BTLTTG	29-7-1972
15	TRẦN VĂN TRÌNH	1949	Vô Ngoại, Bình Liêu	c202/BTLTTG	29-7-1972

QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	LÊ ANH	1954	Xuân An	CSDK	10-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
2	LÊ VĂN BÌNH	1954	Hải Chữ, Trung Hải	d8 Quảng Trị	17-8-1972
3	DƯƠNG VĂN BỐC	1940	Triệu An, Triệu Phong	d8 Quảng Trị	1972
4	PHAN VĂN CHÁNH	1940	Triệu An, Triệu Phong	d8 Quảng Trị	1972
5	NGUYỄN VĂN CHẤT	1954	Gio Quang, Gio Linh	d8 Quảng Trị	01-8-1972
6	BÙI NGỌC CHIẾN	1954	Xuân Long, Trung Hải	d8 Quảng Trị	10-8-1972
7	HOÀNG VĂN CHIẾN	1954	Trung Hải, Gio Linh	d8 Quảng Trị	20-7-1972
8	NGUYỄN DỖ	1957	Nhan Biểu 2	CSDK	1972
9	NGUYỄN VĂN DUNG	1940	Trung Hải, Gio Linh	d8 Quảng Trị	1972
10	NGUYỄN VĂN DỨNG	1954	Xuân Hòa, Trung Hải	d8 Quảng Trị	9-8-1972
11	NGUYỄN VĂN ĐÀN	1946	Triệu Vân, Triệu Phong	d8 Quảng Trị	1972
12	TRẦN XUÂN ĐÀO		Xuân An	DK	1972
13	TRẦN CẬN ĐẤU	1954	Trung Giang, Gio Linh	d8 Quảng Trị	15-9-1972
14	TRẦN ĐỨC ĐỀ	1945	Vĩnh Long, Vĩnh Linh	d8 Quảng Trị	1972
15	PHAN ĐỨC	1958	Nhan Biểu 3	DK xã Triệu Thượng	6-7-1972
16	PHAN VĂN HIỆP	1954	Nhan Biểu 1	DK xã Triệu Thượng	19-7-1972
17	NGUYỄN THỊ HƯỜNG		Nhan Biểu 1	DK xã Triệu Thượng	17-7-1972
18	NGUYỄN ĐỨC KIẾN	1940	Triệu Trạch, Triệu Phong	d8 Quảng Trị	1972
19	BÙI ĐÌNH LẶN	1954	Gio Hải	d8 Quảng Trị	20-7-1972
20	HOÀNG THỊ LỰU	1954	Nhan Biểu 3	CSDK Triệu Thượng	22-7-1972
21	LÊ THỊ MƯỚP	1954	Xuân An	CSDK	1972
22	NGUYỄN VĂN NƯỚC	1954	Trung Sơn, Gio Linh	d8 Quảng Trị	25-7-1972
23	HỒ PHỤNG	1953	Nhan Biểu 1	Nhan Biểu 1	11-7-1972
24	PHAN THỊ PHỤNG	1952	Nhan Biểu 3	b trưởng	10-8-1972
25	LÊ THỊ PHƯỢNG	1954	Trung Kiên	DK xã Triệu Thượng	03-8-1972
26	LÊ TƯỜNG QUYẾN	1953	Thượng Phước	Giao liên Quảng Hà	8-7-1972
27	SỬ THỊ SẢI	1952	Xuân An	CSDK	11-8-1972
28	PHAN SINH		Nhan Biểu 3	CSDK	24-8-1972
29	LÊ VĂN SƠN	1952	Xuân An	CSDK Triệu Thượng	19-8-1972
30	PHẠM CÔNG THANH	1940	Triệu An, Triệu Phong	d8 Quảng Trị	1972
31	NGUYỄN VĂN THÀNH	1954	Gio Thành, Gio Linh	d8 Quảng Trị	10-08-1972
32	NGUYỄN VĂN THÀNH	1946	Triệu Lăng, Triệu Phong	d8 Quảng Trị	1972
33	TRẦN THỊ THÉN		Thượng Phước	CSDK xã Triệu Thượng	11-8-1972
34	TRẦN THỊ THỈ		Nhan Biểu 3	CSDK xã Triệu Thượng	22-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
35	NGUYỄN VĂN THỚI	1940	Trung Hải, Gio Linh	d8 Quảng Trị	1972
36	TRẦN THỊ THUẬN	1952	Nhan Biểu 3	DK xã Triệu Thượng	01-7-1972
37	TRẦN CÔNG TIẾN	1946	Triệu Lăng, Triệu Phong	d8 Quảng Trị	1972
38	PHAN THỊ TÌNH	1956	Nhan Biểu 3	DK xã Triệu Thượng	8-8-1972
39	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	1944	Ba Lòng, Đakrông	d8-TĐQT	01-9-1972
40	PHAN YÊM	1954	Nhan Biểu 3	DK xã Triệu Thượng	26-7-1972
41	LÊ VĂN XỬ		Hải Thượng, Hải Lăng	Hải Lăng	8-9-1972

THÁI BÌNH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	HOÀNG VĂN ANH	1953	Mình Hòa, Hưng Hà	c7/d5/e88/f308	6-9-1972
2	ĐINH VĂN BA	1952	An Lễ, Quỳnh Phụ	d8 Quảng Trị	8-1972
3	NGUYỄN VĂN BẰNG	1950	Thụy Xuân, Thái Thụy	d4/e88/f308	25-8-1972
4	HOÀNG HỮU BẢO	1940	Thái Thủy, Thái Thụy	f320b	03-7-1972
5	LÊ VIỆT BẢO	1949	Hòa Bình, Thư Trì	d25 BTL đặc công	31-7-1972
6	ĐỖ KHẮC BẮY	1954	Tân Sơn, Hưng Hà	c8/d8/e102/f308	13-9-1972
7	NGUYỄN TRỌNG BÍCH	1954	Tây Ninh, Tiền Hải	e48/f320b	23-7-1972
8	NGUYỄN VĂN BÌNH	1954	Tiến Dũng, Hưng Hà	c6/d8/e102/f308	20-8-1972
9	NGUYỄN VĂN BÌNH	1953	Tây Giang, Tiền Hải	f320b	18-7-1972
10	VŨ BÌNH	1953	Đông Quang, Đông Hưng	c20/e95	16-8-1972
11	NGUYỄN VĂN BỘ	1955	Thụy Bình, Thái Thụy	c1d1/e48	15-7-1972
12	VŨ VĂN BỒI	1954	Liên Hiệp, Hưng Hà	c5/d8/e102/f308	20-8-1972
13	NGUYỄN VĂN BÓNG	1952	An Đồng, Quỳnh Phụ	d25 BTL đặc công	10-07-1972
14	NGUYỄN VĂN BỘT	1954	An Dục, Quỳnh Phụ	d8 Quảng Trị	20-07-1972
15	NGUYỄN DUY BỪNG	1951	Thụy Hồng, Thụy Anh	d4/e95	14-7-1972
16	ĐINH TIẾN BƯỚNG	1952	Thống Nhất, Hưng Hà	c7/d8/e102/f308	20-8-1972
17	BÙI XUÂN CÁP	1949	Đông Kinh, Đông Quan	d25 BTL đặc công	21-8-1972
18	TRẦN VĂN CẦU	1951	Tam Tĩnh, Vũ Thư	f320b	10-9-1972
19	HOÀNG MINH CHÂU	1954	Tây Lương, Tiền Hải	f320b	12-9-1972
20	PHẠM VĂN CHI	1954	Cộng Hòa, Hưng Hà	c18/e48	9-9-1972
21	NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	1951	Đông Hòa, Đông Hưng	d6/e95	24-7-1972
22	MAI VĂN CHIẾN	1954	Đông Tân, Đông Hưng	c2/d19	10-9-1972
23	NGUYỄN TRỌNG CHIỂU	1953	Cộng Hòa, Hưng Hà	c7d2	15-9-1972
24	TRẦN BÁ CHINH	1954	Tân Việt, Hưng Hà	e48/f320b	14-8-1972
25	TRẦN HỮU CHÍNH	1940	Thái An, Thái Ninh	d6/e95	20-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
26	CAO THIÊN CHU	1941	Vũ Lam, Vũ Thư	c202/BTLTTG	28-7-1972
27	VŨ TIẾN CHÚC	1954	Thái Xuyên, Thái Thụy	e48/f320b	03-7-1972
28	NGUYỄN HUY CHƯƠNG	1952	Thái Tân, Thái Thụy	e48/f320b	03-7-1972
29	VŨ VĂN CHUYÊN	1943	Mỹ Hội, Vũ Thư	d25/f308	25-7-1972
30	NGUYỄN VĂN CƠ	1953	Mê Linh, Đông Hưng	c20/e95	20-8-1972
31	NGUYỄN XUÂN CƠ	1952	Hiệp Hòa, Hưng Hà	c1d1/e48	29-8-1972
32	NGUYỄN VĂN CỐNG	1939	Thụy Tân, Thái Thụy	d bộ8/e102/f308	8-8-1972
33	NGUYỄN VĂN CỬ	1954	Đồng Tiến, Quỳnh Phụ	d8 Quảng Trị	15-7-1972
34	TẠ MINH CƯƠNG	1944	Thái Hưng, Thái Thụy	f320b	12-7-1972
35	TRẦN VĂN DẪN	1952	Mình Tân, Hưng Hà	e48/f320b	02-8-1972
36	TRẦN VĂN DŨNG	1949	Vũ Trung, Kiến Xương	d7/e18	18-8-1972
37	PHẠM VĂN DƯƠNG	1953	Đồng Mỹ, Đông Hưng	c1/d19	14-8-1972
38	ĐẶNG XỨNG ĐĂNG	1950	Cộng Hoà, Hưng Hà	c1/d4/e88/f308	9-9-1972
39	ĐOÀN PHONG ĐĂNG	1953	Tam Tĩnh, Vũ Thư	f320b	25-7-1972
40	PHẠM VĂN ĐĂNG	1953	Đồng Hoàng, Tiền Hải	f320b	24-7-1972
41	BÙI VĂN ĐÌNH	1952	Duyên Hải, Hưng Hà	c6/d8/e102/f308	31-8-1972
42	PHẠM NGỌC ĐÌNH	1952	Đồng Phú, Đông Hưng	d5/e95	14-9-1972
43	NGUYỄN CÔNG ĐOÀN	1953	Tân Việt, Hưng Hà	e48/f320b	5-9-1972
44	QUÁCH ĐÌNH ĐỐC	1948	Đồng Tân, Đông Hưng	d3 Quảng Trị	16-8-1972
45	ĐÀO QUANG ĐỒN	1950	Tân Hòa, Hưng Hà	e48/f320b	14-8-1972
46	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	1954	Tân Tiến, Hưng Hà	c7d2/e48	15-9-1972
47	TỔNG VĂN ĐỨC	1954	Vũ Chính, Vũ Thư	f320b	23-7-1972
48	PHẠM VĂN HÀN	1954	Tây Lương, Tiền Hải	f320b	12-9-1972
49	LÊ ĐỨC HÂN	1953	Mình Tân, Đông Hưng	c3d1/e48	15-9-1972
50	NGUYỄN DUY HÂN	1952	Mình Lãng, Vũ Thư	d8 Quảng Trị	8-1972
51	MAI VĂN HANH	1954	Thái Thuần, Thái Thụy	e48/f320b	03-07-1972
52	PHẠM VĂN HÀO	1950	Vũ Lâm, Vũ Thư	c1/d19	18-8-1972
53	TRỊNH QUANG HIẾN	1950	Thụy Xuân, Thái Thụy	d5/e95	8-8-1972
54	NGUYỄN VĂN HIỆN	1953	Tân Sơn, Hưng Hà	c8/d8/e102/f308	13-9-1972
55	NGUYỄN VĂN HỢP	1949	Duyên Hải, Hưng Hà	c6/d8/e102/f308	2-9-1972
56	TRỊNH VĂN HƯNG	1952	An Vinh, Quỳnh Phụ	D25 BTL Đặc công	21-7-1972
57	NGUYỄN VĂN HUYỀN	1954	Đồng Minh, Tiền Hải	f320b	13-9-1972
58	CAO THANH HUYỀN	1954	Bắc Sơn, Hưng Hà	c5/d8/e102/f308	20-8-1972
59	TRẦN VĂN HUYỀN	1954	Đồng Trung, Tiền Hải	f320b	24-7-1972
60	TRẦN VĂN KHẢ	1954	Tân Tiến, Hưng Hà	c17/e48	14-8-1972
61	LÊ VĂN KHÂM	1954	Đồng Trung, Tiền Hải	f320b	28-8-1972
62	VŨ VĂN KHẨN	1952	Thái Lộc, Thái Thụy	c18/e88/f308	12-8-1972
63	NGUYỄN VĂN KHÁNH	1951	Mình Hoà, Hưng Hà	d5/e88/f308	6-9-1972
64	NGUYỄN VĂN KHIÊM	1953	Thái Phú, Thái Thụy	c1/d18/f308	10-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
65	NGUYỄN VĂN KHUYẾN	1954	Tiến Dũng, Hưng Hà	c6/d8/e102/f308	27-8-1972
66	NGUYỄN VĂN KIM	1954	Hiệp Hòa, Hưng Hà	e48/f320b	25-8-1972
67	TRẦN XUÂN KÍT	1949	Vũ Tây, Kiến Xương	d5/e95	8-9-1972
68	ĐINH CHÍ LA	1954	An Lễ, Quỳnh Phụ	d8 Quảng Trị	7-1972
69	NGUYỄN HOÀNG LÂM	1954	Tân Việt, Hưng Hà	c1d1/e48	
70	TRẦN VĂN LÂM	1954	Phương Công, Tiền Hải	f320b	18-7-1972
71	NGUYỄN CHÍ LẠNG	1953	Đồng Tiến, Quỳnh Phụ	d8 Quảng Trị	8-1972
72	GIANG VĂN LẬP	1954	Thụy Hà, Thái Thụy	f320b	18-7-1972
73	PHẠM VĂN LẬP	1954	Vũ Lăng, Tiền Hải	f320b	27-7-1972
74	NGUYỄN VĂN LỘC		Việt Hùng, Vũ Thư	d4/e95	2-9-1972
75	PHẠM VĂN LÒN	1954	Hùng Dũng, Hưng Hà	c7/d8/e102/f308	20-8-1972
76	TRẦN VĂN LƯU	1953	Vân Hường, Tiền Hải	c1d1	03-7-1972
77	BÙI DOÃN MẠNH	1953	Đồng La, Đông Hưng	c17/e95	29-8-1972
78	ĐOÀN DUY MẠNH	1952	Thụy Hồng, Thái Thụy	d4/e88/f308	1-9-1972
79	NGUYỄN BÁ MIỆN	1938	Nguyễn Xá, Đông Hưng	f320b	04-9-1972
80	BÙI VĂN MINH	1954	Thái Thịnh, Hưng Hà	d8/e102/f308	28-8-1972
81	PHẠM ĐÌNH MINH	1954	Thái Tân, Thái Thụy	e48/f320b	03-7-1972
82	PHẠM VĂN MỚ	1953	An Lễ, Quỳnh Phụ	d8 Quảng Trị	7-1972
83	NGUYỄN NGỌC NĂNG	1954	Đồng Long, Tiền Hải	f320b	19-7-1972
84	NGUYỄN VĂN NGẶN	1953	Cấp Tiến, Hưng Hà	e48/f320b	15-9-1972
85	NGUYỄN VĂN NGÀO	1953	Hùng Dũng, Hưng Hà	c7/d8/e102/f308	15-8-1972
86	ĐINH CHÍ NGOẠN	1953	Mình Tân, Hưng Hà	c7d2/e48	15-9-1972
87	NGUYỄN VĂN NGỌC	1954	Phúc Khánh, Hưng Hà	c8/d8/e102/f308	22-8-1972
88	LÊ VĂN NHÂM	1954	Đồng Trung, Tiền Hải	e48/f320b	28-8-1972
89	CAO VĂN NHẬN	1945	Đồng Lâm, Tiền Hải	e48/f320b	01-9-1972
90	ĐỖ NGỌC NHẬT	1950	Xuân Hòa, Vũ Thư	c1/d18/f308	26-8-1972
91	PHẠM VĂN NHIỀU	1945	Tô Hiệu, Thái Bình	d3 Quảng Trị	03-8-1972
92	VŨ VĂN NHỜ	1954	Liên Hiệp, Hưng Hà	c5/d8/e102/f308	31-8-1972
93	TRẦN VĂN NHUẬN	1954	Chương Dương, Đông Hưng	c17/e95	10-9-1972
94	NGUYỄN VĂN NHUỘM	1955	Hùng Dũng, Hưng Hà	c7/d8/e102/f308	11-7-1972
95	NGUYỄN NGỌC NINH	1951	Mình Hòa, Hưng Hà	c1/d4/e88/f308	8-9-1972
96	NGUYỄN NGỌC NINH	1950	Đoan Hùng, Hưng Hà	c6/d8/e102/f308	19-8-1972
97	NGUYỄN XUÂN PHIN	1941	An Khê, Phụ Dực	f320b	7-7-1972
98	NGUYỄN VĂN PHÓNG	1954	Phú Xuân, Vũ Thư	f320b	23-7-1972
99	PHẠM VĂN PHÒNG	1949	Hồng Việt, Đông Hưng	d4/e95	25-8-1972
100	ĐỖ VĂN QUÝ	1952	Mình Chung, Hưng Hà	c18/e95	9-9-1972
101	TRẦN VĂN QUÝ		Thái Bình	d3 Quảng Trị	1972
102	LÊ DUY QUYẾN	1952	Mình Lãng, Vũ Thư	d8 Quảng Trị	8-1972
103	TRẦN VĂN QUYẾN	1954	Hòa Bình, Hưng Hà	d6/e95	12-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
104	PHẠM ĐÌNH QUYẾT	1954	Tân Tiến, Hưng Hà	c16/e48	14-8-1972
105	NGUYỄN CÔNG QUỲNH	1954	Tam Nông, Hưng Hà	e48/f320b	28-8-1972
106	NGUYỄN ĐỨC RY	1957	Đồng Vinh, Đông Hưng	f320b	20-7-1972
107	TÔ ĐẠO RY	1949	Đồng Hoàng, Đông Hưng	e48/f320b	7-7-1972
108	NGUYỄN ANH SÁNH	1954	Hùng Dũng, Hưng Hà	c7/d8/e102/f308	15-8-1972
109	PHẠM ĐỨC SÁU	1952	Mình Tân, Hưng Hà	e48/f320b	02-8-1972
110	BÙI VĂN SÍNH	1954	Hòa Tiến, Hưng Hà	e48/f320b	9-9-1972
111	NGUYỄN QUANG SỞ	1953	Tam Nông, Hưng Hà	d2/e48	9-1972
112	NGUYỄN CHẾ TẮC	1954	Quỳnh Xá, Quỳnh Phụ	d8 Quảng Trị	7-8-1972
113	LÊ ĐỨC TÀI	1954	Quang Hưng, Kiến Xương	c3/d14	7-8-1972
114	NGUYỄN XUÂN TÁM	1952	Hồng Việt, Đông Hưng	c1/d19	24-8-1972
115	ĐỖ NGỌC TÂN	1950	Tự Tân, Vũ Thư	c1/d17	15-9-1972
116	BÙI VĂN TÂN	1952	Mình Lãng, Vũ Thư	d8 Quảng Trị	8-1972
117	TẠ VĂN TĂNG	1949	Lam Sơn, Hưng Hà	c5/d8/e102/f308	20-8-1972
118	ĐÀO QUANG TÊ	1949	Thụy Xuân, Thái Thụy	c1/d18/f308	7-7-1972
119	HOÀNG ĐÌNH THẠC	1949	Tân Hoà, Vũ Thư	c8/d8/e102/f308	12-8-1972
120	ĐOÀN VĂN THẠC	1953	Lam Sơn, Hưng Hà	d8/e102/f308	24-8-1972
121	TRẦN HỮU THÁCH	1951	Thụy Lương, Thái Thụy	c1/d4/e88/f308	8-9-1972
122	LÊ TẤT THẮNG	1954	Tây Sơn, Tiền Hải	f320b	25-7-1972
123	NGUYỄN XUÂN THÀNH	1950	Thái Hưng, Thái Thụy	e48/f320b	03-7-1972
124	TRẦN XUÂN THẬT	1954	Bắc Sơn, Hưng Hà	c5/d8/e102/f308	20-8-1972
125	TRẦN VĂN THỂ	1954	Mình Khai, Hưng Hà	d5/e88/f308	18-8-1972
126	TRẦN HỮU THIÊN	1952	Hưng Hà, Hưng Hà	d5/e95	6-8-1972
127	TRẦN ÍCH THIỆP	1955	Hồng Hà, Hưng Hà	c6/d8/e102/f308	27-8-1972
128	PHẠM VĂN THIẾU	1954	An Lễ, Quỳnh Phụ	d8 Quảng Trị	8-1972
129	LÊ MINH THU	1946	Mình Tân, Kiến Xương	c12/d6/e36/f308	17-8-1972
130	TRẦN VĂN THỨC	1937	Trà Giang, Kiến Xương	e38	15-7-1972
131	HOÀNG VĂN THÙY	1951	Mình Hòa, Hưng Hà	c2/d19	28-8-1972
132	NGUYỄN VĂN THỤY	1954	Thụy Hưng, Thái Thụy	f320b	13-9-1972
133	NGUYỄN VĂN TIẾN	1954	An Lễ, Quỳnh Phụ	d8 Quảng Trị	8-1972
134	ĐỖ VĂN TOAN	1952	Mình Lãng, Vũ Thư	d8 Quảng Trị	8-1972
135	NGUYỄN VĂN TỐT	1953	Phú Lương, Đông Hưng	c5/d8/e102/f308	31-8-1972
136	PHẠM THANH TÙNG	1938	Vũ Đoài, Vũ Thư	e48/f320b	28-8-1972
137	NGUYỄN HỮU TƯỜNG	1943	Mình Hưng, Kiến Xương	e38	20-7-1972
138	LƯU MẠNH TUYẾN	1954	Thái Hưng, Hưng Hà	c6/d8/e102/f308	2-9-1972
139	NGUYỄN VĂN TUYẾN	1954	Thụy Bình, Thái Thụy	e48/f320b	24-7-1972
140	GIANG QUỐC UY	1954	Thái Hưng, Thái Thụy	e48/f320b	03-7-1972
141	ĐẶNG VĂN UYÊN	1954	Hoàng Đức, Hưng Hà	c6/d8/e102/f308	20-8-1972
142	VŨ TIẾN VIỆT	1952	Đồng Động, Đông Hưng	d5/e95	23-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
143	NGUYỄN VĂN VIỆT	1954	Thái Xuyên, Thái Thụy	e48/f320b	03-7-1972
144	VŨ HUY VỜI	1952	Đông Đô, Hưng Hà	c7/d8/e102/f308	26-8-1972
145	TÔ MAI XUÂN	1954	Đông Xuân, Đông Hưng	d5/e95	23-8-1972
146	PHẠM VĂN XỨNG	1951	Quỳnh Nguyên, Quỳnh Côi	d25 BTL đặc công	30-6-1972
147	NGUYỄN VĂN ÍCH	1955	Tam Nông, Hưng Hà	e48/f320b	28-8-1972
148	NGUYỄN VĂN ÍCH	1944	An Hiệp, Quỳnh Phụ	d19	2-9-1972

THÁI NGUYÊN

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	VŨ QUANG CƯỜNG	1951	Vinh Quang, Đại Từ	f320b	29-6-1972
2	NGUYỄN MINH ĐỨC	1947	Cu Ván, Đại Từ	c12 d3 Quảng Trị	23-7-1972
3	TRẦN TẤT ĐỨC	1950	Cổ Lũng, Phú Lương	d17/f308	24-8-1972
4	LÂM VĂN LẬP	1949	Tân Hòa, Đình Hòa	c1 d8 Quảng Trị	16-7-1972
5	NGUYỄN CÔNG MINH	1953	TT. Chùa Hang, Đông Hỷ	d7/e18	7-8-1972
6	TRẦN QUANG MINH		Túc Duyên, TP Thái Nguyên	d7/e18	11-8-1972
7	ĐỖ GIA NGỌ		Trung Lộc, Định Hóa	e95	12-7-1972
8	NGÔ VĂN SÁNG	1951	Bình Sơn, Đông Hỷ	d5/e95	11-9-1972
9	NGUYỄN ĐỨC TÁM	1952	Phan Đ. Phùng, TP Thái Nguyên	d7/e18	28-8-1972
10	PHẠM THẾ TÂN		Yên Bình, Đông Hỷ	c1/d19	10-9-1972
11	HOÀNG VĂN THẮNG	1950	Trợ Tru, Định Hóa	d8 Quảng Trị	9-1972
12	NGUYỄN VĂN TOẢN	1949	Đông Thịnh, Định Hóa	d3 Quảng Trị	9-7-1972
13	TRẦN NAM TRUNG		Quyết Thắng, Đông Hỷ	d7/e18	12-8-1972

THANH HÓA

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN QUỐC ÂN	1953	Nga Lĩnh, Nga Sơn	d5/e95	18-8-1972
2	LÊ PHÚ BÌNH	1953	Triệu Chân, Triệu Sơn	d4/e95	9-9-1972
3	PHẠM QUANG BÌNH	1950	Nga Tiến, Nga Sơn	c18/e95	9-9-1972
4	NGUYỄN THỌ BÌNH	1951	Đông Thành, Đông Sơn	e48/f320b	14-7-1972
5	PHẠM VĂN BÌNH	1947	Mỹ Tân, Ngọc Lạc	d6/e95	28-7-1972
6	MAI THI BẠCH	1953	Nam Mỹ, Nga Sơn	d5/e95	10-8-1972
7	NGUYỄN VĂN BÍCH	1953	Định Hải, Yên Định	d7/e102/f308	27-6-1972
8	NGUYỄN LONG BIÊN	1949	Quảng Lợi, Quảng Xương	c7d2 e48/f320b	14-8-1972
9	LÊ THẾ BIÊN	1924	Hải Yến, Tĩnh Gia	d7/e18	25-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
10	LẠI VĂN BỘC	1952	Mỹ Lộc, Hậu Lộc	c5/d8/e102/f308	31-8-1972
11	LÊ ĐÌNH BƯỞI	1952	Quảng Trung, Quảng Xương	c10d3 e48/f320b	8-8-1972
12	BÙI XUÂN CÁCH	1955	Điền Quang, Bá Thước	c3/d1/e36/f308	2-9-1972
13	LÊ VĂN CÁCH	1952	Yên Thịnh, Yên Định	d bộ 1 48/f320b	10-9-1972
14	MAI VĂN CẢI	1953	Nga Thiện, Nga Sơn	d5/e95	27-7-1972
15	TRƯƠNG NHẬT CẦN	1950	Quảng Nhân, Quảng Xương	c2d1/e48/f320b	16-7-1972
16	LÊ ĐÌNH CẦN	1954	Thọ Cường, Triệu Sơn	c2/d7/e102/f308	2-9-1972
17	LÒ VĂN CẮNG	1952	Quan Trung, Quan Hóa	c4/d7/e102/f308	25-8-1972
18	LÊ VĂN CAY	1953	Quảng Đức, Quảng Xương	c5d2/e48/f320b	30-6-1972
19	NGUYỄN MINH CHÂU	1943	Thiệu Vũ, Thiệu Hóa	f320b	7-7-1972
20	ĐINH XUÂN CHÂU	1953	Nga Vịnh, Nga Sơn	d5/e95	25-8-1972
21	VŨ VĂN CHÂU	1953	Quảng Long, Quảng Xương	c20/e48/f320b	9-9-1972
22	THIỆU QUANG CHIẾN	1953	Thạch Long, Thạch Thành	c18/e48/f320b	03-8-1972
23	NGUYỄN VĂN CHIỀU	1946	Quảng Cát, Quảng Xương	c9d3/e48/f320b	21-7-1972
24	TRẦN NGỌC CHÍNH	1952	Nga Bạch, Nga Sơn	f320b	10-8-1972
25	HOÀNG VĂN CHÍNH	1952	Sơn Lữ, Quan Hoá	c6/d8/e102/f308	27-8-1972
26	LƯƠNG XUÂN CHỮ	1951	Hoảng Thắng, Hoảng Hóa	c18/e48/f320b	13-8-1972
27	TRẦN ĐĂNG CHUNG	1947	Thiệu Quang, Thiệu Hóa	c3/d4/e88/f308	25-7-1972
28	LƯU VĂN CHUNG	1951	Nga Thắng, Nga Sơn	d5/e95	8-8-1972
29	TRỊNH VĂN CHUNG	1952	Thọ Cường, Triệu Sơn	d8/e102/f308	12-9-1972
30	LÊ VĂN CƠ	1944	Dân Lý, Triệu Sơn	d2/e84	7-7-1972
31	TRẦN VĂN CỘI	1952	Vĩnh Phúc, Vĩnh Lộc	d6/e95	29-7-1972
32	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	1954	Nghi Xuân, Như Xuân	c7/d5/e88/f308	2-9-1972
33	MAI ĐÌNH CƯỜNG	1950	Nga Tiến, Nga Sơn	d5/e95	8-8-1972
34	TÔ THÀNH DÂN	1952	Quảng Văn, Quảng Xương	c6d2 e48/f320b	15-7-1972
35	NGUYỄN VĂN DI	1953	Nga Hải, Nga Sơn	d5/e95	11-9-1972
36	LÊ XUÂN DIỆU	1949	Hà Dương, Hà Trung	d4/e95	10-8-1972
37	TRẦN VIẾT DINH	1942	Quảng Văn, Quảng Xương	c17/e48/f320b	29-8-1972
38	LÊ QUANG DỰ		Đông Cương, Đông Sơn	e48/f320b	23-8-1972
39	PHẠM VĂN DỤC	1954	Thạch Lâm, Ngọc Lạc	c9/d6/e88/f308	9-9-1972
40	BÙI VĂN DUNG	1952	Thành Vân, Thạch Thành	d6/e95	22-8-1972
41	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠI	1938	Hoàng Tân, Hoảng Hóa	d4/e95	3-9-1972
42	TRƯƠNG ĐÌNH ĐẮNG		Cẩm Quý, Cẩm Thủy	d6/e95	27-7-1972
43	ĐẶNG VĂN ĐĂNG	1949	Triệu Hợp, Triệu Sơn	c3/d4/e88/f308	25-7-1972
44	LÊ NGỌC ĐẠO	1953	Hoảng Đại, Hoảng Hóa	c4d1/e48/f320b	14-7-1972
45	HOÀNG CÔNG ĐỆ	1952	Thành Tâm, Thạch Thành	c1d1/e48/f320b	20-8-1972
46	NHỮ QUỐC ĐỆ	1945	Xuân Phúc, Như Xuân	d19	18-8-1972
47	LÊ KIM ĐÍNH	1950	Định Liên, Yên Định	d4/e95	6-9-1972
48	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	1953	Nga Thắng, Nga Sơn	d5/e95	8-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
49	HOÀNG VĂN ĐOÀI	1952	Quảng Đức, Quảng Xương	c5d2/e48/f320b	15-7-1972
50	NGUYỄN ĐÌNH ĐOAN	1953	Thạch Bình, Thạch Thành	e bộe48/f320b	09-8-1972
51	TRẦN VĂN ĐOAN	1953	Đồng Tâm, Đồng Sơn	d4/e95	10-9-1972
52	VŨ DUY ĐOÀN		Nga Thắng, Nga Sơn	d5/e95	25-7-1972
53	LÊ HUY ĐỐC	1952	Hoảng Phụ, Hoảng Hóa	c20/e48/f320b	7-7-1972
54	LÊ TRẦN ĐỎM	1952	Định Tân, Yên Định	c1d1/e48/f320b	14-7-1972
55	NGUYỄN ĐÌNH ĐỒNG	1954	Phượng Nghi, Như Xuân	c6/d8/e102/f308	2-9-1972
56	LƯU XUÂN ĐỒNG	1952	Nga Thắng, Nga Sơn	d5/e95	7-8-1972
57	VÕ VĂN ĐUA	1953	Ban Công, Bá Thước	c6/d2/e36/f308	18-8-1972
58	LÊ VĂN ĐỨC	1954	Trung Chính, Nông Cống	c18/e102/f308	11-9-1972
59	TRẦN VĂN ĐỨC	1953	Thọ Cường, Triệu Sơn	d8/e102/f308	9-8-1972
60	VI VĂN HÀ	1952	Thanh Quân, Như Xuân	c6/d5/e88/f308	9-9-1972
61	TRỊNH XUÂN HẢI	1941	Vĩnh Tiến, Vĩnh Lộc	d4/e95	10-8-1972
62	PHI SƠN HÀM	1939	Hà Lâm, Hà Trung	d5/e95	27-7-1972
63	LÊ KHẮC HÂN	1953	Hoảng Thịnh, Hoảng Hóa	d bộ 1e48/f320b	5-9-1972
64	PHẠM VĂN HẰNG	1952	Hoảng Sơn, Hoảng Hóa	e48/f320b	29-7-1972
65	LÊ BÁ HANH	1951	Quảng Long, Quảng Xương	e48/f320b	29-07-1972
66	LÊ HỮU HÀNH	1952	Minh Dân, Triệu Sơn	c2/d7/e102/f308	16-9-1972
67	BÙI NGỌC HIỀN	1953	Hoảng Thắng, Hoảng Hóa	d bộ 2e48/f320b	12-9-1972
68	HÀ VĂN HIỆP	1955	Hồi Xuân, Quan Hoá	c10/d9/e102/f308	28-8-1972
69	VĂN ĐÌNH HIỆU	1953	Quảng Trường, Quảng Xương	d8/e102/f308	13-9-1972
70	MAI CHÍ HIỆU	1952	Hà Giang, Hà Trung	f320b	24-7-1972
71	LÊ QUANG HÌNH	1953	Bình Lương, Như Xuân	c9d3/e48/f320b	9-7-1972
72	LÊ ĐOAN HÙNG	1948	Yên Phong, Yên Định	e45	9-9-1972
73	HOÀNG VĂN HOA	1938	Hoảng Phong, Hoảng Hóa	c16/e95	12-9-1972
74	PHẠM NGỌC HÓA	1953	Cẩm Giang, Cẩm Thủy	c16/e48/f320b	18-7-1972
75	TRỊNH XUÂN HÒA	1948	Quảng Yên, Quảng Xương	d2/e84	3-7-1972
76	HÀ VĂN HOAN	1952	Trung Thượng, Quan Hóa	c4/d7/e102/f308	25-8-1972
77	PHẠM DUY HOÁN	1953	Nga An, Nga Sơn	d5/e95	29-7-1972
78	LÊ VĂN HOÀN	1952	Hoảng Xuyên, Hoảng Hóa	c1/d4/e88/f308	13-8-1972
79	TRẦN VĂN HOÀN	1952	Hoảng Xuân, Hoảng Hóa	d bộ 1e48/f320b	01-9-1972
80	NGUYỄN LƯƠNG HOẠT	1950	Hoảng Anh, Hoảng Hóa	e48/f320b	30-7-1972
81	NGUYỄN MẠNH HUÂN	1953	Hoảng Lộc, Hoảng Hóa	c16/E48/f320b	02-8-1972
82	HÀ VĂN HUÂN	1954	Hợp Thành, Triệu Sơn	c11/d9/e102/f308	8-9-1972
83	MAI DUY HÙNG	1953	Vĩnh Thành, Vĩnh Lộc	d4/e95	8-9-1972
84	NGUYỄN QUỐC HÙNG	1952	Hoảng Đạo, Hoảng Hóa	e48/f320b	12-7-1972
85	VŨ VĂN HƯNG	1953	Thạch Long, Thạch Thành	c18/e48/f320b	17-8-1972
86	NGUYỄN ĐỨC HUY	1953	Hải Châu, Tĩnh Gia	d19	9-9-1972
87	TRỊNH XUÂN HUYNH	1954	Hoảng Kim, Hoảng Hóa	c17/E48/f320b	03-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
88	DƯ HUỖNH	1943	Quảng Vinh, Quảng Xương	f320b	12-7-1972
89	NGUYỄN TRINH KẾT	1949	Đội 3 Xóm Giếng, Hoằng Anh, Hoằng Hóa	c12d3/e48/f320b	14-8-1972
90	HÀ VĂN KHẢI	1954	Thanh Lâm, Bá Thước	c4/d1/e36/f308	2-8-1972
91	ĐINH VĂN KHẮN	1952	Định Thành, Hoằng Hóa	e88/f308	31-8-1972
92	BÙI VĂN KHIÊM	1953	Ngọc Điền, Nga Sơn	c16/e95	5-8-1972
93	NGUYỄN VĂN KHÔNG	1942	Xuân Lan, Thọ Xuân	c1/d4/e88/f308	25-7-1972
94	TRẦN VĂN KHUYÊN	1948	Quảng Nhân, Quảng Xương	d bộ 2e48/f320b	14-9-1972
95	TRỊNH XUÂN KIỂM	1953	Nga Thiện, Nga Sơn	d5/e95	16-9-1972
96	TRƯƠNG MẠNH KÍNH	1953	Điền Quang, Bá Thước	c16/ e36/f308	15-8-1972
97	ĐỖ HỒNG KỶ	1954	Hoằng Trung, Hoằng Hóa	c18/e48/f320b	10-8-1972
98	NGUYỄN MẠNH KỶ	1944	Nga Văn, Nga Sơn	d4/e95	5-9-1972
99	HÀ THANH LAI	1953	Yên Thịnh, Yên Định	c4d1/e48/f320b	14-7-1972
100	MAI VĂN LÂM	1953	Nga An, Nga Sơn	d5/e95	30-7-1972
101	LÊ QUỐC LAN	1952	Hoằng Thịnh, Hoằng Hóa	c4d1/e48/f320b	15-9-1972
102	NGUYỄN QUỐC LAN	1953	Quảng Giao, Quảng Xương	d25 BTL Đặc công	24-8-1972
103	LÊ XUÂN LÂN	1952	Yên Lâm, Yên Định	c14/e48/f320b	01-7-1972
104	TRẦN VĂN LẬP	1953	Quảng Hải, Quảng Xương	e48/f320b	15-9-1972
105	TRỊNH ĐẠI LỄ	1952	Thạch Đồng, Thạch Thành	d bộ 2e48/f320b	28-8-1972
106	NGUYỄN DUY LIÊN	1952	Ba Đình, Nga Sơn	d5/e95	2-9-1972
107	VŨ ĐÌNH LIÊN	1952	Hải Bình, Tĩnh Gia	c3/d19	9-9-1972
108	LƯU VĂN LỢ	1952	Vạn Xuân, Thường Xuân	c3/d4/e88/f308	28-7-1972
109	NGUYỄN VĂN LOAN	1952	Hoằng Đạt, Hoằng Hóa	d bộ 1e48/f320b	13-8-1972
110	HOÀNG CÔNG LONG	1952	Quảng Trung, Quảng Xương	c20/e48/f320b	8-8-1972
111	NGUYỄN THÀNH LONG	1949	Cầm Văn, Cầm Thủy	e48/f320b	9-9-1972
112	NGUYỄN VĂN LỤC	1949	Thanh Sơn, Tĩnh Gia	c6/d8/e102/f308	2-9-1972
113	ĐỖ CAO LƯƠNG	1953	Hoằng Hà, Hoằng Hóa	c18/e48/f320b	10-8-1972
114	NGUYỄN VIẾT LƯƠNG	1947	Quảng Hưng, Quảng Xương	d8/e102/f308	20-8-1972
115	LƯƠNG VĂN LƯƠNG	1952	Cầm Tân, Cầm Thủy	c3/d4/e88/f308	28-7-1972
116	LÊ VĂN LUYỆN	1951	Thiệu Khánh, Thiệu Hóa	c20/e48/f320b	8-8-1972
117	NGUYỄN VĂN LINH	1954	Minh Châu, Triệu Sơn	d9/e102/f308	8-9-1972
118	LÊ BÁ MẠNH	1953	Minh Sơn, Ngọc Lạc	d6/e88/f308	4-9-1972
119	HÀ THANH NĂM	1953	Cổ Lũng, Bá Thước	c3/d1/e36/f308	5-7-1972
120	HÀ VĂN NÀNG	1942	Bàn Phù Nhi, Quan Hóa	c17/e36/f308	25-7-1972
121	PHẠM VĂN NGHĨA	1952	Thọ Cường, Triệu Sơn	c5/d8/e102/f308	4-8-1972
122	HỒ BÁ NGỌ	1952	Quỳnh Giang, Quỳnh Lưu	c202/BTLTTG	27-8-1972
123	LƯƠNG THẾ NGỌC	1952	Cầm Văn, Cầm Thủy	c2/d4/e88/f308	28-7-1972
124	NGUYỄN VŨ NGỌC	1952	Quảng Hưng, Quảng Xương	c20/E48/f320b	7-7-1972
125	ĐƯỜNG XUÂN NGỌC	1954	Xuân Khang, Như Xuân	e48/f320b	17-8-1972
126	NGÔ VĂN NGÔN	1947	Thanh Hưng, Thạch Thành	d4/e95	28-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
127	NGẦN XUÂN NGUYỄN	1954	Thành Lâm, Bá Thước	c4/d1/e36/f308	8-9-1972
128	NGUYỄN VĂN NHÂN		Đồng Thịnh, Đông Sơn	d7/e18	29-8-1972
129	PHẠM VĂN NHỈ	1950	Đồng Lĩnh, Đông Sơn	e48/f320b	03-7-1972
130	NGUYỄN THANH NHUNG	1953	Quảng Yên, Quảng Xương	c6d2/e48/f320b	29-7-1972
131	LÊ KIM NINH	1954	Hoảng Long, Hoảng Hóa	e48/f320b	14-8-1972
132	NGUYỄN BÁ NỞ	1954	Đồng Yên, Đông Sơn	d4/e95	3-9-1972
133	MAI ĐÌNH PHÁN	1953	Nga Mỹ, Nga Sơn	c16/e95	15-9-1972
134	TRỊNH VĂN PHÁO	1951	Thành Hưng, Thạch Thành	c8d2/e48/f320b	02-9-1972
135	ĐỖ VĂN PHẾT	1948	Xuân Lập, Thọ Xuân	d8 Quảng Trị	24-07-1972
136	CẨM BÁ PHI	1950	Vạn Xuân, Thường Xuân	d bộ d1 e48/f320b	12-7-1972
137	HOÀNG VĂN PHIỆT	1952	Quảng Long, Quảng Xương	c6d2/e48/f320b	15-7-1972
138	LÊ VĂN PHONG	1953	Hoảng Đại, Hoảng Hóa	c4d1/e48/f320b	5-8-1972
139	LÊ VĂN PHÚ	1944	Hoảng Thắng, Hoảng Hóa	d3 Quảng Trị	17-8-1972
140	HÀ DUY PHÚC	1953	Mình Nghĩa, Nông Cống	d7/e102/f308	12-7-1972
141	LÊ DUY PHÚC	1950	Hoảng Anh, Hoảng Hóa	c7d2/E48/f320b	28-7-1972
142	NGUYỄN VĂN PHÚC	1947	Hoảng Thanh, Hoảng Hóa	c6/d2/e36/f308	18-8-1972
143	NGUYỄN XUÂN QUÂN	1953	Cẩm Bình, Cẩm Thủy	c16/e48/f320b	21-7-1972
144	NGUYỄN BÁ QUÂN	1952	Hoàng Châu, Hoàng Hóa	e48/f320b	15-9-1972
145	TRẦN KHÁNH QUANG	1936	Nga Thủy, Nga Sơn	BHC/e95	23-8-1972
146	TRƯƠNG VĂN QUÁT	1950	Thành Hưng, Thạch Thành	e48/f320b	14-7-1972
147	HỒ HỮU QUÝ	1953	Hoảng Hải, Hoảng Hóa	c2d1/e48/f320b	14-7-1972
148	NGUYỄN QUANG SÀO	1953	Phương Lĩnh, Đông Lạc	c10/d6/e88/f308	10-8-1972
149	VI VĂN SƠN	1952	Thanh Quân, Như Xuân	c7/d5/e88/f308	6-9-1972
150	HÀ THANH SƠN	1954	Đoàn Tiến, Nga Sơn	d5/e95	26-7-1972
151	LÊ DUY SƯƠNG	1947	Thạch An, Thạch Thành	e48F320B	31-7-1972
152	VÕ VIẾT SƯƠNG	1952	Hoảng Long, Hoảng Hóa	c14/e48/f320b	16-9-1972
153	BÙI VĂN SUYỄN	1939	Thạch An, Thạch Thành	e48/f320b	31-7-1972
154	LÊ TRỌNG TÁCH	1952	Quảng Bình, Quảng Xương	e48/f320b	19-7-1972
155	ĐẶNG MINH TÂM	1953	Nga Thiện, Nga Sơn	d5/e95	8-8-1972
156	NGUYỄN VĂN TÂM	1949	Hoảng Phúc, Hoảng Hóa	c6d2/e48/f320b	13-7-1972
157	PHẠM NGỌC TÂN	1951	Hoảng Cát, Hoảng Hóa	c2d1/e48/f320b	13-8-1972
158	LÊ THIÊN TÀO		Quảng Ngọc, Quảng Xương	c3/d19	9-9-1972
159	TRẦN THANH TẠO	1954	Quảng Long, Quảng Xương	d4/e95	8-9-1972
160	LÊ VĂN TẾ	1953	Hợp Thành, Triệu Sơn	c7/d8/e102/f308	15-8-1972
161	TRỊNH TRUNG THẠCH	1952	Yên Lạc, Yên Định	d bộ 1 e48/f320b	12-8-1972
162	NGUYỄN VĂN THÁI	1953	Quảng Trạch, Quảng Xương	e48/f320b	03-7-1972
163	CHU ĐÌNH THÂN	1947	Hoảng Ngọc, Hoảng Hóa	d bộ 1e48/f320b	13-8-1972
164	LÊ ĐÌNH THẮNG	1952	Hoàng Xuyên, Hoảng Hoá	c3/d4/e88/f308	28-7-1972
165	LÊ VĂN THẮNG	1951	Quảng Long, Quảng Xương	c6d2/e48/f320b	14-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
166	LÊ KHẮC THẠNG	1953	Hoảng Đạo, Hoảng Hóa	e48/f320b	17-7-1972
167	LÊ HẢI THANH	1953	Quảng Trung, Quảng Xương	c1/d19	2-9-1972
168	PHẠM VĂN THANH	1954	Minh Sơn, Ngọc Lạc	c9/d6/e88/f308	9-9-1972
169	NGÔ XUÂN THANH	1954	Quảng Thịnh, Quảng Xương	D4/e95	10-9-1972
170	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	1953	Thiệu Chính, Thiệu Hóa	c1/d4/e88/f308	23-7-1972
171	LÊ TRỌNG THÀNH	1953	Yên Thọ, Yên Định	c7d2/e48/f320b	05-8-1972
172	NGUYỄN VĂN THÀNH	1953	Hoảng Đại, Hoảng Hóa	c4d1/e48/f320b	15-9-1972
173	PHÙNG VĂN THẬP	1952	Hoảng Phụ, Hoảng Hóa	c9d3/e48/f320b	15-9-1972
174	LÊ VĂN THẮT	1952	Quảng Hợp, Quảng Xương	d4/e95	8-9-1972
175	NGUYỄN KIM THÈ	1952	Quảng Khê, Quảng Xương	c10d3/e48/f320b	25-7-1972
176	NGUYỄN HỮU THI	1950	Đồng Hải, Đồng Sơn	d4/e95	6-9-1972
177	TRƯƠNG XUÂN THÍCH	1953	Thành Minh, Thạch Thành	c18/E48/f320b	25-8-1972
178	NGUYỄN VĂN THIỆN	1954	Quảng Trường, Quảng Xương	d4/e95	8-9-1972
179	NGUYỄN VINH THIỆN	1953	Hoảng Phúc, Hoảng Hóa	c7d2/e48/f320b	05-8-1972
180	CAO NGỌC THIỆU	1953	Định Tiến, Yên Định	c8/d8/e102/f308	8-8-1972
181	TRỊNH VĂN THIỆU	1954	Nga An, Nga Sơn	d5/e95	9-9-1972
182	LÒ ĐỨC THỊNH	1947	Tân Phong, Như Xuân	c4/d1/e36/f308	8-9-1972
183	VŨ NGỌC THƠ	1954	Quảng Trường, Quảng Xương	d4/e95	11-9-1972
184	NGUYỄN QUANG THỌ	1953	Yên Phong, Yên Định	d4/e95	10-9-1972
185	PHẠM VĂN THỎA	1949	Thọ Lập, Thọ Xuân	c4 d8 Quảng Trị	03-8-1972
186	TRỊNH VIỆT THOÀN	1952	Định Long, Yên Định	d bộ 1e48/f320b	12-7-1972
187	HOÀNG HUY THƠM	1948	Hà Vân, Hà Trung	d1/e84	3-9-1972
188	TRƯƠNG VĂN THÔNG	1948	Thành Tâm, Thạch Thành	f320b	14-9-1972
189	CÙ MINH THU	1946	Hà Lâm, Hà Trung	d6/e95	13-9-1972
190	LƯU VĂN THU	1954	Nga Tiến, Nga Sơn	d5/e95	27-7-1972
191	LÊ TRUNG THUẬN	1952	Hoảng Ngọc, Hoảng Hóa	c3d1/e48/f320b	7-9-1972
192	TRẦN VĂN THỨC	1953	Nga Điền, Nga Sơn	d4/e95	10-8-1972
193	HÀ XUÂN THƯỢNG	1952	Xuân Phú, Như Xuân	c4/d1/e36/f308	8-9-1972
194	ĐÌNH VĂN THƯỢNG	1952	Tiểu Toán, Thiệu Hóa	c7/d5/e88/f308	6-9-1972
195	PHẠM VĂN THƯỢNG	1945	Cẩm Liên, Cẩm Thủy	d4/e95	15-8-1972
196	NGUYỄN XUÂN THỦY	1953	Ngọc Trạo, Thạch Thành	e48/f320b	9-7-1972
197	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	1953	Quảng Thành, Quảng Xương	c10d3/e48/f320b	25-7-1972
198	TRẦN QUANG TIẾN	1954	Hoảng Giang, Hoảng Hóa	d25 BTL Đặc công	21-8-1972
199	LÊ XUÂN TÌNH	1950	Hoảng Phụ, Hoảng Hóa	c20/e48/f320b	8-8-1972
200	LÊ VĂN TÍNH	1942	Hợp Tiến, Triệu Sơn	368	24-8-1972
201	LÊ VĂN TRAI	1953	Đồng Cương, Đồng Sơn	d6/e95	18-8-1972
202	HOÀNG VĂN TRIỆU	1953	Hà Ngọc, Hà Trung	c1/d19	24-8-1972
203	NGUYỄN THẾ TRÌNH	1948	Quảng Hưng, Quảng Xương	c24/e48/f320b	4-7-1972
204	NGUYỄN VĂN TRỌN	1952	Hoảng Kim, Hoảng Hóa	d4/e95	13-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
205	NGUYỄN VĂN TRỰC	1954	Nga Thắng, Nga Sơn	d5/e95	16-8-1972
206	MAI VĂN TRUNG	1950	Nga Yên, Nga Trung	d5/e95	25-7-1972
207	NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG	1951	Quảng Khê, Quảng Xương	c10d3/e48/f320b	14-8-1972
208	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	1955	Quảng Trạch, Quảng Xương	d4/e95	7-9-1972
209	NGUYỄN ĐĂNG TƯ	1952	Yên Phong, Yên Định	c18/e102/f308	17-8-1972
210	NGUYỄN SINH TUẤN	1953	Hoảng Phúc, Hoảng Hóa	c14/e48/f320b	13-7-1972
211	NGUYỄN VĂN TUẤN	1951	Hoảng Thái, Hoảng Hóa	c20/e48/f320b	01-9-1972
212	LÊ ĐÌNH TUẤN	1953	Bình Lương, Như Xuân	c6/d5/e88/f308	5-9-1972
213	LÊ XUÂN TY	1946	Hoảng Lưu, Hoảng Hóa	d4/e95	6-8-1972
214	VI VĂN UI	1950	Ái Thượng, Bá Thước	c6/d2/e36/f308	18-8-1972
215	NGUYỄN THẾ VĂN	1952	Bình Dương, Như Xuân	c6/d5/e88/f308	3-9-1972
216	CAO HẢI VĂN	1950	Minh Sơn, Ngọc Lạc	e48/f320b	19-7-1972
217	TRƯƠNG PHÚC VI	1950	Cẩm Sơn, Cẩm Thủy	c7/d5/e88/f308	9-9-1972
218	LÊ TRUNG VIÊN	1953	Hoảng Ngọc, Hoảng Hóa	d bộ 1 e48/f320b	13-8-1972
219	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	1935	Quảng Tâm, Quảng Xương	c4 d8 Quảng Trị	03-08-1972
220	NGÔ QUANG VINH	1953	Định Long, Yên Định	c8/d8/e102/f308	4-8-1972
221	LÊ XUÂN VINH	1953	Thọ Lâm, Thọ Xuân	d4/e95	2-9-1972
222	NGUYỄN VĂN VĨNH	1953	Hoàng Khánh, Hoảng Hóa	e48/f320b	10-8-1972
223	TRẦN NGỌC VỊNH	1952	Hoảng Phụ, Hoảng Hóa	c6d2/e48/f320b	13-7-1972
224	TRỊNH QUANG VỌNG	1953	Yên Lộc, Yên Định	e48/f320b	03-7-1972
225	NGUYỄN CẢNH XUÂN	1953	Hoảng Thanh, Hoảng Hóa	c18/e48/f320b	01-8-1972
226	LÊ ÍCH XƯƠNG	1953	Quảng Lưu, Quảng Xương	c5D2/e48/f320b	30-8-1972
227	TRẦN NGỌC XƯƠNG	1950	Quảng Hải, Quảng Xương	e48/f320b	01-9-1972
228	NGUYỄN TRỌNG XƯỚNG		Quảng Thành, Quảng Xương	d19	25-8-1972
229	VŨ VĂN Y	1950	Yên Lộc, Yên Định	d4/e95	4-8-1972
230	ĐINH VĂN YÊN	1947	Nga Vĩnh, Nga Sơn	e48/f320b	9-9-1972

THỪA THIÊN HUẾ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	HOÀNG HẢI VĂN	1937	Vĩnh Lộc, Phú Lộc	e48/f320b	18-9-1972
2	VŨ VĂN VỪA	1952	Phong An, Phong Điền	e48/f320b	19-7-1972

VĨNH PHÚC

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN HUY BẬT		Yên Lãng	d3 Quảng Trị	1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
2	NGUYỄN VĂN BÊ		Lập Thạch	d3 Quảng Trị	1972
3	ĐÀO XUÂN BÌNH	1945	Thổ Tang, Vĩnh Tường	e48/f320b	26-8-1972
4	HOÀNG VĂN BÌNH	1949	Tích Sơn, TX. Vĩnh Yên	e38	02-7-1972
5	PHẠM VĂN BỘ	1954	Yên Bình, Vĩnh Tường	e48/f320b	10-8-1972
6	TRẦN DOÃN CHÂU	1953	Phú Đa, Vĩnh Tường	e48/f320b	15-8-1972
7	TRẦN DOÃN CHẾ	1953	Phú Đa, Vĩnh Tường	e48/f320b	20-8-1972
8	NGUYỄN DUY CHUYỀN	1951	Vĩnh Thịnh, Vĩnh Tường	e48/f320b	22-8-1972
9	PHÙNG VĂN CƯỜI	1954	Vĩnh Sơn, Vĩnh Tường	e48/f320b	19-8-1972
10	PHAN VĂN DINH	1950	Tứ Trung, Vĩnh Tường	e48/f320b	20-8-1972
11	NGÔ VĂN DỰ	1945	Ngọc Mỹ, Lập Thạch	d5/e95	14-9-1972
12	ĐỖ HÙNG DỨNG	1954	Tam Phúc, Vĩnh Tường	e48/f320b	8-8-1972
13	NGUYỄN DOÃN ĐẠC	1954	Phú Đa, Vĩnh Tường	e48/f320b	17-8-1972
14	NGÔ VĂN ĐỂ	1954	Yên Bình, Vĩnh Tường	e48/f320b	7-9-1972
15	NGUYỄN VĂN ĐỂ	1954	Vĩnh Thịnh, Vĩnh Tường	e48/f320b	22-8-1972
16	NGUYỄN ĐỨC ĐỘ	1954	Tam Phúc, Vĩnh Tường	e48/f320b	31-8-1972
17	NGUYỄN ĐĂNG ĐỌN	1952	Phú Thịnh, Vĩnh Tường	e48/f320b	11-9-1972
18	NGUYỄN VĂN HOA	1951	Tam Hồng, Yên Lạc	d16	5-9-1972
19	ĐẶNG VĂN HÙNG	1954	Cao Đại, Vĩnh Tường	e48/f320b	14-9-1972
20	TẠ THANH HUYỀN	1954	Dữu Lân, Vĩnh Tường	e48/f320b	10-8-1972
21	TRƯƠNG QUANG LÂN	1949	Ngũ Kiên, Vĩnh Tường	e48/f320b	19-8-1972
22	NGÔ VĂN LƯỢNG	1950	Phúc Thắng, TX. Phúc Yên	d3 Quảng Trị	23-8-1972
23	TRẦN HỮU LÝ	1954	Tam Phúc, Vĩnh Tường	e48/f320b	12-8-1972
24	NGUYỄN XUÂN MÃO	1953	Tứ Trung, Vĩnh Tường	e48/f320b	23-8-1972
25	NGUYỄN VĂN MÙI	1954	Đại Đồng, Vĩnh Tường	e48/f320b	12-8-1972
26	NGUYỄN VĂN PHỦ	1944	Yên Thịnh, Lập Thạch	c10/d3/e36/f308	24-7-1972
27	NGUYỄN VĂN QUYẾT	1954	Tứ Trung, Vĩnh Tường	e48/f320b	16-8-1972
28	HOÀNG VĂN SỎ	1953	Vĩnh Thịnh, Vĩnh Tường	e48/f320b	22-8-1972
29	NGUYỄN VĂN TÁI	1944	An Hòa, Tam Dương	e48/f320b	21-7-1972
30	NGUYỄN TIẾN TÂN		Tứ Yên, Lập Thạch	d5/e95	28-7-1972
31	NGUYỄN VĂN TĂNG		Thượng Trung, Vĩnh Tường	d7/e18	26-8-1972
32	PHÙNG ĐĂNG TEO	1954	Vĩnh Sơn, Vĩnh Tường	e48/f320b	15-8-1972
33	NGUYỄN HỮU THÂN	1954	Vĩnh Minh, Vĩnh Tường	e48/f320b	12-8-1972
34	TRẦN BÁ THÀNH	1953	Vĩnh Thịnh, Vĩnh Tường	e48/f320b	14-9-1972
35	NGUYỄN HỮU THÊM	1954	Phú Đa, Vĩnh Tường	e48/f320b	12-8-1972
36	NGUYỄN VĂN THI	1954	Lý Nhân, Vĩnh Tường	e48/f320b	10-9-1972
37	NGÔ VĂN THIÊN	1954	Tứ Trung, Vĩnh Tường	e48/f320b	20-8-1972
38	HOÀNG VĂN THỊNH	1953	Vũ Di, Vĩnh Tường	e48/f320b	08-8-1972
39	NGUYỄN VĂN THÚ		Thượng Trung, Vĩnh Tường	d7/18	11-8-1972
40	VŨ ĐÌNH TIẾN		Tử Du, Lập Thạch	d7/e18	11-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
41	NGUYỄN DUY TỐ		Cử Yên, Lập Thạch	d7/e18	12-8-1972
42	ĐỖ VĂN TRẦN	1953	Thanh Lăng, Bình Xuyên	e95	10-9-1972

YÊN BÁI

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	LÊ QUANG HẮN	1954	Y Can, Trấn Yên	c2d4e88	15-9-1972

LIỆT SĨ THUỘC CÁC ĐƠN VỊ CHIẾN ĐẤU TRÊN CÁC HƯỚNG TẠI CHIẾN TRƯỜNG QUẢNG TRỊ TRONG THỜI GIAN BẢO VỆ THÀNH CỔ 81 NGÀY ĐÊM (từ ngày 28 tháng 6 đến ngày 16 tháng 9 năm 1972)

BẮC KẠN

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	PHẠM VĂN BẦU		Minh Khai, Bắc Kạn	c11/d9/e66/f304	16-8-1972
2	HÀ THIÊN CÁT	1954	Quân Bình, Bạch Thông	d9/e66/f304	03-9-1972
3	HOÀNG XUÂN CAO	1954	Phiên Quan, Ngân Sơn	c11/d9/e66/f304	19-8-1972
4	TRIỆU VIỆT CƯỜNG	1945	Trở Giã, Bắc Thái	TNXP, c32	16-7-1972
5	CHU VĂN ĐẠT	1949	Quân Bình, Bạch Thông	c1/d4/e24/f304	15-9-1972
6	TRẦN VĂN ĐỊCH	1954	Phương Ninh, Bạch Thông	c12/d9/e66/f304	17-8-1972
7	NGUYỄN TIẾN ĐỨC		Quang Minh, Tân Phổ	d7/e18	8-7-1972
8	PHẠM TRƯỜNG GIANG	1952	Dương Quang, TX Bắc Kạn	c9/d9/e66/f304	19-8-1972
9	VŨ VĂN HUỆ		Tiểu khu Sơ Tán, Hùng Vương	d9/e18	12-8-1972
10	HOÀNG TRỌNG KÍNH	1950	Nguyên Phúc, Bạch Thông	c1/d4/e24/f304	17-7-1972
11	ĐOÀN VĂN LÂM	1951	Quang Thuận, Bạch Thông	c1/d4/e24/f304	28-6-1972
12	NÔNG VĂN LƯƠNG	1954	Lục Bình, Bạch Thông	c12/d9/e66/f304	18-8-1972
13	DƯƠNG VĂN NGÂN	1954	Trung Hòa, Ngân Sơn	c2/d7/e66/f304	23-8-1972
14	NGUYỄN VĂN THẮNG	1953	Hòa Mỹ, Bạch Thông	c9/d9/e66/f304	8-9-1972
15	NGÂN ĐỨC TỘ	1952	Kim Thủy, Na Rì	c9/d9/e66/f304	8-9-1972
16	LA DƯƠNG XUYỀN	1953	Địa Linh, Chợ Rã, Ba Bể	c1/d7/e66/f304	12-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

BẮC GIANG

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN SONG ÁI	1954	Tương Giang, Từ Sơn	c1/d4/e165	24-8-1972
2	BÙI VĂN BA	1948	Lạc Sơn, Lục Ngạn	c3d4e165	24-8-1972
3	NGUYỄN BÁ BAN	1952	Trường Sơn, Lục Nam	d4/e165	28-8-1972
4	NGUYỄN VĂN BIÊN	1953	Thanh Hải, Lục Ngạn	c9/d6	28-8-1972
5	VŨ THANH BÌNH	1950	Phố Chũ, Lục Ngạn	c9/d6	9-9-1972
6	NGUYỄN HỮU CÂN	1952	Quảng Châu, Việt Yên	e27f320b	10-8-1972
7	TRẦN XUÂN ĐIỂM	1946	Hồng Thái, Việt Yên	c1/d25/f304	19-7-1972
8	NGUYỄN DUY ĐỐI	1948	Tân Hiệp, Yên Thế	e36/f308	13-9-1972
9	VŨ ĐĂNG ĐỐI	1954	Quang Thịnh, Lạng Giang	c3/d4/e165	24-8-1972
10	ĐÀO DUY HẢI	1950	Hùng Sơn, Lục Nam	e88/f308	9-8-1972
11	NGUYỄN NGỌC HẠT	1948	Bắc Lũng, Lục Ngạn	c3/d4	24-8-1972
12	NGUYỄN VĂN KIỂM	1953	Trí Yên, Yên Dũng	c9/d6	7-8-1972
13	NGUYỄN HÙNG KIẾN		Yên Dũng, Hà Bắc	c24 k10	11-07-1972
14	NGUYỄN VĂN LẠI	1950	Tư Mai, Yên Dũng	c6/d8	7-9-1972
15	NGUYỄN MINH LUẬN	1953	Bảo Đài, Lục Nam	c3/d7	4-9-1972
16	TRỊNH HỮU LƯƠNG	1930	Yên Dũng, Hà Bắc	b5	10-09-1972
17	NGUYỄN ĐỨC MỸ	1954	Tân Quang, Lục Ngạn	c12/d6/e165	10-9-1972
18	LÂM VĂN NGỌT	1949	Kiến Lao, Lục Ngạn	c20/f308	28-7-1972
19	VŨ VĂN NHAU	1943	Lạng Sơn, Lục Ngạn	c1d4/ e165	21-8-1972
20	HOÀNG VĂN NHỎM	1953	Kiên Thành, Lục Ngạn	c9/d6	7-8-1972
21	PHẠM VĂN QUỲNH	1953	Tân Quang, Lục Ngạn	c10/d6	02-8-1972
22	NGUYỄN QUANG SÁNG	1944	Quảng Ninh, Việt Yên	f320b	02-07-1972
23	TRẦN VĂN SỬU	1953	Yên Định, Sơn Động	c5/d5/e165	24-8-1972
24	NGUYỄN VĂN THẬP	1954	Huyền Sơn, Lục Nam	d4e165	28-8-1972
25	NGUYỄN KIM THIỆU		Đa Mai, TP Bắc Giang	d4/e101	10-8-1972
26	NGUYỄN VĂN THU	1945	Cương Sơn, Lục Nam	c4/d4	16-9-1972
27	NGUYỄN BÁ THƯ	1952	TP. Bắc Giang	d10/e68/f308	14-9-1972
28	NGUYỄN DUY TÍCH	1953		c5/d8/e209	7-9-1972
29	BẾ HỒNG TIẾN	1955	Hữu Sản, Sơn Động	c3/d4/e165	24-8-1972
30	ĐOÀN BÁ TRƯỞNG	1948	Liên Sơn, Tân Yên	c202/BTLTTG	9-7-1972
31	LÊ ĐỨC TUẤN	1954	Cường Sơn, Lục Nam	c3/d4/e165	24-8-1972

BẮC NINH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN THẠCH AN	1949	Đình Bảng, Từ Sơn	c2/d7	22-8-1972
2	LÊ VĂN AN	1954	Tân Hồng, Tiên Sơn	c1d4/e165	21-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
3	NGUYỄN SONG ÁI	1954	Tương Giang, Tiên Sơn	c1d4/e165	24-8-1972
4	NGUYỄN ĐÌNH BA	1954	Đông Phong, Yên Phong	c10/d5	15-8-1972
5	BÙI TRỌNG BẮC	1943	Võ Cường, TP Bắc Ninh	c12/d6	11-8-1972
6	NGUYỄN VIỆT BẮC	1954	Khúc Xuyên, Yên Phong	c6/d8	27-8-1972
7	CHU DANH BÌNH	1954	Nội Duệ, Tiên Du	c5/d8/e209	7-9-1972
8	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	1954	Đồng Nguyên, Từ Sơn	c6/d8	27-8-1972
9	NGUYỄN VĂN BÌNH	1954	Đồng Nguyên, Từ Sơn	d/d7	11-9-1972
10	TRẦN VĂN CHIẾN	1954	Khúc Xuyên, Yên Phong	c6/d8	7-9-1972
11	MAI TIẾN CHIÊU	1954	Hiên Vân, Tiên Du	c1/d7	11-9-1972
12	TRẦN VĂN DẦU	1950	Thị Đức, Gia Lương	e88/f308	6-7-1972
13	NGUYỄN BÁ DỘC	1954	Hoà Long, Yên Phong	c15	4-9-1972
14	NGUYỄN NHƯ DŨNG	1959	Chi Lăng, Quế Võ	c18	23-8-1972
15	NGUYỄN HỮU ĐẠC	1952	Hiên Vân, Tiên Du	c3/d7/e209	4-9-1972
16	NGÔ KHÁNH ĐẶNG	1950	Dũng Liệt, Yên Phong	c3/d4/e165	23-8-1972
17	NGUYỄN VĂN ĐẠO	1950	Tương Giang, Từ Sơn	c3/d4	24-8-1972
18	NGUYỄN HỮU ĐOAN	1948	Từ Đức, Quế Võ	e102/f308	2-7-1972
19	NGUYỄN THIẾT ĐỒNG	1942	Vạn Ninh, Giang Lương	d12/e58/f308	28-8-1972
20	NGUYỄN VĂN HÀ	1954	Tân Hồng, Từ Sơn	c3/d4	24-8-1972
21	NGUYỄN VĂN HẢI	1953	Phù Chấn, Từ Sơn	c8d8/e209	01-9-1972
22	NGUYỄN VĂN HÀNH	1954	Phù Chấn, Tiên Sơn	d/d7	7-9-1972
23	NGUYỄN QUANG HIỂN	1944	Minh Đức, Tiên Du	c5/d5/e165	01-9-1972
24	NGUYỄN HỮU HÒA	1954	Đình Bảng, Từ Sơn	c3/d7	4-9-1972
25	NGUYỄN QUANG HÒA	1954	Kinh Bắc, TP. Bắc Ninh	c12/d67	2-8-1972
26	VŨ NGỌC HOÀN	1954	Yên Trung, Yên Phong	c8/d8	4-9-1972
27	ĐÀO CÔNG HUÂN	1954	Đại Đồng, Tiên Sơn	c1d4/e165	21-8-1972
28	MAI VĂN HÙNG	1954	Đại Đồng, Tiên Du	c1d4/e165	21-8-1972
29	ĐỖ VĂN HUYỀN	1953	Hòa Tiến, Yên Phong	e36/f308	3-8-1972
30	NGUYỄN VĂN HỖ		Ngũ Thái, Thuận Thành	c24/e101	31-7-1972
31	NGUYỄN VĂN KHƯƠNG	1954	Thụy Hòa, Yên Phong	c3/d7	12-9-1972
32	ĐOÀN HỮU LÂM	1952	Trúc Mộ, Mộ Đạo, Quế Võ	c3/d7	4-9-1972
33	NGUYỄN TRỌNG LÂM	1950	Đông Phong, Yên Phong	c1/d7	4-9-1972
34	VŨ VĂN LONG	1954	Hoàn Sơn, Tiên Du	c1/d7	11-9-1972
35	NGUYỄN VĂN LỰ	1954	Thụy Hòa, Yên Phong	c3/d7	4-9-1972
36	NGUYỄN HỮU MIẾNG	1952	Hoà Long, Yên Phong	dBộ/d8	7-9-1972
37	TRẦN NGỌC MINH	1948	Khúc Xuyên, Yên Phong	c8/d8/e209	7-9-1972
38	NGUYỄN VĂN MỞ	1954	Khắc Niệm, Tiên Du	c1/d7	4-9-1972
39	PHAN ĐÌNH MỸ	1952	Đồng Quang, Tiên Sơn	c3d4/e165	24-8-1972
40	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	1949	Quỳnh Phú, Gia Lương	e88/f308	30-8-1972
41	NGUYỄN VĂN NGHIÊM	1954	Khắc Niệm, Tiên Du	d4/e165	22-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
42	NGUYỄN HỮU NGUNG	1954	Phú Lâm, Tiên Du	c5d5/e165	10-8-1972
43	NGUYỄN VĂN NHƯỘC		Đông Cứu, Gia Bình	d1/e101	16-9-1972
44	TRẦN NGỌC NINH	1948	Đông Tiến, Yên Phong	c6/d8	5-9-1972
45	NGUYỄN KHẮC PHỔ	1952	Chi Lăng, Quế Võ	c2/d7	2-9-1972
46	NGUYỄN MẠNH PHÓNG	1954	Đông Tiên, Yên Phong	c1/d7/e209	4-9-1972
47	VŨ SỸ PHÓNG	1954	Liên Bảo, Tiên Du	c5d/8/e209	5-9-1972
48	NGÔ VĂN QUỲNH	1952	Phú Lâm, Tiên Du	c6d8/e209	3-9-1972
49	NGUYỄN VĂN QUÝ	1954	Vận Tường, Tiên Du	c5/d8	7-9-1972
50	CHU ĐỨC SƠN	1954	Tân Hồng, Từ Sơn	c1d4/e165	21-8-1972
51	PHẠM VĂN SỬU	1949	Đông Nguyên, Từ Sơn	c10/d9/e209	06-9-1972
52	NGUYỄN BÁ THÀNH	1949	Đông Phong, Yên Phong	d9/e66/f304	12-9-1972
53	NGUYỄN ĐỨC THÍCH	1952	Minh Đạo, Tiên Du	c6/d8	07-9-1972
54	ĐẶNG HUY THIÊN	1949	An Thịnh, Gia Lương	e36/f308	11-9-1972
55	NGUYỄN XUÂN THIỆU		Kim Chân, Quế Võ	c24/e101	31-7-1972
56	VŨ CÔNG THUẬN	1954	Phù Chấn, Từ Sơn	c3/d7	5-9-1972
57	NGUYỄN VĂN THUẬN	1935	Quảng Phú, Gia Lương	e88/f308	15-8-1972
58	NGUYỄN ĐÌNH THUẬT		Hạp Lĩnh, Tiên Du	c14/e18	16-9-1972
59	NGUYỄN VĂN TÍNH	1948	Nội Duệ, Tiên Sơn	e27f320b	11-7-1972
60	LÊ QUANG TOẢN	1954	Hoài Sơn, Tiên Du	c2/d7	25-8-1972
61	NGUYỄN HỮU ƯỚC	1952	Hoà Long, Yên Phong	c10/d9/e209	06-9-1972
62	NGUYỄN THANH VÂN	1951	Tam Sơn, Từ Sơn	d/d7	11-9-1972
63	NGUYỄN VĂN XA	1952	Đại Đồng, Tiên Sơn	c1d4/e165	21-8-1972

CAO BẰNG

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	ĐÌNH TRỌNG AN	1944	Na Khía, TX. Cao Bằng	e27f320b	17-7-1972
2	LÝ VĂN CẢNH		Hạnh Phúc, Quảng Hòa	c25/e18	16-7-1972
3	NGUYỄN ÍCH CHUNG	1947	Hưng Đạo, Hòa An	c299/BTL Công binh	21-7-1972
4	NÔNG QUỐC DỊCH	1950	Trùng Khánh, Cao Bằng	TNXP/c32	7-9-1972
5	NÔNG QUỐC HÙNG	1949	Vinh Qui, Quảng Hòa	d27/f304	28-8-1972
6	NÔNG VĂN LỘC	1949	Quốc Dân, Quảng Hòa	c6/d2/e9f	11-8-1972
7	NÔNG VĂN MỸ		Lý Hai, Hà Quảng	d9/e18	3-8-1972
8	ĐÀM ĐÌNH NĂM		Trùng Phúc, Trùng Khánh	c25/e18	16-7-1972
9	LƯƠNG NGỌC QUANG	1952	Quang Thành, Trùng Khánh	e27f320B	9-7-1972
10	NÔNG VĂN SỬ		Đoài Khôi, Quảng Hòa	d9/e18	12-7-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

HÀ GIANG

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN VĂN CHOÀNG	1953	Phượng Độ, Vị Xuyên	c4d4/e165	22-7-1972
2	LƯU QUỐC LÂM	1947	Phong Quang, Vị Xuyên	c2/d7/e66/f304	27-8-1972
3	CHU MINH PHIU	1954	Quan Ba, Quản Bạ	c4d7/e209	1-9-1972
4	NGUYỄN VĂN QUẢN	1943	Yên Hà, Bắc Quang	c4d7/e209	4-9-1972
5	MA ĐỨC SÁNG	1951	Liên Hiệp, Bắc Quang	c12d6/e165	10-9-1972
6	HOÀNG THANH SẴN	1953	Chí Cù, Sín Mần	c8/d8/e209	6-9-1972
7	CHU MINH THẮNG	1954	Quan Ba, Quản Bạ	c4d7/e209	1-9-1972
8	TẶNG VĂN THẬT	1946	Việt Minh, Bắc Quang	c10d4/e165	6-9-1972
9	TẶNG VĂN THẬT	1954	Việt Vinh, Bắc Quang	c10/d9/e209	
10	ĐINH HỒNG VIỆT	1949	Công ty chè Hà Giang	d8/e209	5-9-1972
11	NÔNG VĂN XỨ	1950	Yên Thổ, Vị Xuyên	d3/e9/f304	13-9-1972
12	LÙ A VẴN	1951	Đồng Hà, Quản Bạ	e38	02-7-1972

HÀ NAM

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	LÊ CÔNG AN	1948	Thanh Tân, Thanh Liêm	e27f320b	25-7-1972
2	NGUYỄN HỒNG BÀNG	1952	Thanh Nghị, Thanh Liêm	c202/BTLTTG	22-8-1972
3	TRẦN VĂN BẰNG	1949	Chí Trự, Hợp Lý, Lý Nhân	c1/d1/e141	8-9-1972
4	NGUYỄN VĂN BÌNH	1950	Ba Sơn, Bình Lục	e27f320b	14-7-1972
5	NGUYỄN THANH CẦN	1952	Yên Nam, Duy Tiên	c1/d1/e141	8-9-1972
6	TRẦN XUÂN CẢNH	1948	Thượng Lĩnh, Kim Bảng	e27f320b	28-7-1972
7	NGUYỄN VĂN CHỨ	1950	Tiên Nội, Duy Tiên	c7/d2/e141	24-8-1972
8	NGUYỄN VĂN CHUNG	1949	Thanh Sơn, Kim Bảng	c17	25-8-1972
9	TRẦN VĂN DẪN	1950	Ngọc Lũ, Bình Lục	c24	25-8-1972
10	NGÔ XUÂN DƯƠNG	1952	Liêm Túc, Thanh Liêm	c17e209	4-9-1972
11	DƯƠNG VĂN ĐA	1951	Tiên Nội, Duy Tiên	c11/d3/e141	5-9-1972
12	NGUYỄN VĂN ĐANG	1954	Bình Nghĩa, Bình Lục	f320b	14-9-1972
13	KIỀU XUÂN ĐÌNH	1954	Tương Lĩnh, Kim Bảng	e27f320B	5-8-1972
14	HOÀNG ĐỨC ĐỘ	1950	Đồng Dụ, Bình Lục	k14	13-08-1972
15	LÊ VĂN ĐƯƠNG	1945	Văn Xá, Kim Bảng	c9d6e165	7-8-1972
16	NGUYỄN VĂN GHI	1952	Thị Sơn, Kim Bảng	e64f320b	19-7-1972
17	NGUYỄN VĂN GIỎI	1953	Thanh Bình, Thanh Liêm	e27f320b	27-7-1972
18	NGUYỄN XUÂN HẢI	1948	An Mỹ, Bình Lục	c12/d3/e141	5-9-1972
19	KIỀU VĂN HẢI	1954	Nhân Đạo, Lý Nhân	f320b	14-9-1972
20	ĐÀO ĐỨC HẠNH	1947	Thanh Tâm, Thanh Liêm	c9/d3/e141	5-9-1972
21	NGUYỄN DUY HÒA	1954	Xóm Miếu, Bình Lục	e27f320b	10-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
22	NGUYỄN DUY HÒA	1954	Vũ Bản, Bình Lục	e27f320b	10-7-1972
23	ĐẶNG VĂN HOÀ	1948	Tiên Hải, Duy Tiên	c10d6/e165	2-8-1972
24	VŨ NGỌC HOÀN	1940	Hoàng Đông, Duy Tiên	e3	5-9-1972
25	BÙI VĂN HỒNG	1942	Kim Bình, Kim Bảng	e27f320B	5-9-1972
26	ĐÀO VĂN HỢP	1953	Ngọc Lũ, Bình Lục	c299/BTL Công binh	28-6-1972
27	HOÀNG VĂN KIẾN	1938	Yên Nghĩa, Ý Yên	e165	6-8-1972
28	NGUYỄN VĂN LẠI	1951	Châu Sơn, Duy Tiên	c7/d2/e141	24-8-1972
29	TRẦN HỮU LANH	1954	Hồng Lý, Lý Nhân	e64f320b	28-8-1972
30	ĐỒNG XUÂN LẬP	1950	Nguyên Lý, Lý Nhân	f320b	9-9-1972
31	PHAN VĂN LONG	1954	Nhân Đạo, Lý Nhân	f320b	10-8-1972
32	LÊ VĂN LỰC	1953	Khả Phong, Kim Bảng	e27f320b	02-8-1972
33	TRẦN VĂN LÝ		Đình Xá, Bình Lục	c18/e101	3-8-1972
34	TRỊNH VĂN LÝ	1947	Liêm Túc, Thanh Liêm	c8d8e209	6-9-1972
35	NGÔ ĐỨC MẠNH	1953	Trần Thượng, Lý Nhân	f320b	14-9-1972
36	NGUYỄN ĐỨC MẾ	1953	Chuyên Ngoại, Duy Tiên	f320b	18-7-1972
37	BÙI QUANG MINH	1952	Ngọc Sơn, Kim Bảng	c1/d1/e141	8-9-1972
38	NGUYỄN NGỌC NĂNG	1952	Tiên Nội, Duy Tiên	e64f320b	08-7-1972
39	NGUYỄN TIẾN NGÂN	1951	Công Lý, Lý Nhân	f320b	14-9-1972
40	TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	1948	Thanh Nguyên, Thanh Liêm	c12d6/e165	2-8-1972
41	NGUYỄN ĐÌNH PHÁI	1948	Liêm Thuận, Thanh Liêm	c7/d2/e141	24-8-1972
42	ĐẶNG QUANG PHAN	1954	Chân Lý, Lý Nhân	f320b	5-8-1972
43	NGUYỄN TIẾN PHIN	1954	Công Lý, Lý Nhân	f320b	24-8-1972
44	LÊ VĂN PHÚC	1952	Liêm Tiết, Thanh Liêm	c18e209	28-8-1972
45	ĐỖ HỒNG QUÂN	1951	Liên Thuận, Thanh Liêm	C202/BTLTTG	10-7-1972
46	LẠI HỒNG QUANG	1952	Ngọc Sơn, Kim Bảng	E64f320B	10-9-1972
47	NGUYỄN ĐỨC QUANG	1954	Nhân Thịnh, Lý Nhân	f320B	24-7-1972
48	TRẦN PHÚ QUANG	1954	Nhân Hậu, Lý Nhân	f320B	14-9-1972
49	ĐÌNH NGỌC QUÝ	1953	Đình Xá, Bình Lục	c11/d3/e141	5-9-1972
50	TRẦN DUY SINH	1950	Châu Lý, Lý Nhân	f320b	10-8-1972
51	VŨ VĂN SOÀI	1953	Chân Lý, Lý Nhân	f320b	26-7-1972
52	TRẦN XUÂN SOÁT	1949	Tượng Lĩnh, Kim Bảng	f320b	5-7-1972
53	TRẦN ĐỨC SÔI	1944	Nhân Thắng, Lý Nhân	c11/d3/e141	13-9-1972
54	VŨ VĂN SUỐT	1951	Bảo Lý, Lý Nhân	f320b	3-9-1972
55	NGUYỄN TRỌNG THẮNG		Nhân Thắng, Lý Nhân	c25/e101	22-8-1972
56	LÊ TRUNG THẮNG	1946	Liêm Thuận, Thanh Liêm	c7/d2/e141	24-8-1972
57	HÀ MẠNH THẮNG	1948	An Bình, Bình Lục	e64f320b	6-7-1972
58	ĐÌNH CÔNG THẮNG	1951	Đồng Hòa, Kim Bảng	e27f320b	9-8-1972
59	TẠ ĐÌNH THẮNG	1954	Công Lý, Lý Nhân	f320b	16-7-1972
60	ĐOÀN VĂN THÁP	1950	Liêm Túc, Thanh Liêm	c7/d2/e141	24-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
61	LÊ HỮU THI	1942	Thanh Thủy, Thanh Liêm	f320b	17-07-1972
62	TRẦN VĂN THI	1953	Nhân Phúc, Lý Nhân	f320b	12-7-1972
63	LÊ VĂN THỊNH	1948	Ngọc Lũ, Bình Lục	f320b	6-7-1972
64	DƯƠNG VĂN THÚ	1954	Đại Cương, Kim Bảng	e27f320b	28-8-1972
65	DƯƠNG ĐÌNH THÚ	1954	Đại Cương, Kim Bảng	e27f320b	28-7-1972
66	TRẦN QUY THỨC	1947	Nhân Hòa, Lý Nhân	c9/d6/e88/f308	4-7-1972
67	KHUÔNG LƯƠNG THƯỜNG	1944	Thanh Hải, Thanh Liêm	c15	31-8-1972
68	TRẦN VĂN TIẾN	1954	Trung Lý, Lý Nhân	f320b	02-8-1972
69	LƯƠNG XUÂN TỈNH	1946	Tràng An, Bình Lục	c299/BTL Công binh	25-7-1972
70	TRẦN ĐỨC TÔN		Hoà Bình, Bình Lục	c17/e101	10-9-1972
71	TRẦN VĂN TRẠM	1954	Hoàng Tây, Kim Bảng	e27f320b	27-7-1972
72	TRẦN ĐỒNG TRƯỜNG	1947	Nhật Tân, Kim Bảng	c18	14-9-1972
73	TỔNG TUẤN TÚ		Mộc Bắc, Duy Tiên	d2/e101	22-8-1972
74	HOÀNG VĂN TƯ	1954	Lê Hồ, Kim Bảng	e27f320B	5-8-1972
75	LÊ VĂN TUYÊN	1947	Thanh Tuyên, Thanh Liêm	c2d4/e165	12-8-1972
76	CHU QUANG VĂN	1952	Bối Cầu, Bình Lục	c7/d2/e141	24-8-1972
77	BÙI VĂN VIÊN	1952	Liêm Phong, Thanh Liêm	c18 e209	28-8-1972
78	PHẠM TUẤN VINH	1945	Tràng An, Bình Lục	e27f320b	5-8-1972
79	TRẦN QUANG VINH	1954	Hòa Lý, Lý Nhân	f320b	9-9-1972
80	HOÀNG VĂN VƯỢNG	1954	Ngọc Sơn, Kim Bảng	e27f320b	02-8-1972

HÀ NỘI

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	ĐỖ HÙNG ANH	1954	Phùng Xá, Mỹ Đức	e209	10-9-1972
2	NGUYỄN KIM ANH	1947	Hạnh Phúc, Minh Lạc	d246/f304	28-8-1972
3	LÊ VĂN ẤT	1953	Thường Tín	e88/f308	9-8-1972
4	LÊ VĂN BA	1954	Phú Lâm, Mỹ Đức	e36/f308	7-9-1972
5	PHÙNG VĂN BẠCH		Phú Sơn, Ba Vì	d5/e84	27-7-1972
6	NGUYỄN VĂN BÀN	1950	Phương Tú, Ứng Hòa	e88/f308	9-8-1972
7	NGUYỄN VĂN BÀN	1952	Vân Hà, Đông Anh	c299/BTL Công binh	29-8-1972
8	LÝ VĂN BÁO		Thanh Thùy, Thanh Oai	d3/e101	22-8-1972
9	NGUYỄN VĂN BẾ	1954	Tiến Thắng, Mê Linh	c9/d6/e24/f304	15-9-1972
10	NGUYỄN HUY BÍCH	1952	Số 232 Minh Khai	c299/BTL Công binh	22-8-1972
11	NGUYỄN VĂN BÌNH		Khu Nhà Máy Điện, Yên Phụ	d14	29-7-1972
12	NGUYỄN NGỌC BỘI	1948	Nam Phong, Phú Xuyên	dbộ/d4/e165	27-7-1972
13	NGUYỄN HỮU BÔNG	1953	Ngũ Lão, Ứng Hòa	c3/d4/e24/f304	28-6-1972
14	NGUYỄN VĂN CÁCH	1950	Kim Thoa, Kim Anh	c16/e88/f308	8-8-1972
15	KHÚC VĂN CẢI		Thạch Bàn, Gia Lâm	d14	29-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
16	LƯƠNG VĂN CAN	1953	Hoàng Long, Phú Xuyên	e102/f308	13-7-1972
17	NGUYỄN TIẾN CẢNH		Tân Lập, Đan Phượng	d2/e101	18-8-1972
18	LÊ VĂN CẤP	1953	Vạn Thắng, Ba Vì	c9/d14/e68/f304	29-6-1972
19	NGUYỄN VĂN CẦU		Số nhà 186, Phương Liệt	d1/e101	5-8-1972
20	BÙI HỮU CHÂU	1953	Hợp Đồng, Chương Mỹ	c26/f304	12-7-1972
21	MÃN XUÂN CHI	1950	Lam Sơn, Đa Phúc	c9/d9/e102/f308	2-7-1972
22	VƯƠNG VĂN CHI	1948	Liên Minh, Đan Phượng	d18/f304	13-8-1972
23	NGUYỄN ĐÌNH CHỈ	1952	Tân Mục, Đa Phúc	c8/d5/e88/f308	14-8-1972
24	DƯƠNG VĂN CHIÊM	1950	Viện đo lường UBKHNN	c1d7/e209	7-8-1971
25	DƯƠNG ANH CHIẾN		Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	d3/e101	8-9-1972
26	DƯƠNG ĐỨC CHIẾN	1954	Cao Minh, Kim Anh	d6/e24/f304	20-7-1972
27	ĐỖ VĂN CHIẾN	1954	Phú Ninh, Kim Anh	c2/d4/e24/f304	28-6-1972
28	HOÀNG CHINH CHIẾN	1954	Kiến Hưng, Hà Đông	c12/d9/e66/f304	17-8-1972
29	NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	1953	Trung Tú, Ứng Hòa	f320b	3-8-1972
30	NGUYỄN VĂN CHIẾN	1954	Đường Lâm, Sơn Tây	e88/f308	13-8-1972
31	NGUYỄN VĂN CHIẾN	1952	6 phố ngõ huyện khối 74, Hoàn Kiếm	e165/f312	16-9-1972
32	ĐẶNG ĐÌNH CHIỂU	1947	Ngọc Hòa, Chương Mỹ	c10/d6/e24/f304	14-9-1972
33	HOÀNG NGỌC CHINH	1954	Thạch Đà, Mê Linh	c10/d3/e9/f304	11-7-1972
34	NGUYỄN DUY CHÍNH	1949	Cao Minh, Kim Anh	d25/f304	30-7-1972
35	NGUYỄN VĂN CHÍNH	1950	Tiến Phong, Mê Linh	c10d6/E165	12-8-1972
36	TRẦN BÁ CHÚC	1953	Khối 60, Hai Bà Trưng	c299/BTL Công binh	30-6-1972
37	VŨ MINH CHÚC	1954	Hòa Bình, Thường Tín	c2/d4/e24/f304	28-8-1972
38	NGUYỄN THIỆN CHUNG	1950	Thạch Xá, Thạch Thất	e88/f308	28-7-1972
39	LÊ VĂN CHUÔNG	1950	Đại Nghĩa, Mỹ Đức	c9/d14/f304	29-6-1972
40	NGUYỄN THANH CHUÔNG		Số 74, Trần Hưng Đạo	d1/e101	20-8-1972
41	NGUYỄN VĂN CHUÔNG		Nam Viên, Kim Anh	d8/e18	15-7-1972
42	NGUYỄN VĂN CHUYỂN	1953	Tân Lập, Ba Vì	c9/d14/f304	29-6-1972
43	TRẦN VĂN CUỐN	1953	Nhị Khê, Thường Tín	c12/d3/f304	02-8-1972
44	NGUYỄN BIÊN CƯỜNG	1946	Châu Sơn, Ba Vì	e102/f308	11-7-1972
45	TẠ VỖ CƯỜNG		Số nhà 30, Đường Nam Bộ	d1/e101	15-9-1972
46	NGUYỄN KIẾN CƯỜNG	1949	Liên Hoà, Phú Xuyên	c12/d6/e165	8-8-1972
47	TRẦN VĂN CƯỜNG	1953	Thắng Lợi, Thường Tín	c12/d6/e165	10-9-1972
48	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	1953	Mai Đình, Kim Anh	c10/d4/e24/f304	28-6-1972
49	NGUYỄN VĂN CƯU	1941	158, Trương Định, HBT	PHC/f308	5-8-1972
50	NGUYỄN VĂN CỨU	1954	Đức Thượng, Hoài Đức	c26/f304	12-7-1972
51	ĐOÀN VĂN DAO	1948	Tự Lập, Mê Linh	d27/f304	28-8-1972
52	LÊ THANH DẪN	1952	Phú Lãm, Hà Đông	c6/d5/e24/f304	22-7-1972
53	NGÔ VĂN DẬT	1954	Tiến Phong, Mê Linh	c11/d3/e9/f304	27-7-1972
54	PHÙNG VĂN DI	1954	Kim Quan, Thạch Thất	e88/f308	18-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
55	NGÔ DUY DIỆP	1943	Đồng Mai, Thanh Oai	e88/f308	11-7-1972
56	TRẦN ĐỨC DOANH	1954	Thư Phú, Thường Tín	c10/d3/e9/f304	13-9-1972
57	NGUYỄN VĂN DU	1954	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ	c5/d7/e24/f304	27-8-1972
58	NGUYỄN KIM DUỆ	1946	Thạch Khi, Sóc Sơn	c3d4/e165	23-8-1972
59	NGUYỄN ĐÌNH DUNG		222 Lò Đức	d1/e101	16-9-1972
60	LƯƠNG VĂN DUNG	1952	Trạm Than, Phù Ninh	c1/d1/e9/f304	12-9-1972
61	ĐỖ VIỆT DUNG	1952	Chiến Thắng, Sóc Sơn	c11/d3/e141	5-9-1972
62	NGUYỄN VĂN DỨNG		Tam Hiệp, Thanh Trì	c18/e101	7-8-1972
63	NGUYỄN ĐÌNH DỨNG	1953	Kiến Hưng, Hà Đông	c12/d9/e66/f304	01-8-1972
64	ĐỖ NGỌC DỨNG	1952	Tân Hưng, Đa Phúc	c8/d2/e141	5-9-1972
65	VŨ VĂN DỤNG	1946	Cao Viên, Thanh Oai	c299/BTL Công binh	25-7-1972
66	ĐINH CHÍ DƯỜNG		17 Trần Nhật Duật	d14	4-8-1972
67	NGUYỄN KHẮC ĐA	1946	Hồng Thái, Đan Phượng	d2/e9/f304	01-8-1972
68	NGUYỄN VĂN ĐẮC	1950	Đại Nghĩa, Mỹ Đức	f320b	17-7-1972
69	LÂM QUỐC ĐẠI	1948	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên	e88/f308	4-8-1972
70	NGUYỄN XUÂN ĐẰN	1945	Hồng Phong, Chương Mỹ	c3/d10/e68/f304	21-8-1972
71	NGUYỄN TRỌNG ĐẰN	1953	Kim Anh, Sóc Sơn	c202/BTLTTG	10-7-1972
72	PHẠM VĂN ĐẰNG	1939	Trí Trung, Phú Xuyên	c2/d4/e165	23-8-1972
73	NGUYỄN VĂN ĐÀO		Tiến Thắng, Mê Linh	c20/e101	8-9-1972
74	NGÔ VĂN ĐẠO	1954	Quang Tiến, Kim Anh	c5/d5/e24/f304	02-7-1972
75	CHU VĂN ĐẤU		Liên Bạt, Ứng Hòa	d9/e18	3-8-1972
76	HOÀNG CAO ĐIỂM	1947	Xuân Sơn, Thị xã Sơn Tây	e58/f308	11-7-1972
77	TRƯƠNG VĂN ĐIỂM	1951	Văn Khê, Mê Linh	c2/d1/e9/f304	23-7-1972
78	DƯƠNG ĐÌNH ĐIỆN	1945	Kim Sơn, Gia Lâm	e48/f320b	30-06-1972
79	NGUYỄN NGỌC ĐÍNH	1954	Khuông Đình, Thanh Xuân	e27f320b	
80	TẠ ĐÌNH ĐÌNH	1948	Trung Mậu, Gia Lâm	d9/e102/f308	17-7-1972
81	TRẦN VĂN ĐỊNH	1950	Phúc Cường, Kim Anh	d46/f304	28-8-1972
82	NGUYỄN VĂN ĐOÀI	1954	Văn Hoàng, Phú Xuyên	c20/e24/f304	08-9-1972
83	NGUYỄN VĂN ĐOÀI	1954	Hiền Ninh, Kim Anh	d17/f304	28-6-1972
84	PHẠM VĂN ĐOÀN	1953	Quang Lãng, Phú Xuyên	f320b	9-9-1972
85	NGUYỄN BÁ ĐOÀNG	1950	Minh Phú, Thường Tín	e27f320b	19-7-1972
86	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	1948	Minh Khai, Phú Xuyên	e88/f308	11-7-1972
87	BÙI HUY ĐỒNG	1950	Phù Đồng, Gia Lâm	c5/d2/e36/f308	8-7-1972
88	NGUYỄN VĂN ĐÓP	1949	Liên Hồng, Đan Phượng	c25/e9/f304	16-7-1972
89	PHẠM MINH ĐỨC	1954	Văn Khê, Hà Đông	c3/d7/e66/f304	25-8-1972
90	NGUYỄN TRƯỜNG ĐƯỢC	1949	Hòa Thạch, Quốc Oai	d10/e68/f304	30-6-1972
91	HOÀNG BẠCH GHI	1952	Nghiêm Xuyên, Thường Tín	c11/d3/e9/f304	02-8-1972
92	CHU ĐÌNH GIẢI		Hội Xá, Gia Lâm	d14	17-8-1972
93	ĐÀO VĂN GIÁP		Nam Viêm, Mê Linh	d2/e101	12-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
94	NGUYỄN VĂN GIÁP	1953	Nam Viên, Kim Anh	e45	9-9-1972
95	BÙI SƠN HÀ		Bồ Đề, Gia Lâm	c18/e101	13-8-1972
96	LÊ VĂN HÀ		Hội Xá, Gia Lâm	d14	9-8-1972
97	LÊ VĂN HẢI		Nguyễn Trãi, Thường Tín	c16/e18	24-8-1972
98	NGUYỄN VĂN HẢI		344 Lò Đức	d14	30-7-1972
99	NGUYỄN XUÂN HẢI	1954	46, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình	c11/d3/e141/f312	05-9-1972
100	ĐÀO MINH HẠNH		54 Ngõ 6A Khâm Thiên	d1/e101	8-9-1972
101	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	1951	Cổ Đô, Ba Vì	c2/d1/e24/f304	16-8-1972
102	TRƯƠNG VĂN HIẾN	1949	Kim Anh, Mê Linh	c24/e36/f308	11-9-1972
103	VŨ QUỐC HIẾN		Số nhà 142, Bùi Thị Xuân	c17/e101	6-9-1972
104	TRỊNH VĂN HIẾN	1954	Trường Yên, Chương Mỹ	c3/d10/e68/f304	21-8-1972
105	DƯƠNG TRỊNH HIẾN	1952	Phụng Thượng, Phúc Thọ	e36/f308	6-7-1972
106	NGUYỄN VĂN HIẾN		Phú Diễn, Từ Liêm	d2/e101	18-8-1972
107	LÊ VĂN HIẾU	1946	Châu Sơn, Ba Vì	c3/d10/e6/f304	21-8-1972
108	NGUYỄN VĂN HIẾU	1954	51 tổ 1, Vong Thị, Ba Đình	c16/e209/f312	7-9-1972
109	TRẦN VĂN HINH	1954	Nguyễn Trãi, Thường Tín	c10/d3/e9/f304	13-9-1972
110	VŨ XUÂN HOA		Hoàng Phú, Ứng Hòa	d21/e18	5-7-1972
111	NGUYỄN XUÂN HÒA	1952	Hoàng Long, Phú Xuyên	c20/e9/f304	02-8-1972
112	NGUYỄN DOãn HỌC	1953	Tiến Thắng, Mê Linh	c10/d3/e9/f304	18-7-1972
113	DƯƠNG VĂN HÒE	1954	Kim Phú, Kim Anh	c10/d6/e24/f304	10-7-1972
114	NGUYỄN BÁ HỐI	1951	Phú Nghĩa, Chương Mỹ	c7/d8/e66/f304	08-9-1972
115	NGUYỄN VĂN HÓN	1954	Kim Hoa, Kim Anh	c1d4, e165	24-8-1972
116	PHẠM VŨ HỒNG		Toàn Thắng, Khâm Thiên	d3/e101	24-8-1972
117	LÊ VĂN HỒNG		Hội Xá, Gia Lâm	d14	11-8-1972
118	NGUYỄN HỮU HUỆ	1938	Cao Viên, Thanh Oai	c3/d14/f304	17-7-1972
119	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	1954	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên	c10/d3/e9/f304	18-7-1972
120	KIỀU PHI HÙNG	1952	2 KC Văn Điển, Thanh Trì	c299/BTL Công binh	10-7-1972
121	PHÙNG QUỐC HÙNG	1951	Bát Tràng, Gia Lâm	d5/e88/f308	12-7-1972
122	TRẦN QUANG HUNG		Bảo Ninh, Phù Ninh	f312	
123	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	1954	Số 458 Bạch Mai	c299/BTL Công binh	22-8-1972
124	BÙI ĐỨC HUY	1952	Hoàng Văn Thụ, Hoài Đức	e27f320B	7-9-1972
125	NGUYỄN VĂN HUYỀN		Tiên Dược, Sóc Sơn	e18	18-8-1972
126	NGUYỄN XUÂN HUYỀN	1954	Đồng Sơn, Chương Mỹ	c3/d10/e68/f304	21-8-1972
127	TRẦN VĂN HỠ	1940	217, c12, Khu LĐ Quỳnh Lôi	c17/e36/f308	13-9-1972
128	NGUYỄN TIẾN IN	1946	Sơn Công, Ứng Hòa	e58/f308	4-7-1972
129	PHẠM VĂN KHẢI	1952	Lê Xá, Lê Thanh, Mỹ Đức	c9/d6/e165	9-9-1972
130	ĐỖ ĐÌNH KHẢI	1952	Số 246 Khâm Thiên	c299/BTL Công binh	29-6-1972
131	NGUYỄN VĂN KHANG		Tiên Dược, Sóc Sơn	e18	6-9-1972
132	ĐỖ NHƯ KHANH	1952	Tứ Đà, Phù Ninh	c23/f312	18-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
133	DƯ VĂN KHÁNH	1953	Vạn Phúc, Hà Đông	c1/d7/e66/f304	23-8-1972
134	NGUYỄN ĐẮC KHÁNH	1954	An Thượng, Hoài Đức	c26/f304	29-7-1972
135	TẠ VĂN KHIÊM	1954	Lâm Thanh, Yên Lãng	c2/e9/f304	26-7-1972
136	NGUYỄN ĐĂNG KHOA		Đồng Hội, Đông Anh	d14	14-8-1972
137	ĐỖ NĂNG KHOÁI	1951	Cao Thành, Ứng Hòa	e58/f308	9-8-1972
138	NGUYỄN VĂN KHUYẾN		Trần Phú, Hoàng Mai	d3/e101	8-9-1972
139	LÊ VĂN KIM	1954	Phú Lâm, Mỹ Đức	e36/f308	7-9-1972
140	NGUYỄN TRỊNH KIM	1954	Quảng Bị, Chương Mỹ	c3/d4/e24/f304	27-8-1972
141	BÙI PHÚ KỶ	1945	Thái Hòa, Ba Vì	e27f320b	10-7-1972
142	BÙI VĂN KỶ	1942	An Khánh, Hoài Đức	e58/f308	4-7-1972
143	PHẠM DUY LẠC		Phúc Xuyên, Ba Vì	d9/e18	22-7-1972
144	NGUYỄN HUY LẠI		Khương Đình, Thanh Xuân	d1/e101	4-8-1972
145	DƯƠNG ĐẮC LAI	1950	SN 39, Hai Bà Trưng	f320b	14-9-1972
146	NGUYỄN BẢO LÂM		Số 31, Phố Nam Ngự	d1/e101	16-9-1972
147	NGUYỄN ĐĂNG LÂN		Cự Khối, Gia Lâm	d1/e101	17-7-1972
148	KIỀU VĂN LĂNG	1953	Tích Giang, Phúc Thọ	f320b	19-7-1972
149	ĐỖ VĂN LẬP	1954	Xuân Sơn, Ba Vì	e88/f308	12-7-1972
150	NGUYỄN QUANG LỄ		Đại Thịnh, Mê Linh	c16/e18	16-7-1972
151	NGUYỄN VĂN LIÊM	1954	71, Phố Chợ, Gia Lâm	c11/d3/e141/f312	13-9-1972
152	NGUYỄN ĐÌNH LIỆU	1953	Phú Cường, Thanh Oai	c12/d3/e9/f304	03-9-1972
153	ĐOÀN VĂN LIỆU	1949	Ngọc Thanh, Mê Linh	c1d1/e141	8-9-1972
154	NGUYỄN QUỐC LỘ		Nghĩa Hưng, Quốc Oai	d3/e101	8-9-1972
155	ĐẶNG HOÀNG LỘC	1952	Yên Viên, Gia Lâm	c6/d8/e209/f312	7-9-1972
156	NGUYỄN PHƯƠNG LỢI	1953	Phủ Lỗ, Kim Anh	c3/d4/e24/f304	28-6-1972
157	CẦN VĂN LONG		Số 238, Bà Triệu	d1/e101	9-9-1972
158	NGUYỄN ĐOAN LONG	1949	Bình Minh, Thanh Oai	c11/d16/f304	5-7-1972
159	NGUYỄN THẾ LONG	1952	Đồng Tâm, Ba Vì	d8/e66/f304	5-8-1972
160	NGUYỄN ĐÌNH LONG	1949	Hoàng Diệu, Chương Mỹ	f304	12-8-1972
161	NGUYỄN VIỆT LONG	1954	Vân Phú, Phù Ninh	c3/d4/e24/f304	7-9-1972
162	NGUYỄN ĐỨC LÔNG	1953	Kim Sơn, Gia Lâm	c6/d2/e141f312	24-8-1972
163	NGÔ VĂN LUẬN	1950	Phú Thắng, Kim Anh	TNXP, c32	23-08-1972
164	NGUYỄN BÁ LỰC		Phú Nghĩa, Chương Mỹ	d9/e18	01-8-1972
165	NGUYỄN VĂN LƯỢC		Liên Hợp, Đan Phượng	c5/d8/e66/f304	17-8-1972
166	NGUYỄN VĂN LÝ	1950	Tân Dân, Kim Anh	d27/f304	28-8-1972
167	TẠ VĂN MIÊN	1950	Tam Đông, Mê Linh	c10/d3/e9/f304	11-7-1972
168	NGUYỄN ĐỖ MINH		Số 28 Trần Xuân Soạn	d9/e18	26-8-1972
169	HOÀNG TÍCH MINH		Số nhà 13, phố 225	d2/e101	11-9-1972
170	PHẠM GIA MINH		Phó Đức Chính, TP Hà Nội	d14	29-7-1972
171	NGUYỄN HỮU MINH	1954	Thụy Hương, Chương Mỹ	c2/d7/e66/f304	21-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
172	LÊ CÔNG MINH	1953	Đại Mạch, Đông Anh	c299/BTL Công binh	28-6-1972
173	HOÀNG VĂN MỘC	1948	Tô Hiệu, Thường Tín	c9/d6/e24/f304	06-9-1972
174	LÃ VĂN MỤC	1952	Hùng Lô, Phù Ninh	c6/d8/e66/f304	17-8-1972
175	CHU BÁ MÙI	1948	Phú Sơn, Ba Vì	e27f320b	26-7-1972
176	CHU VĂN MUỘN	1954	Cần Kiệm, Thạch Thất	e88/f308	12-7-1972
177	TRẦN XUÂN NGA	1952	Tiến Thịnh, Mê Linh	c10/d3/e9/f304	13-8-1972
178	NGUYỄN VĂN NGA	1954	Bình Xuyên, Thạch Thất	e88/f308	17-7-1972
179	PHẠM NGUYỄN NGHEU	1953	Minh Cường, Thường Tín	c7/d5/e24/f304	27-8-1972
180	ĐẶNG TUÂN NGHI		Tiền Châu, Mê Linh	d9/e18	3-8-1972
181	KHUẤT VĂN NGHI	1942	Trung Sơn Trầm, TX Sơn Tây	c1/d4/e24/f304	12-9-1972
182	KIỀU VĂN NGHĨA	1949	Cần Kiệm, Thạch Thất	e88/f308	26-7-1972
183	CHU HUY NGHIÊN	1950	Phú Sơn, Ba Vì	c18	27-7-1972
184	PHẠM DOãn NGHIỆP	1954	Thanh Xuân, Kim Anh	c2/d4/e24/f304	28-6-1972
185	TRẦN TRỌNG NGỌC	1952	Khối Vân, Gia Lâm	c10/d3/e141/f312	06-9-1972
186	HÀ VĂN NGỌC	1952	Vịnh Phú, Phù Ninh	c2/d4/e24/f304	15-9-1972
187	NGÔ VĂN NGỌT		Trung Giã, Sóc Sơn	e18	8-7-1972
188	NGUYỄN ĐÌNH NGỪNG	1954	Mỹ Lương, Chương Mỹ	c5/d5/e24/f304	28-8-1972
189	NGUYỄN VĂN NÔNG	1954	Văn Khê, Mê Linh	c4/d1/e9/f304	11-7-1972
190	NGUYỄN VĂN NHÂN	1950	Liên Mạc, Mê Linh	c7/d2/e36/f308	24-8-1972
191	NGUYỄN VĂN NHỊN		Chí Minh, Kim Anh	c3/d4/e24/f304	28-6-1972
192	NGUYỄN NĂNG NHO		Canh Nậu, Thường Tín	e18	8-7-1972
193	NGUYỄN KIM NHUNG		An Khánh, Mỹ Đức	c26/f304	12-7-1972
194	PHÙNG VĂN NINH	1951	Bình Phú, Thạch Thất	e88/f308	11-8-1972
195	TRẦN XUÂN NUÔI	1947	Quang Tiến, Kim Anh	c11/d9/f308	2-7-1972
196	NGUYỄN ĐANG ONG	1954	Đại Áng, Thanh Trì	c12/d3/e9/f304	03-9-1972
197	NGUYỄN TRẦN PHÚC	1954	Văn Khê, Hà Đông	c3/d7/e66/f304	25-8-1972
198	NGUYỄN KHẮC PHÚC	1954	Hội Xá, Gia Lâm	c25/e209/f312	28-8-1972
199	NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	1944	Phòng tổ chức XN điện	c1/d7/e209/f312	4-9-1972
200	NGUYỄN VĂN PHƯỢNG	1952	Hùng Lô, Phù Ninh	c7/d8/e66/f304	17-8-1972
201	NGÔ THANH QUẢ	1954	Hiền Ninh, Kim Anh	c5/d5/e66/f304	27-8-1972
202	LÊ HẢI QUÂN	1952	Đại Nghĩa, Mỹ Đức	e88/f308	23-7-1972
203	TRẦN VĂN QUANG	1944	Cao Minh, Kim Anh	d4/e24/f304	9-7-1972
204	TRẦN VĂN QUANG	1947	Thọ Xuân, Đan Phượng	e27f320b	27-7-1972
205	NGUYỄN VĂN QUY		Hoàng Lâm, Kim Anh	d8/e18	2-7-1972
206	NGUYỄN VĂN QUÝ	1954	Tam Đồng, Mê Linh	c10/d3/e9/f304	19-7-1972
207	LÊ VĂN QUYỀN	1952	Phụng Châu, Chương Mỹ	c6/d5/e24/f304	17-8-1972
208	HOÀNG DUY QUYẾT	1954	Phùng Xá, Mỹ Đức	e36/f308	28-8-1972
209	NGUYỄN XUÂN QUYNH	1948	Tự Nhiên, Thường Tín	c1/d7/e209	11-9-1972
210	NGUYỄN XUÂN SÁCH	1946	Quang Minh, Kim Anh	c5/d5/e24/f304	02-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
211	NGUYỄN TRÍ SANG	1939	Lưu Phương, Hoài Đức	c299/BTL Công binh	25-8-1972
212	PHÙNG VĂN SÁNG	1954	Mỹ Lương, Chương Mỹ	c5/d5/e24/f304	27-8-1972
213	PHẠM NGUYỄN SAO		Mỹ Lương, Chương Mỹ	c7/d5/e24/f304	27-8-1972
214	NGUYỄN VĂN SÁU	1920	Tân Ninh, Đa Phúc	c3/d4/e24/f304	16-8-1972
215	NGUYỄN ĐÌNH SINH	1950	Cao Thành, Ứng Hòa	e58/f308	4-7-1972
216	HOÀNG VĂN SINH	1948	Tân Dân, Kim Anh	c27/f304	28-8-1972
217	TRỊNH VĂN SOẠN	1954	Đồng Tân, Ứng Hòa	c202/BTLTTG	14-8-1972
218	PHẠM VĂN SOẢNG	1953	Hoàng Diệu, Chương Mỹ	e88/f308	8-8-1972
219	NGUYỄN CHẤP SỰ	1951	Cao Viên, Thanh Oai	e88/f308	2-9-1972
220	NGÔ VĂN SÙNG	1954	Phú Cường, Kim Anh	c6/d5/e24/f304	28-6-1972
221	NGUYỄN KHẮC SƯƠNG	1947	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên	C299/BTL Công binh	21-7-1972
222	LÊ KHÁNH TÀI		Hà Hồi, Thường Tín	d8/e18	10-7-1972
223	DƯƠNG ĐÌNH TÀI	1953	Kim Sơn, Gia Lâm	c11/d3/e141/f312	06-9-1972
224	TRẦN ĐỨC TÂM	1952	Tráng Việt, Mê Linh	c11d3/e141	5-9-1972
225	QUÁCH VĂN TÂN		Đức Hòa, Sóc Sơn	e18	2-9-1972
226	NGUYỄN MẠNH TẤN		Đặng Nghĩa, Mỹ Đức	d8/e18	16-7-1972
227	VŨ VĂN TẠO		Nam Anh, Kim Anh	d1/e101	16-9-1972
228	ĐỖ VĂN TẬP		Long Biên, Gia Lâm	d14	4-8-1972
229	NGUYỄN VĂN THẠC		Cổ Nhuế, Từ Liêm	d1/e101	13-9-1972
230	NGUYỄN VĂN THÁI		Cổ Nhuế, Từ Liêm	d1/e101	30-7-1972
231	NGUYỄN VĂN THÁI	1954	Tiên Phong, Mê Linh	c6/d2/e9/f304	19-7-1972
232	NGUYỄN NHƯ THẬN	1953	Phúc Kim, Thạch Thất	e88/f308	18-7-1972
233	NGUYỄN MẠNH THẮNG		Yên Mỹ, Thanh Trì	c25/e101	16-8-1972
234	NGUYỄN HỒNG THẮNG	1952	Tứ Đà, Phù Ninh	c23/F312	18-8-1972
235	NGUYỄN VĂN THẮNG		Thượng Đình, Thanh Xuân	d1/e101	13-9-1972
236	NGUYỄN HỮU THÀNH		Đức Hòa, Sóc Sơn	c14/e18	20-8-1972
237	TRẦN THÀNH		Vân Nội, Đông Anh	PHC	13-8-1972
238	TRẦN QUANG THÀNH	1952	Hà Cầu, Hà Đông	c3/d7/e66/f304	25-8-1972
239	NGUYỄN TRUNG THÀNH	1952	Nghiêm Xuyên, Thường Tín	c11/d3/e9/f304	10-9-1972
240	NGUYỄN PHÚ THÀNH	1954	Kim Sơn, Gia Lâm	c7/d2/e141/f312	03-9-1972
241	TỪ TRUNG THẢO	1954	Di Trạch, Hoài Đức	e58/f308	15-7-1972
242	NGUYỄN ANH THẤU	1952	Dị Nậu, Thạch Thất	c1/d4/e165	21-8-1972
243	LÊ TRỌNG THỂ	1953	Phú Thụy, Gia Lâm	c7/d2/e141f312	24-8-1972
244	NGUYỄN VĂN THÍCH	1953	Tân Dân, Phú Xuyên	e27f320B	28-6-1972
245	ĐỖ MINH THỌ		Đại Kim, Hoàng Mai	d1/e101	10-8-1972
246	ĐẶNG ANH THƯ	1954	Xuân Sơn, Ba Vì	e88/f308	8-8-1972
247	HÀ TRỌNG THƯ	1949	Hòa Xá, Ứng Hòa	c7/d5/e24/f304	27-8-1972
248	LÊ VĂN THỤ	1954	Đồng Phú, Chương Mỹ	c5/d5/e24/f304	8-9-1972
249	NGUYỄN KHẮC THỰC	1954	Ninh Hiệp, Gia Lâm	c16/e209/f312	7-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
250	VŨ TRUNG THỰC	1949	Liên Hoà, Phú Xuyên	c4/d4/e165	24-8-1972
251	NGUYỄN KHẮC THUNG	1949	Thạch Đài, Mê Linh	c5/d5/e24/f304	8-9-1972
252	TRINH VĂN TÍCH	1952	Trung Giã, Đa Phúc	c20/d9/e9/f304	03-7-1972
253	TRƯƠNG HỒNG TIỀN	1950	Kim Anh, Mê Linh	c5/d8/e102/f308	4-7-1972
254	NGUYỄN VĂN TIẾN	1943	Nhật Tân, Từ Liêm	c18, e102/f308	9-9-1972
255	CHU NGỌC TIẾN		Số 53, Hàng Đậu	d1/e101	5-9-1972
256	NGUYỄN XUÂN TIẾN		Sơn Đồng, Hoài Đức	d27/f304	12-7-1972
257	PHẠM DUY TIẾN	1953	45/1 K20 Giảng Võ, Ba Đình	c11/d3/e141/f312	5-9-1972
258	LÊ VĂN TIẾN	1953	Tiến Thịnh, Mê Linh	c12/d3/e9/f304	29-7-1972
259	ĐỖ THẾ TIẾP	1953	Khối 52 Hai Bà Trưng	c299/BTL Công binh	13-7-1972
260	LÊ VĂN TÍN	1953	Thanh Lam, Mê Linh	c1/d7/e66/f304	12-8-1972
261	CHU VĂN TÌNH	1954	Liên Quan, Thạch Thất	e88/f308	18-7-1972
262	NGUYỄN VĂN TƠ	1948	Tiến Thịnh, Mê Linh	c5/d2/e36/f308	8-7-1972
263	NGUYỄN NGỌC TOÁN	1951	Hoà Nam, Ứng Hòa	e88/f308	7-8-1972
264	KIẾU VĂN TOÁN	1954	Hội Xá, Gia Lâm	c25/e209/f312	5-9-1972
265	TRẦN NGỌC TOÀN	1949	SN 24: Lương Ngọc Quyến	c18/e36/f308	10-9-1972
266	PHẠM HUY TOÀN		Khu L. Động, An Dương	d14	29-7-1972
267	ĐÀM VĂN TOÀN	1954	37B, Vạn Phúc, Khối 50, Ba Đình	c9/d3/e141f312	7-9-1972
268	NGUYỄN NGỌC TOẢN	1950	Ngọc Hồi, Thanh Trì	c3/d7/e66/f304	25-8-1972
269	ĐÀO XUÂN TÔI	1950	Đại Thịnh, Mê Linh	c5/d2/e36/f308	8-7-1972
270	NGUYỄN KHẮC TRAI	1949	Kim Hoa, Mê Linh	c21/f308	4-9-1972
271	ĐỖ VĂN TRUNG	1954	50 Quán Thánh, Ba Đình	c1/d7/e209/f312	12-9-1972
272	LÊ VĂN TRUNG	1950	Tiên Lược, Đa Phúc	c2/d1/e9/f304	23-7-1972
273	ĐÀO VĂN TRƯỜNG	1954	Trung Giã, Đa Phúc	e45	9-9-1972
274	PHẠM HỒNG TƯ		Mỹ Hạ, Thanh Oai	d18/f308	13-7-1972
275	NGUYỄN VĂN TƯ	1936	Cao Viên, Thanh Oai	e88/f308	8-8-1972
276	TRẦN ANH TUẤN		Việt Hưng, Gia Lâm	d1/e101	24-8-1972
277	NGUYỄN VĂN TUẤN	1954	Tân Dân, Kim Anh	c5/d5/e24/f304	02-7-1972
278	NGÔ VĂN TÚC	1954	Dương Liễu, Hoài Đức	c26/f304	12-7-1972
279	NGUYỄN THANH TUYẾN	1952	Phụng Châu, Chương Mỹ	c9/d6/e24/f304	27-8-1972
280	NGUYỄN HỮU TY		Văn Võ, Chương Mỹ	d2/e101	16-9-1972
281	TÔ VĂN TY		Ái Mộ, Gia Lâm	d14	13-8-1972
282	TẠ QUANG TÝ	1950	Mê Linh, Yên Lãng	e58/f308	5-8-1972
283	TRƯƠNG VĂN ƯỚC	1948	Nhân Lý, Xuân Sơn, Ba Vì	e88/f308	12-7-1972
284	NGUYỄN THẾ VÀI	1953	Vân Canh, Hoài Đức	e58/f308	5-7-1972
285	HOÀNG VĂN VỆ		An Thượng, Hoài Đức	c4/d19	17-8-1972
286	HÀ VĂN VIỄN		Vạn Yên, Mê Linh	c4/d1/e9/f304	26-7-1972
287	ĐỖ TIẾN VIỆT	1950	Tự Lập, Mê Linh	c8/d2/e36/f308	28-8-1972
288	NGUYỄN THẾ VINH		Chu Phan, Mê Linh	c20/e18	28-6-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
289	NGUYỄN TIẾN VĨNH	1950	Thanh Cao, Thanh Oai	e88/f308	8-8-1972
290	LÊ VĂN VỢI	1953	Khánh Hà, Thường Tín	e88/f308	9-8-1972
291	VŨ VĂN VŨ		Phố Thụy Khuê	d3/e101	25-8-1972
292	TRẦN QUANG VUI	1950	Đông Sơn, Chương Mỹ	d1/e9/f304	23-7-1972
293	CHU ĐỨC VY	1950	Trung Hưng, Sơn Tây	c2/d7/e66/f304	21-8-1972
294	NGUYỄN VĂN XÂY	1953	Đại Thắng, Phú Xuyên	c1/d7/e66/f304	23-8-1972
295	NGÔ VĂN XUÂN		Khối 23, Ba Đình	d14	11-8-1972
296	LƯU VĂN XUÂN	1954	Kim Ninh, Kim Anh	c10/d6/e24/f304	28-6-1972
297	NGUYỄN ĐĂNG XUYỀN	1952	Liên Phương, Thường Tín	c11/d3/e9/f304	01-9-1972
298	NGUYỄN DUY YÊN	1954	Tiền Châu, Mê Linh	c2/d1/e9/f304	18-7-1972
299	TRIỆU NGỌC MỸ	1952	Kim Giang, Đại Kim (nay là quận Hoàng Mai)	Trung đoàn 95/ Sư đoàn 325	12-9-1972

HÀ TĨNH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	DƯƠNG ĐÌNH BẮ	1954	Kỳ Lâm, Kỳ Anh	c8/d2/e141	24-8-1972
2	NGÔ VĂN BÁN		Cẩm Xuyên	d9/e18	30-8-1972
3	VÕ QUỐC BẢO	1953	Đức Lĩnh, Đức Thọ	c7/d2/e141	5-9-1972
4	TRƯƠNG QUỐC BẮY	1950	Thạch Hải, Thạch Hà	c10	9-9-1972
5	LÊ VĂN BIÊN	1947	Kỳ Thịnh, Kỳ Anh	e27f320b	11-7-1972
6	NGUYỄN VĂN BÌNH		Đức Long, Đức Thọ	c9/e18	29-8-1972
7	TRẦN QUỐC BÌNH	1954	Hương Vĩnh, Hương Khê	c9d9/e209	6-9-1972
8	TRẦN THANH BÌNH	1947	Kỳ Lợi, Kỳ Anh	e27f320B	17-7-1972
9	THÁI SĨ CA	1954	Xuân Lộc, Can Lộc	e64f320B	11-9-1972
10	NGUYỄN VĂN CHÂU		Cẩm Nhượng, Cẩm Xuyên	d9/e18	29-8-1972
11	NGUYỄN VĂN CHÍNH		Đức Ân, Đức Thọ	c23/PTM	19-8-1972
12	LÊ VĂN CHƯƠNG	1956	Kỳ Hải, Kỳ Anh	c12/d3/e141	5-9-1972
13	PHAN THANH CHƯƠNG		Nghi Xuân	d9/e18	12-9-1972
14	NGUYỄN VÕ CHUYÊN		Nghi Xuân	d9/e18	15-9-1972
15	ĐẬU BÁ CÔNG		Nghi Xuân	d9/e18	4-8-1972
16	MAI VĂN CÔNG		Hồng Lộc, Can Lộc	d9/e18	28-8-1972
17	NGUYỄN CHÍ CÔNG		Xuân Viên, Nghi Xuân		
18	LÊ ĐỨC CƯỜNG	1952	Thiên Lộc, Can Lộc	e64f320b	13-9-1972
19	NGUYỄN VĂN DẪN	1953	Sơn Ninh, Hương Sơn	c2/d7/e209	30-8-1972
20	LÊ VĂN DẪN	1952	Sơn Trà, Hương Sơn	c18/e209	4-9-1972
21	ĐẬU VĂN DẪN	1950	Xuân Giang, Nghi Xuân	e27f320b	10-7-1972
22	PHẠM VĂN DIỆN	1953	Kỳ Hải, Kỳ Anh	c9/d3/e141	9-9-1972
23	BÙI VĂN DOANH	1953	Hồng Lộc, Can Lộc	c6/d2/e141	24-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
24	NGUYỄN CÔNG DŨNG		Nga Lộc, Can Lộc	d2/e101	2-8-1972
25	NGUYỄN VĂN DŨNG	1954	An Lộc, Can Lộc	c1/d1/e141	8-9-1972
26	LÊ QUỐC DƯƠNG		Sơn Trà, Hương Sơn	e18	28-6-1972
27	DƯƠNG CÔNG ĐÀN	1954	Thạch Xuân, Thạch Hà	e64f320b	11-9-1972
28	NGUYỄN XUÂN ĐÀO	1953	Thạch Lưu, Thạch Hà	c299/BTL Công binh	25-7-1972
29	LÊ QUANG ĐÀO	1954	Hương Long, Hương Khê	c11/d9/e209	13-9-1972
30	BÙI HUY ĐÌNH	1950	Đậu Tiên, Can Lộc	c1/d4/e165	21-8-1972
31	THẠCH TÙNG ĐỒNG		Thạch Thắng, Thạch Hà	c16/e101	4-9-1972
32	TRẦN DUY ĐỒNG		Cẩm Hòa, Cẩm Xuyên	d9/e18	12-8-1972
33	TRẦN VĂN ĐỒNG	1952	Hương Long, Hương Khê	e27f320b	27-7-1972
34	BÙI XUÂN ĐỨC		Đức Thọ	d9/e18	27-8-1972
35	ĐẶNG QUANG ĐỨC	1953	Kỳ Hoa, Kỳ Anh	d2/e141	5-9-1972
36	NGUYỄN VIỆT ĐƯƠNG	1954	Hương Đô, Hương Khê	c11/d7/e209	4-9-1972
37	LÊ THANH HẢI		Thạch Thanh, Thạch Hà	e27f320b	11-7-1972
38	LÊ THANH HẢI	1951	Thạch Bằng, Thạch Hà	e27f320b	10-9-1972
39	HOÀNG TRỌNG HÀNH	1950	Thanh Lộc, Can Lộc	e27f320b	5-9-1972
40	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	1953	Hương Thanh, Hương Khê	d3/e141	9-9-1972
41	HỒ VĂN HOÁ	1954	Sơn Trung, Hương Sơn	c2/d7/e209	22-8-1972
42	TRẦN ĐẠI HỌC		Cẩm Lĩnh, Cẩm Xuyên	d9/e18	15-9-1972
43	PHAN XUÂN HỒNG	1951	Xuân Viên, Nghi Xuân	e27f320b	05-7-1972
44	TRẦN NHO HUÂN	1954	Tân Lộc, Can Lộc	c6/d2/e141	24-8-1972
45	TRẦN KHẮC HUÂN		Kỳ Sơn, Kỳ Anh	d7/e18	7-7-1972
46	PHAN HƯƠNG	1952	Sơn Tiến, Hương Sơn	c1/d6/e209	7-9-1972
47	NGÔ VĂN KHÍCH		Cẩm Thăng, Cẩm Xuyên	d1/e101	2-8-1972
48	VÕ HỮU KHOÁCH	1949	Cẩm Lạc, Cẩm Xuyên	c12/d6/e165	10-9-1972
49	NGUYỄN VĂN KIỀU		Đức Long, Đức Thọ	d9/e18	29-8-1972
50	NGUYỄN ĐÌNH KỶ		Kỳ Phong, Kỳ Anh	d3/e101	8-9-1972
51	PHẠM ĐÌNH LẠC		Đức Long, Đức Thọ	d9/e18	31-8-1972
52	NGUYỄN HỮU LÂM	1954	Gia Hanh, Can Lộc	d2/e141	13-9-1972
53	ĐẶNG XUÂN LÂM		Kỳ Hoa, Kỳ Anh	d2/e101	31-7-1972
54	TRƯƠNG ĐÌNH LAN		Thạch Văn, Thạch Hà	d9/e18	25-8-1972
55	NGUYỄN XUÂN LỊCH		Thạch Tiến, Thạch Hà	c25/e101	16-8-1972
56	TỔNG TRẦN LOAN	1938	Sơn Trà, Hương Sơn	e27f320b	24-7-1972
57	TRẦN VĂN LỤNG	1954	Kỳ Lâm, Kỳ Anh	c8/d2/e141	5-9-1972
58	CAO VĂN LUY	1942	Cẩm Thịnh, Cẩm Xuyên		12-09-1972
59	TRẦN VIỆT LÝ		Cẩm Huy, Cẩm Xuyên	d9/e18	31-8-1972
60	NGUYỄN TIẾN MẮN	1952	Xuân An, Nghi Xuân	c1/d1/e141	13-9-1972
61	NGUYỄN VĂN MẠNH	1952	Hương Bình, Hương Khê	c12/d9/e209	8-9-1972
62	TRẦN HỒNG MINH	1954	Hương Phú, Hương Khê	c17/e209	28-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
63	TỪ DƯƠNG MINH	1951	Thạch Kênh, Thạch Hà	e27f320b	17-7-1972
64	LÊ TIẾN MINH	1952	Thạch Bàn, Thạch Hà	e27f320b	5-7-1972
65	TỪ DƯƠNG MINH	1950	Thạch Kinh, Thạch Hà	e27f320b	19-7-1972
66	NGUYỄN TIẾN ỨNG	1951	Kỳ Văn, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	TNXP, C32	7-7-1972
67	PHAN VĂN NGHI		Hương Long, Hương Khê	d9/e18	29-8-1972
68	ĐINH VĂN NGHĨA		Nghi Xuân	d9/e18	25-8-1972
69	PHAN TRỌNG NGHĨA	1952	Hương Quang, Hương Khê	e27f320b	11-7-1972
70	BÙI MINH NGUYỆT	1954	Kỳ Tân, Kỳ Anh	c9/d3/e141	9-9-1972
71	LÊ VIẾT NHỊ		Thạch Mỹ, Thạch Hà	d1/e101	30-7-1972
72	LƯƠNG SỸ NHUNG		Vượng Lộc, Can Lộc	d9/e18	15-9-1972
73	TRƯƠNG VĂN NINH	1950	Thạch Hà, Hà Tĩnh	d9 e102	7-7-1972
74	LÊ VĂN NOẢN	1951	Cầm Trường, Cầm Xuyên	e64f320b	13-9-1972
75	NGUYỄN VĂN NUÔI		Thạch Bàn, Thạch Hà		
76	PHẠM XUÂN PHÚ		Xuân An, Nghi Xuân	d9/e18	29-8-1972
77	NGUYỄN VĂN PHÚC		Sơn Châu, Hương Sơn	d8/e18	25-8-1972
78	NGUYỄN TIẾN PHÚC	1954	Kỳ Châu, Kỳ Anh	c9/d3/e141	9-9-1972
79	PHẠM PHÚC	1948	Hương Giang, Hương Khê	e27f320b	11-7-1972
80	NGUYỄN CÔNG PHÚC	1945	Kỳ Sơn, Kỳ Anh	e27f320b	13-7-1972
81	TRẦN NHÂN PHỰ		Cầm Nam, Cầm Xuyên	d9/e18	12-8-1972
82	NGUYỄN ĐỨC QUANG		Đức Long, Đức Thọ	d9/e18	29-8-1972
83	DƯƠNG VĂN QUY		Cầm Mỹ, Cầm Xuyên	d8/e18	24-8-1972
84	PHAN ĐÌNH QUÝ	1950	Đức Long, Đức Thọ	e27f320B	16-8-1972
85	PHAN VĂN QUÝ	1950	Đức Long, Đức Thọ	e27f320B	16-8-1972
86	PHAN KHẮC SANH		Nghi Xuân	d9/e18	28-8-1972
87	NGUYỄN NGỌC SINH	1951	Xuân Viên, Nghi Xuân	c3/d7/e209	4-9-1972
88	HỒ SỸ SINH	1954	Hương Thu, Hương Khê	e27f320B	9-7-1972
89	TRẦN SƠN	1953	Sơn Tịnh, Hương Sơn	e64f320B	14-9-1972
90	NGUYỄN TIẾN SỬU		Sơn Hòa, Hương Sơn	c17/e101	14-8-1972
91	NGUYỄN VĂN SỬU		Thạch Lưu, Thạch Hà		
92	DƯƠNG QUỐC SỸ		Thạch Lạc, Thạch Hà	c16/e18	10-7-1972
93	VÕ VĂN SỸ	1953	Hương Giang, Hương Khê	c299/BTL Công binh	25-7-1972
94	TRẦN ĐỨC TÁ		Cầm Yên, Cầm Xuyên	d1/e101	2-8-1972
95	NGUYỄN XUÂN TÀI	1952	Kỳ Hải, Kỳ Anh	c9/d3/e141	9-9-1972
96	NGUYỄN VĂN TÂM	1942	Sơn Hoà, Hương Sơn	c16/e209	28-8-1972
97	NGUYỄN VĂN TÁO		Sơn Lệ, Hương Sơn	d9/e18	29-8-1972
98	ĐẶNG VĂN THẮNG	1946	Hương Thanh, Hương Khê	e27f320B	11-7-1972
99	LÊ THẮNG		Đức Lạc, Đức Thọ	d1/e101	23-8-1972
100	ĐẶNG VĂN THẮNG	1946	Hương Thanh, Hương Khê	e27f320B	11-7-1972
101	TRẦN VĂN THANH	1953	Kỳ Châu, Kỳ Anh	c15	6-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
102	LÊ HỒNG THANH	1955	Hương Thọ, Hương Khê	c25/e209	28-8-1972
103	PHẠM CHIÊM THÀNH	1952	Sơn Giang, Hương Sơn	c18/e209	23-8-1972
104	LÊ KHẮC THẢO	1952	Hương Phú, Hương Khê	c2/d9/e209	6-9-1972
105	PHẠM VĂN THIẾT	1954	Xuân Hải, Nghi Xuân	c7/d2/e141	24-8-1972
106	NGUYỄN VĂN THÌN		Thạch Điền, Thạch Hà	d1/e101	1-8-1972
107	NGUYỄN KIM THÌN	1952	Hương Trung, Hương Khê	e27f320b	16-7-1972
108	NGUYỄN KHẮC THÌU	1952	Hương Trung, Hương Khê	e27f320b	16-7-1972
109	PHẠM VIẾT THÔNG	1952	Đồng Tân, TP. Hà Tĩnh	c6d2e36	7-8-1972
110	TRẦN THÔNG	1954	Đồng Lộc, Can Lộc	c23	18-8-1972
111	VÕ VĂN THÔNG	1946	Đức Lâm, Đức Thọ	e27f320b	7-9-1972
112	PHẠM VĂN THỤC	1954	Sơn Giang, Hương Sơn	c20/e209	30-8-1972
113	TRẦN XUÂN THỤY	1953	Cẩm Phúc, Cẩm Xuyên	c11/d3/e141	5-9-1972
114	NGUYỄN XUÂN TIẾN		Đồng Quế, TP Hà Tĩnh	d9/e18	29-8-1972
115	NGUYỄN CÔNG TÍNH	1949	Hương Xuân, Hương Khê	e27f320b	11-8-1972
116	TRẦN VĂN TÌNH		Hồng Lộc, Can Lộc	d9/e18	28-8-1972
117	NGUYỄN SỸ TOÀN		Thạch Hương, Thạch Hà	d9/e18	15-9-1972
118	TRẦN QUỐC TUẤN	1950	Kỳ Văn, Kỳ Anh		4-8-1972
119	MAI TỤC		Hương Long, Hương Khê	d9/e18	28-8-1972
120	NGUYỄN VĂN TƯ	1951	Thạch Bằng, Thạch Hà	e27f320b	10-9-1972
121	TRẦN HỮU TƯỜNG	1946	Cẩm Duệ, Cẩm Xuyên	c7/d2/e141	14-9-1972
122	NGUYỄN VĂN TƯỜNG		Cẩm Dương, Cẩm Xuyên	d2/e101	31-7-1972
123	MAI VĂN THÀNH	1954	Kỳ Hoa, Kỳ Anh	c7/d2/e141	24-8-1972
124	BẠCH XUÂN TUY	1950	Hương Hải, Hương Khê	e27f320b	25-8-1972
125	PHẠM VĂN TUYỀN		Thạch Bàn, Thạch Hà		
126	PHẠM VĂN TUYẾT		Xuân Hải, Nghi Xuân		
127	HOÀNG VĂN TỶ	1954	Hương Trung, Hương Khê	c25/e209	5-9-1972
128	NGUYỄN QUỐC VĂN	1951	Kỳ Xuân, Kỳ Anh	e64f320b	12-9-1972
129	NGUYỄN DOẢN VĂN		Cẩm Long, Cẩm Xuyên	d7/e18	29-8-1972
130	NGUYỄN CÔNG VIỆT		Thạch Tiến, Thạch Hà	d3/e101	24-8-1972
131	TRƯƠNG VIẾT VŨ		Thạch Kênh, Thạch Hà	d2/e101	31-7-1972
132	NGUYỄN VIẾT XUÂN		Thạch Kênh, Thạch Hà	d3/e101	25-8-1972

HẢI DƯƠNG

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN ĐỨC ẨM	1945	Quang Phục, Tứ Kỳ	d4/e165	29-7-1972
2	PHẠM VĂN BỀN	1946	Nam Trung, Nam Sách	e102/f308	7-7-1972
3	HOÀNG VĂN BÌNH		Ngân Sơn, Hải Dương	d1/e101	9-8-1972
4	PHẠM NGUYỄN BÌNH	1951	Cẩm Giàng	c299/BTL Công binh	7-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
5	DƯƠNG VĂN CHÍ	1955	Thăng Long, Kinh Môn	e36/f308	15-9-1972
6	NGUYỄN HỮU CHUYỂN	1942	Nhật Tân, Gia Lộc	e58/f308	14-7-1972
7	NGUYỄN HỒNG DỤ	1944	Hoàng Tân, Chí Linh	e88/f308	3-8-1972
8	NGUYỄN HỮU DUẬT	1954	Thanh Lâm, Nam Sách	e102/f308	7-7-1972
9	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG		Thanh Bình, TP Hải Dương	d1/e101	10-8-1972
10	MẠC ĐĂNG DŨNG	1952	Hợp Tiến, Nam Sách	e27f320b	9-7-1970
11	NGUYỄN VĂN DUYỆT	1952	Hồng Phong, Ninh Giang	e27f320b	14-7-1972
12	VŨ DUY ĐẠO	1954	Tân Quang, Ninh Giang	e88/f308	7-9-1972
13	PHẠM CÔNG ĐẠT	1952	Đồng Xuyên, Ninh Giang	e27f320b	05-8-1972
14	NGUYỄN ĐÌNH ĐỂ	1952	Nam Tân, Nam Sách	e102/f308	3-7-1972
15	PHẠM CÔNG ĐƠ	1943	Quảng Ninh, Gia Lộc		28-06-1972
16	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	1954	Nam Hồng, Nam Sách	e102/f308	13-7-1972
17	TRẦN MINH ĐỨC	1948	Kim Anh, Kim Thành	e64f320	12-7-1972
18	PHẠM VĂN GIANG	1951	Hùng Thắng, Bình Giang	e102/f308	18-7-1972
19	PHẠM VĂN GIANG		Tam Giang, TP Hải Dương	c17/e101	28-8-1972
20	LÊ VĂN GIÁP	1954	Kim Xuyên, Kim Thành	e102/f308	2-7-1972
21	NGUYỄN XUÂN HẢI		Chí Minh, Chí Linh	e27f320b	02-8-1972
22	NGUYỄN KHẮC HIẾU	1938	Cổ Lũy, Kim Thành	e58/f308	4-7-1972
23	NGUYỄN HỮU HIẾU	1948	Thống Nhất, Gia Lộc	e27f320b	28-8-1972
24	NGUYỄN VĂN HOÀ	1954	Tường Vu, Kim Thành	e36	5-7-1972
25	TRẦN VĂN HOÀ	1950	Nam Hưng, Nam Sách	e102/f308	19-7-1972
26	TỔNG XUÂN HÒA		Tuy Hòa, TP Hải Dương	c17/e101	8-8-1972
27	NGUYỄN TRỌNG HÒA	1955	Đồng Tâm, Ninh Giang	c202/BTLTTG	10-7-1972
28	LÊ VĂN HOÀN	1952	Thái Học, Bình Giang	c202/BTLTTG	22-8-1972
29	NGÔ ĐỨC HOÁNH	1950	Thanh An, Thanh Hà	e27f320b	21-8-1972
30	TRẦN KIM HOẠT		Thanh Giang, Thanh Miện	d2/e101	17-8-1972
31	ĐỒNG QUANG HUÂN	1949	Quang Trung, Tứ Kỳ		16-9-1972
32	NGUYỄN VĂN HUÂN	1953	Quang Khải, Tứ Kỳ	d1/e141	13-9-1972
33	VŨ VĂN HUỆ	1949	Tứ Minh, TP. Hải Dương	c5/d5/e165	19-8-1972
34	PHẠM QUỐC HÙNG	1949	Kiến Quốc, Ninh Giang		02-07-1972
35	NGUYỄN VĂN KHÁNH	1953	Quyết Thắng, Ninh Giang	c202/BTLTTG	10-7-1972
36	PHẠM VĂN KHOA		Nguyễn Công Trứ, TP. HD	d2/e101	31-7-1972
37	PHẠM VĂN KHUÊ		Việt Hoà, TP Hải Dương	d2/e101	24-8-1972
38	ĐÀO DUY KHUYA		Cầm Điền, Cầm Giàng	d2/e101	31-7-1972
39	ĐÀO VĂN LỆ	1951	Chí Minh, Chí Linh	e27f320b	02-7-1972
40	NGUYỄN VĂN LỢI		Tiểu Khu 9, TP Hải Dương	c18/e101	19-8-1972
41	ĐÀO VĂN LUÂN		Thanh Bình, TP Hải Dương	d1/e101	5-8-1972
42	HOÀNG VIẾT LUẬN	1953	Quang Trung, Kinh Môn	e102/f308	17-7-1972
43	NGUYỄN VĂN LUYỆN	1944	Duy Tân, Kinh Môn	c202/BTLTTG	12-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
44	HOÀNG TIẾN MẠC	1948	Quang Khải, Tứ Kỳ	c2/d7/e209	22-8-1972
45	NGUYỄN HỮU NGẠN		Hồng Quang, Thanh Miện	d1/e101	18-8-1972
46	NGUYỄN MINH NGHĨA	1950	Đại Đức, Kim Thành	e27f320b	7-9-1972
47	PHẠM XUÂN NGŨ	1954	Thái Tân, Nam Sách	d17/f308	2-7-1972
48	ĐINH BÁ NHÀ		Bình Hàn, TP Hải Dương	d1/e101	4-8-1972
49	ĐỖ VĂN NHANG	1946	Văn Giang, Hải Dương		08-08-1972
50	NGUYỄN VĂN NHỖ	1953	An Lương, Thanh Hà	d18/f308	10-9-1972
51	NGUYỄN VĂN NHUẬN	1952	Đông Gia, Kim Thành	e27f320b	29-6-1972
52	ĐỖ THANH NƠI	1946	Tứ Cường, Thanh Miện	c10/d6/e165	2-8-1972
53	PHẠM XUÂN PHÚC	1954	An Châu, Nam Sách	e102/f308	17-7-1972
54	PHẠM QUANG PHỤNG		Quan Hưng, Ninh Giang	e36/f308	3-9-1972
55	NGUYỄN VĂN QUYỀN		Hồng Miện, Thanh Miện	d9/e18	29-8-1972
56	NGUYỄN VĂN RỬ	1953	Hồng Dư, Ninh Giang	e36/f308	13-9-1972
57	NGUYỄN VĂN SÁCH	1949	Văn An, Chí Linh		7-9-1972
58	NGUYỄN ĐỨC SƠN		Thanh Bình, TP Hải Dương	c14/e101	4-9-1972
59	TRẦN VĂN SOI	1954	Hiệp An, Kinh Môn	c202/BTLTTG	02-7-1972
60	PHẠM VĂN TAM	1951	Quang Phục, Tứ Kỳ	e102/f308	2-7-1972
61	LU VĂN THẮNG		Tứ Minh, TP Hải Dương	e101	28-8-1972
62	TRẦN VĂN THẮNG		Đông Kỳ, Tứ Kỳ	c23/PTM	12-9-1972
63	NGUYỄN TRUYỀN THỐNG	1952	Bình Dân, Kim Thành	e27f320B	11-7-1972
64	TRƯƠNG ĐÌNH THỤ	1947	Đông Quang, Gia Lộc	c6/d8/e209	7-9-1972
65	PHẠM ĐÌNH THỰC	1954	Kiến Quốc, Ninh Giang	c202/BTLTTG	22-8-1972
66	VŨ XUÂN THỦY	1952	Lai Cách, Cẩm Giàng	c299/BTL Công binh	7-8-1972
67	VŨ VĂN THUYẾT		Tiền Phong, Thanh Miện	d2/e101	18-8-1972
68	PHẠM VĂN TON	1954	Thống Nhất, Gia Lộc	c2/d7/e209	6-9-1972
69	NGUYỄN VĂN TỐT		Đức Chính, Cẩm Giàng	d2/e101	19-8-1972
70	TRẦN VĂN TRANG	1953	Kim Anh, Kim Thành	e102/f308	17-7-1972
71	TỔNG THẾ TRƯỜNG	1953	Cộng Hòa, Nam Sách	e102/f308	11-7-1972
72	CHU XUÂN TỬ	1941	Thái Hòa, Bình Giang	c202/BTLTTG	17-7-1972
73	NGUYỄN HỮU TUÂN	1948	Hưng Thái, Ninh Giang	c1/d4/e165	2-8-1972
74	BÙI QUANG TÙNG	1954	Hiệp Hòa, Kinh Môn	e102/f308	8-7-1972
75	ĐẶNG VĂN TÝ	1951	Liêm Mạc, Thanh Hà	d4/e165	22-7-1972
76	MẠC NHƯ VÂN	1954	An Phụ, Kinh Môn	e36	8-8-1972
77	NGUYỄN QUỐC VIỆT	1948	Thái Học, Bình Giang	c18	22-7-1972
78	LÝ TÂN VIỆT	1952	Số 77 Phạm Hồng Thái, TP Hải Dương	c6d8/e209	7-9-1972
79	ĐINH VĂN XIÊM		Việt Hòa, TP Hải Dương	d1/e101	10-8-1972
80	TRỊNH TỔ XUÂN	1952	Thanh Cường, Thanh Hà	e27f320b	26-7-1972
81	HÀ VĂN YÊN	1939	Vĩnh Hòa, Ninh Giang	c18	4-9-1972
82	NGUYỄN VĂN YẾN	1950	Long Xuyên, Kinh Môn	c202/BTLTTG	28-6-1972

HẢI PHÒNG

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	PHẠM HỮU AN	1946	Tiên Ninh, Tiên Lãng	e27f320b	30-8-1972
2	PHẠM BÁ BIÊN	1952	Tràng Cát, Hải An	c12/d3/e141	05-9-1972
3	NGUYỄN HÙNG BỘT	1952	Bắc Hà, TX. Kiến An	f320b	14-9-1972
4	NGUYỄN HUY BỪNG		Thượng Hưởng, Thủy Nguyên	c20/e18	6-7-1972
5	NGUYỄN QUANG DIỄN	1950	Hùng Vương, Hồng Bàng	c15/e209	07-9-1972
6	ĐINH NHƯ DINH	1949	Lập Lễ, Thủy Nguyên	c11/d9/e209	06-9-1972
7	HOÀNG VĂN ĐÀ	1949	Tiên Lãng, Hải Phòng	c4 k10	11-07-1972
8	VŨ VĂN ĐẶNG	1948	Tam Cường, Vĩnh Bảo	c7/d8	08-9-1972
9	HỒ ĐỨC ĐIỂN	1949	Minh Tâm, Thủy Nguyên		07-9-1972
10	BÙI XUÂN ĐỈNH	1949	Đồng Thái, An Dương	c1/d1/e141	08-9-1972
11	VŨ CÔNG ĐOÀN	1949	Hùng Thắng, Tiên Lãng	c4/d7	04-9-1972
12	PHẠM HUY ĐUỐC	1949	Chiến Thắng, An Lão	c17/e209	28-8-1972
13	LƯƠNG XUÂN GẤP	1948	Nam Hải, Hải An	e209	28-8-1972
14	LÊ VĂN GIỐNG	1954	Minh Đức, Thủy Nguyên	e36/f308	28-7-1972
15	NGUYỄN SỸ HAI	1954	Kiến Quốc, Kiến Thụy	c202/BTLTTG	22-8-1972
16	ĐOÀN THANH HẢI	1954	Bắc Sơn, An Dương	c11/d6/e209	09-9-1972
17	PHẠM VĂN HẢI	1952	Số 117, Cát Dài	e88/f308	15-8-1972
18	TRẦN THẾ HÙNG	1953	10/63, Nguyễn Đức Cảnh	e36/f308	4-9-1972
19	PHẠM VĂN HIẾU	1954	Tân Trào, Kiến Thụy	c202/BTLTTG	22-8-1972
20	PHẠM VĂN HOÀ	1953	Lê Lợi, An Dương	c10/d6	09-9-1972
21	PHẠM HÙNG	1953	Đặng Cương, An Dương	c9/d6	09-9-1972
22	BÙI QUANG KHẢI	1950	Đồng Lâm, Hải An	c25	11-9-1972
23	VŨ THÀNH KHÔNG	1947	Hùng Thắng, Tiên Lãng	c202/BTLTTG	10-7-1972
24	LÊ VĂN LỄ	1952	217B, Buồng 33, Đà Nẵng	e102/f308	9-7-1972
25	BÙI VĂN LỄ	1947	Đồng Minh, Vĩnh Bảo		07-9-1972
26	HÀ VĂN LƯỜI	1953	Kỳ Sơn, Thủy Nguyên	e88/f308	27-7-1972
27	BÙI VĂN MAI	1948	Hoàng Đông, Thủy Nguyên	c3/d7	04-9-1972
28	VŨ VĂN NĂM	1951	Tiên Minh, Tiên Lãng	c1/d7	30-8-1972
29	NGUYỄN TRỌNG NẮNG	1948	Thắng Thủy, Vĩnh Bảo	c6/d8	05-9-1972
30	NGUYỄN VĂN NÁP	1954	TT. An Dương, An Dương	c12/d6	10-9-1972
31	PHẠM VĂN NHÂN		Tiên Hưng, Tiên Lãng	e18	12-9-1972
32	TRẦN TRỌNG NHUNG	1954	Lê Lợi, An Dương	d6	10-9-1972
33	NGUYỄN VĂN PHÁO	1954	Tràng Cát, Hải An	e36/f308	4-9-1972
34	TRẦN VĂN PHƯƠNG	1954	Đồng Hải, Hải An	e36/f308	2-9-1972
35	BÙI VĂN PHƯƠNG	1954	Minh Đức, Thủy Nguyên	e36/f308	28-7-1972
36	ĐÀO VĂN QUY		Ngọc Sơn, Kiến An	d9/e18	13-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
37	LÊ VĂN SẮN		Ngõ 7, Đặng Kim Nở	d8/e18	15-7-1972
38	DƯƠNG VĂN SẮN		Minh Đức, Thủy Nguyên	e36/f308	28-7-1972
39	PHẠM XUÂN SINH		Tiên Lãng, Hải Phòng	c2 K14	19-08-1972
40	ĐỒNG XUÂN TẠO	1949	Thủy Sơn, Thủy Nguyên	c4/d7	04-9-1972
41	VŨ XUÂN THANH	1950	Kiến An, TP. Hải Phòng	c299/BTL Công binh	30-7-1972
42	NGÔ NHẬT THÀNH	1948	43 Quang Trung	e27f320B	31-8-1972
43	PHÙNG VĂN THEN	1954	Đoàn Xá, Kiến Thụy	c10/d9/e209	6-1972
44	PHẠM VĂN TOÀN	1954	Lưu Kiếm, Thủy Nguyên	e36/f308	28-7-1972
45	ĐOÀN NGỌC TÚ	1949	64/226 Tô Hiệu, Lê Chân	d8	04-9-1972
46	NGUYỄN DANH TƯỜNG	1954	Đồng Khê, Ngô Quyền	e36/f308	16-9-1972
47	ĐỖ ĐÌNH TUY	1954	Tân Tiến, An Dương	e165	
48	TRỊNH VĂN TUYẾN	1950	Đồng Hải, Hải An	e102/f308	2-7-1972
49	NGUYỄN VĂN VỊ	1949	Hoảng Thắng, Tiên Lãng	c2 K14	20-08-1972
50	ĐÌNH KHẮC VỊNH	1950	Phả Lễ, Thủy Nguyên	e102/f308	17-7-1972
51	NGUYỄN KHẮC VŨNG	1953	Kiến Quốc, Kiến Thụy	c202/BTLTTG	22-8-1972

HÒA BÌNH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	BÙI VĂN AO	1951	Tân Mỹ, Lạc Sơn	c12/d3/f308	8-7-1972
2	BÙI VĂN BA	1948	Cố Nghĩa, Lạc Thủy	c3d4/E165	24-8-1972
3	TRƯƠNG VĂN BANH	1954	Lạc Sơn, Hòa Bình	c12/d3/e9/f304	03-7-1972
4	LÒ VĂN BUI	1953	La Mèo, Mai Châu	c3/d4, f308	1-8-1972
5	BÙI VĂN CHIẾU	1952	Quý Hòa, Lạc Sơn	c13/d14/f308	7-8-1972
6	ĐÌNH CÔNG CỨU	1950	Phú Vinh, Tân Lạc	c6/d2/e141	24-8-1972
7	NGUYỄN VĂN DANH	1952	Phú Ninh, Kỳ Sơn	c8/d16/f308	2-7-1972
8	BÙI VĂN DEO	1949	Bình Hân, Lạc Sơn	c10/d3/e9/f304	11-7-1972
9	TRẦN VĂN ĐẶC	1952	Xuất Hóa, Lạc Sơn	c5/d2/f308	18-7-1972
10	BÙI ĐÌNH ĐĂNG	1953	Quý Hòa, Lạc Sơn	c3/d7/e102/f308	4-7-1972
11	NGUYỄN VĂN ĐẠO	1950	Phúc Tiến, Kỳ Sơn	c17/e36/f308	26-8-1972
12	HÀ VĂN ĐẤU	1952	Trung Thành, Đà Bắc	c12/c14/f308	2-7-1972
13	HÀ CỘNG ĐÊN	1951	Lũng Vàn, Tân Lạc	c18/e36/f308	7-7-1972
14	BÙI VĂN ĐỨC	1950	Văn Nghĩa, Lạc Sơn	d3/f308	25-8-1972
15	TRẦN MINH ĐỨC	1953	Tây Phong, Kỳ Sơn	d24/f308	3-8-1972
16	BÙI VĂN ẾM	1953	Ấn Nghĩa, Lạc Sơn	c1/d25/f304	19-7-1972
17	NGUYỄN VĂN HẢO	1954	Hòa Bình, Kỳ Sơn	c2/d4/f308	7-8-1972
18	HÀ VĂN HIẾN	1952	Tú Lý, Đà Bắc	e64f320B	08-7-1972
19	ĐÌNH VĂN HIỂN	1953	Hữu Lợi, Yên Thủy	c14/e36/f308	2-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
20	NGUYỄN VĂN HIẾU	1950	An Lạc, Lạc Thủy	c14/e36/f308	30-7-1972
21	SA VĂN HỔ	1954	Mường Chiềng, Đà Bắc	e27f320B	30-8-1972
22	BÙI VĂN KÌA	1952	Chí Thiện, Lạc Sơn	c10/d3/e9/f304	19-7-1972
23	NGUYỄN ĐÌNH LĂNG	1952	Tu Lý, Đà Bắc	c18/e36/f308	13-9-1972
24	HÀ VĂN LÔ	1952	Triềng Sai, Mai Châu	e64f320B	21-7-1972
25	LÃ VĂN MÃO	1949	Hợp Thịnh, Kỳ Sơn	c20/e36/f308	27-8-1972
26	BÙI XUÂN MIỄN		Mật Sơn, Kim Bôi		
27	NGUYỄN VĂN NAM	1945	Thịnh Lang, Kỳ Sơn	c17/e36/f308	28-8-1972
28	QUÁCH TẮT NĂNG	1949	Lạc Hưng, Yên Thủy	f320B	7-7-1972
29	BÙI MẠNH NGÂN	1953	Đoàn Kết, Yên Thủy	c14/e36/f308	25-8-1972
30	BÙI VĂN NHẪNG	1953	Hạ Bì, Kim Bôi	d5, f308	15-8-1972
31	LÊ VĂN NHANH	1953	Liên Sơn, Lương Sơn	c23/f308	28-7-1972
32	BÙI VĂN PHONG	1951	Ngôi Hoa, Tân Lạc	c5/d5/f308	28-7-1972
33	BẠCH HỒNG PHƯƠNG	1944	Thanh Nông, Lương Sơn	e27f320B	10-7-1972
34	BÙI VĂN THÊM	1949	Lạc Dương, Lạc Thủy	c14/e36/f308	30-7-1972
35	BÙI VĂN THÍCH	1954	Thượng Tiên, Kim Bôi	c10/d3/e9/f304	10-7-1972
36	QUÁCH CÔNG THIẾT	1947	Liên Hòa, Lạc Thủy	c11/d3/e141	15-7-1972
37	BÙI VĂN TIỀN	1953	Văn Nghĩa, Lạc Sơn	c10/d3/e9/f304	18-7-1972
38	BÙI XUÂN TIẾN	1946	Huy Trai, Lạc Thủy	c3/d4/e165	23-8-1972
39	HÀ VĂN TUYẾT	1947	Vạn Mai, Mai Châu	c7/d2/e141	24-8-1972
40	BÙI VĂN ỤI	1951	Liên Hòa, Lạc Sơn	c1/d25/f304	19-7-1972
41	BÙI VĂN XUÂN	1952	Ngô Luông, Tân Lạc	c21/f308	11-7-1972
42	NGUYỄN THANH XUÂN	1952	Dân Chủ, TP Hòa Bình	d24/f308	29-6-1972

HƯNG YÊN

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN DUY ÁI		Trung Nghĩa, Tiên Lữ	d1/e101	10-8-1972
2	NGUYỄN HOÀI AN	1948	Chính Nghĩa, Kim Động	e27f320b	16-7-1972
3	NGUYỄN XUÂN AN		Quang Hưng, Phù Cừ	d2/e101	27-8-1972
4	ĐOÀN VĂN ÁNG	1938	Trung Kiên, Văn Lâm	e88/f308	8-8-1972
5	LÊ BÌNH BÀNG	1954	Tân Dân, Khoái Châu	c202/BTLTTG	5-8-1972
6	NGUYỄN DUY BẰNG		Nhật Tân, Tiên Lữ	d1/e101	2-8-1972
7	NGUYỄN VĂN BẢO		Yên Phú, Yên Mỹ	d9/e18	3-9-1972
8	NGUYỄN VĂN BẾ		Nhân Hòa, Mỹ Hào	c25/e18	16-7-1972
9	DƯƠNG VĂN BIỂU		Dương Quang, Mỹ Hào	d9/e18	26-8-1972
10	HÀ THANH BÌNH	1951	Bắc Sơn, Ân Thi	e102/f308	17-7-1972
11	NGUYỄN ĐỨC BÌNH		Nguyên Hòa, Phù Cừ	d3/e101	4-8-1972
12	NGUYỄN VĂN BÌNH		Minh Khai, TP Hưng Yên	d1/e101	30-7-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
13	VŨ VĂN BÌNH		Minh Khai, TP Hưng Yên	d1/e101	20-8-1972
14	BÙI ĐĂNG BÔI		Dương Quang, Mỹ Hào	d9/e18	12-7-1972
15	NGUYỄN VĂN BÔN	1948	Hữu Nam, Yên Mỹ	e36/f308	22-8-1972
16	TRẦN THANH CAO	1951	Hồng Vân, Ân Thi	e102/f308	4-7-1972
17	DƯƠNG TIẾN CAO		Quảng Châu, Tiên Lữ	d2/e101	10-8-1972
18	NGUYỄN VĂN CẨM		Nguyên Hòa, Phù Cừ	d3/e101	8-9-1972
19	NGUYỄN VĂN CHẮT		Phú Thịnh, Kim Động	d3/e101	24-8-1972
20	NGUYỄN VĂN CHIẾN	1949	Quang Huy, Ân Thi	c299/BTL Công binh	07-8-1972
21	NGUYỄN TIẾN CHỌN	1945	An Vỹ, Khoái Châu	e27f320b	15-9-1972
22	NGUYỄN TRUNG CHUYỀN		Đoàn Đào, Phù Cừ	d3/e101	24-8-1972
23	NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU	1950	Chúc Nội, Ân Thi	e36/f308	4-9-1972
24	NGUYỄN NGỌC DUNG	1949	Thành Long, Yên Mỹ	e36/f308	8-8-1972
25	NGUYỄN VĂN DŨNG	1954	Liêm Nghĩa, Văn Giang	c202/BTLTTG	19-7-1972
26	LƯƠNG VĂN ĐẪU		Dân Chủ, Yên Mỹ	d24/f308	11-9-1972
27	PHẠM NHƯ ĐIỀU	1953	Hồ Tùng Mậu, Ân Thi	e102/f308	4-7-1972
28	NGUYỄN VĂN ĐỘ	1947	Cổ Bi, Bình Giang	d6/e165	27-7-1972
29	HOÀNG MẠNH ĐỦ		Minh Tân, Phù Cừ	e101	18-8-1972
30	KHÚC CHÍ HẢI	1952	Tân Hưng, Văn Lâm	e36/f308	21-8-1972
31	BÙI ĐẮC HIỀN		Hồng Tiến, Khoái Châu	c14/e18	6-9-1972
32	PHẠM VĂN HIỀN		Trưng Trắc, Văn Lâm	e18	26-8-1972
33	QUÁCH XUÂN HÓA		Trường Chinh, Phù Cừ	d3/e101	24-8-1972
34	TRỊNH TRUNG HOÀ	1944	Nghĩa Trụ, Văn Giang	e102/f308	2-7-1972
35	LÊ VĂN HÒA		Tân Hưng, Văn Lâm	d9/e18	3-8-1972
36	NGUYỄN VĂN HÒA		Hưng Đạo, Tiên Lữ	d1/e101	11-8-1972
37	ĐINH XUÂN HUÂN		Liên Phương, Tiên Lữ	d2/e101	11-8-1972
38	LƯƠNG QUANG HUẬN	1952	Chiến Thắng, Ân Thi	e102/f308	5-7-1972
39	HOÀNG MẠNH HÙNG		Tân Hưng, Tiên Lữ	e101	18-8-1972
40	NGUYỄN VĂN HỮU		Minh Tân, Phù Cừ	d3/e101	22-8-1972
41	ĐOÀN VĂN KHÉ		Trung Nghĩa, Tiên Lữ	e18	28-6-1972
42	PHẠM VĂN KHIÊM		Mỹ Hào, Hưng Yên	c14/e18	6-9-1972
43	NGUYỄN VĂN KHỎN		Hạnh Phúc, Phù Cừ	d3/e101	8-9-1972
44	TRẦN VĂN KIẾN		Hưng Đạo, Tiên Lữ	d2/e101	31-7-1972
45	NGUYỄN VĂN KIỂU	1952	Bắc Sơn, Ân Thi	e102/f308	17-7-1972
46	HỒ VĂN LAI		Lạc Hồng, Văn Lâm	c16/e18	10-7-1972
47	ĐÀO NGỌC LAN	1953	Toàn Tiến, Kim Động	c202/BTLTTG	28-8-1972
48	LÊ NGỌC LAN		Đoàn Đào, Phù Cừ	d3/e101	25-8-1972
49	TRẦN VĂN LÂN		Tiên Tiến, Phù Cừ	d3/e101	24-8-1972
50	BÙI ĐỨC LIÊM	1952	Tân Trào, Ân Thi	d4/e165	24-8-1972
51	BÙI VĂN LIỄU		Hồng Nam, Tiên Lữ	d2/e101	18-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
52	NGÔ VĂN LỘC	1947	Tân Hưng, Tiên Lữ	c202/BTLTTG	15-7-1972
53	PHẠM HỒNG LỢI		Nguyên Hòa, Phù Cừ	d3/e101	8-9-1972
54	VŨ CHÍNH LUẬT	1954	Phùng Chí Kiên, Mỹ Hào	c202/BTLTTG	10-7-1972
55	PHAN CÔNG LUẬT	1952	Nghĩa Trụ, Văn Giang	c202/BTLTTG	28-7-1972
56	NGUYỄN VĂN LÝ		Ngô Quyền, Tiên Lữ	d1/e101	5-8-1972
57	TẠ XUÂN MÃO	1939	Nguyễn Trãi, Ân Thi	e88/f308	20-8-1972
58	TRƯƠNG VĂN MÃO	1954	Tiến Tiến, Văn Lâm	c202/BTLTTG	17-7-1972
59	NINH VĂN MẪU		Chiến Thắng, Tiên Lữ	d2/e101	22-8-1972
60	TRỊNH XUÂN MINH	1952	Long Hưng, Văn Giang	e64f320	05-7-1972
61	NGUYỄN VĂN MÔN		Đình Cao, Phù Cừ	d3/e101	11-8-1972
62	PHƯƠNG VĂN MÙI		Liên Phương, Tiên Lữ	d2/e101	1-8-1972
63	NGUYỄN NGỌC MÙI	1954	Mỗ Sở, Văn Giang	c202/BTLTTG	12-9-1972
64	PHẠM VĂN MỸ	1948	Chiến Thắng, Tiên Lữ	e36/f308	30-7-1972
65	NGUYỄN VĂN NAM	1950	Trung Nghĩa, Tiên Lữ	c202/BTLTTG	10-7-1972
66	CAO VĂN NGHĨA		Hiển Nam, Kim Động	e101	8-8-1972
67	VŨ ĐỨC NGỌC		Hưng Đạo, Tiên Lữ	d1/e101	4-8-1972
68	VŨ ĐỨC NGỌC		Trung Dũng, Tiên Lữ	d1/e101	12-8-1972
69	PHẠM VĂN NGỌC		Hoàng Diệu, Mỹ Hào	c202/BTLTTG	9-7-1972
70	ĐỖ XUÂN NGŨ		Việt Hưng, Văn Lâm	d9/e18	16-9-1972
71	NGUYỄN KIM NGƯ		Đình Cao, Phù Cừ	d3/e101	24-8-1972
72	NGÔ ĐỨC NGỪNG		Liên Phương, Tiên Lữ	d1/e101	16-9-1972
73	BÙI ĐỨC NGUYỄN		Đức Thắng, Tiên Lữ	d1/e101	2-8-1972
74	PHẠM BÁ OANH		Ngô Quyền, Tiên Lữ	d1/e101	18-8-1972
75	ĐỖ ĐỒNG PHẤN	1944	Ái Quân, Tiên Lữ	e27f320b	7-9-1972
76	ĐẶNG VĂN PHIÊN		Nguyên Hoà, Phù Cừ	d3/e101	8-9-1972
77	ĐÀO DUY PHÚC		Chiến Thắng, Tiên Lữ	e101	12-8-1972
78	NGUYỄN ĐẠO PHÚC	1954	Văn Phúc, Mỹ Hào	c202/BTLTTG	12-7-1972
79	HOÀNG VĂN PHONG	1950	Nghĩa Dân, Kim Động	e64f320	05-7-1972
80	NGUYỄN ĐÌNH QUAI	1942	Tân Tiến, Văn Lâm	e36/f308	18-8-1972
81	TẠ QUANG QUY		Hồng Nam, Tiên Lữ	d2/e101	29-8-1972
82	ĐÀO SỸ QUÝ		Đình Cao, Phù Cừ	d2/e101	11-8-1972
83	BÙI VĂN SẮC	1952	Thắng Lợi, Văn Giang	d6/e165	2-8-1972
84	PHÍ NGỌC SÁU		Quang Hưng, Phù Cừ	d2/e101	31-7-1972
85	TẠ QUANG TÀI		Minh Hoàng, Phù Cừ	d3/e101	24-8-1972
86	ĐỖ HỒNG TÂN		Minh Hoàng, Phù Cừ	d3/e101	19-8-1972
87	LÊ NHẬT TÂN		Quốc Trị, Tiên Lữ	d1/e101	14-8-1972
88	ĐÀO VĂN TÁNH		Trung Kiên, Văn Lâm	d9/e18	26-8-1972
89	BÙI ĐẶNG THÀ	1950	Trường Chinh, Phù Cừ	e88/f308	20-8-1972
90	ĐẶNG ĐÌNH THẨM	1949	Đô Lương, Ân Thi	d18/f308	10-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
91	TRẦN XUÂN THẮNG		Hưng Đạo, Tiên Lữ	d1/e101	10-8-1972
92	NGUYỄN VĂN THANH		Quốc Tự, Tiên Lữ	d1/e101	4-8-1972
93	NGUYỄN HỮU THẾ		Hồng Tiến, Khoái Châu	c17/e101	5-9-1972
94	NGUYỄN XUÂN THẾ	1947	Long Hưng, Văn Giang	c11/d6/e165	2-8-1972
95	NGUYỄN VĂN THIẾT		Quảng Châu, Tiên Lữ	d2/e101	29-7-1972
96	VŨ VĂN THƠ		Minh Tân, Phù Cừ	d3/e101	25-8-1972
97	HOÀNG VĂN THỌ	1947	Liễu Khê, Khoái Châu	c299/BTL Công binh	6-9-1972
98	NGUYỄN VĂN THỪA		Tân Hưng, Tiên Lữ	d3/e101	22-8-1972
99	LÊ XUÂN THUẤN		Dân Chủ, Yên Mỹ	d24/f308	11-9-1972
100	NGUYỄN ĐỨC THUẤN		Đình Cao, Phù Cừ	d3/e101	8-9-1972
101	TRẦN NGỌC THUẤN		Hoàng Hanh, Tiên Lữ	d2/e101	31-7-1972
102	NGÔ QUANG THUẤN		Tống Trân, Phù Cừ	d2/e101	22-8-1972
103	NGUYỄN ĐỨC THUẬN		Hưng Đạo, Tiên Lữ	d1/e101	1-8-1972
104	NGUYỄN XUÂN THỦY		Quang Hưng, Phù Cừ	d2/e101	11-8-1972
105	NGUYỄN XUÂN TÍCH		Hiển Nam, Kim Động	d2/e101	8-9-1972
106	CAO XUÂN TIẾN		Tân Hưng, Tiên Lữ	d2/e101	29-7-1972
107	QUÁCH ĐỨC TÍNH		Đoàn Đào, Phù Cừ	d3/e101	18-8-1972
108	VŨ QUANG TÔ	1945	Hiệp Cường, Kim Động	c17/e209	28-8-1972
109	PHẠM ĐÌNH TRỐ	1954	Hồng Nam, Tiên Lữ	b1	03-08-1973
110	BÙI XUÂN TRƯƠNG		Thủ Sĩ, Tiên Lữ	d2/e101	9-7-1972
111	LƯƠNG VĂN TỰ	1952	Hùng An, Kim Động	e102/f308	14-7-1972
112	TRẦN MINH VIỄN		Đình Cao, Phù Cừ	d3/e101	6-8-1972
113	TRẦN VĂN VÙNG		Trà Dương, Phù Cừ	d2/e101	1-7-1972
114	HOÀNG VĂN VƯỢNG		Liên Phương, Tiên Lữ	d1/e101	18-8-1972
115	PHÍ NGỌC XIM		Quang Hưng, Phù Cừ	d2/e101	31-7-1972
116	LÊ ĐÌNH XUYỀN	1950	Tân Dân, Khoái Châu	e36/f308	4-7-1972
117	NGUYỄN ĐỨC Ý		Trung Trắc, Văn Lâm	d9/e18	26-8-1972
118	CAO XUÂN YÊN		Tân Hưng, Tiên Lữ	d1/e101	4-8-1972

KON TUM

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	ĐÌNH HUY LỤC		Đắc Cư, Đắc Tô	e101	12-8-1972

LẠNG SƠN

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	PHẠM VĂN AN	1948	Tu Đoạn, Lộc Bình	c10/d6/e24/f304	21-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
2	BẾ VĂN BỊ	1954	Tri Phương, Trảng Định	c6/d5/e24/f304	17-8-1972
3	LIỄU VĂN DỰ	1953	Hòa Bình, Văn Lãng	c6/d12/e68/f304	7-9-1972
4	NGUYỄN QUANG LẠNG	1949	Cốc trấn phố Đông Kinh	e27f320b	18-7-1972
5	NGUYỄN VĂN MÃO	1951	Pan Mên, Kỳ Lừa	e27f320b	15-8-1972
6	TRIỆU VĂN MÙI	1944	Văn An, Văn Quan	c9d6/E165	8-8-1972
7	HOÀNG ĐẶNG PHONG	1945	Văn Mộng, Văn Quan	c202/BTLTTG	17-7-1972
8	THƯỜNG TRUNG SƠN	1953	Tú Đoạn, Lộc Bình	d24f308	6-7-1972
9	HOÀNG KIM THÀNG		Hoàng Văn Thụ, Lạng Sơn	c16/e18	10-9-1972
10	HOÀNG XUÂN THẮNG	1951	Hữu Liên, Chi Lăng	c6/d12/e68/f304	7-9-1972
11	TRẦN HUY THÀNH	1945	Chi Lăng, Hữu Lũng	c299/BTL Công binh	13-7-1972
12	ĐOÀN VĂN VIỆT	1954	Quảng Cao, Cao Lộc	c10/d3/e9/f304	11-8-1972

LÀO CAI

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN VĂN AN	1951	Khu Cốc Lếu, TP. Lào Cai	c18/e165	16-9-1972
2	LƯƠNG THÀNH ĐỒNG	1952	Khanh Yên Hạ, Văn Bàn	c10/d6/e24/f304	15-9-1972
3	VŨ QUANG HÙNG	1953	Cam Đường, Bảo Thắng	c6d5/e165	13-9-1972
4	TRIỆU PHÚC HƯƠNG	1953	Nậm Tha, Văn Bàn	e24/f304	9-9-1972
5	ĐỖ VĂN LỆNH	1954	Phúc Nhuận, Bảo Thắng	c12d6/e165	11-8-1972
6	LÊ VĂN LUẬN	1952	Phố La, Bảo Thắng	c14/e165	13-9-1972
7	NGUYỄN HẠNH PHÚC	1952	Ngôn Học, Văn Bàn	e24/f304	9-9-1972
8	HOÀNG VĂN SÁNG	1945	Minh Tân, Bảo Yên	d27/f304	13-9-1972
9	HOÀNG NGỌC TĂNG	1951	Thiêng Keng, Văn Bàn	c11/d6/e24/f304	12-9-1972
10	NÔNG VĂN THÀNH	1953	Hợp Thành, Bảo Thắng	e45	22-8-1972

NAM ĐỊNH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	PHẠM VĂN BA		Xuân Thượng, Xuân Trường	d1/e101	10-8-1972
2	NGUYỄN ĐÌNH BẢNG	1940	Lộc Hạ, NT Nam Định	c12d6/e165	9-9-1972
3	TRẦN VĂN BÌNH	1952	Xuân Giao, Giao Thủy	e64f320b	12-9-1972
4	NGUYỄN THANH BÌNH		Giao Xuân, Giao Thủy	d1/e101	10-8-1972
5	PHẠM VĂN BỐN		Xuân Phong, Xuân Trường	d1/e101	23-8-1972
6	VŨ ĐỨC BÔNG	1950	Yên Hưng, Ý Yên	c1/d4/e88/f308	20-8-1972
7	TRẦN ĐĂNG CẨM	1947	Kiều Khánh, Vụ Bản	f308	28-6-1972
8	BÙI HUY CẨM	1944	Nam Ninh	c299/BTL Công binh	9-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
9	VŨ ĐÌNH CẦN	1948	Nam Đông, Nam Trực	e27f320b	01-8-1972
10	LÊ THANH CAO	1953	28, Cống Hậu	c12/e88/f308	3-8-1972
11	LÊ NGỌC CHIẾN	1952	Nam Chấn, Nam Trực	e27f320b	8-8-1972
12	PHẠM ĐỨC CHÍNH	1946	Trực Đạo, Trực Ninh	e102/f308	8-7-1972
13	ĐỖ VĂN CHU	1951	Yên Trị, Ý Yên	f320B	30-7-1972
14	NGUYỄN VĂN CHÚC	1950	Nam Dương, Nam Trực	c16/e88/f308	8-8-1972
15	DƯƠNG VĂN CHUNG	1952	Đồng Lý, Lý Nhân	f320b	30-7-1972
16	NGUYỄN HỮU CỘNG	1945	Yên Phú, Ý Yên	f320b	28-6-1972
17	TRIỆU VĂN CỰ	1952	Nam Mỹ, Nam Trực	c1/d17/f308	28-6-1972
18	ĐINH ĐỨC DÂN		Tân Khánh, Vụ Bản	d1/e101	10-8-1972
19	NGUYỄN ĐÌNH DỤ		Xuân Phú, Xuân Trường	d1/e101	28-7-1972
20	ĐỖ HỮU DUNG	1950	Yên Cường, Ý Yên	c7/d8/e102/f308	4-7-1972
21	NGUYỄN VĂN DUYỆT		Hợp Hưng, Vụ Bản	c16/e101	4-9-1972
22	PHẠM VĂN ĐẠI	1953	Bắc Sơn, Nam Ninh	E27f320B	10-8-1972
23	VƯƠNG VĂN ĐẮNG		Hải Cát, Hải Hậu	TNXP, c32	1972
24	PHẠM VĂN ĐĂNG	1952	Xu Tư, Nam Long	c11/d3/e36/f308	4-7-1972
25	NGUYỄN VĂN ĐĂNG		Xu Tư, Nam Long	c11/d3/e36/f308	1-9-1972
26	ĐỖ XUÂN ĐĂNG		Minh Thuận, Vụ Bản	PTM	14-9-1972
27	NGUYỄN CAO ĐĂNG		Xuân Phú, Xuân Trường	d1/e101	20-8-1972
28	NGUYỄN VĂN ĐÌNH		Minh Tân, Vụ Bản	d1/e101	11-8-1972
29	BÙI CÔNG ĐỊNH	1948	Xóm Nội, Trung Thành	C5d5e165	
30	NGUYỄN VĂN ĐỨC	1950	Nghĩa Tân, Nghĩa Hưng	e27f320B	02-8-1972
31	TRẦN XUÂN ĐƯỢC	1955	Ngô Xá, Nam Phong	e36/f308	1-8-1972
32	MAI VĂN GIANG		Giao Tiến, Giao Thủy	d2/e101	28-7-1972
33	VŨ ĐÌNH GIỚI	1954	Nghĩa Phú, Nghĩa Hưng	c7/d8/e102/f308	4-7-1972
34	ĐỖ VĂN HẢI		Xuân Ninh, Xuân Trường	d1/e101	4-8-1972
35	NGUYỄN THẾ HANH	1951	Nghĩa Phú, Nghĩa Hưng	c18/e102/f308	2-7-1972
36	TRẦN VĂN HIẾN		Xuân Vinh, Xuân Trường	d2/e101	31-7-1972
37	LÊ QUANG HIỆU	1950	Trực Khang, Trực Ninh	c1/d25/f308	4-7-1972
38	NGUYỄN VĂN HOA	1950	Yên Thọ, Ý Yên	c202/BTLTTG	10-7-1972
39	PHẠM VĂN HÒA	1948	208, Hoàng Văn Thụ	c11/d3/e36/f308	4-7-1972
40	PHẠM VĂN HÒA	1953	Nghĩa Tân, Nghĩa Hưng	e27f320f	5-8-1972
41	TRẦN VĂN HOÀ		Xuân Tân, Xuân Trường	c20/e101	9-8-1972
42	TRẦN XUÂN HOẠCH	1954	Yên Lộc, Ý Yên	c1/d7/e102/f308	3-7-1972
43	NGUYỄN VĂN HOÁN	1953	Trực Hùng, Hải Hậu	c202/BTLTTG	22-8-1972
44	PHẠM QUANG HỢP	1949	Nghĩa Thắng, Nghĩa Hưng	d9/e102/f308	1-8-1972
45	TRẦN VĂN HUÂN		Minh Tân, Vụ Bản	c14/e101	15-8-1972
46	VŨ HẠNH HÙNG	1954	Trung Nông, Nam Ninh	e36/f308	20-8-1972
47	BÙI THẾ HÙNG		Tây Mỹ Phúc, Ý Yên	c4/d7/e102/f308	2-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
48	NGUYỄN VĂN HÙNG	1954	Khối 48, TP. Nam Định	e64f320f	02-9-1972
49	LÊ VĂN HÙNG	1945	Tân Thành, Vụ Bản	c202/BTLTTG	22-8-1972
50	TRẦN NHẬT HÙNG		Vụ Bản, Nam Định	c20/e101	3-8-1972
51	PHẠM ĐỨC HƯỞNG	1938	Nghĩa Lạc, Nghĩa Hưng	e64f320b	29-7-1972
52	PHẠM XUÂN HUY		28 Trung Thông, Hàn Thuyên	c11/d9/e102/f308	2-7-1972
53	NGUYỄN THẾ HUY		Cộng Hòa, Vụ Bản	d2/e101	31-7-1972
54	PHẠM VĂN HUY		Hải Hậu, Nam Định	d9/e18	26-8-1972
55	TRẦN VĂN HUYỀN	1949	Yên Tự, Ý Yên	c6/d8/e102/f308	1-7-1972
56	PHẠM VĂN HUYNH		Cộng Hoà, Vụ Bản	d9/e18	13-8-1972
57	NGUYỄN QUANG KẾ		Yên Trung, Ý Yên	c20/e101	16-8-1972
58	PHẠM TIẾN KHANH		Xuân Ninh, Xuân Trường	d1/e101	29-7-1972
59	TRẦN CÔNG KHANH	1954	Lộc Hạ, TP. Nam Định	e27f320b	15-9-1972
60	TRỊNH BÁ KHÔI		Xuân Tân, Xuân Trường	d1/e101	28-7-1972
61	VŨ ĐÌNH KHÔI	1953	Vạn Diệp, Nam Giang	c8/d2/e36/f308	11-8-1972
62	BÙI VĂN KHƯƠNG	1940	Lạc Đạo, Nghĩa Hưng	c1/d7/e102/f308	3-7-1972
63	DOÃN HỮU KHUYNH		Xuân Nam, Xuân Trường	d3/e101	24-8-1972
64	ĐẶNG VĂN KÍNH		Xuân Phú, Xuân Trường	d1/e101	11-8-1972
65	NGUYỄN QUANG KINH	1940	Xuân Kiên, Xuân Trường	c11d6e165	2-8-1972
66	LƯƠNG THẾ KỶ		Hiển Khánh, Vụ Bản	c20/e101	14-8-1972
67	BÙI VĂN LỢI		Thành Lợi, Vụ Bản	d3/e101	8-9-1972
68	TRẦN QUỐC LỢI	1950	Mỹ Xá, NT. Nam Định	c9d6e165	22-7-1972
69	TRẦN VĂN LONG		Kim Thái, Vụ Bản	d3/e101	24-8-1972
70	BÙI ĐỨC LONG		Giao Hà, Giao Thủy	d3/e101	27-8-1972
71	PHẠM TRƯỜNG LONG	1953	Nam Long, Nam Trực	e27f320B	02-8-1972
72	NGUYỄN VĂN LƯU		Tân Thành, Vụ Bản	d3/e101	2-9-1972
73	PHẠM NGỌC LỰU		Yên Dương, Ý Yên	PHC	28-6-1972
74	BÙI VĂN LUYẾN	1952	Yên Đồng, Ý Yên	c18/e36/f308	9-9-1972
75	VŨ VĂN MẬT	1953	Đồng Sơn, Nam Trực	c11/d3/e141	5-9-1972
76	NGÔ ĐỨC MIẾN		Yên Lợi, Ý Yên	c36/k10	13-09-1972
77	ĐỖ QUANG MINH	1943	Yên Đồng, Ý Yên	e165	16-9-1972
78	NGUYỄN HỮU NAM	1952	217, Minh Khai, K.40, K.3	c12/d9/e102/f308	4-7-1972
79	PHẠM VĂN NAM	1954	Lộc Hòa, Nam Định	e27f320b	27-8-1972
80	ĐÀO HỒNG NĂNG	1951	Yên Phong, Ý Yên	f320B	19-7-1972
81	PHẠM XUÂN NGHỊ	1953	Yên Khánh, Ý Yên	d6/e88/f308	18-7-1972
82	TRẦN VĂN NGOẠN	1954	78 Hàng Tiễn	c20/e88/f308	1-9-1972
83	VŨ DUY NHA	1953	Nghĩa Dũng, Nghĩa Hưng	c16/e102/f308	7-7-1972
84	PHẠM VĂN NHÂN	1954	Khu phố 3, TP. Nam Định	e27f320B	14-7-1972
85	PHẠM HỒNG NHẠN	1948	Hải Hậu, Nam Định	TNXP, C32	15-07-1972
86	TRẦN CÔNG NHƯ	1954	Nam Phong, Nam Trực	e27f320b	02-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
87	NGUYỄN VĂN NHƯƠNG		Thành Lợi, Vụ Bản	d1/e101	4-8-1972
88	NGUYỄN TUẤN NINH	1953	65, Hoàng Văn Thụ	c1/d7/e102/f308	4-7-1972
89	VŨ VĂN OANH	1954	Công Lý, Lý Nhân	f320b	30-7-1972
90	PHẠM HÙNG PHI		Xuân Kiên, Xuân Trường	c20/e101	31-8-1972
91	NGUYỄN VĂN PHỒ	1954	Nghĩa Lễ, Mỹ Hà	c15/e102/f308	13-7-1972
92	NGUYỄN VĂN PHÒNG	1954	Xuân Ngọc, Xuân Trường	c202/BTLTTG	10-7-1972
93	ĐỖ XUÂN PHƯƠNG		Hải Tân, Hải Hậu	f304	28-6-1972
94	ĐẶNG VĂN QUẢN	1959	Hồng Chung, Nam Hồng	c3/d17/f308	24-7-1972
95	TRẦN TRỌNG QUÝ	1951	Lộc Hạ, TP. Nam Định	e64f320B	23-7-1972
96	HOÀNG TRỌNG QUYẾT		Giao Yến, Giao Thủy	c24/e101	31-7-1972
97	TRẦN VĂN QUYẾT	1951	Trực Định, Trực Ninh	e27f320B	4-9-1972
98	TRẦN TRỌNG QUỲNH		Tam Thanh, Vụ Bản	c16/e101	4-9-1972
99	PHẠM HỮU SÁNG	1954	7, Đ. Thái Bình, Khu 3, Khối 53	c14/e102/f308	13-7-1972
100	VŨ VĂN SĨ		Hải Long, Hải Hậu	k14	13-8-1972
101	HOÀNG CÔNG SOI		Liên Minh, Vụ Bản	d3/e101	22-8-1972
102	LẠI VĂN SƠN		Hải Long, Hải Hậu	d1/e101	22-8-1972
103	NGUYỄN CÔNG SƠN		Trực Nội, Trực Ninh	d9/e18	15-9-1972
104	BÙI DUY SUÝ		Thành Lợi, Vụ Bản	d3/e101	24-8-1972
105	PHẠM ĐÌNH TẢ		Thọ Nghiệp, Xuân Trường	c18/e101	7-8-1972
106	TRẦN XUÂN TÁM		Đại An, Vụ Bản	d2/e101	31-7-1972
107	NGUYỄN XUÂN TÂN	1950	Giao Lạc, Giao Thủy	e36/f308	28-8-1972
108	NGUYỄN GIA TẤN		Đại An, Vụ Bản	c18/e101	23-8-1972
109	TRẦN NGỌC TẶNG		Hoàng Nam, Nghĩa Hưng	d3/e101	26-7-1972
110	NGUYỄN VIỆT TẠO		Tân Thành, Vụ Bản	d3/e101	25-8-1972
111	LÂM TRỌNG THẠC	1949	Hải Phú, Hải Hậu	f320b	24-7-1972
112	NGUYỄN VĂN THẠCH	1953	Nam Hải, Nam Trực	c11/d3/e141	1-9-1972
113	NGUYỄN BÁ THÁI		Cộng Hòa, Vụ Bản	d2/e101	8-9-1972
114	PHẠM TRỌNG THÁI		Cộng Hòa, Vụ Bản	d1/e101	2-8-1972
115	LU VĂN THẮNG		Nam Trung, Nam Trực	d1/e101	01-8-1972
116	PHẠM CÔNG THAO	1953	Nam Hải, Nam Ninh	c6/d2/e36/f308	13-9-1972
117	NGUYỄN XUÂN THẢO		Minh Tân, Vụ Bản	d1/e101	4-8-1972
118	NGUYỄN LƯƠNG THIÊN		Giao Tiến, Giao Thủy	c16/e101	31-7-1972
119	TRẦN ĐÌNH THÍNH	1936	Hải Toàn, Hải Hậu	c1/d7/e102/f308	27-7-1972
120	LƯU VĂN THỊNH	1952	Nghĩa Phong, Nghĩa Hưng	d9/e102/f308	7-7-1972
121	PHẠM VĂN THU		Nam Hòa, Nam Ninh	c16/e36,f308	10-9-1972
122	ĐỖ VĂN THU	1951	Yên Trị, Ý Yên	e27f320B	30-7-1972
123	PHẠM VĂN THỤ	1946	Phước Lộc Hà, Mỹ Lộc	c5/d8/e102/f308	5-7-1972
124	DƯƠNG ĐÌNH THƯỜNG	1952	Lộc Hạ, TP. Nam Định	e27f320b	13-8-1972
125	PHẠM ĐÌNH THÚY		Nam Hải, Nam Trực	e27f320g	11-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
126	NGUYỄN VĂN THỤY	1949	Hải Trung, Hải Hậu	c3d4e165	23-8-1972
127	ĐỖ XUÂN THỦY		Giao Châu, Giao Thủy	c20/e101	26-8-1972
128	PHẠM DUY TIỀN	1953	Giao Lâm, Giao Thủy	e64f320b	28-8-1972
129	PHẠM VĂN TIẾP	1952	Mỹ Thịnh, Nam Định	e27f320b	27-7-1972
130	NGUYỄN CÔNG TÍNH	1953	Trực Nội, Trực Ninh	e27f320b	5-8-1972
131	PHẠM NGỌC TOÁN		Mình Tân, Vụ Bản	d1/e101	4-9-1972
132	VŨ XUÂN TOÀN		Xuân Phong, Xuân Trường	d9/e18	16-9-1972
133	PHẠM NGỌC TÔNG		Hồng Thuận, Giao Thủy	PTM	11-9-1972
134	NGÔ VĂN TRUNG	1953	TT Liễu Đề, Nghĩa Hưng	e27f320b	31-8-1972
135	TRẦN VĂN TRƯƠNG	1954	Kim Thái, Vụ Bản	c5/d5/e88/f308	6-7-1972
136	NGUYỄN XUÂN TÚ	1951	Xuân Châu, Xuân Trường	c202/BTLTTG	5-7-1972
137	ĐINH VIỆT TỰ	1945	Yên Sơn, Ý Yên	TNXP, c32	03-7-1972
138	VŨ QUỐC TUẤN	1959	Xuân Ngọc, Xuân Thủy	c16/e88/f308	13-7-1972
139	NGUYỄN VĂN TUẤN	1954	Thái Sơn, Nam Ninh	e27f320b	27-8-1972
140	NGÔ QUỐC TUẤN	1949	Nghĩa Hiệp, Nghĩa Hưng	e27f320b	16-7-1972
141	ĐÀO XUÂN TÚY	1949	Hải Trung, Hải Hậu	c202/BTLTTG	12-7-1972
142	NGUYỄN VĂN TUYẾN	1950	Nghĩa Hiệp, Nghĩa Hưng	e27f320b	02-8-1972
143	BÙI ĐỨC TUYẾN		Xuân Hùng, Xuân Trường	d2/e101	28-7-1972
144	TRẦN HỮU TUYẾN		Tân Khánh, Vụ Bản	c20/e101	14-8-1972
145	VŨ VĂN TUYẾN		Liên Bảo, Vụ Bản	d1/e101	12-8-1972
146	NGUYỄN ĐỨC VŨ	1951	Yên Khánh, Ý Yên	c15	6-9-1972
147	BÙI VĂN VỸ		Giao Tân, Giao Thủy	d3/e101	8-9-1972
148	TRẦN QUÝ XÔN	1952	Giao Lạc, Giao Thủy	d3/e36/f308	2-8-1972

NGHỆ AN

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN TÀI AM	1944	Thanh Văn, Thanh Chương	e27f320b	24-8-1972
2	NGUYỄN TÀI AN	1944	Thanh Chương, Nghệ An	e27f320b	27-8-1972
3	HỒ VĂN AN	1953	Nam Trung, Nam Đàn	e27f320b	8-9-1972
4	NGUYỄN PHƯƠNG BÁ	1954	Thanh Tường, Thanh Chương	e64f320b	10-9-1972
5	THÁI BÁ BẮM	1953	Viễn Thành, Yên Thành	c11/d6/e36/f308	24-8-1972
6	ĐẬU SỸ BÀN	1945	Quỳnh Di, Quỳnh Lưu	c11/d3/e36/f308	4-7-1972
7	LÊ VĂN BẰNG	1954	Nam Trung, Nam Đàn	e64f320b	12-9-1972
8	ĐẬU VĂN BÉ	1954	Nam Thanh, Nam Đàn	d7e209	11-9-1972
9	PHẠM VĂN BIÊN	1954	Hợp thành, Yên Thành	c12/d9/e102/f308	2-7-1972
10	PHẠM TẤN BIỂU	1954	Hùng Tiến, Nam Đàn	e64f320b	16-9-1972
11	NGUYỄN KHẮC BÌNH	1953	Nam Giang, Nam Đàn	e27f320b	12-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
12	NGUYỄN THÀNH BÌNH	1954	Xuân Hòa, Nam Đàn	e64f320b	10-9-1972
13	HÀ THỦY BỘ	1947	Nghĩa Hội, Nghĩa Đàn	e27f320b	5-7-1972
14	NGÔ VĂN CẤP	1953	Quỳnh Long, Quỳnh Lưu	d1/e36/f308	22-7-1972
15	NGUYỄN VĂN CẦU	1952	Nghi Trung, Nghi Lộc	c1/d18/f308	10-9-1972
16	NGUYỄN LƯU CẦU	1949	Lăng Thành, Yên Thành	e27f320b	11-8-1972
17	LÊ HỮU CHÂU	1953	Mường Nọc, Quế Phong	c11/d3/e36/f308	2-7-1972
18	ĐẶNG QUANG CHÂU	1952	Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu	c18/e36/f308	14-8-1972
19	NGUYỄN VĂN CHÂU	1953	Viên Thành, Yên Thành	d9/e102/f308	13-7-1972
20	NGUYỄN VÕ CHÂU	1948	Thanh Lương, Thanh Chương	c18/e165	22-7-1972
21	TRẦN ANH CHÂU	1954	Đình Sơn, Anh Sơn	e27f320b	23-8-1972
22	NGUYỄN TRỌNG CHÂU	1951	Hung Phú, Hưng Nguyên	e27f320b	19-8-1972
23	LÊ ĐÌNH CHIẾN	1954	Xuân Hòa, Nam Đàn	e64f320b	14-9-1972
24	NGUYỄN VĂN CHIẾN	1954	Thụy Phúc, Thái Thụy	e64f320b	22-7-1972
25	LÊ VĂN CHIẾN	1950	Châu Hội, Quỳnh Châu	e27f320b	13-7-1972
26	LÊ HUY CHIẾN	1950	Châu Hội, Quỳnh Châu	e27f320b	13-7-1972
27	LÊ VĂN CHÍNH	1954	Nghi Tùng, Nghi Lộc	e27f320b	30-8-1972
28	NGUYỄN VĂN CHUNG	1951	Quỳnh Hải, Quỳnh Lưu	d1/e36/f308	25-7-1972
29	ĐẶNG VĂN CHUNG	1947	Nam Diễn, Nam Đàn	e27f320b	16-8-1972
30	NGUYỄN ĐÌNH CHUNG	1954	Nghi Long, Nghi Lộc	e27f320b	28-8-1972
31	CAO XUÂN CƯ	1950	Diễn Thịnh, Diễn Châu	e27f320b	02-7-1972
32	THÁI NGỌC CƯ	1949	Tiến Thủy, Quỳnh Lưu	e27f320b	02-8-1972
33	PHẠM VĂN CƯỜNG	1952	Nghĩa Hội, Nghĩa Đàn	e27f320b	28-8-1972
34	TRƯƠNG ĐÌNH DẪN	1950	Hồng Sơn, Đô Lương	e27f320b	10-9-1972
35	LÊ VĂN DẬU	1952	Yên Hòa, Tương Dương	e27f320b	29-6-1972
36	PHẠM ĐÌNH DIỄN	1951	Nghi Xuân, Nghi Lộc	e27f320b	29-6-1972
37	HỒ HỮU DŨNG		Quỳnh Hồng, Quỳnh Lưu	d1/e101	25-8-1972
38	LÊ VĂN DŨNG	1953	Thanh Hưng, Thanh Chương	e27f320b	11-7-1972
39	LÊ VĂN DŨNG	1952	Phong Thịnh, Thanh Chương	e27f320b	11-7-1972
40	TRƯƠNG VĂN DƯƠNG	1953	Nghĩa Lâm, Nghĩa Đàn	e27f320b	11-7-1972
41	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	1949	Diễn Kỷ, Diễn Châu	e27f320b	11-7-1972
42	LÊ VĂN ĐẬU	1953	Yên Hòa, Tương Dương	e27f320b	29-6-1972
43	PHAN VĂN ĐỆ	1954	Nghi Lâm, Nghi Lộc	e27f320b	28-8-1972
44	NGUYỄN MẠNH ĐIỂN	1936	Thanh Văn, Thanh Chương	b5 TC	25-8-1972
45	NGUYỄN CẢNH ĐỊNH	1951	Lạc Sơn, Đô Lương	e27f320b	02-8-1972
46	HOÀNG NGỌC ĐỘ	1950	Hợp Thành, Yên Thành	c16/e102/f308	29-7-1972
47	CAO VĂN ĐỨC	1954	Cát Văn, Thanh Chương	c3d7/e209	15-9-1972
48	NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG	1954	Xuân Hòa, Nam Đàn	e64f320b	15-9-1972
49	TRỊNH VĂN GIAI	1954	Thanh Phong, Thanh Chương	c4d7/e209	4-9-1972
50	NGUYỄN QUANG GIÁP	1954	Thanh Lâm, Thanh Chương	e27f320b	23-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
51	NGUYỄN VĂN GIÁP	1954	Thanh Hương, Thanh Chương	c4d4/e165	9-9-1972
52	NGUYỄN NGÔ HÀ	1953	Đức Sơn, Anh Sơn	f320b	13-9-1972
53	TRẦN VĂN HAI	1953	Thanh Ngọc, Thanh Chương	e64f320b	28-8-1972
54	LÔ MINH HÂN	1950	Kim Hợp, Quỳnh Hợp	e27f320b	9-7-1972
55	LÊ SỸ HANH	1954	Lưu Sơn, Đô Lương	c10d9/e209	6-9-1972
56	NGUYỄN NGHĨA HÀO	1953	Diễn Minh, Diễn Châu	e27f320b	11-7-1972
57	VÕ VĂN HẢO	1950	Nghi Tiến, Nghi Lộc	e27f320b	29-6-1972
58	PHẠM QUANG HIẾN	1950	Nghi Xuân, Nghi Lộc	e27f320b	01-7-1972
59	LÊ VĂN HIẾN	1954	Đức Sơn, Anh Sơn	e27f320b	23-8-1972
60	LÊ SỸ HIẾN	1953	Cát Văn, Thanh Chương	e209	15-9-1972
61	NGUYỄN PHÙNG HIỆP	1954	Xuân Trường, Thanh Chương	e64f320b	28-8-1972
62	PHẠM QUANG HIẾU	1952	Nghi Xuân, Nghi Lộc	e27f320b	01-7-1972
63	NGUYỄN NGÔ HÒA	1953	Đức Sơn, Anh Sơn	e27f320b	13-9-1972
64	TRẦN TRỌNG HÒA	1954	Thanh Đức, Thanh Chương	e64f320	25-7-1972
65	HỒ VIỆT HOAN		Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu	d1/e101	4-8-1972
66	ĐẠU TRUNG HOÀN	1954	Minh Thành, Yên Thành	d1/e36/f308	14-9-1972
67	NGUYỄN VĂN HOÀN	1940	Quỳnh Diễn, Quỳnh Lưu	e27f320b	17-7-1972
68	TRẦN ĐÌNH HOỀ	1950	Văn Thương, Thạch Văn	c18/e36/f308	7-7-1972
69	ĐÌNH VĂN HÒE	1952	Diễn Tân, Diễn Châu	e27f320b	28-8-1972
70	BÙI BÁ HỒNG	1950	Nam Nghĩa, Nam Đàn	e27f320b	11-8-1972
71	NGUYỄN VĂN HỒNG	1948	Nghi Xuân, Nghi Lộc	e27f320b	4-7-1972
72	NGUYỄN VĂN HUẤN	1950	Cao Sơn, Anh Sơn	e27f320b	7-9-1972
73	NGUYỄN HỮU HỆ	1954	Hội Sơn, Anh Sơn	e27f320b	23-8-1972
74	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	1954	Xuân Hòa, Nam Đàn	e64f320b	10-9-1972
75	NGUYỄN DUY HÙNG	1952	Thanh Lâm, Thanh Chương	e27f320b	24-8-1972
76	NGUYỄN DUY HÙNG	1952	Thanh Hương, Thanh Chương	e27f320b	24-8-1972
77	TRẦN VĂN HÙNG	1953	Nam Nghĩa, Nam Đàn	e27f320b	15-9-1972
78	TỪ ĐỨC HÙNG	1952	Đông Hòa, NT Đông Hiếu	e64f320b	10-9-1972
79	LÊ THANH HÙNG	1948	Nghi Phúc, Nghi Lộc	e27f320b	23-8-1972
80	NGUYỄN VĂN HUỖN	1950	Cao Sơn, Anh Sơn	e27f320b	7-9-1972
81	TRẦN TRỌNG (XUÂN) KHIÊM	1948	Quỳnh Vinh, Quỳnh Lưu	e27f320b	28-7-1972
82	TRẦN NGỌC KHOẢN	1952	Quỳnh Thuận, Quỳnh Lưu	e27f320b	15-8-1972
83	LÊ TIẾN KHUYẾN	1952	Ngọc Sơn, Thanh Chương	e64f320b	28-8-1972
84	VI VĂN KHUYẾN	1952	Châu Đình, Quỳnh Hợp	e27f320b	26-8-1972
85	NGUYỄN VĂN KÝ	1950	Nghi Thuận, Nghi Lộc	e27f320b	9-7-1972
86	PHAN NGỌC LAN	1953	Hậu Thành, Yên Thành	c9/d9/e102/f308	7-7-1972
87	TRẦN VĂN LAN	1954	Thanh Hoà, Thanh Chương	c7d8/e209	7-9-1972
88	NGUYỄN ĐÌNH LÂN	1948	Nam Hồng, Nam Đàn	e27f320b	12-9-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
89	NGUYỄN ĐỨC LẬP	1954	Thanh Xương, Thanh Chương	e64f320b	28-8-1972
90	NGUYỄN VĂN LIÊM		Diễn Hồng, Diễn Châu	d1/e101	5-8-1972
91	LÊ ĐỨC LIÊM	1952	Nam Kim, Nam Đàn	d5/e165	23-8-1972
92	NGUYỄN KHẮC LIÊN	1947	Nghĩa Hợp, Tân Kỳ		6-8-1972
93	PHẠM HỒNG LIÊN	1950	Mỹ Thành, Yên Thành	e27f320b	04-7-1972
94	NGUYỄN DUY LIỆU		Diễn Tân, Diễn Châu	d9/e18	30-8-1972
95	NGUYỄN ĐÌNH LINH	1954	Thanh Thủy, Thanh Chương	e27f320b	23-8-1972
96	NGUYỄN XUÂN LINH	1950	Thanh Minh, Thanh Chương	e27f320b	02-9-1972
97	TRƯƠNG CÔNG LÍNH	1950	Nghĩa Mỹ, Nghĩa Đàn	e27f320b	29-6-1972
98	TRẦN MINH LỘC	1948	Đĩnh Sơn, Đô Lương	e27f320b	27-8-1972
99	NGUYỄN TRỌNG LONG	1953	Hung Tây, Hưng Nguyên	e27f320b	23-8-1972
100	NGUYỄN NÔNG LỌNG	1954	Lưu Sơn, Đô Lương	c18/e209	28-8-1972
101	NGUYỄN VĂN LỤC		Nam Phúc, Nam Đàn	d9/e18	28-8-1972
102	NGUYỄN VĂN LUYỆN	1951	Hung Đông, Hưng Nguyên	e27f320b	23-8-1972
103	NGUYỄN PHÙNG LÝ	1952	Xuân Trường, Thanh Chương	e27f320b	16-8-1972
104	NGUYỄN VĂN MẠC	1953	Nghĩa Xuân, Quỳnh Hợp	e27f320b	8-8-1972
105	NGUYỄN VĂN MÃO	1953	Thanh Tiên, Thanh Chương	c7d8/e209	7-9-1972
106	ĐẶNG VĂN MẠO	1954	Nam Kim, Nam Đàn	e64f320b	14-9-1972
107	NGUYỄN QUANG MINH		Nghi Diên, Nghi Lộc	c18/e101	3-8-1972
108	NGUYỄN XUÂN MINH		Nam Lâm	e84	16-7-1972
109	ĐỒNG QUỐC MỸ	1952	Quỳnh Tam, Quỳnh Lưu	c13/d14/f308	16-9-1972
110	NGUYỄN THẾ MỸ	1947	Khánh Thành, Yên Thành	e27f320b	9-8-1972
111	NGUYỄN ĐÌNH NAM	1950	Quỳnh Châu, Quỳnh Lưu	c26/d12/e58/f308	14-9-1972
112	NGUYỄN PHÙNG NAM	1954	Xuân Trường, Thanh Chương	e64f320b	24-8-1972
113	NGUYỄN ĐÌNH NAM	1954	Thanh Thủy, Thanh Chương	e27f320b	23-8-1972
114	HÀ HUY NAM	1952	Nam Liên, Nam Đàn	e27f320b	27-8-1972
115	NGUYỄN HỮU NĂM	1953	Xuân Hòa, Nam Đàn	e64f320b	12-9-1972
116	PHẠM ĐỨC NGHI	1952	Thanh Hà, Thanh Chương	e27f320b	23-8-1972
117	NGUYỄN VĂN NGHĨA	1953	Khu phố 1, TP. Vinh	C299/BTL Công binh	13-7-1972
118	NGÔ VĂN NGHIÊN	1953	Nghi Yên, Nghi Lộc	e27f320b	20-7-1972
119	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	1954	Nghi Thạch, Nghi Lộc	e27f320b	30-8-1972
120	THÁI THANH NGUYỄN	1946	Hoa Thành, Yên Thành	e27f320b	17-7-1972
121	TRẦN DUY NGUYỄN	1945	Thanh Phong, Thanh Chương	e27f320b	9-8-1972
122	PHẠM XUÂN NHÂM	1944	Hung Mỹ, Hưng Nguyên	c7d2/e141	24-8-1972
123	NGUYỄN NHƯ NHÂM	1952	Phong Thịnh, Thanh Chương	e27f320b	14-7-1972
124	NGUYỄN HỮU NHÂM	1950	Thanh Phong, Thanh Chương	e27f320b	16-9-1972
125	NGUYỄN PHÚC NHÂM	1953	Cát Văn, Thanh Chương	c6d8/e209	7-9-1972
126	PHẠM ĐỨC NHI	1952	Thanh Hà, Thanh Chương	e27f320b	23-8-1972
127	NGÔ VĂN NHIÊN	1953	Nghi Yên, Nghi Lộc	e27f320b	21-7-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
128	NGUYỄN CÔNG NIÊN		Bồi Sơn, Đô Lương	e209	5-9-1972
129	HOÀNG BÁ NIÊN	1950	Nghi Tiến, Nghi Lộc	e27f320b	29-6-1972
130	ĐẶNG NGỌC OANH	1951	Cao Sơn, Anh Sơn	c23/f308	18-7-1972
131	CAO NHƯ PHÁT	1950	Diễn Thọ, Diễn Châu	e27f320b	11-7-1972
132	LÂM VĂN PHÚC	1945	Yên Trình, Tương Dương	e27f320b	30-8-1972
133	HỒ VĨNH PHÚC	1950	Quỳnh Lâm, Quỳnh Lưu	e27f320b	7-7-1972
134	TRẦN VĂN PHÚC	1953	Diễn Thịnh, Diễn Châu	e27f320b	13-7-1972
135	HỒ MINH PHÚC	1949	Quỳnh Lâm, Quỳnh Lưu	e27f320b	6-7-1972
136	LÂM TIẾN PHÚC	1945	Yên Tĩnh, Đô Lương	e27f320b	31-8-1972
137	NGÔ VĨNH PHÚC	1950	Quỳnh Lâm, Quỳnh Lưu	f320b	7-7-1972
138	TRẦN THỌ PHƯỢNG	1950	Nghi Hương, Nghi Lộc	e27f320b	11-7-1972
139	NGÔ ĐỨC PHƯỢNG	1954	Hưng Yên, Hưng Nguyên	e27f320b	11-7-1972
140	HOÀNG XUÂN QUANG	1951	An Hoà, Quỳnh Lưu	e36/f308	15-8-1972
141	LÊ VĂN QUANG	1954	Trung Sơn, Đô Lương	c20/e209	30-8-1972
142	NGUYỄN HỮU QUANG	1954	Thanh Phong, Thanh Chương	c7d8/e209	7-9-1972
143	BÙI XUÂN QUANG	1952	Thái Lộc, Nghĩa Đàn	e27f320b	02-9-1972
144	NGUYỄN ĐỨC QUẾ	1952	Tân Sơn, Đô Lương	c20/e36/f308	7-7-1972
145	NGUYỄN VĂN QUẾ	1950	Giang Sơn, Đô Lương	e27f320b	14-7-1972
146	BÙI VĂN QUẾ	1954	Thanh Mai, Thanh Chương	e27f320b	23-8-1972
147	NGUYỄN HỮU QUẾ	1952	Xóm 2, TT. Nam Đàn	e27f320b	24-8-1972
148	VŨ XUÂN QUÝ		Thanh Tiên, Thanh Chương	f312	
149	LÔ THÁI QUÝ	1951	Ngọc Lâm, Thanh Chương	e27f320b	13-7-1972
150	NGÔ THÁI QUÝ	1951	Hữu Dương, Tương Dương	e27f320b	13-7-1972
151	NGUYỄN TRUNG QUYẾT	1954	Nghi Quang, Nghi Lộc	e27f320b	04-9-1972
152	NGUYỄN ĐÌNH RUY		Diễn Lèn, Diễn Châu	d1/e101	24-8-1972
153	NGUYỄN HỒNG SÁCH	1954	P. Nghi Tân, TX. Cửa Lò (trước là Nghi Quang, Nghi Lộc nay đổi như trên)	e27f320b	28-8-1972
154	DƯƠNG VĂN SANH	1950	Quỳnh Đội, Quỳnh Lưu???	e36/f308	7-7-1972
155	PHẠM VĂN SÁU		Nghi Kiều, Nghi Lộc	e27f320b	30-8-1972
156	CAO TRỌNG SÁU	1948	Diễn Thịnh, Diễn Châu	e27f320b	20-8-1972
157	PHẠM CÔNG SINH	1952	Trung Sơn, Đô Lương	c1/d8/f308	10-9-1972
158	PHẠM VĂN SINH	1954	Võ Liệt, Thanh Chương	e64f320b	28-8-1972
159	NGUYỄN CHÍNH SÔ (LÔ)	1953	Nghi Yên, Nghi Lộc	e27f320b	11-7-1972
160	ĐỒNG VĂN SƠN	1954	Sơn Hải, Quỳnh Lưu	c4/d1/e36/f308	14-7-1972
161	NGUYỄN HỮU SƠN		Quỳnh Tam, Quỳnh Lưu	d1/e101	15-9-1972
162	NGUYỄN THẾ SƠN	1952	Thanh Long, Thanh Chương	e27f320b	11-7-1972
163	NGUYỄN HOÀNG SONG		Nghi Trung, Nghi Lộc	d2/e101	31-7-1972
164	BÙI CÔNG SỬ	1953	Quỳnh Long, Quỳnh Lưu	c7/d2/e36/f308	20-8-1972
165	CAO VĂN SỸ	1952	Hung Thông, Hưng Nguyên	c20/e36/f308	2-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
166	NGUYỄN TRIỆU TÀI	1949	Quỳnh Long, Quỳnh Lưu	c12d6/e165	8-9-1972
167	NGUYỄN BÁ TẢO	1951	Nhân Sơn, Đô Lương	e27f320b	11-9-1972
168	HỒ VĂN TẠO		Quỳnh Hậu, Quỳnh Lưu	d3/e101	24-8-1972
169	TRẦN VĂN TẬP	1953	Linh Sơn, Anh Sơn	e27f320b	18-8-1972
170	CAO VĂN THÁI	1951	Diễn Thái, Diễn Châu	e27f320b	11-7-1972
171	THÁI KHẮC THÂM	1953	Đồng Minh, Yên Thành	c8d8/e209	6-9-1972
172	BÙI SỸ THÂN	1953	Giai Xuân, Tân Kỳ	e27f320b	02-7-1972
173	NGUYỄN VĂN THẮNG	1954	Nam Hòa, Nam Đàn	e64f320b	11-7-1972
174	TRƯƠNG VĂN THẮNG	1950	Diễn Quảng, Diễn Châu	e27f320b	20-7-1972
175	TRƯƠNG VĂN THẮNG	1953	Nghĩa Minh, Nghĩa Đàn	e27f320b	27-7-1972
176	NGÔ SỸ THẮNG	1951	Diễn Hoa, Diễn Châu	e27f320b	02-8-1972
177	TRƯƠNG VĂN THẮNG	1950	Diễn Quảng, Diễn Châu	e27f320b	17-7-1972
178	ĐINH CÔNG THẮNG	1951	Diễn Hoa, Diễn Châu	f320b	8-9-1972
179	NGUYỄN VĂN THANH	1952	Hưng Nhân, Hưng Nguyên	e27f320b	11-7-1972
180	LỤC VĂN THANH	1949	Tam Thái, Tam Dương	e27f320b	11-7-1972
181	NGUYỄN VĂN THÀNH	1953	Lý Thành, Yên Thành	c12/d9/e102/f308	28-6-1972
182	NGUYỄN THẾ THÀNH		Thanh Tường, Thanh Chương	e27f320b	9-7-1972
183	NGUYỄN THẾ THÀNH	1947	Xuân Trường, Thanh Chương	e27f320b	4-7-1972
184	NGUYỄN HỮU THÀNH	1950	Nam Xuân, Nam Đàn	e27f320b	5-8-1972
185	VÕ VĂN THẢO	1950	Nghi Hòa, Nghi Lộc	e27f320b	29-6-1972
186	LÔ VĂN THI	1951	Châu Lợi, Quỳnh Châu	e27f320b	29-8-1972
187	LÊ VĂN THÍCH	1954	Nghi Trung, Nghi Lộc	e27f320b	30-8-1972
188	PHẠM VĂN THIÊM	1945	Tăng Thành, Yên Thành	e27f320b	18-8-1972
189	TRỊNH VĂN (NGỌC) THÌN	1952	Diễn Hồng, Diễn Châu	e27f320b	27-8-1972
190	NGUYỄN HỮU THỊNH	1953	Hoa Sơn, Đô Lương	e27f320b	11-7-1972
191	LÂM XUÂN THÔNG	1944	Diễn Tiến, Diễn Châu	e27f320b	10-7-1972
192	NGUYỄN VĂN THỤ	1950	Nam Lâm, Nam Đàn	e27f320b	10-9-1972
193	NGUYỄN ĐÌNH THUNG	1954	Nghi Long, Nghi Lộc	e27f320b	28-8-1972
194	NGUYỄN TIẾN THƯỜNG		Quỳnh Mỹ, Quỳnh Lưu	c14/e101	31-7-1972
195	NGUYỄN XUÂN THUỶ	1948	Diễn Vạn, Diễn Châu	c10/d3/e36/f308	16-7-1972
196	ĐINH HỮU TÍCH		Thanh Văn, Thanh Chương	d1/e101	21-8-1972
197	TRẦN KIM TIẾN	1953	Thanh Phong, Thanh Chương	e64f320b	10-9-1972
198	ĐẶNG VĂN TIẾN	1952	Diễn Thọ, Diễn Châu	e27f320b	11-7-1972
199	DƯƠNG HỒNG TIẾN	1953	Hưng Châu, Hưng Nguyên	e27f320b	11-7-1972
200	VI VĂN (XUÂN) TÍNH	1950	Yên Thắng, Tương Dương	e27f320b	27-8-1972
201	PHẠM VĂN TÌNH	1952	Nam Anh, Nam Đàn	e27f320b	28-8-1972
202	NGUYỄN ĐH TỊNH	1954	Thanh Ngọc, Thanh Chương	e64f320b	28-8-1972
203	TRẦN MINH TOÀN	1947	Thạch Sơn, Anh Sơn	e27f320b	12-8-1972
204	PHẠM ĐỨC TOÁN	1953	Thanh Long, Thanh Chương	e27f320b	7-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
205	NGUYỄN SĨ TOÀN	1950	Diễn Lâm, Diễn Châu	e27f320b	17-7-1972
206	NGUYỄN VĂN TRỊ	1953	Quỳnh Phụng, Quỳnh Lưu	d3/e36/f308	2-8-1972
207	NGUYỄN VĂN TRỊ	1950	Diễn Lộc, Diễn Châu	e27f320b	04-7-1972
208	LÊ SỸ TRINH	1953	Hưng Thái, Hưng Nguyên	c2d7/e209	6-9-1972
209	TRẦN VĂN TRINH	1953	Diễn Thành, Diễn Châu	e27f320b	7-8-1972
210	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	1953	Quỳnh Thọ, Quỳnh Lưu	c26/e58/f308	14-7-1972
211	ĐẶNG VĂN TRUNG	1947	Nam Diên, Nam Đàn	e27f320b	9-8-1972
212	NGUYỄN ĐỨC TƯ	1954	Đức Sơn, Anh Sơn	e27f320b	16-8-1972
213	NGUYỄN THANH TÙNG	1948	Nam Xuân, Nam Đàn	e27f320b	26-8-1972
214	NGUYỄN HỮU TÙNG	1947	Nam Xuân, Nam Đàn	e27f320b	26-8-1972
215	NGUYỄN THỌ TUYẾN	1950	Đồng Thành, Yên Thành	c12/d9/e102/f308	28-6-1972
216	LÊ VĂN TỶ	1953	Bồng Khê, Con Cuông	e27f320b	27-7-1972
217	LÊ VĂN TỶ	1953	Thanh Long, Thanh Chương	e27f320b	27-7-1972
218	LƯƠNG HẢI VÂN	1954	Châu Bình, Quỳnh Châu	e27f320b	10-9-1972
219	HỒ TRUNG VÂN	1946	Quỳnh Thuận, Quỳnh Lưu	e27f320b	28-8-1972
220	ĐÀO CHÍ VIỆN	1951	Diễn Hoa, Diễn Châu	f320b	28-8-1972
221	NGUYỄN ĐÌNH VINH	1953	Quỳnh Tam, Quỳnh Lưu	c4/d12/e58/f308	7-7-1972
222	ÂU ĐỨC VINH	1952	Nghĩa An, Nghĩa Đàn	e27f320b	15-8-1972
223	ĐẶNG VĂN VINH	1948	Diễn Phú, Diễn Châu	C299/BTL Công binh	03-7-1972
224	NGÔ TRÍ VY	1949	Diễn Nguyên, Diễn Châu	e27f320b	27-8-1972
225	LÊ CÔNG XỨNG	1954	Nghi Quang, Nghi Lộc	e27f320b	28-8-1972
226	VÕ VĂN XƯƠNG	1950	Nghi Mỹ, Nghi Lộc	e27f320b	27-7-1972
227	NGUYỄN VĂN YẾN	1941	Đồng Thành, Yên Thành	e27f320b	13-7-1972

NINH BÌNH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	TRẦN VĂN BẰNG	1952	Đồng Hương, Kim Sơn	c25/e165	25-8-1972
2	NGUYỄN CHÍ CHIẾN		Ninh Nhất, Hoa Lư	d8/e18	10-7-1972
3	HOÀNG VĂN CHU	1940	Ninh Giảng, Gia Khánh	c5/d8/f308	29-7-1972
4	ĐINH XUÂN CÚP	1945	Kỳ Phú, Nho Quan	e27f320b	13-7-1972
5	ĐINH VĂN CÚP	1945	Kỳ Phú, Nho Quan	e27f320b	8-8-1972
6	ĐINH VĂN ĐÀI	1953	Yên Bình, Yên Mô	c25/e165	29-7-1972
7	PHẠM VĂN HẢI		Gia Lâm, Nho Quan	c18/e18	16-7-1972
8	NGUYỄN THANH HOÀ	1948	Yên Ninh, Yên Khánh	c25/e209	22-8-1972
9	PHẠM VĂN HÙNG	1954	Khánh Hòa, Yên Khánh	c1/d10/e58/f308	18-7-1972
10	NGUYỄN XUÂN HÙNG		Phát Diệm, Kim Sơn	d1/e101	24-8-1972
11	PHẠM VĂN HÙNG	1954	Ninh Phong, Hoa Lư	c7d2/e141	24-8-1972
12	ĐẶNG VĂN HÙNG	1952	Ninh Thắng, Hoa Lư	d2/e141	5-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
13	NGUYỄN VĂN HƯỚNG	1954	Ninh Sơn, Gia Khánh	e27f320b	26-7-1972
14	DƯƠNG VĂN LỢI	1952	Trường Yên, Hoa Lư	c7d2/e141	24-8-1972
15	ĐINH NGỌC LONG	1950	Gia Lâm, Gia Viễn	f320b	29-6-1972
16	HOÀNG VĂN MAI	1953	Yên Mạc, Yên Mô	c7d2/e141	24-8-1972
17	TRẦN XUÂN MAI	1946	Gia Thắng, Gia Viễn	e64f320b	31-7-1972
18	NGUYỄN VĂN MAO	1949	Khánh Thượng, Yên Mô	d10/e58/f308	15-8-1972
19	PHẠM HỮU NGHỊ	1953	Yên Lâm, Yên Mô	c4d4/e165	22-7-1972
20	NGUYỄN VĂN NGỌI	1952	Gia Thịnh, Gia Viễn	c11/d6/f308	25-7-1972
21	NGUYỄN VĂN PHẬN	1940	Văn Phương, Nho Quan	c6d2/e141	5-9-1972
22	LÊ VĂN PHÙNG	1952	Ninh Thắng, Hoa Lư	c6d8/e209	7-9-1972
23	NGUYỄN VĂN PHỤNG	1950	Yên Lộc, Kim Sơn	c5/d8/f308	4-7-1972
24	BÙI VĂN QUANG	1952	Yên Hòa, Yên Mô	d10/e58/f308	17-7-1972
25	TRƯƠNG ĐỨC QUANG	1951	Yên Lạc, Yên Khánh	c6d8/e209	7-9-1972
26	ĐẶNG VĂN QUANG	1949	Ninh Thành, Hoa Lư	e165	8-9-1972
27	CAO VĂN RUỘNG	1954	Ninh Khang, Gia Khánh	c10d6/e165	25-7-1972
28	LÊ HỒNG SƠN	1950	Lưu Phương, Kim Sơn	c6d5e165	12-8-1972
29	ĐẶNG THANH SINH	1950	Liên Sơn, Gia Viễn	c1d4/e165	24-8-1972
30	LÊ VĂN TẠO	1953	Ninh Thành, Gia Khánh	c7d2/e141	24-8-1972
31	ĐIỀN VĂN TẬP	1952	Minh Phúc, Yên Khánh	c2d17/f312	5-9-1972
32	VŨ XUÂN THẮNG		Ninh Phúc, Hoa Lư	d9/e18	26-8-1972
33	PHẠM QUANG THANH	1952	Cồn Thoi, Kim Sơn	c7d5/e165	20-8-1972
34	NGUYỄN VĂN THANH	1946	Vĩnh Hòa, Gia Khánh	e27f320b	13-7-1972
35	ĐINH VĂN THẢO	1952	Thượng Kiệm, Kim Sơn	c16/e209	7-9-1972
36	BÙI VĂN THIÊN	1954	Ninh Khang, Hoa Lư	c6d2/e141	28-8-1972
37	PHẠM VĂN THỊNH	1947	Thượng Kiệm, Kim Sơn	c1d4/e165	21-8-1972
38	LÊ BÁ THỨC	1952	Kim Hải, Kim Sơn	c15d3/e141	6-9-1972
39	NGUYỄN CÔNG THỨC	1945	Đức Long, Nho Quan	e27f320b	15-8-1972
40	ĐỖ HỒNG THUYỀN	1953	Ninh Phúc, Hoa Lư	c10d6/e165	25-7-1972
41	LAI VĂN TIỆP	1952	Yên Phong, Yên Mô	c1/d10/e58/f308	29-7-1972
42	LÊ HUY TỈNH		Yên Thắng, Yên Mô	d9/e18	26-8-1972
43	LƯƠNG VĂN TỐ	1952	Phú Lộc, Nho Quan	f320b	12-7-1972
44	PHẠM ĐỨC TRINH	1948	Khánh Ninh, Yên Khánh	c25/e88/f308	8-8-1972
45	NGÔ QUANG TRUNG	1953	Yên Nhân, Yên Mô	e165	19-8-1972
46	NGUYỄN NGỌC TÚ	1953	Yên Thịnh, Yên Mô	d4/e165	22-7-1972
47	MAI ĐÌNH TUYẾN	1949	Yên Phong, Yên Mô	d10/e58/f308	4-7-1972
48	NGUYỄN VĂN ỨNG	1953	Văn Phú, Nho Quan	d5/f308	26-7-1972
49	NGUYỄN VĂN VÂN	1954	Ninh Vân, Hoa Lư	TM, e209	28-8-1972
50	ĐINH VĂN VỞ	1949	Thanh Lạc, Nho Quan	c10d9/e209	6-9-1972
51	NGUYỄN CÔNG XƯỚNG	1952	Gia Hòa, Gia Viễn	f320b	24-7-1972

PHÚ THỌ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN KHẮC ANH	1947	Trương Xá, Cẩm Khê	c17/e165	12-8-1972
2	TRẦN XUÂN BAO	1950	Xuân Đài, Thanh Sơn	e27f320b	5-8-1972
3	TRẦN HỮU BẢO	1950	Xuân Đài, Thanh Sơn	e27f320b	5-8-1972
4	NGUYỄN VĂN BẢO	1948	Vũ Ёn, Thanh Ba	c23/f308	26-7-1972
5	NGÔ VĂN BIỂN	1952	Hà Thanh, Lâm Thao	d27/f304	28-8-1972
6	NGÔ XUÂN BÌNH	1954	Bạch Hạc, Việt Trì	e27f320b	11-8-1972
7	ĐẶNG XUÂN BÌNH	1949	Bản Nguyên, Lâm Thao	c9d6/e165	
8	NGÔ VĂN BÌNH	1954	Bạch Hạc, Việt Trì	e27f320b	11-8-1972
9	HOÀNG VĂN CA	1943	Yên Dưỡng, Sông Thao	c18/e36/f308	2-7-1972
10	HOÀNG VĂN CAM	1950	An Đạo, Phù Ninh	c25/e88/f308	8-8-1972
11	LƯU CĂN	1950	Gia Thanh, Phù Ninh	d19/f308	20-7-1972
12	TRẦN VĂN CHÂU	1952	Hương Lãng, Cẩm Khê	c11d6/e165	7-9-1972
13	LÊ HUY CHÍ	1952	Vĩnh Lại, Lâm Thao	d18/f312	10-9-1972
14	PHÙNG VĂN CHỈ	1953	Đội 3 Minh Hạc, Hạ Hòa	c20/e209	30-8-1972
15	NGUYỄN ĐỨC CHIẾN	1952	Chí Đảm, Đoan Hùng	d7/e209	3-9-1972
16	NGUYỄN THÀNH CÔNG	1951	Văn Lang, Hạ Hòa	d5/e88/f308	17-7-1972
17	PHẠM VĂN CƯỜNG	1954	Vĩnh Lại, Lâm Thao	e27f320b	26-8-1972
18	ĐOÀN VĂN DIỄN	1937	Hương Xạ, Hạ Hòa	e36/f308	9-9-1972
19	LÊ VĂN DỮ	1941	Thủy Văn, Lâm Thao	c9/d6/e88/f308	4-8-1972
20	TRẦN TIẾN DŨNG	1950	Lương Sơn, Yên Lập	c16/e36/f308	14-8-1972
21	TRIỆU QUANG ĐÁN	1945	Khải Xuân, Thanh Ba	c1d7/e209	4-9-1972
22	ĐINH CÔNG ĐẠT	1950	Minh Hòa, Yên Lập	c12/d3/e36/f308	30-7-1972
23	HÀ XUÂN ĐÌNH	1950	Phú Khê, Sông Thao	c13/d14/e58/f308	20-7-1972
24	HÀ THANH ĐỨC	1946	Tân Sơn, Thanh Sơn	e27f320b	8-7-1972
25	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	1940	Tiên Lương, Sông Thao	c17/e36/f308	2-7-1972
26	LÃ THÁI GIẢNG	1950	Đồng Luân, Thanh Thủy	d1/e36/f308	2-8-1972
27	PHẠM VĂN HÀ	1952	Phong Châu, TP Việt Trì	c6/d12/e68/f304	7-9-1972
28	NGUYỄN XUÂN HÁN	1954	Đậu Dương, Tam Nông	c6/d5/e24/f304	8-9-1972
29	TẠ VĂN HIỂN	1952	Hương Nộn, Tam Nông	c2/d7/e66/f304	5-9-1972
30	LÊ VĂN HỌA	1954	Hiển Quang, Tam Nông	c1/d4/e24/f304	17-7-1972
31	LÊ VĂN HOÀNH	1953	Quất Thượng, Việt Trì	e27f320b	23-8-1972
32	TRẦN XUÂN HỒNG	1949	Đỗ Xuyên, Thanh Ba	c3/d4/e24/f304	16-8-1972
33	NGUYỄN THẾ HÙNG	1952	Minh Lạc, Hạ Hòa	c6d8/e209	7-9-1972
34	PHẠM VĂN KHẮM	1937	An Đạo, Phù Ninh	c12/d3/e36/f308	4-7-1972
35	VŨ XUÂN KHANG	1954	Minh Nông, Việt Trì	e27f320b	6-8-1972
36	NGUYỄN TRONG KHANH	1950	Bảo Thanh, Phù Ninh	c25/e88/f308	8-9-1972
37	NGUYỄN VĂN KIÊM	1952	Hà Lương, Hạ Hòa	c5/d8/e66/f304	9-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
38	PHÙNG QUANG LAM	1944	An Đạo, Phù Ninh	c14/e102/f308	12-7-1972
39	TRẦN ĐÌNH LÂM		Động Lâm, Hạ Hòa	c5/d2/e36/f308	8-9-1972
40	HOÀNG VĂN LƯ	1936	Phúc Lộc, Cẩm Khê	d27/f304	28-8-1972
41	NGUYỄN HUY LIỄU	1939	Yên Kỳ, Hạ Hòa	c18/e36/f308	8-8-1972
42	ĐÀO XUÂN MĂNG	1943	Thượng Nông, Tam Nông	F312	17-7-1972
43	BÙI QUỐC MẬT	1952	Hiền Quang, Tam Nông	c2/d7/e66/f304	12-9-1972
44	BÙI VĂN MINH	1954	Tứ Xá, Lâm Thao	e27f320b	6-8-1972
45	HÀ ĐÌNH NGẠN	1952	Tân Sơn, Thanh Sơn	d27/f304	28-8-1972
46	TRẦN HỮU NHIỆM	1954	Vĩnh Lại, Lâm Thao	c3d4/e165	24-8-1972
47	HOÀNG VĂN NHUNG	1948	Đồng Thịnh, Yên Lập	c17/e36/f308	8-8-1972
48	PHAN VĂN PHẨM	1952	Tam Sơn, Cẩm Khê	d246/f304	28-8-1972
49	NGUYỄN NGỌC PHAN	1950	Sơn Dương, Lâm Thao	c3/d7/e102/f308	4-7-1972
50	NGUYỄN HỮU QUÂN	1947	Kim Đa, Cẩm Khê	c3/d4/e24/f304	28-6-1972
51	NGUYỄN VĂN QUANG	1949	Phượng Trung, Đoan Hùng	c1/d27/f308	14-8-1972
52	TRẦN VĂN QUYỀN	1950	Ấm Thượng, Hạ Hòa	d27/f304	13-9-1972
53	NGUYỄN TIẾN SĨ	1952	Văn Lang, TP. Việt Trì	e27f320b	13-9-1972
54	PHÙNG VĂN SINH	1952	Văn Bàn, Cẩm Khê	c1/d7/e66/f304	12-8-1972
55	NGUYỄN VĂN SINH	1948	Phượng Vỹ, Cẩm Khê	c3/d7/e66/f304	28-8-1972
56	HÀ THANH SƠN	1947	Kiệt Sơn, Thanh Sơn	e27f320b	14-7-1972
57	HOÀNG VĂN SƠN	1953	Cát Trù, Cẩm Khê	e24/f304	9-9-1972
58	NGUYỄN VĂN SƠN	1944	Yên Đồng, Yên Lạc	e36/f308	2-8-1972
59	NGUYỄN VĂN SỬU	1949	Sơn Tịnh, Sông Thao	c20/e36/f308	3-8-1972
60	HOÀNG MINH TÂM	1947	Văn Khúc, Sông Thao	c15/e102/f308	8-7-1972
61	TRẦN TRUNG TẤN	1953	Hà Thanh, Lâm Thao	C299/BTL Công binh	30-7-1972
62	NGUYỄN VĂN TẠO	1946	Vĩnh Lại, Lâm Thao	c11d9/e209	
63	NGUYỄN MẠNH THẠC	1941	Tây Cốc, Đoan Hùng	c18/e36/f308	13-9-1972
64	NGUYỄN VĂN THẠC	1952	Lạng Sơn, Hạ Hòa	c6/d8/e66/f304	17-7-1972
65	HÀ NGỌC THẠCH	1953	Văn Miếu, Thanh Sơn	e24/f304	9-9-1972
66	TẠ VĂN THÂN	1954	Sơn Vi, Lâm Thao	e27f320b	02-9-1972
67	PHẠM TIẾN THẮNG	1952	Tam Cường, Tam Nông	d5/e24/f304	20-7-1972
68	NGUYỄN TẤT THÀNH	1950	Tứ Xá, Lâm Thao	e27f320b	25-8-1972
69	NGUYỄN VĂN THÀNH	1952	Văn Lương, Tam Nông	c9/d9/e66/f304	8-9-1972
70	BÙI QUANG THIỆP	1937	Vĩnh Cương, Cẩm Khê	c25/e165	25-8-1972
71	NGUYỄN HỮU THỌ	1950	Thuần Cương, Sông Lô	e165	16-9-1972
72	NGUYỄN XUÂN THU	1952	Đông Thành, Sông Lô	e bộ e165	12-8-1972
73	HOÀNG HỮU THUẬT	1954	Quang Phúc, Tam Nông	c9/e24/f304	6-9-1972
74	ĐẶNG VĂN TIỀN	1952	Cao Dụ, TX. Phú Thọ	d27/f304	28-8-1972
75	NGUYỄN VĂN TIẾN	1947	Phượng Lĩnh, Thanh Ba	c25/e36/f308	13-9-1972
76	LƯU BÁ TIẾN	1942	TP. Việt Trì	c9/d3/e9/f304	7-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
77	NGUYỄN TRỌNG TÍNH		Bản Nguyên, Lâm Thao	d27/f304	28-8-1972
78	NGUYỄN VĂN TOÁN	1948	Thanh Đình, Lâm Thao	f308	5-8-1972
79	ĐỖ VINH TOÀN	1948	Nhà máy Mi chính Việt Trì	c1d7/e209	4-9-1972
80	ĐÀO VĂN TOÀN	1950	Minh Nông, Việt Trì	e27f320b	6-8-1972
81	ĐOÀN VĂN TOÀN	1954	Minh Nông, Việt Trì	e27f320b	6-8-1972
82	NGUYỄN TRỌNG TOẢN	1954	Vĩnh Lại, Lâm Thao	e27f320b	26-8-1972
83	PHAN ĐÌNH TÔNG	1954	Đồng Thi, Yên Lập	c10/d6/e24/f304	30-8-1972
84	TRIỆU KHẮC TRUNG	1954	Tam Cường, Tam Nông	c2/d7/e66/f304	12-9-1972
85	NGUYỄN QUANG TRUNG	1952	Mạn Lạm, Thanh Ba	c20/e209	30-8-1972
86	ĐINH VĂN TỰA	1949	Tĩnh Nhuệ, Thanh Sơn	e27f320b	14-7-1972
87	PHẠM VĂN TƯỜNG	1954	Vĩnh Thịnh, Lâm Thao	e27f320b	26-8-1972
88	NGUYỄN TRỌNG VĂN	1953	Minh Phương, TP. Việt Trì	e27f320b	23-8-1972
89	PHẠM VĂN XUYỀN	1953	Hương Nộn, Tam Nông	c2/d7/e66/f304	12-9-1972
90	NGUYỄN HÙNG VỸ	1948	Sơn Dương, Lâm Thao	d24/f308	23-8-1972

QUẢNG BÌNH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	LÊ CHIẾU BIỆN	1948	Hạ Trạch, Bố Trạch	d7 e271	5-7-1972
2	NGÔ VĂN CẨM		Ngư Thủy, Lệ Thủy	d2/101	16-9-1972
3	PHẠM QUANG CHỮ	1949	Quảng Trung, Quảng Trạch	d7 e271	9-7-1972
4	TRẦN VĂN DŨNG	1952	Bảo Ninh, Đồng Hới	e27f320b	10-7-1972
5	DƯƠNG HẢI ĐĂNG	1949	Quảng Hưng, Quảng Trạch	d7 e271	12-7-1972
6	TRẦN QUANG ĐĂNG		Hàm Ninh, Quảng Ninh	d1/e101	14-8-1972
7	LÊ ĐÌNH ĐƯỢC	1944	Liên Thủy, Lệ Thủy	d7 e271	5-8-1972
8	NGÔ MINH HOA	1947	Ngư Thủy Bắc, Lệ Thủy	d7 e271	15-8-1972
9	BÙI VĂN HÓA	1952	Quảng Hưng, Quảng Trạch	4/d7/e102/f308	2-7-1972
10	MAI XUÂN HÒA	1953	Quảng Văn, Quảng Trạch	e27f320b	02-7-1972
11	LÊ THỊ HOÀI	1945	Lộc Thủy, Lệ Thủy	c1 d3 MTB5	20-07-1972
12	HỒ XUÂN HUNG	1949	Mỹ Trạch, Bố Trạch	d7 e271	03-7-1972
13	NGÔ TỰ LẬP	1950	Cánh Dương, Quảng Trạch	c11/d3/e36/f308	10-8-1972
14	PHẠM THANH MẬT	1949	Phú Trạch, Bố Trạch	d7 e271	10-7-1972
15	HOÀNG VĂN MINH	1952	Xuân Ninh, Quảng Ninh	c1 d3 MTB5	20-07-1972
16	NGUYỄN KỶ SƠN		Xuân Thủy, Lệ Thủy	d3/e101	25-8-1972
17	PHẠM MINH THÀNH	1952	Thu Trường, Quảng Trường	c9d9/e102/f308	2-7-1972
18	CAO ĐỨC THỌ		Hoa Sơn, Minh Hoá	d1/e101	16-9-1972
19	ĐINH XUÂN THƯỜNG	1947	Hòa Phúc, Minh Hóa	e27f320b	5-7-1972
20	NGUYỄN PHÚ TIẾT	1948	Phú Thủy, Lệ Thủy	d7 e271	10-8-1972
21	NGUYỄN VĂN TOẠI		Vĩnh Ninh, Quảng Ninh	d1/e18	25-8-1972

HUYỆN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
22	TỪ ĐÌNH TOÀN	1953	Quảng Kim, Quảng Trạch	d7/e102/f308	10-7-1972
23	NGÔ XUÂN TƯỜNG	1950	Liên Thủy, Lệ Thủy	d7 e271	10-8-1972
24	VÕ VĂN TUYẾN	1949	Quảng Xuân, Quảng Trạch	d7 e271	12-7-1972
25	BÙI VĂN VỂ	1950	Quảng Hưng, Quảng Trạch	c10d6/e165	2-8-1972
26	PHAN VĂN VIỄN	1952	Tân Ninh, Quảng Ninh	c1 d3 MTB5	20-07-1972
27	NGUYỄN NGỌC XUÂN		Lộc Ninh, Quảng Ninh	d2/e101	29-7-1972
28	MAI PHÚC YẾN	1950	Quảng Sơn, Quảng Trạch	c26/e58/f308	28-8-1972

QUẢNG NAM

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	1946	Điện An, Điện Bàn	f312	6-9-1972

QUẢNG NGÃI

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN PHÚ CHỊU	1934	Bình Chương, Bình Sơn	f320b	12-7-1972
2	NGUYỄN VĂN THUYẾT	1952	Hành Dũng, Nghĩa Hành	c299/BTL Công binh	19-7-1972

QUẢNG NINH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	HOÀNG MINH BÁCH	1953	Xuân Ninh, Móng Cái	c202/BTLTTG	4-7-1972
2	TRIỆU TIẾN BÁO	1946	Thanh Hà, Cẩm Phả	c2/d19/f308	9-7-1972
3	LÊ QUANG CHIỂU	1950	Cẩm La, Yên Hưng	e27f320b	9-9-1972
4	NGUYỄN TRUNG CHÍNH	1952	Bình Dương, Đông Triều	c11d3/e141	5-9-1972
5	NGUYỄN VĂN CỰ	1952	Khu 12, Cửa Ông	e27f320b	10-9-1972
6	TẠ VĂN CÚN	1942	Bình Dân, Cẩm Phả	c16/e88/f308	27-8-1972
7	BÙI TRỌNG CƯỜNG	1954	Hiệp Hòa, Yên Hưng	e27f320b	30-8-1972
8	MAI NHƯ CƯỜNG	1954	SN 94 Nhà thờ Hòn Gai	e27f320b	7-9-1972
9	PHÙNG NGỌC CƯỜNG	1952	Hà Lầm, Hòn Gai	f320b	12-9-1972
10	NGUYỄN NGỌC DẦN	1949	Xuân Lam, Móng Cái	c7d2/e141	24-8-1972
11	NGUYỄN ĐỨC DỊ	1949	Phong Hải, Yên Hưng	e27f320b	30-8-1972
12	HOÀNG MINH DỤC	1950	Xí nghiệp vôi đá Cẩm Phả	c1d1/e141	8-9-1972
13	NGUYỄN HỒNG DỨNG	1945	Hiệp Hòa, Yên Hưng	e27f320b	30-8-1972
14	HOÀNG VĂN DƯƠNG	1952	Hà Lầm, Hòn Gai	e27f320b	28-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
15	PHẠM NGỌC ĐẤU	1952	TT. Móng Cái	e27f320b	02-8-1972
16	NGUYỄN QUY HANH	1953	Hiệp Hòa, Yên Hưng	e27f320b	30-8-1972
17	TRẦN PHAN HẠP	1952	Cẩm Bình, Cẩm Phả	e27f320b	28-8-1972
18	BÙI VĂN HOA	1947	Thủy An, Đông Triều	c25/e88/f308	8-8-1972
19	VŨ ĐỨC HÒA	1953	Hiệp Hòa, Yên Hưng	e27f320b	30-8-1972
20	TRẦN PHAN HỢP	1952	Cẩm Bình, Cẩm Phả	e27f320b	28-8-1972
21	PHẠM TIẾN HÙNG	1949	Núi Bào, Hà Tu, Hồng Gai	d3/E141	4-9-1972
22	NGUYỄN CÁT HUYNH	1950	Hưng Đạo, Đông Triều	c6d2/e141	5-9-1972
23	LÂM VĂN KHÚT	1951	Bình Dương, Đông Triều	c9/d6/f308	15-7-1972
24	NGUYỄN NGỌC LAN	1952	Văn Châu, Cẩm Phả	c202/BTLTTG	04-7-1972
25	TẠ VĂN LONG	1947	Bình Dân, Cẩm Phả	c9d3/e141	9-9-1972
26	PHẠM VĂN LONG	1951	Hà Lầm, Hòn Gai	e27f320b	31-8-1972
27	NGUYỄN VĂN LŨNG	1939	Thị trấn Cửa Ông	c16/e88/f308	25-8-1972
28	PHÙNG SƯU LƯƠNG	1948	Thị trấn Đầm Hà	c6/d6/f308	4-7-1972
29	ĐINH VĂN LƯỢNG	1953	Hiệp Hòa, Yên Hưng	e27f320b	30-8-1972
30	NGÔ VĂN LƯU	1951	Bãi Xá, Yên Hưng	e27f320b	10-9-1972
31	NGÔ VĂN LƯU	1945	Đông Mai, Yên Hưng	e27f320b	10-9-1972
32	NGUYỄN VĂN LUYỆN	1950	Khu Lao động, TX. Uông Bí	c10/d9/e66/f304	17-8-1972
33	NGUYỄN VĂN LÝ	1947	Đại Bình, Đầm Hà	c1d1/e141	8-9-1972
34	HOÀNG VĂN MÃO	1952	Tổ 18 Cao Thắng, Hồng Gai	c11d3e	5-9-1972
35	LỖ VÀ MU	1948	Mã Tế Nùng, Quảng Hà	c202/BTLTTG	02-7-1972
36	VŨ VIẾT NGÀ	1945	Đông Mai, Yên Hưng	e27f320b	10-9-1972
37	ĐỖ VĂN NGÁ	1954	Liên Vị, Yên Hưng	e27f320b	30-8-1972
38	LÝ KIẾN NGHIỆP	1953	Cao Xanh, Hòn Gai	e27f320b	28-8-1972
39	PHẠM MINH NGHĨA	1953	Cẩm Bình, Cẩm Phả	e27f320b	28-8-1972
40	DƯƠNG VĂN NHẢ	1953	Cẩm La, Yên Hưng	e27f320b	4-9-1972
41	HÀ QUANG PHÁT	1953	Phong Cốc, Yên Hưng	e27f320b	14-9-1972
42	ĐINH VĂN PHÚ	1954	Hiệp Hòa, Yên Hưng	e27f320b	10-9-1972
43	LÊ NGỌC PHƯƠNG	1954	Tam Hợp, Cẩm Phả	e27f320b	9-9-1972
44	NGUYỄN NGỌC SÈNG	1948	Yên Hòa, Yên Hưng	d9/e102/f308	17-7-1972
45	GIỀNG Y SỎI	1945	Đồn Đặc, Ba Chẽ	c14/e88	7-8-1972
46	TRẦN KHÚC TĂNG	1949	Thống Nhất, Hoành Bồ	d19/f308	17-7-1972
47	ĐỖ XUÂN THANH	1949	Số 34 Bạch Đằng, Hòn Gai	c2d1/e141	10-9-1972
48	NGUYỄN QUANG THANH	1952	Hiệp Hòa, Yên Hưng	e27f320b	30-8-1972
49	NGUYỄN VĂN THẬT	1942	Hồng Thái, Đông Triều	c8/d5/f308	2-9-1972
50	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	1950	Quất Động, Móng Cái	c12d3/e141	5-9-1972
51	BÙI NGỌC THỎA	1941	Lê Lợi, Hoành Bồ	c11/d14/e58/f308	2-7-1972
52	LÊ SỸ THUNG	1951	Đầm Hà, Quảng Hà	c1d4/e165	24-8-1972
53	DƯƠNG CÔNG TÍN	1952	Hưng Đào, Đông Triều	c2/d4/f308	

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
54	LÊ VĂN TÍNH	1954	Phố công nhân Cẩm Phả	e27f320B	28-8-1972
55	PHẠM NGỌC TÔ	1949	Đại Bình, Quảng Hà	c11/d6/f308	18-7-1972
56	TRẦN ĐÌNH TRỌNG	1954	Hoàng Tân, Yên Hưng	e27f320b	3-9-1972
57	NGUYỄN VĂN TỰ	1952	Khu 12, Cửa Ông	e27f320b	10-9-1972
58	HOÀNG VĂN TƯ	1953	Quảng Lợi, Đầm Hà	C299/BTL Công binh	25-8-1972
59	ĐINH XUÂN TÙNG	1950	Yên Giang, Yên Hưng	d3/e141	9-9-1972
60	TRẦN QUANG TƯỚC	1950	Yên Đức, Đông Triều	e88/f308	29-7-1972
61	PHÙNG NGỌC TƯỜNG	1952	Hà Lầm, Hòn Gai	e27f320b	12-9-1972
62	NGÔ HOÀNG TÙY		Đông Mai, Yên Hưng	e27f320b	20-8-1972
63	NGUYỄN VĂN TY	1952	Cửa Ông, Cẩm Phả	e27f320b	28-8-1972
64	NGUYỄN ĐỨC VỊ		Phong Hải, Yên Hưng	e27f320b	30-8-1972
65	TRẦN ĐÌNH VIỆT	1953	Khu 1, Hà Tu, Hòn Gai	e27f320b	28-8-1972
66	ĐINH QUANG VINH	1952	Phượng Nam, Uông Bí	c11d3/e141	5-9-1972
67	NGUYỄN VĂN VŨNG	1954	Hiệp Hòa, Yên Hưng	f320b	4-9-1972

QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN XUÂN BỎN	1948	Cẩm Phả, Gio Mỹ	K14, tỉnh đội Quảng Trị	27-7-1972
2	NGUYỄN HỮU CHÍ		Vĩnh Hoà, Vĩnh Linh	d3/e101	24-8-1972
3	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	1948	Cẩm Phả, Gio Mỹ		27-7-1972
4	HỒ HÒA	1953	Cổ Thành, Triệu Thành	CSDK	1972
5	HỒ HOẶC	1936	Trà Liên Tây, Triệu Giang	XĐT	15-07-1972
6	TRỊNH ĐÌNH HUẾ	1953	Trà Liên Tây, Triệu Giang	ĐVĐK	13-07-1972
7	LÊ VIỆT LƯỢNG	1930	Cam Lộ, Quảng Trị	BCT Tỉnh	10-09-1972
8	QUỐC THỊ NHẠN	1953	Cổ Thành, Triệu Thành	CSDK	1972
9	NGUYỄN VĂN NGHI	1953	Cẩm Phả, Gio Mỹ	d14 tỉnh đội Quảng Trị	26-8-1972
10	LÊ ĐÌNH NHỎ	1950	Triệu Long, Triệu Phong	c1 d3 MTB5	20-7-1972
11	LÊ VĂN SẮT	1950	Cẩm Phả, Gio Mỹ	k14 tỉnh đội Quảng Trị	04-7-1972
12	NGUYỄN VĂN TẬP	1954	Cẩm Phả, Gio Mỹ	c1 d14 tỉnh đội Quảng Trị	02-7-1972
13	NGUYỄN THỊ THỆ	1955	Trà Liên Tây, Triệu Giang	ĐVĐK	24-7-1972
14	HỒ THỐNG	1951	Trà Liên Tây, Triệu Giang	ĐVĐK	27-7-1972
15	HỒ THỊ THÚY	1951	Trà Liên Tây, Triệu Giang	ĐVĐK	17-7-1972
16	HỒ VĂN TRÙNG	1948	A Ngo, Hướng Hóa	c1 HH	1972

THÁI BÌNH

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	VŨ VĂN ÁI	1954	Thụy Liên, Thái Thụy	e64f320	01-7-1972
2	NGUYỄN NGỌC AN	1950	Trần Phú, Hưng Hà	e88/f308	7-8-1972
3	NGUYỄN VĂN AN	1954	Vũ Vân, Vũ Thư	e64f320	04-7-1972
4	PHẠM CÔNG ẮN	1954	Tiền Phong, Vũ Thư	e64f320	28-6-1972
5	PHẠM NGỌC ÁNH	1954	Vũ Lăng, Tiền Hải	e64f320	27-7-1972
6	BÙI VĂN BA	1954	Đông Long, Tiền Hải	e64f320	28-6-1972
7	NGUYỄN VĂN BÁCH	1954	Nam Cao, Kiến Xương	e64f320	29-6-1972
8	TRẦN TRỌNG BÁCH	1952	Minh Tân, Hưng Hà	e27f320b	05-7-1972
9	TẠ QUÝ BÀN	1950	Nam Thành, Tiền Hải	e64f320	28-6-1972
10	ĐẶNG VĂN BÀNG	1954	Quang Minh, Kiến Xương	f320b	7-9-1972
11	ĐỖ HỮU BĂNG	1954	Thụy Hưng, Thái Thụy	f320b	26-7-1972
12	NGUYỄN DUY BẬT	1941	Đông Cơ, Tiền Hải	d4/e165	22-7-1972
13	NGUYỄN VĂN BẢY	1954	113, Minh Thành, TP. Thái Bình	e64f320	02-7-1972
14	BÙI VĂN BIÊN	1954	Nam Hải, Tiền Hải	e64f320	28-6-1972
15	PHẠM VĂN BIỂN	1953	Nam Trung, Tiền Hải	e64f320	8-7-1972
16	NGUYỄN VĂN BÌNH	1954	Trung An, Vũ Thư	e64f320	02-7-1972
17	NGUYỄN ĐÌNH BÌNH		Nguyên Xá, Đông Hưng	d7/e209	11-9-1972
18	ĐÀO TRỌNG BÌNH	1954	Tây Giang, Tiền Hải	e64f320	5-7-1972
19	VŨ THANH BÌNH	1954	Đông Hoàng, Tiền Hải	e64f320	28-6-1972
20	LÊ THÁI BÌNH	1954	Vũ Lạc, Vũ Thư	e64f320	24-7-1972
21	BÙI THANH BÌNH	1954	Phúc Thành, Vũ Thư	e64f320	29-6-1972
22	PHẠM CÔNG BÌNH	1954	Hồng Phong, Vũ Thư	e64f320	05-8-1972
23	PHẠM CÔNG BÌNH	1954	Việt Hùng, Vũ Thư	e64f320	24-7-1972
24	PHẠM THANH BÌNH	1954	Thụy Dân, Thái Thụy	e64f320	30-6-1972
25	VŨ XUÂN BÌNH	1954	Tây Tiến, Tiền Hải	e64f320	30-6-1972
26	BÙI BÌNH	1954	Tây Sơn, Tiền Hải	e64f320	22-7-1972
27	NGUYỄN VĂN BÌNH	1953	Tây Giang, Tiền Hải	e64f320	18-7-1972
28	NGÔ VĂN BÌNH	1954	Hồng Tiến, Kiến Xương	f320b	19-7-1972
29	BÙI VĂN BÓN		Tự Tân, Vũ Thư	c25/e95	11-9-1972
30	NGUYỄN VĂN BÓN	1951	Bình Nguyên, Kiến Xương	f320b	11-8-1972
31	NGUYỄN VĂN CA	1954	Minh Khai, Hưng Hà	c11d9/e209	10-9-1972
32	NGUYỄN ĐĂNG CÁN	1950	Văn Lâm, Hưng Hà	e58/f308	2-7-1972
33	PHẠM HỒNG CÁN		Thụy Xuân, Thái Thụy	d1/e101	21-8-1972
34	NGUYỄN ĐÌNH CÁN	1952	Quỳnh Hà, Quỳnh Phụ	e27f320b	27-7-1972
35	NGUYỄN VĂN CÀNH	1952	Vũ Vân, Vũ Thư	e64f320	4-7-1972
36	VŨ VĂN CÀNH	1953	Minh Hồng, Hưng Hà	e88/f308	15-8-1972
37	ĐẶNG XUÂN CÀNH	1945	Minh Hưng, Kiến Xương	e88/f308	1-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
38	VŨ GIA CÁT	1954	Nam Hồng, Tiên Hải	e64f320	29-6-1972
39	TRẦN VĂN CẦU	1951	Tam Tĩnh, Vũ Thư	e64f320	10-9-1972
40	NGUYỄN HỮU CHẤN	1954	Thụy Thanh, Thái Thụy	e64f320	31-7-1972
41	TRẦN KIM CHIÊN	1954	Thanh Tân, Kiến Xương	f320b	7-9-1972
42	TRẦN MINH CHIẾN	1948	Tân Mỹ, Hưng Hà	c7d8/e209	7-9-1972
43	LÊ ĐÌNH CHIẾN	1952	Minh Tân, Kiến Xương	c7d8/e209	14-9-1972
44	TÔ ĐÌNH CHIẾN	1954	Tây An, Tiên Hải	c2d7/e209	6-9-1972
45	PHẠM ĐÌNH CHIẾN	1954	Thái Tân, Thái Thụy	e64f320	14-7-1972
46	PHẠM VĂN CHIẾN	1954	41 Phan Chu Trinh, TP. Thái Bình	e64f320	22-7-1972
47	TRẦN TRỌNG CHIẾN	1954	Vũ Ninh, Vũ Thư	e64f320	02-7-1972
48	ĐỖ BÁ CHIẾN	1954	Vũ Nghĩa, Vũ Thư	e64f320	02-7-1972
49	NGUYỄN VĂN CHIẾN	1954	Nam Cao, Kiến Xương	e64f320	10-9-1972
50	NGUYỄN VĂN CHÍNH	1954	Lê Lợi, Kiến Xương	e64f320b	29-6-1972
51	NGUYỄN QUANG CHUẨN	1954	Thụy Dũng, Thái Thụy	f320B	13-9-1972
52	NGUYỄN VĂN CHUẨN	1951	Liên Phong, Đông Hưng	e102/f308	4-7-1972
53	VŨ TIẾN CHÚC	1954	Thái Xuyên, Thái Thụy	e64f320b	03-7-1972
54	PHẠM VĂN CHUNG		Việt Hùng, Vũ Thư	d2/e101	24-7-1972
55	LƯU KHOANG CHUNG	1954	Quỳnh Hội, Quỳnh Hội	e27f320b	11-7-1972
56	TRẦN VĂN CHUNG	1954	Hồng Tiến, Kiến Xương	f320b	26-7-1972
57	NGUYỄN HUY CHƯƠNG	1952	Thái Tân, Thái Thụy	e64f320b	03-7-1972
58	NGUYỄN VĂN CHUYÊN	1951	Trà Giang, Kiến Xương	f320b	19-7-1972
59	NGUYỄN THẾ CHUYÊN	1955	Minh Hòa, Hưng Hà	c11d6/e165	18-8-1972
60	NGUYỄN THẾ CHUYÊN	1954	Hồng Thái, Kiến Xương	f320b	26-7-1972
61	PHẠM BÁ CỐM		Thượng Hiền, Kiến Xương	f320b	15-8-1972
62	LƯƠNG THÁI CỰ	1954	Tây Tiến, Tiên Hải	e64f320	29-6-1972
63	VŨ NHẠM CƯƠNG	1954	Quỳnh Hoa, Quỳnh Phụ	d9/e209	8-9-1972
64	NGÔ VĂN CƯƠNG	1954	Bắc Hải, Tiên Hải	e64f320	29-6-1972
65	ĐẶNG VĂN CƯỜNG	1954	Vũ Hồng, Vũ Thư	e64f320	02-7-1972
66	MAI VĂN CƯU	1954	Đông Trà, Tiên Hải	e64f320	28-6-1972
67	NGUYỄN XUÂN CỬU	1952	An Cầu, Quỳnh Phụ	e27f320b	27-8-1972
68	NGUYỄN MẠNH DÂN	1954	Quang Bình, Kiến Xương	f320b	19-8-1972
69	NGUYỄN DUY DIẾN	1954	Hồng Phong, Vũ Thư	c18/e209	28-8-1972
70	HÀ VĂN DIỆU		Đồng Tiến, Quỳnh Phụ	d1/e101	4-8-1972
71	VŨ QUANG DINH	1954	Thụy Tân, Thái Thụy	f320b	11-7-1972
72	NGUYỄN QUANG DO	1954	Thụy Hà, Thái Thụy	f320b	11-7-1972
73	TÔ VĂN DOANH	1953	Thụy Lương, Thái Thụy	e64f320	30-6-1972
74	VŨ XUÂN DƯ	1948	Vũ Chính, Vũ Thư	c10d9/e209	6-9-1972
75	ĐÀO NGỌC DƯ		Đông Lâm, Tiên Hải	c16/e101	31-7-1972
76	NGUYỄN DUY DỤ	1951	Long An, Vũ Thư	e102/f308	12-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
77	HOÀNG VĂN DỰ	1951	Nam Thắng, Tiền Hải	e64f320	28-6-1972
78	BÙI VĂN DUNG	1954	Thụy Dương, Thái Thụy	e64f320	16-9-1972
79	PHẠM TIẾN DŨNG	1954	Đồng Lâm, Tiền Hải	e64f320	04-7-1972
80	VŨ ĐÌNH DƯỢC	1954	Thái Giang, Thái Thụy	f320b	03-7-1972
81	PHẠM NAM DƯƠNG		Vũ Ninh, Kiến Xương	d2/e101	24-8-1972
82	LÊ ĐÌNH DƯƠNG	1954	Thái An, Thái Thụy	e64f320	19-7-1972
83	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	1954	Vũ Tây, Kiến Xương	e64f320	28-6-1972
84	PHẠM NĂNG ĐẮC	1952	Minh Khái, Vũ Thư	e58/f308	16-7-1972
85	NGUYỄN ANH ĐÀI	1953	Tam Nông, Hưng Hà	e27f320b	21-8-1972
86	TRẦN VĂN ĐAM	1954	Nam Bình, Kiến Xương	f320b	26-7-1972
87	NGUYỄN TRỌNG ĐAN	1953	Quỳnh Châu, Quỳnh Phụ	e27f320b	29-6-1972
88	NGUYỄN VĂN ĐẢN	1954	Quỳnh Lâm, Quỳnh Phụ	e27f320b	12-7-1972
89	BÙI VIỆT ĐANG	1953	Nhất Thanh, TP. Thái Bình	e64f320	28-6-1972
90	NGUYỄN XUÂN ĐÁNG	1954	Tây An, Tiền Hải	e64f320	28-6-1972
91	PHẠM VĂN ĐĂNG	1953	Đồng Trà, Tiền Hải	e64f320	28-6-1972
92	VŨ XUÂN ĐÀO	1954	Thái Hưng, Thái Thụy	e64f320	22-7-1972
93	ĐỖ DUY ĐÀO	1947	Vũ Ninh, Vũ Tiên	e27f320b	7-9-1972
94	NGUYỄN QUANG ĐÁP	1945	Quỳnh Báu, Quỳnh Phụ	e27f320b	11-7-1972
95	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	1954	Vũ Việt, Vũ Thư	e64f320	07-7-1972
96	VŨ CÔNG ĐẤU	1953	Thái Xuyên, Thái Thụy	e64f320	15-9-1972
97	ĐÀO DUY ĐIẾP	1954	Quang Minh, Kiến Xương	f320b	19-7-1972
98	LƯU VĂN ĐÌNH	1952	Hùng Dũng, Hưng Hà	c10d9/e209	10-9-1972
99	BÙI VĂN ĐÌNH	1954	Tây Lương, Tiền Hải	e64f320	7-7-1972
100	BÙI GIA ĐÌNH	1954	Đồng Hào, Tiền Hải	e64f320	29-6-1972
101	HOÀNG VĂN ĐỊNH	1954	Tây Lương, Tiền Hải	e64f320	28-6-1972
102	ĐÀO CÔNG ĐỊNH	1951	Vũ Đông, Kiến Xương	f320b	25-7-1972
103	NGUYỄN THÀNH ĐO	1954	Nam Cao, Kiến Xương	e64f320	29-6-1972
104	NGUYỄN VĂN ĐƠN	1954	Vũ Tây, Kiến Xương	e64f320	01-7-1972
105	LÊ VĂN ĐỒNG	1954	Thụy Xuân, Thái Thụy	e64f320	17-7-1972
106	BÙI ĐÌNH ĐỨC	1954	Thái Giang, Thái Thụy	e64f320	02-7-1972
107	NGUYỄN MINH ĐỨC	1954	Thái Dương, Thái Thụy	e64f320	8-7-1972
108	ĐÀO HUY ĐƯỢC	1953	Vũ Đông, Kiến Xương	f320b	7-9-1972
109	TRẦN GIANG	1954	Đồng Trà, Tiền Hải	e64f320	7-7-1972
110	NGUYỄN VĂN GIANG	1954	Thụy Trinh, Thái Thụy	e64f320	15-8-1972
111	BÙI VIỆT GIÁO	1954	Thụy Liên, Thái Thụy	e64f320	28-7-1972
112	PHẠM VĂN HẠ		Minh Quang, Vũ Thư	d2/e101	10-9-1972
113	TẠ NGỌC HẢI	1952	Thái Đô, Thái Thụy	e88/f308	5-8-1972
114	BÙI VĂN HẢI	1953	Quang Trung, Kiến Xương	e64f320	6-7-1972
115	TÔ VĂN HẢI	1954	Thụy Lương, Thái Thụy	e64f320	31-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
116	PHẠM VĂN HÀN	1954	Tây Lương, Tiên Hải	e64f320	12-9-1972
117	NGUYỄN NHƯ HANH	1954	Thụy Trinh, Thái Thụy	e64f320	6-7-1972
118	MAI VĂN HANH	1954	Thái Thuần, Thái Thụy	e64f320b	03-7-1972
119	PHẠM VĂN HẠNH		Việt Hùng, Vũ Thư	d1/e95	18-8-1972
120	ĐẶNG VĂN HÀO		Trọng Quan, Đông Hưng	e101	31-8-1972
121	VŨ VĂN HẢO	1954	Thái Sơn, Thái Thụy	e64f320	03-7-1972
122	TRẦN HỮU HẦU		Hoàng Đức, Hưng Hà	d2/e101	1-8-1972
123	TÔ VĂN HẬU	1954	Quang Bình, Kiến Xương	f320b	12-7-1972
124	TẠ ĐỒNG HỈ	1954	Thụy Trinh, Thái Thụy	e64f320	06-7-1972
125	NGUYỄN CHÍ HIẾN		Hoàng Hoa Thám, TX Thái Bình	d7/e18	12-7-1972
126	NGUYỄN VĂN HIỆP	1950	Quang Trung, TP. Thái Bình	e64f320	02-7-1972
127	NGUYỄN VĂN HÒA	1954	Thụy Việt, Thái Thụy	e64f320	31-7-1972
128	ĐỖ CÔNG HÒA	1954	Quỳnh Hải, Quỳnh Phụ	e27f320b	13-7-1972
129	NGUYỄN ĐỨC HOÀI	1954	Thái An, Thái Thụy	e64f320	10-8-1972
130	TRẦN CÔNG HOAN	1954	Đồng Xuyên, Tiên Hải	e64f320	28-6-1972
131	HOÀNG XUÂN HOÀN	1954	Vũ Phúc, Vũ Thư	e64f320	29-6-1972
132	MAI VĂN HOÀN	1954	Thái Dương, Thái Thụy	e64f320	02-7-1972
133	NGUYỄN ĐÌNH HOÀN	1953	Thụy Sơn, Thái Thụy	e64f320b	23-7-1972
134	VŨ ĐÌNH HÒE		Vũ Đoài, Vũ Thư	d2/e84	3-7-1972
135	TRẦN QUANG HỒNG		Vũ Lăng, Tiên Hải	d3/e101	8-9-1972
136	TRẦN VĂN HỒNG	1954	Trung Chính, Vũ Thư	e64f320	02-7-1972
137	NGUYỄN MẠNH HỒNG	1952	Nam Hải, Tiên Hải	e27f320b	5-8-1972
138	LÊ NGỌC HỒNG	1953	Quang Minh, Kiến Xương	f320b	19-7-1972
139	TẠ VĂN HUÂN	1954	Thụy Trinh, Thái Thụy	e64f320	30-6-1972
140	NGÔ SỸ HÙNG	1952	Đồng Lâm, Tiên Hải	e102/f308	9-7-1972
141	LÊ QUỐC HÙNG	1954	Vũ Việt, Vũ Thư	e64f320	29-6-1972
142	NGUYỄN HỮU	1954	Đình Phùng, Kiến Xương	c202/BTLTTG	12-7-1972
143	PHẠM QUANG HUY		Quang Minh, Vũ Thư	d2/e101	11-8-1972
144	NGUYỄN VĂN HUYỀN	1954	Đồng Minh, Tiên Hải	e64f320	13-9-1972
145	NGUYỄN KIM HUYỀN	1954	Vũ Lăng, Tiên Hải	e64f320	29-7-1972
146	TRẦN VĂN HUYNH	1953	Bách Thuận, Vũ Thư	e64f320	21-7-1972
147	TRẦN VĂN KẾ	1954	Vũ Chính, Vũ Thư	e64f320	02-7-1972
148	VŨ VĂN KHA	1952	Quỳnh Lương, Quỳnh Phụ	c12d6/e165	10-9-1972
149	NGÔ VĂN KHÁ	1954	Quang Bình, Kiến Xương	f320b	19-8-1972
150	NGUYỄN VĂN KHẢ	1954	Quang Hưng, Kiến Xương	e64f320	29-7-1972
151	LÊ VĂN KHẨM	1954	Đồng Trung, Tiên Hải	e64f320b	28-8-1972
152	LÊ HỮU KHÁN	1954	Thái Đô, Thái Thụy	f320b	10-7-1972
153	PHẠM ANH KHANG	1952	Quốc Tuấn, Kiến Xương	c17/e209	28-8-1972
154	BÙI VĂN KHIẾN	1954	Đồng Trà, Tiên Hải	e64f320	28-6-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
155	NGHIÊM ĐÌNH KHOA	1951	An Đông, Hưng Hà	e58/f308	28-6-1972
156	VŨ DUY KHOA	1954	Tân Lập, Vũ Thư	e64f320	29-6-1972
157	PHẠM VĂN KHÚC	1954	Thụy Hưng, Thái Thụy	e64f320	22-7-1972
158	NGUYỄN ĐỨC KIỂM	1954	Vũ Tây, Vũ Thư	e64f320	03-7-1972
159	LÊ ĐÌNH KIẾNG	1953	Quỳnh Khôi, Quỳnh Phụ	e27f320b	23-7-1972
160	TRỊNH TIẾN KIỀU	1948	Thụy Viên, Thái Thụy	TNXP, c32	11-9-1972
161	NGUYỄN KIM	1954	Đồng Cơ, Tiền Hải	e64f320	22-7-1972
162	NGUYỄN TRỌNG KIM	1953	Tam Tĩnh, Vũ Thư	c202/BTLTTG	12-7-1972
163	NGUYỄN VĂN KỶ	1954	An Ninh, Tiền Hải	e64f320	5-7-1972
164	PHAN TRỌNG LẠI		Chương Dương, Đông Hưng	f320b	31-8-1972
165	TRẦN GIA LÂM	1954	Vũ Ninh, Vũ Thư	e64f320	02-7-1972
166	BÙI XUÂN LÂM	1954	An Ninh, Tiền Hải	e64f320	5-8-1972
167	NGUYỄN TRUNG LẮM	1954	Vũ Lạc, Kiến Xương	e64f320	5-7-1972
168	NGUYỄN XUÂN LAN	1948	Thái Tân, Thái Ninh	e27f320B	10-7-1972
169	NGUYỄN VINH LẬP	1954	Thụy Bình, Thái Thụy	e64f320	15-8-1972
170	PHẠM VĂN LẬP	1954	Vũ Lăng, Tiền Hải	e64f320	27-7-1972
171	PHÍ VĂN LẾ	1954	Thụy Liên, Thái Thụy	e64f320	02-7-1972
172	NGUYỄN DUY LIÊM	1947	An Khê, Quỳnh Phụ	d5/e165	23-8-1972
173	BÙI QUỐC LỘ		Lam Sơn, Hưng Hà	d1/e101	11-8-1972
174	ĐẶNG THẾ LOAN	1954	Vũ Lạc, Kiến Xương	f320b	19-7-1972
175	PHẠM VĂN LOAN	1954	Thái Phúc, Thái Thụy	f320b	19-7-1972
176	PHẠM VĂN LONG	1934	Vũ Thuận, Vũ Thư	f320b	12-07-1972
177	CAO VĂN LONG	1954	Thái Giang, Thái Thụy	e64f320	14-7-1972
178	PHÍ VĂN LƯ	1954	Thái Thành, Thái Thụy	e64f320	01-9-1972
179	LÊ THANH LUÂN	1954	Thụy Dũng, Thái Thụy	f320b	13-7-1972
180	TRẦN VĂN LUNG		Trần Phú, Hưng Hà	d2/e101	16-9-1972
181	PHẠM ĐỨC LƯỜNG	1954	Thái Giang, Thái Thụy	e64f320	03-7-1972
182	ĐÀO HIỀN LƯƠNG	1954	Thái Dương, Thái Thụy	e64f320	03-7-1972
183	PHẠM TIẾN LƯU	1950	Vũ Bình, Kiến Xương	c3d7/e209	22-8-1972
184	TRẦN TRỌNG LƯU	1955	Nam Hải, Tiền Hải	e64f320	29-7-1972
185	NGUYỄN THIỆN LŨY		Đình Phùng, Kiến Xương	d3/e101	8-9-1972
186	NGUYỄN VĂN LUYẾN	1954	Thụy Văn, Thái Thụy	e64f320	07-7-1972
187	BÙI VĂN LUYỆN	1946	Đồng Giang, Tiền Hải	f320b	27-8-1972
188	PHẠM XUÂN MẠC		Trần Phú, Hưng Hà	d2/e101	3-7-1972
189	NGUYỄN VĂN MẮM		Tân Việt, Hưng Hà	c1/d18	15-7-1972
190	ĐOÀN DUY MẮN	1954	Thụy Sơn, Thái Thụy	e64f320	22-7-1972
191	NGUYỄN VĂN MẠNH	1954	Đồng Trà, Tiền Hải	e64f320	07-7-1972
192	TRẦN THẾ MẠNH	1954	Đồng Lâm, Tiền Hải	e64f320	06-7-1972
193	ĐOÀN TẤT MẠNH	1933	Vũ Ninh, Vũ Thư	f320b	31-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
194	NGUYỄN VĂN MÁT	1950	Kỳ Bá, TP. Thái Bình	e64f320	26-7-1972
195	NGUYỄN BÁ MIỆN	1938	Nguyễn Xá, Đông Hưng	f320b	4-9-1972
196	ĐỖ TÂN MINH		Tự Tân, Vũ Thư	c25/e95	14-8-1972
197	PHẠM VĂN MINH	1952	Hội An, Kiến Xương	c6d8/e209	7-9-1972
198	PHẠM ĐÌNH MINH	1954	Thái Tân, Thái Thụy	e64f320b	03-7-1972
199	PHẠM VĂN MỎNG	1950	Thụy Thành, Thái Thụy	e64f320	31-7-1972
200	ĐỖ VĂN MY	1954	Thụy Sơn, Thái Thụy	e64f320	30-6-1972
201	PHẠM VĂN NAM	1954	Thái Dương, Thái Thụy	e64f320	03-7-1972
202	TÔ VĂN NAM	1953	Tây An, Tiền Hải	e64f320	5-7-1972
203	PHẠM VĂN NĂM	1950	Minh Khai, Hưng Hà	c5d5/e165	9-9-1972
204	NGUYỄN NGỌC NẮNG	1954	Đông Long, Tiền Hải	e64f320	19-7-1972
205	BÙI VĂN NGÂN	1955	Minh Tân, Hưng Hà	e88/f308	12-9-1972
206	NGUYỄN ĐỨC NGÂN		Quỳnh Mỹ, Quỳnh Phụ	d1/e101	20-8-1972
207	TRẦN VĂN NGHỊ	1951	Vũ Đông, Kiến Xương	e64f320	14-9-1972
208	NGUYỄN QUANG NGHIỆM	1953	Quỳnh Hội, Quỳnh Phụ	e27f320b	30-6-1972
209	TRẦN VĂN NGHIÊN	1954	Thái Ai, Thái Thụy	e64f320	5-8-1972
210	PHẠM ĐỨC NGOAN	1950	Bồ Xuyên, TP. Thái Bình	e64f320	5-9-1972
211	TÔ VĂN NGỮ	1953	Tây An, Tiền Hải	e64f320	5-7-1972
212	TÍNH MINH NGỮ	1952	Quỳnh Lưu, Quỳnh Phụ	e27f320B	11-7-1972
213	PHẠM ĐỨC NGỪNG	1954	Thụy Trinh, Thái Thụy	e64f320	08-7-1972
214	NGUYỄN THÀNH NÔ	1954	Quỳnh Hà, Quỳnh Phụ	e27f320B	13-7-1972
215	LÊ VĂN NHÂM	1954	Minh Hồng, Hưng Hà	e64f320	30-6-1972
216	PHẠM HIỂN NHÂN		Đông Lĩnh, Đông Hưng	e18	31-8-1972
217	HOÀNG VĂN NHO	1954	Thụy Xuân, Thái Thụy	e64f320	15-8-1972
218	PHẠM NGỌC NHUẬN		Vũ Thắng, Kiến Xương	d75/e84	29-6-1972
219	NGUYỄN TRỌNG NIÊN		Vân Trường, Tiền Hải	d1/e101	21-8-1972
220	ĐOÀN THANH OAI	1953	Vũ Lễ, Kiến Xương	f320b	01-7-1972
221	BÙI OANH	1950	Đông Hoàng, Tiền Hải	e64f320	07-7-1972
222	ĐẶNG VĂN PHÁN	1954	Đông Hoàng, Tiền Hải	e64f320	28-6-1972
223	NGUYỄN VĂN PHÁT		Hồng Lĩnh, Hưng Hà	d1/e101	24-8-1972
224	HOÀNG VĂN PHÓNG		Trần Phú, Hưng Hà	d1/e101	27-8-1972
225	LÊ ĐỨC PHÓNG	1954	Vũ Việt, Vũ Thư	e64f320	28-6-1972
226	ĐẶNG VĂN PHÒNG	1952	Thái Hoà, Hưng Hà	c10d9/e209	12-9-1972
227	ĐỖ ĐỒNG PHỤ	1954	Thụy Trinh, Thái Thụy	e64f320	25-8-1972
228	NGUYỄN VĂN PHÚC	1954	Thụy Trường, Thái Thụy	f320b	10-7-1972
229	QUẢNG ĐÌNH PHÙNG	1954	Phúc Thành, Vũ Thư	e64f320	29-6-1972
230	BÙI VĂN PHƯƠNG	1954	Tây Ninh, Tiền Hải	e64f320	28-6-1972
231	PHẠM VĂN QUÁN	1952	Phú Châu, Đông Hưng	e88/f308	9-8-1972
232	NGUYỄN VĂN QUANG	1954	Bình Minh, Kiến Xương	e64f320	24-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
233	ĐÀO ĐỨC QUẾ	1943	Tây Lương, Tiên Hải	e102/f308	5-7-1972
234	LƯU MẠNH QUÝ	1954	Thái An, Thái Thụy	e64f320	02-7-1972
235	LƯU ĐÌNH QUÝ	1954	Thái Thuần, Thái Thụy	e64f320	03-7-1972
236	NGUYỄN ĐỨC QUÝ	1954	Quỳnh Hải, Quỳnh Phụ	e27f320b	5-7-1972
237	VŨ VĂN QUYỀN	1954	Hồng Thái, Kiến Xương	f320b	26-7-1972
238	TRẦN ĐĂNG QUYẾN	1944	Song Lãng, Vũ Thư	e88/f308	7-8-1972
239	HÀ DUY QUYẾT	1954	Thái Thuần, Thái Thụy	e64f320	03-7-1972
240	NGUYỄN VĂN QUYẾT	1949	Thụy Hà, Thụy Anh	e27f320b	13-7-1972
241	NGUYỄN QUANG ROAI	1954	Thụy Sơn, Thái Thụy	e209	6-9-1972
242	LÊ VĂN RƯƠNG	1949	Thụy Dũng, Thái Thụy	f320b	14-8-1972
243	PHẠM VĂN RUYNH		An Dục, Quỳnh Phụ	d2/e101	5-8-1972
244	NGUYỄN ĐỬ RY	1954	Đông Vinh, Đông Hưng	e64f320	20-7-1972
245	PHẠM VĂN SẮC	1954	Phúc Thành, Vũ Thư	c1d7/e209	11-9-1972
246	NGUYỄN VĂN SÁN	1940	Đông Cơ, Tiên Hải	c2d4/e165	29-8-1972
247	NGUYỄN VĂN SÁNH		Thái Hà, Thái Thụy	c14/e101	29-7-1972
248	VŨ ĐỨC SÍNH	1953	Thụy Dân, Thái Thụy	c2d7e209	3-9-1972
249	TẠ VĂN SỎ	1954	Thụy Trinh, Thái Thụy	e64f320	27-8-1972
250	NGUYỄN VĂN SƠN	1954	Lê Lợi, TP. Thái Bình	e64f320	29-6-1972
251	PHẠM HỒNG SƠN	1950	Dũng Nghĩa, Vũ Thư	C299/BTL Công binh	13-7-1972
252	PHẠM CÔNG SỬ	1952	Quỳnh Xá, Quỳnh Phụ	c11d9/e209	6-9-1972
253	ĐỖ VĂN SỬ	1954	Thụy Trinh, Thái Thụy	e64f320	20-7-1972
254	NGUYỄN CÔNG SỰ	1951	Vũ Thuận, Vũ Thư	e64f320	30-6-1972
255	PHẠM VĂN SỰ	1954	Vũ Đoài, Vũ Thư	e64f320	01-7-1972
256	BÙI CÔNG SỰ	1951	Vũ Lễ, Kiến Xương	f320b	20-7-1972
257	BÙI QUANG SUẤT	1954	Đông Lộc, Đông Hưng	c1d7e209	11-9-1972
258	BÙI VĂN TÁCH	1953	Đông Long, Tiên Hải	e64f320	28-6-1972
259	ĐÀO TRƯỜNG TẠO	1952	Trà Giang, Kiến Xương	e27f320b	29-6-1972
260	ĐỖ XUÂN TẾ	1951	Tây Phong, Tiên Hải	d9/e209	6-9-1972
261	BÙI HỒNG THÁI	1950	Thái Giang, Thái Thụy	c1d1e141	4-9-1972
262	HOÀNG VĂN THÁI	1954	Nam Cao, Kiến Xương	e64f320	29-6-1972
263	VŨ NGỌC THÁI	1954	SN 59, Lê Lợi, TP. Thái Bình	e64f320	29-6-1972
264	LÊ VĂN THÁI		Vũ Lạc, Kiến Xương	f320b	15-8-1972
265	ĐỖ VĂN THÂN	1954	Thái Thịnh, Thái Thụy	e64f320	4-7-1972
266	VŨ ĐÌNH THÂN		Thái Dương, Thái Thụy	d/e101	21-8-1972
267	HOÀNG VĂN THẮNG		Hiệp Hòa, Vũ Thư	d6/e95	12-9-1972
268	NGUYỄN ĐỨC THẮNG		Trà Giang, Kiến Xương	d3/e101	28-8-1972
269	NGUYỄN HUY THẮNG	1953	Thượng Phiến, Kiến Xương	e64f320	21-7-1972
270	LÊ TẤT THẮNG	1954	Tây Sơn, Tiên Hải	e64f320	25-7-1972
271	NGUYỄN VĂN THẮNG	1954	Quỳnh Minh, Quỳnh Phụ	e27f320b	11-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
272	NGUYỄN NGỌC THANH	1952	Quỳnh Hội, Quỳnh Côi	e88/f308	12-7-1972
273	NGUYỄN VĂN THANH	1954	Vũ Công, Kiến Xương	e64f320	02-7-1972
274	NGUYỄN CHÍ THANH	1954	Đình Phùng, Kiến Xương	f320b	26-7-1972
275	NGUYỄN XUÂN THÀNH		Tam Quang, Vũ Thư	d1/e101	4-8-1972
276	NGUYỄN XUÂN THÀNH	1950	Thái Hưng, Thái Thụy	e64f320b	03-7-1972
277	VŨ VĂN THẠO	1954	Thái Hưng, Thái Thụy	e64f320	10-8-1972
278	HOÀNG MINH THÊU	1954	Tây Lương, Tiền Hải	e64f320	12-9-1972
279	TRẦN ĐÌNH THÌ	1941	Minh Hòa, Hưng Hà	e88/f308	15-8-1972
280	ĐẶNG NGỌC THIÊM	1952	Thái Thượng, Thái Thụy	c9d9/e209	6-9-1972
281	TRẦN VĂN THIỆN	1954	Thái Phúc, Vũ Thư	e64f320	02-7-1972
282	ĐÀO XUÂN THIỆN	1952	Vũ Vân, Vũ Thư	e64f320	04-7-1972
283	BÙI VĂN THIỆN		Quỳnh Lưu, Quỳnh Phụ	e27f320b	13-7-1972
284	LƯU XUÂN THIỆP	1954	Quỳnh Ngọc, Quỳnh Phụ	e27f320b	11-7-1972
285	ĐẶNG XUÂN THIỆU	1945	Vũ Trung, Kiến Xương	e88/f308	8-8-1972
286	LẠI ĐĂNG THỊNH	1953	Thanh Phú, Vũ Thư	e64f320	22-7-1972
287	PHẠM QUANG THỊNH	1954	Thái Giang, Thái Thụy	e64f320	8-7-1972
288	ĐOÀN VĂN THỊNH	1954	Lê Lợi, Kiến Xương	e64f320	28-6-1972
289	PHẠM VĂN THIU	1954	Thụy An, Thái Thụy	e64f320	22-7-1972
290	TRẦN ĐỨC THƠ	1954	Thái Thuần, Thái Thụy	e64f320	03-7-1972
291	TẠ KIM THOA		Vũ Hội, Vũ Thư	d5/e95	25-8-1972
292	NGUYỄN ĐÌNH THOAN	1954	Thụy Trinh, Thái Thụy	e64f320	26-7-1972
293	PHẠM THỜI	1953	Hồng Thái, Kiến Xương	f320b	26-7-1972
294	ĐỖ PHÓ THƠM		Đồng Hải, Quỳnh Phụ	c24/e101	31-7-1972
295	VŨ QUANG THƯ		Đông Dương, Đông Quan	d24/PHC/f320b	8-8-1972
296	TẠ DUY THUẦN	1952	Tiền Phong, Tiền Hải	c8d8/e209	3-9-1972
297	PHẠM ĐỨC THUẦN	1954	Tây Phong, Tiền Hải	e64f320	12-9-1972
298	ĐÌNH CÔNG THUẦN	1954	Thanh Phú, Vũ Thư	e64f320	23-7-1972
299	ĐOÀN QUỐC THUẦN	1954	Đông Lâm, Tiền Hải	e64f320	6-7-1972
300	NGUYỄN HUY THỰC		Thụy Xuân, Thái Thụy	e58/f308	13-7-1972
301	NGUYỄN VĂN THỰC	1947	Đông Vinh, Đông Hưng	c4d7/e209	4-9-1972
302	ĐÌNH VĂN THƯỜNG	1954	Thái Thuần, Thái Thụy	e64f320	03-7-1972
303	MAI VĂN THỦY	1954	Thái An, Thái Thụy	e64f320	6-7-1972
304	NGUYỄN VĂN THỤY	1954	Thụy Dương, Thái Thụy	e64f320	13-9-1972
305	HÀ MINH TIẾN		Đông Hợp, Đông Hưng	d1/e101	18-8-1972
306	VŨ VĂN TIẾN	1954	Vũ Việt, Vũ Thư	e64f320	28-6-1972
307	ĐÀO VĂN TIẾN	1954	Vũ Đông, Kiến Xương	f320b	25-7-1972
308	NGUYỄN VĂN TIẾN	1951	Vũ Quý, Kiến Xương	f320b	20-7-1972
309	NGUYỄN VĂN TIẾP	1953	Thụy Chính, Thái Thụy	e64f320	30-7-1972
310	NGUYỄN XUÂN TIẾP	1950	Hà Bình, Hưng Hà	e27f320b	20-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
311	ĐINH VĂN TIẾP	1954	Đồng Long, Tiên Hải	e64f320	7-7-1972
312	TRẦN VĂN TỈNH	1952	Tân Sơn, Hưng Hà	d17/f308	28-6-1972
313	NGUYỄN SỸ TỊNH	1953	Thụy Phú, Thái Thụy	e64f320	22-7-1972
314	PHẠM XUÂN TỌA		Quỳnh Xá, Quỳnh Phụ	c14/e84	28-6-1972
315	TRẦN VĂN TOÀN	1953	Đồng Trà, Tiên Hải	e64f320	28-6-1972
316	HOÀNG VĂN TOÀN	1949	Bắc Hải, Tiên Hải	e64f320	8-7-1972
317	PHẠM VĂN TOÀN	1954	Minh Tân, Kiến Xương	f320b	12-7-1972
318	TRẦN VĂN TỚI	1954	Tây Tiến, Tiên Hải	e64f320	30-6-1972
319	PHẠM VĂN TÔNG	1954	Vũ Chính, Vũ Thư	e64f320	5-7-1972
320	LÊ QUANG TRẠCH	1954	Tiền Phong, Vũ Thư	e64f320	24-7-1972
321	VŨ ĐÌNH TRIỆU	1954	Thái Sơn, Thái Thụy	f320b	01-7-1972
322	HOÀNG BÁ TRỌNG	1945	Việt Hùng, Vũ Thư	c24 k10	11-7-1972
323	NGUYỄN VĂN TRÚC	1954	Vũ Hồng, Vũ Thư	e64f320	07-7-1972
324	VŨ CÔNG TRÚC	1954	Vũ Vân, Vũ Thư	e64f320	28-6-1972
325	NGUYỄN VĂN TRUNG	1954	Thái Hà, Thái Thụy	e64f320	14-7-1972
326	BÙI MẠNH TRƯỜNG	1954	Thái Dương, Thái Thụy	e64f320	02-7-1972
327	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	1954	Đồng Lâm, Tiên Hải	e64f320	29-6-1972
328	ĐỖ ĐÌNH TƯ	1954	Bình Minh, Kiến Xương	e64f320	16-7-1972
329	BÙI HỮU TỰ		Đồng Hải, Quỳnh Phụ	e58/f308	13-7-1972
330	NGUYỄN VĂN TỰ	1954	Thụy Văn, Thái Thụy	e64f320	02-7-1972
331	ĐÀO DUY TỬ	1954	Thái Thuần, Thái Thụy	e64f320	04-7-1972
332	TRẦN NGỌC TỰ	1951	Phú Hà, Tân Mỹ, Hưng Hà	c6d8/e209	6-9-1972
333	PHẠM VĂN TUẤN	1953	Minh Hòa, Hưng Hà	c1d7/e209	11-9-1972
334	VŨ VĂN TUẤN	1954	Đồng Hoàng, Tiên Hải	e64f320	28-6-1972
335	PHẠM VĂN TUẤN	1954	Thái An, Thái Thụy	e64f320	10-8-1972
336	TRẦN ĐÌNH TUẤN	1953	Quỳnh Hưng, Quỳnh Phụ	e27f320b	5-8-1972
337	NGUYỄN VĂN TUẤN	1954	Minh Tân, Kiến Xương	f320b	28-7-1972
338	LƯƠNG NGỌC TUẤT	1948	Đoàn Kết, Kiến Xương	e88/f308	7-8-1972
339	TẠ HỮU TÚC		Thượng Hiền, Kiến Xương	d2/e101	12-8-1972
340	PHẠM HỮU TÚC	1954	Thái Thượng, Thái Thụy	e64f320	30-6-1972
341	ĐỖ NGHIÊM TÚC		An Ninh, Tiên Hải	e64f320	5-7-1972
342	VŨ KIM TUẾ	1954	Thụy Dũng, Thái Thụy	f320b	14-8-1972
343	PHẠM VĂN TUỆ	1940	Thụy Việt, Thái Thụy	e36/f308	24-8-1972
344	ĐINH THANH TÙNG	1951	Hồng Châu, Đông Hưng	e102/f308	3-7-1972
345	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	1952	Tây Sơn, Tiên Hải	e64f320	16-9-1972
346	NGUYỄN HỮU TUYẾN		Hồng Lĩnh, Hưng Hà	d2/e101	15-8-1972
347	BÙI VĂN TUYẾN	1954	Đồng Long, Tiên Hải	e64f320	28-6-1972
348	TRẦN VĂN TUYNH		Trần Phú, Hưng Hà	d2/e101	1-8-1972
349	NGUYỄN VĂN TÝ	1954	Thái Thuần, Thái Thụy	e64f320	03-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
350	ĐỖ ĐỨC TÍNH	1954	Bình Thanh, Kiến Xương	f320b	26-7-1972
351	LÊ HỮU UY	1954	Thái Hưng, Thái Thụy	e64f320	29-8-1972
352	TRẦN NGỌC VĂN		Trần Phú, Hưng Hà	d2/e101	11-8-1972
353	NGÔ DUY VANG	1954	Bình Thanh, Kiến Xương	e64f320	5-7-1972
354	NGUYỄN XUÂN VANG	1942	An Ninh, Tiền Hải	c202/BTLTTG	28-7-1972
355	PHẠM VĂN VĨ	1954	Đông Lâm, Tiền Hải	e64f320	23-7-1972
356	VŨ NGỌC VIỄN		Việt Hùng, Vũ Thư	d4/e95	18-8-1972
357	VŨ ĐÌNH VIỄN	1954	Thụy Văn, Thái Thụy	e64f320	31-7-1972
358	NGUYỄN VĂN VIỆT		Việt Hùng, Vũ Thư	d1/e95	2-9-1972
359	NGUYỄN VĂN VIỆT	1954	Thái Xuyên, Thái Thụy	e64f320b	03-7-1972
360	PHẠM QUANG VINH	1954	Thái Giang, Thái Thụy	e64f320	02-7-1972
361	NGUYỄN VĂN VINH	1954	Thụy Hưng, Thái Thụy	e64f320	31-7-1972
362	BÙI NGỌC VĨNH	1954	Vũ Công, Kiến Xương	e64f320	02-7-1972
363	TRẦN VĂN VĨNH	1950	Thái An, Thái Thụy	e64f320	22-7-1972
364	LÊ ANH VŨ	1954	Thụy Liên, Thái Thụy	e64f320	17-7-1972
365	DƯƠNG CÔNG VUI	1954	Thái Thuần, Thái Thụy	e64f320	03-7-1972
366	ĐỖ ĐỨC VƯỢNG	1954	Thụy Ninh, Thái Thụy	e64f320	30-6-1972
367	GIANG QUỐC VY	1954	Thái Hưng, Thái Thụy	e64f320b	03-7-1972
368	NGUYỄN VĂN XE	1954	Quảng Minh, Kiến Xương	e64f320	23-8-1972
369	NGUYỄN NGỌC XUYẾN	1952	Quỳnh Sơn, Quỳnh Phụ	c11d9/e209	13-9-1972
370	VŨ HỮU YẾN		Quỳnh Vân, Quỳnh Phụ	c20/e18	7-9-1972

THÁI NGUYÊN

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGÔ VĂN AN		Đồng Quang, TP Thái Nguyên	d9/e18	26-8-1972
2	NGUYỄN XUÂN BA	1953	Phú Cường, Đại Từ	c2/d1/e9/f304	12-9-1972
3	ĐẶNG NGỌC BAO		Thái Nguyên	c2d19/F312	
4	HOÀNG VĂN BIỆN	1948	Hòa Bình, Võ Nhai	c1/d7/e66/f304	27-8-1972
5	LƯU THANH BÌNH	1953	Cổ Lũng, Phú Lương	c3/d4/e24/f304	27-8-1972
6	HOÀNG VĂN BÌNH	1954	Hồng Cường, Đại Từ	c6/d5/e24/f304	17-8-1972
7	NGUYỄN XUÂN BÌNH	1952	Trung Vương, Thái Nguyên	c7/d2/e9/f304	17-8-1972
8	NGUYỄN ĐÌNH BÌNH		Trung Lương, Định Hóa	c11/d9/e66/f304	19-8-1972
9	TÔ ĐỨC CHỈ		Lương Phú, Phú Bình	c20/e18	12-7-1972
10	TRẦN BÁ CHIÊM	1952	Động Đạt, Phú Lương	c1/d4/e24/f304	28-6-1972
11	NGUYỄN VĂN CHỨC		Thuận Thành, Phổ Yên	d9/e18	3-8-1972
12	HÀ VĂN CHƯƠNG	1952	Tràng Xá, Võ Nhai	c6/d2/e9/f304	03-9-1972
13	ĐINH VIỆT CHƯƠNG		Tân Đức, Phú Bình	c20/e18	18-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
14	NGUYỄN VĂN CÔNG	1954	Phú Chiu, Đồng Hỷ	f304	25-8-1972
15	TRẦN VĂN CỐNG	1954	Hà Thượng, Đại Từ	d27/f304	25-7-1972
16	TRƯƠNG VIẾT CƯỜNG		Sơn Cẩm, Phú Lương	e18	17-8-1972
17	CÙ XUÂN DIÊN		Thuận Thành, Phổ Yên	d9/e18	16-7-1972
18	DƯƠNG KHẮC DIỆN	1953	Bào Lý, Phú Bình	c11/d6/e24/f304	16-8-1972
19	TU XUÂN DIỆN		Thuận Thành, Phổ Yên	d9/e18	16-7-1972
20	CHU VIẾT DỊP		Dân Chủ, Đồng Hỷ	d7/e18	9-7-1972
21	MA KHÁNH DƯ	1954	Bình Thanh, Định Hóa	c7/d8/e66/f304	17-8-1972
22	GIANG VĂN DỨNG	1953	Túc Duyên, TP. Thái Nguyên	c1/d4/e24/f304	12-9-1972
23	NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	1953	Bảo Cường, Định Hóa	c5/d8/e66/f304	17-8-1972
24	ĐỖ XUÂN ĐẠC		Thành Công, Phổ Yên	d9/e18	16-9-1972
25	VŨ NGỌC ĐÀM	1943	Túc Duyên, TP. Thái Nguyên	c1/d7/e66/f304	12-8-1972
26	NGUYỄN VĂN ĐANG	1949	Phú Thuận, Phổ Yên	c6/d2/e9/f304	03-9-1972
27	TRẦN VĂN ĐỘ	1953	Tích Lương, Đồng Hỷ	c1/d4/e24/f304	28-8-1972
28	LÊ QUÝ ĐOAN	1949	Khe Mo, Đồng Hỷ	c1/d9/e66/f304	16-8-1972
29	NGUYỄN TRỌNG ĐOÁN	1949	Dương Thành, Phú Bình	d4/e165	22-7-1972
30	NGUYỄN KIM ĐỒNG	1951	Nục Ba, Đại Từ	c7/d5/e24/f304	27-8-1972
31	TRỊNH VĂN ĐỨC	1952	Thắng Lợi, Đại Từ	c25/e24/f304	5-8-1972
32	NGUYỄN MINH ĐỨC	1947	Đại Từ, Bắc Thái	TNXP/C32	23-07-1972
33	LƯƠNG VĂN ĐƯỢC		Yên Đỗ, Phú Lương	d1/e101	30-7-1972
34	ĐỒNG VĂN ĐƯỜNG	1940	Tân Thái, Đại Từ	c10/d3/e9/f304	13-8-1972
35	NGUYỄN NGỌC GIÁP	1949	Phú Xuyên, Đại Từ	d8/e66/f304	14-9-1972
36	ĐINH NGỌC HẢI	1952	Phú Xuân, Đồng Hỷ	c1/d7/e66/f304	23-8-1972
37	NGUYỄN NGỌC HẢI	1951	Yên Đỗ, Phổ Yên	c9/d6/e24/f304	6-9-1972
38	PHẠM NGỌC HÀO	1952	Hùng Sơn, Đại Từ	c3/d1/e9/f304	13-8-1972
39	NGUYỄN VĂN HÀO	1954	Cù Vân, Đại Từ	c10/d3/e9/f304	13-8-1972
40	ĐINH VĂN HIỂN	1952	Trung Lương, Định Hóa	c5/d8/e66/f304	17-8-1972
41	NGUYỄN VĂN HỘ		Nga My, Phú Bình	c16/e18	8-7-1972
42	NGUYỄN VĂN HÒA	1954	Tân Dương, Đồng Hỷ	c2/d4/e24/f304	28-8-1972
43	MÃ PHÚ HOÀN	1953	Thanh Định, Định Hóa	c7/d8/e66/f304	17-8-1972
44	VŨ THUYẾT HOÀNG		Thắng Lợi, Phú Bình	d9/e18	12-7-1972
45	PHẠM THÁI HỌC	1954	Tân Thành, Phú Bình	c11/d6/e24/f304	07-9-1972
46	NGUYỄN VĂN HỒNG	1954	Hùng Sơn, Đại Từ	c7/d5/e24/f304	27-8-1972
47	LÝ PHẠM HUỆ	1942	Bộc Nhiên, Định Hóa	c4d7/e209	4-9-1972
48	LINH VIỆT HÙNG	1951	Na Mao, Đại Từ	c10/d3/e9/f304	13-8-1972
49	NGUYỄN VIỆT HÙNG	1954	Lương Sơn, Đồng Hỷ	c2/d4/e24/f304	16-8-1972
50	NGÔ QUANG HƯƠNG		Bào Lý, Phú Bình	c16/e18	10-7-1972
51	NGUYỄN VĂN HƯỞNG		Phú Cường, Đại Từ	e18	13-9-1972
52	VŨ VĂN KHẮC	1954	Hợp Thành, Phú Lương	c1/d7/e66/f304	27-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
53	PHẠM VĂN KHANG	1942	Đồng Tiến, Đồng Hỷ	c3d4/e165	24-8-1972
54	HỒ SỸ KHOÁT	1954	Bộc Nhiêu, Định Hóa	c2/d7/e66/f304	23-8-1972
55	HOÀNG ĐÌNH KHU	1952	Bộc Nhiêu, Định Hóa	c5/d8/e66/f304	17-8-1972
56	LÊ ĐÌNH KIỂM	1945	Thắng Lợi, Phổ Yên	c3/d4/e24/f304	28-6-1972
57	DƯƠNG VĂN KỶ	1954	Xuân Phương, Phú Bình	c11/d6/e24/f304	23-8-1972
58	LÂM VĂN LẬP	1949	Định Hóa, Bắc Thái	TNXP/c32	16-07-1972
59	PHẠM VĂN LỘC		Kim Phượng, Định Hóa	c5/d8/e66/f304	17-8-1972
60	TRẦN VĂN LỢI		An Khánh, Đại Từ	c11/d9/e66/f304	18-8-1972
61	TRẦN ĐỨC LONG		Tân Tiến, Phổ Yên	d9/e18	12-8-1972
62	HOÀNG VIỆT LƯ	1951	Minh Lập, Đồng Hỷ	c2/d4/e24/f304	28-8-1972
63	TRẦN TRỌNG LỰC	1952	Phú Cường, Đại Từ	F304	6-8-1972
64	NGUYỄN VIỆT LƯỢNG	1948	Văn Yên, Đại Từ	c12d6/e165	8-8-1972
65	TRIỆU TIẾN MAI	1942	Lâu Thượng, Võ Nhai	c3/d7/e66/f304	9-1972
66	TRẦN ĐÌNH MÃO	1954	Phong Vinh	c2/d4/e24/f304	16-8-1972
67	LƯU VĂN MINH	1953	Thắng Lợi, Phổ Yên	c6/d2/e9/f304	17-8-1972
68	CAO VĂN MINH		Thịnh Đức, Đồng Hỷ	d7/e18	8-7-1972
69	LƯƠNG HỮU NAM	1954	Tân Dương, Đồng Hỷ	c2/d4/e24/f304	28-8-1972
70	NGUYỄN VĂN NĂM	1954	Quyết Thắng, Đồng Hỷ	c1/d4/e24/f304	28-8-1972
71	TRẦN BÁ NGA	1954	Minh Đức, Phổ Yên	d2/e9/f304	17-8-1972
72	PHẠM VĂN NGẮM	1954	Tân Kim, Phú Bình	c11/d6/e24/f304	28-8-1972
73	MÔNG VĂN NGHĨA		Phượng Tiến, Định Hóa	c8/d8/e66/f304	8-9-1972
74	NGUYỄN VĂN NGỌC	1948	Trung Vương, TP. Thái Nguyên	c12/d9/e24/f304	17-7-1972
75	TRẦN VĂN NGỌC	1954	Vạn Thọ, Đại Từ	c9/d3/e9/f304	12-8-1972
76	HOÀNG VĂN NGÔN	1954	Bảo Cường, Định Hóa	c7/d8/e66/f304	17-8-1954
77	TRƯƠNG CÔNG NHÂN	1950	Gia Sàng, TP. Thái Nguyên	d18/f304	21-7-1972
78	TRẦN HIỂN NHÂN		Đắc Sơn, Phổ Yên	d9/e18	3-8-1972
79	DƯƠNG HỮU NHU	1951	Xuân Phương, Phú Bình	c10/d6/e24/f304	23-8-1972
80	LÝ VĂN PHÚC	1952	Hóa Trung, Đồng Hỷ	d27/f304	25-7-1972
81	NGUYỄN MINH PHƯƠNG		Sơn Cẩm, Phú Lương	d1/e101	16-9-1972
82	NGUYỄN VĂN QUẢNG	1954	Trung Thành, Phổ Yên	c12/d6/e24/f304	13-8-1972
83	TRƯƠNG VĂN QUẾ	1951	Cù Vân, Đại Từ	c6/d5/e24/f304	17-8-1972
84	LƯƠNG VĂN QUẾ	1951	Kim Phượng, Định Hóa	c7/d8/e66/f304	17-8-1972
85	LÊ VĂN QUÝ		Nam Tiến, Phổ Yên	d9/e18	12-7-1972
86	LƯƠNG TRUNG QUYẾN		Trung Thành, Phổ Yên	d2/e101	29-7-1972
87	NGUYỄN VĂN QUYẾN	1954	Xuân Phương, Phú Bình	c11/d6/e24/f304	17-8-1972
88	DƯƠNG TRỌNG QUYỀN		Đồng Tiến, Đồng Hỷ	d9/e18	12-7-1972
89	DƯƠNG VĂN QUYẾT	1954	Tiền Phong, Phổ Yên	c9/d6/e24/f304	9-9-1972
90	NGUYỄN VĂN RUYẾN		Dương Phong, Thái Nguyên	c2/d4/e24/f304	16-8-1972
91	NGUYỄN ANH SINH	1945	Trung Thành, Phổ Yên	c202/BTLTTG	12-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
92	ĐÀO DUY SƠN	1949	Tràng Xá, Võ Nhai	c4/d4/e24/f304	27-7-1972
93	LỘC THÁI SƠN	1951	Kim Phượng, Định Hóa	c5/d8/e66/f304	17-8-1972
94	NGUYỄN TRUNG SƠN	1954	Phú Thọ, Đại Từ	c5/d5/e24/f304	27-8-1972
95	CHU BẮC SƠN	1954	Yên Lãng, Đại Từ	c10/d3/e9/f304	29-8-1972
96	DƯƠNG VĂN SƠN		Thành Công, Đồng Hỷ	d9/e18	11-7-1972
97	ĐÀM QUANG SU	1954	Vinh Quang, Đại Từ	c12/d3/e9/f304	03-9-1972
98	TRẦN VĂN SỸ	1954	Kim Phượng, Định Hóa	c5/d8/e66/f304	17-8-1972
99	ĐỒNG CÔNG TÀI		Đồng Tiến, TP. Thái Nguyên	d9/e18	20-8-1972
100	TRƯƠNG DUY TAM		Tích Lương, Đồng Hỷ	d7/e18	12-7-1972
101	VŨ VĂN TÁNH		Thành Công, Đồng Hỷ	e18	15-8-1972
102	NGUYỄN QUANG TẠO	1953	Chiến Thắng, TP. Thái Nguyên	c1/d4/e24/f304	16-8-1972
103	NGUYỄN VĂN TÊ	1951	Điện Bàn, Định Hóa	c10d6/e165	2-8-1972
104	HOÀNG VĂN THẠCH	1954	Yên Ninh, Phú Lương	c10/d6/e24/f304	17-8-1972
105	VŨ NGỌC THÁI	1954	Yên Lạc, Phú Lương	c9/d6/e24/f304	9-9-1972
106	NGUYỄN CHIẾN THẮNG		Thắng Lợi, Phổ Yên	d9/e18	1-8-1972
107	DƯƠNG VĂN THÀNH	1953	Phúc Lương, Đại Từ	d27/f304	25-7-1972
108	NGUYỄN VĂN THÀNH	1954	Lục Ba, Đại Từ	c6/d5/e24/f304	17-8-1972
109	NGUYỄN VĂN THÀNH	1954	Minh Lập, Đồng Hỷ	c5/d2/e24/f304	23-8-1972
110	BÙI VĂN THỊNH	1954	Tân Quang, Đồng Hỷ	d7/e66/f304	23-8-1972
111	TRẦN VĂN THỊNH	1953	Dân Chủ, Đồng Hỷ	c10/d6/e24/f304	23-8-1972
112	HÀ ĐỨC THUẬN	1954	Phấn Mễ, Phú Lương	c6/d2/e9/f304	03-9-1972
113	NGUYỄN ĐÌNH THỨC	1954	Quyết Thắng, Đồng Hỷ	c1/d4/e24/f304	28-6-1972
114	NGUYỄN NGỌC TÍCH	1945	Phấn Mễ, Phú Lương	d25/f304	28-8-1972
115	TRẦN XUÂN TOÁN	1949	Đồng Tiến, Phổ Yên	c6d8/e209	6-9-1972
116	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	1950	Phúc Xuân, Đồng Hỷ	c2/d4/e24/f304	28-6-1972
117	NGUYỄN VĂN TOẢN	1949	Đồng Thịnh, Định Hóa	TNXP/c32	9-7-1972
118	TRẦN QUANG TRỌNG	1954	Hợp Thành, Phổ Yên	c11/d6/e24/f304	16-8-1972
119	HOÀNG MINH TRUNG	1942	Cao Ngạn, Đồng Hỷ	d9/e66/f304	14-9-1972
120	LỤC VĂN TY	1953	Yên Định, Phú Lương	c1/d7/e66/f304	23-8-1972
121	HOÀNG VĂN ÚY	1954	Tân Tiến, Phổ Yên	c11/d9/e66/f304	7-9-1972
122	NGUYỄN VĂN VÂN	1954	Ôn Lương, Phú Lương	c10/d3/e9/f304	13-8-1972
123	TRẦN VĂN VAY	1954	Tân Dương, Định Hóa	c5/d8/e6/f304	17-8-1972
124	VŨ VĂN VIỆT	1954	Bình Thuận, Đại Từ	c10/d3/e9/f304	13-8-1972
125	BÙI VĂN VIỆT		Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên	d9/e18	16-7-1972
126	NGUYỄN VĂN VINH	1955	Đồng Đạt, Phú Lương	e24/f304	15-9-1972
127	LÝ QUANG VINH	1953	Tân Thịnh, Định Hóa	c5/d8/e66/f304	17-8-1972

THANH HÓA

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	BÙI HỒNG AM	1953	Nguyệt Ấn, Ngọc Lạc	e102/f308	5-7-1972
2	BÙI TRÍ AN		Đông Ngự, Thạch Thành	e88/f308	3-8-1972
3	PHẠM VĂN ẢNH	1952	Kiên Thọ, Ngọc Lạc	e36/f308	21-7-1972
4	LÒ VĂN ẢNH	1953	Sơn Lư, Quan Hóa	e102/f308	26-8-1972
5	NGUYỄN THÁI BÀI	1937	Ngọc Lĩnh, Tĩnh Gia	e27f320b	17-7-1972
6	MAI VĂN BẰNG	1953	Nga Thành, Nga Sơn	c299/BTL Công binh	17-7-1972
7	TRỊNH VĂN BAO	1950	Lộc Sơn, Hậu Lộc	d19/f308	16-7-1972
8	TRỊNH VIỆT BẢY	1951	Quảng Lộc, Quảng Xương	c202/BTLTTG	10-7-1972
9	PHẠM VĂN BIÊN	1952	Thất Ổng, Bá Thước	e36/f308	7-9-1972
10	LÊ THẾ BIÊN		Hải Yến, Tĩnh Gia	d9/e18	25-8-1972
11	LÊ VĂN BIỂU	1938	Trúc Lâm, Tĩnh Gia	c2d4/E165	21-8-1972
12	LA VĂN BÌNH	1953	Châu Lộc, Hậu Lộc	c299/BTL Công binh	19-7-1972
13	PHẠM VĂN BÌNH		Điền Hạ, Bá Thước	e36/f308	12-7-1972
14	NGUYỄN VĂN BÌNH	1954	Mình Sơn, Ngọc Lạc	e88/f308	18-7-1972
15	HOÀNG THANH BÌNH	1953	Quảng Ngọc, Quảng Xương	e102/f308	17-7-1972
16	TRƯƠNG VĂN BÔNG	1953	Quang Trung, Thọ Xuân	e88/f308	31-7-1972
17	NGUYỄN THẾ BÓN		Nga Lĩnh, Nga Sơn	d2/e101	31-7-1972
18	MAI VĂN BÙI	1953	Hưng Lộc, Hậu Lộc	e88/f308	23-7-1972
19	LÊ DOÃN CẦN	1951	Thuần Lộc, Hậu Lộc	c1d4/e165	24-8-1972
20	HÁCH VĂN CẤP	1952	Định Tăng, Yên Định	e102/f308	6-7-1972
21	NGUYỄN VĂN CHÂU	1946	Quảng Cát, Quảng Xương	f320b	21-7-1972
22	LÊ HUY CHI	1952	Quảng Vọng, Quảng Xương	e36/f308	14-7-1972
23	NGUYỄN HỮU CHUA	1953	Liên Minh, Quảng Xương	d2e36	6-7-1972
24	LÊ CẢNH CHUNG	1954	Yên Lễ, Như Xuân	e36/f308	2-8-1972
25	NGUYỄN ĐĂNG CÔI	1948	Bình Minh, Tĩnh Gia	e36/f308	21-8-1972
26	QUÁCH CÔNG CUM	1954	Đồng Thịnh, Ngọc Lạc	e36/f308	1-9-1972
27	PHẠM QUỐC CƯỜNG	1954	Nga Phú, Nga Sơn	e88/f308	5-8-1972
28	PHẠM VĂN CƯỜNG	1954	Quảng Thắng, Quảng Xương	PTM/f308	26-7-1972
29	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG	1954	Thế Ổng, Bá Thước	c9 d6/e165	9-9-1972
30	ĐỖ VĂN DÂN	1952	Thiệu Long, Thiệu Hóa	e88/f308	8-8-1972
31	DƯƠNG CÔNG DÂN	1952	Hà Ngọc, Hà Trung	d17/f308	20-7-1972
32	HOÀNG HỮU DANH	1950	Mình Thuận, Tĩnh Gia	C299/BTL Công binh	29-6-1972
33	HÀ VĂN DÈNH	1954	Phú Xuân, Quan Hóa	e102/f308	2-7-1972
34	HÀ VĂN DINH	1950	Phú Xuân, Quan Hóa	e102/f308	4-7-1972
35	TRẦN VIỆT DINH	1942	Thanh Hóa	f320b	29-8-1972
36	TRƯƠNG VĂN DÓT	1950	Thành Chung, Quảng Thành	e36/f308	4-9-1972
37	HOÀNG KIM DUY	1949	Nghi Thọ, Nghi Lộc	c202/BTLTTG	4-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
38	NGUYỄN VĂN ĐA		Hoảng Lộc, Hoảng Hóa	c20/e101	31-8-1972
39	TRƯƠNG CÔNG ĐỆ	1952	Thanh Tâm, Thạch Thành	f320b	12-8-1972
40	LƯƠNG VĂN ĐỎ	1951	Luân Khê, Thường Xuân	e88/f308	7-8-1972
41	HÀ NGỌC ĐƠ		Phú Xuân, Quan Hóa	c25/e18	14-7-1972
42	NGUYỄN DOãn ĐOẠI	1948	Xuân Lam, Thọ Xuân	e88/f308	29-7-1972
43	NGUYỄN XUÂN ĐƠN	1936	Thạch Sơn, Thạch Thành	e36/f308	15-9-1972
44	PHẠM THÀNH ĐỒNG		Thiệu Chính, Thiệu Hóa	d2/e101	17-8-1972
45	LÊ MINH ĐỨC	1948	Thọ Hải, Thọ Xuân	c1 d4/e165	21-8-1972
46	NGUYỄN THẾ HẢI	1954	Điền Lư, Bá Thước	c9 d6/e165	9-9-1972
47	ĐINH CÔNG HẬU	1954	Lâm Xá, Bá Thước	e36/f308	30-7-1972
48	BÙI HỒNG HIẾN	1947	Minh Sơn, Ngọc Lạc	e88/f308	4-8-1972
49	BÙI ĐÌNH HIỆU	1952	Lâm Xá, Bá Thước	e36/f308	16-8-1972
50	BÙI ĐỨC HIỆU	1952	Thạch An, Thạch Thành	e88/f308	26-7-1972
51	MAI CHÍ HIỆU	1952	Hà Giang, Hà Trung	e64f320b	24-7-1972
52	NGUYỄN HỮU HỘ	1952	Thiệu Long, Thiệu Hóa	e88/f308	8-8-1972
53	HOÀNG MAI HOA		Hoảng Phong, Hoảng Hóa	c16/e18	10-9-1972
54	HÀ MẠNH HƠN	1955	Điền Lư, Bá Thước	e36/f308	24-7-1972
55	ĐINH VĂN HỒNG	1948	Hợp Thắng, Triệu Sơn	c23/f308	18-7-1972
56	LÊ HỒNG		Đông Hùng, TP. Thanh Hóa	f320b	10-8-1972
57	LÊ XUÂN HÙNG		Liên Lộc, Hậu Lộc	d7/e18	13-7-1972
58	TRỊNH XUÂN HÙNG		Quang Lộc, Hậu Lộc	d7/e18	13-7-1972
59	LÊ XUÂN HÙNG		Đông Thọ, Đông Sơn	c1/d18	15-7-1972
60	TRỊNH NGỌC HỮU	1949	Hà Bình, Hà Trung	e102/f308	2-7-1972
61	ĐỖ VĂN HUYNH	1952	Hoảng Trung, Hoảng Hóa	f320b	8-8-1972
62	HOÀNG VĂN KHẢ	1954	Phú Lộc, Hậu Lộc	e88/f308	2-9-1972
63	NGUYỄN ĐỨC KHANH	1948	Định Hưng, Yên Định	d4 e165	22-7-1972
64	HOÀNG NGỌC KHÁNH	1951	Hoảng Trạch, Hoảng Hóa	e64f320b	28-6-1972
65	LÊ QUANG KHIÊN		Đông Thanh, Đông Sơn	c18/e101	31-8-1972
66	LÊ VĂN KHÚC		Hoảng Trường, Hoảng Hóa	BCT/e18	29-6-1972
67	NGUYỄN ANH KHUYẾN	1945	Quảng Phú, Quảng Xương	c9 d6/e165	9-9-1972
68	NGUYỄN VĂN KIÊM	1952	Định Hải, Yên Định	e102/f308	3-7-1972
69	LƯƠNG VĂN KINH	1953	Phú Lễ, Quan Hóa	d17/f308	17-8-1972
70	LÊ VĂN KÍNH	1949	Cát Văn, Như Xuân	e102/f308	9-7-1972
71	LÊ BÁ KỶ		Đông Hoàng, Đông Sơn	c20/e101	01-9-1972
72	LÊ QUỐC LÂM	1950	Thạch Mỹ, Thạch Thành	e36/f308	7-7-1972
73	LƯU VĂN LÂM	1952	Yên Thọ, Yên Định	e102/f308	2-7-1972
74	TRẦN VĂN LAN	1946	Hoàng Linh, Hoàng Hóa	e58/f308	14-8-1972
75	TRỊNH VĂN LẬU	1947	Hà Lai, Hà Trung	c6d5/e165	01-8-1972
76	LÊ ĐÌNH LỢI		Ngọc Khê, Ngọc Lạc	e36/f308	4-7-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
77	BÙI ĐỨC LỢI	1952	Thành Ninh, Thạch Thành	e88/f308	23-7-1972
78	NGUYỄN VĂN LÝ	1953	Lương Ngoại, Bá Thước	e36/f308	12-7-1972
79	ĐINH VĂN LÝ	1951	Minh Sơn, Ngọc Lạc	e102/f308	29-7-1972
80	LÊ HỮU MẠNH	1952	Quảng Lộc, Quảng Xương	e36/f308	4-8-1972
81	PHẠM NGỌC MẠNH		Thúy Sơn, Ngọc Lạc	d9/e18	12-8-1972
82	PHẠM VĂN MÃO	1949	Tân Khang, Nông Cống	e36/f308	8-8-1972
83	LÊ VĂN MÃO	1952	Đồng Minh, Đông Sơn	C299/BTL Công binh	17-7-1972
84	LÊ VĂN MẬP	1953	Đồng Lương, Lang Chánh	e36	14-9-1972
85	BÙI VĂN MIẾNG		Thành Vân, Thạch Thanh	d1/e101	8-8-1972
86	NGUYỄN QUANG MINH	1954	Tiến Thịnh, Đông Xương	e36/f308	4-7-1972
87	NGUYỄN VĂN MỘC	1950	Thiệu Chính, Thiệu Hóa	e27f320b	30-8-1972
88	LẠI SĨ MÓN	1950	Thạch Vinh, Thạch Thành	e36/f308	21-8-1972
89	BÙI ĐỨC NĂM	1954	Nguyệt Ấn, Ngọc Lạc	e88/f308	23-7-1972
90	HÀ VĂN NAM	1949	Nam Luôm, Quan Hóa	d17/f308	29-7-1972
91	NGUYỄN ĐÌNH NGHỊ	1946	Tân Dân, Nông Cống	d19/f308	9-7-1972
92	BÙI VĂN NGHĨA	1954	Lược Chung, Bá Thước	e36/f308	29-8-1972
93	QUẦN HỮU NGHINH	1949	Thăng Long, Thiệu Hợp	e88/f308	4-7-1972
94	LÒ VĂN NÓI	1945	Tam Cư, Quan Hoá	c20/f308	28-6-1972
95	NGUYỄN VĂN NHÂN		Đồng Thịnh, Đông Sơn	d9/e18	29-8-1972
96	NHƯ QUANG NHIỆM	1946	Hoảng Cát, Hoảng Hóa	c11 k10	11-07-1972
97	LƯƠNG VĂN NHIỀU	1954	Phú Xuân, Quan Hóa	e102/f308	11-7-1972
98	MAI VĂN NHO	1953	Nga Bạch, Nga Sơn	e88/f308	02-9-1972
99	TRƯƠNG VĂN NIÊN	1953	Cẩm Tư, Cẩm Thuỷ	d19/f308	
100	MAI NGỌC NỤ	1953	Minh Sơn, Ngọc Lạc	e88/f308	18-7-1972
101	NGÂN VĂN OANG	1949	Trung Thực, Quan Hóa	e102/f308	2-7-1972
102	PHẠM QUỐC OANH	1952	Điền Hạ, Bá Thước	e36/f308	12-7-1972
103	LÒ VĂN PÁNG	1939	Hiên Trang, Quan Hóa	e102/f308	12-7-1972
104	NGUYỄN TRỌNG PHÁN	1952	Quảng Lộc, Quảng Xương	e27f320b	7-9-1972
105	ĐỖ VĂN PHẾT	1948	Xuân Lập, Thọ Xuân	TNXP/C32	24-07-1972
106	HÀ VĂN PHONG	1953	Điền Lư, Bá Thước	e36/f308	31-7-1972
107	NGUYỄN BÁ QUẢN	1952	Hoảng Châu, Hoảng Hóa	f320b	15-9-1972
108	TRƯƠNG VĂN QUÁT	1950	Thành Hưng, Thạch Thành	f320b	14-7-1972
109	LÊ VĂN QUẦY	1938	Vĩnh Hưng, Vĩnh Lộc	e88/f308	8-8-1972
110	LỮ TRỌNG QUỐC		Vĩnh Thành, Vĩnh Lộc	e18	28-6-1972
111	ĐẶNG VĂN QUÝ	1953	Nga Liên, Nga Sơn	e88/f308	7-8-1972
112	TRƯƠNG ĐÌNH QUYỀN	1953	Hoảng Thanh, Hoảng Hóa	e36/f308	10-9-1972
113	TRƯƠNG VĂN QUYỀN	1949	Yên Thọ, Như Xuân	c202/BTLTTG	10-7-1972
114	ĐỖ VĂN QUỲNH	1940	Xuân Trường, Thọ Xuân	e102/f308	02-7-1972
115	LÊ VĂN SÁCH	1950	Quảng Hưng, Quảng Xương	e36/f308	24-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
116	LÒ VĂN SAO	1954	Trung Tuyển, Quan Hóa	c2/d4, e165	9-9-1972
117	NGUYỄN HỒNG SINH	1946	Lương Nội, Bá Thước	e36/f308	18-8-1972
118	MAI XUÂN SINH	1951	Nga Mỹ, Nga Sơn	e36/f308	24-8-1972
119	LÊ HỒNG SINH	1954	Nga Vinh, Nga Sơn	e88/f308	7-8-1972
120	TẠ QUANG SỎI		Hà Tân, Hà Trung	d3/e101	8-9-1972
121	VŨ VĂN SƠN	1953	Quảng Long, Quảng Xương	e102/f308	28-6-1972
122	NGÔ VĂN SƠN	1946	Hà Tân, Hà Trung	c4d7/e209	9-9-1972
123	VŨ MINH SỬ		Hà Bắc, Hà Trung	d2/e101	8-1972
124	TRỊNH VĂN SỰ	1951	Hoà Lộc, Hậu Lộc	d25/f308	24-7-1972
125	TRƯƠNG VĂN SUM	1954	Mình Sơn, Ngọc Lạc	e88/f308	23-7-1972
126	LÊ TRỌNG TÁCH	1952	Quảng Bình, Quảng Xương	f320b	19-7-1972
127	VÕ MINH TÁI	1950	Hoảng Khê, Hoảng Hóa	f320b	12-7-1972
128	CÙ VĂN TÂM	1954	Cẩm Sơn, Cẩm Thủy	c4 d4/e165	9-9-1972
129	BÙI NGỌC TẤN	1952	Thành An, Thạch Thành	e36/f308	4-7-1972
130	LÊ TRỌNG TẤN	1952	Định Tiến, Yên Định	e64f320b	29-6-1972
131	NGUYỄN VĂN TĂNG		Hà Văn, Hà Trung	f320b	11-9-1972
132	PHẠM VĂN THẮNG	1953	Xuân Khang, Như Xuân	e36/f308	15-7-1972
133	LÊ VĂN THẮNG	1955	Điền Lư, Bá Thước	c10 d6/e165	2-8-1972
134	NGUYỄN VĂN THANH		Đồng Ninh, Đông Sơn	c15/e18	15-9-1972
135	HỒ VĂN THÀNH		Hải Thành, Tĩnh Gia	d3/e101	8-9-1972
136	TRẦN VĂN THÀNH	1952	Hải Yến Tĩnh Gia	d4/e165	22-7-1972
137	PHẠM MINH THAO	1953	Định Bình, Yên Định	e102/f308	11-7-1972
138	LÊ XUÂN THẾ	1953	Quảng Bình, Quảng Xương	e36	2-8-1972
139	LÊ MINH THIẾNG	1939	Dân Quyền, Triệu Sơn	c202/BTLTTG	10-7-1972
140	ĐINH VĂN THÌN	1954	Trung Thanh, Quan Hóa	e102/f308	11-7-1972
141	PHẠM VĂN THỎA	1949	Thọ Lập, Thọ Xuân	TNXP/C32	03-8-1972
142	TRẦN TRUNG THÔNG	1952	Hoa Lộc, Hậu Lộc	e64f320b	28-6-1972
143	ĐỖ HỮU THÔNG	1950	Hải Lộc, Hậu Lộc	c299/BTL Công binh	12-9-1972
144	LÊ VĂN THÔNG	1942	Hoàng Anh, Hoảng Hóa	e58/f308	14-9-1972
145	MAI ĐÌNH THU	1953	Quảng Hoà, Quảng Xương	e36	9-8-1972
146	LÊ VĂN THU	1952	Tổng Duy Tân, TP. Thanh Hóa	c202/BTLTTG	10-7-1972
147	TRẦN ĐÌNH THUẬN	1952	Đồng Hưng, Đông Sơn	c299/BTL Công binh	19-7-1972
148	NGUYỄN XUÂN THỤC	1950	Thái Thượng, Tĩnh Gia	e64f320b	17-7-1972
149	HÀ VĂN THỤC	1952	Phú Xuân, Quan Hóa	e102/f308	3-7-1972
150	TRẦN HUY THỤC	1942	Tế Lợi, Nông Cống	c20 d6 e165	2-8-1972
151	LÊ HỮU THƯỜNG	1953	Nga Trường, Nga Sơn	e88/f308	8-8-1972
152	BÙI VĂN THƯỜNG	1952	Kim Thọ, Ngọc Lạc	e88/f308	23-7-1972
153	LÊ VIẾT THƯỜNG	1952	Định Thành, Yên Định	e102/f308	27-7-1972
154	NGUYỄN VĂN TIẾN	1952	Hà Toại, Hà Trung	c21/f308	20-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
155	NGUYỄN VĂN TIÊU	1952	Thanh Chương, Thạch Thành	e88/f308	17-8-1972
156	PHẠM NGỌC TINH	1953	Điền Hạ, Bá Thước	e36/f308	8-7-1972
157	PHẠM VĨNH TINH	1954	Nam Đông, Quan Hóa	e102/f308	28-6-1972
158	BÙI VĂN TÍNH	1953	Phúc Thượng, Ngọc Lạc	e36/f308	4-7-1972
159	LÊ VĂN TÍNH	1954	Văn An, Ngọc Lạc	e88/f308	18-7-1972
160	TRẦN TRUNG TÌNH	1953	Hải Ninh, Tĩnh Gia	c299/BTL Công binh	03-7-1972
161	NGUYỄN VĂN TOÁI	1954	Phúc Thượng, Ngọc Lạc	e88/f308	18-7-1972
162	LÊ ĐÌNH TOÀN	1951	Yên Hùng, Yên Định	e102/f308	11-7-1972
163	LÊ ĐỨC TOÀN	1951	Định Hóa, Yên Định	c299/BTL Công binh	29-6-1972
164	TRƯƠNG KHẮC TOẢN	1950	Điền Lư, Bá Thước	e36/f308	24-7-1972
165	LÊ TRUNG TỚI	1954	Hoàng Ngọc, Hoằng Hóa	e64/f320b	03-7-1972
166	TRẦN VĂN TRÁNG	1945	Đông Hải, Đông Sơn	e102/f308	28-6-1972
167	NGUYỄN NGỌC TRINH	1951	Cẩm Sơn, Cẩm Thủy	e88/f308	6-8-1972
168	NGUYỄN ĐÌNH TRỤ	1944	Quảng Khê, Quảng Xương	e27/f320b	11-7-1972
169	HỒ HỮU TRƯỜNG	1953	Quỳnh Yên, Quỳnh Lưu	c202/BTL TTG	27-8-1972
170	NGUYỄN VĂN TÚ	1947	Cẩm Sơn, Cẩm Thủy	f320b	13-9-1972
171	LÊ NGỌC TỰ	1950	Yên Thọ, Như Xuân	c202/BTL TTG	10-7-1972
172	NGUYỄN ĐÌNH TUẦN	1951	Thành Vinh, Thạch Thành	e36/f308	4-7-1972
173	ĐỖ ANH TUẤN	1951	Đa Lộc, Hậu Lộc	e27/f320b	13-7-1972
174	NGUYỄN XUÂN TÙNG	1945	Thiệu Long, Thiệu Hóa	c23/f312	18-8-1972
175	HÀ VĂN TÙNG	1956	Thiên Phú, Quan Hóa	d17/f308	6-7-1972
176	TRƯƠNG VĂN TƯƠNG	1953	Ai Thượng, Bá Thước	e36/f308	20-8-1972
177	VI VĂN TƯƠNG		Xuân Phương, Như Xuân	e36	19-8-1972
178	NGUYỄN VĂN TUYNH	1953	Dân Lực, Triệu Sơn	e102/f308	12-7-1972
179	TRƯƠNG VĂN VÂN	1950	Thái Thượng, Bá Thước	c10/d6/e165	2-8-1972
180	LÊ VĂN VẠN	1949	Hoằng Ngọc, Hoằng Hóa	e27/f320b	23-8-1972
181	VŨ VĂN VIÊN	1950	Vĩnh Ninh, Vĩnh Lộc	d25/f308	3-8-1972
182	PHẠM NGỌC VIỆT	1954	Điền Hạ, Bá Thước	e36/f308	12-8-1972
183	PHẠM VĂN VIỆT	1952	Phúc Thịnh, Ngọc Lạc	e88/f308	26-7-1972
184	NGUYỄN VĂN VIỆT	1950	Quảng Khê, Quảng Xương	e102/f308	7-7-1972
185	TRỊNH XUÂN VINH	1953	Yên Trung, Yên Định	e102/f308	12-7-1972
186	NGUYỄN XUÂN XIỂN	1947	Thiệu Minh, Thiệu Hóa	d4/e165	27-7-1972
187	HOÀNG VĂN Ý	1949	Thạch Sơn, Thạch Thành	e36/f308	29-8-1972

TUYÊN QUANG

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN HỮU CHÍNH	1953	Hà Tuyên	c1/d7/e66/f304	12-8-1972
2	TRẦN VĂN CHÍNH	1954	Đồng Hội, Sơn Dương	c3/d7/e66/f304	23-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
3	ĐOÀN HÙNG CƯỜNG	1954	Trung Yên, Sơn Dương	c3/d7/e66/f304	7-8-1972
4	ĐÀM CƯỜNG		Tân Trào, Sơn Dương	c3/d7/e66/f304	7-8-1972
5	PHAN TRỌNG DIÊN	1945	Xuân Vân, Yên Sơn	c299/BTL công binh	17-7-1972
6	NGUYỄN VĂN HÙNG	1952	Hợp Thành, Sơn Dương	c2/d7/e66/f304	21-8-1972
7	NGUYỄN GIẢI PHÓNG	1944	Thái Hòa, Hàn Yên	e27f320b	10-7-1972
8	LÊ HỒNG QUANG	1949	Đồng Hữu, Sơn Dương	d27/f304	28-8-1972
9	LẠI HỢP SƠN	1954	Tú Thịnh, Sơn Dương	c3/d7/e66/f304	28-8-1972
10	KHUẤT TRUNG THÀNH	1946	Hưng Thành, Yên Sơn	c4d4/E141	24-8-1972
11	NÔNG VĂN THỤY	1954	Hợp Thành, Sơn Dương	c3/d7/e66/f304	23-8-1972
12	ĐỖ XUÂN TÌNH	1954	Hợp Hòa, Sơn Dương	c1/d7/e66/f304	8-1972
13	PHẠM QUANG TRUNG	1953	Lâm Xuyên, Sơn Dương	c3/d7/e66/f304	13-8-1972
14	LƯƠNG VĂN XUYẾN	1953	Thanh Minh, Sơn Dương	c3/d7/e66/f304	25-8-1972

VĨNH PHÚC

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	NGUYỄN VĂN BỔNG	1950	Tam Hồng, Yên Lạc	c10/d3/e36/f308	30-7-1972
2	NGUYỄN VĂN CÁT		Trung Kiên, Yên Lạc	d1/e101	16-9-1972
3	NGUYỄN HỮU CHÂU	1950	Yên Đồng, Yên Lạc	d5/e88/f308	7-9-1972
4	NGUYỄN VĂN CHUNG	1948	Tam Canh, Bình Xuyên	c299/BTL công binh	19-7-1972
5	TRẦN VĂN CHUYỀN	1940	Minh Quang, Bình Xuyên	c7d5/e165	13-9-1972
6	CHU KHẮC CO	1949	Chấn Hưng, Vĩnh Tường	c11/d6/e24/f304	28-8-1972
7	NGUYỄN KHẮC DẦN	1950	Trung Kiên, Yên Lạc	f320b	03-7-1972
8	TRỊNH ĐÌNH ĐA	1954	Thiện Kế, Bình Xuyên	d9/e66/f304	28-6-1972
9	PHẠM VĂN ĐẮC	1954	Phú Thịnh, Vĩnh Tường	c6/d12/e68/f304	7-9-1972
10	LÊ XUÂN ĐANG	1950	Sơn Lôi, Bình Xuyên	c16/e88/f308	8-8-1972
11	TRẦN DUY ĐĨA		Tam Canh, Bình Xuyên	d9/e18	16-9-1972
12	BÙI VĂN ĐỒNG	1954	Yên Lập, Vĩnh Tường	e27f320b	4-9-1972
13	VŨ VĂN ĐƯỜNG	1954	Bá Hiến, Bình Xuyên	e66/f304	8-7-1972
14	PHAN VĂN ĐƯỜNG	1954	Hồng Đan, Tam Nông	c1/d7/e66/f304	12-9-1972
15	HÀ XUÂN HIỂN	1955	Vĩnh Sơn, Vĩnh Tường	c5/d12/e68/f304	11-7-1972
16	NGUYỄN KHẮC HIỆN	1936	Yên Đồng, Yên Lạc	c12/d3/e36/f308	30-7-1972
17	TRẦN ĐÌNH HIẾP		Yên Phương, Yên Lạc	c25/e18	23-7-1972
18	VŨ QUANG HIẾU	1942	Đồng Cương, Yên Lạc	c299/BTL công binh	19-7-1972
19	NGUYỄN VĂN HOAN		Hợp Châu, Tam Dương	d8/e18	10-8-1972
20	LÊ VĂN HOÀNH	1953	Vĩnh Phúc	e27f320b	23-8-1972
21	KHÔNG VĂN HOẠT	1954	Yên Lộc, Vĩnh Tường	e27f320b	13-8-1972
22	TRỊNH QUANG HỢP		Trung Kiên, Yên Lạc	c1/d18/f308	10-9-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
23	NGUYỄN HỮU HÓT	1952	Tử Du, Lập Thạch	c299/BTL Công binh	20-7-1972
24	PHẠM QUANG HƯỚNG	1946	Đống Đa, Vĩnh Yên	c9/d6/e24/f304	28-6-1972
25	TRẦN ĐÌNH KẾT	1950	Lãng Công, Lập Thạch	BCT/E165	3-8-1972
26	TRẦN VĂN KHUNG	1953	Yên Bình, Vĩnh Tường	e27f320b	4-9-1972
27	NGUYỄN TIẾN LÂN		Duy Phiên, Tam Dương	d9/e18	26-8-1972
28	DƯƠNG VĂN LÔ		Bá Hiến, Bình Xuyên	d9/e18	10-9-1972
29	BÙI VĂN LỢI		Hồng Châu, Yên Lạc	d1/e101	16-9-1972
30	TẠ QUANG LỤC	1941	Kinh Long, Tam Dương	c11 k14	1972
31	PHAN THẾ LƯU	1954	Thuận Chính, Vĩnh Tường	e27f320b	4-9-1972
32	TRẦN VĂN LÝ	1954	Hồng Phương, Yên Lạc	d27/f304	01-9-1972
33	ĐỖ VĂN MÃO		Kim Long, Tam Dương	c24/e19	26-8-1972
34	TRẦN VĂN MINH	1950	Số 28 khu A TX Phúc Yên	e165	16-9-1972
35	NGUYỄN ĐỨC MỸ		An Hòa, Tam Dương	d8/e18	25-7-1972
36	NGUYỄN VĂN NGHĨA	1952	Hương Đạo, Tam Dương	c11d6/e165	4-8-1972
37	NGUYỄN VĂN NGỌC	1954	Thiện Kế, Bình Xuyên	c12/d9/e66/f304	28-6-1972
38	CAO VĂN NINH		Minh Đức, Vĩnh Tường	e18	11-8-1972
39	DƯƠNG VĂN PHƯƠNG	1953	Lũng Hòa, Vĩnh Tường	c299/BTL Công binh	25-7-1972
40	NGUYỄN VĂN QUYỀN	1954	Đạo Đức, Bình Xuyên	c5/d8/e66/f304	17-8-1972
41	DƯƠNG VĂN SINH	1944	Quất Lưu, Bình Xuyên	c2/d7/e66/f304	11-7-1972
42	NGUYỄN VĂN SỞ		Thanh Vân, Tam Dương	d8/e18	20-7-1972
43	KHỔNG VĂN TÀI	1953	Yên Lập, Vĩnh Tường	c11/d4/f304	15-9-1972
44	NGUYỄN VĂN TÀN	1952	Đình Chung, Tam Dương	c10d6/e165	25-7-1972
45	CAO VĂN TÂN	1949	Thượng Trưng, Vĩnh Tường	e36/f308	10-8-1972
46	NGUYỄN THIÊN TÂN		Tam Canh, Bình Xuyên	d9/e18	26-8-1972
47	NGUYỄN VĂN TĂNG		Vĩnh Tường	e18	11-8-1972
48	PHÙNG MINH TẠO	1939	Hồng Châu, Yên Lạc	c24/e141	13-9-1972
49	ĐÀO BIÊN TẬP		An Hòa, Tam Dương	d8/e18	10-7-1972
50	NGUYỄN VĂN THẮNG	1954	Tứ Trưng, Vĩnh Tường	e27f320b	15-8-1972
51	NGUYỄN ANH THỊCH	1946	Trung Nguyên, Yên Lạc	c14/e102/f308	9-7-1972
52	PHẠM VĂN THỜI	1947	Yên Phương, Yên Lạc	c10/d3/e36/f308	24-7-1972
53	LÊ THU	1954	Hương Sơn, Bình Xuyên	d9/e66/f304	06-9-1972
54	NGUYỄN VĂN THÚ		Thượng Trưng, Vĩnh Tường	e18	11-8-1972
55	LƯƠNG VĂN TÍN	1948	Vũ Di, Vĩnh Tường	e36/f308	20-8-1972
56	ĐỖ VĂN TOÀN	1951	Lũng Hòa, Vĩnh Tường	c6/d12/e68/f304	07-9-1972
57	TRẦN ĐỨC TRÌNH	1952	Đồng Thịnh, Lập Thạch	d5/e165	8-8-1972
58	NGUYỄN VĂN TRỌNG	1946	Yên Lập, Vĩnh Tường	e27f320b	4-9-1972
59	TRẦN XUÂN TRUNG		Kim Long, Tam Dương	c18/e101	12-8-1972
60	NGÔ XUÂN TUẤN		Bồ Sao, Vĩnh Tường	d9/e18	26-8-1972
61	THIỆU CHÍ TUẤN	1951	Tuân Chính, Vĩnh Tường	e27f320b	23-8-1972

HUYỀN THOẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
62	NGUYỄN QUANG VỊ	1949	Đồng Cương, Yên Lạc	d4/e88/f308	9-8-1972
63	NGÔ VĂN VĨNH	1952	Vĩnh Lập, Vĩnh Tường	c6/d5/e24/f304	22-7-1972
64	NGUYỄN VĂN VY	1954	Tề Lỗ, Yên Lạc	c7/d2e141	24-8-1972
65	NGUYỄN VĂN VY	1955	Tân Lập, Lập Thạch	c1/d4/e24/f304	15-9-1972

YÊN BÁI

STT	Họ và tên liệt sỹ	Năm sinh	Nguyên quán	Đơn vị	Ngày hy sinh
1	HỨA TUNG CHINH		Phú Mỹ, Lục Yên	d9/e18	26-8-1972
2	NGUYỄN KIM CƯƠNG	1951	Yên Hợp, Văn Yên	c24e165	23-8-1972
3	LỤC VĂN ĐẠT	1951	Yên Thành, Yên Bình	c9d6e165	22-7-1972
4	HÀ KHẮC DƯ	1950	Việt Cường, Châu Yên	c17e165	28-8-1972
5	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	1948	Minh Lai, Trấn Yên	c13d3e36	2-7-1972
6	HOÀNG ĐỨC HẠNH	1952	Việt Cường, Chấn Yên	c9d6e165	22-7-1972
7	NGUYỄN XUÂN HỒ	1952	Minh Quân, Chấn Yên	c12d6e165	10-9-1972
8	NGUYỄN XUÂN HUẤN	1953	Minh Đông, Văn Yên	d27/f304	28-8-1972
9	LƯƠNG BÁ KHẮN	1952	Đồng Lý, Yên Bình	c14 e36	30-7-1972
10	NGUYỄN VĂN LẬP	1953	Y Can, Trấn Yên	c11d6e165	2-8-1972
11	HOÀNG VĂN LÔNG	1948	Kim Sơn, Bảo Yên	d27/f304	28-8-1972
12	ĐẶNG NGỌC MINH	1953	Thường Hà, Bảo An	e24/f304	09-9-1972
13	LƯƠNG LÝ PHẤY	1953	Nghĩa Độ, Bảo Yên	c4d4e165	22-7-1972
14	PHẠM NGUYỄN PHI	1953	Việt Cường, Trấn Yên	e24/f304	09-9-1972
15	ĐÀO XUÂN SÂM	1945	TP. Yên Bái	c2/d1/e9/f304	13-8-1972
16	ĐẶNG XUÂN SẮM	1952	Quế Thương, Văn Yên	c10/d3/e9/f304	14-9-1972
17	PHÙNG VĂN SÁNG		Phong Du Thượng, Văn Yên	d9/e18	26-8-1972
18	HỨA ĐÌNH TẾ	1950	Tích Cốc, Yên Bình	c12d6e165	2-8-1972
19	NGUYỄN VĂN THỊNH	1949	Y Can, Trấn Yên	c18/e165	4-9-1972
20	LÊ BÁ TOÀN	1953	Phổ Ràng, Bảo Yên	e24/f304	9-9-1972

Danh sách các liệt sỹ sẽ còn được tiếp tục bổ sung theo thời gian. Chúng tôi dành những trang trắng này để các đơn vị, đồng đội cũ, thân nhân liệt sỹ cùng các cơ quan chức năng tiếp tục điền dòng tên các anh để giúp chúng tôi ghi danh các liệt sỹ được đầy đủ hơn trong các lần tái bản sau.

Trân trọng cảm ơn!

BAN BIÊN SOẠN

--	--	--	--	--	--

PHẦN THỨ TƯ

THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ một thời và mãi mãi



- Cuộc chiến đấu bảo vệ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 đến nay đã lùi xa gần 4 thập kỷ. Nhưng trong ký ức của bao người, cuộc chiến ấy vẫn còn sống động như mới hôm nào.

Với những cựu chiến binh đã từng tham gia chiến dịch thì đó là những năm tháng không thể nào quên! Không phải chỉ là sự cống hiến của bản thân họ, là giá trị của cuộc chiến đấu mà chính là bao máu xương của đồng đội đã đổ xuống mảnh đất này, góp phần làm nên bản hùng ca bất diệt của dân tộc ta.

Chí khí Anh hùng trong những ngày máu lửa

Đại tá Nguyễn Hải Như

*Nguyên Tham mưu trưởng Trung đoàn 48 Thạch Hãn, Sư đoàn 320B
(nay là Trung đoàn 48 Thạch Hãn, Sư đoàn 390); Nguyên Tham mưu
trưởng Ban chỉ huy bảo vệ Thành cổ Quảng Trị – 1972*

Sự liên quan mật thiết với mặt trận ngoại giao

Về tình hình khách quan, vào năm 1972, vòng đàm phán Paris đã đi được 4 năm và các bên đều muốn kết thúc nhanh. Phía Mỹ cũng rất muốn rút. Thăm dò dư luận Mỹ cho thấy 85% dân Mỹ muốn rút khỏi chiến tranh Việt Nam. Nhưng vấn đề là rút như thế nào. Rút trong danh dự thì rất cần một chiến thắng về quân sự. Nixon lúc bấy giờ cũng rất muốn như thế để chứng minh chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” do ông ta đề ra là đang đi đến giai đoạn thành công. Vì ông cho rằng có rút nhưng vẫn phải đảm bảo quyền lợi của Mỹ ở Đông Nam á này và châu á nữa trong chiến lược toàn cầu.

Còn nói về chính quyền Sài Gòn do Nguyễn Văn Thiệu đứng đầu cũng đang muốn một chiến thắng nhằm chứng minh rằng quân lực Việt Nam Cộng hòa đủ sức thay thế quân Mỹ để mà giữ cho miền Nam Việt Nam nằm trong quỹ đạo của Mỹ. Do đó họ muốn chiến thắng và rất cần chiến thắng để gây sức ép với Mỹ. Khi đó quốc hội Mỹ đang thông qua nghị quyết viện trợ ngân sách cho chiến tranh Việt Nam. Tổng thống Thiệu muốn nhân cơ hội này để thuyết phục Quốc hội phê chuẩn việc viện trợ, đổ đô-la và trang bị quân sự cho quân lực Việt Nam Cộng hòa.

Về phía ta, năm 1972 ta có chủ trương phải giành thắng lợi quyết định. Phải đánh bại chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ, và phải buộc Mỹ hiệp thương với ta ở Hội nghị Paris. Ngày 30 tháng 3, ta mở cuộc tấn công trên 3 vùng chiến lược của miền Nam Việt Nam: Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Trị Thiên. Trong đó chiến trường Trị Thiên là chủ yếu. Trong vòng 1 tháng, đến 1 tháng 5 ta giải phóng được tỉnh

Quảng Trị - tỉnh địa đầu của miền Nam, địch vẫn cho đây là cái vỏ cứng để tấn công ra miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Cả chính quyền Mỹ lẫn chính quyền Sài Gòn không chịu nổi thất bại này. Vì vậy Nixon quyết định cho Mỹ hóa trở lại cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Một mặt Nixon cho ném bom và thả mìn phong tỏa các cảng biển ở miền Bắc, mặt khác đồng thời thúc ép chính quyền Sài Gòn dưới sự chi viện tối đa của hỏa lực không quân, hải quân Mỹ, tập trung lực lượng để tái chiếm lại Quảng Trị đã mất. Cũng vì thế tổng thống Thiệu và tướng Cao Văn Viên phải trực tiếp ra ngoài Đà Nẵng luận bàn việc tổ chức phản công như thế nào. Do đó mới hình thành nên cuộc tấn công Lam Sơn 72 này.

Có thể nói Nguyễn Văn Thiệu đã tập trung mọi lực lượng tinh nhuệ dưới sự hỗ trợ tối đa của quân lực hải quân và không quân Hoa Kỳ để quyết tái chiếm Quảng Trị. Chủ trương của ta lúc đó là phải giữ vững vùng giải phóng, tiếp tục đánh bại chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh. Thành Quảng Trị này do đó tự nhiên nổi lên trong tình thế lúc đó, các dòng tin tức trên thế giới hàng ngày đều đưa tin về Thành cổ Quảng Trị. Những chủ trương chiến lược của hai bên đã hình thành nên vai trò lịch sử của địa danh này, mà như nhà báo Phan Quang có viết là “Cuộc đụng đầu của lịch sử”.

Ta quyết giữ được 81 ngày đêm này, ngoài ý nghĩa chính trị quân sự ngoại giao ra, thì còn ý nghĩa trực tiếp là không những thu hút được lực lượng tinh nhuệ của địch ở khu vực này, mà còn hình thành được thế trận phòng thủ để giữ vững và củng cố vùng giải phóng. Kết quả là ta giữ được 85% đất đai, điều này cực kỳ quan trọng trong đấu tranh ngoại giao; giữ được cảng Cửa Việt là cảng tiếp tế gần nhất mà tàu bè các nước có thể vào thẳng để chi viện, rồi thị xã Đông Hà là vị trí để chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam đóng trụ sở.

Giữ được như thế có thể coi là thành công rồi, và chuyện này liên quan mật thiết đến Hội nghị Paris. Đồng chí Đại tướng Lê Trọng Tấn, Tổng Tham mưu trưởng, nguyên Tư lệnh chiến dịch, có nói: “Chưa bao giờ quân sự kết hợp với ngoại giao mật thiết như vậy”. Hội nghị Paris sau nhiều lần trì hoãn, hai bên thống nhất với nhau vào trung tuần tháng 7 sẽ họp lại, dự kiến là 13 tháng 7 sẽ họp. Để phục vụ cho hội nghị này, Mỹ có thể dùng một chiến thuật quân sự để ép ta theo những điều khoản của họ. Thiệu hạ lệnh cho Thủy quân lục chiến là phải chiếm được thị xã và Thành cổ Quảng Trị trước ngày mùng 10 và phải cấm cờ lên thành hôm đó. Nhưng mùng 10 đã qua, họ vẫn chưa làm được. Bên địch hạ quyết tâm trong hai ngày còn lại phải thực hiện được việc cấm cờ. Mỹ cho trực thăng đổ thêm thủy quân lục chiến xuống ở hướng Bắc thị xã để mở thành các hướng bao vây: Nam, Đông Nam và Đông Bắc. Mặt khác, ngày 12 địch dùng hỏa lực đánh phá ác liệt và tổ chức tấn công liên tục trên các hướng đó. Nhưng gặp phải sự kháng cự mạnh mẽ của ta, địch không thể diệt được.

Không cho địch cấm cờ

Ngày 12, địch chiếm được nhà thờ Tri Bưu ở hướng Đông Bắc, chỗ đó có một đơn vị phòng thủ của ta. Nhà thờ Tri Bưu ở phía Bắc, cách Thành Cổ khoảng 1km.

Nếu địch chiếm được làng đó thì chỉ cách ta có 500 - 600m. Cho nên nắm được thời cơ này, tư lệnh quân Việt Nam Cộng hòa Ngô Quang Trưởng hạ lệnh cho quân dù là bằng mọi giá, đêm 12 phải cắm được cờ lên Thành Cổ, vì sáng 13 là đã họp Hội nghị Paris. Tối, chúng tôi nhận được điện của tư lệnh chiến dịch hạ lệnh đêm nay không được để tên địch nào lọt vào Thành Cổ. Tiếp theo là điện của Quân ủy Trung ương hạ lệnh chỉ thị cho Trung đoàn 48, tiểu đoàn 3 và 8 bộ đội địa phương Quảng Trị trực tiếp giữ thành, phía sau có trung đoàn 95 của sư đoàn 325 đóng ở bờ sông phía bên kia từ Nhan Biều đến Ái Tử sẵn sàng vượt sông sang để chi viện cho Trung đoàn 48.

Đến gần nửa đêm chúng tôi nhận được điện báo của Ban Chỉ huy chiến dịch: hiện nay theo tin tình báo của ta nắm được, địch đã có bộ phận đi theo đường cống ngầm vào trong Thành Cổ để cắm cờ. Lập tức, Trung đoàn 48 phải hạ lệnh cho các đơn vị rà soát trên từng mét vuông Thành Cổ để không cho địch giương được lá cờ ba sọc trước rạng sáng 13. Vì chúng tôi không muốn việc địch ra hội nghị công bố việc đã chiếm được thị xã, cắm cờ trên thành cổ làm hỏng tình thế của ta trên bàn hội nghị, cho nên tất cả các cán bộ chỉ huy đều quán triệt điều này (lúc đó anh em chỉ huy phần lớn là bộ đội chống Pháp từ ngày xưa, nên đều hình dung được bối cảnh năm 1954, mùng 7 giải phóng Điện Biên, thì sáng mùng 8 khai mạc Hội nghị Geneve. Ngày đó, ông Phạm Văn Đồng đã vào tuyên bố trước hội nghị “Xin báo cho các ngài biết là Điện Biên Phủ của các ngài đã thất thủ, toàn bộ quân Pháp ở Điện Biên Phủ đã bị chúng tôi bắt sống, trong đó có tướng De Castrie). Tuy không ai nói gì, nhưng chúng tôi đều hiểu địch muốn đặt vấn đề thế này ở Hội nghị Paris, cho nên chúng tôi đều quyết tâm. 10h đêm, Quân ủy Trung ương lại điện bằng mọi giá phải bảo vệ Thành Cổ. Chúng tôi hiểu điều đó là một quyết tâm rất lớn.

Đến 3h sáng ngày 13, các đài quan sát và trinh sát pháo binh tăng cường quan sát địch, ở hướng Bắc báo về có địch đang triển khai tấn công. Sau khi xác minh, ban chỉ huy yêu cầu pháo binh bắn cấp tập vào điểm đó, vì cách tốt nhất là tấn công trong

*Nhà thờ Tri Bưu
(phía sau) nơi quân ta
và địch nhiều lần
giành đi, giật lại*

Ảnh: Nguyễn Đức Minh



phòng ngự ngay khi địch bắt đầu triển khai tấn công mình. Ta đập pháo vào đấy, và mờ sáng trinh sát của ta ở hướng đó báo về địch khiêng ra 80 cáng. Kết quả là ta đã làm chậm trễ cuộc tấn công của địch lại ở cánh đông bắc. Nhưng do thúc ép về mặt ngoại giao lúc bấy giờ, địch vẫn tiếp tục đánh. Không những tăng cường hỏa lực, địch còn sử dụng bom dù - loại bom lần đầu tiên sử dụng ở Nam Việt Nam. Bom dù khi thả xuống được điều khiển rất trúng vào Thành Cổ của mình. Các bức tường thành bị bom dù va vào cứ bay đi từng mảng, phá rất nhanh. Hôm đó, trực thăng vũ trang quần cả bầu trời thị xã. Đại đội 12 ly 7 trung đoàn 48 do đồng chí Bùi Trung Thành đại đội trưởng (sau được phong anh hùng) theo dõi bắn, hạ được một chiếc trực thăng ngay hôm đó. Đến hôm sau, khi bên địch tổ chức lễ tang, Bộ Tư lệnh chiến dịch thông báo mới biết người bị chết là tư lệnh phó, tham mưu trưởng của sư đoàn dù trực tiếp đến đốc chiến việc cấm cò, cùng với 8 sĩ quan pháo binh và trong máy bay có cả Hùng Phi Hồ chỉ huy pháo binh.

Khi ấy chúng tôi trong chỉ huy sở bàn với nhau: Giờ Paris và giờ Việt Nam chênh lệch nhau, cho nên lúc này sáng ở Việt Nam nhưng vẫn còn tối ở Paris. Ta vẫn phải tiếp tục giữ vững trận địa. Chúng tôi hạ lệnh cho các đơn vị trực chiến để không cho địch cấm cò. Cho đến quá trưa, địch bị thiệt hại nặng phải lui về các tuyến xuất phát. Và ngày hôm đó chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ giữ vững trận địa. Vì thế tôi muốn nói trận ngày 13 này chứng minh là tình hình chiến sự liên hệ mật thiết chặt chẽ với ngoại giao.

Nói vậy để các bạn trẻ ngày nay hiểu rõ tại sao Thành Quảng Trị chỉ bé như thế nhưng ta đã phải đổ bao xương máu xuống đấy, địch cũng đổ xuống bao nhiêu những đơn vị chiến lược đến thế. Trong bài đăng trên báo Nhân dân ngày Quốc khánh 2 tháng 9, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã lên án kịch liệt việc địch bắn phá ác liệt vào thị xã trong bài báo có nói rõ địch ném xuống Thành cổ Quảng Trị số bom bằng 7 lần bom nguyên tử ném xuống Hiroshima năm 1945. Thực tế ý định của Thiệu không chỉ là chiếm thị xã Quảng Trị mà còn mở rộng ra phía bắc. Trước chiến dịch, trên đài phát thanh, Thiệu tuyên bố, “Tôi hứa và tôi bảo đảm với đồng bào trong tháng Chín sẽ khôi phục lại toàn bộ như kiểm soát trước ngày 30 tháng 3”.

Kẻ thù thứ hai: thời tiết

Sau ngày 13, bên kia lại đề ra cuộc họp trở lại vào ngày 18 hoặc ngày 27, tức là điều chỉnh theo ý đồ của địch. Sáng ngày 14, địch cho một lực lượng biệt kích vào cấm cò phía đông Thành Cổ, quãng 3 - 4 giờ sáng, chủ yếu để chụp ảnh, bị đại đội 14 hỏa lực của Trung đoàn 48 phát hiện được, bắn chết, bỏ cò lại đấy. Tôi nhớ hôm đó, phóng viên Đoàn Công Tính vào, tôi còn gọi điện xuống hỏi xác cò còn không để chụp ảnh, nhưng cuối cùng xác đã lẫn đi mất vì quanh là hào nước dốc.

Sau đó địch tiếp tục củng cố lực lượng quân dù cho đến ngày 18, bổ sung thêm quân số. Mỗi sư như thế bổ sung khoảng 500 tên. Qua ngày 18, địch vẫn không đạt được mục đích. Sau đó chúng mở một cuộc tấn công quyết liệt nhất từ ngày 23 đến 26,

cố gắng đánh hủy diệt thành để vào. Trong khi đó, quân ta cố gắng giữ vị trí, đào công sự, nhanh chóng củng cố lực lượng và làm thất bại kế hoạch của địch trong ngày 27.

Trước thất bại của quân dù, tư lệnh vùng I Ngô Quang Trưởng hạ lệnh rút quân dù khỏi thị xã. Nhưng trước ngày này, địch lại tổ chức cấm cò, nhưng là cấm cò giả ở đình làng Trầm Lý, phía đông bắc cách thị xã 3km. Tối ngày 24, đài phát thanh Sài Gòn tuyên bố là quân mũ nồi đỏ đã vào Thành Cổ, chuẩn bị sáng mai làm lễ chào cờ. Sáng hôm sau, địch cho đốt hỏa mù lên, cho quân leo qua tường, giả làm tường thành. Địch dự định tổ chức họp báo, có cả cố vấn Mỹ đến quay phim chụp ảnh. Nhưng ta phát hiện được và khi địch đưa bộ binh vào, pháo của ta đập vào, cho nên cuộc cấm cò không thành công. Địch bèn rút quân dù ra và đưa thủy quân lục chiến vào thay, tiếp tục chiến đấu để hòng chiếm lại.

Lúc đó ta tuy giữ được Thành cổ nhưng cũng gặp rất nhiều khó khăn, do bom đạn, thương vong rất nhiều. Địch đánh phá các đường vận chuyển của ta. Cách trở sông ngòi như thế nên bộ đội ta phải lội qua rất khó khăn. Bên cạnh đó ta lại phải đối phó với một khó khăn nữa là bão lũ. Năm đó bão đầu mùa ở Quảng Trị đến rất sớm. Ngày 28 có bão, nước ở sông Ba Lòng chảy xuống dồn về sông Thạch Hãn, ngập các hầm của ta. Thủy quân lục chiến cho đây là một thời cơ thuận lợi và tổ chức tấn công. Hôm đó, địch tuyên bố sẽ bắn 2 vạn viên đạn vào thành cổ, nghe 2 vạn viên thì nhỏ nhưng phải hàng trăm ô tô mới chở hết được. Ngoài ra còn máy bay oanh tạc khắp bầu trời. Nước ngập vào các hầm rồi thì hầm sập do đất nhão ra lại thêm bom đạn địch bắn liên tục. Anh em vừa chống đỡ vừa phải tát nước trong hầm ra. Anh em tranh thủ củng cố, lúc



*Mất pháo Thành cổ - đài quan
sát pháo binh 10 lần bị pháo địch
oanh kích vẫn đứng vững*

Ảnh: Đoàn Công Tính

đó chỉ có lương khô. Lúc này Thủy quân lục chiến dồn vào đánh hủy diệt thành để tạo đường cho bộ binh kéo vào. Cơn bão kéo dài hết ngày mùng 3 tháng 8 mới tạnh. Trong suốt tháng 8 hai bên không có cuộc họp nào ở Paris nên tình hình lúc đó cũng khác.

Ngày 3 tháng 8, mưa tạnh, địch bắt đầu tấn công và đánh cho đến mùng 10. Nhưng chúng gặp phải sự kháng cự kiên cường của quân ta. Tinh thần của bộ đội ta là mình còn, trận địa còn. Thủy quân lục chiến địch biết không thể tiếp tục lối đánh ồ ạt được, chuyển sang chiến thuật mới là dũi dần từng bước, đánh chiếm từng công sự một. Chiếm xong, chúng đưa ngay dây thép gai và công sự lấp sẵn phía sau lên trận địa. Cho đến hết tháng 8 hai bên giằng co nhau, địch chiếm, ta phản kích. Địch bắn ban ngày, ta chuyển hoạt động mọi thứ vào ban đêm, hôm sau ta tập kích giành lại. Lúc này toàn bộ Thành Cổ bằng phẳng hết, gần như không còn gì cao hơn 1m cả. Nhưng cao hơn cũng dễ bị địch phát hiện, khi chúng bắn vào, chúng tôi cũng cho giật bộc phá, cho nổ mìn để đất sập xuống tăng chiều dày, mặt khác không để có chiều cao đột xuất để cho máy bay chỉ điểm thả bom. Trong khi đó, các cơn mưa bão tháng Tám vẫn liên tục. Ta gặp khó khăn, nhưng địch vẫn chỉ lấn dũi. Hai bên giằng co nhau, và hội nghị Paris cũng không có kế hoạch gì.

Tháng 9 đổ lửa

Sang tháng Chín tình hình thị xã bị bao vây 3 mặt. Địch đã chiếm được phía Bắc chỗ chợ Sãi cạnh sông Thạch Hãn, phía Nam đã tranh chấp với ta ở khu vực ngã ba đường sắt, cạnh đường 1 đi ra cầu Quảng Trị. Hướng Đông Bắc, Đông Nam cũng bị dũi lấn vào. Lực lượng của ta đã có thêm nhiều lực lượng như trung đoàn 95, sư đoàn 325 đã vượt sông vào từ đêm 13 rạng ngày 14. Có tiểu đoàn 5 vượt sông ban ngày để ứng cứu cho các đơn vị ta đánh trong thành. Phía đông có đơn vị mặt trận của sư đoàn do ông Sùng Lãm chỉ huy giữ mặt trận cánh đông, hướng ven biển có trục đường 68 đi vào đông bắc thị xã. Hướng phía tây có sư đoàn 308, 304. Các đồng chí ở Sư đoàn 308 có cả 1 trung đoàn, tiểu đoàn đầu tiên là tiểu đoàn 4 chốt ở trường Bồ Đề (tiểu đoàn trưởng bây giờ là Thiếu tướng Nguyễn Xuân Sắc, Viện phó Học viện Chính trị Quân sự) ở hướng Đông Nam cạnh cầu Sắt. Như thế các lực lượng có được chi viện.

Nhưng phải nói một điều, lúc này cờ của chúng ta nhiều, nhưng quân của chúng ta rất ít. Mỗi đại đội biên chế 100 người, nhưng thực tế lúc đấy nhiều nhất chỉ được 40, mà khi đánh nhau chỉ còn được mười tay súng, chứ thực ra lúc đó bổ sung không thể nhanh được, các con đường di chuyển từ Bắc vào đều bị không quân địch không chế. Vào được đến đây đã khó khăn, mà đến bên bờ sông thì 40 - 50% lợi qua được vào thành đã là giỏi lắm rồi. Địch không chế bờ sông, trong khi về cuối ta không có phương tiện, trước còn có thuyền cao su, có chỗ còn lợi qua được, nhưng lúc này chỉ còn cách chặt chuối đưa thương binh qua sông. Cho nên việc tiếp viện khó khăn, nói đến đầu đơn vị thì nhiều nhưng thực ra quân số chúng ta rất ít.

Trong tháng 9, sau một thời gian quyết tâm lấn dũi, địch quyết định tăng cường hỏa lực, thêm các liên đoàn biệt động tăng và dù lợi dụng mùa mưa bão, tập trung

đánh vòng ngoài, để đánh dứt điểm các vị trí trong thị xã. Tình hình diễn biến các trận đánh trong tháng 9, nổi lên một số địa bàn quan trọng, phía đông có khu trại Mỹ đóng quân ngày trước, tường dày hàng thước, khu vực Tri Bưu... Có chỗ địch chỉ cách các công thành chừng 400 - 500m. Có hướng xa hơn như cầu Sắt, nhưng ở hướng như làng Thạch Hãn đi lên cửa Nam chỉ cách 500 - 600m. Hai bên áp sát nhau, địch không thể sử dụng pháo hay B52 như trước được. Cho nên địch tìm cách bắn từ phía sau, đánh từ phía bờ sông bên này, áp sát bên phía thị xã.

Lúc này ta có khi cũng dùng thuyền gấn máy để đưa thương binh qua sông nhưng phải tắt máy để tránh lộ, dùng người đẩy thuyền qua sông, phải có pháo yểm trợ mới qua được.

Sở chỉ huy của chúng tôi dưới hầm dinh tỉnh trưởng cũng dùng làm nơi đặt phẫu vì không còn chỗ nào an toàn nữa. Cho nên chỉ một vài ngày, thuyền không sang được là số thương binh nằm ùn lại ở đây.

Diễn biến những ngày còn lại: địch tiếp tục dũi và ta kháng cự. Nhưng ta thực sự khó khăn, các phương tiện chi viện rất khó. Vận chuyển đường thủy bị tắc. Quân số trong thành thực ra chưa bao giờ vượt quá con số 2000, hy sinh thương vong lại bổ sung vào, chọi với hàng vạn địch. Lúc đó, hỏa lực của mình yếu. Ví dụ như xe tăng địch đỗ ở chỗ gần cầu Sắt, ngắm bắn vào công sự, anh em nhô lên là bắn chính xác. Trong lúc đó bộ binh nó vòng ra bờ sông nhưng ở ngoài tầm 800m là mình không có gì để bắn ra đến được. B41 của mình chỉ bắn đến được tầm 400m. Nó chỉ cần ra hiệu cho xe tăng xông lên, thả cho vài quả lựu đạn là sập hầm, anh em không kịp lên được.

Trong tình hình khó khăn đó, ta đã đánh trận mòng 9 tương đối có kết quả. Sau đó ta tổ chức tập kích lại trên các hướng. Lực lượng được bổ sung thêm quân của tiểu đoàn 8, 3 bộ đội địa phương củng cố, tăng cường thêm 80 quân. Tuy quân số không nhiều lắm nhưng vẫn đánh tiếp dưới trời mưa lớn.



*Lính trẻ trong
Thành cổ Quảng Trị*

Ảnh: Đoàn Công Tính

Những giờ phút cuối cùng

Cho đến ngày 16 ta dự định đưa trung đoàn 18 sang để phản kích, nhưng vẫn không đưa kịp. Tối 15, địch đã vào cả 3 góc thành, trừ góc Tây Bắc chỉ còn tiểu đoàn 2 (*tiểu đoàn trưởng Định hiện nay còn sống*). Tiểu đoàn này quân còn khá, có đại đội còn độ 7 - 8 người, có đại đội độ 20 người. Địch dùng xe tăng phun lửa vào đến nơi là phụt vào hầm anh em mình, hầm càng sâu chất cháy dạng lỏng càng dễ chảy vào.

Các phương tiện thông tin không còn liên lạc được nữa. Đài 2W không còn ác quy để hoạt động. Sở chỉ huy họp với nhau và thấy rằng chỉ còn chờ vào khả năng bên ngoài để phản kích, nhưng tình hình lúc đó thương binh cũng đang ùn lại, không có gì để chuyển qua sông. Cuối cùng quyết định những anh em thương binh nào bất động thì nằm trên bè chuối, còn lại tìm mọi cách để qua sông. Tiếp đến là anh em mật mã cơ yếu để bảo toàn điện đài lưu trữ. Những đơn vị nào quân số còn ít, có tiểu đoàn chỉ còn độ hơn chục người, cũng cho rút, chỉ để lại tiểu đoàn 2 của đồng chí Định phối hợp giữ lại góc thành để có thể phối hợp làm bàn đạp cho trung đoàn bên kia, trừ khi có lệnh rút. Những bộ phận rút tổ chức phòng thủ xuống hai phía Nam Bắc đi truyền đạt lại nhiệm vụ đó. Tôi ở lại thị xã để chờ khi có lực lượng sang phản kích để phối hợp cùng điều hành. Tiểu đoàn chuẩn bị cử một đồng chí phái viên tác chiến ở lại đến giờ chót để khi không có quân thì hạ lệnh rút. Pháo binh cũng phải ở lại đến giờ chót để bảo vệ.

Đến nửa đêm không có liên lạc của trung đoàn 18, sau khi nắm được toàn bộ anh em thương binh đã rút sang hết, pháo binh sang sau và 3h sáng có nhiệm vụ từ bên kia sông bắn dội vào Thành Cổ để nghi binh. Lúc đó ta không còn ở đó nữa, nhưng nghi binh như vậy để chứng tỏ ta vẫn còn ở trong thành. Ta bắn pháo cũng là để hỗ trợ cho các đồng chí còn lại đang rút qua sông.

Thống nhất như thế, vào lúc 1 - 2 giờ sáng, tôi và vài anh em bộ binh bơi qua sông. Lúc đó nước ngập rất rộng. Tới bờ sông thì bị pháo đập vào, cứ 50m một, thay đổi tọa độ liên tục. Tôi phải tính toán để bơi qua sông tránh pháo, tôi đoán là khi nó bắn chưa dứt thì phải bơi sang ngay để làm thế nào khi trôi xuống dưới thì mình đã ra khỏi tầm bắn. Ra sông, tùy ai xác định được cách bơi thì tiến hành. Nhưng khi ra đến giữa sông, mảnh nylon túm lại làm phao của tôi bị mảnh pháo đâm vào làm thùng, bị xẹp đi. Bình thường tôi bơi cũng khá nhưng mấy tháng ở trong Thành Cổ, sức yếu, bơi mãi, tuy chậm nhưng cuối cùng cũng đến được bờ.

Các anh em thì đã cho là tôi đã hy sinh rồi, nhưng tôi sang bên bờ vào được một công sự khá kiên cố có từ thời Pháp. Tôi có nói lại với anh em, tôi sang được là nhờ pháo binh bắn sang. “Khi ngồi trong công sự lúc 3 giờ sáng quan sát thì thấy pháo binh của mình bắn tăn mát quá”. Các anh trả lời: “Ông ơi, pháo chúng tôi bắn từ đầu đến giờ cả năm trời pháo rỗng hết nòng rồi. Bắn mãi nó mòn đi bắn tăn mát là phải”. Nhưng đúng là không có chiến dịch nào dài như chiến dịch này. Về sau những chiến dịch chỉ kéo dài 10 ngày. Chiến dịch này chuẩn bị từ trước cả Tết, nổ súng từ 30 tháng 3 cho

Hầm chỉ huy pháo binh

Ảnh: TL

đến tháng 9 năm 1972, mà còn kéo đến mãi khi ký hiệp định Paris tháng giêng năm sau.

Khi vào Quảng Trị hôm giao lưu tôi có gặp người nhà của một liệt sĩ có lên tivi nhờ đi tìm mộ. Tôi có hỏi là báo tử ngày nào. Nếu là ngày 23 tháng 7, thuộc trung đoàn 101 thì lúc đó đang đánh ở An Tiêm, Nại Cù, vì vậy nên đến tìm ở nghĩa trang xã đó; chứ không phải cứ nói đến Quảng Trị là chỉ có Thành Cổ, mà còn rất nhiều các đơn vị vòng ngoài. Giống như là người thủ thành muốn giữ được khung thành còn phải có các tiền vệ cánh trái cánh phải, hậu vệ nữa, chứ một mình trấn thì đối phương sút mãi cũng thủng lưới.



Bài học về lòng quả cảm

Chúng tôi đã có tổng kết và rút kinh nghiệm một số bài học như sau:

Thứ nhất là anh em trước những khó khăn ác liệt, nhưng vẫn sẵn sàng. Ví dụ chuyện thế này, khi anh em đến bờ sông Thạch Hãn, yêu cầu họ cởi quần áo ra, lội qua sông sang thị xã chiến đấu. Khi ấy ở bên này thị xã, hai bên bom đạn kịch liệt, lúc nào cũng khói mịt mù. Trông sang thấy cảnh tàn phá như thế, thì việc anh em sẵn sàng nhảy xuống qua sông để sang chiến đấu, dù có khi không biết bơi phải bám bè chuối hay phao túi nilon mà qua, chứng tỏ tinh thần của anh em đã được quán triệt cao độ. Lúc ấy không ai còn nghĩ đến việc sang đây là hy sinh hay không, ai cũng ý thức tầm quan trọng của chiến thắng, trong đó có việc ảnh hưởng đến đàm phán của ta ở Paris. Cho nên sau này đọc lại hồi ký của những người như Trâm, Thạc, mọi người có khi

không hiểu tại sao có những khó khăn mà họ vẫn sẵn sàng hy sinh cho nhiệm vụ. Đó là bài học không thể nào quên được.

Hiện nay tôi thấy có anh em hỏi tại sao phải hy sinh như thế. Tôi cho rằng cần phải giáo dục cho các bạn trẻ hiểu được, nhất là khi chiến tranh càng ngày càng lùi xa. Ta không phải là thích đánh nhau, không phải là hiếu chiến, mà là có những nguyên nhân lịch sử buộc phải cầm súng bảo vệ độc lập tự do.

Bài học đầu cho thấy tinh thần hy sinh anh dũng quả cảm của anh em chiến sĩ, của địa phương quân Quảng Trị và nhân dân. Ngay cả tôi cũng có lúc nghĩ đến chết, nghĩ đến gia đình, hậu phương nhưng lúc đó chúng tôi chỉ có thể tập trung vào chiến đấu.

Tinh thần chiến đấu kiên cường để ra nhiều mưu mẹo. Như khi họp chỉ huy ở chỗ tôi, không thể nào dùng cách nói tiểu đoàn 2 ở đâu hay vị trí nào... địch có thể nghe trộm được mà phát hiện ra. Ví dụ với những đơn vị ở phía Nam, không bao giờ tôi điện “lên đây họp”, vì luật cơ yếu, mật mã của ta còn khá đơn giản, dễ bị lộ.



Trong quá trình chiến đấu, mình nắm được những quy luật để tác chiến. Ví dụ sư dù, nếu không có hỗ trợ cánh sườn, nó không dám tấn công. Hai cánh tấn công, nếu một cánh bị chặn lại thì cánh kia không dám lên tiếp. Do đó cách đánh hiệu quả là tập trung bẻ gãy một cánh tấn công của địch. Vì thế khi trên yêu cầu chúng tôi cho đánh hướng Đông Nam, nhưng thấy chỗ hướng Đông Bắc ta có quân số còn đánh tốt, có thể bẻ gãy được quân địch thì chúng tôi thực hiện như thế. Sau khi đã giành thắng lợi thì trên cũng đồng ý là đã đánh đúng và nói từ nay giao quyền chỉ huy trực tiếp cho các đồng chí trong thành. Như vậy, từ cách

Vô hiệu hóa bom của Mỹ

Ảnh: Đoàn Công Tính

đánh kiên cường của anh em sinh ra nhiều mưu mẹo, chứ không thể dựa chỉ vào công sự, chẳng có công sự nào chịu được với bom đạn địch và mưa bão.

Không có đêm nào ta không tổ chức tấn công địch, bằng mọi hình thức, chí ít cũng làm cho địch thương vong và kéo dài thời gian cầm cự.

Hậu phương cũng động viên rất lớn, thư từ, điện báo... Ngay như tôi, khi đó bà xã mới đẻ, cũng chỉ biết sau đó 3 ngày. Lúc đó điện báo là con gái, nhưng sau khi đã ký hiệp định, đoàn nhà văn có Xuân Quỳnh, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Phạm Hồ có qua nhà tôi mang ảnh và thư vào thăm chiến trường, lấy tài liệu, tôi mới biết là con trai.

Tôi rất nhớ những chuyện như thế này. Trên đường vào thành, lúc mới tập trung quân vào cuối tháng 6, đi qua Vĩnh Linh, có bà mẹ gói lá chè tươi trong 3 tập giấy báo gửi một anh ở tiểu đội 1 đi theo đoàn vận tải mang vào cho lính ta đun lấy nước cho vào bình tông. Chỉ có mỗi bình tông nước dùng cho cả ngày nên phải rất giữ gìn để không bị khát. Khi vào đến nơi, có chiến sĩ khi địch tấn công vào chốt, bình tông nước bị mảnh pháo bắn vào bị thủng. Ném lựu đạn xong, cậu ấy lấy tay bịt ngay chỗ thủng lại. Cậu bị thương nặng, anh em đồng đội đến, cậu còn nhắc trong bình còn nước, nhớ giữ mà uống tiếp. Nói xong, cậu ấy hy sinh.

Mỗi lần nghĩ lại, mới thấy sức mạnh của bình tông nước động viên người chiến sĩ đến như thế nào, mà là nước chè tươi của một bà mẹ Vĩnh Linh. Phải nói rằng hậu phương và nhân dân địa phương đã tiếp sức rất nhiều, trong đó có Tỉnh ủy, Tỉnh đội Quảng Trị viết thư động viên. Sau này trong phim Ký ức Thành Cổ có chi tiết về lá thư ấy có vết máu, nói rằng: “Không biết máu của người đưa thư hay máu của người xem thư nữa”. Thư đó là của đồng chí Bình, Tỉnh ủy Quảng Trị hiện đang trưng bày ở Bảo tàng Thành Cổ. Bức thư thấm máu đó cũng như nhiều câu chuyện khác là sự động viên rất lớn đối với anh em mình.

N.H.N

Những năm tháng không thể nào quên

Thiếu tướng Cao Xuân Khuông
Nguyên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 8 Quảng Trị

Ngoài những năm tháng chiến đấu làm nhiệm vụ quốc tế ở chiến trường C, tôi đã có 10 năm chiến đấu ở chiến trường Quảng Trị từ 1965 đến 1975, nhưng kỷ niệm sâu sắc nhất và cũng là những tháng năm không thể nào quên đối với cuộc đời chiến binh của tôi, đó là 81 ngày đêm chiến đấu ở Thành cổ Quảng Trị.

Mở đầu chiến dịch mùa xuân năm 1972, Tiểu đoàn 808 (gọi tắt là d8) bộ đội địa phương Quảng Trị mà tôi là tiểu đoàn trưởng, được giao nhiệm vụ xuống vùng sâu Triệu Phong, Hải Lăng đánh địch, chuẩn bị địa bàn, bàn đạp và phối hợp với chủ lực chiến đấu để giải phóng Quảng Trị, thì tháng 3 tháng 1972 diễn ra trận đánh không cân sức tại thôn Hải An, xã Hải Khê, huyện Hải Lăng. Tiểu đoàn 8 chúng tôi với quân số chỉ còn 60% (chưa đầy 300 quân) đánh trả 1 trung đoàn địch với hàng chục xe tăng và không quân chi viện. Qua 2 ngày đêm chiến đấu quyết liệt, ta đã đánh bại các đợt tiến công của chúng, diệt 130 tên, bắn cháy 6 xe tăng, ta trở về vị trí tập kết an toàn. Sau đó, tiểu đoàn đã phối hợp với các đơn vị chủ lực như Trung đoàn 27, Sư đoàn 324 cùng các đơn vị khác, góp phần giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị vào ngày 01 tháng 5 năm 1972.

Sau khi giải phóng Quảng Trị, tiểu đoàn được giao nhiệm vụ bảo vệ vùng giải phóng, phát động quần chúng, xây dựng cơ sở chính trị ở vùng Triệu Hải, tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực phát triển tiến công vào phía Nam, thì ngày 16 tháng 6 năm 1972 nhận được lệnh tổ chức chiến đấu bảo vệ thị xã Quảng Trị. Ban chỉ huy tiểu đoàn đã

khẩn trương triển khai tổ chức cán bộ tiểu đoàn, đại đội đi trinh sát địa hình và dự kiến bố trí đội hình chiến đấu.

Trong quán triệt nhiệm vụ, xây dựng quyết tâm chiến đấu cho đơn vị, Đảng ủy và chỉ huy tiểu đoàn đã làm rõ cho cán bộ, chiến sỹ thấy được âm mưu, thủ đoạn của địch trong cuộc tái chiếm thị xã Quảng Trị, trong đó có Thành cổ; đồng thời nêu lên yêu cầu cấp thiết của ta là phải giữ bằng được thị xã Quảng Trị, là trung tâm văn hoá, chính trị, kinh tế của tỉnh, phục vụ cho yêu cầu đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao đang diễn ra ở Paris. Do đó, xây dựng được quyết tâm chiến đấu cao cho từng phân đội và khẩn trương bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ.

Đêm 21 tháng 6 chúng tôi đưa đại đội 1 lên bố trí ở La Vang, đêm 22 tháng 6 toàn đội hình tiểu đoàn vào bố trí ở thị xã, cụ thể là Đại đội 2 ở trong thành cổ, Đại đội 3 ở làng Thạch Hãn, Đại đội 4, tiểu đoàn bộ, chỉ huy ở làng Tri Bưu và Cổ Thành.

Cán bộ chỉ huy tiểu đoàn và đại đội bắt tay vào xác định phương án chiến đấu và cho đơn vị khẩn trương xây dựng công sự (chủ yếu là hố chiến đấu bằng vật liệu tại chỗ và tận dụng một số nhà cửa, tường xây, cầu thang còn lại để vừa tránh, vừa đánh địch).

Như vậy là Tiểu đoàn 8 chúng tôi là đơn vị đầu tiên vào chiếm lĩnh vị trí chiến đấu ở thị xã. Sau đó, phát hiện ý đồ và lực lượng lớn của địch, sử dụng các đơn vị dự bị chiến lược gồm 2 sư đoàn dù và thủy quân lục chiến nguy, với sự chi viện tối đa của hỏa lực không quân, hải quân Mỹ, quyết tái chiếm bằng được thành cổ Quảng Trị, nên Bộ tư lệnh chiến dịch của ta mới đưa các đơn vị chủ lực vào chiến đấu ở thị xã cùng với các lực lượng vũ trang địa phương. Lần lượt là trung đoàn 48 sư đoàn 320B, trung đoàn 95 sư đoàn 325 và một số đơn vị khác.



Các chiến sỹ cùng bức Thành Cổ trụ vững 81 ngày đêm dưới mưa bom bão đạn

Do đó, mãi tới 30 tháng 6 mới ổn định đội hình và bước vào chiến đấu.

Về phía địch, từ ngày 28 tháng 6 chúng đã tập trung hỏa lực đánh phá mạnh vào khu vực phía sau và trung tâm thị xã Quảng Trị bằng cả máy bay chiến lược, máy bay phản lực, pháo hạm từ hướng biển Cửa Việt và các trận địa pháo mặt đất. Đến ngày 2 tháng 7 địch sử dụng bộ binh đánh mũi đầu tiên vào ngã 3 làng Long Hưng, lúc này Đại đội 1/ Tiểu đoàn 8 có một bộ phận chốt giữ đánh địch ở đó.

Căn cứ vào tính chất nhiệm vụ, nên cách đánh của ta chủ yếu là chốt giữ. Tuy nhiên, lấy tư tưởng tích cực tiến công địch làm chủ đạo, nên muốn chốt giữ được phải chủ động tích cực tiến công, chứ không chốt giữ đơn thuần. Nên ta đã kết hợp rất tốt với chốt giữ bằng các trận phản kích, tập kích nhỏ và vừa liên tục ngày đêm, mà chủ yếu là ban đêm, làm cho địch mất ăn, mất ngủ để hạn chế sức tiến công của chúng (địch đánh ta ban ngày là chủ yếu).

Vì vậy chỉ tính trong 81 ngày đêm chốt giữ thành cổ và chủ động tiến công địch mà Tiểu đoàn 8/Quảng Trị đã đánh 209 trận vừa và nhỏ (trong đó: phản kích 35 trận, tập kích 48 trận và 126 trận nhỏ lẻ bằng hỏa lực súng cối và ĐKZ) tiêu diệt và làm bị thương 201 tên địch.

Như chúng ta đã biết, cuộc chiến đấu 81 ngày đêm ở Thành cổ Quảng Trị từ ngày 28 tháng 6 đến ngày 16 tháng 9 năm 1972 diễn ra vô cùng ác liệt, ta phải đối chọi với 2 Sư đoàn dự bị chiến lược của địch, thay nhau liên tục tiến công vào Thành cổ, có ngày lên đến 5 - 7 đợt với hàng vạn tấn bom đạn, có ngày chúng dùng đến 15 - 20 ngàn viên đạn pháo các loại; 40 - 60 lần chiếc máy bay phản lực, vừa phun chất độc hoá học vừa thả bom khoan, bom hơi để phá tường thành, đánh đập hầm hào, công sự của ta. Nên tổn thất, thương vong của ta cũng lớn, một số đơn vị trong đó có Tiểu đoàn 8 chúng tôi khi rút ra khỏi Thành cổ chỉ còn vài chục đồng chí. Số đồng anh em thương vong có thể ước tính tỷ lệ 50/50 (nghĩa là khoảng 50% hy sinh, 50% bị thương) nhưng trong số anh em hy sinh có nhiều trường hợp quá đau thương, có lúc mới bổ sung trong đêm, hôm sau ra chốt chiến đấu đã hy sinh; hoặc bị thương khi đưa ra qua sông Thạch Hãn lại bị pháo chùm của địch đánh hy sinh ngay giữa lòng sông. Nhưng với tinh thần quả cảm, quyết tâm cao, không những chịu đựng ác liệt vì bom đạn mà còn chịu đựng nhiều khó khăn, gian khổ, chủ yếu ăn bằng lương khô, gạo sống, uống nước lã và rất ít có thì giờ được chợp mắt, vậy mà cán bộ, chiến sỹ các đơn vị cũng như Tiểu đoàn 8 chúng tôi đã bám trụ kiên cường, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cho đến phút cuối cùng, khi có lệnh rời khỏi Thành cổ Quảng Trị, ngày 16 tháng 9 năm 1972.

Để rút kinh nghiệm và chỉ đạo cuộc chiến đấu tiếp theo, sau khi kết thúc chiến đấu ở Thành cổ Quảng Trị, Bộ tư lệnh chiến dịch cử 1 đoàn cán bộ ra báo cáo với lãnh đạo Bộ Quốc phòng gồm 3 đồng chí: Lê Quang Thuý, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 48; Nguyễn Văn Thu, chính trị viên Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 48 (Đại diện cho lực

lượng chủ lực); Cao Xuân Khuông, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 8 (Đại diện cho lực lượng vũ trang địa phương). Chúng tôi lần lượt báo cáo: Bộ Tổng tham mưu 2 ngày; Quân ủy Trung ương 1 ngày; riêng Đại tướng Võ Nguyên Giáp nghe 1 ngày, ngoài ra còn báo cáo một số buổi cho lãnh đạo Tổng cục Chính trị, Cục Tuyên huấn và một số cơ quan Bộ Tổng tham mưu để nghiên cứu rút kinh nghiệm chiến đấu và bảo đảm chiến đấu ở thành phố, thị xã.

Sau đây tôi xin trích một số ý kiến của các đồng chí lãnh đạo Bộ, chủ trì sau các buổi nghe chúng tôi báo cáo toàn bộ diễn biến chiến đấu 81 ngày đêm ở Thành cổ đã đánh giá nhận xét:

1. Đồng chí Lê Trọng Tấn: “Cán bộ, chiến sỹ chiến đấu trong Thành cổ rất anh dũng, tiêu hao tiêu diệt nhiều địch, giữ được thị xã Quảng Trị trong một thời gian lâu dài theo yêu cầu chiến lược và yêu cầu chính trị, ngoại giao trong điều kiện không chuẩn bị trước được...”. “Thu hút 2 Sư đoàn tinh nhuệ của địch và lực lượng lớn không quân, hải quân Mỹ, tạo điều kiện chiến dịch củng cố phía sau để đưa lực lượng lên...”, “Đạt được thắng lợi trên do các đơn vị trực tiếp chiến đấu tại thị xã tốt + pháo binh chi viện tích cực + có lực lượng bổ sung chi viện sau lên kịp thời cả về vật chất trang bị...”

“Tuy nhiên, ý định và tổ chức phòng thủ chưa chu đáo nên có bị bất ngờ; lực lượng tổ chức tấn công hướng Tây có khó khăn, hướng Đông đánh tốt nhưng lực lượng hạn chế...”.

“Cần rút kinh nghiệm cách đánh lần dũi của địch, tổ chức phòng ngự của ta...”.

2. Đồng chí Văn Tiến Dũng: “...Chiến đấu ở thị xã Quảng Trị là một sự tích anh hùng, là bản anh hùng ca... Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đánh giá cao và biểu dương thành tích các đơn vị, các đồng chí”; “Ta đã giam chân 2 Sư đoàn địch với hình thức chiến đấu mới, phi pháo rất ác liệt, ta phải rút kinh nghiệm, nhiều mặt tốt nhưng cũng có những thiếu sót...”, “Cần nghiên cứu làm sao đánh thắng được trong cách đánh như vậy và đánh hiệp đồng binh chủng...”.

3. Đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp: “...Tinh thần chiến đấu của cán bộ, chiến sỹ rất dũng cảm... phân phân đội đánh tốt, chiến dịch có khuyết điểm... Phần tổ chức chỉ huy tốt, rút được kinh nghiệm kịp thời, nhất là cách đánh, nghĩ ra được cách đánh trả tốt khi địch có thủ đoạn chiến đấu mới (lấn dũi)...”.

“Lực lượng tại chỗ (Thành cổ) đánh tốt, hướng Đông đánh được, hướng Tây chưa đánh mạnh được vào sườn địch, nên địch có điều kiện tập trung đánh vỗ mặt, tạo ra áp lực lớn đối với lực lượng chốt giữ Thành cổ...”.

Cuối cùng đồng chí Đại tướng xúc động nói “Hàng ngày, thậm chí hàng giờ tôi được nghe cơ quan tham mưu báo cáo nhưng không hình dung nổi mức độ ác liệt diễn ra như các đồng chí báo cáo hôm nay...”.

Trước khi ra về đồng chí Đại tướng căn dặn: “Phải rút kinh nghiệm, tìm ra cách đánh ở thành phố, thị xã, để chúng ta không chỉ giữ được 81 ngày đêm, mà chúng ta phải giữ được 100 ngày, 1000 ngày và giữ mãi được bất cứ thành phố, thị xã nào”.

Kết thúc chiến dịch năm 1972, Tiểu đoàn 8 chúng tôi đã được khen thưởng xứng đáng với 7 tập thể và 126 cá nhân được tặng Huân chương các loại. Riêng tập thể tiểu đoàn được thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba và đến ngày 22 tháng 12 năm 1972 được Đảng, Nhà nước tuyên dương “Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

Cho đến nay, mỗi lần nhớ lại cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt, nhưng cũng rất hào hùng đó, nhất là mỗi lần thăm lại chiến trường xưa tôi không khỏi bồi hồi xúc động với sự hy sinh cao cả của anh em đồng chí, đồng đội nhưng cũng rất đỗi tự hào những gì mà Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương tỉnh Quảng Trị đã góp phần cho sự tích anh hùng Thành cổ mãi mãi lưu truyền cùng với chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam.

C.X.K

Đặc công Hải Quân với trận chiến ở Thành cổ Quảng Trị

Khúc dạo đầu của cuộc hành quân “Lam Sơn - 72” được Mỹ - ngụy “diễn võ giương oai” bằng những trận oanh kích chưa từng có trên đất Quảng Trị. Suốt hai ngày 26 và 27 tháng 6 năm 1972, trên toàn bộ chiến tuyến phía bắc sông Mỹ Chánh từ núi Cái Mương, Hồ Lầy, Đá Bạc (hướng tây) đến Văn Quỷ, Hội Phường Kỳ (hướng đông) và các trận địa hỏa lực của ta nằm dọc đường số 1 huyện Hải Lăng đều bị đánh phá dữ dội.

Sáng ngày 28 tháng 6, dưới sự chi viện của không quân và hải quân Mỹ, các sư đoàn chủ lực ngụy bắt đầu ào ạt tiến sang bờ bắc sông Mỹ Chánh thực hiện cuộc hành quân “Lam Sơn - 72” nhằm phản công “tái chiếm lãnh thổ”.

Ở hướng đông, sư đoàn lính thủy đánh bộ có xe tăng thiết giáp yểm trợ với sự chi viện tối đa pháo bầy, bom dội cùng một lúc tiến công một vùng đồng bằng ven biển từ trục đường 68 lên Mỹ Thủy, Phương Lang Đông, Phương Lang Tây.

Trong những ngày đầu tháng 7 diễn ra hết sức sôi động này, cùng với các chiến sĩ Trung đoàn 64 (Sư đoàn 320), Trung đoàn 18 (Sư đoàn 325) ngăn chặn cuộc phản kích của địch ở hướng đồng bằng ven biển huyện Hải Lăng, cán bộ, chiến sĩ đội 1 Đoàn 126 đặc công hải quân đứng chân ở hai vị trí: một phân đội do phó chính trị viên Thứ phụ trách đóng quân ở thôn Trung An (Hải Khê), đại bộ phận còn lại do đoàn phó Mai Năng chỉ huy đứng chân ở thôn Đơn Quế (Phước Điền) làm nhiệm vụ luân sâu trinh sát cửa sông Thuận An và sông Hương (Huế) cũng được lệnh chuẩn bị chiến đấu.

Ngày 2 tháng 7, cùng với sư đoàn dù ở phía tây được trực thăng vận vượt sông Mỹ Chánh, sông Ô Lâu ồ ạt đổ xuống cầu Nhi, Bến Đá, các điểm cao dọc đường số 1, ở hướng đông, sư đoàn lính thủy đánh bộ cũng cho hai lữ đoàn 147 và 258 đổ bộ bằng đường không, đường biển chiếm Đông Dương, Xuân Viên và Cổ Lũy, Mỹ Thủy lập bàn đạp đánh chiếm vùng đồng bằng ven biển huyện Hải Lăng.

Rạng sáng ngày 2 tháng 7, tại thôn Đơn Quế (Phước Điền), để đánh bại các mũi phản kích của địch bảo vệ nhân dân, đoàn phó Mai Năng đã cho các phân đội của đội 1 chuẩn bị trận địa sẵn sàng chiến đấu. Đến 10 giờ 30 phút, sau 15 phút cho pháo bầy đủ loại từ hai hướng nam sông Mỹ Chánh và từ hạm tàu ngoài biển bắn vào, lữ đoàn lính thủy đánh bộ 258 đã cho trực thăng vận một tiểu đoàn xuống cánh đồng nam thôn Đơn Quế rồi tổ chức đánh vào làng từ ba hướng nam, đông, tây hòng tiêu diệt quân dân ta đang bám trụ tại nơi đây.

Tại phía nam làng Đơn Quế do phân đội 2 chốt giữ, sau khi phát hiện được một đại đội địch đi thành ba hàng dọc hùng hổ tiến vào làng, chính trị viên đội 1 Cao Ngọc Liễn đã ra hiệu cho các tổ bí mật quan sát để địch vào thật gần mới được nổ súng, đã nổ súng là phải diệt được địch. Mặc dù chưa quen với hình thức tác chiến bộ binh nhưng qua kinh nghiệm nhiều năm bám trụ chiến trường và đã từng nhiều lần tao ngộ chiến trên đường vào đánh tàu xuồng địch, nên mọi người thấy phương án “đánh gần diệt gọn” là tối ưu để bảo vệ trận địa, bảo vệ nhân dân.

Bọn địch vẫn hò hét tiến vào, vừa đi vừa bắn loạn xạ. Tốp địch đi đầu vào cách trận địa ta 20m, 15m, 10m... Chính trị viên Liễn hét vang: Bắn!

Lập tức một hàng rào lửa được dựng lên. Ba tên địch đi đầu đổ ụp xuống không kịp kêu một tiếng. Bọn địch đi sau hốt hoảng nằm dạt ra, nháp nhồm bò lùi, miệng kêu thất thanh.

Khi ra đến 200m, chúng dừng lại gọi phi pháo chi viện. Đầu tiên là 4 chiếc A.37, 4 chiếc T.28 thay nhau lao xuống đồ bom phạt, bom cháy, bắn đạn 20 ly. Lửa khói cửa nhà, chuồng trại còn đang bốc cao, chúng đã lại gọi tiếp pháo bầy giội tới. Cả thôn Đơn Quế rung lên trong tiếng nổ rền.

14 giờ, sau khi đã được bom pháo đánh dọn đường, chúng cho 8 chiếc trực thăng chở lính lượn tròn mấy vòng trên bầu trời Đơn Quế tìm nơi đổ quân. Phán đoán địch có thể đổ bộ vào giữa làng thực hiện ý đồ “trong đánh ra, ngoài đánh vào” làm cho ta khó bề xoay sở, ban chỉ huy đội 1 đã cho phân đội 3 do phân đội phó Nguyễn Ngọc Quế phụ trách một tổ theo dõi máy bay tiêu diệt bọn đổ bộ. Khi chiếc trực thăng thứ nhất đang từ từ tiếp đất ở bãi trống giữa làng, đứng ở cự ly khoảng 50m, Quế dùng B.40 của đồng đội ngắm kỹ, siết cò. Chiếc trực thăng bị bùng cháy thiêu luôn cả tiểu đội địch. Thấy đồng bọn bị tiêu diệt, hai chiếc trực thăng còn lại hốt hoảng vọt lên cao rồi bay thẳng.

Cùng lúc, các phân đội 2 và 4 cũng đánh bật được tất cả các đợt phản kích từ

hai hướng đông và nam của tiểu đoàn địch. Từ đó đến tối, bọn chúng không dám mở tiếp đợt tiến công nào, chỉ gọi phi pháo đánh vào trận địa ta. Sáng hôm sau, khi chúng được 2 chi đội xe bọc thép yểm trợ hùng hổ tiến vào làng thì chỉ còn lại “vườn không, đất trống”, quân và dân ta đã được lệnh rút đi từ đêm.

Hướng Trung An (Hải Khê) nằm ở phía nam cảng Mỹ Thủy do phân đội 1 (đội 1 Đoàn 126 đặc công hải quân) và các lực lượng vũ trang địa phương đảm nhiệm tình hình diễn ra phức tạp hơn nhiều. Sáng ngày 3 tháng 7, sau khi cho hàng chục lần chiếc máy bay B.52 chà đi sát lại Trung An - Mỹ Thủy, lũ đoàn lính thủy đánh bộ 147 chia làm hai hướng: hướng chủ yếu từ Thanh Hương ra (có xe bọc thép yểm trợ) tiến công vào tiền duyên của ta, hướng thứ yếu vu hồi được 20 tàu vận năng hỗ trợ đổ bộ một tiểu đoàn lên cảng Mỹ Thủy hòng bịt kín không cho quân ta tiếp ứng từ phía sau lên.

8 giờ 15 phút, sau khi phổ biến cho các chiến sĩ: địch đông và có hỏa lực mạnh, nhưng tinh thần hoang mang, sợ đụng độ với chủ lực ta, khi bị đánh đau thường rút lui gọi phi pháo chi viện... chính trị viên phó Thứ đã cho các tổ khản trương củng cố lại hầm hào bị sạt lở vì bom pháo, chờ chúng vào thật gần mới nổ súng đánh chắc thắng. Đúng 11 giờ, hai đại đội lính thủy đánh bộ được pháo cối chiến thuật chi viện hùng hổ đánh từ hướng tây nam vào làng Trung An. Thấy nhân dân chạy đi, chạy lại tìm nơi ẩn nấp, chúng đánh luôn bất chấp tiếng kêu gào của phụ nữ và trẻ em. Đứng trong chiến hào, lòng mọi người quặn đau như dao chích, kim châm. Họ muốn băng lên để diệt địch, cứu dân. Nhưng vì lực lượng quá mỏng, phía sau đại đa số nhân dân đang chuẩn bị sơ tán, nên họ phải nén lại, chờ đánh gần kìm chân bọn địch.

Khi hai trung đội “cọc biển” vào cách trận địa ta 15m, chính trị viên phó Thứ trực tiếp bấm quả mìn định hướng. Mìn nổ, quạt ngã liền một lúc ba tên. Một tốp địch

*Các chiến sĩ
quyết tử bảo vệ
Thành cổ
(8/1972)*

Ảnh: Đoàn Công Tính



đồn ứ lại la hét om sòm liền bị ba quả lựu đạn quét gọn. Bọn địch đi sau chưa kịp hoàn hồn đã lại bị xạ thủ B.40 Lương Văn Thắm diệt 3 tên nữa... Bị đánh quá bất ngờ và bị quá đau bọn địch lùi lại gọi phi pháo đánh phá hàng giờ liền để “tiêu diệt một tiểu đoàn địch” theo cách gọi của chúng.

Thế là hàng trăm quả bom, hàng nghìn quả pháo liên hồi trút xuống một làng cát nhỏ nhoi chạy dọc theo biển. Hàm hố sập lở gần hết. Lại thêm 4 chiến sĩ bị thương và hy sinh. Trận địa trở thành một bình địa hoang tàn đổ nát.

Với lực lượng chỉ còn có 5 người, làm thế nào để đánh bại được các đợt tiến công của địch, giữ vững được trận địa, bảo vệ được nhân dân? Câu hỏi đó vang lên trong đầu Thử như một mệnh lệnh cấp thiết đòi hỏi phải được giải quyết không chậm trễ. Sau khi hội ý với bốn trong số tám đồng chí còn lại (có ba du kích), Thử nhấn mạnh “nhiệm vụ, kìm chân địch bảo vệ cho dân sơ tán về phía sau là nhiệm vụ hàng đầu, dù phải hy sinh đến người cuối cùng chúng ta cũng quyết tâm thực hiện điều đó. Vì vậy, để giữ vững được trận địa chỉ còn cách duy nhất là “đánh gần, diệt gọn”.

Đúng như dự đoán, từ đó đến tối họ phải đánh thêm hai trận nữa trong điều kiện không cân sức (1 đánh 30) và vô cùng ác liệt. Mặc dù bị thương vong tiếp và trận địa bị thu hẹp dần, nhưng họ đã đóng góp một phần quan trọng bảo vệ được 500 người dân Trung An - Hải Khê thoát khỏi nanh vuốt độc ác của Mỹ - ngụy.

Như vậy, trải qua hai ngày đánh địch phản kích trong điều kiện độc lập không được sự chi viện của các đơn vị bộ binh, không đúng kỹ năng chiến thuật chính của đơn vị đặc công hải quân, nhưng toàn thể cán bộ, chiến sĩ trên hai điểm đánh đã đoàn kết một lòng, chủ động hiệp đồng chiến đấu và chiến thắng quân thù bảo vệ nhân dân sơ tán khỏi nơi đánh phá hủy diệt của giặc. Chiến công đó một lần nữa khẳng định, trong bất cứ hoàn cảnh nào, tác chiến ở đâu, kẻ thù hung hãn đến mấy, cán bộ, chiến sĩ đặc công hải quân vẫn có thể trụ vững chiến đấu và chiến thắng kẻ thù.

*Theo “Đặc Công Hải quân trên chiến trường Quảng Trị”
NXB Quân đội nhân dân - 1996*

Chiến trường Hoa lửa

Đại tá Phạm Hồng Lân

*Nguyên Chính trị viên Tiểu đoàn 8
bộ đội địa phương Quảng Trị*

Sau năm 1954, đất nước ta bị chia cắt thành hai miền, từ Bắc tỉnh Quảng Trị trở vào, do Mỹ - ngụy chiếm đóng. Từ đó Quảng Trị trở thành địa bàn tiếp giáp quan trọng giữa ta và địch. Chúng dùng mọi mưu đồ, thủ đoạn nhằm ngăn chặn, đề phòng sự tấn công của ta.

Thực hiện các thủ đoạn dồn dân lập ấp, Tổ cộng, Tầm diệt, giết nhằm hơn bỏ sót, tát nước bắt cá... địch đã tập trung một lực lượng binh hỏa lực mạnh nhất ở miền Nam. Chúng bố trí nhiều phòng tuyến phòng ngự kiên cố từ nam sông Bến Hải đến Bắc sông Mỹ Chánh như: Tuyến giáp ranh - Tuyến đường sắt - Tuyến đường số 1A và đồng bằng ven biển; thường xuyên tuần tra phục kích và càn quét hủy diệt tài sản và giết hại đồng bào ta, nên mỗi lần K8 về địa bàn hoạt động của mình ở 2 huyện Triệu Phong và Hải Lăng để cùng nhân dân diệt ác trừ gian và đấu tranh với bọn chúng là phải vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ và ác liệt. Nên công tác lãnh đạo tổ chức chỉ huy có nhiều khó khăn phức tạp. Phải biết lấy những tấm gương điển hình tay không đấu tranh trực diện với địch như: Chị Trợ, chị Đoàn và những thủ đoạn tra tấn bắt bớ hy sinh mất mát của nhân dân do địch gây ra để phát động lòng căm thù giặc, xây dựng quyết tâm và lòng dũng cảm chiến đấu bảo vệ dân. Lúc xuất quân đơn vị làm lễ tuyên thệ: Không đánh thắng là không trở về, và ký giao ước thi đua cá nhân với cá nhân, tổ chức với tổ chức về chỉ tiêu diệt địch, bắt tù binh, thu vũ khí trang bị,... nên mỗi lần về lại địa bàn là được Đảng, chính quyền và nhân dân giúp đỡ tận tình tạo mọi điều kiện để đơn vị thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ trên giao. Những người như chị Thuyền, ông Sương, bà Kinh xã Triệu Tài; chị Cúc, bà Em xã Hải Lăng... nuôi giấu thương binh trong hầm bí mật hàng tháng. Họ sẵn sàng hy sinh tài sản hoặc người thân để bảo vệ đơn vị và

cung cấp lương thực, đồ dùng cho bộ đội ta ở hậu cứ... chỉ với một nguyện vọng ước mong quê hương được giải phóng.

Rồi cái gì đến ắt phải đến, sau hàng chục năm mòn mỏi chờ đợi các chiến sỹ và nhân dân đã khẩn trương ráo riết chuẩn bị để bước vào một chiến dịch lớn. Còn kẻ thù tỏ ra chủ quan, bị ta nghi binh đánh lừa, không phát hiện được kế hoạch tấn công của ta. 11 giờ ngày 30 tháng 4 năm 1972 cả đất trời Quảng Trị rung chuyển sấm sét, bão lửa từ nhiều phía cùng một lúc trùn lên toàn bộ hệ thống căn cứ của địch bốc cháy. Quân giải phóng ào ạt tấn công các căn cứ lớn. Tiểu đoàn 8 (K8) cùng một số đơn vị bạn đánh chiếm thị xã Quảng Trị. Giặc chết và bị thương ngổn ngang, các loại xe chở đầy lính tháo chạy nhưng đã bị quân ta chặn đánh ở cầu Nhùng. Số bị chết la liệt, số bị bắt, số vớt vũ khí cải trang chạy thực mạng. Đoạn đường từ cầu Nhùng đi Mỹ Chánh là đoạn đường chết kinh hoàng của địch. Chiều ngày 01 tháng 5 năm 1972 là giờ phút lịch sử giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị, thỏa nỗi chờ mong ao ước của quân và dân Quảng Trị nói riêng và cả nước nói chung.

Trước thất bại bất ngờ, nhục nhã, đau đớn, tinh thần hoảng loạn, nơm nớp lo sợ trong nguy quyền và quân đội Sài Gòn thì được quan thầy Mỹ trấn tĩnh bằng lời hứa: Chính phủ Mỹ sẽ viện trợ tối đa tái chiếm Quảng Trị. Thực hiện mục tiêu này, địch đã tập trung toàn bộ lực lượng, vũ khí và các phương tiện chiến tranh để mở cuộc tấn công tái chiếm Quảng Trị, hòng cứu vãn tình thế và gây sức ép với ta trên bàn hội nghị bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, tại Pari (Pháp).

Trận chiến đấu 81 ngày đêm Thành cổ Quảng Trị Tiểu đoàn 8 địa phương Quảng Trị được lệnh: Ngày 28 tháng 6 đưa đơn vị vào thị xã chuẩn bị chiến đấu. Đây là đơn vị



đầu tiên vào Thành Cổ. Tiếp đó là Trung đoàn 48 Sư đoàn 320B, lúc cao nhất có thêm Trung đoàn 95 Sư đoàn 325 cùng nhiều đơn vị khác.

Cuộc chiến đấu trong Thành cổ Quảng Trị diễn ra vô cùng ác liệt, giành đi giết lại trong 81 ngày đêm. Cán bộ, chiến sỹ bất chấp mọi nguy hiểm, gian khổ, ác liệt hy sinh đập tan các đợt tấn công của địch. Trung bình mỗi ngày 5 đến 6 lần, đặc biệt có ngày 10 - 12 lần liên tiếp chúng phản kích bằng bộ binh xe tăng, bom pháo các loại hầu như không có giờ phút nào không có tiếng nổ. Địch đã dội mỗi ngày không biết bao nhiêu là bom đạn, trung bình mỗi chiến sỹ trong Thành Cổ phải hứng chịu hàng trăm quả bom, hai đến ba trăm quả đạn pháo, đạn cay, hơi độc, bom đào, bom phạt, bom bi bom dù, pháo khoan pháo chụp, chất độc hóa học... Chiến sỹ ta phải chảy máu mũi, nước mắt ho ọe sặc sụa, thiếu ăn nhất là thiếu nước uống... Vậy mà vẫn bám trụ chiến đấu kiên cường 81 ngày đêm. Kẻ địch vẫn không thực hiện được ý đồ đen tối của chúng.

Cuộc chiến đấu anh hùng của quân và dân qua 81 ngày đêm bảo vệ Thành Cổ Quảng Trị đã kết thúc vào ngày 16 tháng 9 năm 1972. Đây là cuộc chiến đấu giành đi giết lại nhiều ngày nhất.

- * Gian khổ ác liệt nhất mỗi tác đất ở đây đã vùi xác hàng ngàn tên địch.
- * Và tất nhiên đã thấm nhiều xương máu của chiến sỹ và đồng bào cả nước.
- * Là trận chiến đấu hào hùng oanh liệt nhất, đã làm sáng tỏ thêm chân lý “Không có gì quý hơn Độc lập tự do”.

P.H.L

Thành phố Vinh, Nghệ An ngày 16/3/2010

Xứng với người đã khuất

Lê Xuân Tánh

*Trưởng ban liên lạc chiến sỹ bảo vệ
Thành cổ Quảng Trị – 1972*

Chiến trường Quảng Trị trong những năm chống Mỹ rất khốc liệt. Thật vậy, bởi nơi đây nằm trên vùng giới tuyến tạm thời Nam - Bắc. Mỹ và ngụy đã từng có ý đồ lấp sông Bến Hải để đánh phá Miền Bắc nên chúng đã tập trung nhiều binh lực, hỏa lực và phương tiện chiến tranh hiện đại nhất, bộ máy ngụy quân, ngụy quyền kèm kẹp, đàn áp dã man nhất hòng đè bẹp ý chí thống nhất non sông của nhân dân ta.

Quảng Trị như lịch sử đã lựa chọn làm nơi đụng đầu quyết liệt, như người lính xung kích hiên ngang bảo vệ tuyến đầu của Tổ quốc, dân và quân Quảng Trị cùng nhau trên các chiến hào làm nên những chiến thắng vang dội như Đường 9, Khe Sanh, Cồn Tiên, Dốc Miếu... đánh bại những cuộc hành quân, càn quét của địch; người Quảng Trị thủy chung son sắt mà anh dũng, “Gươm nào chém được dòng Bến Hải”, được nhân dân cả nước tin yêu.

Chúng tôi là lớp người lớn lên trong lò lửa chiến tranh cách mạng, cảnh quê hương tan nát đã nung nấu cho chúng tôi ý chí và lòng căm thù là được giết giặc bảo vệ quê hương, nên tuổi đang thiếu niên nhưng đã vững vàng cầm súng đánh Mỹ. Khi trận quyết chiến 81 ngày đêm để bảo vệ thị xã và Thành cổ năm 1972, tôi vừa tròn 20 tuổi, cái tuổi mà Tố Hữu viết “mới qua vòng thơ bé” nhưng đã “hồn quay trong gió bão”, ít nhiều có kinh nghiệm về chiến trường, nên cấp trên biệt phái tôi là một trinh

sát an ninh về phụ trách lực lượng chiến đấu của xã Hải Trí (gồm Thành cổ và thị xã). Nhiệm vụ của đơn vị chúng tôi là hướng dẫn bộ đội ra vào thị xã và Thành cổ, trinh sát nắm tình hình địch và lực lượng chiến đấu của ta, nắm quy luật hoạt động của máy bay, phi pháo và phản kích của địch để trình báo cấp trên, cùng với bộ đội đánh địch; tôi phải thường xuyên bơi lội qua sông Thạch Hãn, chủ yếu sang sông ban ngày, bộ đội thì ban đêm, cũng nhờ kinh nghiệm chiến trường nên tôi nhiều lần tránh được những đợt pháo, bom B52, máy bay phản lực đánh phá giữa đội hình.

Thị xã Quảng Trị nằm bên bờ sông Thạch Hãn được xây dựng từ thời nhà Nguyễn. Qua các bước thăng trầm, biến cố, thị xã vẫn lớn lên nên khi được giải phóng năm 1972, tuy là nhỏ nhưng là một đô thị rất đẹp và sầm uất, thế mà sau 81 ngày đêm thành cổ đã đổ nát hoang tàn. Quân địch tập trung đánh vào đây gần 330.000 tấn bom đạn, với sức công phá tương đương 7 quả bom nguyên tử mà Mỹ ném xuống Nhật Bản năm 1945. Một thị xã có vị trí chiến lược trong cuộc chiến, giành giật được thị xã Quảng Trị chính là góp phần thắng lợi tại Hội Nghị Paris về Việt Nam; vì vậy đồng thời với sức mạnh của bom đạn, địch dốc hầu hết các đơn vị quân đội thiện chiến nhất để đối đầu với bộ đội ta, một cuộc đọ sức đầy gian khổ và ác liệt để giành giật nhau từng mồm đất, từng mét giao thông hào; lớp trước hy sinh, lớp sau xông tới, ta và địch tranh nhau từng vũng nước để uống, địch chiếm trận địa ta đánh đẩy lùi, địch lần đuổi ta tập kích.

Cuối tháng 8 và đầu tháng 9 Quảng Trị vào mùa mưa lũ, những trận mưa như trút nước, nhất là từ ngày 4 đến 6 tháng 9 mưa rất to, nước sông Thạch Hãn lên nhanh cuộn cuộn chảy nên ảnh hưởng rất lớn đến tiếp viện lương thực và quân số, có đêm hàng chục chiến sĩ vượt sông bị trôi dạt. Công sự hào hào bị ngập và sụt lở nên một



số đơn vị quân đội phải rút ra khỏi trận địa phía các chốt thuộc khu Thạch Hãn, thôn Đệ ngũ, trường Bồ Đề, từ đó cánh phòng ngự hướng Tây Nam bị hở; theo các đơn vị quân đội lực lượng chiến đấu của chúng tôi cũng được lệnh rút ra và cấp trên ra lệnh tôi phải ở lại cùng với bộ đội, khi ở nhờ tiểu đoàn 3, khi thì Trung đoàn 48 để chiến đấu chốt giữ Thành cổ. Trong Thành cổ có Nhà tù, nơi ấy tôi đã từng bị địch giam cầm 2 năm 7 tháng lúc tuổi thiếu niên. Tôi còn nhớ ngày 7 tháng 9 địch mở đầu bằng đòn tập kích “phóng lôi 2”. Chúng bắn pháo và ném bom suốt 48 giờ liền vào tất cả các trận địa của ta; Bộ đội ta thật ngoan cường và dũng cảm, chính đêm đó tiểu đoàn 2, thuộc Trung đoàn 48 và Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 95 đã tổ chức tập kích lại địch tại Tri Bưu và Nhà thờ Tin lành; bọn địch bị chết nhiều nên rút chạy. Ngày 9 tháng 9 Sư đoàn thủy quân lục chiến nguy tập trung nhiều chiến xa, thiết giáp, súng phun lửa có sự yểm trợ của bom và pháo tập trung đánh vào thị xã và Thành cổ, nhiều trận phản kích ác liệt ngay sát chân thành. Ngày đó một trung đội địch đã lọt vào Thành cổ bị Tiểu đoàn 3 bộ đội địa phương phản kích tiêu diệt, số còn lại tháo chạy. Cuộc chiến ngày càng gay go, địa bàn chiến đấu càng thu hẹp lại càng quyết liệt, càng gian khổ và hy sinh, địch và ta càng đánh nhau dữ dội. Bộ đội ta càng đánh càng hiên ngang dũng khí, “K3 - Tam Đảo còn Thành cổ Quảng Trị còn”, “Quang sơn còn Thành Cổ còn”, liên tục quần nhau với địch, xác địch và ta lẫn lộn, địch chết nhiều, bộ đội ta hy sinh cũng nhiều. Theo lời trung tá nguy Trần Văn Hiến, trưởng phòng 3 Bộ Tư lệnh Sư đoàn thủy quân lục chiến thì từ tháng 6 năm 1972 đến ngày kết thúc chiến dịch, chỉ riêng các đơn vị thủy quân lục chiến của địch đã bị tổn thất trên 5000 tên; phía ta có 3.658 chiến sĩ hy sinh; Còn theo tướng nguy Ngô Quang Trưởng, trong 10 ngày cuối chiến trận phía địch có 2.757 lính đã chết, 43 tên bị bắt sống. Về phía thủy quân lục chiến của Nguy trung bình mỗi ngày có 150 binh sĩ cạp biển chết trận. Còn về phía ta, bộ đội cũng thương vong nhiều; dòng Thạch Hãn có biết bao chiến sĩ bị trôi dạt, nhất là những ngày cuối trận chiến trời mưa to, nước sông chảy xiết. Trên thị xã và Thành cổ bộ đội ta hy sinh bị bom cày đạn xới mất xác cũng khá nhiều; tôi cũng bị mảnh pháo găm vào bụng nhưng may trúng vào thắt lưng nên bị thương nhẹ, không rời trận địa. Nhật ký của một chiến sĩ Trung đoàn 48 đã viết:

Đồng đội hy sinh

Tìm nén nhang thơm

Thấp cho người dưới mộ

Bom lại nổ, mộ anh chẳng còn

Đồng đội lại chôn

Đặt miếng lương khô tưởng nhớ.

Và nhật ký của một chiến sĩ Đại đội 11 Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 viết: “Sau 10 ngày chiến đấu, lúc này đơn vị chỉ còn 14 người đầy thương tích. Khi vào trận (5/8) con số toàn đơn vị 125 người. Đã có 111 chiến sĩ chiến đấu quả cảm và anh dũng hy

sinh tại chỗ, số còn lại bị thương nặng đưa về tuyến sau. Sáng hôm sau (8/8) tỉnh dậy tôi thấy mình đang nằm trong phòng cấp cứu của trạm phẫu, tôi liền trốn khỏi hầm thương binh chạy về chốt đơn vị. Đêm bò lên chốt để giữ đất, sáng lui về sở chỉ huy Đại đội báo cáo thì tôi bị ngất xỉu...”. Giống như anh cuốn nhật ký cũng mang thương tích của mảnh bom thù xén gọt một góc.

Thật bi hùng, ôi! mấy ai hiểu nổi. Sau 39 năm nhớ lại trận chiến ngày nào như một giấc mơ khủng khiếp. Người lính xác định khi cầm súng là muốn ra trận, là hy sinh, nhưng chiến trường Thành cổ và thị xã đã vượt xa sự ác liệt, vượt quá sự hy sinh, mọi người không tưởng tượng nổi ngày ấy vì sao các chiến sĩ Thành cổ: đói rách, bệnh tật, bị thương nhưng vẫn đội bom đạn tấn công địch. Tổng Bí thư Lê Duẩn viết về Thành cổ: “Chúng ta đã chịu được không phải chúng ta là gang thép vì gang thép cũng chảy với bom đạn của chúng, mà chúng ta là những con người thật sự, con người Việt Nam với truyền thống 4000 năm đã giác ngộ sâu sắc trách nhiệm trọng đại trước Tổ quốc, trước thời đại”. Tôi may mắn được sống và vinh dự được ủy ban nhân dân tỉnh cho tôi các dịp được đi trên dặm dài của đất nước để tổ chức trao Kỷ niệm chương chiến sĩ bảo vệ thị xã - Thành cổ Quảng Trị. Kỷ niệm chương mang nặng nghĩa tình của Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị để tôn vinh, ghi nhận, lưu niệm các chiến binh đã một thời trực tiếp chiến đấu trong 81 ngày đêm, nay họ trở về với cuộc sống đời thường, nhiều người có cuộc sống đang vất vả nhưng trong họ vẫn toát lên phẩm chất tuyệt vời của tình đồng đội, đồng chí, tình cảm với chiến trường xưa Quảng Trị. Còn những người hy sinh, họ đã hóa thân vào màu xanh hoa lá nơi Thành cổ, hòa tan vào dòng nước trong xanh sông Thạch Hãn để chở che và tắm mát cho chúng ta hôm nay. Thế hệ ngày nay và mai sau bất cứ ở cương vị nào, làm nghề gì và sống ở đâu hãy nhớ và luôn tri ân những người đã mất, họ đã cho ta cuộc sống làm người và chúng ta phải sống xứng đáng làm người, con người Việt Nam được Đảng và Bác Hồ giác ngộ.

L.X.T

Không thể nào quên những năm tháng ác liệt đó

Đại tá Nguyễn Công Định, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1943 tại xã Gia Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Sau nhập ngũ, tháng 6 năm 1963 ông đã tham gia chiến trường B - Năm 1967 từ miền Nam ra ông được trên cho đi học lớp cán bộ đại đội - Trường Sĩ quan Lục quân 1. Tháng 1, năm 1971 ông được điều về làm trợ lý Tác chiến Trung đoàn 48. Tháng 11 năm 1971 Trung đoàn được lệnh hành quân vào chiến trường Quảng Trị tham gia chiến dịch 1972.

Trung đoàn hành quân vào Quảng Bình, ông đi cùng Tiểu đoàn 3 và đồng chí Đễ - Trung đoàn phó trực tiếp tham gia chỉ đạo Tiểu đoàn 3 đánh Cồn Tiên. Căn cứ Cồn Tiên cao 153 mét, xung quanh là các cao điểm thấp dần. Đây là một căn cứ vững chắc, chúng bố trí từ 12 đến 17 lớp hàng rào kẽm gai, lực lượng ở bên trong là 1 tiểu đoàn thiếu, bên ngoài 1 đại đội đi vòng quanh để bảo vệ, công sự kiên cố có lưới bảo vệ lô cốt chống đạn B40, B41. Việc xác định hướng cửa mở, vị trí tập kết lực lượng, tập kết binh khí kho tàng lương thực ếm trước để bảo đảm cho chiến đấu giành thắng lợi, đơn vị đã hoàn thành trước thời gian của Mặt trận quy định.

9 giờ 56 phút ngày 30 tháng 3 toàn chiến dịch nổ súng. Tiểu đoàn trưởng đoàn 3 Trần Minh Vân đã nắm chắc được địch, tiêu diệt gọn 1 đại đội vòng ngoài, bắt sống được 70 tên và thu vũ khí trang bị, lực lượng của ta đã đánh thẳng vào căn cứ Cồn Tiên. Tên Thiếu tá, Tiểu đoàn trưởng Trần Đại Tích bị pháo ta bắn chết tại chỗ. Tiểu đoàn 3 đã làm chủ hoàn toàn căn cứ Cồn Tiên, thừa thắng Tiểu đoàn 3 phối hợp với xe tăng của Lữ đoàn 202 đánh thẳng vào Quán Ngang và Cầu Đông Hà. Địch đã đánh sập Cầu Đông Hà để phòng thủ Thị xã Đông Hà. Sau đó ông cùng Tiểu đoàn 3 quay trở về đội hình của Trung đoàn ở Cam Lộ. Trung đoàn nhận lệnh tiếp vào đánh Tân Vĩnh, phía Tây Nam của Đông Hà, toàn bộ ở khu vực Đường 9 và Tứ giác (Cồn Tiên, Dốc Miếu, Miếu Bái Sơn, Quán Ngang), hàng trăm xe tăng của địch phòng thủ ở Đông Hà với các

lực lượng còn lại, theo hiệp đồng Trung đoàn đã đánh vào Tân Vĩnh, Sân bay ái Tử thu được hàng trăm xe ô tô, vũ khí đạn dược, quân trang, quân dụng của địch. Trung đoàn đã cùng Sư đoàn 308 đánh chiếm căn cứ Ái Tử.

Sau khi mất hoàn toàn tỉnh Quảng Trị, chính quyền Thiệu mở cuộc hành quân Lam Sơn năm 1972 để tái chiếm toàn bộ tỉnh Quảng Trị. Lúc này ông Định về làm trợ lý tác chiến của Trung đoàn theo dõi tình hình ở Sở chỉ huy trong Thành cổ Quảng Trị.

Sở chỉ huy được đặt ngay tại hầm dinh Tỉnh trưởng. Ta đã làm các hầm kéo ở trong tầng hầm để chỉ huy bộ đội. Đơn vị tác chiến của ta ở Ngã ba Long Hưng đã bắt đầu từ ngày 2 tháng 7. Không quân, pháo binh, pháo hạm của địch đánh dữ dội vào Thành cổ Quảng Trị. Trên bầu trời thường xuyên có 2 máy bay trinh sát quần lượn để xác định mục tiêu, chúng bắn chỉ điểm để gọi không quân đến oanh kích. Pháo địch bắn hàng nghìn quả pháo 1 ngày vào thị xã. Chúng thả bom dù để phá Thành cổ Quảng Trị. Ông Định đã dẫn phóng viên Đoàn Công Tính chụp những bức ảnh tư liệu quý giá. Trong Sở chỉ huy thời tiết rất nóng. Bên ngoài địch đánh dữ dội ta phải đưa cả trạm phẫu vào tầng hầm Sở chỉ huy để cứu chữa thương binh.

Đầu tháng 8, sau khi đi đốc chiến đơn vị về thấy xung quanh khu vực dinh tỉnh trưởng đã bị phá hủy hoàn toàn. Nhà Dinh tỉnh trưởng còn gần 2 tầng, ông Định đã đề nghị với Trung đoàn trưởng Lê Quang Thụ cho bộc phá đánh sập dinh tỉnh trưởng để bảo đảm an toàn.

Đầu tháng 8 năm 1972 ông nhận chức Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2. Từ cán bộ tác chiến Trung đoàn về làm Tiểu đoàn trưởng, tuy không nói ra nhưng ông Định nung nấu phải có được trận đánh mở đầu thắng lợi do mình chỉ huy.

Những trận đánh trước ta thắng lớn nhưng số thương vong nhiều. Chính vì vậy, ông bàn bạc thống nhất trong lãnh đạo, chỉ huy phải vừa chiến đấu, vừa huấn luyện chiến sĩ. Trên thực tế nhiều chiến sĩ mới vào thời gian huấn luyện chưa được nhiều đã phải điều động bổ sung vào chiến đấu ngay. Kỹ thuật thao tác, sử dụng binh khí nhiều người chưa thành thạo, nhất là kỹ thuật chiến đấu trong đội hình phòng ngự tiến công. Ông ra lệnh: Cán bộ cấp nào phải huấn luyện chiến sĩ của mình ở cấp đó, ai cầm súng gì huấn luyện loại súng đấy.

Do có sự chuẩn bị tốt về tư tưởng, về việc huấn luyện chiến sĩ, cùng với sự chi viện của trên, Tiểu đoàn 2 do ông Nguyễn Công Định chỉ huy đã nhiều lần lập công xuất sắc. Điển hình là trận đánh địch ở làng Hành Hoa (làng có tên là Dương ấp) cách Thành cổ Quảng Trị chừng 300 mét về phía Đông Bắc.

Sau khi nhận nhiệm vụ, Thường vụ Đảng ủy Tiểu đoàn 2 gồm Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Công Định, chính trị viên tiểu đoàn Lê Ích Thu kịp thời hội ý nhận định: Địch có quân số đông, hỏa lực mạnh, có hầm hào kiên cố, có quân địch bên khu nhà tôn và Tri Bưu chi viện, nhưng cái yếu cơ bản là tinh thần địch đang hoang mang, dao động và chân ướt, chân ráo chưa thuộc địa hình. Về lực lượng ta, tiểu đoàn chiến đấu liên tục 66 ngày đêm liền từ khi vào bảo vệ thị xã, đã lập nhiều chiến công xuất sắc; có đại đội 5

giỏi đánh gần, đại đội 7 giỏi đánh vận động, cán bộ, chiến sĩ cũ tuy sức khỏe có giảm, nhưng giàu kinh nghiệm, quen thuộc địa hình, ý chí, quyết tâm rất cao.

Kinh nghiệm đánh gần, đánh đêm và đánh công sự vững chắc được phổ biến kỹ lưỡng.

Việc trinh sát nắm địch và phân công hiệp đồng được làm cụ thể đến từng tổ chiến đấu.

Tất cả súng đạn và lương khô ưu tiên cho đại đội 7 đảm nhiệm hướng chủ yếu và đại đội 5 hướng thứ yếu.

Theo đúng hiệp đồng, 19 giờ tối ngày 8 tháng 9, cối 160 ly của cấp trên bắn phá hoại từng đợt vào khu nhà tôn Hành Hoa. Pháo bắn xong không thấy bộ binh xung phong, địch cho là ta tập kích hỏa lực, nên chỉ sửa chữa công sự và không có phản ứng gì.

Các mũi, các hướng quân ta lợi dụng trời đổ mưa, pháo sáng ít tác dụng, liên bí mật chiếm lĩnh trận địa. Có tổ đã nằm sát hầm quân địch.



Sở chỉ huy Trung đoàn 48, Sư đoàn 320B bảo vệ Thành Cổ Quảng Trị: 81 ngày đêm (1972) tại hầm nhà dinh tỉnh trưởng Thành cổ Quảng Trị.

Trong ảnh: 1. Lê Quang Thúy (Trung đoàn trưởng E48 - chỉ huy trưởng BCH Bảo vệ Thành cổ Quảng Trị); 2. Hải Như (Tham mưu trưởng Trung đoàn - Tham mưu trưởng BCH Bảo vệ Thành cổ Quảng Trị);

3. Đ/c Tá (Chủ nhiệm Chính trị Trung đoàn E48 - Chủ nhiệm chính trị BCH Bảo vệ Thành cổ Quảng Trị); 4. Nguyễn Công Định (tác chiến); 5. Chu Phần (Đại diện pháo binh Mặt trận B5 tăng cường BCH Bảo vệ Thành cổ Quảng Trị và hai chiến sĩ trinh sát BP)

Đúng 03 giờ ngày 9 tháng 9, 2 phát pháo hiệu đỏ (lệnh nổ súng) được bắn lên. Lập tức tiếng lựu đạn, thủ pháo, AK, B40, B41 gần như nổ ran cùng một lúc ở cả hai hướng. Ngay từ phút đầu, tiểu đoàn trưởng Nguyễn Công Định nhận được báo cáo đã diệt 13 hầm; một mũi của đại đội 7 thọc vào diệt sở chỉ huy. Hai gọng kìm của đại đội 7 đều phát triển thuận lợi, đánh hất địch ra khỏi chiến hào và công sự tiền duyên, dồn chúng ra chỗ trống để diệt. Đại liên và 12 ly 7 địch từ nhà thờ Tri Bưu vừa bắn chi viện được mấy loạt đã bị ngay 3 - 4 quả M72 và B40 phụt trúng tất ngấm; trận địa cối 81 ở khu nhà tôn vừa kịp phản ứng, liền bị cối 82 của đại đội 8 tiểu đoàn 2 và đại đội 12 tiểu đoàn 6 (trung đoàn 95) bắn chế áp phải câm họng.

Đến 4 giờ 40 phút, đại đội địch ở Hành Hoa bị tiêu diệt hoàn toàn. Quân ta chiếm lại địa bàn, củng cố công sự, chờ đánh phản kích. 5 giờ 30 phút sáng địch gọi máy bay đến ném bom dữ dội xuống Hành Hoa và Cổ Thành, đồng thời cho 2 đại đội bộ binh có 12 xe tăng, xe M113 từ An Tiêm, vượt sông Vĩnh Định thọc vào phía sau làng Hành Hoa.

Từ hướng nhà thờ Tri Bưu, địch cho 1 đại đội mở mũi tiến công thứ hai.

Phát hiện địch, ta dùng cối 82, ĐKZ, 12 ly 7 của đại đội 8, đại đội 12 bắn cấp tập, chúng phải co cụm ở ngã ba đường mòn, giữ sườn để tổ chức mũi tiến công chính vào Hành Hoa. Mặc dù có 9 xe tăng đi kèm, nhưng chúng chỉ dám bò từng bước vừa đi vừa thăm dò phản ứng của đối phương. Mặc cho địch luân quân chịu ăn đạn cối ngoài bãi tha ma, đại đội 7 chờ chúng vào gần 70 - 80m mới đồng loạt nổ súng. Bị đánh mãnh liệt, địch phải lùi ra chiếm các gò mả ẩn nấp, dùng M79 bắn vào.

Ở hướng Tri Bưu quân địch bị các chốt đại đội 5 đánh bật trở lại ngay đợt đầu tiên. Quân ta kiên cường chiến đấu bám trụ mãi đến 18 giờ tối. Do đạn dược đã cạn, hầm hào sập lở nhiều, nên ta lùi về tuyến sau để chốt giữ.

Qua 1 ngày đêm chiến đấu, Tiểu đoàn 2 đã tiêu diệt gọn 1 đại đội, đánh thiệt hại 2 đại đội khác, gần 280 tên trong số đó có tên thiếu tá tiểu đoàn trưởng; bắn cháy 4 xe tăng M113, phá hủy 6 đại liên, 1 cối 81 và 1 khẩu 12 ly 7 cùng nhiều vũ khí khác. Ta chỉ có 8 đồng chí hy sinh, 13 người bị thương, chủ yếu do bom pháo.

Với chiến công xuất sắc trên, Tiểu đoàn 2 vinh dự được nhận tiếp tấm huân chương Chiến công hạng Nhất của Nhà nước khen tặng.

Như vậy từ 28 tháng 6 đến ngày 16 tháng 9 năm 1972, Trung đoàn 48 cùng với các đơn vị bạn đã trải qua 81 ngày đêm kiên cường bám trụ, liên tục chiến đấu trong hoàn cảnh khốc liệt chưa từng thấy của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Sự đổi đầu của những người lính với hàng vạn tấn đạn bom Mỹ, nguy lại càng sáng ngời lên chủ nghĩa anh hùng Cách mạng Việt Nam.

Ngay sau khi rút khỏi Thành cổ Quảng Trị, E48 tiếp tục nhận nhiệm vụ mới: phải chặn đứng quân phản kích Cánh Đông, bảo vệ vững chắc cảng Cửa Việt.

Thực hiện chủ trương này của Sư đoàn và Trung đoàn, ông Định đã cho họp

Đảng ủy, chỉ huy tiểu đoàn đề quán triệt nhiệm vụ tới cán bộ đại đội và trung đội. Tổ chức trinh sát thực địa bước vào phòng ngự ở Long Quang, xã Triệu Trạch. Đây là một địa hình trống trải, bãi cát chạy dài ra đến tận mép biển, ta và địch phòng ngự trực tiếp tiếp xúc cách nhau từ 30 đến 50 mét.

Ngày 15 tháng 12 ông Định trực tiếp về Sở chỉ huy Sư đoàn gặp Sư đoàn trưởng Sùng Lãm và đồng chí Huân - Chính ủy Sư đoàn trực tiếp giao nhiệm vụ cho Tiểu đoàn 2 đánh tiêu diệt quân địch ở khu vực xã Triệu Trạch phá thế chuẩn bị tiến công của địch đánh chiếm cảng Cửa Việt. Sau khi nhận nhiệm vụ, về tiểu đoàn đi trinh sát nắm địch trên các hướng, đêm ngày 19 rạng ngày 20 tháng 12 tiểu đoàn đồng loạt tiến công đánh địch ở làng Long Quan, Linh An dưới sự chỉ viện của hỏa lực cấp trên. Tiểu đoàn đã tiêu diệt được 1 đại đội, đánh thiệt hại 2 đại đội khác, loại khỏi vòng chiến đấu 220 tên, bắn cháy 9 xe tăng, 1 xe Jeep, phá hủy 7 đại liên, thu một số súng và lựu đạn. Đêm ngày 20 tháng 12, tiểu đoàn tiếp tục tập kích đánh bồi diệt thêm 15 tên nữa. Trận này tiểu đoàn đã hoàn thành được nhiệm vụ phá được thế tiến công của địch trước.

Ngày 27 tháng 1 địch tiếp tục tổ chức tiến công vào vị trí phòng ngự của Tiểu đoàn 2 ở Long Quang. Ông Định đã bàn cùng Chính trị viên tổ chức đánh địch suốt ngày 27 đến 13 giờ 30 phút địch co lại thành 3 cụm trước chốt đông nam An Trạch dùng 12ly8 bắn vào đội hình của ta. Ta đã sử dụng hỏa lực đánh trả quyết liệt. Tiểu đoàn được tăng cường 10 quả tên lửa chống tăng đã liên tục đánh vào đội hình xe tăng của địch làm cho chúng không thể tiến công vào đội hình phòng ngự của ta. Ta đã tiêu diệt hàng chục xe tăng của địch.

8 giờ sáng ngày 28 tháng 1 năm 1973, Hiệp định Paris có hiệu lực, Tiểu đoàn 2 và Tiểu đoàn 1 - Trung đoàn 48 đã giữ vững được trận địa phòng ngự tại thôn Long Quang, xã Triệu Trạch. Trận này ta tiêu diệt 510 tên lính thủy đánh bộ, bắn cháy 29 xe tăng. Lực lượng phòng không cấp trên bắn rơi 1 máy bay F4. Đây là trận chiến đấu hiệp đồng giữa 2 Tiểu đoàn và lực lượng du kích của xã Triệu Trạch.

Tết âm lịch 1973, Tiểu đoàn 2 được vinh dự đón nhận lẵng hoa của Bác Tôn tại chiến hào Thôn Long Quang, xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Sau đó Tiểu đoàn được lệnh bàn giao cho địa phương rút về Cửa Tùng củng cố lực lượng. Tiểu đoàn được vinh dự đón đồng chí Vũ Yên - Tư lệnh Quân khu Hữu Ngạn vào thăm.

Cùng với chiến thắng Thành cổ Quảng Trị và đánh thắng B52 trong 12 ngày đêm ở Hà Nội buộc Mỹ ngụy phải ký hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam, ngày 28 tháng 01 năm 1973. Với ông Định đó là những năm tháng không thể nào quên, biết bao máu xương của những người đồng đội của ông đã đổ xuống trên mảnh đất Quảng Trị để góp phần làm nên bản hùng ca bất diệt của dân tộc Việt Nam.

TRẦN MIÊU

(Ghi theo lời kể của cựu chiến sỹ Thành cổ Nguyễn Công Định)

MỤC LỤC

Phần thứ nhất

QUẢNG TRỊ, THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ ĐỊA DANH VÀ NHỮNG DẤU ẤN LỊCH SỬ

- Đất và người Quảng Trị 11
- Thành cổ Quảng Trị - Địa danh máu và hoa 18

Phần thứ hai

THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ HUYỀN THOẠI MÙA HÈ ĐỎ LỬA - 1972

- Cuộc chiến đấu kiên cường anh dũng của quân và dân ta trong 81 ngày đêm bảo vệ Thành cổ Quảng Trị 28
- Tiếng súng của quân và dân Quảng Trị trong trận chiến 88
- Thiên anh hùng ca về lòng dũng cảm 95

Phần thứ ba

TÊN ANH ĐÃ THÀNH TÊN ĐẤT NƯỚC

- Thư ngỏ 104
- Danh sách liệt sĩ chiến đấu bảo vệ Thành Cổ 105
- Liệt sĩ thuộc các đơn vị trực tiếp chiến đấu bảo vệ thành cổ Quảng Trị 81 ngày đêm 105
- Liệt sĩ thuộc các đơn vị chiến đấu trên các hướng tại chiến trường Quảng Trị trong thời gian bảo vệ Thành cổ 81 ngày đêm 155

Phần thứ tư

THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ MỘT THỜI VÀ MÃI MÃI

- Chí khí Anh hùng trong những ngày máu lửa 225
- Những năm tháng không thể nào quên 236
- Đặc công Hải quân với trận chiến ở Thành Cổ Quảng Trị 241
- Chiến trường Hoa Lửa 245
- Xứng với người đã khuất 248
- Tôi không thể nào những quên tháng năm ác liệt đó 252

Với sự phối hợp thực hiện của
TRUNG TÂM THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG VÀ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN và CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Huyền thoại THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ (81 ngày đêm mùa hè đỏ lửa - 1972)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

VŨ QUỐC KHÁNH

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ THỊ THU HƯƠNG

Biên tập:

PHÙNG THỊ MỸ

Thực hiện mỹ thuật:

HÀ NGUYỆT TÂM

Tạp chí **TRÍ THỨC VÀ PHÁT TRIỂN**

Địa chỉ Tòa soạn: Tầng 8 - Cung Trí thức TP Hà Nội - Phố Trần Thái Tông
Phường Dịch Vọng Hậu - Quận Cầu Giấy - Hà Nội * Tel/Fax: 043.7823798 - 043.7823799
Website: trithucvaphat trien.vn * Email: trithucvaphat trien@gmail.com

**Sách không kinh doanh, được thực hiện trong khuôn khổ
CHƯƠNG TRÌNH THỜ PHỤNG VÀ LƯU DANH
ANH HÙNG LIỆT SỸ VIỆT NAM**

Cuốn sách in khổ 70 x 100cm do Công ty CP Văn hóa Trí tuệ Việt thực hiện.

Giấy phép xuất bản số 680-2013/CXB/12-16/ThT

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10/2013.